

ERIN MORGENSTERN

Nguyễn Thị Cẩm Linh dịch

Rạp xiếc Đêm

THE NIGHT CIRCUS



Âm ảnh và bỏ bùa trên từng trang sách... Một màn trình diễn trác tuyệt."

– Báo Boston Globe



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

ERIN MORGENSTERN

Nguyễn Thị Cẩm Linh dịch

Rạp xiếc
Đêm

THE NIGHT CIRCUS

tiểu thuyết



NHÀ XUẤT BẢN TRÉ

epub©vctvegroup

14-12-2017

DỰ CẢM

Đoàn xiếc xuất hiện chẳng hề báo trước.

Không hề có thông báo ở bưu điện, không có tấm bích chương nào được dán trên các bảng hiệu trong thành phố, cũng không có lấy một dòng tin hay quảng cáo trên báo chí địa phương. Chỉ đơn giản là đoàn xiếc ở đó, trong khi mới hôm qua thôi còn trống trơn.

Những căn lều chóp nhọn căng lên từ những dải trắng và đen, tuyệt nhiên không đan xen bất cứ mảng nào của sắc vàng hoặc đỏ thắm. Không màu mè gì sất, chỉ trừ màu xanh của cây cối và đồng cỏ xung quanh. Những sọc trắng-và-đen trên nền trời xám; vô vàn những căn lều đủ mọi hình dáng, kích cỡ, với một hàng rào sắt uốn cong phủ bao quanh trong một thế giới nhợt nhạt sắc màu. Từ ngoài nhìn vào có thể thấy những mảng đen hoặc trắng, được sơn phủ hoặc vẽ bằng bột màu, hoặc được tạo nên bằng mảnh nhà nghề của dân làm xiếc.

Nhưng chưa mở cửa biểu diễn đâu nhé. Vẫn chưa.

Trong có vài tiếng đồng hồ, ai ai trong thành phố cũng nghe nhắc đến nó. Đến trưa thì tin tức đã lan sang cả mấy vùng lân cận. Những lời truyền miệng là cách loan tin còn hữu hiệu hơn cả chữ in và những dòng tít giật gân trên tờ rơi hay những tấm bích chương. Quả là một tin độc đáo và đáng chú ý, đoàn xiếc bí ẩn bất ngờ xuất hiện ấy! Người ta trầm trồ ngấm chóp đỉnh chót vót của những căn lều cao nhất. Ai cũng chăm chăm nhìn chiếc đồng hồ đặt giữa hai cánh cổng nhưng chẳng ai có thể mô tả nó một cách chính xác.

Và tấm bảng đen với những con chữ trắng treo trên cánh cổng, phô ra dòng chữ:

Mở màn khi đêm xuống
Hạ màn lúc rạng đông

“Rạp xiếc gì lại chỉ mở vào ban đêm?” người ta kháo nhau dù không ai biết rõ câu trả lời, nhưng đến lúc nhá nhem, một đám đông kha khá khán giả đã kéo nhau xúm đến trước cổng.

Bạn là một trong số họ, dĩ nhiên rồi. Lòng hiếu kỳ trong bạn đã thắng thế, vì lòng hiếu kỳ vốn luôn thắng thế như vậy. Bạn đứng trong ánh ngày đang tắt dần, khăn quàng cuốn chặt quanh cổ trong cơn gió lạnh tê khi đêm bắt đầu buông, chờ để được tận mắt chứng kiến kiểu rạp xiếc gì mà chỉ mở cửa sau hoàng hôn.

Có thể thấy rõ quầy bán vé sau cánh cổng vẫn đóng im ỉm. Những căn lều im phăng phắc, chỉ trừ những lúc khe phập phồng trong gió. Thứ chuyển động duy nhất trong rạp xiếc là những kim đồng hồ nhúc nhích mỗi phút trôi qua, nếu tuyệt tác điêu khắc đó có thể được gọi là một chiếc đồng hồ.

Khu rạp tuồng như bị bỏ hoang và trống trải. Nhưng bạn cứ ngờ ngợ hình như mình ngửi thấy mùi kẹo caramel ngọt lịm vẫn vít theo gió, lẫn trong mùi lá thu khô ngái. Hương vị ngọt ngào chênh vênh trước cái lạnh.

Vầng dương lặn hẳn xuống đường chân trời, ánh chiều chuyển từ nhá nhem sang chạng vạng. Đám đông xung quanh bạn càng lúc càng bồn chồn vì chờ đợi, một rừng những bàn chân nôn nóng, một biển những lời lầm rầm muốn bỏ cuộc vui để tìm nơi nào đó ấm áp tận hưởng buổi tối. Chính bạn cũng đang nghĩ chẳng muốn đợi thêm nữa, chính lúc ấy, điều đó xảy ra.

Trước tiên là một tiếng “bụp,” hầu như không nghe thấy vì lẫn trong gió và tiếng người nói. Âm thanh êm êm nghe như ấm nước sắp sôi để pha trà. Rồi ánh sáng. Khắp các căn lều, những đóm sáng lóe lên, toàn bộ khu rạp lung linh như thể có một đàn đom đóm cực sáng đang vỗ cánh. Đám đông chờ đợi lập tức im bật ngăm nhìn màn trình diễn ánh sáng. Ai đó đứng gần bạn đang ngạc nhiên há hốc miệng. Một cậu bé con vỗ tay đầy phấn khích trước khung cảnh đó.

Khi các căn lều đều bùng sáng rực rỡ trên nền trời đêm, dấu hiệu xuất hiện.

Ngang trên đỉnh cánh cổng, từ khoảng không giữa những thanh sắt uốn, những đốm sáng như đom đóm bung ra ngày một nhiều. Đốm sáng lóe lên cùng những tiếng “bụp” nhỏ, thỉnh thoảng kèm theo một cơn mưa những tia lửa trắng sáng và làn khói mỏng. Những người đứng gần cổng nhất lùi lại vài bước.

Ban đầu chỉ là những quầng sáng không đều. Nhưng càng tỏa sáng chúng càng trở nên rõ ràng hơn, và tụ lại với nhau thành chữ cái. Đầu tiên có thể nhận ra chữ C, rồi thêm nhiều con chữ khác. Một chữ q lẻ loi, và vài chữ e. Khi đốm sáng cuối cùng tụ lại, khói và những tia lửa đã tan hết, rút cục đã có thể thấy rõ, thông điệp nóng sáng rực rỡ này. Nghiêng người sang trái một chút sẽ thấy rõ hơn đây, bạn có thể đọc được điều này:

*Le Cirque des Rêves*¹¹

Trong đám đông có vài người mỉm cười đầy ý vị, trong khi những người khác nhíu mày và đưa ánh mắt dò hỏi nhìn những người xung quanh. Một đứa trẻ đứng gần bạn kéo tay áo mẹ nó, tha thiết hỏi dòng chữ đó nghĩa là gì.

“Rạp xiếc của những giấc mơ,” người mẹ đáp, và cô bé con nhoèn cười thích thú.

Rồi cánh cổng sắt rung rung ken két mở, dường như bằng lực đẩy của chính nó. Hai cánh cổng mở rộng, mời gọi đám đông hãy vào trong.

Giờ rạp đã mở.

Giờ mời bạn hãy bước vào.

Phần I

KHỞI NGUYÊN

Le Cirque des Rêves được tạo thành từ những hình tròn. Có lẽ đó là một cách trân trọng nguồn gốc của từ “xiếc,” phái sinh từ từ “kirkos” trong tiếng Hy Lạp, có nghĩa là vòng tròn hay sân khấu tròn. Đã có nhiều tán đồng về sự hình thành rạp xiếc theo dòng thời gian như thế, nhưng Le Cirque des Rêves khó có thể coi là một rạp xiếc truyền thống. Không chỉ là một lều bạt lẻ loi với hàng rào bao quanh, rạp xiếc này gồm những cụm lều hình dáng như kim tự tháp, một số cao lớn còn lại khá nhỏ. Những căn lều được xếp đặt giữa những lối đi vòng cung, và nằm trong vòng hàng rào tròn. Uốn lượn nối tiếp nhau.

• **FRIEDRICK THIESSEN, 1892**

Kẻ mộng mơ là người chỉ tìm đường đi nhờ ánh trăng, và sự trừng phạt đối với anh ta là nhìn thấy rặng đông khi phần còn lại của thế giới còn say ngủ.

• **OSCAR WILDE, 1888**

LÁ THƯ KHÔNG ĐỢI MÀ ĐẾN

NEW YORK, THÁNG HAI 1873

Người đàn ông mang danh Prospero Người Mê Hoặc² nhận được rất nhiều thư từ qua văn phòng nhà hát, nhưng đây là lần đầu tiên một phong thư gửi đến ông thông báo một vụ tự tử, và cũng là lần đầu tiên thư được cẩn thận ghim vào áo khoác của một bé gái lên năm.

Vị luật sư đưa cô bé đến nhà hát không chịu giải thích bất chấp sự phản đối của viên quản lý nhà hát, chỉ để cô bé lại rồi vội vã rời đi sau khi khẽ nhún vai và nhắc mũ chào một cái.

Chẳng cần đọc thư người quản lý nhà hát cũng biết cô bé này được ủy thác cho ai. Đôi mắt sáng ngược nhìn qua những lọn tóc nâu lò xo là phiên bản nhỏ hơn, tròn xoe hơn cặp mắt của vị ảo thuật gia.

Người quản lý nắm lấy tay cô bé, những ngón tay xinh hờ hững bám vào tay ông. Cô bé không chịu cởi áo khoác dù trong nhà hát rất ấm, và chỉ kiên quyết lắc đầu khi ông hỏi tại sao.

Ông đưa cô bé đến văn phòng của mình, chẳng biết phải làm gì với nó. Cô bé lặng lẽ ngồi trên một cái ghế không mấy dễ chịu, dưới một hàng những bích chương đóng trong khung, mang hình ảnh những sự kiện biểu diễn đã qua, và xung quanh là những hộp đựng vé và hóa đơn. Người quản lý nhà hát mang cho cô bé tách trà và một viên đường, nhưng trà cứ ở nguyên trên bàn, không được đụng đến, và dần nguội ngắt.

Cô bé không mảy may nhúc nhích ngo nguậy trên ghế. Nó ngồi bất động một cách hoàn hảo, hai tay đặt trên lòng. Ánh mắt một mực nhìn xuống,

chăm chăm vào đôi ủng gần như không chạm tới sàn. Có một vết trầy nhỏ ở phần mũi của một chiếc ủng, nhưng dây ủng được thắt nơ rất gọn gàng.

Chiếc phong bì dán kín vẫn được ghim ở khuyết áo thứ hai từ trên xuống của cô bé, cho đến khi Prospero tới. Cô bé nghe thấy tiếng Prospero trước khi cửa mở, bước chân ông nặng và trầm vang qua sảnh, không như người quản lý nhà hát đã đến và đi vài lần, lần nào cũng êm như mèo.

“Cũng có một... bưu kiện cho anh,” người quản lý nói khi mở cửa, kéo vị ảo thuật gia vào cái văn phòng chật chội trước khi nhanh chân lướt ra khỏi phòng để đi trông nom những sự vụ khác trong nhà hát, chẳng ham hố gì ở lại chứng kiến màn hội ngộ này.

Ảo thuật gia quét mắt khắp văn phòng, một tay cầm xấp thư, vạt áo chùng nhưng đen viền bằng thứ lụa trắng một cách đáng kinh ngạc đổ xuống sau lưng. Ông nghĩ sẽ thấy một cái hộp bọc giấy hay hòm gỗ. Chỉ khi cô bé con ngược lên nhìn bằng đôi mắt giống hệt mắt ông, thì ảo thuật gia mới vỡ lẽ viên quản lý nhà hát muốn nói đến điều gì.

Prospero Người Mê Hoặc lập tức phản ứng trước cuộc hội ngộ với con gái mình bằng một câu tỉnh queo: “Rõ của khi!”

Cô bé con chuyển sự chú ý trở lại đôi ủng.

Ảo thuật gia đóng cánh cửa sau lưng lại, thả xấp thư xuống bàn cạnh chén trà trong khi nhìn cô bé.

Ông dứt phong thư khỏi áo khoác của cô bé, mặc chiếc ghim cài còn móc ở khuy áo.

Chữ trên phong bì viết nghệ danh của ông và địa chỉ nhà hát, nhưng thư bên trong chào đón ông bằng tên thật, Hector Bowen.

Ông đảo qua nội dung thư. Nếu người viết có mong đợi thư khiến ảo thuật gia mỉm lòng đôi chút, thì người đó ắt phải hoàn toàn thất vọng. Ảo thuật gia chỉ dừng lại ở điểm duy nhất ông cảm thấy có liên quan: cô nhóc này giờ

được đặt dưới sự trông nom của ông, nó rõ ràng là con gái ông và tên nó là Celia.

“Lẽ ra bà ấy phải đặt tên con bé là Miranda chứ,” người đàn ông vẫn được biết đến với cái tên Prospero Người Mê Hoặc nói với cô con gái, rồi thích thú bật cười. “Nhưng chắc bà ấy chẳng đủ đầu óc mà nghĩ ra được cái tên ý tứ sâu xa như thế.”

Chén trà trên bàn bắt đầu rung rung. Nước trà sóng sánh mặt chén khi những vết nứt chạy ngang dọc trên bề mặt men, và rồi chiếc chén vỡ tan thành những mảnh sứ có vẽ hoa. Nước trà nguội lạnh tràn trên đĩa và nhỏ tong tong xuống sàn, để lại những vệt ướt chạy dọc theo mặt gỗ bóng loáng.

Nụ cười của ảo thuật gia vụt tắt. Ông nhúu mày liếc chiếc bàn, nước trà loang tung tóe bắt đầu tụ lại từ sàn nhà. Những mảnh nứt vỡ thu về và chấp lại quanh khối nước cho đến khi chiếc chén hoàn toàn trở lại như ban đầu, dải khói nóng khẽ cuộn lên từ mặt chén.

Cô bé con tròn mắt nhìn tách trà.

Hector Bowen nâng mặt con gái trong hai bàn tay đeo găng, chăm chú quan sát nét mặt cô bé một lúc trước khi buông ra, ngón tay ông để lại những dấu đỏ dài trên má cô bé.

“Có thể con là một đứa hay đấy,” ông nói.

Cô bé không đáp.

Vài tuần tiếp theo đó, nhiều lần ông cố đặt tên lại cho con gái, nhưng cô bé không đáp lại cái tên nào khác, trừ Celia.

• • •

VÀI THÁNG SAU, ngay khi quyết định rằng cô bé con đã sẵn sàng, vị ảo thuật gia tự tay viết một bức thư. Ông không đề địa chỉ, nhưng dù vậy thư

cũng sẽ tới đúng nơi cần đến ở bờ bên kia đại dương mà thôi.

QUÝ ÔNG ĐÁNH CƯỢC

LONDON, THÁNG MƯỜI 1873

Đêm nay là buổi cuối của một đợt công diễn khá ngắn ngủi. Lâu nay Prospero Người Mê Hoặc không bỏ bùa sân khấu London, và vé đặt chỉ cho một tuần biểu diễn, không có suất diễn buổi chiều.

Vé có giá cao ngất trời nhưng đã bán hết veo, và nhà hát chật kín người, nhiều phụ nữ cầm quạt phe phẩy trước ngực để xua bớt cái nóng đặc quánh, dù bên ngoài tiết trời thu đã lạnh.

Một khoảnh khắc trong buổi biểu diễn, từng chiếc quạt nhỏ ấy bỗng biến thành chim, cho đến khi cả một đàn chim khiến nhà hát vỡ òa trong hàng tràng vỗ tay liên tiếp. Khi mỗi con chim trở lại là chiếc quạt gấp gọn, nhẹ nhàng đáp xuống lòng đúng người chủ của mình, tiếng vỗ tay còn giòn giã hơn nữa, dù vài người quá sững sờ chẳng vỗ tay nổi, cứ trầm trồ lật đi lật lại chiếc quạt lông vũ trong tay, chẳng còn để tâm đến cái nóng nữa.

Một người đàn ông mặc bộ vét xám ngồi ở lô bên phía trái sân khấu chẳng mấy may vỗ tay. Không tán thưởng tiết mục ấy, cũng như bất cứ tiết mục nào khác trong suốt đêm diễn. Toàn bộ thời gian, ông ta quan sát người đàn ông trên sân khấu bằng ánh mắt từ tốn và không để sót chi tiết nào. Không một lần nào ông ta đưa bàn tay đi gặng lên võ. Thậm chí ông ta cũng chẳng buồn nhướn mày trước những pha xuất sắc khiến khán giả đồng loạt vỗ tay hay há hốc miệng kinh ngạc, hoặc trước những tiếng kêu đầy thảng thốt thỉnh thoảng vút lên từ những khán giả đang say sưa theo dõi.

Sau khi buổi biểu diễn kết thúc, người đàn ông mặc đồ xám thông thả đi qua đám đông khán giả ở hành lang nhà hát. Ông ta lách qua một tấm rèm,

mở cánh cửa dẫn vào phòng thay đồ ở hậu trường mà không ai hay biết. Những người phụ trách đạo cụ và phục trang chẳng mấy để mắt đến ông ta.

Ông ta gõ cánh cửa ở cuối gian sảnh bằng đầu bịt bạc của chiếc ba-toong.

Cánh cửa mở ra, dẫn vào một phòng thay đồ chật chội với gương treo khắp xung quanh, mỗi cái phản chiếu một góc của Prospero.

Áo đuôi tôm của ông vút bừa trên ghế bành bọc nhung, gi-lê không cài khuy khoác ngoài áo sơ-mi tua rua. Cái mũ chóp cao, vật nổi bật trong buổi biểu diễn, được đặt trên giá treo mũ bên cạnh.

Khi đứng trên sân khấu người đàn ông đó trông trẻ hơn, tuổi tác được vùi lấp trong ánh đèn và dưới những lớp trang điểm. Khuôn mặt trong gương giờ đã có nếp nhăn, và mái tóc đã chuyển màu muối tiêu rõ rệt. Nhưng vẫn còn nét tươi trẻ trong nụ cười giãn ra khi Prospero nhắc thấy người đàn ông đứng ở ngưỡng cửa.

“Anh không thích phải không?” ông hỏi mà không rời mắt khỏi gương, chỉ nói với hình dáng màu xám phản chiếu như một bóng ma trong gương. Ông tẩy trang phần lớn phấn trên mặt bằng chiếc khăn tay chắc trước đây có màu trắng.

“Hân hạnh được gặp anh, Hector,” người đàn ông mặc đồ xám nói, lặng lẽ đóng cánh cửa phía sau lại.

“Dám chắc rằng anh dị ứng đến từng phút một,” Hector Bowen vừa nói vừa cười lớn. “Tôi đã để ý đấy nhé, cho nên không phải chối.”

Ông quay lại và chìa một tay ra nhưng người đàn ông mặc đồ xám không bắt. Đáp lại, Hector nhún vai và vẫy mạnh mấy ngón tay, chỉ hướng bức tường đối diện. Chiếc ghế bành nhung trượt ra từ một góc đầy ních những hòm xiềng và khăn quàng, trong khi đó tấm áo đuôi tôm lơ lửng bay lên khỏi ghế như một cái bóng, ngoan ngoãn tự mắc mình vào tủ áo.

“Mời ngồi,” Hector nói. “Nhưng e là không êm ái bằng mấy cái ghế ở gác trên đâu.”

“Không thể nói rằng tôi hưởng ứng mấy màn đó,” người đàn ông mặc đồ xám nói, tháo găng tay và dùng nó phủi bụi trên ghế trước khi ngồi. “Phô diễn phép thuật dưới hình thức những trò ảo thuật và đánh lừa thị giác. Bán vé thu tiền.”

Hector giữ chiếc khăn tay đầy phấn lên mặt bàn lộn xộn những cây cọ và phấn mờ trang điểm.

“Không ai trong đám khán giả có một giây một khắc nào tin những điều tôi làm trên sân khấu là thật,” ông nói, khoa chân múa tay làm động tác về hướng sân khấu. “Cái đẹp của nó nằm ở đây. Anh có thấy những thứ đạo cụ mà đám *ảo thuật gia* vẫn tạo tác để thực hiện được những mảnh chán òm chưa? Họ chỉ như một nhóm cá khoác lên mình bộ lông vũ rồi cố huyênh hoặc công chúng rằng họ có thể bay được, còn tôi đơn giản đúng là một con chim trong số đó. Khán giả chẳng thể nhận ra điều gì khác biệt ngoại trừ trầm trồ rằng tôi là người giỏi hơn.”

“Điều đó chẳng khiến sự việc bớt nhảm nhí.”

“Những người đó xếp hàng để được mê hoặc,” Hector nói. “Tôi có thể mê hoặc họ dễ dàng hơn những người khác. Cứ để cơ hội trôi qua thì kể cũng phí. Thêm nữa kiếm được khá hơn anh nghĩ đấy nhé. Tôi mời anh một ly được chứ? Có mấy chai găm đầu đó quanh đây, nhưng không chắc là có ly đầu nhé.” Ông lục tìm đồng tạt nham trên một cái bàn, gạt sang bên một mớ báo chí và cái lồng không chim.

“Thôi, cảm ơn,” người đàn ông mặc đồ xám đáp, thay đổi tư thế ngồi trên ghế và đặt hai tay lên cán cây gậy chống. “Tôi thấy màn diễn của anh gây tò mò, và phản ứng của khán giả có chút gì đó bối rối. Anh thiếu sự chính xác.”

“Nếu muốn khán giả tin rằng tôi cũng chỉ là đồ lừa bịp thì không thể quá tinh tế được,” Hector nói và cười lớn. “Cảm ơn anh đã đến và chịu đựng buổi biểu diễn của tôi. Ngạc nhiên là anh còn tái xuất cơ đấy, tôi đã suýt hết hy vọng. Tôi đã đặt lô ghế ấy riêng cho anh trong cả tuần rồi.”

“Tôi thường không từ chối những lời mời. Trong thư anh viết có một đề nghị dành cho tôi.”

“Đúng thế!” Hector đáp, hai tay đưa nhanh vỗ đánh “bốp” một cái. “Hy vọng anh có thể tham gia cuộc chơi. Đã quá lâu rồi kể từ khi ta cùng chơi. Nhưng trước hết, anh phải gặp công trình mới của tôi đã.”

“Tôi cứ ngỡ anh đã thôi, không dạy dỗ gì nữa chứ.”

“Đã từng như vậy, nhưng đây là cơ hội duy nhất mà tôi không thể cưỡng lại được.” Hector tiến về phía cánh cửa hầu như bị che khuất sau một tấm gương đứng dài. “Celia, con yêu,” ông gọi vọng vào căn phòng liền kề rồi quay về ghế.

Lát sau, một cô bé con xuất hiện ở ngưỡng cửa, ăn mặc diêm dúa trái ngược hẳn với những thứ lem nhem bát nháo xung quanh. Tất cả các món ruy-băng và dây buộc đều hoàn hảo như một cô búp bê vừa mới được mua về, chỉ trừ mấy lọn tóc quăn bất trị nhoi ra khỏi bím tóc. Khi thấy không chỉ có mình bố, cô bé lưỡng lự, nấn ná ở ngưỡng cửa.

“Không sao đâu cưng. Lại đây, lại đây nào,” Hector nói, vẫy tay ra hiệu. “Chú này là cộng sự của bố, con không phải xấu hổ nhé.”

Cô bé bước vài bước lại gần và nhún chân chào, điệu bộ uyển chuyển không chệ vào đâu được, gấu váy tua rua khẽ chạm xuống ván sàn cũ mòn.

“Đây là con gái tôi, Celia,” Hector nói với người đàn ông mặc đồ xám trong khi đặt tay lên đầu cô bé. “Celia, đây là chú Alexander.”

“Cháu chào chú ạ,” cô bé nói, giọng nhẹ như một lời thì thầm, và trầm hơn một chút so với một bé gái ở độ tuổi này.

Người đàn ông mặc đồ xám lịch sự gật đầu.

“Bố muốn con cho chú xem con biết làm những gì,” Hector nói, lấy cái đồng hồ quả quýt bằng bạc có sợi dây đeo dài từ túi áo gi-lê ra và đặt lên bàn. “Nào, con làm xem nào.”

Cô bé tròn mắt:

“Bố đã bảo con không được làm trước mặt người khác cơ mà. Bố còn bắt con hứa.”

“Chú này không phải là *người khác*,” Hector bật cười.

“Bố còn bảo không có ngoại lệ cơ mà,” Celia vẫn phản đối.

Nụ cười vụt tắt trên môi ông bố. Ông nắm lấy hai vai cô con gái và nghiêm khắc nhìn vào mắt con, nói:

“Đây là trường hợp rất đặc biệt. Hãy biểu diễn cho chú ấy xem con có thể làm được gì, như con đã học ấy.” Ông bố đẩy cô bé về phía cái bàn có chiếc đồng hồ.

Cô bé lặng lẽ gật đầu và tập trung chú ý vào chiếc đồng hồ, hai tay chắp sau lưng.

Thoáng chốc sau, chiếc đồng hồ bắt đầu chậm chạp xoay, di chuyển theo quỹ đạo tròn trên mặt bàn, kéo theo sợi dây đeo chuyển động theo đường xoáy tròn ốc. Rồi chiếc đồng hồ bay lên khỏi mặt bàn, lơ lửng trong không trung và chòng chành như thể có lực cản của nước.

Hector nhìn sang người đàn ông mặc đồ xám xem ông ta phản ứng ra sao.

“Ấn tượng đấy, nhưng vẫn còn sơ đẳng,” người đàn ông nhận xét.

Chân mày Celia nhíu lại trên đôi mắt sẫm màu, và chiếc đồng hồ vỡ tan, những bánh răng bắn tung vào không khí.

“Celia,” người cha gọi giật.

Cô bé đỏ bừng mặt trước âm sắc lạnh trong giọng nói của bố, liền lồm lồm xin lỗi. Những bánh răng bay ngược trở lại cái đồng hồ, ráp lại vào vị trí cho đến khi nguyên vẹn như ban đầu, các kim đều đều nhích từng giây như chưa hề có chuyện gì xảy ra.

“Giờ đã có chút ấn tượng hơn,” người đàn ông mặc đồ xám thừa nhận.
“Nhưng con bé hơi nóng nảy.”

“Nó còn nhỏ,” Hector nói, vuốt đỉnh đầu Celia và tặng lời đôi mày cô bé đang nhíu lại. “Vả lại học còn chưa được một năm, đến khi nào trưởng thành thì không ai sánh bằng nó đâu.”

“Tôi có thể kiểm đại đứa trẻ nào đó ngoài đường và dạy nó làm được tương tự. Không ai sánh bằng chỉ là cách nghĩ chủ quan của anh thôi, và có thể dễ dàng bị chứng minh là nhầm.”

“Ha!” Hector thốt lên. “Vậy là anh bằng lòng chơi.”

Người đàn ông mặc đồ xám thoáng lưỡng lự rồi gật đầu. “Có chút thách thức hơn lần trước, được, có thể tôi sẽ hứng đấy. Có khả năng.”

“Tất nhiên là thách thức hơn nhiều chứ!” Hector nói. “Tôi có sẵn một thiên tài đây. Tôi không đánh cược *điều đó* với những thứ tầm thường đâu.”

“Thiên tài là một hiện tượng còn phải bàn cãi. Thiên hướng thì có thể, nhưng tài năng thiên bẩm thì cực kỳ hiếm.”

“Nó là con đẻ của tôi, tất nhiên phải có tài năng thiên bẩm rồi.”

“Chính anh nói rằng con bé phải học,” người đàn ông mặc đồ xám phản bác. “Sao anh có thể dám chắc được?”

“Celia, con bắt đầu học từ bao giờ nhỉ?” Hector hỏi mà không nhìn con.

“Từ tháng Ba ạ,” cô bé đáp.

“Năm nào hả cưng?” Hector hỏi thêm.

“Năm nay ạ,” cô bé trả lời, dù đây đúng là một câu hỏi cực kỳ dăm dớ.

“Tám tháng học,” Hector nhấn mạnh. “Chưa đến sáu tuổi đâu. Nếu tôi nhớ không nhầm, thỉnh thoảng anh cũng bắt đầu dạy học trò nhỏ hơn thế. Nếu không có khả năng thiên bẩm, rõ ràng là Celia không thể tiến bộ nhanh như vậy. Ngay từ lần thử sức đầu tiên, nó đã có thể nâng cái đồng hồ lên lơ lửng.”

Người đàn ông mặc đồ xám bắt đầu chú ý đến Celia. “Cháu vô tình làm vỡ phải không?” ông ta hỏi, hất đầu ý chỉ cái đồng hồ đang ở trên bàn.

Celia nhíu mày và đáp lại bằng cái gật đầu khẽ nhất có thể được.

“Con bé có khả năng kiểm soát rất tốt so với lứa tuổi non nớt này,” ông ta nhận xét với Hector. “Nhưng cái đầu nóng kiểu này luôn là biến rủi. Nó có thể dẫn đến hành động bột phát.”

“Nó sẽ phải trưởng thành vượt qua được hạn chế đó, hoặc sẽ phải học cách chế ngự bản thân. Đó chỉ là chuyện nhỏ thôi.”

Người đàn ông mặc đồ xám vẫn nhìn Celia không rời, nhưng khi nói thì hướng đến Hector. Đối với đôi tai của Celia, tiếng nói không còn là từ ngữ rõ ràng nữa, cô bé cau mày khi những câu trả lời của bố cô cũng chỉ là những thanh âm lộn xộn và khó tả.

“Anh muốn đánh cược chính con mình sao?”

“Nó sẽ không bại trận đâu,” Hector nói chắc nịch. “Tôi khuyên anh nên tìm một học trò mà anh có thể dẫn lòng rời xa, nếu anh chưa có sẵn đứa nào đem ra thí được.”

“Tôi đồ chừng mẹ đứa bé không có ý niệm gì về việc này phải không?”

“Đoán mò đúng đấy.”

Người đàn ông mặc đồ xám cân nhắc thêm một lúc rồi nói, và lần này cô bé vẫn không hiểu được gì.

“Tôi hiểu anh tin vào năng lực của con bé, dù tôi vẫn cho rằng ít nhất anh cũng nên tính đến khả năng con bé sẽ thua trong trường hợp cuộc đấu diễn ra theo hướng bất lợi cho nó. Tôi sẽ tìm được một đấu thủ thực sự có thể thách thức con bé. Nếu không thì tôi chẳng có lý do gì để đồng ý tham gia cuộc chơi. Chiến thắng của con bé không phải đã nằm chắc trong tay rồi đâu.”

“Rủi ro đó tôi sẵn sàng đón nhận,” Hector nói mà không buồn liếc mắt nhìn con. “Nếu anh muốn chính thức nhập cuộc tại đây và vào lúc này, thì hãy bắt đầu đi.”

Người đàn ông mặc đồ xám ngoảnh nhìn Celia, và giờ cô bé đã có thể hiểu khi ông ta lên tiếng.

“Được thôi,” ông ta gật đầu.

Celia thì thầm khi bố cô bé quay lại: “Chú ấy làm con chẳng nghe được gì.”

“Bố biết, con yêu ạ, như thế chẳng lịch sự chút nào nhỉ,” Hector nói trong khi dẫn con gái đến gần chiếc ghế, nơi người đàn ông kia chăm soi cô bé bằng đôi mắt xám nhạt như màu trang phục trên người ông ta.

“Cháu vẫn luôn làm được những việc như vậy phải không?” ông ta hỏi, đưa mắt nhìn lại chiếc đồng hồ.

Celia gật đầu, lặng lẽ đáp:

“Mẹ... mẹ bảo cháu là con của quý.”

Người đàn ông mặc đồ xám cúi xuống và thì thầm điều gì đó vào tai Celia, thấp giọng để bố cô bé không nghe được. Một nét cười khê sáng lên trên khuôn mặt cô bé. “Đưa tay phải ra,” ông nói và dựa lại vào ghế. Celia lập tức đưa tay ra, lòng bàn tay ngửa lên, không biết điều gì sẽ xảy ra. Nhưng người đàn ông mặc đồ xám không đặt gì vào tay cô bé. Thay vào đó, ông ta úp tay cô bé xuống và tháo một chiếc nhẫn bạc từ ngón tay út của mình ra. Ông lồng nó vào ngón tay đeo nhẫn của cô bé dù chiếc nhẫn quá rộng so với ngón tay mảnh dẻ. Tay kia của người đàn ông giữ lấy cổ tay Celia.

Cô bé toan mở miệng nói rằng chiếc nhẫn rất đẹp nhưng không vừa, thì chợt nhận ra nó đang co lại trên ngón tay mình.

Chưa kịp mừng rỡ thì Celia đã cảm thấy một cơn đau khi chiếc nhẫn tiếp tục thít lấy ngón tay, vòng kim loại nóng bỏng ăn vào da thịt. Cô bé vùng ra nhưng bàn tay người đàn ông mặc đồ xám giữ chặt quanh cổ tay cô.

Chiếc nhẫn mờ dần và lặn đi, chỉ để lại một vết sẹo đỏ nhạt trên ngón tay Celia.

Người đàn ông mặc đồ xám buông tay Celia ra và cô bé lùi lại, quay vào góc và chăm chăm nhìn xuống tay mình. Bố cô bé thì nói:

“Con gái ngoan lắm!”

Còn người đàn ông mặc đồ xám nói:

“Tôi cần chút thời gian chuẩn bị đấu thủ của mình.”

“Tất nhiên rồi,” Hector nói. “Cứ thong thả tìm đi.” Ông rút một chiếc nhẫn vàng từ tay mình và đặt lên bàn.

“Cái này để dành đến lúc nào tìm thấy.”

“Anh không muốn đích thân thực hiện nghi thức thiêng liêng đó sao?”

“Tôi tin anh mà.”

Người đàn ông mặc đồ xám gật đầu và rút khăn tay từ trong áo khoác ra, bọc lấy chiếc nhẫn bỏ vào túi áo mà không hề chạm vào nó.

“Hy vọng anh làm việc này không phải vì người của tôi đã thắng lần gần đây nhất.”

“Không hề,” Hector quả quyết. “Tôi nhập cuộc vì tôi có một đấu thủ có thể thắng được bất cứ ai anh chọn đối đầu với con bé, và bởi vì thời thế đã thay đổi đủ để chuyện này trở nên thú vị ra trò. Hơn nữa, tôi tin rằng kết quả chung cuộc ngã về phía tôi.”

Người đàn ông mặc đồ xám không phản bác lại, ông ta chỉ lặng lẽ quan sát Celia vẫn bằng ánh mắt thăm thẳm. Cô bé thử đi lại mấy bước để tránh đôi mắt đó nhưng căn phòng quá ư chật chội.

“Chắc trong đầu anh đã có sẵn một địa điểm thi đấu?” ông ta hỏi.

“Không hẳn,” Hector đáp. “Tôi nghĩ có lẽ sẽ vui hơn nếu có chút tự do khi lựa chọn địa điểm. Yếu tố bất ngờ, nếu anh sẵn lòng. Tôi quen một ông bầu sân khấu ở đây, tại London, ông này khoái đưa lên sàn diễn những gì bất thường. Đến lúc thích hợp, tôi sẽ rỉ ra vài chi tiết, và dám chắc rằng ông ta

sẽ mang đến thứ gì đó đúng ý ta. Chơi ở sân trung lập thì tốt hơn, dù tôi biết có thể anh muốn khởi sự từ nơi mình thông thạo.”

“Quý ông đó tên là gì?”

“Lefèvre. Chandresh Christophe Lefèvre. Người ta đồn rằng ông ta là con rơi của một vị hoàng tử Ấn Độ hay gì gì đại loại thế. Mẹ ông ta là một ả vũ công nào đó. Tôi vớt danh thiếp của ông ta đâu như trong cái đồng này. Anh sẽ thích ông ta, một người tư tưởng khá cấp tiến. Giàu có, lập dị. Hơi bị ám ảnh, có chút khó đoán, nhưng tôi cho rằng đó là một phần của phẩm chất nghệ sĩ.” Đồng giấy tờ trên cái bàn gần đó loạt soạt bát nháo cho đến khi một tấm danh thiếp bắn xuống sàn và trượt ngang căn phòng. Hector bắt lấy nó trong tay, liếc mắt đọc trước khi trao cho người đàn ông mặc đồ xám. “Tay này mở tiệc linh đình lắm.”

Người đàn ông mặc đồ xám rút tấm danh thiếp vào túi mà không đọc, rồi nói:

“Tôi chưa nghe nhắc đến ông ta bao giờ. Và tôi cũng không khoái trưng những chuyện này ra trước thiên hạ. Tôi sẽ cân nhắc.”

“Vớ vẩn, thiên hạ chính là một nửa trò vui mà! Nó đồng nghĩa với có thêm rất nhiều giới hạn, rất nhiều gia số khó khăn mà ta phải vượt qua.”

Người đàn ông mặc đồ xám suy tư một lúc rồi gật đầu. “Ta có cần giao kèo sẽ công khai với nhau không nhỉ?”

Như thế sẽ công bằng hơn, vì tôi đã biết anh chọn đấu thủ nào.”

“Chẳng cần giao kèo gì ngoài những nguyên tắc căn bản về can thiệp, và xem điều gì sẽ xảy ra,” Hector đáp. “Với lần này, tôi muốn gạt bỏ mọi ranh giới. Không giới hạn cả thời gian nữa. Thậm chí tôi sẽ nhường anh động thủ trước.”

“Hay đấy. Thỏa thuận thế. Tôi sẽ giữ liên lạc.” Người đàn ông mặc đồ xám đứng dậy, phui thứ bụi vô hình khỏi tay áo. “Rất hân hạnh được gặp quý cô Celia.”

Celia một lần nữa nhún gối chào bằng động tác hoàn hảo, suốt lúc ấy vẫn luôn dè chừng quan sát ông ta.

Người đàn ông mặc bộ vét xám nhắc mũ chào Prospero và lách qua cửa, ra khỏi nhà hát và lướt đi như một cái bóng trên đường phố đông đúc.

• • •

TRONG PHÒNG THAY ĐỔI, Hector bật cười khùng khục một mình còn cô con gái vẫn lặng lẽ đứng ở góc phòng, nhìn vết sẹo trên tay mình. Cơn đau dịu đi nhanh như chiếc nhẫn đã tan biến, nhưng vết đỏ tươi vẫn còn đó. Hector cầm chiếc đồng hồ quả quýt bằng bạc từ trên bàn lên, so giờ với đồng hồ trên tường. Ông từ tốn lên giây, chăm chú quan sát kim đồng hồ quay tròn trên mặt. “Celia,” ông nói mà không ngược nhìn con, “sao ta lại phải lên giây đồng hồ?”

“Vì cái gì cũng cần năng lượng ạ,” cô bé đã ngoan ngoãn thuộc bài, mắt vẫn không rời bàn tay mình. “Ta phải dồn nỗ lực và năng lượng vào bất cứ thứ gì ta muốn thay đổi.”

“Giỏi lắm,” ông lắc nhẹ cái đồng hồ và bỏ lại vào túi áo.

“Sao bố lại gọi chú đó là Alexander?” Celia hỏi.

“Hỏi ngược.”

“Không phải tên chú ấy mà.”

“Giờ sao con lại biết điều đó?” Hector hỏi con gái, nâng cằm cô bé lên và nhìn thẳng vào đôi mắt sẫm màu của con.

Celia mở to mắt nhìn lại, không biết phải giải thích thế nào. Trong đầu cô bé cứ lật đi lật lại ấn tượng về người đàn ông mặc bộ vét xám với đôi mắt sáng màu, dáng vẻ khắc nghiệt, và cố tư duy tại sao cái tên đó không ăn nhập gì với ông ta.

“Đó không phải là tên thật của chú ấy,” cô bé nói. “Không phải cái tên chú ấy luôn mang. Chỉ là một cái tên chú ấy mang như đội mũ, nếu muốn thì có thể không đội nữa. Như cái tên Prospero dành cho bố vậy.”

“Con còn xuất sắc hơn ta mong đợi đấy,” Hector thích thú, quên cả phủ nhận hay khẳng định những suy luận của cô bé về danh xưng của người đồng sự. Ông nhắc cái mũ chóp cao khỏi giá và đội lên đầu con, mũ sụp xuống như cái lồng lỵa đen, che đi ánh mắt đầy thắc mắc của cô bé.

NHỮNG GAM XÁM

LONDON, THÁNG GIÊNG 1874

Tòa nhà màu xám như via hè bên dưới và bầu trời phía trên, lúc ẩn lúc hiện như những đám mây, như thế nó có thể tan biến vào không trung mà không ai hay. Tường đá xám chẳng có gì đặc biệt khiến tòa nhà như lẫn vào khung cảnh xung quanh, trừ một tấm biển rỉ mèm treo trên cửa. Thậm chí bà hiệu trưởng ở bên trong cũng mặc tuyền một màu đen như than.

Ấy vậy mà người đàn ông mặc đồ xám như không ăn nhập với khung cảnh ấy.

Đường cắt may trên trang phục ông ta quá gọn gàng. Đôi găng tay trắng tinh đặt trên cán ba-toong sáng bóng. Ông nói tên nhưng bà hiệu trưởng hầu như quên ngay, và quá xấu hổ không dám bảo ông nhắc lại. Sau đó, khi phải ký giấy tờ, chữ ký của ông uốn lượn đến mức không thể đọc được, và vài tuần sau văn bản đã ký đó sẽ bị thất lạc.

Ông trình bày những tiêu chí kỳ lạ mà ông đang tìm kiếm. Bà hiệu trưởng bối rối, nhưng sau vài câu hỏi và vài lời giải thích, bà dẫn ba đứa trẻ đến trước ông: hai bé trai và một bé gái. Người đàn ông muốn được nói chuyện riêng với từng đứa và bà hiệu trưởng miễn cưỡng đồng ý. Cậu bé đầu tiên chỉ tiếp chuyện trong vài phút trước khi bị từ chối. Khi cậu đi qua sảnh, hai đứa trẻ kia nhìn cậu ý muốn biết phải chuẩn bị tinh thần như thế nào, nhưng cậu bé chỉ lắc đầu.

Cô bé bị giữ lại lâu hơn, nhưng cũng không được nhận, vâng trán cô bé nhăn lại vì bối rối.

Rồi cậu bé còn lại được đưa vào phòng để nói chuyện với người đàn ông mặc đồ xám. Cậu được bảo hãy ngồi xuống cái ghế trước bàn giấy, trong khi

người đàn ông đứng gần đó.

Cậu này không nhấp nhúm như cậu bé đầu tiên mà ngồi yên lặng và kiên nhẫn, đôi mắt màu xanh lục ánh xám tinh ý quan sát mọi chi tiết của căn phòng và người đàn ông, ánh nhìn tinh táo nhưng không chòng chọc sẫm soi. Mớ tóc sẫm màu của cậu được cắt qua loa, như thể người thợ cắt tóc đã lơ đãng khi làm việc, nhưng có vẻ cũng có chút nỗ lực làm nó gọn gàng lại. Quần áo của cậu bé đã cũ sờn nhưng được giữ gìn cẩn thận, dù quần dài đã ngắn cũn, trước đây chắc từng có màu tím than hoặc nâu hoặc xanh lá cây, nhưng giờ đã bạc phếch nên chẳng biết chính xác được.

“Cậu ở đây bao lâu rồi?” người đàn ông hỏi sau một lúc lặng lẽ quan sát bộ dạng xoàng xĩnh của cậu bé.

“Cháu toàn ở đây thôi ạ,” cậu bé đáp.

“Cậu mấy tuổi rồi?”

“Tháng Năm này cháu sẽ lên chín ạ.”

“Trông cậu nhỏ hơn tuổi.”

“Cháu không nói dối đâu.”

“Tôi không có ý nói vậy.”

Người đàn ông mặc đồ xám tiếp tục chăm chú nhìn cậu bé thêm một lúc nữa mà không nói lời nào.

Cậu bé nhìn lại.

“Tôi cho là cậu biết đọc phải không?” người đàn ông hỏi.

“Cháu thích đọc,” cậu bé đáp.

“Ở đây chẳng đủ sách.”

“Cháu đã đọc hết tất cả rồi.”

“Tốt.”

Chẳng nói chẳng rằng, người đàn ông mặc đồ xám ném cây ba-toong của mình về phía cậu bé. Cậu giơ một tay lên bắt mà không hề giật mình, dù mắt cậu bối rối nheo lại khi hết nhìn cây gậy lại ngó sang người đàn ông. Người đàn ông gật đầu với chính mình và lấy lại cây gậy chống, rút một chiếc khăn tay nhạt màu ra khỏi túi và lau dấu vân tay của cậu bé in trên đó. Ông ta nói: “Rất tốt. Cậu sẽ theo học ta. Ta bảo đảm rằng ta có rất nhiều sách. Ta sẽ sắp đặt mọi việc cần thiết, rồi chúng ta lên đường.”

“Cháu có được lựa chọn không ạ?”

“Cậu muốn ở lại đây sao?”

Cậu bé cân nhắc trong chốc lát rồi đáp:

“Không ạ.”

“Tốt lắm.”

“Ông không muốn biết tên cháu ư?” cậu bé hỏi.

“Những cái tên chẳng quan trọng như người ta vẫn tưởng,” người đàn ông mặc đồ xám nói. “Ở đây hoặc những người từng là cha mẹ cậu cần một cái mác để nhận biết cậu, nhưng ta chẳng quan tâm và nó cũng chẳng có ý nghĩa gì với ta. Nếu bất cứ khi nào cảm thấy cần một cái tên, cậu cứ tự tìm cho mình một cái. Còn bây giờ thì chẳng cần thiết.”

Cậu bé được cho về thu dọn mấy món đồ mọn, bỏ cả vào một cái túi con. Người đàn ông mặc đồ xám ký các giấy tờ và đáp lại những câu hỏi của bà hiệu trưởng bằng những lời mà bà hoàn toàn chẳng hiểu gì, nhưng bà không phản đối cho cậu bé rời trường.

Khi cậu bé đã sẵn sàng, người đàn ông mặc đồ xám đưa cậu ra khỏi tòa nhà màu xám, và không hề quay lại.

BÀI HỌC PHÉP THUẬT

1875-1880

Celia lớn lên trong hết nhà hát này đến nhà hát khác. Nhiều nhất là ở New York, nhưng còn trải rộng cả ở những thành phố khác. Boston. Chicago. San Francisco. Thi thoảng là những chuyến đi đến Milan, Paris hay London. Tất cả quay cuồng trong một màn sương mờ ảo của mùi ẩm mốc, những tấm màn nhung và mùn cửa, đến mức đôi khi cô không nhớ rõ mình đang ở đâu, mà thực ra ở đâu thì cũng chẳng có ý nghĩa gì.

Bố đưa Celia đi khắp nơi từ khi cô còn nhỏ, trưng cô bé ra như một con cún con được cưng chiều trong mớ váy áo đắt tiền, để đồng nghiệp và người quen của ông phải hết lời tán thưởng trong các quán rượu sau mỗi buổi biểu diễn.

Khi thấy con gái đã cao lớn, không còn phù hợp để là một món trang sức đáng yêu nữa, ông bắt đầu bỏ cô lại ở phòng thay đồ trong nhà hát hay các khách sạn.

Hàng đêm cô đều tự hỏi chẳng biết bố có về không, nhưng ông luôn trở về vào những giờ trái khoáy, thi thoảng khẽ vuốt tóc con gái khi cô giả vờ ngủ, còn lại hoàn toàn chẳng để ý gì.

Những bài học của Celia không còn theo trật tự như trước nữa. Trước đây bố thường bảo cô học theo giờ giấc được sắp xếp trước, dù có thể không đều đặn; còn bây giờ ông thường xuyên kiểm tra cô, nhưng không bao giờ trước mặt người khác.

Thậm chí những việc đơn giản như buộc dây giày, bố cũng không cho Celia làm bằng tay. Cô phải nhìn xuống chân, lặng lẽ điều khiển dây giày tự

buộc và tháo những chiếc nơ dài ngắn lộn xộn, mặt mũi nhăn nhó những khi dây thắt lại thành những nút rối nùi.

Bố chẳng mấy hồ hởi mỗi khi cô đặt câu hỏi. Cô đã luận ra được rằng người đàn ông mặc đồ xám mà bố cô gọi là Alexander đó cũng có một người học trò, và sẽ có một trò chơi gì đó. Một lần cô đã hỏi:

“Như chơi cờ vua ấy ạ?”

“Không,” bố cô đáp. “Không giống cờ vua đâu.”

• • •

CẬU BÉ LỚN LÊN trong một ngôi nhà mặt phố ở London. Cậu chẳng gặp ai, thậm chí đến bữa thì đồ ăn được đưa tới qua cửa phòng, trên những chiếc khay được đậy kín, và cũng biến mất theo cách tương tự. Mỗi tháng một lần, một người đàn ông không bao giờ mở miệng nói chuyện tới cắt tóc cho cậu. Mỗi năm một lần, cũng người đàn ông đó đến lấy số đo của cậu để may quần áo mới.

Hầu hết thời gian cậu dành để đọc. Và viết, tất nhiên rồi. Cậu chép lại những đoạn văn trong sách, viết ra những từ ngữ và ký hiệu mà thoát đầu cậu chẳng hiểu gì, nhưng dần trở nên thân quen gần gũi ngay dưới những ngón tay lem mực của cậu, dần định hình thành những dòng đều đặn ngay ngắn. Cậu đọc những mẫu chuyện lịch sử, thần thoại và tiểu thuyết. Cậu từ tốn học những ngôn ngữ khác, dù có chút khó khăn khi luyện nói.

Thi thoảng có những chuyến thăm bảo tàng và thư viện, vào những giờ vắng vẻ ít khách. Cậu bé mê mẩn những chuyến đi ấy, vừa vì những điều được mục kích trong những công trình đó, vừa vì được thoát khỏi nhịp sinh hoạt đều đặn thường ngày. Nhưng chẳng có mấy dịp được thả lỏng như thế, và cậu chưa bao giờ được phép một mình ra khỏi nhà.

Người đàn ông mặc đồ xám ngày nào cũng đến, thường mang theo một chồng sách, dành đúng một tiếng đồng hồ giảng giải những điều mà cậu bé không chắc có bao giờ tự mình sẽ hiểu được chính xác.

Chỉ duy nhất một lần cậu hỏi khi nào mình thực sự được phép làm điều gì đó, như những điều người đàn ông mặc đồ xám vài lần hiếm hoi đã đích thân thực hiện trong những bài học theo thời khóa biểu rất nghiêm khắc.

“Khi cậu sẵn sàng” là câu trả lời duy nhất mà cậu nhận được.

Dường như cậu còn chưa được cho là sẵn sàng trong một khoảng thời gian nữa.

• • •

NHỮNG CON BỒ CÂU xuất hiện trên sân khấu và đôi khi bay lên từ hàng ghế khán giả trong những buổi biểu diễn của Prospero thường được nhốt trong những chiếc lồng sắt uốn cầu kỳ, và được chuyển đến nhà hát cùng với đồng hành lý, đạo cụ.

Cửa ra vào bật mở đánh “rầm” rồi cả núi hòm xiêng ùn vào phòng thay đồ của vị ảo thuật gia, trên cùng là cái lồng đầy nhóc bồ câu.

Lũ hòm xiêng tự động sắp xếp lại cho ngay ngắn, nhưng Hector với ngay lấy lồng bồ câu, quan sát xem có hư hại gì không.

Lũ bồ câu chỉ đang sa sầm mặt mày vì vừa bị lộn tùng phèo trong đồng đồ đạc, nhưng có một con rõ ràng đã gãy cánh. Hector cẩn thận lấy con chim ra khỏi lồng, những thanh nan bị xô gãy tự liền lại khi ông đặt cái lồng xuống.

“Bố có chữa được cho con chim không ạ?” Celia hỏi.

Người cha nhìn con bồ câu bị thương rồi nhìn sang con gái, chờ đợi cô đặt một câu hỏi khác.

“Con có chữa được cho nó không ạ?” cô hỏi sau thoáng chốc.

“Thử xem nào,” người cha nói và trao con chim cho con gái.

Celia nhẹ nhàng vuốt ve con bồ câu đang run rẩy, cô chăm chú quan sát bên cánh bị thương.

Con chim kêu một tiếng đau đớn và nghèn nghẹn, khác hẳn tiếng gù êm ái hàng ngày.

“Con không thể làm được,” Celia ngân ngấn nước mắt, giơ con chim trả lại cho bố.

Hector đón lấy con bồ câu và lập tức bẻ cổ nó, không mảy may bận tâm khi Celia thét lên phản đối. Ông nói: “Sinh linh tuân theo những qui tắc riêng. Con nên luyện tập với thứ gì đó cơ bản hơn.” Ông vớ lấy con búp bê duy nhất của Celia trên cái ghế gần đó và vứt luôn xuống sàn, phần đầu bằng sứ lập tức nứt vỡ.

Ngày hôm sau, khi Celia mang cho bố xem con búp bê đã được phục hồi hoàn hảo, ông chỉ gạt đầu tỏ ý đã biết, rồi vẫy tay bảo cô đi, để ông tiếp tục chuẩn bị trước khi lên sân khấu.

“Lẽ ra bố đã có thể cứu con chim,” Celia nói.

“Thế thì con chẳng học được gì,” Hector đáp. “Con cần phải hiểu giới hạn của bản thân để có thể vượt qua những giới hạn đó. Con rất muốn thắng, phải không nào?”

Celia gạt đầu, nhìn xuống con búp bê. Chẳng có dấu hiệu nào cho thấy nó từng bị hư hại, không có bất cứ vết rạn nào trên khuôn mặt mỉm cười vô tư lự.

Cô ném búp bê xuống dưới gầm ghế và không mang nó theo khi họ rời nhà hát.

• • •

NGƯỜI ĐÀN ÔNG MẶC ĐỒ XÁM đưa cậu bé đi Pháp một tuần. Không hẳn là một kỳ nghỉ, chuyến đi không được báo trước và cái va-li nhỏ được chuẩn bị mà cậu không hề hay biết.

Cậu hình dung chắc hẳn sẽ có hình thức bài học nào đó được kết hợp trong chuyến đi, nhưng hóa ra không có. Sau ngày đầu tiên, cậu tự hỏi phải chăng chỉ việc thăm thú thưởng thức các món ăn, mê mẩn bánh mỳ mới ra lò giòn tan trong những hiệu *boulangeries*^[3] với đủ các loại pho-mát trên đời.

Họ đến thăm những bảo tàng yên tĩnh vào giờ vắng khách. Cậu bé cố hết sức nhưng không tài nào bước được êm như ru qua các gian trưng bày như người thầy, nên ngại ngừng khi mỗi lần mình đặt gót lại có tiếng động vang lên. Cậu xin một cuốn sổ ghi chép nhưng ông thầy nhất quyết rằng cậu phải cố gắng lưu giữ hình ảnh bằng trí nhớ của mình.

Một tối nọ, cậu bé được đến nhà hát.

Cậu nghĩ chắc sẽ được xem kịch hoặc múa ba-lê, nhưng hóa ra màn trình diễn lại rất khác thường.

Người đàn ông trên sân khấu, một gã tóc vuốt mượt và để râu quai nón, với đôi găng trắng cử động như chim trên nền bộ vét đen, trình diễn những ngón đánh lừa sơ đẳng và thủ thuật thô kệch. Chim biến mất khỏi những cái lồng có đáy giả, khăn tay rút từ túi ra sẽ được giấu lại vào cổ tay áo.

Cậu bé theo dõi vị ảo thuật gia và số khán giả không mấy đông đúc một cách hiếu kỳ. Có vẻ họ cũng thích những trò bịp đó, thỉnh thoảng lại lịch sự vỗ tay tán thưởng.

Sau buổi biểu diễn, cậu bé hỏi thầy, và câu trả lời là vấn đề này sẽ chưa được bàn đến cho tới khi họ trở về London vào cuối tuần.

Tối hôm sau, cậu bé được tới một nhà hát lớn hơn, và một lần nữa phải một mình theo dõi buổi diễn. Khán giả chật cứng khiến cậu hồi hộp, cậu chưa bao giờ ở giữa đám đông lớn đến vậy.

Người đàn ông trên sân khấu có vẻ đứng tuổi hơn vị ảo thuật gia đêm hôm trước. Trang phục đẹp hơn và cử động của ông ta chính xác hơn. Mỗi tiết mục không chỉ lạ mà còn rất cuốn hút.

Những tràng vỗ tay nhiệt thành thán phục chứ không vì lịch sự.

Và ảo thuật gia này không giấu khăn trong cổ tay áo. Chim xuất hiện từ mọi vị trí và không hề bị nhốt trong lồng. Có những ngón nghề mà cậu bé chỉ gặp trong những bài học của mình. Những thủ thuật và ảo giác mà cậu đã được dặn đi dặn lại rằng phải giữ bí mật.

Chính cậu cũng vỗ tay khi Prospero Người Mê Hoặc cúi chào lần cuối.

Một lần nữa, thầy của cậu không chịu giải đáp câu hỏi nào cho đến khi họ về tới London.

Trở lại căn nhà phố, quay về nhịp sinh hoạt đều đặn như thể chưa từng bị gián đoạn, đầu tiên người đàn ông mặc đồ xám bảo cậu bé hãy chỉ ra sự khác biệt giữa hai màn trình diễn.

“Người đầu tiên dùng gương và kỹ xảo phụ trợ, khiến khán giả nhìn đi chỗ khác khi ông ta muốn che giấu gì đó, do vậy tạo nên hiệu ứng ảo. Người thứ hai, tên giống vị công tước trong vở *Cơn bão*, cũng giả vờ thực hiện những điều tương tự, nhưng ông ta không dùng đến gương hay mảnh khoe. Ông ta làm như thầy vẫn làm.”

“Rất tốt.”

“Thầy có biết ông ta không ạ?” cậu bé hỏi.

“Ta biết ông ấy từ rất lâu rồi.”

“Ông ta có dạy những thứ đó không ạ, như thầy đã dạy con ấy?”

Ông thầy gật, nhưng không giải thích gì thêm.

“Sao khán giả lại không nhận ra sự khác biệt ạ?” cậu bé hỏi. Rõ là cậu nhận thấy sự khác biệt, dù không cắt nghĩa được tại sao. Rõ là đôi mắt cậu quan sát thấy, và cậu cảm nhận được gì điều gì đó trong bầu không khí.

“Con người chỉ nhìn những gì họ muốn nhìn. Và trong phần lớn trường hợp, những gì họ được bảo rằng họ thấy.”

Hai thầy trò không tiếp tục thảo luận vấn đề đó nữa. Dù sau đó thi thoảng vẫn có một số kỳ không hẳn là nghi, nhưng cậu bé không được đưa đi xem vị ảo thuật gia nào nữa.

• • •

PROSPERO NGƯỜI MÊ HOẶC dùng một con dao nhíp cửa banh đầu ngón tay con gái ra, từng ngón một, lặng lẽ quan sát cô bé kêu khóc cho đến khi cô đủ bình tĩnh làm lành vết thương, từng giọt máu chậm chậm trôi ngược vào da thịt.

Da khép miệng vết thương, những đường vân tay tìm lại với nhau, và những đầu ngón tay lành trở lại như ban đầu.

Hai vai Celia rũ xuống, giãn khỏi sự căng thẳng vừa trói chặt lấy chúng, cô bé thở phào vì đã tự mình cầm máu được.

Người cha chỉ cho con gái tạm nghỉ chốc lát, rồi lại tiếp tục cửa toác từng đầu ngón tay vừa lành lại ấy.

• • •

NGƯỜI ĐÀN ÔNG MẶC ĐỒ XÁM rút cái khăn tay trong túi ra và vút xuống bàn. Nghe một tiếng “cách” nhẹ, có thứ gì đó nặng hơn lụa nằm giữa những nếp khăn. Ông ta tung miếng lụa vuông ấy lên, để lộ ra thứ ở trong, chỉ một chiếc nhẫn vàng rơi xuống, lăn trên mặt bàn. Chiếc nhẫn hơi xỉn, được khắc thứ gì đó trông như tiếng Latin, cậu bé nghĩ vậy, nhưng nét chữ uốn lượn quá nên cậu không đọc nổi.

Người đàn ông mặc đồ xám nhét lại vào túi chiếc khăn tay giờ không còn gói gì ở trong nữa. Ông nói:

“Hôm nay chúng ta sẽ học về sự gắn kết.”

Khi bài học đến đoạn cần biểu diễn thực hành, ông hướng dẫn cậu tự đeo nhẫn. Ông không bao giờ chạm vào cậu, bất kể hoàn cảnh nào.

Cậu bé cố rút chiếc nhẫn ra khỏi ngón tay mình nhưng chỉ vô ích, vì chiếc nhẫn đã tan hòa vào da thịt cậu.

“Gắn kết là vĩnh cửu, cậu bé của ta ạ,” người đàn ông mặc đồ xám nói.

“Gắn kết con với cái gì ạ?” cậu bé hỏi, nhú mày nhìn nơi chỉ tích tắc trước chiếc nhẫn còn hiện hữu.

“Một nghĩa vụ cậu phải thực hiện, và một người cậu sẽ chưa gặp trong một thời gian nữa. Vào thời điểm này, chi tiết cụ thể không quan trọng. Đây chỉ là chút thủ tục cho phải phép thôi.”

Cậu bé chỉ gật và không hỏi gì thêm, nhưng đêm hôm đó, khi chỉ còn một mình và không ngủ được, hàng giờ liền cậu chăm chăm nhìn tay mình trong ánh trăng, tự hỏi không biết con người được gắn kết với cậu là ai.

• • •

CÁCH ĐÓ HÀNG NGÀN DẶM, tại một nhà hát chật ních khán giả, rung chuyển trong những tràng vỗ tay như pháo ran dành cho người đàn ông trên sân khấu, trốn trong bóng tối giữa những món đạo cụ không còn được dùng đến nữa ở cánh gà, Celia Bowen cuộn tròn mình và khóc.

LE BATELEUR^[4]

LONDON, THÁNG NĂM – THÁNG SÁU 1884

Khi cậu bé ngày nào chuẩn bị thành chàng thanh niên mười chín tuổi, người đàn ông mặc đồ xám chuyển nhà cho anh mà không hề báo trước, đưa anh đến ở trong một căn hộ vừa phải, nhìn ra Bảo tàng Anh quốc.

Thoạt đầu anh nghĩ chỗ này chắc chỉ để ở tạm. Gần đây anh đã được đi những chuyến kéo dài hàng tuần, thậm chí hàng tháng, tới Pháp, Đức và Hy Lạp, lấp đầy bằng bài vở hơn là rong chơi thưởng ngoạn. Nhưng hóa ra đây không phải là một trong những kỳ không hẳn là nghỉ trong những khách sạn xa hoa.

Đó là một căn hộ giản dị với đồ dùng thiết yếu, rất giống những căn phòng anh từng ở khi xưa, nên hầu như không có cảm giác gì là nhớ nhà. Nhưng anh nhớ cái thư phòng cũ, dù lượng sách trong căn hộ mới cũng là một con số ấn tượng.

Có một tủ treo đầy những bộ vét đen cắt may rất khéo nhưng chẳng có gì đặc biệt. Áo sơ-mi trắng phẳng phiu. Một hàng mũ quả dưa được làm riêng cho anh.

Anh muốn biết khi nào thì cái điều vẫn được nhắc đến là thử thách của anh sẽ bắt đầu. Người đàn ông mặc đồ xám sẽ không trả lời, dù rõ ràng việc chuyển nhà đồng nghĩa với chấm dứt những buổi học theo thời gian biểu giữa hai thầy trò.

Thay cho những giờ học, chàng trai tiếp tục tự tìm tòi. Anh lập những cuốn sổ ghi đầy các biểu tượng và ký tự, đọc lại những ghi chép cũ và cố gắng hiểu bằng được những cái mới. Lúc nào anh cũng mang theo mình những cuốn sổ nhỏ, khi nào viết hết thì chép sang những cuốn lớn hơn.

Anh bắt đầu với mỗi cuốn sổ theo cùng một cách: vẽ một cái cây rất tinh tế bằng mực đen trên trang bìa. Từ đó những cành nhánh đen lan sang từng trang, kết nối những đường nét hình thành nên các con chữ và biểu tượng, trang nào cũng được viết hoặc vẽ hầu như kín bằng mực đen. Cổ ngữ, chữ viết, ký tự, tất cả đều đan cài vào nhau và gắn kết với cái cây được vẽ đầu tiên.

Có đến cả một rừng cây như vậy, nằm ngay ngắn trên các giá sách của anh.

Anh luyện tập những gì đã được dạy, dù khó có thể đánh giá khi mình tìm cách mê hoặc chính mình thì tác dụng được đến đâu. Anh phải bỏ ra vô số thời gian quan sát những hình ảnh phản chiếu trong gương.

Không còn bị thời khóa biểu bó buộc, cũng không còn bị cấm cung sau cánh cửa và ổ khóa, anh bắt đầu đi dạo rất lâu trong thành phố. Hòa mình vào đám đông cũng có chút căng thẳng, nhưng cái thú vui được ra khỏi nhà bất cứ lúc nào mình muốn đã thắng được nỗi sợ hãi vô tình và phải một khách bộ hành trong khi cố gắng sang đường.

Anh ngồi trong công viên và quán cà phê, quan sát những người chẳng mấy chú ý đến anh bởi anh lẫn vào đám những chàng trai mặc kiểu áo vét và đội kiểu mũ quả dưa na ná nhau.

Một buổi chiều nọ, anh quay về ngôi nhà phố xưa, nghĩ bụng chắc chẳng có gì quá đáng nếu đến thăm thầy và đơn giản là cùng nhau uống tách trà. Nhưng ngôi nhà không có người ở và cửa sổ bị ván gỗ đóng kín bên ngoài.

Trên đường quay về căn hộ, anh rút tay vào túi và không thấy cuốn sổ đâu.

Anh đứng khựng lại trên vỉa hè đông đúc, buột miệng chửi thề khiến một phụ nữ đi ngang qua phải cau mày nhăn nhó.

Anh quay ngược lại đoạn đường vừa đi, càng đi lòng càng lo lắng.

Một cơn mưa nhẹ rơi xuống, chẳng hơn sương mù là bao, nhưng lác đác những chiếc ô đã căng ra trong đám đông. Anh kéo vành mũ xuống thấp hơn để mưa không vào mắt, tiếp tục tìm kiếm những vỉa hè đang ướt dần, xem cuốn sổ có rơi đâu không.

Anh dừng lại ở góc phố, dưới hiên một quán cà phê, ngược nhìn đèn đường bắt đầu nhá lên, tự hỏi có nên đợi cho đường phố bớt đông đúc hoặc mưa to lên không. Rồi anh nhận thấy một cô gái đứng cách đó mấy bước, cũng trú dưới một mái hiên, đang chăm chú đọc một cuốn sổ mà anh dám chắc chính là của mình.

Cô gái khoảng mười tám, có thể trẻ hơn một chút. Đôi mắt sáng màu, còn màu tóc rất khó nói chính xác là vàng hay nâu. Bộ váy cô mặc trông như thời trang hai năm trước, giờ thấm ẫm vì mưa.

Anh bước lại gần nhưng cô gái không để ý, vẫn đứng dán mắt vào cuốn sổ. Thậm chí cô còn tháo một bên găng tay ra cho dễ lật giở những trang giấy mỏng manh. Giờ anh có thể khẳng định đó chính là sổ của mình, được mở ra ở trang có dán lá bài in hình những sinh vật có cánh đang bò trên một vòng bánh xe. Chữ viết tay của anh kín trên lá bài và cả phần giấy xung quanh, gắn kết lá bài với những đoạn viết trên giấy.

Anh quan sát nét mặt cô gái khi cô lật từng trang, một cảm giác đan xen giữa bối rối và tò mò.

“Tôi tin rằng cô đang giữ cuốn sổ của tôi,” anh nói sau hồi quan sát. Cô gái giật mình ngạc nhiên, suýt buông cuốn sổ nhưng đã kịp giữ lại được, dù khi đó găng tay của cô rơi xuống vỉa hè. Anh cúi xuống nhặt, và khi anh giữ phẳng chiếc găng, trao lại cho chủ nhân, cô gái có vẻ bất ngờ trước nụ cười anh dành cho cô.

“Xin lỗi,” cô gái nói, nhận lại chiếc găng và lập tức cúi trả anh cuốn sổ. “Anh đánh rơi trong công viên, tôi đã cố đuổi theo anh để trả lại nhưng giữa đường chẳng thấy anh đâu, nên tôi... tôi xin lỗi,” cô ngừng lời, có vẻ bối rối.

“Không sao đâu,” anh nói, thở phào vì đã lấy lại được cuốn sổ. “Tôi chỉ sợ bị mất luôn, thế thì thật là xui xẻo. Thật vô cùng biết ơn cô, cô...?”

“Martin,” cô đáp, nghe như một lời nói dối. “Isobel Martin.” Kèm theo đó là ánh mắt dò hỏi, đợi anh nói tên.

“Marco,” anh nói. “Marco Alisdair.”

Cái tên nghe xa lạ trên môi anh, chỉ có dăm ba lần thừa thốt anh thốt ra cái tên ấy. Anh ghép tên riêng của mình với biệt danh của thầy, từng viết cái tên ấy nhiều đến mức nó như đã thành tên anh, nhưng thối âm thanh vào chữ cái lại là một cảm giác hoàn toàn khác.

Isobel dễ dàng đón nhận cái tên ấy càng khiến anh cảm thấy nó rất thật.

“Hân hạnh được biết anh, anh Alisdair,” cô gái nói. Anh nên cảm ơn cô, giữ cuốn sổ rồi về, đó là việc sáng suốt nên làm. Nhưng thực lòng anh không muốn quay về căn hộ trống trải của mình lắm.

“Tôi xin phép mời cô món đồ uống gì đó để tỏ lòng cảm ơn của tôi được không, cô Martin?” anh hỏi, sau khi thả cuốn sổ lại vào túi.

Isobel lưỡng lự, dường như cô gái biết không nên nhận lời mời của nam giới lạ mặt ở một góc phố nhá nhem, nhưng trước sự ngạc nhiên của anh, cô gật đầu nói:

“Rất sẵn lòng, cảm ơn anh.”

“Hay quá,” Marco nói. “Nhưng có những quán cà phê khác tốt hơn chỗ này,” anh trở ô cửa sổ ngay cạnh họ, “phải đi một đoạn vừa vừa thôi, nếu cô không ngại đi bộ trong lúc ướt át này. Tôi e là mình không mang ô theo.”

“Không sao ạ,” Isobel đáp. Marco giơ cánh tay ra và cô gái vòng tay khoác. Họ bước đi trên phố trong làn mưa bụi nhẹ nhẹ.

Họ đi qua một, hai khu nhà rồi rẽ vào một ngõ nhỏ. Marco có thể cảm nhận được sự căng thẳng của cô gái trong bóng tối, nhưng cô trở nên thư thái khi anh dừng lại trước một ngưỡng cửa được chiếu sáng đàng hoàng, cạnh một cửa sổ kính màu. Anh giữ cửa mở cho cô khi họ bước vào một

quán cà phê xinh xắn, từ vài tháng nay đã là chỗ yêu thích của anh, một trong số ít những nơi ở London anh cảm thấy thực sự thư giãn.

Nến cắm trên giá thủy tinh, đặt ở bất cứ chỗ nào có thể đặt được, tỏa ra những quầng sáng lung linh, còn những bức tường sơn màu đỏ thắm. Chỉ có vài vị khách thân mật ngồi bên nhau, còn lại rất nhiều bàn trống. Hai người ngồi xuống một bàn nhỏ bên cửa sổ. Marco vẫy người phụ nữ sau quầy phục vụ, bà mang đến hai ly Bordeaux, đặt chai rượu trên bàn bên cái bình có cắm một bông hồng vàng.

Mưa tí tách va vào trên cửa sổ, hai người ý tứ nói với nhau những chuyện gẫu vô thưởng vô phạt. Marco rất dè dặt về bản thân, và Isobel cũng đáp lại với cung cách tương tự.

Khi anh hỏi cô có muốn dùng đồ ăn gì không, lời từ chối lịch sự của cô đã phản bội sự thật rằng cô đang đói ngấu. Anh lại ra hiệu với người phụ nữ sau quầy phục vụ, vài phút sau bà ta đem đến một khay pho-mát, trái cây và bánh mì baguette cắt lát.

“Thế nào mà anh lại tìm thấy một nơi như thế này?” Isobel hỏi.

“Đi tìm và thử miết thôi,” anh đáp. “Và ném qua không biết bao nhiêu ly những thứ rượu kinh khủng.”

Isobel bật cười.

“Tôi xin lỗi,” cô nói. “Rút cục dù sao cũng đáng. Nơi này thật dễ chịu. Cứ như một ốc đảo giữa sa mạc vậy.”

“Một ốc đảo có rượu ngon,” Marco đồng tình, nghiêng ly của mình về phía cô.

“Khiến tôi nhớ đến nước Pháp,” Isobel nói.

“Cô là người Pháp ư?” anh hỏi.

“Không, nhưng tôi từng sống ở đó một thời gian.”

“Tôi cũng vậy. Cách đây cũng khá lâu rồi. Cô nói đúng, nơi này đậm chất Pháp, tôi nghĩ điều đó phần nào tạo nên vẻ duyên dáng này. Nhiều nơi chẳng buồn tự làm duyên cho mình.”

“Anh thật duyên dáng,” Isobel buột miệng và gương mặt lập tức đỏ bừng, như thể nếu được cô sẽ nuốt lại những lời vừa nói.

“Cảm ơn cô,” Marco đáp, chẳng biết phải nói gì.

“Tôi xin lỗi,” Isobel bối rối ra mặt. “Tôi không có ý...” Cô chùng xuống, nhưng có lẽ một ly rượu vang đã tiếp thêm phần chấn, cô nói tiếp. “Những phép thuật trong cuốn sổ của anh.” Cô ngược nhìn xem anh phản ứng ra sao, nhưng anh không nói gì. Cô đưa mắt đi chỗ khác, nói tiếp để lấp đi sự im lặng. “Những lá bùa, biểu tượng... Tôi không biết hết ý nghĩa của tất cả những thứ đó, nhưng đó là các phép thuật, đúng không anh?”

Cô bối rối nhấp chút rượu rồi mới dám nhìn lại anh. Marco cẩn thận lựa chọn từ ngữ, dè chừng suy xét xem câu chuyện đang nói sẽ đi đến đâu.

“Sao một quý cô từng sống ở Pháp lại biết về phép thuật và bùa chú?” anh hỏi.

“Chỉ những điều tôi đã đọc trong sách thôi,” cô đáp. “Tôi không nhớ hết tất cả những thứ đó nghĩa là gì. Tôi chỉ biết những biểu tượng chiêm tinh và vài biểu tượng dùng trong thuật giả kim, và cũng không đặc biệt thông thạo gì.” Cô ngừng lời, như thể cô không biết quyết định nên hay không nên nói cụ thể, nhưng rồi cô nói thêm, “*La Roue de Fortune*, Bánh xe may mắn. Lá bài trong cuốn sổ của anh. Tôi biết lá bài đó. Chính tôi cũng có một bộ bài.”

Marco vốn đã tự nhủ cô gái này có chút gì đó ở trên mức đáng chú ý vừa phải và tương đối ưa nhìn, nhưng những lời cô vừa bộc bạch lại còn hơn cả thế. Anh nghiêng người về trước, nhìn cô bằng ánh mắt thích thú quan tâm hơn trước, và hỏi:

“Ý cô là cô biết cách giải nghĩa những lá bài tarot^[5], phải không cô Martin?”

Isobel gật đầu.

“Vâng, ít nhất tôi đã từng thử,” cô đáp. “Nhưng chỉ cho riêng mình thôi, tôi nghĩ như thế không hẳn là biết giải bài tarot. Đó... chỉ là thứ tôi học mót được từ mấy năm trước rồi.”

“Cô có mang bộ bài theo không?” Marco hỏi. Isobel lại gật. “Tôi rất muốn xem qua một chút, nếu cô bằng lòng,” anh nói thêm khi thấy cô không có vẻ gì sẽ lấy nó từ trong túi xách ra. Isobel liếc quanh quán cà phê và các vị khách. Marco liền phẩy tay trấn an. “Không cần phải lo lắng,” anh nói. “Tất cả những người này không chỉ vì một bộ bài mà phát hoảng lên đâu. Nhưng tôi hiểu nếu cô thấy bất tiện.”

“Không, tôi thấy không sao,” Isobel nói, mở túi và cẩn thận lấy ra một bộ bài được bọc trong miếng lụa đen. Cô rút những lá bài ra và đặt lên mặt bàn.

“Cho phép tôi chứ?” Marco hỏi khi anh cử động để nhặt những lá bài lên.

“Xin cứ tự nhiên,” Isobel đáp, chính cô cũng ngạc nhiên.

“Một số người biết giải bài không thích người khác chạm vào bộ bài của họ,” Marco giải thích, nhớ lại chi tiết các bài học về thuật tiên tri trong khi nhẹ nhàng cầm bộ bài lên. “Và tôi cũng không dám thất thố.” Anh lật lá bài ở trên cùng, *Le Bateleur*. Ảo thuật gia.

Marco không khỏi mỉm cười nhìn lá bài rồi đặt nó trở lại bộ bài.

“Anh có biết giải không?” Isobel hỏi.

“Ồ, không,” anh đáp. “Tôi thấy những lá bài rất quen thuộc, nhưng chúng không nói lên điều gì với tôi cả, không theo những cách đủ rõ ràng để có thể cắt nghĩa được.” Anh rời mắt khỏi bộ bài và nhìn Isobel, vẫn chưa dám chắc điều gì ẩn chứa bên trong người con gái này. “Nhưng chúng nói với cô phải không?”

“Tôi chưa bao giờ nghĩ theo hướng đó, nhưng tôi nghĩ đúng là chúng có nói,” Isobel đáp. Cô ngồi yên lặng nhìn anh lật giở bộ bài.

Anh cẩn thận cầm ở mép các lá bài, nâng niu chúng hết như cách cô đã mở xem cuốn sổ của anh. Khi đã nhìn qua hết bộ bài, anh đặt nó trở lại bàn. “Bộ bài này cổ lắm rồi,” anh nói. “Tôi nghĩ nó còn nhiều tuổi hơn cô nhiều. Cho phép tôi hỏi tại sao nó lại thuộc sở hữu của cô vậy?”

“Tôi thấy nó trong một hộp kim hoàn tại một cửa hàng đồ cổ ở Paris, nhiều năm trước rồi,” Isobel đáp. “Người phụ nữ tại cửa hàng thậm chí còn chẳng bán nó cho tôi, bà ấy chỉ nói tôi hãy mang bộ bài đi, mang ra khỏi cửa hàng của bà. Những lá bài của quý, bà đã gọi chúng như thế. *Cartes du Diable*.”

“Con người ta có thể rất ngây thơ về những điều như thế,” Marco nói, cái câu mà thầy của anh thường nhắc đi nhắc lại, vừa để dè chừng vừa để cảnh báo. “Họ thà xóa bỏ những thứ được coi là xấu xa chứ không chịu tìm hiểu chúng. Sự thật bất hạnh, nhưng dù sao vẫn là sự thật.”

“Cuốn sổ của anh dùng làm gì vậy?” Isobel hỏi. “Tôi không có ý tò mò đâu, chỉ là thấy nó rất thú vị. Hy vọng anh không trách tôi đã mở nó ra xem.”

“Chà, thế là chúng ta huề, vì cô cũng đã cho tôi xem bộ bài của cô,” anh nói. “Nhưng tôi e rằng chuyện của tôi khá phức tạp, và tuyệt đối không phải thứ chuyện dễ giải thích hoặc dễ tin.”

“Tôi có thể tin được khá nhiều thứ,” Isobel nói. Marco không nói gì, chỉ chăm chăm nhìn Isobel, như anh đã nhìn những lá bài của cô. Isobel đáp lại ánh mắt ấy và không quay đi.

Một cảm giác chộn rộn! Tìm thấy một người dường như bắt đầu hiểu được cái thế giới anh đã sống gần trọn cuộc đời mình cho tới nay. Marco biết mình cần buông bỏ, nhưng anh không thể. Một hồi sau anh nói:

“Tôi có thể cho cô thấy, nếu cô muốn.”

“Rất sẵn lòng,” Isobel đáp.

Họ uống cạn rượu và Marco trả tiền cho người phụ nữ phục vụ sau quầy. Anh đội mũ, khoác tay Isobel, rồi cả hai rời khỏi sự ấm cúng của quán cà phê, bước trở lại vào màn mưa.

Marco đột ngột dừng lại giữa khối nhà kế bên, ngay bên ngoài một sân vườn có cổng lớn. Vòm cổng lát sỏi cuội lùi vào phía trong so với mặt phố và những bức tường bằng đá xám hai bên.

“Chỗ này được đấy,” anh nói, dẫn Isobel khỏi vỉa hè, đến khoảng trống giữa bức tường và cánh cổng, để cô xoay lưng vào tường đá ướt lạnh, còn anh đứng ngay trước mặt cô, gần đến mức cô có thể thấy từng giọt mưa li ti đọng trên vành mũ anh.

“Được để làm gì?” cô hỏi, thoáng chút lo lắng nhen lên trong giọng nói. Mưa vẫn giăng giăng quanh họ và chẳng biết phải đi đâu. Marco chỉ giơ một bàn tay đeo găng lên ra hiệu cô hãy yên lặng, còn anh tập trung vào làn mưa và bức tường phía sau cô.

Anh chưa từng thử thực hiện điều này cùng ai đó, nên không dám chắc mình có thể hoàn thành suôn sẻ hay không.

“Cô tin tôi không hả cô Martin?” anh hỏi, vẫn nhìn cô bằng vẻ chăm chú như trong quán cà phê, duy có điều lần này mắt anh chỉ cách mắt cô vài phân.

“Tôi tin,” cô đáp không hề lưỡng lự.

“Tốt rồi,” Marco nói, và bằng động tác rất nhanh, anh đưa tay lên che kín đôi mắt Isobel.

• • •

HỐT HOẢNG, ISOBEL NHƯ ĐÔNG CỨNG LẠI. Cô hoàn toàn không nhìn thấy gì, chỉ cảm thấy lớp găng tay da ẩm ướt áp lên mặt mình. Cô run rẩy, chẳng rõ vì lạnh hay vì mưa. Một giọng nói thì thầm ngay cạnh, Isobel

căng tai ra nghe mà không hiểu gì. Và rồi cô không còn nghe thấy tiếng mưa nữa, bức tường đá sau lưng trở nên nham nhám dù chỉ tích tắc trước còn phẳng lì. Bóng tối như đang tan đi, và rồi Marco buông tay ra.

Chớp mắt để quen với ánh sáng, đầu tiên Isobel thấy Marco ngay trước mặt mình, nhưng có gì đó đã thay đổi. Không còn những hạt mưa li ti trên vành mũ Marco nữa. Hoàn toàn không một giọt nhỏ nào, chỉ có nắng đang ánh lên quanh anh. Nhưng đó không phải điều khiến Isobel kinh ngạc.

Cô sững sờ thấy mình và Marco đang đứng trong một khu rừng, lưng cô tựa vào một thân cây đại thụ. Cây cối xung quanh đều trụi lá và mang tuyến một màu đen, những cành nhánh vươn lên khoảng không xanh nhạt của bầu trời phía trên. Mặt đất phủ một lớp tuyết mịn, óng ánh phản chiếu ánh mặt trời. Một ngày đông hoàn hảo. Phóng tầm mắt nhìn xung quanh trong vòng nhiều dặm không có bóng dáng ngôi nhà nào, chỉ có tuyết và rừng trải rộng tít tắp. Một con chim cất tiếng hót từ cái cây gần đó, và một con khác hưởng ứng từ đâu đó rất xa.

Isobel cực kỳ bối rối. Tất cả là thật. Cô có thể cảm thấy nắng ấm trên da mình, lớp vỏ cây dưới ngón tay. Có thể cảm thấy hơi lạnh của tuyết, nhưng váy áo cô đang mặc không còn ẩm vì nước mưa nữa. Thậm chí không thể nhầm được, cô đang hít vào hai lá phổi mình thứ không khí khô lạnh để chịu nơi đồng nội, hoàn toàn không còn chút ướt át nào của sương mù London. Không thể nào, nhưng đúng là sự thật.

“Sao lại có thể?” cô thốt lên, quay lại nhìn Marco. Anh mỉm cười, đôi mắt xanh lục nhạt ánh lên tươi tắn trong nắng đông.

“Chẳng có gì là không thể,” anh nói. Isobel bật cười, tiếng cười vút lên đầy hân hoan và trong trẻo như một đứa bé.

Cả triệu câu hỏi kéo đến trong đầu nhưng cô không tài nào nói nên lời. Và rồi hình ảnh rõ ràng về một lá bài vạt hiện lên trong tâm trí cô, lá bài *Le Bateleur*. “Anh là phù thủy,” cô lẩm bẩm.

“Hình như chưa có ai thực sự gọi tôi như vậy,” Marco đáp. Isobel lại bật cười, cô vẫn đang cười khi anh cúi xuống và đặt môi hôn.

Đôi chim uốn lượn bay trên không khi làn gió nhẹ thổi qua các cành cây xung quanh họ.

Còn với các khách bộ hành trên con phố đang tối dần ở London, trông họ chẳng có gì khác thường, chỉ là đôi tình nhân trẻ đang hôn nhau trong mưa.

NGÓN LỬA

THÁNG BẢY – THÁNG MƯỜI MỘT 1884

Prospero Người Mê Hoặc không đưa ra lý do chính thức nào cho quyết định giải nghệ.

Những buổi biểu diễn của ông trong mấy năm vừa qua đã trở nên hiếm hoi, cho nên ông không biểu diễn nữa thì cũng không mấy ai bận tâm.

Nhưng Hector Bowen vẫn lưu diễn, trên một phương diện nào đó, dù Prospero Người Mê Hoặc thì không.

Ông đi từ thành phố này sang thành phố khác, sắp xếp để cô con gái mười sáu tuổi của mình làm công việc của một bà đồng biết gọi hồn người đã khuất.

“Con ghét cái việc này mà bố,” Celia nhiều lần phản đối.

“Nếu con có cách nào khác để tận dụng thời gian trước khi thử thách của con bắt đầu thì cứ việc, nhưng chớ có nói với ta rằng con muốn đọc sách. Thực ra muốn đọc thì con cứ việc, miễn là cũng kiếm được hậu hĩnh như thế này. Và lại đây còn là cơ hội tốt để con tập biểu diễn trước công chúng.”

“Thật không thể chịu nổi những người đó,” Celia nói, dù ý cô không hẳn là vậy. Họ khiến cô thấy khó chịu. Cách họ nhìn cô, ánh mắt khẩn khoản và hàng mi đậm lệ. Với họ, cô như một thứ gì đó, một kiểu cầu nối với những người thân yêu đã khuất mà họ đang tuyệt vọng muốn níu giữ.

Họ nói chuyện với cô như thể cô không hiện hữu trong phòng, như thể cô cũng hư vô như những người thân đã khuất của họ. Cô phải ép bản thân không được co rúm lại khi họ ôm chầm lấy cô và nức nở cảm ơn.

“Đám người đó chẳng là gì hết,” bố cô nói. “Thậm chí họ còn chẳng hiểu nổi những gì họ nghĩ, nhìn và nghe thấy. Tốt hơn cứ để họ tin rằng họ đang nhận được những giao cảm kỳ diệu từ thế giới bên kia. Tại sao không tận dụng điều đó, nhất là khi họ sẵn lòng dốc hầu bao cho thứ việc dễ ợt ấy?”

Celia cho rằng bao nhiêu tiền cũng không bỏ cái công việc hành xác đó, nhưng Hector rất kiên quyết, và thế là hai bố con tiếp tục lên đường, phù phép cho những cái bàn bay lên lơ lửng và tạo ra hồn ma sẽ gõ lên những bức tường được phủ đủ loại giấy dán đắt tiền.

Celia vẫn không hiểu tại sao những khách hàng của cô tha thiết níu giữ mối liên kết và sự an ủi đến vậy. Chính cô chưa bao giờ muốn liên lạc với người mẹ đã qua đời của mình, và cô không cho rằng mẹ sẽ nói gì đó với cô nếu bà có thể nói được, đặc biệt qua những cách thức phức tạp đến vậy.

Tất cả là dối trá, cô chỉ muốn nói vậy với họ. Những người đã chết không lang thang trong không khí chỉ cốt để lịch sự gõ lên chén trà, lên mặt bàn, hay thì thầm gì đó nhờ những tấm rèm bị gió lay động dẫu.

Thỉnh thoảng cô làm vỡ những món đồ quý của khách hàng, đổ lỗi tại các linh hồn không chịu ngồi yên.

Bố chọn cho cô những cái tên khác nhau mỗi khi họ chuyển đến nơi khác, nhưng ông thường dùng tên Miranda nhất, có lẽ bởi ông biết cái tên đó khiến cô khó chịu đến mức nào.

Vài tháng sau cô kiệt sức vì phải đi lại nhiều, vì áp lực và vì bố hầu như không cho cô ăn gì, ông bảo vệ ốm yếu khiến cô càng có vẻ đáng tin hơn và gần hơn với thế giới bên kia.

Chỉ sau khi cô thực sự bị bất tỉnh trong lúc gặp khách hàng, chứ không phải dàn dựng một màn ngắt xiêu màu mè kịch tính đến hoàn hảo, thì ông mới đồng ý về nhà của hai bố con ở New York vài ngày.

Một buổi chiều ngồi dùng trà, người cha hé mắt nghĩa đồng mứt và kem bơ Celia chất lên cái bánh của mình, rồi bảo ông đã sắp xếp để cuối tuần cô sẽ gặp một bà quả phụ u sầu ở đầu kia thành phố, bà này bằng lòng trả gấp

đôi mức giá thông thường. Khi Celia tỏ ý không muốn đi, Hector nói mà chẳng buồn ngược mắt khỏi đồng báo ông trải ra la liệt trên bàn ăn:

“Ta đã nói rằng con có thể nghỉ ngơi. Con đã nghỉ ba ngày, thế là đủ rồi. Bây giờ trông con đã khỏe. Một ngày nào đó con sẽ còn xinh đẹp hơn cả mẹ con nữa kia.”

“Bố vẫn nhớ mặt mẹ con ư? Thật ngạc nhiên đấy!” Celia nói.

“Con có nhớ không?” người cha hỏi, liếc nhìn con gái và nói tiếp khi Celia chỉ nhú mày thay cho câu trả lời. “Có thể ta chỉ ở bên mẹ con vài tuần, nhưng ta nhớ về bà ấy rõ hơn con nhiều, mà con thì ở bên mẹ những năm năm. Thời gian là một thứ quái đản. Rồi con sẽ hiểu điều đó.”

Ông lại vùi đầu vào trang báo.

“Thế còn thử thách mà bố vẫn rèn luyện con, bảo con phải sẵn sàng thì sao?” Celia hỏi. “Hay đó cũng chỉ là một cách bố kiếm tiền thôi?”

“Celia, cưng ơi, những điều lớn lao sẽ đến với con, nhưng chúng ta đã nhường quyền kiểm soát khi nào chúng sẽ đến rồi. Chúng ta không phải là bên động thủ trước. Chúng ta sẽ chỉ được thông báo thời điểm cần đưa con ra sân khấu, như trước đây vẫn vậy.”

“Khi chưa đến lúc đó, những việc con làm thì có can hệ gì chứ?”

“Con cần luyện tập.”

Celia nghiêng đầu, chăm chú nhìn bố khi cô đặt hai tay lên mặt bàn. Đồng báo tự gấp lại thành những hình dạng phức tạp: những kim tự tháp, những đường xoắn ốc và những con chim giấy vỗ cánh liên hồi.

Người cha cau có ngược lên. Ông nhắc một cái chặn giấy nặng trĩu bằng pha lê lên và nện thẳng xuống tay Celia, mạnh đến mức cổ tay cô lập tức bị gãy trong tiếng “rắc” khô khốc.

Những tờ báo tự động trải phẳng ra, ngoan ngoãn đáp xuống mặt bàn.

“Con cần luyện tập,” Hector nhắc lại. “Còn quá thiếu khả năng kiểm soát.”

Celia nín thình rời khỏi phòng, ôm cổ tay và căn môi tìm những giọt nước mắt lại.

“Và vì Chúa, đừng có *khóc lóc* nữa,” bố cô gọi với theo.

Phải mất gần một giờ đồng hồ Celia mới nấn lại và chữa lành được chỗ xương gãy.

• • •

ISOBEL NGỒI TRÊN CÁI GHẾ BÀN CHẰNG mấy khi có người ngồi trong góc căn hộ của Marco. Một dải cầu vồng những ruy-băng lụa loăng ngoăng xoắn quanh các ngón tay cô khi cô cố công điều khiển chúng tết thành một bím cầu kỳ.

“Trò này ngớ ngẩn quá,” cô nói, nhả mặt nhìn mớ ruy-băng rối nùi.

“Đó là phép thuật đơn giản thôi mà,” Marco nói từ bàn làm việc nơi anh ngồi, xung quanh la liệt những cuốn sách đang mở. “Mỗi sợi ruy-băng là một yếu tố, gắn kết với nhau bằng nút thắt và chủ ý. Giống như những lá bài của em, chỉ tác động lên chủ thể chứ không dò đoán ý nghĩa. Nhưng nếu em không tin thì sẽ không có tác dụng đâu, em cũng biết mà.”

“Có lẽ em đang không có tâm trạng để tin,” Isobel nói, tháo các nút thắt ra và xếp đám ruy-băng sang một bên, để chúng buông xuống theo tay chiếc ghế bành. “Mai em sẽ thử lại.”

“Thế thì giúp anh cái nào,” Marco ngẩng khỏi trang sách và nói. “Hãy nghĩ đến thứ gì đó. Một đồ vật. Một vật quan trọng mà anh không thể biết được.”

Isobel thở dài nhưng ngoan ngoãn nhắm mắt lại, tập trung tư tưởng.

“Một chiếc nhẫn,” Marco nói sau chốc lát, thấy được hình ảnh từ tâm trí cô dễ như thể cô đã vẽ nó ra giấy cho anh. “Một chiếc nhẫn vàng, mặt đá xa-phia, cần kim cương ở hai bên.”

Isobel mở bừng mắt. Cô hỏi: “Làm thế nào mà anh biết được?”

“Là nhẫn đính hôn phải không?” anh hỏi tiếp và mỉm cười đắc ý. Isobel đưa hai tay che miệng rồi gật đầu.

“Em đã bán nó,” Marco nói, nhặt những mẫu ký ức gắn với chiếc nhẫn. “Ở Barcelona. Em chạy trốn một đám cưới được sắp đặt trước, đó là lý do em ở London. Sao trước đây em chưa từng kể với anh?”

“Đó có phải là chuyện đem ra tán gẫu được đâu,” Isobel nói. “Mà anh cũng hầu như không kể gì về anh, biết đâu anh cũng từng là một chú rể chạy trốn ấy nhỉ.”

Họ lặng lẽ nhìn nhau một lúc, trong khi Marco còn đang nghĩ cách trả lời sao cho thích hợp, Isobel đã bật cười.

“Có lẽ anh ta đã đi tìm chiếc nhẫn còn lâu hơn là tìm em,” cô nói, đưa mắt xuống đôi bàn tay không trang sức. “Một món đồ đáng yêu, suýt nữa em đã không nở rời nó, nhưng lúc ấy em không có tiền và chẳng có gì khác bán được.”

Marco đang định nói tiếp rằng anh biết cô đã bán được chiếc nhẫn với giá hời, thì có tiếng gõ cửa.

“Chắc ông chủ nhà hả anh?” Isobel thì thầm, nhưng Marco đặt một ngón tay lên môi và lắc đầu.

Chỉ một người từng gõ cửa như vậy mà không lên tiếng. Marco ra hiệu bảo Isobel hãy ở trong phòng làm việc, rồi anh ra mở cửa.

Người đàn ông mặc bộ vét xám không vào trong căn hộ. Ông chưa từng vào đó kể từ khi ông sắp đặt việc chuyển nhà, đẩy cậu học trò của mình ra thế giới.

“Cậu sẽ nộp đơn xin làm việc cho người đàn ông này,” ông nói ngay mà không chào hỏi gì, rút một tấm danh thiếp đã cũ từ túi áo ra. “Có thể cậu sẽ cần một cái tên.”

“Con vẫn có tên mà,” Marco nói.

Người đàn ông mặc đồ xám không bận tâm hỏi tên đó là gì, chỉ nói tiếp. “Buổi phỏng vấn được lên lịch vào chiều mai. Gần đây ta đã thu xếp rất nhiều công việc làm ăn cho Monsieur^[6] Lefèvre và đã hết lòng đề cử cậu, nhưng cậu nên làm tất cả những gì cần thiết để nắm được vị trí ấy.”

“Đây có phải là khởi đầu thử thách không ạ?” Marco hỏi.

“Đây chỉ là động thái dọn đường, đặt cậu vào một vị trí thuận lợi.”

“Thế bao giờ thì thử thách mới bắt đầu ạ?” Marco hỏi, dù anh đã từng hỏi câu đó cả chục lần và chưa lần nào nhận được câu trả lời rõ ràng.

“Khi nào đến thì cậu sẽ biết,” người đàn ông mặc đồ xám nói. “Khi thử thách bắt đầu, nếu khôn ngoan thì cậu cần tập trung chú ý vào cuộc đấu” – ánh mắt ông quét đầy chủ ý lên cánh cửa phòng làm việc đang đóng – “tuyệt đối không được phân tâm.”

Ông quay đi và ra khỏi tòa nhà, để Marco vẫn đứng ở ngưỡng cửa, đọc đi đọc lại tên và địa chỉ trên tấm danh thiếp đã cũ mờ.

• • •

CUỐI CÙNG HECTOR BOWEN cũng đồng ý khi cô con gái kiên quyết muốn hai bố con ở lại New York, nhưng ông làm vậy còn vì những mục đích riêng.

Dù thỉnh thoảng vẫn nhắc nhở Celia phải tập luyện nhiều hơn, nhưng phần lớn thời gian ông chẳng để ý gì đến cô mà ở lì một mình trong căn phòng trên gác.

Celia khá hài lòng với hoàn cảnh, hầu như suốt ngày cô dành thời gian để đọc. Cô lén đến hiệu sách và ngạc nhiên khi bố cô không hỏi han xem những chồng sách mới tinh đó từ đâu mà ra.

Celia cũng có luyện tập thường xuyên: đánh võ đũa thứ trong nhà để gần chúng trở lại như cũ, làm đám sách bay mòng mòng như chim ở trong phòng, tính toán xem chúng có thể bay được bao xa để điều chỉnh kỹ thuật cho phù hợp.

Cô dần điều khiển được vải vóc rất điệu nghệ, thay đổi trang phục của mình dễ dàng như một thợ may lành nghề để phù hợp với cân nặng cô đã lấy lại được sau thời kỳ suy kiệt. Cô lại cảm thấy cơ thể là của mình.

Celia phải nhắc bố ra khỏi phòng khi đến bữa, dù gần đây ông thường bỏ bữa nhiều hơn, hầu như không rời phòng.

Hôm nay ông còn chẳng buồn trả lời dù cô kiên nhẫn gõ cửa. Bực mình và biết rằng ông đã yểm bùa lên ổ khóa để cô không mở được, trừ phi có khóa của ông, Celia đá vào cánh cửa và ngạc nhiên thấy nó bật ra.

Bố cô đang đứng bên cửa sổ, chăm chú quan sát cánh tay khi ông giơ nó lên trước mặt, ánh nắng xuyên qua ô cửa kính bám đầy băng giá và xia xuống tay áo ông.

Bàn tay ông biến mất hoàn toàn rồi xuất hiện trở lại. Ông duỗi các ngón tay, nhúu mảy nghe các khớp xương khẽ kêu răng rắc.

“Bố đang làm gì vậy ạ?” Celia hỏi, sự tò mò đã thắng cơn căm giận. Cô chưa từng thấy ông làm điều gì tương tự, cả trên sân khấu lẫn trong bài học riêng của hai cha con. “Không có gì cho con tham gia đâu,” người cha nói, kéo phần măng-sét tua rua xuống tận cổ tay.

Cửa đóng sầm lại trước mặt Celia.

NHẢM TRÚNG MỤC TIÊU

LONDON, THÁNG MƯỜI HAI 1884

Tấm bia treo chênh vênh trên tường phòng làm việc, giữa những giá sách cao và những bức tranh sơn dầu được đóng khung chạm trổ tinh tế. Tấm bia gần như lặn vào bóng tối dù mang những đường vạch đậm nét. Nhưng con dao vẫn đến đúng mục tiêu mỗi lần nó được phóng đi, rất gần hồng tâm bị che khuất bởi một mảnh báo cắt ra ghim vào mặt bia.

Mảnh báo là một bài bình luận về sân khấu, được cẩn thận cắt ra khỏi tờ *Thời báo* London. Một bài khen, thậm chí còn có chút ưu ái. Ấy thế mà nó bị găm vào cái nơi hành quyết này, và con dao cán bạc đang ngăm phóng vào nó. Mũi dao xuyên qua giấy, cắm phập vào phần bằng bạc của tấm bia. Và dao được rút ra chỉ để lặp lại hành trình vừa thực hiện.

Con dao được phóng đi rất điệu nghệ, lực dồn lên phần cán, lưỡi dao quay tròn nhiều vòng hoàn hảo cho đến khi mũi dao tìm trúng đích. Người phóng dao là Chandresh Christophe Lefèvre, cái tên được in ngay ngắn ở dòng cuối bài báo nói trên.

Chính cái câu nêu tên mình đã chọc giận ông Lefèvre, khiến ông bày ra màn phóng dao này. Chỉ một câu thế này: “Ông Chandresh Christophe Lefèvre tiếp tục đẩy biên giới của sân khấu hiện đại đi xa hơn, làm say lòng khán giả bằng màn trình diễn gần như xuất chúng.”

Có lẽ ông bầu sân khấu nào cũng mát lòng mát dạ khi nghe lời đánh giá như vậy. Hẳn họ sẽ cắt bài báo đó ra, trang trọng đặt vào một cuốn sổ lưu, thỉnh thoảng lại lấy ra trích dẫn.

Nhưng điều đó không đúng với ông bầu này. Không, ông Chandresh Christophe Lefèvre chỉ chú ý đến một từ áp chót. Gần như. *Gần như*.

Con dao lại bay qua căn phòng chật ních những đồ đạc bọc nhung và khắc gỗ cầu kỳ, lượn sát qua một bình pha lê cao cổ đựng rượu brandy. Con dao vun vút quay tròn lộn đầu đuôi, và một lần nữa lưỡi dao cắm ngập vào bia. Lần này nó chọc thủng mảnh báo đã te tua, găm giữa từ “khán giả” và “màn trình diễn,” hoàn toàn nuốt trọn từ “bằng.”

Chandresh đi theo đường bay của con dao, rút lưỡi dao ra khỏi bia, từ từ nhưng dứt khoát. Ông đi ngược trở lại đầu kia của căn phòng, một tay cầm dao, một tay giữ ly rượu brandy, rồi quay phắt lại bằng gót chân, một lần nữa lưỡi dao lao đi, nhằm trúng cái từ kinh khủng ấy. Gần như.

Rõ là ông đã làm sai điều gì đó. Nếu sản phẩm của ông chỉ gần như xuất chúng, tức là có thứ gì đó thực sự xuất chúng đang tồn tại đâu đây, chờ để được thu nhận, thế thì nhất định còn có việc phải làm.

Ông chìm đắm trong suy nghĩ đó kể từ khi bài báo được đặt trên bàn làm việc của ông, do anh trợ lý khéo cắt ra và đánh dấu. Có thêm mấy bản dự trữ đã được lưu ở đâu đó để phòng sau này cần đến, vì các bản đặt trên bàn làm việc thường chịu chung số phận bi thảm khi Chandresh nổi khùng với mỗi con chữ.

Chandresh mê mẩn những phản hồi từ khán giả. Những phản hồi thật lòng chứ không chỉ là tràng pháo tay lịch sự. Ông thường rất trân trọng những phản ứng về chính buổi biểu diễn. Một buổi diễn mà không có khán giả thì rút cục chỉ đáng vứt đi. Nguồn sức mạnh của các tiết mục chính là từ sự quan tâm của khán giả. Chandresh đã lớn lên trong nhà hát, từ những lô ghế dành cho khán giả đến xem vũ ba-lê. Bản tính hiếu động, cậu bé ngày đó nhanh chóng phát chán những điệu múa lặp đi lặp lại, thế là cậu quay ra xem khán giả, thích thú quan sát khi họ mỉm cười và ngạc nhiên, khi các bà thờ dài còn các ông bắt đầu gà gật ngủ.

Cho nên chẳng có gì lạ khi bây giờ, sau nhiều năm đã qua, Chandresh vẫn thấy khán phòng còn thú vị hơn cả màn trình diễn. Dù tất nhiên màn trình diễn phải độc đáo thì mới chiếm được những tình cảm tốt đẹp nhất từ khán giả.

Và bởi ông không thể quan sát khuôn mặt của từng khán giả theo dõi từng tiết mục của mỗi buổi biểu diễn (các buổi biểu diễn ở đây rất đa dạng, có thể là một vở kịch tình tiết lôi cuốn đến điệu nhảy cuồng nhiệt của các vũ nữ, hay thậm chí có những buổi còn kết hợp cả hai), cho nên ông đành dựa vào những bài viết đánh giá và bình luận.

Không có nhiều bài viết khiến ông nổi khùng lên như hôm nay. Và nhiều năm rồi ông mới lại phải bày ra màn phóng dao này.

Con dao tiếp tục lao vút đi, lần này găm trúng từ “sân khấu.” Chandresh tiến về phía tấm bia để rút con dao ra, vừa đi vừa nhấp chút rượu brandy. Ông chợt dừng lại đọc một mẫu báo đã cũ mèm vứt vạ vật gần đó, nhìn trần trối những con chữ giờ đã rất khó đọc. Đoạn ông trầm giọng gọi Marco.

BÓNG TỐI VÀ NHỮNG VÌ SAO

Vé cầm trong tay, bạn nối mình vào dòng khán giả đang tiến vào rạp xiếc, dõi theo chuyển động nhịp nhàng của cái đồng hồ đen-và-trắng trong khi đứng đợi.

Qua quầy bán vé, lối duy nhất để đi tiếp là qua một tấm màn sọc rất dày. Từng người một đi qua, rồi mất hút khỏi tầm mắt.

Đến lượt mình, bạn kéo màn và bước tới, bóng tối bao trùm và tấm màn đóng lại.

Mắt bạn cần vài tích tắc để làm quen với bóng tối, rồi những chấm sáng li ti bắt đầu xuất hiện như những vì sao, chiếu sáng những bức tường tối màu trước mặt bạn. Chỉ một thoáng trước bạn còn ở gần những khán giả khác đến mức có thể chạm được vào họ, còn bây giờ bạn chỉ có một mình và cảm thấy đang bước vào một đường hầm như mê cung.

Đường hầm ngoắt ngoéo, những đốm li ti là nguồn sáng duy nhất. Bạn không thể nào xác định được mình đã đi được bao xa hay đang đi về hướng nào.

Cuối cùng bạn đến trước một tấm màn nữa. Chất vải mềm mịn như nhung tách ra hai bên khi bạn vừa chạm đến nó.

Ở phía bên kia, ánh sáng chói lòa.

NÓI THẬT HAY LÀM LIỀU?^[7]

CONCORD, MASSACHUSETTS, THÁNG CHÍN 1897

Chúng ngồi vắt vẻo trên cây sồi trong ánh trời chiều, năm đứa nhóc ấy. Caroline ngồi trên cành cao nhất vì nó luôn thích trèo lên chỗ cao nhất. Millie, bạn thân nhất của nó, tọa ở cành thấp hơn. Anh em nhà Mackenzie đang lấy quả sồi ném nghịch lũ sóc, chiếm cành thấp hơn một chút, nhưng vẫn còn có thể coi là cao. Chỉ có nó, Bailey, luôn chỉ leo cành thấp. Không phải vì nó sợ độ cao mà vì đó là thứ bậc của nó trong nhóm, khi nó được phép là một thành viên của nhóm. Làm em trai của Caroline vừa là đặc ân, vừa phải chịu thiệt thế đấy. Thịnh thoảng Bailey được phép vào nhóm, nhưng chỉ được ở nguyên vị trí của mình.

“Nói thật hay làm liều?” Caroline véo von gọi từ cành cao. Chẳng có ai trả lời nên nó bứt ngay một quả sồi và thả rơi trúng đầu thằng em trai. “Nói thật. Hay. Làm liều. Hả Bailey?” Caroline nhắc lại.

Bailey xoa đầu qua lớp mũ còn đang đội. Có lẽ quả sồi đã khiến nó quyết định mình muốn làm gì. “Nói thật” là câu trả lời đầy cam chịu, tuân phục phiên bản trò chơi theo kiểu bắt-nạt-và-ném-hạt của Caroline. Còn “làm liều” dường như mang tinh thần phản kháng hơn. Dù nhân nhượng bà chị, nhưng ít ra nó cũng không phải thẳng thát gan.

Có lẽ đó đúng là điều cần nói, Bailey khá hài lòng về bản thân khi phải mất một lúc Caroline mới trả lời. Chị nó vẫn ngồi trên cành cây cao hơn nó cả chục mét, đứng đưa hai chân và phóng tầm mắt ra cánh đồng trong khi nghĩ xem nên thách thằng em làm gì. Hai ông tướng nhà Mackenzie vẫn tiếp tục hành hạ đám sóc. Rồi Caroline mỉm cười, hăng giọng tuyên bố lời thách thức.

“Bailey làm liều,” cô chị dành riêng trò liều mạng này cho cậu em, nó chưa nói hết mà Bailey đã bắt đầu ngửi thấy mùi chông gai. Con bé ngừng một chút để thêm phần kịch tính, rồi chốt hạ: “Bailey sẽ liều đột nhập vào Rạp Xiếc Đêm.”

Millie há hốc miệng. Hai thằng nhà Mackenzie bỏ dở trò ném quả sồi, quên luôn lũ sóc và ngẩng phắt lên nhìn. Một nụ cười toe toét kéo qua mặt Caroline khi nó nhòm xuống Bailey. “Phải mang cái gì đó về làm bằng chứng đấy,” con bé bồi thêm, không giấu nổi chút hí hửng đắc thắng trong giọng nói.

Cú này cầm chắc thất bại, đứa nào cũng biết vậy.

Bailey nhìn ra cánh đồng, nơi những căn lều của khu rạp xiếc được dựng lên sừng sững như một dãy núi ngay giữa thung lũng. Nơi ấy thật yên tĩnh vào ban ngày, không đèn đóm, không âm nhạc, không người xúm đông xúm đỏ. Chỉ là những căn lều sọc, trong nắng trưa trông như màu vàng và xám hơn là trắng và đen. Những căn lều lạ lùng, có chút bí ẩn nhưng không đến nỗi bất bình thường. Ít nhất không vào buổi ban trưa này. Và cũng chẳng có gì đáng sợ cả, Bailey nghĩ.

“Em đồng ý,” nó kêu lên rồi nhảy khỏi cành cây đang ngồi, bắt đầu băng qua cánh đồng, chẳng đợi nghe mấy đứa kia bình phẩm, cũng chẳng mong Caroline rút lại lời thách thức. Nó biết thừa rằng chị nó tưởng nó sẽ không chịu làm. Một quả sồi bay rít qua tai nó, ngoài ra không có gì khác nữa.

Và vì những lý do mà Bailey chẳng biết nên gọi là gì, nó cứ phăm phăm đi về phía khu rạp với lòng quyết tâm ngùn ngụt.

Khu rạp trông vẫn như hồi Bailey lần đầu được thấy, hồi nó chưa tròn sáu tuổi.

Hồi đó khu rạp cũng ở đúng nơi này, và bây giờ trông như thể nó chưa từng rời đi. Như thế suốt năm năm vừa qua, khu rạp đã tàng hình ngay trên cánh đồng này.

Ngày ấy chưa đầy sáu tuổi, Bailey không được phép vào rạp. Bố mẹ nghĩ rằng nó còn bé quá, thế nên nó chỉ có thể đứng từ xa, mê mẩn thích thú ngắm những căn lều và đèn đuốc.

Thằng bé ao ước khu rạp cứ ở nguyên đó, chờ nó lớn lên đến đủ tuổi được vào. Ấy thế mà hai tuần sau khu rạp biến mất chẳng còn vết tích, bỏ lại cậu nhóc Bailey đầy nuối tiếc và thất vọng.

Nhưng giờ khu rạp đã trở về rồi.

Mấy ngày trước khu rạp lại xuất hiện, vẫn còn nguyên vẻ độc đáo ngày xưa. Nếu rạp ở đó lâu hơn, hẳn Caroline đã thách chuyện khác, nhưng Rạp Xiếc Đêm hiện đang là chủ đề bàn ra tán vào trong thành phố, nên Caroline muốn lời thách của mình phải *en vogue*^[8].

Đêm hôm qua là lần đầu tiên Bailey được chính thức chiêm ngưỡng khu rạp.

Trước đây nó chưa từng mục kích điều gì tương tự. Ánh sáng, phục trang biểu diễn, tất thảy đều thật sự khác biệt. Như thể thằng bé được thoát khỏi cuộc sống thường nhật và chu du sang một thế giới khác.

Bailey tưởng sẽ được xem một buổi biểu diễn. Tức là chỉ việc ngồi trên ghế và xem.

Nó nhanh chóng nhận ra mình đã nhầm to.

Đó là một trải nghiệm về khám phá.

Bailey khám phá hết mình mà còn chưa hết, nó tiếc hùi hụi đã không chuẩn bị tinh thần từ trước. Nó không biết phải chọn căn lều nào trong hàng chục căn, mỗi căn trưng ra những bảng hiệu đầy quyến rũ, hé lộ nội dung bên trong. Và mỗi ngã rẽ từ lối đi ngoằn ngoèo lại dẫn đến những căn lều mới, những dấu hiệu mới và những bí ẩn mới.

Bailey vào lều của các diễn viên nhào lộn, xem họ tung mình uốn lượn trên không cho đến khi cổ nó mỏi dừ vì nghển lên quá lâu. Nó lang thang trong một lều đầy nhóc những tấm gương và thấy hàng trăm, hàng ngàn

thằng Bailey đang nhìn nó, hai mắt tròn xoe, hoặc quay lưng lại với nó, đội mũ lưỡi trai màu xám giống y chang nó. Các món ăn cũng tuyệt cú mèo. Táo nhúng trong caramel, lớp kẹo nâu sẫm bóng lên, giòn tan và ngọt ngào. Những chú dơi bằng sô-cô-la với đôi cánh giống thật đến không thể tin được. Cả thứ rượu táo thơm lừng đượm vị nhất mà Bailey từng nếm.

Tất cả đều kỳ diệu. Và dường như chẳng có giới hạn của kết thúc. Những lối đi không có điểm cuối, chúng uốn lượn vào nhau và nối trở về khoảng sân lớn.

Sau đó, Bailey không biết phải mô tả thế nào cho chính xác. Nó chỉ có thể gật đầu khi mẹ hỏi nó chơi có vui không.

Nhưng không thể ở lại lâu như Bailey muốn. Nếu bố mẹ cho phép thì nó còn muốn ở lại cả đêm, vì còn biết bao căn lều nữa chưa kịp khám phá. Nhưng nó chỉ được xem có mấy tiếng rồi phải theo bố mẹ về nhà đi ngủ. Được an ủi rằng cuối tuần sau sẽ lại được đến, nhưng Bailey vẫn lo lỡ khu rạp lại đột ngột biến mất như lần trước thì sao. Ngay khi rời khỏi rạp nó đã thèm được quay trở lại rồi.

Nó tự nhủ nếu chấp nhận trò thách làm liều này thì phần nào nó sẽ được quay lại khu rạp sớm hơn dự kiến. Bailey mất gần mười phút đi bộ qua cánh đồng. Nó càng đến gần, những căn lều trông càng to lớn, đáng sợ hơn, và lòng kiên tâm của nó càng mòn đi một ít.

Đứng trước cánh cổng, nó muốn tìm thứ gì đó có thể coi là bằng chứng mà không cần phải vào trong.

Cánh cổng dễ cao gấp ba lần chiều cao của nó, trên cùng có dòng chữ LE CIRQUE DES RÊVES gần như rất khó đọc trong ánh mặt trời, mỗi chữ cái có lẽ to ngang giữa một trái bí ngô lớn. Những dải sắt uốn quanh các con chữ khiến Bailey liên tưởng đến những tua lá bí ngô mềm mại. Một ổ khóa trông có vẻ rất phức tạp khóa trái cánh cổng, và có một tấm biển nhỏ đề:

Mở màn khi đêm xuống & Hạ màn lúc rạng đông bằng kiểu chữ hoa bay bướm, và bên dưới là một dòng nhỏ hơn, kiểu chữ chân phương: Khách

không mời ắt bị hấp huyết

Bailey không biết “hấp huyết” nghĩa là gì, nhưng nó không thích âm thanh của cái từ đó. Ban ngày, khu rạp có vẻ lạ lẫm thế nào đó, quá yên tĩnh. Không có tiếng nhạc hay bất cứ âm thanh nào. Chỉ có tiếng chim gần đó hót gọi nhau, và lá xào xạc trên các vòm cây. Thậm chí còn chẳng thấy bóng dáng ai, cứ như toàn bộ nơi này đã bị bỏ hoang. Vẫn còn vương vất những mùi hương từ đêm, mùi caramel, bông ngô và mùi khói pháo hoa. Bailey ngoảnh lại cánh đồng. Những đừa kia vẫn vất vẻo trên cây, dù nhìn từ xa trông chúng chỉ còn bé tí. Chắc chắn là chúng đang dõi mắt quan sát, nên Bailey quyết định đi vòng sang phía bên kia hàng rào. Nó không còn hoàn toàn dám chắc mình muốn làm việc này, mà nếu và khi nó muốn làm thì nó cũng không thích bị người khác theo dõi.

Phần lớn hàng rào từ cổng đều giáp với cạnh của các căn lều nên không thực sự có chỗ nào để chui vào. Bailey tiếp tục đi.

Mấy phút sau khi nó đã ra khỏi tầm quan sát từ cây sồi, Bailey phát hiện ra một đoạn hàng rào không dựa vào cạnh lều mà chặn một lối đi nhỏ nằm giữa hai căn lều, men theo cạnh một căn và biến mất ở góc rẽ. Đúng là chỗ thích hợp để tiến vào.

Bailey chợt nhận ra đúng là nó muốn vào trong. Không hẳn chỉ vì lời thách thức mà vì nó tò mò. Tò mò kinh lên được, tò mò không tài nào kìm nén nổi. Và hơn cả mong muốn khẳng định bản thân với Caroline và đám bạn, ẩn dưới óc tò mò, chính nhu cầu bức thiết phải quay lại đây đã khiến nó dẫn bước.

Chấn song sắt dày và trơn, không cần thử Bailey cũng biết nó sẽ không thể trèo qua được. Vả lại, dù có cố leo được vài bước thì phía trên, phần đỉnh hàng rào cong ra ngoài và nhọn như lưỡi mác. Trông không hẳn thù địch nhưng rõ là cũng chẳng hiếu khách.

Nhưng hàng rào được dựng lên không phải để ngăn những thằng nhóc mười tuổi. Chấn song cứng chắc thật, nhưng cách nhau khá thưa. Cho nên tầm vóc nhóc tí như Bailey lách qua khá dễ dàng.

Nó lưỡng lự, chỉ một chút thôi, nhưng nó biết rồi nó sẽ căm ghét chính mình nếu ít nhất nó không cố thử, bất kể chuyện gì có thể xảy ra.

Nó tưởng sẽ cảm thấy khác cơ, giống như những cảm giác từng có khi đến đây vào buổi đêm. Nhưng khi nó lách mình qua hàng rào và đứng ở lối đi giữa những căn lều, cảm giác vẫn chỉ như khi đứng bên ngoài. Nếu phép thuật vẫn hiện hữu ở nơi này trong thời gian ban ngày, thì Bailey không hề cảm thấy điều đó.

Và khung cảnh thực sự bị bỏ không, không có bất cứ dấu hiệu nào của nhân viên rạp xiếc hay các nghệ sĩ biểu diễn.

Bên trong càng yên ắng tợn, Bailey không còn nghe thấy tiếng chim chóc nữa. Lá rụng xào xạc bên ngoài không theo chân nó luồn qua hàng rào, dù có đủ không gian để gió cuốn theo lá rụng vào đây.

Bailey không biết nên đi đường nào, và cái gì có thể là bằng chứng rằng nó đã dám đến đây? Không thấy gì có vẻ lấy đi được, chỉ có nền đất trống không và những tấm bạt căng lều. Dưới ánh mặt trời, những căn lều trông già nua cũ kĩ đến lạ. Bailey tự hỏi không biết khu rạp đã đi những đâu, trong bao lâu, và khi nào tiếp tục rời đi. Nó nghĩ chắc rạp xiếc có một đoàn tàu riêng, dù chẳng có con tàu nào tương tự trong nhà ga gần nhất, và theo như nó biết, chưa có ai từng thấy con tàu như thế đến rồi lại đi.

Đến cuối lối đi, Bailey rẽ phải và thấy mình đứng trước một dãy lều, mỗi căn có một cánh cửa và treo một bảng hiệu giới thiệu nội dung bên trong. Một tấm đề BÔNG BÈNH BAY, tấm khác đề BÍ ẨN HU' VÔ. Bailey nín thở đi qua một căn có bảng đề QUÁI THÚ & KỶ SINH VẬT, nhưng chẳng nghe thấy tiếng động nào từ căn lều đó. Nó chẳng thấy gì mang đi được vì cũng không muốn ăn trộm một tấm bảng hiệu, ngoài ra chỉ có lác đác vài mảnh giấy và thi thoảng là mấy hạt bông ngô bẹp gí.

Nắng chiều đổ những bóng dài qua các căn lều, trải ra trên nền đất khô. Một số chỗ trên mặt đất được sơn hoặc phủ bột màu trắng hoặc đen. Bailey có thể thấy lớp đất nâu bên dưới bị chà bật lên vì có quá nhiều người đã bước qua. Nó vừa rẽ vào một góc vừa nghĩ không biết mỗi đêm người ta có

phải sơn lại không, và vì đang mãi nhìn xuống đất nên nó suýt đâm phải một cô bé.

Cô bé đang đứng trên lối đi giữa hai căn lều, cứ đứng như thể đang đợi nó. Cô bé cũng tầm tuổi Bailey, thứ cô mặc trên người chỉ có thể là trang phục biểu diễn, bởi chắc chắn đó không phải là quần áo bình thường. Ủng trắng với rất nhiều khuy cài, tất trắng, và chiếc váy trắng may từ đủ loại vải có thể hình dung được, từ voan nhẹ, lụa đến vải bông, phối lại thành một, với áo khoác ngắn kiểu nhà binh, và găng tay trắng. Từng phen từ cổ cô bé trở xuống đều mặc tuyền một màu trắng, nên trông mái tóc đỏ của cô càng nổi bật đầy ấn tượng.

“Đằng ấy không được phép ở đây,” cô bé tóc đỏ khẽ nói, giọng không có vẻ gì khó chịu hay ngạc nhiên. Bailey chớp mắt nhìn cô bé mấy lần rồi mới lắp bắp trả lời.

“Tớ... ờ, tớ biết,” nó thấy như mình vừa rặn ra những lời ngốc nghếch nhất trần đời, nhưng cô bé chỉ nhìn nó. “Xin lỗi nha,” Bailey bồi thêm, xem chừng còn ngổ hơn.

“Đằng ấy nên ra khỏi đây trước khi bất cứ ai khác trông thấy,” cô bé nói, liếc qua vai, nhưng Bailey không biết cô bé đang tìm kiếm gì. “Đằng ấy vào bằng đường nào vậy?”

“Phía sau, ờ...” Bailey quay lại nhưng không thể nói được nó đã đi đường nào, lối đi uốn cắt qua nhau, không có dấu hiệu nào để dò lại được chính xác con đường nó đã đi. “Tớ cũng không biết nữa,” nó đành nói.

“Không sao, bây giờ đi với tớ.” Cô bé nắm tay nó trong bàn tay đi găng trắng của mình và kéo nó theo một trong các lối đi. Cô bé không nói gì hơn khi cả hai đi qua những căn lều, dù cô ra hiệu bảo nó dừng lại khi chúng đi đến một góc và cùng đứng bất động khoảng một phút. Bailey mở miệng toan hỏi sao phải đợi thì cô bé chỉ đặt ngón tay lên môi mình, ra hiệu bảo nó yên lặng, rồi vài giây sau dẫn nó đi tiếp.

“Đằng ấy lách được qua hàng rào phải không?” cô bé hỏi và Bailey gật. Cô bé liền rẽ ngoặt sau một căn lều, xuôi theo một lối đi mà Bailey chưa từng thấy, và hàng rào lại xuất hiện, bên ngoài là cánh đồng. “Ra bằng lối này,” cô bé nói. “Đằng ấy sẽ ổn thôi.”

Cô bé giúp Bailey nghiêng mình lách qua hai chấn song, chỗ này có vẻ hẹp hơn lúc trước. Khi Bailey đã ở bên kia hàng rào, nó quay lại nhìn cô bé.

“Cảm ơn cậu,” nó nói, chẳng nghĩ được gì khác.

“Có gì đâu,” cô bé nói. “Nhưng đằng ấy nên cẩn thận hơn. Ban ngày đằng ấy không nên ở đây, cắm vào đấy.”

“Tớ biết, thật xin lỗi,” Bailey nói. “Thế hấp huyết nghĩa là gì vậy?”

Cô bé mỉm cười.

“Nghĩa là hút cạn máu của đằng ấy. Nhưng thực ra họ chẳng làm thế thật đâu, tớ nghĩ thế.”

Cô bé quay người và bắt đầu đi ngược lại con đường lúc nãy.

“Đợi đã,” Bailey gọi, dù nó không biết gọi cô bé lại làm gì. Cô bé quay lại bên hàng rào, không nói gì, chỉ chờ nghe Bailey nói. “Tớ... Tớ phải mang được thứ gì đó về,” Bailey nói và rồi lập tức hối tiếc. Cô bé cau mày khi chăm chăm nhìn nó qua các chấn song.

“Mang thứ gì về ư?” cô bé nhắc lại.

“Ừ,” Bailey đáp, nhìn xuống đôi giày nâu cũ mòn của mình và đôi ủng trắng của cô bé ở bên kia hàng rào. “Tớ bị thách làm liều,” nó nói thêm, hy vọng cô bé sẽ hiểu.

Cô bé mỉm cười, bậm bôi một giây có vẻ nghĩ ngợi, và rồi tháo một chiếc găng tay trắng ra, đưa cho Bailey qua chấn song. Bailey lưỡng lự.

“Không sao đâu, cứ cầm đi,” cô bé nói. “Tớ có nguyên cả một hộp cơ.”

Bailey nhận lấy chiếc găng trắng và bỏ vào túi áo. “Cảm ơn cậu,” Bailey nói thêm lần nữa.

“Không có gì, Bailey ạ,” cô bé nói. Lần này khi cô bé quay đi, Bailey không nói gì, và cô bé đi khuất sau góc một căn lều sọc.

Bailey còn đứng đó một lúc lâu rồi mới băng qua cánh đồng quay về. Nó đến chỗ cây sồi thì chẳng còn đũa nào ở đó, chỉ có cơ man nào là quả sồi trên mặt đất, và mặt trời đang lặn dần.

Đi được nửa đường về nhà Bailey mới sực nhận ra rằng nó chưa từng nói tên mình cho cô bé biết.

TRỢ THỦ VÀ CHỦ MƯU

LONDON, THÁNG HAI 1885

Những Bữa Tối Lúc Nửa Đêm đã thành truyền thống tại *la maison*^[9] Lefèvre. Tất cả đều từ bàn tay dàn dựng đầy ngẫu hứng của Chandresh, và thành hiện thực nhờ tổng hòa của chứng mất ngủ kinh niên, thói quen sống theo giờ nhà hát, và sở ghét bẩm sinh những nghi thức rườm rà theo thông lệ của các buổi tiệc tối truyền thống. Cũng có nhiều chỗ để tiệc tùng sau khi hết giờ làm việc, nhưng chẳng có nơi nào chiều được khẩu vị của Chandresh.

Thế là ông bắt đầu tổ chức những bữa tiệc thịnh soạn và nhiều món, với món đầu tiên luôn được dọn lên vào đúng nửa đêm. Luôn chính xác đúng nửa đêm, thời khắc chiếc đồng hồ đứng ở hành lang bắt đầu đổ chuông, món ăn đầu tiên được dọn ra. Chandresh cho rằng sự đúng giờ đó đã bỏ khuyết vào bữa ăn chút không khí nghi thức. Ban đầu, những Bữa Tối Lúc

Nửa Đêm thường nhỏ thôi, mang tính chất gặp gỡ thân mật giữa bạn bè và đồng nghiệp. Theo thời gian, chúng ngày càng trở nên thường xuyên và xa hoa hơn, cuối cùng trở thành một thứ gắn kết ngầm. Giờ thì không ít người thèm muốn một lời mời đến dùng Bữa Tối Lúc Nửa Đêm.

Những bữa tối này đều có chọn lọc cả. Đôi khi lên tới ba mươi, thỉnh thoảng lại chỉ có năm người. Số thực khách chuẩn thường là từ mười hai đến mười lăm. Cung cách ẩm thực luôn tinh tế bất kể số khách là bao nhiêu. Chandresh không bao giờ giới thiệu thực đơn. Trong những bữa tối kiểu này, nếu có bữa tối nào có thể coi là tương tự, gia chủ hẳn sẽ chuẩn bị những cuốn thực đơn chữ nghĩa bay bướm, in trang trọng trên giấy cứng, mô tả

từng chi tiết mỗi món ăn, hoặc có thể chỉ nêu tên các món, tên nào cũng đầy sức gợi trí tò mò.

Nhưng những Bữa Tối Lúc Nửa Đêm sẵn có bầu không khí huyền bí của màn đêm, nên Chandresh cho rằng không hé lộ thực đơn, bản đồ của con đường ẩm thực, chính là một cách thêm gia vị vào hành trình. Từng món được dọn lên bàn, một số rất dễ nhận ra như chim cú, thịt thỏ hoặc cừu, bày trên lá chuối hoặc nướng với táo hay dùng kèm anh đào ngâm rượu. Những món khác có vẻ bí ẩn hơn, giấu mình trong nước sốt ngọt hoặc súp cay, những món không rõ là thịt gì nhồi trong bột nhào và phủ kem.

Nếu một vị khách muốn biết thành phần của món ăn, hoặc đặt câu hỏi về nguồn gốc một gia vị nào đó, thứ hương vị mà bà không thể nhón tay chạm vào (thậm chí những người có vị giác tinh tế nhất cũng không bao giờ có thể phân tách từng hương vị), thì bà khách ấy sẽ không nhận được câu trả lời thỏa đáng.

Chandresh sẽ nhắc khéo rằng “công thức nấu nướng là của mấy tay đầu bếp, và tôi không phải là người không biết tôn trọng bí quyết của họ.” Bà khách hiếu kỳ sẽ quay lại với cái đĩa bí hiểm trước mặt, có thể sẽ trầm trồ rằng dù bí quyết là gì, món ăn vẫn đầy ấn tượng. Và bà ấy sẽ tiếp tục tự hỏi không biết hương vị độc đáo đó từ đâu mà ra, rồi vừa thưởng thức từng miếng vừa trầm ngâm nghĩ ngợi.

Tại những bữa tối này, chuyện trò phần lớn dành cho khoảng thời gian giữa các món.

Thực ra, Chandresh không muốn biết hết tất cả các nguyên liệu, không muốn hiểu tường tận từng kỹ thuật nấu nướng. Ông cho rằng chính sự ngây thơ đó mang lại sức sống cho mỗi món ăn, khiến nó có ý nghĩa nhiều hơn là phép cộng của các thành phần.

“À,” một vị khách bình luận khi chủ đề đó được đặt ra. “Anh không muốn nhìn thấy bánh răng đồng hồ để có thể nói giờ được chính xác hơn.”)

Các món tráng miệng luôn cực kỳ hấp dẫn. Những kiểu bánh ngọt trang trí đẹp mắt bằng sô-cô-la và kẹo bơ, các loại dâu và quả mâm xôi phủ trên kem và rưới rượu mùi. Những lớp bánh kem xếp chồng lên nhau, cao đến đáng ngạc nhiên, còn bánh nướng thì xốp nhẹ hơn cả không khí. Những quả sung rưới mật ong, đường nấu chảy, kéo thành những cuộn tròn và những bông hoa lạ mắt. Thường thường các vị khách vẫn bảo nhau rằng món tráng miệng đẹp và tinh tế như vậy thì không nữ ăn, nhưng rồi ai nấy cũng tìm được cách xử lý hết.

Chandresh không bao giờ tiết lộ danh tính các vị đầu bếp. Người ta đồn đoán rằng Chandresh đã bắt cóc những thiên tài nấu nướng từ khắp nơi trên thế giới và giam giữ họ trong bếp, nơi họ bị ép phải làm hài lòng những ý thích bất chợt của ông. Cũng có lời đồn rằng thức ăn không được chế biến tại gia mà được đưa về từ những nhà hàng xuất sắc nhất London, được trả thêm để phục vụ vào lúc khuya khoắt. Lập luận này thường khiến người ta tranh cãi về cách giữ những món nóng luôn nóng sốt và những món lạnh còn nguyên hơi lạnh. Câu chuyện chưa bao giờ đi đến kết luận thỏa đáng và thường khiến các bên tranh luận thấy đói bụng hơn.

Bất kể nguồn gốc từ đâu, thức ăn bữa nào cũng mê ly. Trang trí nội thất trong phòng ăn (hoặc các phòng ăn, tùy thuộc số người được mời) cũng tráng lệ như phần còn lại của căn nhà, lộng lẫy trong hai màu chủ đạo là đỏ thắm và vàng kim, cùng những tác phẩm nghệ thuật và tạo tác từ khắp nơi trên thế giới, bày biện ở bất cứ đâu có thể bày được. Tất cả được chiếu sáng bằng những chùm đèn lóng lánh và rất nhiều nến, để ánh sáng không chỉ tươi rõ mà còn trầm ấm lung linh.

Thường có những tiết mục giải trí kiểu này kiểu kia: các vũ công, ảo thuật gia, hay những nhạc công chẳng giống ai. Những buổi gặp gỡ thân mật hơn luôn có sự xuất hiện của nghệ sĩ dương cầm riêng của Chandresh, một phụ nữ trẻ rất đẹp chơi đàn liên tục suốt đêm và không bao giờ thốt ra một lời với người khác.

Đó là những dạ tiệc như bất cứ dạ tiệc nào, dù khung cảnh và thời điểm khuya muộn ấy khiến bữa tiệc trở thành thứ khác, một cái gì đó bất bình thường và đáng để tò mò. Chandresh có sự nhạy cảm bẩm sinh với những gì bất bình thường và gây tò mò; ông hiểu rõ sức mạnh của bầu không khí.

Vào cái đêm đặc biệt này, Bữa Tối Lúc Nửa Đêm hôm nay khá thân mật với chỉ năm vị khách được mời. Và bữa tối hôm nay không chỉ là một cuộc gặp gỡ xã giao.

Người đầu tiên xuất hiện (sau nghệ sĩ dương cầm hiện đã ngồi vào đàn) là Mme.^[10] Ana Padva, một vũ công ba-lê danh tiếng người Rumanian đã giải nghệ, từng là bạn thân với bà thân sinh của Chandresh. Hồi còn bé, ông gọi bà là Tante^[11] Padva, và cho đến giờ vẫn gọi như vậy. Bà là một phụ nữ quý phái, dù tuổi đã cao vẫn giữ được nét duyên dáng của một vũ công, cùng với khiếu thẩm mỹ hoàn hảo. Giác quan tinh tế ấy chính là lý do bà được mời đến buổi tối này. Bà luôn nhiệt thành với cái đẹp bằng con mắt sành sỏi, cả hai thứ đều có một không hai, đáng để người đời ghen tị, và mang về cho bà nguồn thu nhập không nhỏ kể từ khi thôi biểu diễn ba-lê.

Báo chí nói rằng bà là thầy phù thủy của vải vóc. Người tạo ra điều kỳ diệu. Mme. Padva bỏ ngoài tai những bình luận ấy, dù bà từng đùa rằng nếu có đủ lụa là và áo lót đủ chắc chắn thì bà có thể biến chính Chandresh thành một quý cô diêm dúa bậc nhất.

Tối hôm nay, Mme. Padva mặc váy lụa đen với những họa tiết hoa anh đào thêu tay rất tinh tế. Mái tóc bạch kim của bà vấn lên đỉnh đầu và cài lại bằng một cái chụp đen đính đá quý. Chiếc băng đeo gắn hồng ngọc đỏ thắm cuốn quanh cổ, tạo ấn tượng mơ hồ như thể cổ họng bà bị chửa. Ấn tượng chung là hơi quái quái nhưng đầy trang nhã.

Ông Ethan W. Barris là một kỹ sư, kiến trúc sư có tên tuổi, và là vị khách thứ hai xuất hiện. Trông ông như đang đi lạc vào một ngôi nhà xa lạ. Có lẽ nơi thích hợp dành cho ông, nơi ông coi là nhà, phải là văn phòng hay nhà băng. Điệu bộ ông nom rụt rè với cặp kính gọng bạc, mái tóc chải tươm tất che giấu sự thật rằng nó đang mỏng dần đi. Trước đây ông mới gặp

Chandresh có một lần, tại một hội nghị về kiến trúc Hy Lạp cổ đại. Lời mời ăn tối này đối với ông thật bất ngờ. Ông không phải kiểu người thường được mời đến những tiệc tùng long trọng khuya khoắt và bất thường thế này, hay đến những cuộc xã giao thông thường về một việc gì đó, nhưng có lẽ ông quá lịch thiệp nên không dám từ chối lời mời. Ngoài ra, từ lâu ông đã muốn được nhìn tận mắt bên trong dinh cơ của Lefèvre, nơi đã thành giai thoại trong cánh đồng nghiệp cùng ngành thiết kế nội thất với ông.

Chỉ chốc lát sau khi tới, ông đã tìm cho mình một ly rượu lóng lánh, bông đùa thân mật với bà cựu vũ công ba-lê. Ông nhận ra rằng mình cũng khá hợp với những tiệc tùng long trọng khuya khoắt, và nên gắng tham gia thường xuyên hơn.

Chị em nhà Burgess đến cùng nhau. Tara và Lainie làm mỗi thứ một ít. Lúc là vũ công, lúc là diễn viên. Có thời gian họ đã là thủ thư, nhưng đó là chuyện họ chỉ bàn đến nếu say khướt. Gần đây họ bắt đầu khởi nghiệp tư vấn. Về bất cứ vấn đề gì. Họ đưa ra lời khuyên về đủ các chủ đề, từ các mối quan hệ và tài chính tới du lịch và giày dép. Bí quyết của họ (mà họ cũng chỉ bàn đến nếu đủ say) là kỹ năng quan sát vô cùng sắc bén. Họ thấy từng chi tiết, cảm nhận được những thay đổi tinh vi nhất. Và nếu Tara có xao lãng điều gì thì Lainie sẽ chẳng bỏ qua (và ngược lại).

Họ thấy vui thú khi có thể giải quyết những vấn đề của người khác bằng cách đưa ra lời khuyên hơn là tự làm lấy mọi việc. Như thế dễ chịu hơn, họ nói.

Hai chị em giống hệt nhau: cả hai đều có mái tóc gợn sóng màu hạt dẻ và đôi mắt to nâu nhạt khiến họ trông trẻ hơn tuổi, ấy là chưa kể rằng chẳng ai nói ra tuổi thật của mình hay tiết lộ ai là chị ai là em. Họ phục sức rất thời thượng, không hoàn toàn giống hệt nhau nhưng hài hòa tuyệt đẹp, người nọ tôn người kia lên.

Mme. Padva đón tiếp họ với vẻ lạnh nhạt bà thường trưng ra trước những thứ trẻ trung xinh đẹp, nhưng trở nên niềm nở hơn khi họ hết lời khen ngợi mái tóc, trang sức và váy áo của bà. Hai cô gái gây được ấn tượng mạnh với

ông Barris. Có lẽ vì lượng rượu ông đã uống. Hết sức cố gắng nhưng ông vẫn không tài nào hiểu được chất giọng Scotland nặng nề của họ, nếu họ quả đúng là người Scotland. Ông cũng không biết nữa.

Vị khách cuối cùng xuất hiện chỉ chốc lát trước giờ ăn tối, khi các thực khách khác đã được mời ngồi và rượu đã được rót ra. Ông cao dong dỏng, trông rất khó đoán tuổi và chẳng có nét gì đặc biệt. Ông mặc bộ áo đuôi tôm tuyền một màu xám, để mũ và ba-toong ở cửa, đưa danh thiếp có tên “Ông A.H-.” Ông lịch sự gật đầu với các vị khách đang ngồi nhưng không nói gì.

Lúc này Chandresh xuất hiện, ngay sau đó là anh trợ lý, Marco, một thanh niên đẹp trai với đôi mắt xanh lục nổi bật, nhanh chóng thu hút sự chú ý của cả hai chị em Burgess.

“Tôi mời các vị đến đây là có lý do,” Chandresh nói, “chắc hẳn các vị cũng đoán được rồi. Tuy nhiên đây là chuyện làm ăn, và tôi biết người ta chỉ thảo luận hiệu quả với một cái dạ dày no, nên chúng ta sẽ để dành công chuyện tới sau món tráng miệng.” Ông khẽ vẫy một trong những người phục vụ và khi chiếc đồng hồ trong đại sảnh bắt đầu đổ những tiếng trầm chậm rãi, ngân mười hai hồi vang vọng khắp căn nhà, món khai vị được dọn ra. Chuyện trò rôm rả và cứ tuôn ra như rượu rót theo mỗi món ăn. Các quý bà quý cô hoạt ngôn hơn cánh nam giới. Thực ra người đàn ông mặc đồ xám hầu như không nói một lời. Và dù chẳng mấy ai trong số họ từng gặp nhau trước đó, nhưng cho đến khi dùng xong các món chính, người ngoài quan sát có thể cho rằng họ đã thân nhau từ rất lâu rồi.

Khi đã qua món tráng miệng, vài phút trước hai giờ sáng, Chandresh đứng lên và hăng giọng.

“Nếu các vị có lòng, mời cùng tôi sang phòng làm việc dùng cà phê và rượu brandy, rồi chúng ta bàn công chuyện.” Ông gật đầu với Marco, anh này lập tức đi đâu đó rồi quay lại với họ tại phòng làm việc trên gác cùng mấy cuốn sổ lớn và những cuộn giấy trong tay. Cà phê và rượu brandy được rót ra, các vị khách ngồi trên xô-pha và ghế bành quanh lò sưởi hồng kêu tí

tách. Châm một liều thuốc, Chandresh bắt đầu trình bày, nhấn nhá bằng những làn khói nhả ra đầy chủ ý.

“Sự có mặt của các vị tối hôm nay là do tôi đang khởi sự một dự án, các vị có thể nói đó là công trình nỗ lực của tôi. Tôi tin rằng nỗ lực này sẽ hấp dẫn tất cả quý vị, và từng người trong số quý vị sẽ bổ khuyết vào kế hoạch theo những cách thức độc đáo của mình. Sự hỗ trợ hoàn toàn tự nguyện của quý vị sẽ được trân trọng và báo đáp xứng đáng,” ông nói.

“Chandresh ơi, đừng vòng vo nữa và hãy nói ngay trò chơi mới đi,” Mme. Padva nói, đung đưa ly rượu trong tay.

“Có những người trong chúng tôi không trẻ lại được đâu.” Một trong hai chị em Burgess bật cười khúc khích. “Nhưng điều đó là dĩ nhiên mà, Tante Padva.”

Chandresh nghiêng mình về phía bà. “Trò chơi mới của tôi, các vị có thể gọi chính xác nó là một rạp xiếc.”

“Một rạp xiếc ư?” Lainie Burgess mỉm cười. “Thật tuyệt!”

“Như lễ hội hóa trang phải không?” Ông Barris hỏi, thoáng vẻ bối rối.

“Còn hơn cả lễ hội hoá trang,” Chandresh nói. “Thực sự còn hơn cả một rạp xiếc, không giống bất cứ rạp xiếc nào từ xưa đến nay. Không phải là một lều lớn duy nhất mà là tổ hợp nhiều căn lều, mỗi căn biểu diễn một tiết mục riêng. Không có voi hay các anh hề, phải là cái gì đó tinh túy hơn thế. Cái gì đó không tầm thường. Đây là sự khác biệt, đây là trải nghiệm có một không hai, một đại tiệc của các giác quan. Trình diễn không cần nhà hát, trò vui khiến người xem choáng ngợp. Chúng ta sẽ phá tan những định kiến, những khuôn mẫu vốn có về rạp xiếc và tạo ra một cái gì đó hoàn toàn mới.” Ông ra hiệu cho Marco, anh này liền trải các cuộn giấy lên mặt bàn, chặn các góc bằng đủ loại chặn giấy và những thứ linh tinh khác (như một cái sọ khỉ hay một con bướm bất động trong pha lê).

Kế hoạch chủ yếu là ở dạng phác thảo, xung quanh chi chít ghi chú. Đó chỉ là những ý tưởng rời rạc: các căn lều cụm lại với nhau thành hình tròn,

quanh một khoảnh sân lớn với những lối đi. Danh sách những tiết mục biểu diễn hoặc tạp kỹ được ngoáy vội ra bên lề, vài cái bị gạch đi hoặc được khoanh tròn. Tiên đoán tương lai. Giữ thăng bằng trên dây. Ảo thuật biến hình. Uốn dẻo nghệ thuật. Biểu diễn vũ đạo. Làm xiếc với lửa.

Chị em Burgess và ông Barris chăm chú nhìn các phác thảo, đọc từng ghi chép khi Chandresh liên tiếp đưa ra ý tưởng. Mme. Padva mỉm cười, ngồi yên lặng nhấp brandy. Ông A.H- không cử động, nét mặt im lìm không biểu lộ cảm xúc gì.

“Đây mới chỉ là giai đoạn hình thành khái niệm, và đó là lý do tôi mời tất cả các vị tới đây, để cùng động não và triển khai ý tưởng. Cái chúng ta cần là bản sắc riêng, một phong thái tao nhã và quyến rũ. Độc đáo trong tổ chức và kết cấu. Pha màu kỳ ảo và điểm xuyết bí hiểm. Tôi tin rằng các vị chính là những người có thể hiện thực hóa điều này. Nếu có vị nào không đồng tình, xin mời cứ ra về, nhưng tôi kính đề nghị quý vị đừng tiết lộ câu chuyện với ai. Tôi muốn những kế hoạch này được hoàn toàn tuyệt mật, ít nhất vào hiện tại. Dù sao lúc này vẫn còn quá nhạy cảm.” Ông kéo một hơi xì-gà, chậm chậm nhả khói và kết luận. “Nếu chúng ta làm đến nơi đến chốn, rạp xiếc chắc chắn sẽ có sức sống riêng.”

Chỉ có im lặng sau khi ông dứt lời. Ngọn lửa tí tách trong căn phòng hồi lâu khi các vị khách nhìn nhau, hết người nọ sang người kia, chờ nhau một câu trả lời. “Tôi xin cái bút chì được chứ?” Ông Barris lên tiếng.

Marco đưa cho và ông ta bắt đầu vẽ, từ phác thảo sơ khai phát triển thành một thiết kế phức tạp.

Các vị khách của Chandresh nán lại cho tới trước rặng đông, và cuối cùng khi họ ra về, số lượng bản vẽ phác thảo và ghi chép đã nhiều gấp ba lần so với khi họ mới tới, chẳng mặc khắp nơi trong phòng làm việc như những tấm bản đồ tới một kho báu còn chưa ai biết.

LỜI CHIA BUỒN

NEW YORK, THÁNG BA 1885

Tin tức báo chí cho biết Hector Bowen, thường được biết đến với cái tên Prospero Người Mê Hoặc, nghệ sĩ biểu diễn và ảo thuật gia danh tiếng, đã qua đời vì suy tim tại gia vào ngày Mười lăm tháng Ba. Bản cáo phó điểm lại những thành tựu và di sản của ông. Tuổi hưởng thọ có chút sai lệch, một chi tiết chẳng mấy độc giả để ý. Một đoạn ngắn ở cuối cáo phó cho hay ông còn để lại một cô con gái mười bảy tuổi, một cô Celia Bowen nào đó. Con số này thì chính xác. Cũng có lưu ý rằng dù nghi thức tang lễ chỉ giữa các thành viên gia đình, nhưng lời chia buồn cùng gia quyến có thể gửi tới địa chỉ của một trong những nhà hát trong thành phố.

Các bưu thiếp và thư chia buồn được gom lại, đóng gói vào các túi, và được chuyển đến nhà riêng của gia đình Bowen, một ngôi nhà phố đã đầy ắp các vòng hoa phúng viếng rất hợp thời điểm. Mùi hoa ly sực nức khắp nơi, Celia không thể chịu được bèn biến hết chúng thành hoa hồng.

Celia bỏ đồng thư chia buồn chất ngất trên bàn phòng ăn đến mức chúng chỉ chực đổ nhào xuống sàn. Cô không muốn động đến nhưng cũng không thể cứ vứt đi mà không đọc.

Khi không thể lần khăn thêm được nữa, cô pha một ấm trà và bắt đầu xử lý núi giấy đó. Cô mở từng lá thư và phân loại thành từng đống.

Dấu bưu cục từ khắp nơi trên thế giới. Có những lá thư dài nức nở đầy thương cảm. Có những lời động viên nhạt nhẽo và khen ngợi sáo rỗng về tài năng của cha cô. Rất nhiều người tỏ ý rằng họ không hề biết Prospero vĩ đại có một cô con gái. Những người khác trù mến nhớ đến cô, mô tả cô là một

cô bé xinh xắn, nhí nhảnh, mà Celia chẳng nhớ nổi mình đã từng như thế. Một vài bức thư còn trơ trên ngỏ lời cầu hôn.

Chính những bức thư ấy khiến Celia tức giận vo lại, siết từng viên giấy trong lòng bàn tay cho đến khi chúng bùng cháy, chỉ còn lại tro tàn và cô thối bay vào hư vô. “Tôi đã *kết hôn* rồi,” cô nói với không khí, xoay tròn chiếc nhẫn trên bàn tay phải, chiếc nhẫn che đi vết sẹo đã có từ lâu nhưng còn rất rõ.

Trong đồng thư thiệp có một phong bì màu xám.

Celia kéo cái phong bì ấy ra khỏi chồng thư, rạch mở bằng con dao bạc, chuẩn bị lẳng luôn vào đồng thư đã mở.

Nhưng phong bì này không giống những cái khác, nó gửi đích danh cha cô, dù dấu bưu điện là sau ngày ông mất. Tấm thiệp bên trong không phải là lời cảm thông hay chia buồn với mất mát của cô.

Không chào hỏi. Cũng chẳng có chữ kí. Dòng chữ viết tay trên giấy chỉ vền vẹn ba từ:

Động thủ đi.

Celia lật ngược tấm thiệp nhưng mặt bên kia không có gì. Cũng chẳng có con dấu của hãng in thiệp. Phong bì không ghi địa chỉ người gửi.

Cô đọc đi đọc lại mấy con chữ trên tờ giấy màu xám.

Cô không dám chắc cảm giác chạy dọc sống lưng mình là phấn khích hay sợ hãi.

Bỏ mặc đồng thư chia buồn còn lại, Celia cầm tấm thiệp trong tay, rời căn phòng, theo cầu thang xoắn ốc đi lên gác.

Cô rút xâu chìa khóa từ trong túi ra, nôn nóng mở ba ổ khóa khác nhau để vào được căn phòng ngập nắng chiều rực rỡ.

“Cái này nghĩa là gì ạ?” Celia nói, giơ tấm thiệp lên trước mặt khi bước vào.

Bóng hình bên cửa sổ quay lại. Ánh nắng chạm vào nơi nào trên người ông, chỗ đó trở nên vô hình. Một bên vai không còn nữa, phần đầu biến mất trong bụi nắng óng ánh. Phần còn lại của ông thì trong suốt, như ảnh phản chiếu lên thủy tinh.

Những gì còn lại của Hector Bowen đọc tấm thiệp và bật cười sáng khoái.

HÌNH XĂM CỦA NGHỆ SĨ UỐN DẼO

LONDON, THÁNG CHÍN 1885

Khoảng một lần mỗi tháng lại có những Bữa Tối Lúc Nửa Đêm, không hẳn được lên lịch thường xuyên, và giờ các khách mời thường gọi nó là Bữa Tối Rạp Xiếc. Đó là những đêm tổng hòa của giao tế xã hội và hội đàm công việc.

Mme. Padva luôn có mặt, và một trong hai hoặc cả hai chị em nhà Burgess là không thể thiếu. Ông Barris tham gia mỗi khi có thể, vì ông thường phải đi lại và vì thế cũng chẳng rảnh rang được như ông muốn.

Ông A.H- hiếm khi xuất hiện. Tara nhận xét rằng các buổi họp sau khi ăn tối thường hiệu quả hơn mỗi khi ông có mặt, dù ông chỉ thi thoảng đưa ra những ý kiến về khâu tổ chức và điều hành rạp xiếc.

Tối hôm nay chỉ có các quý bà, quý cô.

“Ông Barris của chúng ta đi đâu rồi nhỉ?” Mme. Padva hỏi sau khi chỉ có chị em nhà Burgess tới, vì ông thường tháp tùng họ.

“Ông ấy đang ở Đức,” Lainie và Tara cùng đồng thanh trong một điệp khúc hoàn hảo, khiến Chandresh bật cười trong khi đưa họ mỗi người một ly rượu.

“Ông ấy đi liên hệ với người làm đồng hồ,” Lainie độc diễn. “Công việc gì đó với sứ mạng tạo dựng một phần của rạp xiếc, trước khi đi ông ấy rất phấn chấn và háo hức.” Bữa tối đêm hôm nay không có trò vui nào, thậm chí

cũng không có màn dương cầm quen thuộc, nhưng trò vui vẫn đến bất ngờ trên ngưỡng cửa.

Cô ấy nói tên là Tsukiko, dù không nói rõ đó là tên riêng hay họ.

Cô ấy nhỏ nhắn nhưng không thấp bé. Mái tóc đen dài như bầu trời đêm được bện đầy nghệ thuật thành những bím cầu kì trên đầu. Cô mặc áo khoác tối màu quá rộng so với vóc dáng, nhưng cô đi lại cứ như thể nó là tấm áo chùng mềm mại hững hờ khoác lên người, vì thế mà phong thái trở nên vô cùng yếu điệu.

Marco để cô đứng ở hành lang, kiên nhẫn chờ đợi dưới bức tượng đầu voi vàng kim bụi chẳng, còn anh ta cố gắng trình bày hoàn cảnh với Chandresh. Tất nhiên điều này khiến toàn bộ khách dự bữa tối kéo nhau ra đại sảnh xem chuyện gì huyền ảo thế.

“Điều gì đưa cô tới đây vào giờ này?” Chandresh hỏi, tỏ vẻ khó hiểu. Những chuyện lạ lùng vẫn thường xảy ra ở *la maison* Lefèvre, những trò quái dị hơn một tiết mục tạp kĩ bất ngờ nhiều, và đôi khi dương cầm thủ của

Chandresh cũng gửi người đến biểu diễn thay nếu chính cô ấy không thể đến được.

“Tôi thuộc dạng sống về đêm” là câu trả lời duy nhất của Tsukiko. Cô không giải thích bước ngoặt nào của số phận đã đưa cô đến nơi này, vào tại thời điểm này, nhưng cùng với vẻ đăm thắm, nụ cười của cô ấm áp và dễ gây thiện cảm. Chị em Burgess lập tức năn nỉ Chandresh hãy để cô ấy ở lại.

“Chúng tôi chuẩn bị ăn tối,” Chandresh vẫn nhíu mày, “nhưng xin mời cô vào phòng ăn, và hãy... biểu diễn bất cứ tiết mục gì cô muốn.”

Tsukiko nghiêng mình chào, và nụ cười lại hé nở.

Khi khách và chủ nhà đã yên vị trong phòng ăn, Marco cất áo khoác giúp cô. Anh hơi chững lại khi thấy những gì bên dưới nếp áo.

Cô mặc kiểu váy mỏng manh có thể khiến một đám khán giả khác tròn mắt xì xào, nhưng dọa được những vị khách đến dùng bữa hôm nay cũng

không phải chuyện dễ dàng gì. Trang phục của cô trông giống một dải lụa đỏ trông qua chiếc áo lót chiết eo thắt chặt bằng dây, hơn là một bộ váy đúng nghĩa.

Nhưng điều khiến Marco không thể rời mắt không phải là trang phục như có như không, mà là hình xăm loằng ngoằng bò trên da cô.

Ban đầu khó có thể hình dung được đó là gì, vô số những ký tự đen nổi nhau lan trên vai và cổ cô, dừng lại trên gò ngực phía trước và biến mất sau những dây thắt áo lót ở sau lưng. Không thể xác định được hình xăm còn chạy đến đâu trên da thịt Tsukiko.

Nhìn kĩ hơn có thể thấy mảng xăm không chỉ đơn giản là những ký tự màu đen. Đó là một dòng thác tuôn chảy những biểu tượng của thuật giả kim và chiêm tinh học, những ký hiệu cổ tượng trưng cho các hành tinh và các nguyên tố, tất cả được xăm trở bằng mực đen lên làn da sáng màu. Thủy ngân. Chì. Antimon. Mảnh trăng khuyết ngự trên gáy; chữ thập chìa khóa, biểu tượng sự sống của người Ai Cập, nằm gần xương quai xanh. Còn cả những biểu tượng khác nữa: cổ ngữ bắc Âu, chữ tượng hình Trung Quốc. Không thể đếm nổi có bao nhiêu hình xăm nhỏ như vậy, nhưng tất cả nối kết nhau, đan cài tinh tế, trang điểm cho cô như một món trang sức lạ mắt.

Tsukiko bắt gặp ánh mắt Marco. Dù anh không hỏi, cô vẫn khẽ nói: “Đó là một phần những gì vốn là tôi, đang là tôi và sẽ là tôi.”

Rồi cô mỉm cười bước vào phòng ăn, để Marco lại một mình trong đại sảnh, đúng lúc đồng hồ điểm nửa đêm và món ăn đầu tiên được phục vụ.

Cô cởi giày, để ở ngưỡng cửa và đi chân trần đến gần chiếc dương cầm, nơi có ánh sáng hài hòa nhất từ các giá nển và đèn chùm.

Ban đầu cô chỉ đứng thư giãn và thả lỏng, trong khi các khán giả đang dùng bữa tối tò mò quan sát, và rồi phong cách biểu diễn của cô lập tức được bộc lộ.

Tsukiko là nghệ sĩ uốn dẻo.

Thông thường, các nghệ sĩ uốn dẻo bẻ cong người về phía trước mặt hoặc sau lưng, tùy thuộc xương sống của họ linh hoạt ở mức độ nào, và các trò diễn thường sẽ dựa trên sở trường này. Nhưng Tsukiko là một trong những nghệ sĩ hiếm hoi có thể bẻ gập cơ thể theo cả hai hướng như nhau.

Cô di chuyển với vẻ duyên dáng của một vũ công ba-lê nhà nghề, Mme. Padva nhận ngay ra điều này và đã thì thầm với hai chị em Burgess còn trước cả khi màn tuyệt kỹ của sự dẻo dai và nhanh nhẹn bắt đầu.

“Hồi còn là vũ công bà có làm được như vậy không?” Tara hỏi bà khi Tsukiko kéo một chân lên quá đầu, cao đến mức không thể tin được.

“Nếu ngày ấy mà làm được thì đời sống xã hội của tôi ắt đã bận bịu hơn rất nhiều,” Mme. Padva đáp với một cái lắc đầu.

Tsukiko là một nghệ sĩ trình diễn kiệt xuất. Động tác hoa mỹ hoàn hảo, giữ tư thế và bất động trong khoảng thời gian lý tưởng. Dù vận cơ thể vào những tư thế không thể tưởng tượng nổi và xem chừng rất đau đớn, cô vẫn điềm nhiên mỉm cười tươi tắn.

Mấy vị khán giả quên cả chuyện trò và dùng bữa tối vì mãi chiêm ngưỡng cô.

Lainie nói với Tara rằng rõ ràng cô nghe thấy tiếng nhạc, dù thực ra chẳng có điệu nhạc gì trừ tiếng vải lụa khê soạt trên da, và lửa tí tách trong lò sưởi.

“Đây chính là những gì tôi vẫn nói đến,” Chandresh thốt lên, tay nắm lại nệm xuống bàn, đột ngột phá tan sự im lặng bị bỏ bùa. Tara suýt đánh rơi chiếc đĩa đã khư khư trên tay hồi lâu, nhưng kịp giữ được để nó không rơi toẹt vào đĩa hầu nấu rượu đang ăn dở trước mặt. Tsukiko vẫn điềm nhiên tiếp tục những động tác uyển chuyển, dù có thể nhận ra nụ cười của cô.

“Đây ư?” Mme. Padva hỏi.

“Chính đây!” Chandresh nói chắc nịch, vẫy Tsukiko lại. “Đây chính là hương vị mà rạp xiếc cần có. Khác thường nhưng tuyệt đẹp. Khêu gợi nhưng vẫn trang nhã. Cô ấy đến đây đêm nay là số phận tiền định. Đơn giản

là chúng ta phải có được cô ấy, tôi sẽ không chấp nhận gì khác kém hơn. Marco, hãy lấy cho quý cô đây cái ghế.”

Một chỗ ngồi được sắp xếp cho Tsukiko; cô mỉm cười ngỡ ngàng khi cùng ngồi vào bàn.

Câu chuyện sau đó giống một kiểu ép buộc đầy khéo léo hơn là thẳng thắn mời làm việc, và đôi lúc câu chuyện đá sang chủ đề ba-lê, thời trang đương đại và thần thoại Nhật Bản.

Sau năm món ăn và kha khá rượu, Tsukiko cho phép mình bị thuyết phục, cô nhận lời biểu diễn tại một rạp xiếc còn chưa thành hình.

“Tốt rồi,” Chandresh nói. “Chúng ta sẽ vươn mình ra như những nghệ sĩ uốn dẻo vậy. Đó là điểm khởi đầu.”

“Ta không chỉ có một chú?” Lainie hỏi. “Cả một căn lều, như lều của các diễn viên đi trên dây chằng?”

“Không đời nào,” Chandresh đáp. “Thà chỉ có một viên kim cương hoàn hảo còn hơn cả đồng đá tạp nham. Chúng ta sẽ để cô ấy tỏa sáng, ở sân khu rạp hoặc một nơi nào đó.”

Vấn đề coi như đã được sắp đặt ổn thỏa, và từ món tráng miệng cho đến hết các loại đồ uống sau khi dùng bữa, câu chuyện chỉ xoay quanh chủ đề rạp xiếc.

• • •

TRƯỚC KHI RA VỀ, Tsukiko đưa Marco tấm danh thiếp cho biết cách thức liên lạc với cô. Không lâu sau, cô trở thành nhân vật không thể thiếu tại các Bữa Tối Rạp Xiếc, thường biểu diễn trước hoặc sau khi dùng bữa, cốt để các vị khách không bị phân tán trong khi thưởng thức các món ăn.

Cô vẫn là tiết mục yêu thích của Chandresh, với đầy đủ phẩm chất cần có cho rạp xiếc.

THUẬT TẠO TÁC ĐỒNG HỒ

MUNICH, 1885

Herr^[12] Friedrich Thiessen tiếp một vị khách bất ngờ, một ông người Anh có tên Ethan Barris, tại xưởng làm việc của mình ở Munich. Ông Barris này thừa nhận từng thán phục những chiếc đồng hồ quả lắc do Herr Thiessen chế tạo, suốt một khoảng thời gian đã cố tìm cách liên lạc với ông, và được một người bán hàng trong vùng chỉ đúng đến đây.

Ông Barris ngỏ ý hỏi Herr Thiessen có muốn chế tạo một công trình đặc biệt không. Herr Thiessen vốn đã có một bộ sưu tập các tác phẩm mình từng làm, nên giới thiệu với Barris cả một giá treo đủ kiểu đồng hồ quả lắc, từ chân phương đơn giản đến lộng lẫy cầu kỳ.

“Herr Thiessen, có lẽ ông chưa hiểu ý tôi,” ông Barris nói. “Đây là thứ để trưng diện với thiên hạ, khiến người ta tò mò. Các mẫu đồng hồ của ông rất ấn tượng, nhưng tôi mong đợi một cái gì đó thực sự nổi bật, *das Meisterwerk*^[13]. Và tiền tuyệt đối không phải là vấn đề.”

Bắt đầu hiếu kỳ, Herr Thiessen hỏi các chỉ số và chi tiết cụ thể. Ông chỉ được cung cấp rất ít thông tin. Có giới hạn về kích thước (nhưng vẫn còn quá lớn), và chỉ được dùng sơn màu đen, trắng và các gam xám. Ngoài ra, thiết kế và trang hoàng thế nào là tùy ông. Tự do sáng tạo nghệ thuật, ông Barris nói. “Như mơ” là từ cụ thể duy nhất ông đề cập đến.

Herr Thiessen đồng ý, hai người đàn ông bắt tay nhau. Ông Barris nói sẽ giữ liên lạc. Vài ngày sau một phong bì được gửi tới, mang theo một khoản tiền ketch sù, đề xuất thời hạn hoàn thành vài tháng sau đó, và một địa chỉ ở London để chiếc đồng hồ hoàn chỉnh được gửi tới. Hầu hết thời gian các tháng sau đó Herr Thiessen dành để chế tạo chiếc đồng hồ. Ông làm chút ít

việc khác nữa, dù với số tiền đã có, ông có thể hoàn toàn ung dung mà không phải làm thêm gì. Hàng tuần liền dành để thiết kế và chế tạo cơ khí. Ông thuê một phụ tá giúp hoàn thiện những phần gỗ đơn giản, còn chính ông tỉ mỉ với từng chi tiết. Herr Thiessen mê các chi tiết, và ông phải lòng những thử thách. Ông qui chiếu toàn bộ thiết kế của mình với một từ cụ thể duy nhất mà ông Barris đã nói đến. *Như mơ*.

Chiếc đồng hồ hoàn chỉnh là một kiệt tác. Thoạt nhìn nó chỉ là một cái đồng hồ khá to màu đen, mặt trắng, quả lắc bạc. Chế tạo tỉ mỉ, tất nhiên rồi, với những cạnh gỗ khắc tạc, chạm trổ tinh tế và được sơn hoàn hảo, nhưng chỉ là một cái đồng hồ.

Tuy nhiên đó là khi nó chưa được lên giây. Trước khi nó bắt đầu tích tắc, quả lắc từ từ đều đặn đưa qua đưa lại. Và rồi, và rồi, nó trở thành một thứ gì đó hoàn toàn khác.

Những thay đổi chậm chậm diễn ra. Đầu tiên, mặt đồng hồ đổi màu, chuyển từ trắng sang xám, rồi những đám mây bay kéo lên từ một cạnh, trôi ngang mặt đồng hồ, biến mất khi chạm cạnh bên kia.

Trong khi đó, từng mảnh trên thân đồng hồ tách ra rồi hợp lại, như những miếng ghép hình. Chiếc đồng hồ như đang bung rã, thông thả và đầy duyên dáng.

Tất cả mất chừng nhiều giờ đồng hồ.

Sắc xám trên mặt đồng hồ sẫm dần, rồi chuyển hẳn thành đen, những vì sao nhấp nhánh xuất hiện ở vị trí của những con số. Thân đồng hồ theo một trật tự từ từ chuyển mình từ trong ra ngoài và gia tăng kích cỡ, giờ hoàn toàn mang những gam màu tinh tế giữa trắng và xám. Và nó không còn là những miếng ghép mà là những hình thù cụ thể, những đóa hoa, những hành tinh, những cuốn sách nhỏ xíu với những trang giấy lật giở được hằn hoi, tất cả được chạm khắc hoàn hảo.

Con rồng bạc cuộn mình quanh lõi máy đồng hồ giờ đã được phô ra, nàng công chúa tí hon bồn chồn đi lại trong tòa tháp, ngóng trông chàng hoàng tử

chưa xuất hiện. Những bình trà rót nước vào các chén, và những làn khói mong manh cuộn lên theo từng nhịp kim giây. Những gói quà được mở. Mèo con đuổi chó con. Một bàn cờ hoàn chỉnh đang tự chơi.

Ở chính giữa, chỗ của con chim cú cu trong những chiếc đồng hồ quả lắc thông thường, là một nghệ sĩ tung hứng. Trong trang phục sặc sỡ với những họa tiết hình quả trám đặc trưng, anh ta tung những quả bóng bạc sáng bóng, ứng với số giờ cần chỉ. Theo thời gian, mỗi lần đồng hồ điểm lại có thêm một quả bóng, cho đến nửa đêm anh ta tung hứng mười hai quả bóng theo một quỹ đạo phức tạp.

Qua nửa đêm, chiếc đồng hồ một lần nữa bắt đầu gập mình trở lại trạng thái ban đầu. Mặt đồng hồ sáng dần lên và các đám mây xuất hiện. Số bóng tung hứng giảm dần cho đến khi chính nghệ sĩ tung hứng biến mất.

Đến trưa, nó trở về là chiếc đồng hồ, không còn là một giấc mơ nữa.

Vài tuần sau khi đồng hồ được gửi đi, Herr Thiessen nhận được một bức thư từ ông Barris, bày tỏ lòng cảm kích chân thành và thán phục sự độc đáo của chiếc đồng hồ. “Nó hiện thân cho hoàn hảo,” ông viết. Bức thư đồng hành cùng một khoản tiền ngất ngưỡng, đủ để

Herr Thiessen yên tâm nghỉ hưu nếu muốn. Ông không muốn, và tiếp tục tạo tác đồng hồ trong xưởng làm việc của ông ở Munich.

Ông không nghĩ gì đến chiếc đồng hồ ấy nữa, có chăng chỉ là một ý nghĩ thoáng qua, không biết cái đồng hồ để làm gì, đang ở đâu (dù ông đoán, trật lất, rằng nó vẫn ở London). Ý nghĩ ấy chỉ chợt đến vào những lúc chiếc đồng hồ ông đang chế tạo khiến ông nhớ đến đồng hồ *Wunschtraum*^[14]. Đó là cách ông vẫn gọi nó vào những giai đoạn vất vả của quá trình tạo tác, khi ông không dám chắc liệu nó có phải một giấc mơ có thể thành hiện thực.

Trừ bức thư duy nhất ấy, Herr Thiessen không nhận được tin tức gì từ ông Barris nữa.

MÀN RA MẮT

LONDON, THÁNG TƯ 1886

Số ảo thuật gia đông chưa từng thấy tập trung ở hành lang nhà hát. Một đám láo nháo những bộ cánh bảnh chọe và khăn tay lụa cài ở những vị trí đầy tính toán. Vài người kéo theo hòm xiềng và xúng xính áo choàng, những người khác mang lồng chim hoặc những cây ba-toong đầu bịt bạc. Họ không nói chuyện với nhau khi đứng đợi đến lượt mình được gọi, từng người một, không gọi thẳng tên (dù là tên riêng hay nghệ danh) mà bằng một con số viết trên mảnh giấy nhỏ phát cho họ từ cổng vào. Thay vì tán gẫu những chuyện hăm bà lằng hay rỉ tai nhau những mánh nghề, họ chuyển chỗ ngồi và bắn những tia nhìn không che giấu về phía cô gái.

Khi mới tới, vài người nhầm tưởng cô chỉ là một nàng phụ tá, nhưng cô ngồi ghế đợi, với mảnh giấy ghi con số (23).

Cô không mang theo hòm xiềng, áo chùng, lồng chim hay ba-toong. Cô mặc bộ váy màu xanh lục sẫm với áo khoác đen tay bông. Những lọn tóc nâu dày vấn gọn trên đầu, dưới chiếc mũ nhỏ màu đen gắn lông chim không có gì đặc biệt. Khuôn mặt cô còn nét trẻ con, hàng mi óng dài và bờ môi hơi bĩu, dù rõ là cô đã lớn hơn cái tuổi có thể được gọi là “cô bé.” Nhưng rất khó đoán cô bao nhiêu tuổi, và chẳng ai dám hỏi điều đó. Ấy thế mà những người khác vẫn nghĩ cô chỉ là nhóc con, và nói đến cô như đang bàn tán những chuyện tào lao đằng sau sự thật. Cô không để ý đến ai dù hầu như không che giấu ánh mắt và thỉnh thoảng còn chăm chăm nhìn người khác.

Lần lượt, con số của mỗi ảo thuật gia được xướng lên bởi một người đàn ông cầm danh sách và cuốn số, đưa họ qua một cánh cửa thép vàng ở đầu kia hành lang, và lần lượt, từng người quay lại hành lang và rời nhà hát. Có

người chỉ vào vài phút, có người ở lại khá lâu. Những người có số lớn nhấp nhòm trên ghế trong khi đợi người đàn ông cầm cuốn sổ xuất hiện trở lại, lịch sự gọi to con số trên mảnh giấy của người tiếp theo.

Vị ảo thuật gia mới nhất bước qua cánh cửa thép vàng (một anh chàng nục nịch đội mũ chóp cao, áo choàng thơm tất) lao vụt ra hành lang, mặt mũi cau có, vung vẩy ra về thẳng, mặc cánh cửa nhà hát đóng sầm lại sau lưng. Âm thanh ấy vẫn còn vang vọng trong hành lang khi người đàn ông cầm cuốn sổ xuất hiện trở lại, lơ đãng gật đầu với mọi người và hăng giọng.

“Số hai mươi ba,” Marco gọi, kiểm tra con số trên danh sách. Mọi cặp mắt trong phòng đổ dồn lại khi cô gái đứng dậy và bước tới.

Marco quan sát cô tiến đến, ban đầu anh bối rối nhưng rồi thay cho bối rối là một cảm giác hoàn toàn khác.

Đứng từ đầu kia căn phòng, anh đã có thể khẳng định cô gái rất ưa nhìn, nhưng khi cô đến đủ gần có thể nhìn được vào mắt anh, thì vẻ ưa nhìn – khuôn mặt cô, màu tóc tương phản với làn da – biến chuyển thành một thần thái còn hơn cả ưa nhìn.

Cô ấy tỏa sáng. Trong thoáng chốc khi họ nhìn nhau, anh không thể nhớ nổi mình cần phải làm gì, tại sao cô lại trao cho anh mảnh giấy ghi con số hai mươi ba bằng chính chữ viết tay của anh.

“Mời đi lối này,” cuối cùng anh cũng nói nên lời khi nhận lấy mảnh giấy và giữ cửa mở cho cô. Cô khẽ nhún chân tỏ ý cảm ơn anh, và hành lang vờ ra những rì rào bàn tán khi cánh cửa hoàn toàn khép lại sau lưng họ.

• • •

NHÀ HÁT CÓ KHÔNG GIAN RỘNG LỚN và kiểu cách sang trọng, hàng nối hàng những chiếc ghế bọc nhung đỏ thắm. Dàn nhạc, gác lửng và bao lơn tỏa ra quanh sân khấu trống trơn, rủ xuống tấm màn đỏ rực. Không

có ai, trừ hai người ngồi ở khoảng hàng ghế thứ mười tính từ sân khấu. Chandresh Christophe Lefèvre gác chân lên chiếc ghế trước mặt. Mme. Ana Padva ngồi bên phải, lôi đồng hồ trong sách ra xem trong khi nén ngáp.

Marco từ cánh gà bước ra, cô gái mặc váy xanh đi theo ngay sau. Anh ra hiệu bảo cô hãy ra giữa sân khấu, không tài nào rời mắt khỏi cô khi giới thiệu cô với khán phòng gần như trống trơn.

“Số hai mươi ba,” anh nói rồi đi xuống theo một cầu thang nhỏ phía trước sân khấu, dừng lại trước hàng ghế đầu tiên, bút chực ghi chép vào sổ.

Mme. Padva nhìn lên và mỉm cười, bỏ đồng hồ trở vào sách.

“Vậy có gì đây?” Chandresh hỏi, không cụ thể hướng câu hỏi đến ai. Cô gái không đáp.

“Đây là số hai mươi ba,” Marco nhắc lại, kiểm tra giấy tờ xem con số có chính xác không.

“Cô bé ơi, chúng tôi đang tuyển ảo thuật gia,” Chandresh có phần cao giọng, tiếng ông vang vang trong không gian thênh thang của khán phòng. “Thầy phù thủy của ảo giác, của thuật biến hình, vân vân và vân vân. Thời điểm này chúng tôi không cần các cô phụ tá trẻ đẹp.”

“Thưa ông, tôi là ảo thuật gia,” cô gái nói, giọng trầm và bình tĩnh. “Tôi đến dự tuyển.”

“Tôi hiểu rồi,” Chandresh nói, chau mày chăm chăm quan sát cô gái từ đầu tới chân. Cô đứng bất động hoàn hảo ở giữa sân khấu, kiên nhẫn, như thể cô đã biết trước phản ứng của ông.

“Có gì không ổn sao?” Mme. Padva hỏi.

“Tôi không hoàn toàn chắc chắn liệu có thích hợp không,” Chandresh nói, suy tư nhìn cô gái.

“Sau tất cả những gì anh đã phán về nghệ sĩ uốn dẻo của chúng ta ư?”

Chandresh yên lặng, chăm chú quan sát cô gái trên sân khấu, trông đúng là khá kiêu diễm, song không có gì đặc biệt khác thường.

“Vấn đề là phải khác biệt,” đó là lý do duy nhất ông luận ra được.

“Thật ư, Chandresh?” Mme. Padva nói. “Chí ít chúng ta nên để cô ấy biểu diễn đã rồi hẵng hay một nữ ảo thuật gia liệu có thích hợp hay không.”

“Tay áo thế kia thì dễ che đậy thủ thuật lắm,” ông phản đối.

Cô gái lập tức cởi áo khoác tay bông, vứt bừa xuống sàn sân khấu gần chỗ cô đứng. Chiếc váy xanh phô ra cánh tay và bờ vai trần, chỉ trừ một sợi dây chuyền dài bằng bạc, gắn với một mặt hình trái tim cũng bằng bạc. Cô tháo găng tay, vứt từng chiếc về phía cái áo khoác nằm lùm lùm. Mme. Padva quay sang liếc Chandresh một cái sắc lém và được đáp lại bằng một tiếng thở dài.

“Tốt lắm,” Chandresh nói. “Cứ tiếp tục đi.” Ông khẽ ra hiệu với Marco.

“Vâng, thưa ông,” Marco đáp, rồi quay sang nói với cô gái. “Chúng tôi cần hỏi sơ lược mấy câu trước khi cô biểu diễn. Xin cô cho biết tên.”

“Celia Bowen.”

Marco ghi vào sổ.

“Nghệ danh của cô?” anh hỏi tiếp.

“Tôi không dùng nghệ danh,” Celia đáp, và Marco cũng ghi lại điều này.

“Cô từng biểu diễn chuyên nghiệp ở đâu?”

“Tôi chưa từng biểu diễn chuyên nghiệp.”

Nghe đến đây Chandresh nhòm dậy định chen ngang nhưng Mme. Padva ngăn lại.

“Vậy cô học nghề từ ai?” Marco hỏi.

“Từ bố tôi, ông Hector Bowen,” Celia đáp. Cô dừng lại một chút rồi nói tiếp. “Có lẽ người ta biết đến ông nhiều hơn bằng cái tên Prospero Người

Mê Hoặc.”

Marco đánh rơi bút.

“Prospero Người Mê Hoặc ư?” Chandresh bỏ chân đang gác lên ghế xuống và nhào người về trước, trôn trôn nhìn Celia như thể đang quan sát một con người hoàn toàn khác. “Bố cô là Prospero Người Mê Hoặc ư?”

“Đã là như vậy,” Celia nói rõ. “Bố tôi... qua đời năm ngoái.”

“Xin chân thành chia buồn với mất mát của cô,” Mme. Padva nói. “Nhưng cảm phiền cho tôi hay, Prospero Người Mê Hoặc là ai thế?”

“Vị ảo thuật gia vĩ đại nhất trong thế hệ của ông ấy,” Chandresh nói. “Nhiều năm trước tôi luôn tìm cách mời Prospero biểu diễn mỗi khi chộp được ông ấy. Tuyệt đỉnh xuất chúng, hoàn toàn bỏ bùa mọi khán phòng. Chưa từng thấy ai sánh kịp ông ấy, chưa từng.”

“Thưa ông, bố tôi hẳn sẽ rất mãn nguyện nếu được nghe những lời ấy,” Celia nói, ánh mắt vụt lướt qua tấm rèm trong bóng tối ở cánh gà.

“Tôi luôn nói với ông ấy như vậy, dù từ rất lâu rồi chẳng có dịp hội ngộ. Nhiều năm trước từng cùng ông ấy say khướt trong một quán rượu, ông ấy cứ nói hoài đến việc xô đổ những biên giới của nhà hát, sáng tạo ra những điều phi thường. Ông ấy hẳn sẽ tâm đắc với những điều tôi đang nỗ lực tạo dựng. Thật đáng tiếc.” Chandresh lắc đầu, nặng nề thở dài. “Thôi, xin mời tiếp tục,” ông nói, dựa lại vào ghế và thích thú quan sát Celia.

Marco đã nhặt lại bút, quay trở lại với danh mục các câu hỏi.

“C... cô có thể biểu diễn không cần sân khấu không?”

“Có thể,” Celia đáp.

“Có thể xem màn ảo thuật của cô từ mọi hướng được không?”

Celia mỉm cười. “Các ông đang tìm người biểu diễn được giữa đám đông phải không?” cô hỏi Chandresh. Ông gật. “Tôi hiểu rồi,” Celia đáp. Lập tức rất nhanh, như không hề di chuyển, cô nhặt áo khoác từ sân khấu lên và tung

về phía hàng ghế khán giả. Chiếc áo không rũ xuống mà căng lên, tự gấp lại. Rồi trong nháy mắt, các nếp lụa biến thành những sợi lông vũ đen bóng, đôi cánh lớn sải ra, và không thể nói rõ được khoảnh khắc nào chiếc áo không còn là vải vóc mà hoàn toàn biến thành một con quạ đen nhánh. Con quạ tung cánh bay trên những dây ghế bọc nhung đỏ, vút lên tò mò lượn vòng trên một bao lơn.

“Thật ấn tượng!” Mme. Padva thốt lên.

“Trừ phi cô ta giấu nó trong những ống tay áo bông tương kia,” Chandresh lẩm bẫm. Trên sân khấu, Celia tiến gần đến Marco.

“Cho tôi mượn một lát được không?” cô hỏi, ý chỉ cuốn sổ. Anh thoáng ngập ngừng rồi đưa nó cho cô. “Cảm ơn,” cô nói, quay trở lại giữa sân khấu.

Cô hầu như không nhìn danh mục những câu hỏi được viết tay ngay ngắn trước khi tung thẳng cuốn sổ lên không, cuốn sổ xoay một vòng và những trang giấy loạt soạt nhòe đi thành một con bồ câu trắng, vỗ cánh bay đến đậu trên một sợi dây thừng trong nhà hát. Con quạ từ chỗ đậu ở bao lơn, kêu lên một tiếng gọi bồ câu.

“Ái chà!” Chandresh thốt lên, vừa vì con bồ câu, vừa vì biểu cảm trên khuôn mặt Marco.

Bồ câu sà xuống với Celia, nhẹ nhàng đậu trên bàn tay cô đang vươn ra. Cô vuốt ve đôi cánh và tung nó trở lại không trung. Nó bay cao lên một quãng rồi đôi cánh trở lại là những trang giấy và cuốn sổ rơi nhanh xuống. Celia bắt lấy bằng một tay, trả lại cho Marco, mặt anh giờ còn tái hơn vài phần.

“Cảm ơn,” Celia mỉm cười nói. Marco lơ đãng gật đầu, không đón ánh mắt cô, vội vã quay lại chỗ đứng ban đầu.

“Kỳ diệu, đơn giản là kỳ diệu!” Chandresh nói. “Sẽ tốt. Tiết mục này chắc chắn sẽ có hiệu ứng tốt.” Ông đứng dậy, đi xuôi lối đi, dừng lại trước khu vực dành cho dàn nhạc được chiếu sáng bằng những cụm đèn đặt trên sàn, nghĩ ngợi dăm chiêu.

“Cần phải phục sức cho cô ấy,” Mme. Padva từ chỗ ngồi nói to về phía Chandresh. “Tôi từng chỉ để ý đến những bộ long trọng. Nhưng giờ tôi nghĩ một kiểu váy tương tự thế này cũng có thể được.”

“Bà muốn kiểu dáng như thế nào?” Celia hỏi.

“Chúng ta có một bảng màu để phối, cô bé ạ,” Mme. Padva nói. “Hoặc chính xác là ít hơn thế. Chỉ có màu đen và trắng thôi. Nếu để cô mặc tuyền màu đen thì trông hơi tang tóc.”

“Tôi hiểu rồi,” Celia nói.

Mme. Padva đứng dậy và cũng xuôi lối đi đến chỗ Chandresh đứng. Bà thì thầm gì đó vào tai ông, ông quay sang thảo luận với bà, trong chốc lát không để ý đến Celia.

Không ai quan sát cô trừ Marco, trong khi cô đứng bất động hoàn hảo trên sân khấu, kiên nhẫn chờ đợi. Và rồi, rất từ từ, trang phục của cô bắt đầu thay đổi.

Bắt đầu từ viền cổ và lan dần xuống như mực, chất lụa xanh chuyển sang đen huyền ảo như bầu trời đêm. Marco há hốc miệng thờ gập. Chandresh và Mme.

Padva quay lại vì âm thanh đó, đúng lúc kịp chứng kiến dải đen đang bò xuống ấy nhạt dần thành trắng tuyết ở đuôi váy, cho đến khi không còn dấu vết nào cho thấy chiếc váy từng có màu xanh lục.

“Chà, công việc của tôi đơn giản đi nhiều rồi,” Mme. Padva nói, không giấu nổi thích thú lấp lánh trong mắt. “Nhưng có lẽ màu tóc cô hơi sáng.”

Celia lúc lắc đầu và những lọn tóc nâu của cô sẫm lại gần như đen, thành màu của gỗ mun và óng ả như cánh quạ.

“Kỳ diệu,” Chandresh thốt lên, gần như nói với chính mình.

Celia chỉ mỉm cười.

Chandresh đâm bổ lên sân khấu, bay qua cầu thang chỉ bằng hai bước chân. Ông sẫm soi trang phục của Celia từ mọi góc.

“Cho phép tôi chứ?” ông hỏi trước khi thận trọng chạm vào lớp vải. Celia gật đầu. Lụa đúng là đen và trắng, phần chuyển giữa hai màu là một mảng xám nhạt dần mềm mại, chất sợi hiện rõ theo đường dệt.

“Chuyện gì đã xảy ra với bố cô, cô không phiền khi tôi tò mò chứ?” Chandresh hỏi, mắt vẫn không rời trang phục của Celia.

“Không sao ạ,” Celia đáp. “Một trong những thủ thuật của bố tôi không diễn ra đúng theo kế hoạch.”

“Thật cực kỳ đáng tiếc,” ông nói và lùi lại. “Cô Bowen, cô có hứng thú với cơ hội làm việc có một không hai không?”

Ông búng tay và Marco cầm cuốn sổ tiến lại, đứng cách Celia vài bước, ánh mắt đăm đăm nhìn từ bộ váy đến tóc và lưng cô, dừng lại thật lâu ở mỗi nơi.

Trước khi Celia kịp trả lời, một tiếng kêu vang khắp nhà hát, phát ra từ con quạ vẫn đậu trên bao lơn, tò mò quan sát cảnh tượng trước mặt.

“Xin chờ một lát,” Celia nói. Cô duyên dáng giơ tay hướng về phía con quạ. Nó kêu lên một tiếng đáp lại rồi tung sải cánh rộng, lượn về phía sân khấu, càng tăng tốc khi đến gần. Nó chao cánh đáp xuống, bay thẳng vào Celia, không giảm tốc hay ghìm đà mà lao với tốc độ cực đại. Chandresh lập tức giật lùi, gần như ngã vào Marco khi con quạ đâm thẳng vào Celia và vỡ ra thành một màn lông vũ.

Và rồi nó biến mất. Không một chiếc lông nào sót lại và Celia lại mang trên người tấm áo choàng đen tay bông đã cài hết khuy, bên ngoài bộ váy trắng-và-đen.

Đứng trước khu vực dành cho dàn nhạc, Mme. Padva vỗ tay.

Celia cúi chào, nhân thể nhặt đôi găng trên sàn lên. “Cô ấy hoàn hảo,” Chandresh trầm trồ, lấy một điều xì-gà trong túi ra. “Tuyệt đối hoàn hảo!”

“Vâng, thưa ông,” đằng sau ông Marco lên tiếng, cuốn sổ trong tay anh khẽ rung.

• • •

CÁC ẢO THUẬT GIA đợi ngoài hành lang cắm cúi căn nhắc khi họ được gửi lời cảm ơn vì đã dành thời gian có mặt, và bị lịch sự từ chối.

MƯU TOAN

LONDON, THÁNG TƯ 1886

Cô ấy quá hoàn hảo để mà đem ra trưng trước đám đông,” Chandresh nói. “Đơn giản là cô ấy phải có lẽu riêng. Chúng ta sẽ sắp đặt chỗ ngồi thành vòng tròn hay đại loại thế, để khán giả cũng là tâm điểm của màn trình diễn.”

“Vâng, thưa ông,” Marco đáp, ngoáy vôi vào sỗ, lướt ngón tay qua các trang giấy chỉ mấy phút trước còn là đôi cánh bồ câu.

“Có chuyện quái gì với cậu vậy?” Chandresh hỏi. “Trông cậu trắng bệch như tờ giấy.” Giọng ông rền vang trong khán phòng trống trơn khi chỉ còn mình họ trên sân khấu, Mme. Padva đã nhanh chân đưa cô Bowen ra trước, vừa đi vừa hỏi cô hàng tràng về áo váy và kiểu tóc.

“Thưa ông, tôi ổn cả,” Marco đáp.

“Trông cậu không ổn chút nào,” Chandresh nói, bập bập điệu xì-gà. “Về nhà đi.”

Marco ngạc nhiên nhìn ông, không chịu về: “Thưa ông, còn nhiều việc giấy tờ phải hoàn thành ạ.”

“Thì mai làm, thiếu gì thời gian cho thứ việc ấy. Tante Padva và tôi sẽ đưa cô Bowen về nhà dùng trà, chúng ta có thể làm những việc giấy tờ tỉ mỉ sau. Cứ về nghỉ đi, hoặc đi uống một ly hay làm bất cứ điều gì cậu muốn.” Chandresh lơ đễnh vẫy tay chào Marco, khói xì-gà cuộn lên từng vòng rồi tỏa đi.

“Nếu ngài khăng khăng muốn vậy.”

“Tôi khăng khăng đấy! Và dẹp hết cái đám ngoài hành lang đi. Cần gì phải xem một mớ áo chùng nữa trong khi chúng ta đã tìm được điều còn lý thú hơn nhiều. Rất quyến rũ nữa, tôi nên cho là vậy chứ nhỉ, nếu thị hiếu bị cuốn theo hướng đó.”

“Đúng vậy, thưa ông,” Marco nói, một thoáng hồng trên mặt làm bớt đi vẻ xanh xao. “Hẹn ông ngày mai.” Anh khẽ cúi đầu chào rồi nhẹ nhàng quay gót trở ra hành lang.

“Tôi cứ ngỡ cậu không thuộc loại dễ bị nhát đến thế đâu, Marco ạ,” Chandresh gọi với theo nhưng Marco không quay lại.

Marco lịch sự từ chối các ảo thuật gia đang đợi ở hành lang, giải thích rằng đã tìm được người thích hợp và cảm ơn họ đã dành thời gian tới tham gia. Không ai nhận ra tay anh đang run, hay đang nắm cây bút chặt đến nỗi các khớp ngón tay trở nên trắng bệch. Cũng không ai phát hiện ra rằng cây bút đã gãy đôi trong năm tay anh, mực đen lem ra, chảy cả xuống cổ tay.

Sau khi các ảo thuật gia ra về, Marco thu xếp đồ đạc, chùi bàn tay lấm mực vào áo khoác đen. Anh đội mũ quả dưa lên rồi ra khỏi nhà hát.

Cứ thêm mỗi bước, anh càng lộ vẻ sâu não. Người bộ hành trên vỉa hè đông đúc tránh ra nhường đường cho anh.

Về đến căn hộ của mình, Marco lẳng túi xuống sàn, dựa vào cửa ra vào và nặng nề thở dài.

“Có chuyện gì thế?” Isobel đang ngồi trên ghế cạnh lò sưởi không đốt cất tiếng hỏi. Cô giấu phần ngọn bím tóc đang bện vào túi, cẩn thận rằng cô sẽ phải tết lại cả bím vì đã bị mất tập trung. Đây chính là điều khó khăn nhất với cô: sự tập trung và chú ý.

Còn giờ cô bỏ dở bím tóc và quan sát Marco khi anh đi qua căn phòng tới bên các giá sách treo kín cả mảng tường.

“Anh biết đối thủ của mình là ai,” Marco nói, kéo hàng mớ sách từ trên giá xuống, vứt bừa ra bàn và quăng lộn xộn mấy đồng xuống sàn. Những

cuốn còn lại trên giá đỡ rạp, vài pho sách rơi hẫng xuống, nhưng Marco như không nhận ra.

“Có phải người phụ nữ Nhật đã khiến anh tò mò không?” Isobel hỏi, nhìn những cặp tài liệu cực kỳ ngăn nắp của Marco tung tóe thành một mớ hỗn độn. Căn hộ luôn được sắp đặt gọn gàng, Isobel hoang mang trước cơn bột phát đầy bất ngờ này.

“Không,” Marco đáp trong khi lật giở các trang sách. “Đó là con gái của Prospero.”

Isobel nhặt chậu hoa vi-ô-lét bị chồng sách xô đổ và đặt nó trở lại giá.

“Prospero ư?” cô hỏi. “Vị ảo thuật gia anh đã từng xem ở Paris phải không?”

Marco gật.

“Em không biết ông ấy có con gái,” cô nói.

“Chính anh cũng không biết,” Marco nói, vứt một cuốn sách đi và vớ lấy cuốn khác. “Chandresh mới tuyển cô ta vào vị trí ảo thuật gia của rạp xiếc.”

“Thật sao?” Isobel hỏi.

Marco không trả lời.

“Thế là cô ấy sẽ biểu diễn như ông ấy đã biểu diễn, phép thuật thực sự ẩn dưới vỏ ngoài là những trò ảo thuật trên sân khấu. Cô ấy có làm vậy ở buổi thi tuyển không?”

“Có,” Marco đáp, không ngược mắt khỏi những cuốn sách.

“Chắc là cô ấy giỏi lắm.”

“Cô ấy quá giỏi,” Marco nói, tiếp tục kéo một ngăn đầy sách ra khỏi nơi an vị của chúng, vứt hết xuống bàn, chậu hoa vi-ô-lét vô tội một lần nữa trở thành nạn nhân. “Chuyện này rồi sẽ cực kỳ rầy rà,” anh nói, gần như với chính mình. Một chồng sổ tay trượt từ bàn xuống sàn nhà, những trang giấy hối hả loạt soạt như tiếng đập cánh của một bầy chim.

Isobel nhặt lại chậu vi-ô-lét, đặt nó sang góc phòng khác. “Cô ấy có biết anh là ai không?” cô hỏi.

“Anh nghĩ cô ấy không biết,” Marco đáp.

“Như thế có nghĩa rạp xiếc là một phần của thử thách phải không?” Isobel hỏi.

Marco thôi lật giở các trang sách và ngược nhìn cô. “Hẳn là vậy rồi,” anh nói rồi lại chuyển chú ý vào cuốn sách. “Có thể đó là lý do anh được đưa đến chỗ Chandresh làm việc, như vậy anh đã trực tiếp tham gia. Rạp xiếc chính là địa điểm thi đấu.”

“Như vậy ổn không?” Isobel hỏi, nhưng Marco không đáp, lại chìm đắm trong cơn lũ giấy và mực.

Một tay anh vịn vịn tay áo bên kia. Một đốm mực đen loang trên cổ tay áo trắng. “Cô ấy biến đổi được vải vóc,” anh lẩm bẩm với chính mình. “Làm sao cô ấy có thể biến đổi vải vóc?”

Isobel đặt một chồng sách Marco đã xem lên bàn, nơi cô để bộ bài Marseilles của mình. Cô nhìn Marco trong khi anh vùi đầu vào một cuốn sách. Cô yên lặng trải bộ bài thành một hàng dài ra bàn.

Mắt vẫn nhìn Marco, cô rút chỉ một lá bài. Cô lật lá bài ấy lên và cúi xuống xem bộ bài của cô nói gì về sự việc này.

Một người đàn ông đứng giữa hai phụ nữ, tiểu thiên sứ với cánh cung và mũi tên bay trên đầu họ. *L'Amoureux*. Người tình.

“Cô ấy có đẹp không?” Isobel hỏi. Marco không đáp.

Cô rút tiếp một lá bài nữa trong hàng và đặt nó lên trên lá đầu tiên. *La Maison Dieu*^[15].

Isobel cau mày nhìn hình ảnh tòa tháp đang đổ và người đang rơi. Cô xếp hai lá bài lại vào bộ, đẩy bộ bài ngay ngắn về vị trí ban đầu.

“Cô ấy có mạnh hơn anh không?” Isobel hỏi.

Một lần nữa Marco không trả lời được, cứ lật giở các trang một cuốn sổ tay.

Từ nhiều năm nay, anh có cơ sở để cảm thấy rằng mình được chuẩn bị chu đáo. Luyện tập với Isobel là một bước thuận lợi, cho phép anh cải thiện năng lực tạo ảo giác của mình đến mức dù đã rất quen nhưng không phải lúc nào Isobel cũng biết được điều gì là thật.

Nhưng trước đối thủ của mình, cảm nhận của anh về thử thách đột ngột thay đổi, thay vào đó là căng thẳng và bối rối.

Anh nửa ước gì anh chỉ đơn giản cần biết phải làm gì khi thời điểm đến.

Và anh từng đùa nghịch với suy nghĩ rằng biết đâu thời điểm chẳng bao giờ đến, và rằng lời hứa về cuộc đấu chỉ là động lực khuyến khích anh học hành chứ thực ra chẳng có cuộc đấu nào.

“VẬY cuộc đấu sẽ bắt đầu khi rạp xiếc mở cửa, phải không anh?” Isobel hỏi.

Anh suýt quên khuấy mất là cô vẫn còn ở đó.

“Anh nghĩ như vậy hợp lô-gích,” Marco nói. “Anh không hiểu anh và cô ấy sẽ đối đầu với nhau thế nào khi đoàn xiếc lưu diễn, còn anh phải ở lại London. Anh sẽ phải tiến hành tất cả từ xa.”

“Em có thể đi,” Isobel nói.

“Gì cơ?” Marco hỏi, ngược nhìn cô.

“Anh đã bảo rạp xiếc cần người tiên đoán tương lai phải không? Em có thể giải các lá bài. Em chưa từng giải bài cho ai, trừ cho chính em, nhưng em dần làm tốt hơn rồi. Em có thể viết thư cho anh khi đoàn xiếc lưu diễn xa. Cần phải có nơi nào cho em đi chứ, nếu anh không muốn em ở đây trong khi anh có cuộc đấu của mình.”

“Anh không biết đó có phải là ý hay không nữa,” Marco nói, dù không thể giải thích được tại sao. Anh chưa bao giờ nghĩ đến chuyện lôi Isobel vào cuộc đời anh, ở bên ngoài phạm vi căn hộ này. Anh luôn giữ cô tránh xa

Chandresh và rạp xiếc, cả hai đều có chút gì đó của riêng anh và bởi có lẽ đó là việc nên làm, đặc biệt vì những lời khuyên bóng gió từ thầy anh.

“Đi mà anh,” Isobel nài nỉ. “Như thế em có thể giúp được anh.”

Marco ngật ngừng, liếc xuống những cuốn sách. Hình ảnh cô gái ở nhà hát vẫn choán đầy tâm trí anh.

“Như thế anh sẽ theo sát rạp xiếc hơn,” Isobel tiếp, “và như thế em cũng có việc để làm trong khi anh bận rộn với thử thách. Khi nào nó kết thúc em có thể trở về London.”

“Anh còn chẳng biết thử thách ấy sẽ diễn ra thế nào,” Marco nói.

“Nhưng anh biết rằng em không thể ở đây khi nó diễn ra, đúng chứ?” cô hỏi.

Marco thở dài. Họ từng bàn đến chuyện này, không quá chi tiết nhưng đủ để đi đến nhất trí rằng khi cuộc đấu bắt đầu thì cô phải rời đi.

“Anh đã có quá nhiều việc phải làm cho Chandresh, và sẽ phải tập trung vào cuộc đấu mà không bị... phân tâm,” anh nói, mượn lại những lời của thầy, một mệnh lệnh cải trang thành một lời đề nghị. Anh không rõ điều gì khiến anh khó chịu hơn: lời Isobel vào trò chơi hay cắt đứt một mối quan hệ vốn không được sắp đặt cho cuộc đời anh.

“Như thế em sẽ không làm anh bị phân tâm mà lại giúp được anh,” Isobel nói. “Và nếu anh không được phép nhận trợ giúp thì em sẽ chỉ viết thư cho anh thôi, vậy thì có gì sai chứ? Có lẽ đó là giải pháp hoàn hảo cho em.”

“Anh có thể sắp xếp để em gặp Chandresh,” Marco đề xuất.

“Anh có thể... thuyết phục ông ấy thuê em chứ, phải không anh? Nếu cần phải thuyết phục ấy mà.”

Marco gật đầu, vẫn chưa hoàn toàn yên tâm về ý tưởng đó nhưng cũng gần như bí bách không tìm ra được chiến lược nào. Một ý đồ đối phó với đối thủ mới lộ diện của anh.

Tên cô ấy liên tục hiện lên trong tâm trí Marco.

“Con gái của Prospero tên là gì?” Isobel hỏi như thể cô đọc được suy nghĩ của anh.

“Bowen,” Marco đáp. “Cô ấy là Celia Bowen.”

“Tên hay nhỉ,” Isobel nói. “Tay anh sao thế?”

Marco nhìn xuống, ngạc nhiên thấy tay trái của mình đang nắm lấy tay phải, vô thức chà lên phần da thịt nơi trước đây chiếc nhẫn đã ăn vào.

“Không sao,” anh nói, nhặt một cuốn sách lên cho tay đỡ trống trải. “Không có gì.”

Có vẻ Isobel hài lòng với câu trả lời, cúi nhặt một chồng sách dưới sàn đặt lên bàn.

Marco thở phào rằng cô không có khả năng kéo ký ức gắn với chiếc nhẫn ra khỏi tâm trí anh.

LỬA VÀ ÁNH SÁNG

Bạn bước vào một khoảnh khắc sâu sắc và rộng, xung quanh là những căn lều sọc.

Những lối đi uốn lượn từ mép sân tỏa đi các hướng, trở thành những bí ẩn chưa được giải mã, điểm xuyết bằng ánh sáng nhấp nháy.

Những người bán hàng rong đi lại trong đám đông quanh bạn, rao bán đồ uống và những món kỳ lạ, kết hợp hương vị của va-ni và mật ong, sô-cô-la và quế.

Một nghệ sĩ uốn dẻo trong bộ đồ đen lấp lánh vặn mình trên bục biểu diễn gần đó, thân thể uốn thành những hình không thể tưởng tượng được.

Một nghệ sĩ tung hứng tung những quả cầu đen, trắng và bạc lên không trung, chúng như chững lại trước khi rơi trở lại tay anh, các khán giả đang chăm chú theo dõi lập tức vỗ tay giòn giã.

Tất cả tắm trong ánh sáng lung linh.

Ánh sáng tỏa ra từ đồng lửa lớn ở chính giữa sân.

Khi tiến lại gần hơn, bạn có thể thấy lửa cháy từ một cái vạc sắt lớn màu đen, đứng thẳng bằng trên những bàn chân có móng vuốt. Miệng vạc là những dải sắt dài cong vút, như thể thân vạc đã tan chảy và được kéo lên như kẹo bơ. Dải sắt cuộn lên cao rồi cuộn lại, đan vào những dải sắt khác, nom như kết lại với nhau thành một cái lồng. Lửa bập bùng trong khoảng không ở giữa và hơi liếm ra ngoài. Không nhìn vào được phần đáy vạc nên không rõ cái gì đang cháy, có thể là gỗ, than hoặc thứ gì hoàn toàn khác.

Những lưỡi lửa nhảy nhót không mang sắc vàng hay da cam, mà trắng như tuyết.

CẤT GIẤU

CONCORD, MASSACHUSETTS, THÁNG MƯỜI 1902

Tranh cãi về tương lai của Bailey nổ ra sớm và thường xuyên, dù ở thời điểm này những tranh cãi ấy đã giản tiện thành những lời nhai đi nhai lại và im lặng căng thẳng.

Bailey đổ lỗi cho Caroline đã châm ngòi tất cả, dù nguồn cơn vấn đề là từ bà ngoại cậu. Nhưng Bailey hợp với bà ngoại hơn với chị nên cậu một mực gạt hết tội vạ sang Caroline. Nếu chị không chen vào, cậu đã chẳng phải vất vả thế này.

Đó là yêu cầu của bà, cái trang dưới hình thức một lời đề nghị, dường như đủ vô hại, rằng Caroline sẽ theo học trường Radcliffe.

Caroline có vẻ ưng ý tưởng đó trong suốt thời gian ngồi uống trà tại phòng khách để chịu với giấy dán tường vẽ hoa của bà ở Cambridge^[16].

Nhưng mọi quyết tâm hứng khởi trước kế hoạch đó đều đã tắt ngúm ngay khi trở về Concord, khi bố bắt đầu lên tiếng.

“Tuyệt đối không.”

Caroline thoáng bĩu môi một cái rồi nhanh chóng chấp nhận quyết định này, cho rằng đi học tức là có quá nhiều việc phải làm, vả lại nó cũng không đặc biệt ham thích thành phố. Ấy là chưa kể Millie đã đính hôn và đang lên kế hoạch tổ chức đám cưới, một sự kiện đối với Caroline còn thú vị hơn chuyện học hành của chính nó nhiều.

Và thế là xong.

Rồi có phản hồi từ Cambridge, bà ngoại đưa ra phán quyết rằng chuyện của Caroline có thể chấp nhận được, nhưng Bailey sẽ theo học ở Harvard^[17], tất nhiên rồi.

Đây không phải là một yêu cầu cải trang dưới bất cứ hình thức nào. Thuần túy là một yêu cầu. Những phản đối viện lý do khả năng tài chính đã bị nghiền nát từ trước khi được nêu lên, bằng một tuyên bố rõ ràng rằng học phí của Bailey đã được thu xếp ổn thỏa.

Những tranh cãi nổi lên trước cả khi Bailey được hỏi ý kiến.

“Con muốn đi học,” cậu nói, khi mọi người dừng lại đủ để cậu có thể chen vào.

“Con sẽ tiếp quản trang trại” là câu trả lời của bố cậu. Tốt hơn hết là cứ để mọi sự lắng xuống rồi sau này xối lên sau, đặc biệt khi Bailey chưa tròn mười sáu và cần một khoảng thời gian kha khá trước khi quay lại câu chuyện này.

Nhưng cậu hoàn toàn không hiểu tại sao cậu luôn khiến chủ đề này thường xuyên bị động đến. Cậu cho rằng dù đi học thì vẫn luôn có thể trở về trang trại, và rằng bốn năm cũng không phải là quãng thời gian nhiều nhận gì.

Lý luận của Bailey ban đầu chỉ vấp phải những bài thuyết giảng, nhưng rồi nhanh chóng trở thành những phán quyết ồn ào và những cánh cửa giận dữ sập lại. Mẹ cậu hết sức đứng ngoài các cuộc tranh luận, nhưng khi bị sức ép thì bà đồng tình với chồng, đồng thời lại lặng lẽ khẳng định rằng đó nên là quyết định của Bailey.

Bailey cũng không chắc mình muốn đến Harvard. Đúng là cậu thích thành phố hơn Caroline, và đi học đối với cậu có vẻ là một lựa chọn với nhiều ẩn số và nhiều cơ hội nhất.

Còn trang trại chỉ có cừu, táo và những điều quá dễ đoán. Cậu đã có thể mừng tượng sẽ ra sao. Mỗi ngày. Mỗi mùa. Khi nào táo sẽ rụng, khi nào cừu cần xén lông, khi nào sương muối sẽ rơi.

Luôn luôn như vậy, năm nối năm.

Cậu nói đến những điệp khúc vô tận trong cuộc sống của mẹ, hy vọng có thể lân la gọi chuyện với mẹ, xem liệu cậu có được phép rời nhà không. Nhưng mẹ chỉ nói rằng mẹ thấy đời sống yên ả ở trang trại rất dễ chịu, rồi hỏi cậu đã làm xong các việc nhà chưa.

Lời mời đến Cambridge uống trà bây giờ chỉ dành cho Bailey, hoàn toàn không đả động gì đến chị cậu. Caroline lăm bắm gì đó nghe như bây giờ cũng chẳng có thời gian cho những việc ấy, và chỉ có Bailey đi, thoải mái tận hưởng quãng đường mà không phải nghe Caroline nói liên hồi.

“Ta không thực sự quan tâm xem con có đến Harvard học hay không,” một buổi chiều bà cậu nói, dù Bailey không gọi đến vấn đề đi học. Nói chung cậu cố gắng tránh nói chuyện này vì đã biết rõ ý bà muốn thế nào.

Bailey thêm một thìa đường vào tách trà và đợi bà nói. “Ta tin rằng việc đó sẽ mang lại cho con thêm nhiều cơ hội,” bà tiếp tục. “Và đó chính là điều ta muốn con có được, dù cha mẹ con không nhiệt tình hưởng ứng. Con có biết sao ta đã đồng ý cho con gái ta cưới bố con không?”

“Không ạ,” Bailey nói. Đó là chủ đề chưa từng được đem ra bàn luận khi có mặt cậu, dù Caroline từng bí mật kể rằng câu chuyện cũng có chút tai tiếng. Thậm chí gần hai mươi năm sau, bố cậu chưa bao giờ đặt chân vào nhà bà ngoại, mà bà cũng chưa từng đến Concord.

“Bởi vì thế nào rồi mẹ con cũng sẽ bỏ đi theo bố con thôi,” bà nói. “Con bé vẫn ao ước như vậy. Đó không phải là lựa chọn của ta dành cho con bé, nhưng không nên áp đặt lựa chọn của một đứa trẻ. Ta đã quan sát con đọc sách cho lũ mèo của ta nghe. Hồi năm tuổi con đã biến cái bồn giặt thành tàu cướp biển và đổ bộ tấn công mấy luống tú cầu trong vườn của ta. Đừng cố thuyết phục ta rằng con muốn ở lại trang trại.”

“Con có trách nhiệm của mình, bà ạ,” Bailey nói, lặp lại những từ ngữ bây giờ cậu bắt đầu thấy ghét.

Bà ngoại cậu bật ra một tiếng nghe như cười, cũng có thể là ho, hoặc là cả hai.

“Bailey ơi, hãy đi theo những giấc mơ của con,” bà nói. “Có thể là Harvard hay bất cứ gì khác. Bố con nói gì cũng mặc, lớn tiếng thế nào cũng kệ. Bố con đã quên rằng chính mình từng là giấc mơ của một người khác.”

Bailey gật đầu, còn bà cậu quay lại ghế ngồi và ca cẩm về mấy người hàng xóm, chẳng đả động gì đến bố cậu hay những giấc mơ của cậu nữa. Nhưng trước khi Bailey về, bà dặn, “Đừng quên những điều ta đã nói.”

“Không đâu ạ,” cậu quả quyết.

Cậu không kể với bà rằng cậu chỉ có một giấc mơ, và giấc mơ ấy cũng quái dị không kém nghiệp cướp biển ở trong vườn.

Nhưng Bailey vẫn kiên quyết và thường xuyên tranh luận với bố.

“Thế ý kiến của con không có giá trị gì ạ?” một tối cậu hỏi, trước khi câu chuyện giữa hai bố con đi đến hồi sập cửa.

“Không, rõ là không,” bố cậu nói thẳng.

Mẹ lặng lẽ xoa dịu sau khi bố ra khỏi phòng, “Bailey à, thôi bỏ chuyện này đi con.”

Bailey bắt đầu ra khỏi nhà rất nhiều.

Trường học không mất nhiều thời gian như cậu mong muốn. Ban đầu cậu làm việc nhiều hơn, tại những vạt rau hay vườn quả ở xa, chọn những chỗ xa nhất tránh đụng phải bố.

Rồi cậu kiếm có đi dạo, qua những cánh đồng, những khoảng rừng và nghĩa trang.

Cậu lang thang qua mộ phần của các triết gia và thi sĩ, các tác giả những cuốn sách cậu từng thấy trong thư phòng của bà. Và có vô vàn bia mộ khác khắc những cái tên cậu không quen biết, và cả những bia mộ sương gió đã

bào mòn con chữ đến mức không thể đọc nổi, người nằm dưới mộ đã bị lãng quên từ lâu.

Bailey cứ đi, trong đầu không chủ định đến đâu, nhưng cậu thường dừng lại trước cây sồi thân thuộc, nơi cậu từng tụ tập với Caroline và đám bạn.

Bây giờ leo lên cây không khó vì cậu đã cao hơn, có thể thoăn thoắt trèo đến tận ngọn. Tán cây rậm rạp đủ để cảm thấy riêng tư kín đáo, nhưng vẫn đủ sáng để đọc mỗi khi cậu mang sách theo, và việc này nhanh chóng trở thành thói quen của cậu.

Cậu đọc những mẫu chuyện lịch sử, thần thoại và cổ tích, tự hỏi tại sao chỉ có con gái mới được gỡ ra khỏi cuộc sống trang trại đều đặn nhàn nhạt, bởi các chàng hiệp sĩ, hoàng tử hay lũ sói. Cậu thấy bất công vì cậu chẳng bao giờ có được cơ hội như trong mơ thế. Và cậu cũng chẳng ở vào địa vị có thể giải cứu được ai.

Trong những giờ đồng hồ đếm cừu tiêu khiển khi chúng vô tư gặm cỏ ngoài đồng, Bailey ao ước có ai đó sẽ đến và mang cậu đi, nhưng ước ao trước sự chứng giám của lũ cừu xem chừng cũng chẳng linh nghiệm hơn ước ao dưới sự chứng giám của những vì sao.

Cậu tự nhủ rằng cuộc đời mình cũng không đến nỗi nào. Làm nông dân thì cũng tốt thôi.

Nhưng cảm giác khó chịu vẫn còn. Đến mặt đất dưới chân cậu cũng bất bình với đôi ủng.

Thế là cậu tiếp tục trốn lên cây.

Để biến cái cây thành của riêng mình, Bailey chuyển đến đây cả cái hộp gỗ cũ tích trữ những thứ có giá trị nhất đối với cậu. Nơi cất giấu bí mật của cậu vốn là dưới tấm ván sàn bị bật dưới gầm giường, nhưng cậu đã chuyển kho báu sang một cái hốc khá lớn trên cây sồi, không hẳn thành một cái hang nhưng cũng đủ an toàn để cất giấu. Cái hộp khá nhỏ, bản lề và móc bằng đồng đã xỉn, bên ngoài bọc bằng một mảnh vải bạt có tác dụng bảo vệ

khá tốt. Cái hộp được đặt ở vị trí đủ an toàn, đến cả những con sóc ranh ma nhất cũng chưa lôi ra được.

Trong hộp có một đầu mũi tên đã mẹ Bailey nhặt được ngoài đồng hồi cậu năm tuổi. Một hòn sỏi thủng một lỗ ở chính giữa, có thể coi là thứ mang lại may mắn. Một chiếc lông chim màu đen. Một viên đá lóng lánh mà mẹ cậu bảo là một dạng thạch anh. Một đồng xu, đồng tiền tiêu vặt đầu tiên không-bao-giờ-đem-ra-xài của cậu. Cái cổ dề bằng da màu nâu của con chó nhà cậu, đã chết hồi Bailey lên chín. Một chiếc găng tay trắng đã ngả xám vì tích trữ lâu ngày trong cái hộp nhỏ toàn đá này.

Và cả mấy trang giấy ố vàng được gấp lại, kín chữ viết tay.

Sau khi rạp xiếc rời đi, Bailey đã viết lại từng chi tiết có thể nhớ được về khu rạp để những kỷ niệm không bao giờ phai nhạt trong tâm trí cậu. Bông ngô phủ sô-cô-la. Căn lều với những nghệ sĩ trên các bục tròn cao, biểu diễn tài tình với thứ lửa trắng sáng. Cái đồng hồ biến hình kỳ diệu đứng đối diện quầy bán vé, làm ra nhiều trò vui chứ không chỉ để xem giờ.

Khi run run ghi lại từng chi tiết về rạp xiếc, Bailey không tài nào viết ra được cuộc gặp gỡ với cô bé tóc đỏ. Cậu chưa từng kể với ai về cô bé. Cậu đã tìm cô bé khắp khu rạp trong hai lần tiếp theo được đến, vào thời gian được phép, nhưng không thấy.

Rồi khu rạp biến mất, đột ngột như khi xuất hiện, như một giấc mộng chóng vánh.

Và không trở lại.

Bằng chứng duy nhất cô bé thực sự tồn tại, không phải chỉ là một mảnh tưởng tượng hảo huyền của cậu, chính là chiếc găng.

Nhưng Bailey không mở cái hộp ra nữa. Cái hộp ở đó, gói kín, trong hốc cây.

Cậu nghĩ có lẽ nên vứt quách cái hộp đi, nhưng không tài nào làm nổi.

Có lẽ cậu sẽ cứ kệ cái hộp trong hốc cây, rồi vỏ cây sẽ dày lên, che kín cái hộp bên trong.

• • •

MỘT BUỔI SÁNG THỨ BẢY xám xịt, Bailey dậy sớm hơn mọi người trong nhà, chuyện không hiếm gặp. Cậu nhanh chóng làm xong việc nhà, bỏ một quả táo vào túi cùng với cuốn sách, rồi đi đến chỗ cái cây của mình. Đi được nửa đường cậu chợt nghĩ lẽ ra nên quàng khăn, nhưng ngày thường ẩm dần lên sau buổi sớm. Nghĩ đến điều dễ chịu đó, cậu trèo qua những cành thấp nơi ngày xưa được phân riêng cho mình, qua những cành từng là lãnh địa của chị cậu và đám bạn. Đây là cành của chị Millie, cậu nghĩ thế khi đặt chân lên đấy. Một cảm giác thỏa mãn nhen lên khi cậu trèo qua cành của Caroline, dù thời nhóc tí ấy đã qua lâu lắm rồi. Giữa cành lá xum xuê và gió xào xạc, Bailey yên vị ở chỗ yêu thích của mình, đôi ủng đặt gần chỗ che giấu cái hộp bảo bối gần như đã bị lãng quên.

Khi cuối cùng cũng rời mắt khỏi trang sách, Bailey choáng váng nhận ra những căn lều sọc đen và trắng trên cánh đồng, cậu suýt ngã khỏi cây.

Phần II

ÁNH SÁNG

Có vô vàn ánh sáng trong rạp xiếc, từ lửa hồng, đèn lồng, đến ánh sáng của những vì sao. Từng nhiều lần nghe người ta nhắc đến “trò chơi của ánh sáng” khi mô tả khung cảnh Le Cirque des Rêves, nên tôi đã đôi lần đùa rằng bản thể rạp xiếc ấy chính là một tổng hòa phức tạp những ảo giác từ ánh sáng.

• **FRIEDRICK THIESSEN, 1894**

ĐÊM MỞ MÀN I: THẮP LỬA

LONDON, 13 VÀ 14 THÁNG MƯỜI, 1886

Ngày mở màn, hay đúng hơn là đêm mở màn, thật ngoạn mục. Từng chi tiết cuối cùng được lên kế hoạch, và đám đông khổng lồ tụ tập bên ngoài cánh cổng từ rất lâu trước buổi hoàng hôn. Khi cuối cùng có thể vào, ai cũng tròn mắt đi từ lều này sang lều khác, càng đi mắt càng mở to hơn.

Từng yếu tố của rạp xiếc hòa quyện vào nhau trong một tổng thể nhịp nhàng kỳ diệu. Những tiết mục từng dàn dựng và tập luyện ở các nước khác nhau tại những lục địa khác nhau, giờ được trình diễn trong những căn lều san sát, mỗi phần hòa mình vào dòng chảy chung. Mỗi phục trang, mỗi động tác, mỗi bảng hiệu ở mỗi căn lều liên tục trở nên hoàn hảo hơn.

Tiết trời thật lý tưởng, trong lành, khô ráo và mát mẻ, sức nức những mùi hương, âm thanh cảm dỗ và níu giữ bước chân hết khán giả này đến khán giả khác.

Đúng nửa đêm, nghi thức thắp lửa sẽ được tiến hành. Suốt nửa đầu buổi tối chỉ có cái vạc không, đứng yên như một tác phẩm điêu khắc bằng sắt uốn. Mười hai hỏa cung thủ lạng lẽ tiến vào khuôn viên, mang theo những bục nhỏ, đặt quanh mép sân như các con số trên mặt đồng hồ. Chính xác một phút trước nửa đêm, mỗi người đứng dậy từ bục của mình, gỡ cánh cung và rút mũi tên đen lấp lánh từ trên lưng xuống. Ba mươi giây trước nửa đêm, họ thắp sáng đầu mũi tên bằng những đốm lửa vàng nhảy nhót. Những khán giả trong đám đông lúc trước chưa kịp để ý thì giờ lạng đi quan sát. Mười giây trước nửa đêm, hỏa cung thủ giương cung, ngắm những mũi tên cháy hương về phía cái vạc bằng sắt uốn đang chờ đợi. Khi đồng hồ gần

công vào bắt đầu điểm, cung thủ đầu tiên bắn mũi tên bay vút qua đám đông, găm trúng đích trong một cơn mưa những tia lửa rực rỡ.

Đồng lửa bùng lên một cột vàng rực.

Hồi chuông thứ hai liền theo, cung thủ thứ hai bắn tên vào cột lửa vàng, nó lập tức chuyển màu thành trong xanh như bầu trời.

Hồi chuông thứ ba ngân cùng mũi tên thứ ba, lửa ngả sang ánh hồng tươi ấm áp.

Lửa mang màu bí ngô chín ửng sau hồi chuông thứ tư. Hồi thứ năm, lửa rực lên màu đỏ thắm.

Hồi thứ sáu đổi màu lửa lung linh trong gam đỏ trầm. Bảy, lửa phùng lên màu của rượu mạnh.

Tám, lửa óng ánh tím. Chín, tím ngả thành chàm.

Hồi chuông thứ mười, mũi tên thứ mười, quầng lửa chuyển màu xanh thắm của bầu trời đêm.

Vào hồi chuông áp chót, lửa bập bùng biến sắc từ xanh sang đen, từ thời khắc đó, khó có thể phân biệt được cột lửa với phần chân vạc bên dưới.

Đến hồi chuông cuối cùng, lửa đen nhường chỗ cho một cơn mưa những tia lửa trắng sáng chói lòa, vút lên không trung rồi rơi xuống như hoa tuyết. Những cuộn khói trắng khổng lồ cuồn cuộn cuốn lên nền trời đêm.

Đám đông phấn khích vỡ òa ra. Những khán giả vốn lưỡng lự muốn ra về lập tức quyết định sẽ nán lại chút nữa, sôi nổi bình luận về màn đốt lửa. Những người không được tận mắt chứng kiến khó có thể tin nổi câu chuyện được kể lại chỉ vài phút hoặc vài giờ sau đó.

Người ta hò reo kéo nhau từ lều này sang lều khác, miên man theo những lối đi giao cắt đan xen nhau, chùng như kéo dài vô tận. Có những người gập lều nào cũng vào xem, còn những người khác chỉ chọn một số căn sau khi cân nhắc kỹ lưỡng những tấm bảng hiệu treo bên ngoài. Có những người thấy màn trình diễn ở một lều nào đó hấp dẫn quá đến mức chẳng muốn ra,

cả buổi chỉ ngồi lì đấy. Người này kháo với người kia khi gặp nhau trên lối đi, chỉ trở những căn lều thú vị họ đã vào. Những lời giới thiệu luôn được hồ hởi đón nhận, dù đôi khi những người được giới thiệu chưa kịp đến những nơi thú vị kia thì đã bị hút vào những căn lều khác cũng hấp dẫn không kém.

Khó khăn lắm mới có thể mời các khán giả ra về khi bình minh bắt đầu ló rạng. Họ chỉ xuôi xuôi khi được đảm bảo rằng đến hoàng hôn họ sẽ được chào đón trở lại.

Ai ai cũng tấm tắc rằng đêm mở màn là một thành công không thể phủ nhận.

Chỉ có xíu xíu biến cố, một sự kiện bất ngờ. Nó diễn ra nhưng các khán giả tới rạp hoàn toàn không nhận thấy, còn nhiều nghệ sĩ trong đoàn xiếc chỉ hay biết sau khi chuyện đâu đã vào đó.

Ngay trước khi mặt trời lặn, khi công tác chuẩn bị vào phút cuối đang khẩn trương (chỉnh sửa phục trang, nấu chảy caramel), vợ của người luyện mèo rừng bất ngờ trở dạ. Khi thể trạng không trong thời kỳ nhạy cảm, cô là phụ tá biểu diễn cho chồng mình. Văng cô màn biểu diễn phải điều chỉnh chút chút, nhưng lũ mèo có vẻ náo loạn. Cô vợ mang song thai và dự kiến vài tuần nữa mới đến ngày sinh. Sau đó mọi người thường đùa rằng có lẽ hai đứa nhóc không muốn lỡ đêm mở màn rạp xiếc. Một bác sĩ được mời đến trước khi rạp mở cửa cho công chúng. Bác sĩ được bí mật dẫn vào hậu trường để chăm sóc sản phụ (cách này dễ dàng hơn nhiều so với việc đưa sản phụ tới bệnh viện).

Sáu phút trước nửa đêm, Winston Aidan Murray chào đời.

Bảy phút sau nửa đêm, em gái nó, Penelope Aislin Murray, ra theo.

Khi tin đến tai Chandresh Christophe Lefèvre, ông thoáng thất vọng vì cặp sinh đôi không giống nhau hoàn toàn. Ông đã tính đến rất nhiều vai trong rạp xiếc cho cặp sinh đôi thể hiện khi chúng đủ lớn. Nhưng sinh đôi một trai một gái thì thiếu tính sân khấu mà ông vẫn mong đợi. Dù vậy ông vẫn bảo Marco mang hai bó hồng nhưng lớn đến chúc mừng.

Cặp sinh đôi là hai sinh linh bé bỏng, mái tóc tơ đỏ hoe và dày đáng ngạc nhiên. Chúng hầu như không khóc, ngoan ngoãn nằm, nhìn nhau bằng cặp mắt xanh lam tròn xoe. Chúng được bọc trong mấy vuông lụa và xa-tanh không dùng đến, màu trắng cho bé gái và màu đen cho bé trai.

Các diễn viên trong đoàn xiếc lần lượt tranh thủ đến thăm chúng giữa các tiết mục, thay nhau bế ẵm và không thể không xuýt xoa rằng chúng thật biết chọn đúng thời điểm chào đời. Ai cũng bảo chúng sẽ cực kỳ hợp với rạp xiếc, chỉ trừ món tóc đỏ thôi. Có người đề xuất cho chúng đội mũ, đến khi nào đủ lớn thì nhuộm tóc. Mấy người khác cho rằng màu tóc đẹp như vậy mà đem nhuộm thì phí, một sắc đỏ kỳ lạ còn tươi tắn hơn cả màu tóc nâu đỏ của mẹ chúng.

“Đó là màu của hồng phúc và may mắn,” Tsukiko nói nhưng không chịu giải thích hàm ý của mình. Cô đặt môi hôn lên trán hai đứa trẻ, sau đó còn gấp hạc giấy, khâu lại thành dây treo quanh nôi của chúng.

Chớm bình minh, khi khu rạp không còn khán giả, chúng được cho ra đi dạo quanh các căn lều và đến sân giữa. Mục đích có vẻ như để ru hai đứa ngủ, nhưng chúng vẫn thức thao láo, mở to mắt nhìn đèn đuốc, phục trang biểu diễn và những sọc đen-trắng trên những căn lều xung quanh, tỉnh táo một cách kỳ lạ dù chỉ mới được vài giờ tuổi.

Mặt trời lên hai đứa mới chịu nhắm mắt, nằm bên nhau trong cái nôi bằng sắt uốn màu đen, đắp tấm chăn kẻ sọc đã được chuẩn bị để đón chúng, dù cặp sinh đôi ra đời sớm. Nôi và chăn là món quà được gửi đến từ mấy tuần trước đó, không kèm theo danh thiếp hay lời nhắn nào. Vợ chồng Murray cho rằng đó là quà của Chandresh, nhưng khi họ cảm ơn ông, Chandresh bảo ông hoàn toàn không biết họ đang nói đến quà gì.

Cặp song sinh khá thích món quà, bất kể nguồn gốc chẳng rõ từ đâu.

Sau đó chẳng ai nhớ chính xác ai đã gọi nựng chúng là Poppet và Widget. Cũng như cái nôi, chẳng ai nhận đó là quà của mình.

Nhưng biệt hiệu vẫn gắn với hai anh em, vì những biệt hiệu là như vậy mà.

ĐÊM MỞ MÀN II: BÙNG CHÁY

LONDON, 13 VÀ 14 THÁNG MƯỜI, 1886

Mấy tiếng đồng hồ đầu tiên của đêm mở màn, Marco chốc chốc lén nhìn đồng hồ đeo tay, sốt ruột chờ kim giờ kim phút nhích đến nửa đêm.

Hai đứa trẻ nhà Murray ra đời sớm vốn đã làm phức tạp thêm kế hoạch ngày hôm nay của anh, nhưng nếu màn đốt lửa diễn ra như dự kiến thì chỉ cần thế là đủ. Đây là giải pháp tốt nhất anh có thể xoay sở được, vài tuần nữa thôi rạp xiếc sẽ ở cách xa hàng trăm dặm, chỉ còn mình anh ở lại London.

Dù Isobel rất đặc lực, anh vẫn cần một găng kết bền chặt hơn.

Kể từ khi phát hiện ra địa điểm thi đấu, anh dần đảm nhiệm thêm nhiều trách nhiệm cho rạp xiếc. Làm tất cả những gì Chandresh yêu cầu anh, và còn nỗ lực hơn thế, cho đến khi anh được quyền chủ động mọi thứ, từ duyệt thiết kế cánh cổng cho đến đặt mua vải bạt làm lều.

Điều khiến anh lo lắng là mức độ của găng kết. Anh chưa từng thử làm điều gì ở qui mô lớn thế này, nhưng chẳng có lý do gì để không mở màn cuộc đấu theo cách mạnh mẽ nhất có thể.

Vạc lửa sẽ giúp anh kết nối với rạp xiếc, dù chính anh cũng không biết sẽ hiệu quả đến đâu. Và với quá nhiều người liên quan, tốt hơn hết phải thêm một hăng số an toàn vào địa điểm thi đấu.

Anh mất hàng tháng trời chuẩn bị.

Chandresh rất sẵn lòng cho phép anh bố trí màn đốt lửa. Chỉ cần điều khiến chút ít, ông đã coi Marco là yếu tố vô giá đối với quá trình tổ chức rạp xiếc. Vẫy tay một cái, và mọi chi tiết đều tùy thuộc ở anh.

Quan trọng nhất là Chandresh đồng ý giữ bí mật. Nghi thức đốt lửa có chút hao hao một Bữa Tối Lúc Nửa Đêm, không được phép đặt câu hỏi về nguyên liệu nấu nướng hay thực đơn các món ăn.

Không có giải đáp cho câu hỏi đầu mũi tên bọc chất liệu gì mà tạo được hiệu ứng đáng kinh ngạc đến vậy. Hay lửa cháy từ nhiên liệu nào mà biến sắc sống động đến thế.

Những người đặt câu hỏi, trong thời gian chuẩn bị hoặc diễn tập, đều được trả lời rằng nếu tiết lộ cách thức thì sẽ làm hỏng hiệu ứng.

Dù vậy, tất nhiên, Marco không thể diễn tập phần quan trọng nhất.

Anh có thể dễ dàng ra khỏi tầm mắt của Chandresh trong đám đông tập trung ở khuôn viên ngay trước nửa đêm.

Anh đi về phía những thanh sắt uốn, tiến gần hết mức có thể đến cái vạc rỗng không. Anh lấy từ trong áo khoác ra một cuốn sách bìa da lớn, bản sao hoàn hảo một cuốn khác đã được cất an toàn trong văn phòng của anh. Không ai trong đám đông chộn rộn nhận thấy anh đã thả cuốn sách xuống đáy vạc. Nó rơi đánh “thịch,” nhưng âm thanh ấy tan vào bầu không khí náo nhiệt xung quanh.

Bìa sách lật mở, cho thấy bức vẽ bằng bút mực, một cái cây uốn lượn trên nền trời đêm lấp lánh sao.

Anh vẫn đứng gần miệng vạc khi các cung thủ vào vị trí. Anh tập trung vào ngọn lửa dù đám đông xung quanh chen lấn khi lửa bập bùng lan tỏa những sắc màu của cầu vồng.

Khi mũi tên cuối cùng chạm đích, anh nhắm mắt lại.

Qua mí mắt anh, ngọn lửa trắng cháy lên đỏ rực.

• • •

CELIA CỨ NGHĨ buổi biểu diễn đầu tiên của mình sẽ chỉ là sự bắt chước thảm hại những gì bố đã làm, nhưng cô thờ phào vì trải nghiệm của mình rất khác, không giống điều cô đã xem đi xem lại ở hết nhà hát này đến nhà hát khác.

Không gian gần gũi và thân mật. Khán giả vừa phải đủ để mỗi người là một bản thể, chứ không lẫn vào đám đông vô danh.

Cô nhận ra mình có thể khiến mỗi tiết mục là độc nhất vô nhị, dựa vào phản ứng của khán giả mà quyết định mình sẽ biểu diễn gì tiếp theo.

Cô thấy vui thích hơn mình mong đợi, và cũng mừng vì vẫn co duỗi được chút thời gian cho bản thân giữa hai phần trình diễn liên tiếp. Đến gần nửa đêm, cô quyết định sẽ tìm một chỗ có thể bí mật theo dõi lễ đốt lửa.

Nhưng khi đi qua khu vực hiện được coi là hậu trường dù vẫn đang thiếu sân khấu, cô nhanh chóng bị cuốn vào cơn hỗn loạn có tổ chức xoay quanh sự chào đời bất ngờ của cặp song sinh nhà Murray.

Mấy diễn viên và nhân viên đoàn xiếc xúm lại, lo lắng chờ đợi. Vị bác sĩ đã được đưa vào trong hình như thấy toàn bộ khung cảnh này quá ư lạ lẫm. Nghệ sĩ uốn dẻo đi ra đi vào. Aidan Murray bắn lên như lũ mèo của anh ta vậy. Celia cố gắng giúp hết mức có thể, chủ yếu cô chỉ phải rót mấy tách trà và tìm những cách hay hay để an ủi mọi người rằng rồi mọi chuyện sẽ tốt đẹp thôi.

Điều này khiến cô nhớ lại công việc vỗ về tinh thần cho các khách hàng trước đây, đến nỗi cô bất ngờ khi người ta gọi tên cô để cảm ơn.

Tiếng khóc oe oe cất lên mấy phút trước nửa đêm khiến ai nấy hân hoan thờ phào.

Và rồi một thứ khác lập tức xảy ra.

Celia cảm nhận được nó trước khi nghe thấy tràng vỗ tan rền vang từ khuôn viên, một thay đổi đột ngột lan khắp khu rạp xiếc như một làn sóng.

Nó tràn qua cơ thể cô, cảm giác ớn lạnh bất giác chạy dọc sống lưng, khiến cô suýt ngã phệt xuống.

“Cô có sao không?” một giọng nói cất lên từ phía sau Celia, cô quay lại và thấy Tsukiko đang đặt bàn tay ấm áp lên cánh tay cô để làm cô dịu lại. Ánh nhìn tôi-hiểu-quá-rõ mà Celia bắt đầu thấy quen thuộc sáng lên trong đôi mắt biết cười của nghệ sĩ uốn dẻo.

“Cảm ơn chị, tôi không sao,” Celia đáp, cố gắng thở đều trở lại.

“Cô rất nhạy cảm,” Tsukiko nói. “Người nhạy cảm bị những sự kiện như vậy tác động thì cũng không có gì là lạ.”

Một tiếng khóc nữa oe lên từ căn buồng bên cạnh, hòa vào tiếng khóc đầu tiên thành một điệp khúc êm ái. “Chúng thật biết chọn đúng thời khắc đặc biệt,” Tsukiko nói, chuyển chú ý sang cặp song sinh vừa chào đời.

Celia chỉ có thể gật đầu.

“Tiếc là cô lỡ mất màn đốt lửa rồi,” Tsukiko nói tiếp. “Nó cũng thật đặc biệt.”

Trong khi tiếng khóc của hai đứa trẻ nhà Murray dịu dần, Celia cố gắng rũ bỏ cảm giác vẫn còn gai gai trên da cô.

Cô vẫn chưa biết đối thủ của mình là ai, nhưng dù động thái gì vừa được tiến hành, nó cũng đã làm cô kinh hãi.

Cô cảm thấy toàn bộ khu rạp xiếc đang chụp xuống quanh cô, như thể một tấm lưới đã trùm lên nó, giam cầm mọi thứ trong phạm vi hàng rào sắt, lòng bùng giãy giụa như một cánh bướm.

Cô tự hỏi mình sẽ phải phản đòn thế nào.

ĐÊM MỞ MÀN III: KHÓI VÀ GƯƠNG

LONDON, 13 VÀ 14 THÁNG MƯỜI, 1886

Chandresh Christophe Lefèvre không vào bất cứ lều nào trong đêm mở màn. Ông chỉ thả bộ trên các lối đi, các khoảng trống và đi quanh khuôn viên với Marco tháp tùng, anh này hý hoáy ghi chép mỗi khi Chandresh thấy điều gì đáng lưu ý.

Chandresh quan sát đám đông, tìm hiểu xem tại sao người ta lại quyết định vào lều này mà không phải căn khác. Ông chỉ ra những bảng hiệu cần chỉnh sửa hoặc treo cao lên cho dễ đọc, những cánh cửa không đủ bắt mắt, những cánh khác quá ư nổi bật, khiến công chúng bỏ qua hoặc quá chú ý đến.

Nhưng đó thực sự là những tiểu tiết tỉ mỉ, như tra dầu bôi trơn để những tiếng ken két nhỏ nhất cũng tịnh không còn nghe thấy nữa. Không thể tốt hơn. Công chúng hồ hởi. Khán giả nườm nượp xếp hàng mua vé bên ngoài hàng rào. Toàn thể rạp xiếc rung rinh trong phấn khích.

Vài phút trước nửa đêm, Chandresh chọn cho mình một chỗ ở men sân lớn để chiêm ngưỡng nghi lễ thả lửa. Ông đứng ở vị trí có thể quan sát ngọn lửa cũng như đại bộ phận khán giả.

“Mọi thứ đã sẵn sàng cho màn thả lửa rồi chứ?” ông hỏi.

Không thấy ai trả lời.

Chandresh quay trái quay phải, chỉ thấy đám đông cuồng nhiệt đang đi lại đến chóng mặt.

“Marco?” ông gọi, nhưng chẳng thấy Marco đâu.

Một trong hai chị em Burgess thấy Chandresh và tới chỗ ông, thận trọng tìm đường len qua đám đông trên sân. “Chào ông Chandresh,” cô nói khi tới gần. “Có chuyện gì không ổn sao?”

“Hình như tôi để quên cậu Marco ở chỗ nào đó rồi,” ông nói. “Lạ thật. Nhưng không có gì đáng lo ngại đâu Lainie.”

“Tara chứ,” cô gái chữa.

“Hai người giống nhau quá,” Chandresh vừa nói vừa bập bập xì-gà. “Dễ nhầm thật. Hai cô nên đi cùng nhau để tránh bị nhầm người này với người kia.”

“Thật sao? Ông Chandresh ơi, chúng tôi có phải chị em sinh đôi đâu.”

“Vậy ai là chị thế?”

“Điều đó thì bí mật,” Tara cười. “Chúng ta có thể coi đêm nay là một thành công được chưa nhỉ?”

“Đến giờ thì có thể tạm hài lòng, nhưng đêm còn dài lắm, cô bạn của tôi ạ. Chị Murray sao rồi?”

“Cô ấy ổn cả, tôi tin thế, dù từ khoảng một tiếng nay tôi chưa biết thêm tin tức gì. Tôi nghĩ hôm nay đúng là sinh nhật đáng nhớ của hai đứa nhóc.”

“Chúng sẽ hữu dụng nếu giống hệt nhau như hai chị em cô. Ta có thể cho chúng mặc những trang phục ăn khớp nhau.”

Tara cười lớn. “Ít nhất ông phải đợi đến khi chúng biết đi đã.”

Quanh cái vạc rỗng lát nữa lửa sẽ bùng lên, mười hai cung thủ vào vị trí của mình. Tara và Chandresh tạm dừng câu chuyện để theo dõi. Tara quan sát các cung thủ còn Chandresh ngắm nghía đám đông, khi sự chú ý của họ bị hút vào màn biểu diễn. Họ không còn là đám đông mà đã trở thành khán giả, như thể các cung thủ đang thực hiện những vũ đạo phức tạp. Từng động tác chính xác đúng như dàn dựng.

Các cung thủ nhả cung để từng mũi tên lần lượt lao đi, biến cột lửa thành đủ màu cầu vồng rực rỡ. Toàn bộ khu rạp như được nhuộm trong sắc màu ứng với mỗi hồi chuông đồng hồ điểm, mười hai tiếng trầm ngân nga khắp rạp xiếc.

Hồi chuông cuối cùng, quàng lửa chói lòa, sáng trắng và nóng rực. Trong chốc lát tất cả trong khuôn viên đều run rẩy, những chiếc khăn quàng phất phơ dù không hề có gió, bạt căng lều cũng rung rinh.

Khán giả vỡ òa trong những tràng vỗ tay. Tara cũng vỗ tay theo, còn bên cạnh cô, Chandresh khụy xuống, đánh rơi điệu xì-gà xuống đất.

“Chandresh, ông không sao chứ?” Tara hỏi.

“Tôi thấy hơi đau đầu,” ông đáp. Tara khoác tay dìu ông tới bên căn lều gần nhất, tránh đám đông đang bắt đầu di chuyển, túa đi khắp hướng.

“Cô có cảm thấy nó không?” Chandresh hỏi cô. Hai chân ông đang run và Tara gắng sức đỡ ông khi xung quanh mọi người đang chen lấn.

“Thấy gì cơ?” cô hỏi, nhưng Chandresh không đáp, rõ ràng vẫn còn lảo đảo. “Sao không ai nghĩ phải đặt mấy cái ghế băng ở khuôn viên nhỉ?” Tara lẩm bẩm với chính mình.

“Có chuyện gì sao, cô Burgess?” một giọng nói cất lên sau lưng Tara. Cô quay lại và thấy Marco đứng sau mình, cuốn sổ trong tay và trông có vẻ khá lo lắng.

“Ôi, Marco, anh đây rồi,” Tara thốt lên. “Ông Chandresh bị làm sao ấy.”

Họ đang bắt đầu thu hút sự chú ý của đám đông. Marco khoác tay Chandresh, dìu ông đến một góc yên tĩnh. Anh đứng quay lưng về phía khuôn viên để có được chút riêng tư.

“Ông ấy bị thế này lâu chưa?” Marco hỏi Tara trong khi tìm cách chăm sóc Chandresh.

“Mới thôi, tự dừng rất bất ngờ,” cô đáp. “Tôi e ông ấy ngất mất.”

“Tôi chắc chắn ông ấy không sao đâu,” Marco nói với cô. “Chắc là do nóng quá thôi. Tôi có thể lo liệu được, cô Burgess ạ. Không dám phiền cô nữa.”

Tara nhú mày, lần chần chưa muốn rời đi.

“Không có gì đáng lo đâu,” Marco nhiệt thành nói lại lần nữa.

Chandresh nhìn xuống đất như thể ông đã đánh rơi gì đó, không có vẻ gì ông đang theo dõi những trao đổi giữa Marco và Tara.

“Nếu anh khăng khăng như vậy,” Tara đành nhượng bộ.

“Ông ấy đã được giao cho đúng người rồi, cô Burgess ạ,” Marco nói, rồi anh quay đi trước khi Tara có thể nói thêm gì, anh và Chandresh cùng hòa vào đám đông.

“Đây rồi,” Lainie gọi, nhô đầu qua vai Tara. “Đây tìm đây khắp nơi. Đây có xem màn thấp lửa không? Thật ngoạn mục đúng không?”

“Ừ,” Tara đáp, mắt vẫn dõi theo đám đông.

“Có chuyện gì thế?” Lainie hỏi. “Xảy ra chuyện gì à?”

“Đây biết những gì về phụ tá của Chandresh?” Tara hỏi thay cho câu trả lời.

“Marco há? Biết không nhiều,” Lainie đáp. “Anh ta đã làm việc cho Chandresh được vài năm, chuyên lo sổ sách kế toán. Ngày trước anh ta cũng học hành gì đó, đây cho là thế. Nhưng đây hoàn toàn không biết anh ta học gì, ở đâu. Anh ta cũng kín tiếng. Sao đây lại hỏi? Theo đuổi một cuộc chinh phục điển trai và tằm tối nữa à?”

Tara cười lớn, dù tâm trí vẫn để chỗ khác.

“Không đâu, làm gì có chuyện đó. Chỉ là tò mò thôi.” Cô quàng tay Lainie. “Chúng ta đi tìm những bí ẩn khác và khám phá ngay lúc này đã.”

Tay trong tay họ tiến về phía đám đông, đi quanh vạc lửa chói lòa mà nhiều người vẫn đang trầm trồ chiêm ngưỡng, như thể những lưỡi lửa trắng

đang bập bùng nhảy nhót kia đã mê hoặc họ.

NGƯỜI TREO NGƯỢC^[18]

Trong căn lều này, treo mình tít trên cao kia, là những con người. Nghệ sĩ thăng bằng, đu dây và nhào lộn trên không. Được chiếu sáng bởi hàng chục ngọn đèn tròn lung linh, treo trên nóc lều như các vì tinh tú.

Không có lưới bảo hộ.

Bạn theo dõi pha biểu diễn từ vị trí rờn rợn này, ngay dưới các diễn viên và không có gì ở giữa.

Những cô gái trong trang phục gắn lông vũ, xoay tròn từ đủ mọi độ cao, treo mình trên những dải ruy-băng mà họ có thể điều khiển được. Những con rối giật dây chính mình.

Những cái ghế bình thường có đủ chân và lưng được đem ra thay thế xà đu.

Những khối cầu tròn giống lồng chim dăng lên và hạ xuống, một hoặc nhiều nghệ sĩ nhào lộn di chuyển từ bên trong và bên ngoài khối cầu đó, đứng trên đỉnh hoặc treo mình trên các thanh ngang dưới đáy.

Ở trung tâm lều có một người đàn ông mặc lễ phục đuôi tôm, một chân được treo ngược lên bằng sợi thừng bạc, hai tay bắt chéo sau lưng.

Anh ta bắt đầu di chuyển, cực kỳ chậm chạp. Đôi cánh tay đưa lên từ hai bên cơ thể, từng bên một, cho đến khi hai tay buông dưới đầu.

Anh ta bắt đầu xoay tròn. Nhanh dần nhanh dần, cho đến khi anh ta chỉ còn là một vùng nhòe ở đầu dây.

Anh ta dừng lại, đột ngột, và rơi.

Khán giả bên dưới dạt đi, chừa ra một khoảng trống, nền đất cứng.

Bạn không thể đủ can đảm chứng kiến. Bạn không thể rời mắt khỏi khung cảnh này.

Rồi anh ta dừng lại ở ngang tầm mắt với khán giả. Chân vẫn được treo bằng sợi thừng bạc giờ như dài ra vô tận. Cái mũ chóp cao còn nguyên xi trên đầu anh ta, hai cánh tay đềm tĩnh đặt xuôi theo thân.

Khi khán giả hoàn hồn trở lại, anh đưa bàn tay đeo găng lên bỏ mũ xuống.

Gập ngang người, anh cúi chào khán giả trong tư thế treo ngược.

GIẢI MỘNG

CONCORD, MASSACHUSETTS, THÁNG MƯỜI 1902

Cả ngày Bailey cầu mong mặt trời chóng lặn, nhưng mặt trời chẳng chiều cậu mà cứ theo tốc độ bình thường ngang qua bầu trời, một tốc độ trước đây Bailey chưa từng để ý nhưng hôm nay sao chậm rì như trên người. Cậu ước chi hôm nay là ngày đi học để ít nhất cũng có việc mà làm mấy tiếng đồng hồ. Cậu nghĩ có nên ngủ một lát không, nhưng vì quá phấn khích thấy rạp xiếc đột ngột xuất hiện nên cậu chẳng tài nào ngủ được.

Bữa tối trôi qua như mọi ngày từ nhiều tháng nay, những khoảng lặng dài thình thoảng bị phá vỡ khi mẹ cố gắng gợi những chuyện nhẹ nhàng ra nói và Caroline cất tiếng thở dài.

Mẹ nói đến rạp xiếc, hoặc cụ thể hơn, dòng người sẽ tập nập kéo đến.

Bailey đoán rồi bàn ăn sẽ lại chìm vào yên lặng, nhưng Caroline chợt quay sang cậu.

“Lần trước lúc rạp xiếc ở đây, bọn chị đã thách em lên vào đó phải không nhỉ?” Giọng đứa chị nghe tò mò và nhẹ bẫng, hình như đúng là Caroline không nhớ từng có chuyện như vậy hay không.

“Sao cơ? Vào ban ngày ấy hả?” mẹ cậu hỏi.

Caroline khẽ gật.

“Vâng,” Bailey lặng lẽ nói, ước chi sự im lặng khó chịu sẽ quay trở lại.

“Bailey,” mẹ cậu nghiêm giọng, muốn biến tên cậu thành một lời cảnh cáo nhuộm đầy thất vọng. Bailey không chắc đã mắc lỗi chỗ nào, cậu là đứa

bị thách chứ có đi thách đũa khác đâu, nhưng Caroline đã nói ngay trước khi Bailey kịp phản ứng.

“Ôi, hồi ấy nó có làm thế đâu,” cứ như bây giờ Caroline đã nhớ tường tận. Bailey chỉ nhún vai.

“Ừm, mẹ hy vọng là con đã không làm,” mẹ nói.

Im lặng trở lại, Bailey nhìn ra cửa sổ, tự hỏi chính xác thì cái gì làm nên màn đêm. Cậu nghĩ có lẽ tốt hơn hết là đến trước cổng rạp càng sớm càng tốt, trước cả khi bắt đầu nhá nhem, nếu cần thì đợi. Bàn chân cậu bên dưới bàn ăn bắt đầu thấy ngứa ngáy, và cậu nóng ruột nghĩ không biết bao giờ mới chuồn đi được.

Lâu ơi là lâu mới dọn xong bàn ăn, và thời gian giúp mẹ rửa bát đĩa như kéo dài vô tận. Caroline biến vào phòng còn bố lôi báo ra.

“Con đi đâu thế?” mẹ hỏi khi thấy cậu lấy khăn quàng.

“Con đến rạp xiếc ạ,” Bailey đáp.

“Đừng về muộn,” mẹ nhắc. “Còn có việc phải làm đấy.”

“Con sẽ không về muộn đâu,” Bailey nói, thở phào vì mẹ không nói chính xác mấy giờ phải về, và muốn hiểu “muộn” là mấy giờ thì hiểu.

“Rủ chị con đi,” mẹ nói thêm.

Chỉ vì chẳng có cách nào ra khỏi nhà mà tránh được ánh mắt kiểm tra của mẹ xem cậu có gọi Caroline hay không, Bailey đành gõ lên cánh cửa phòng kếp hờ.

“Đi chỗ khác đi,” chị cậu nói.

“Em đến rạp xiếc đây, chị có đi không?” Bailey uể oải nói. Cậu biết tổng câu trả lời của Caroline là gì.

“Không,” Caroline đáp, cũng dễ đoán như những khoảng lặng trong giờ ăn tối. “Trò trẻ con,” Caroline bồi thêm, trừng mắt nhìn em trai đầy kỳ thị.

Bailey đi và không nói thêm gì, mặc gió sập cánh cửa ra vào sau lưng cậu.

Mặt trời bắt đầu lặn, bên ngoài có đông người hơn giờ này mọi ngày, tất cả cùng đi về một hướng.

Bailey vừa đi vừa cảm thấy háo hức trong lòng xẹp dần. Có khi trò này trẻ con thật. Có khi cảm giác chẳng còn như xưa nữa.

Khi cậu ra đến cánh đồng, một đám đông đã tụ tập ở đó, cậu thở phào thấy có rất nhiều người cũng tầm tuổi mình, thậm chí còn nhiều tuổi hơn, chỉ vài người đưa trẻ con đi theo. Hai cô gái trạc tuổi cậu khúc khích cười khi cậu đi ngang qua, còn cố nhìn vào mắt cậu. Bailey không dám chắc như thế có phải là đang tán tỉnh cậu không.

Bailey tìm được một chỗ trong đám đông. Cậu đợi, đứng nhìn cánh cổng sắt đang đóng, bồn chồn không rõ rạp xiếc có khác so với những ký ức của mình không.

Và sâu xa trong lòng, cậu tự hỏi không biết cô bé tóc đỏ mặc đồ trắng có còn ở đâu đó trong rạp không.

Quầng sáng màu cam từ mặt trời khiến mọi thứ, kể cả rạp xiếc, trông như đang cháy lên trước khi ánh ngày tắt hẳn. Nhanh hơn Bailey nghĩ, thời khắc trời chuyển từ đỏ lửa sang chạng vạng, và ánh đèn trong khu rạp bắt đầu nhá lên, từ tất cả các lều. Đám đông “ồ” rồi “à” rất hợp khung cảnh, nhưng chỉ vài người đứng phía trước há miệng ngạc nhiên khi tấm biển lớn trên cánh cổng bắt đầu lách tách bắn ra những tia lửa. Bailey không nén nổi mỉm cười khi những chữ cái nổi rõ lên, sáng rực như đèn hiệu: Le Cirque des Rêves.

Trong khi một ngày chờ đợi trôi chậm chạp một cách tẻ nhạt, thì dòng người xếp hàng vào rạp di chuyển nhanh đến khó tin, chẳng mấy chốc mà Bailey đã đứng trước quầy bán vé, mua một vé đơn.

Lối đi ngoằn ngoèo dưới lác đác những vì sao trải ra như vô tận khi Bailey dò đường qua những khúc rẽ tối tăm, hồi hộp chờ đón ánh sáng ở cuối con đường.

Điều đầu tiên cậu nghĩ khi bước đến khoảnh sân được chiếu sáng chính là những mùi hương vẫn như vậy, mùi khói, mùi caramel, và cái gì đó mà cậu không thể gọi tên. Cậu không biết nên bắt đầu từ đâu. Có quá nhiều căn lều, quá nhiều lựa chọn. Bailey nghĩ có lẽ nên đi vòng vòng một chút, rồi hăng quyết định sẽ vào lều nào. Cậu cũng nghĩ, có khi chỉ đi loanh quanh rạp xiếc thôi cũng có cơ tình cờ gặp cô bé tóc đỏ ấy. Nhưng cậu không chịu thừa nhận với bản thân rằng mình đang đi tìm cô ấy. Thật ngốc xít khi muốn tìm một cô bé cậu mới chỉ gặp một lần, trong một hoàn cảnh cực kỳ kỳ cục từ mấy năm trước rồi. Chẳng có lý do gì để tin rằng cô ấy còn nhớ cậu, hoặc nhận ra cậu, và cậu cũng không dám chắc mình sẽ nhận ra cô ấy.

Bailey quyết định sẽ vào rạp, qua khuôn viên nơi đặt cái vạc lửa, đi tới đầu bên kia, rồi tìm đường đi ngược trở lại. Một kế hoạch khả thi, và ở đầu bên kia khuôn viên có thể sẽ không quá đông đúc.

Nhưng trước hết, cậu nghĩ nên đi mua chút rượu táo hâm nóng đã. Không mất nhiều thời gian, cậu đã thấy một người bán món đó ở khuôn viên. Cậu trả tiền, món đồ uống vàng óng như hổ phách còn bốc khói trong cái cốc đen trắng, Bailey thoáng suy tư trước khi nhấp ngụm đầu tiên, chẳng biết hương vị có còn mê ly như cậu vẫn nhớ không. Không biết bao nhiêu lần trong đầu cậu đã nhớ lại hương vị này, và dù ở vùng này mùa táo cũng bội thu, nhưng không có thứ rượu táo nào, kể cả thêm hay không thêm hương liệu, lại êm ái như rượu táo ở rạp xiếc. Bailey chần chừ rồi nhấp một ngụm nhỏ nhất có thể. Hương vị còn tuyệt vời hơn cả ký ức của cậu.

Bailey chọn một lối đi và men theo đó, giữa lối vào những căn lều xung quanh, một nhóm nhỏ đang tụ tập quanh một bục cao. Người phụ nữ đứng trên bục trong trang phục bó sát với những họa tiết sọc xoáy màu đen và bạc. Cô ấy vặn mình uốn những tư thế trông vừa kinh dị vừa tuyệt mỹ. Bailey dừng lại nhập vào nhóm khán giả, dù chỉ đứng xem thôi cậu cũng cảm thấy đau đầu.

Nghệ sĩ uốn dẻo cầm một vòng kim loại màu bạc từ dưới sàn lên, vung vẩy nó bằng vài động tác đơn giản nhưng rất đẹp mắt. Cô đưa nó cho một

người đàn ông đứng phía trước các khán giả để xác nhận rằng cái vòng rất cứng. Nhận lại chiếc vòng, nghệ sĩ uốn dẻo luồn toàn bộ thân mình qua chiếc vòng, tay chân vươn ra trong động tác mềm mại như một dạng chất lỏng biết nhảy múa.

Bỏ cái vòng đi, cô đặt một hộp nhỏ ở giữa bục. Trông cái hộp mỗi chiều chừng khoảng ba chục phân, nhưng thực tế nó lớn hơn thế chút xíu. Một người phụ nữ trưởng thành (có thể nhỏ nhắn hơn bình thường) ép toàn bộ cơ thể vào một không gian chật hẹp như vậy đã là việc cực kỳ ấn tượng, bất kể chiếc hộp ấy có kết cấu như thế nào. Còn với nghệ sĩ uốn dẻo này, màn trình diễn thậm chí gây thán phục hơn nhiều vì chiếc hộp được làm bằng thủy tinh, hoàn toàn trong suốt.

Cạnh hộp bằng kim loại, bị không khí ăn mòn nên ngả màu hơi đen, nhưng các mặt và nắp hộp hoàn toàn trong suốt, khán giả nhìn thấy nghệ sĩ uốn dẻo trong toàn bộ thời gian cô gập và uốn mình trong không gian tin hìn ấy. Cô từ từ thực hiện động tác, biến mỗi phút chuyển động thành một phần của màn trình diễn, cho đến khi thân thể và đầu cô hoàn toàn ở gọn trong hộp, trừ bàn tay giơ lên phía trên. Nhìn từ góc Bailey đứng, thật không thể tin được tư thế ấy, một đoạn cẳng chân ở đây, bờ vai ở kia, một phần cánh tay đặt dưới bàn chân. Chỉ còn một bàn tay vui vẻ vẫy trước khi chính bàn tay ấy đóng nắp hộp lại. Khóa tự động rập, và không thể phủ nhận rằng cái hộp đã được đóng kín, với nghệ sĩ uốn dẻo rõ ràng cuộn mình bên trong.

Và rồi khói trắng dần lan ra trong cái hộp thủy tinh đang nhốt người phụ nữ. Khói len vào những khoảng trống không bị cơ thể choán giữ, luồn vào giữa những ngón tay cô đang tì lên lớp kính.

Khói càng lúc càng dày, hoàn toàn che kín nghệ sĩ uốn dẻo. Trong hộp chỉ còn thấy khói trắng đang tiếp tục dập dờn uốn lượn sau lớp kính.

Đột nhiên, “bụp” một cái, chiếc hộp vỡ tan. Những mặt kính rơi xuống bốn bên và phần nắp rơi thẳng xuống. Những cuộn khói tan vào trời đêm. Chiếc hộp, hay đúng hơn là đồng thủy tinh vụn trên bục biểu diễn, hoàn toàn trống không. Nghệ sĩ uốn dẻo đã biến mất.

Khán giả chờ đợi đôi hồi nhưng không có gì xảy ra cả. Làn khói cuối cùng nhạt đi, đám đông bắt đầu tản ra. Bailey chăm chú quan sát khi cậu đi ngang qua, tự hỏi không biết nghệ sĩ uốn dẻo có bằng cách nào đó trốn trong bọc biểu diễn hay không, nhưng cái bọc bằng gỗ rất chắc chắn và lật lên không có gì. Cô ấy đã hoàn toàn biến mất dù rõ ràng là cô ấy chẳng thể đi đâu được.

Bailey bước tiếp trên lối đi ngoằn ngoèo. Cậu uống hết rượu táo và tìm chỗ vút cốc. Ngay khi cậu bỏ cốc vào một cái thùng tối, cái cốc dường như biến mất luôn. Bailey đi tiếp, đọc các bảng hiệu, cố gắng quyết định nên vào lều nào. Một vài căn rất lớn, trang hoàng bằng hoa và những bảng hiệu dài dòng giới thiệu nội dung. Nhưng mắt cậu dừng lại ở một tấm bảng nhỏ hơn, ngay cả căn lều trưng tấm bảng đó cũng nhỏ nhắn. Dòng chữ trắng uốn lượn như dây thừng trên nền bảng đen.

Kỳ tích của ảo giác

Lối vào rộng mở, hàng khán giả đang bước vào lều của ảo thuật gia. Bailey tiếp bước.

Bên trong được chiếu sáng bằng một hàng nến cắm trên giá sắt đen dọc theo mảng tường của căn lều tròn. Và bên trong không có gì ngoài vòng ghế gỗ. Có khoảng hai mươi ghế, xếp thành hai hàng so le nhau để góc nhìn từ mỗi ghế không bị cản trở. Bailey chọn một chỗ ở hàng trong, ngang lối vào.

Những chỗ còn lại nhanh chóng có người ngồi, trừ hai ghế: một ở ngay bên trái Bailey, một nữa ở bên kia vòng ghế.

Bailey lập tức nhận ra hai điều.

Một là, cậu không thấy lối vào đâu nữa. Khoảng không nơi khán giả vừa đi vào giờ đã biến thành tường, liền thành một khối với toàn bộ căn lều.

Hai là, xuất hiện một phụ nữ tóc sẫm màu, mặc áo khoác đen ngồi ngay bên trái Bailey. Cậu chắc chắn cô ta không ngồi đấy trước khi lối vào biến mất.

Sự chú ý của cậu lập tức dứt khỏi hai sự kiện ấy vì chiếc ghế trống phía bên kia bốc cháy.

Khán giả lập tức hoảng loạn. Những người ngồi gần chiếc ghế đang cháy nhất vội bật dậy lao đến cửa, chỉ để phát hiện ra rằng chẳng còn cửa nào nữa, xung quanh chỉ có tường.

Lửa bùng lên dữ dội hơn, bao lấy chiếc ghế, liếm quanh thớt gỗ, nhưng dường như gỗ không bị cháy.

Bailey nhìn lại người phụ nữ ngồi bên trái, cô nháy mắt với cậu trước khi đứng dậy, tiến đến giữa vòng tròn. Giữa đám hoảng loạn, cô điềm nhiên cởi áo khoác, khoan thai ném nó lên chiếc ghế đang cháy.

Vật từng là tấm áo khoác len nặng nề biến thành một dải lụa đen dài, mềm mại như nước phủ lên ghế.

Ngọn lửa biến mất. Chỉ còn vài tàn khói nhạt, mùi gỗ cháy nồng từ từ chuyển thành mùi bếp lửa ấm áp, đượm hương thơm dễ chịu của quế và đinh hương.

Người phụ nữ vẫn đang đứng ở giữa vòng tròn ghế, duyên dáng kéo tung tấm lụa đen lên, phô bày chiếc ghế còn nguyên vẹn như ban đầu, và mấy con bồ câu trắng như tuyết đang vô tư đậu trên đó.

Một lần vung tay nữa, dải lụa đen tự cuộn lại, biến thành cái mũ chóp cao màu đen. Người phụ nữ đội nó lên đầu, thành một bộ hoàn chỉnh với chiếc váy dài sang trọng như cắt ra từ bầu trời đêm: lụa đen đính pha lê trắng lấp lánh. Cô ra mắt khán giả bằng động tác cúi chào trang nhã.

Ảo thuật gia đã xuất hiện như thế đó.

Vài người, trong đó có Bailey, cố gắng vỗ tay, trong khi những người đã bỏ ghế chạy lấy người quay lại chỗ của mình, vẻ mặt vừa tò mò vừa cáu cáu.

Màn biểu diễn tiếp tục. Tiết mục này xâu kết tiết mục khác, Bailey khó có thể nghĩ rằng đó là những trò đánh lừa thị giác. Những con bồ câu thỉnh thoảng lại biến mất, chỉ xuất hiện trở lại trên mũ hay dưới ghế. Một con quạ

đen to, dù khéo léo đến đâu cũng khó che giấu được nó. Chỉ sau khi phần trình diễn kết thúc, Bailey mới dần nhận thấy rằng căn cứ vào vòng tròn ghế khán giả, hình dạng và sự gần gũi của không gian, không thể có chỗ cho gương phản chiếu hay những trò bịp của ánh sáng. Tất cả đều sống động và hiện hữu. Thậm chí ảo thuật gia còn biến cái đồng hồ bỏ túi của một khán giả từ kim loại thành cát, rồi trở lại là kim loại. Có lúc tất cả các ghế đều lơ lửng rời khỏi mặt đất, dù chuyển động khi ấy từ từ và an toàn nhưng ngón chân Bailey đã hầu như không chạm sàn và cậu đã căng thẳng giữ chặt thành ghế.

Đến cuối màn trình diễn, ảo thuật gia quay một vòng cúi chào khán giả, cảm ơn tất cả trong tiếng vỗ tay giòn giã. Quay vừa đúng một vòng, cô ấy biến mất. Chỉ còn chút lấp lánh sót lại, dư âm ánh sáng từ những viên pha lê trên trang phục của cô.

Cửa xuất hiện trở lại bên hông lều, và số khán giả không mấy đông đúc đi ra. Bailey nán lại, ngoái nhìn khi bước qua nơi ảo thuật gia vừa đứng.

Bên ngoài, dù lúc trước không có, giờ xuất hiện một bức biểu diễn, rất giống bức của nghệ sĩ uốn dẻo. Nhưng bóng hình trên bức này không cử động. Bailey suyết cho rằng đó là một bức tượng, mặc váy trắng viền lông, vạt váy phủ qua bức tới chấm đất. Tóc và làn da, thậm chí cả hàng mi, đều trắng như băng.

Nhưng cô ấy cử động. Rất, rất chậm. Chậm đến mức Bailey không thể xác định được chính xác cử động, chỉ nhận thấy những thay đổi nhỏ. Những bông tuyết xộp óng ánh ngũ sắc lững lờ chạm đất, bung ra từ cô ấy như lá rời cành.

Bailey đi vòng quanh, quan sát cô ấy từ mọi góc. Đôi mắt cô ấy cũng dõi theo cậu, dù bờ mi đọng những mảnh tuyết li ti không hề chớp.

Có tấm bảng nhỏ màu bạc gắn trên bức, một phần bị vạt váy dài che mất.

Bảng đề **TUỞNG NHỚ**, nhưng không rõ dành cho ai.

LUẬT CHƠI

1887-1889

Những Bữa Tối Lúc Nửa Đêm trở nên thưa thớt hơn khi bây giờ rạp xiếc đã đi vào hoạt động và chạy trơn tru, bắt đầu tự vận hành, như Chandresh đã nói trong một dịp ăn tối không lâu sau đêm mở màn. Các trợ thủ từ ngày đầu đôi lần vẫn gặp nhau dùng bữa, đặc biệt khi đoàn xiếc biểu diễn gần đó, nhưng tần suất ngày một giảm dần.

Ông A.H- không xuất hiện dù luôn được mời.

Và vì những cuộc gặp gỡ ấy là cơ hội duy nhất Marco có thể gặp thầy, nên sự vắng mặt thường xuyên của ông khiến anh phát bực.

Sau một năm không tin tức gì, không một lời hay thậm chí chỉ một thoáng trông thấy cái mũ chóp cao màu xám, Marco quyết định tìm gặp ông.

Anh không biết thầy mình hiện ở đâu. Anh đoán, chính xác, rằng có thể đó chỉ là chỗ ở tạm thời, chỉ cần anh tìm đến nơi thì ông sẽ chuyển ngay sang một chỗ ở mới, tạm thời không kém.

Do vậy, Marco đã để lại rất nhiều dấu hiệu trên các cửa sổ đóng băng tại căn hộ của anh, những cửa sổ nhìn ra phố, lấy những cột trụ của viện bảo tàng phía trước làm chỉ dẫn. Không thể nhận ra phần lớn các ký hiệu, trừ phi ánh sáng hắt lên chúng từ những góc thích hợp, nhưng tất cả ký hiệu tập hợp lại thành hình một chữ A lớn.

Ngày hôm sau có tiếng gõ cửa.

Như mọi lần, người đàn ông mặc đồ xám không vào trong căn hộ. Ông chỉ đứng ở ngưỡng cửa và chình Marco bằng cặp mắt xám lạnh nhạt quắc lên.

“Cậu muốn gì?” ông hỏi.

“Con muốn biết mình làm có tốt không,” Marco đáp.

Ông thầy nhìn anh trong chốc lát, nét mặt vẫn không hề biểu lộ chút cảm xúc nào.

“Cậu đang làm đủ,” ông nói.

“Thử thách sẽ diễn ra như vậy sao?” Marco hỏi. “Từng người điều khiển rạp xiếc phải không? Chuyện này sẽ kéo dài bao lâu ạ?”

“Cậu có một địa điểm để thi đấu,” người thầy nói. “Cậu phô bày hết những khả năng của mình và đối thủ của cậu cũng vậy. Hai bên không cản trở công việc của nhau. Sẽ còn tiếp diễn như vậy cho đến khi có một người chiến thắng. Có gì phức tạp đâu.”

“Con không nghĩ mình đã hiểu luật chơi,” Marco nói.

“Cậu không cần hiểu mà cần tuân thủ nó. Ta đã nói rồi đấy, cậu đang làm đủ.”

Ông định rời đi nhưng rồi nán lại.

“Đừng làm như thế nữa,” ông nói, chỉ qua vai Marco về phía ô cửa đã đóng băng.

Rồi ông quay người bước đi một mạch.

Từng biểu tượng trên cửa sổ tan ra, chảy thành những vệt nước vô nghĩa.

• • •

ĐANG LÀ GIỮA NGÀY, rạp xiếc chìm trong yên lặng. Celia Bowen đứng trước Vòng Đu Quay, ngắm nhìn những sinh vật trắng, đen và màu bạc nối nhau trôi qua, con nào cũng được đính những dải ruy-băng rất hợp màu, và không có ai ngồi trên.

“Bố không thích trò này,” giọng nói cất lên sau lưng Celia. Hector Bowen trông như một bóng ma trong căn lều không mấy sáng sủa. Bộ đồ sẫm màu của ông chìm vào bóng tối. Ánh sáng khi mờ khi tỏ làm thoắt ẩn thoắt hiện tông sáng của cái áo sơ-mi, màu xám của mái tóc, rọi vào ánh mắt hần học trên gương mặt ông, khi ông quan sát Celia qua vai cô.

“Tại sao thế ạ?” Celia hỏi mà không quay lại. “Nó cực kỳ bình thường mà. Và làm ra thứ này cũng mất công lắm, như vậy chưa đủ hả bố?”

Điệu cười mai mỉa của ông chỉ còn là tiếng vọng từ ngày xưa, Celia mừng vì ông không thể thấy cô mỉm cười trước sự yếu ớt của âm thanh đó.

“Con sẽ không hỗn hào như vậy nếu ta không...” Giọng ông chùng xuống trong khi bàn tay trong suốt vung lên gần cánh tay Celia.

“Bố đừng cáu lên thế,” Celia nói. “Tự bố dựng nên chuyện này, bố không làm được gì thì đâu phải lỗi của con. Mà con có hỗn hào gì đâu.”

“Con đã nói những gì với ông kiến trúc sư của con?” bố cô hỏi.

“Con đã nói những gì con nghĩ ông ấy cần biết,” Celia nói khi bố lướt qua cô, lại gần sẫm soi vòng quay ngựa gỗ. “Ông ấy thích xô đổ những giới hạn, con chỉ đề nghị giúp ông ấy đẩy chúng đi xa hơn. Ông Barris có phải đối thủ của con không? Nếu thế thì ông ấy thật ranh ma, làm cho con cả cái Vòng Đu Quay này để tránh bị nghi ngờ.”

“Ông ta không phải đối thủ của con,” Hector phẩy tay đáp, tay áo tua rua của ông phất phơ như cánh bướm đêm. “Nhưng làm như thế cũng có thể coi là gian lận.”

“Thế còn sử dụng một kỹ sư để thực hiện một ý tưởng không có tác dụng trong phạm vi địa điểm thi đấu thì sao hả bố? Con đã bàn với ông ấy, ông ấy lo phần thiết kế và xây dựng, còn con... trang hoàng cho nó. Bố có thích đi một vòng không? Nó còn đi xa hơn, không chỉ quay tròn thế này thôi đâu.”

“Rõ là như vậy rồi,” Hector nói, cúi nhìn đường hầm tối đen mà các con vật nối nhau biến mất vào đó. “Nhưng bố vẫn không thích.”

Celia thở dài, tới bên Vòng Đu Quay, vượt lên đầu một con quạ đen to quá khổ khi nó lướt qua.

“Vốn đã có vô số thành tố của rạp xiếc này khớp lại với nhau,” cô nói. “Tại sao con không thể tận dụng ưu thế của mình? Bối cảnh nhất quyết rằng con phải làm nhiều hơn những buổi biểu diễn, nhưng muốn thế thì con phải tạo ra những cơ hội. Ở điểm này ông Barris giúp được khá nhiều.”

“Làm việc với người khác sẽ chỉ kéo con xuống thôi. Những loại đó không phải là bằng hữu, không đáng để bận tâm. Và đừng quên một trong số họ là đối thủ của con.”

“Bố biết đó là ai, phải không ạ?” Celia hỏi.

“Bố có nghi ngờ mấy người. Nhưng bố sẽ không nói cho con biết đâu.”

“Nhân dạng đối thủ của con không quan trọng.”

“Quan trọng đối với con.”

Hector cau mày khi thấy con gái lơ đãng nghịch chiếc nhẫn trên bàn tay phải.

“Không nên như vậy,” ông nói.

“Nhưng đối thủ của con biết con là ai, phải không ạ?”

“Hẳn rồi, trừ phi tay đó là một đứa đại khù khờ. Alexander mà chọn một đứa đại khù khờ làm đồ đệ thì chẳng giống ông ta chút nào. Nhưng điều đó không quan trọng. Tốt hơn hết con nên tự làm lấy việc của mình mà không bị tác động của đối thủ, và không dính đến những trò *cộng tác* như con vẫn gọi này.”

Ông vung tay về phía Vòng Đu Quay và những dải ruy-băng rung rinh, như thể làn gió nhẹ nhất vừa thoảng qua căn lều.

“Sao lại tốt hơn ạ?” Celia hỏi. “Những thứ đó có gì tốt hơn những thứ khác ở đây? Làm thế nào để đem căn lều này ra so với căn lều khác? Làm thế nào có thể phán xét bất cứ điều gì ở đây?”

“Chuyện đó con không phải bận tâm.”

“Làm thế nào con có thể thi đấu xuất sắc khi bố còn không cho con biết luật chơi?”

Những con vật trên Vòng Đu Quay xoay đầu về hướng bóng ma đứng giữa chúng. Điểu sư, cáo và rồng lom lom nhìn ông ta bằng những cặp mắt đen bóng.

“Thôi đi,” Hector nạt con gái. Các con vật quay đầu lại nhìn thẳng, nhưng một con sói vẫn găm gờ dù đã trở về tư thế bất động. “Con không coi chuyện này là nghiêm túc như lẽ ra con phải thế.”

“Đây là một rạp xiếc,” Celia thốt lên. “Khó có thể coi chuyện gì là nghiêm túc.”

“Rạp xiếc chỉ là địa điểm thi đấu.”

“Thế thì đây không phải trò chơi hay thử thách, mà chỉ là một cuộc triển lãm.”

“Còn hơn thế.”

“Hơn như thế nào ạ?” Celia hỏi đến cùng, nhưng bố cô chỉ lắc đầu.

“Bố đã nói với con tất cả những luật chơi mà con cần biết. Con mở rộng giới hạn năng lực của mình, rạp xiếc này là nơi để phô diễn. Con thể hiện mình giỏi hơn và mạnh hơn. Con làm tất cả những gì có thể để nổi bật hơn đối thủ.”

“Và khi nào thì bố sẽ quyết định người nào xuất sắc hơn?”

“Bố không quyết định bất cứ điều gì,” Hector nói. “Đừng hỏi nữa. Làm nhiều vào. Và đừng cộng tác với ai hết.”

Trước khi Celia kịp phản ứng, ông đã biến mất, bỏ lại cô đứng một mình trong ánh sáng lung linh tỏa ra từ Vòng Đu Quay.

• • •

THOẠT ĐẦU Marco thường xuyên nhận được thư của Isobel, nhưng khi đoàn xiếc lưu diễn đến những thành phố và đất nước xa xôi, nhiều lần, đôi khi nhiều tháng trôi qua bật vô âm tín.

Khi một lá thư mới cuối cùng cũng đến, Marco còn không kịp cởi áo khoác mà xé vội phong thư.

Anh lướt qua trang giấy đầy những lời triu mến hỏi thăm anh sống ở London thế nào, và giải bày rằng Isobel nhớ thành phố ấy, nhớ anh ra sao.

Những điều thường nhật trong rạp xiếc được viết ra theo nghĩa vụ, nhưng với sự chính xác ở-mức-độ-hờ-hững nên Marco không thể hình dung những chi tiết cụ thể mà anh mong muốn. Cô uể oải viết về những thứ cô cho là nhàm chán, hành trình và con tàu, dù Marco chắc chắn rằng họ không thể chỉ đi bằng tàu.

Cảm giác về khoảng cách xa xôi trở nên rõ ràng hơn dù vẫn còn mối liên hệ mong manh bằng giấy và mực.

Và có quá ít về cô ấy. Isobel thậm chí còn không viết tên cô ấy ra giấy, chỉ thi thoảng nhắc và gọi cô là ảo thuật gia, một sự thận trọng chính anh đã đề nghị với cô và giờ thấy hối hận.

Anh muốn biết tất cả về cô ấy. Cô ấy làm gì khi không biểu diễn.

Cô ấy giao lưu với khán giả thế nào. Cô ấy uống trà ra sao.

Anh không thể tự mình hỏi Isobel những điều đó.

Trong phúc đáp thư của cô, anh mong cô hãy tiếp tục viết càng nhiều càng tốt. Anh nhấn mạnh những lá thư của cô có ý nghĩa thế nào với anh.

Anh lấy những trang kín chữ viết tay của Isobel, với những dòng mô tả các căn lều sọc và bầu trời lấm tấm sao, gấp những trang ấy thành chim, cho chúng bay lượn trong căn hộ trống rỗng của mình.

• • •

HIẾM CÓ KHI NÀO một căn lều mới xuất hiện mà Celia lại nghĩ đến việc hủy toàn bộ buổi biểu diễn của mình, dành cả tối chỉ để thăm thú căn lều mới.

Cô thường đợi, biểu diễn hết số tiết mục cần thiết, kết thúc màn cuối cùng vài giờ trước bình minh. Chỉ khi đó cô mới thả bộ trên những lối đi gần như chẳng còn ai, tìm đến những tiết mục mới được bổ sung vào rạp xiếc. Tấm bảng giới thiệu một nơi có tên là Vườn Băng.

Celia mỉm cười đọc dòng ghi chú bên dưới, bày tỏ lời xin lỗi nếu khán giả phải chịu bất cứ sự bất tiện nào về nhiệt độ.

Dù có cái tên như vậy nhưng Celia không đoán trước được điều gì đang đợi cô bên trong căn lều.

Chính xác như những gì bảng hiệu mô tả. Nhưng còn nhiều hơn thế rất nhiều.

Trên tường không có dải sọc nào, tất cả đều trắng lóng lánh. Celia không biết nơi này rộng đến đâu, không xác định được kích cỡ thực của căn lều bởi những tấm màn dương liễu và cây leo rủ xuống.

Bầu không khí thật kỳ ảo. Một cảm giác trong lành ngọt lan khắp phổi khi Celia hít vào, cái lạnh chạy thẳng xuống đầu ngón chân cô, không chỉ vì nhiệt độ thấp đã được cảnh báo trước.

Trong lều không có ai khi Celia bắt đầu khám phá, một mình dạo quanh những giàn hồng leo phơn phớt, và một đài phun nước chạm trở tinh tế, dòng chảy hiền hòa khẽ trào lên.

Trừ vài dải ruy-băng lụa trắng được buộc như những vòng hoa, tất cả đều là băng.

Tò mò, Celia bứt một bông mẫu đơn đóng băng ở trên cành, cuống hoa lập tức gãy rời.

Nhưng những lớp cánh vỡ rụn, rơi từ ngón tay cô xuống đất, biến mất vào vạt cỏ trắng ngà dưới chân.

Cô nhìn lại cảnh mẫu đơn, một đóa hoa giống hệt đã hiện lên.

Celia không thể tưởng tượng được phải cần bao nhiêu sức mạnh và tài nghệ để không chỉ tạo dựng mà còn duy trì được nơi này.

Cô bồn chồn muốn biết sao đối thủ của cô lại nảy ra được ý tưởng này. Cô biết rằng mỗi bụi cây được tạo hình hoàn hảo, từng chi tiết từ những viên sỏi nằm như ngọc trai dọc lối đi, tất cả phải được tính toán tỉ mỉ.

Phải rất công phu mới có thể làm được thứ gì đó tương xứng, chỉ nghĩ đến thôi Celia cũng đủ thấy rã rời. Cô suýt ước rằng bố cô ở đây, bởi cô bắt đầu hiểu tại sao bố luôn sắt đá bắt cô phải rèn luyện sức mạnh và khả năng kiểm soát đến vậy.

Không hoàn toàn chắc chắn, nhưng cô muốn cảm ơn ông vì điều đó.

Và cô thích được một mình ở nơi này, sự tĩnh lặng và yên bình đầy ngọt ngào trong mùi hương thư thái từ những đóa hoa phủ băng.

Celia ở lại Vườn Băng rất lâu sau khi bên ngoài vầng dương đã mọc, và cửa rạp đã đóng lại vào ban ngày.

• • •

LÂU RỒI RẠP XIẾC mới ghé lại gần London, chiều hôm ấy trước giờ biểu diễn, có người gõ cửa căn hộ của Marco. Anh hé cửa rồi mở hẳn ra khi thấy Isobel.

“Anh đã thay ổ khóa,” cô nói.

“Sao em không báo anh là em sẽ đến?” Marco hỏi.

“Em tưởng anh sẽ thích bất ngờ,” Isobel đáp.

Marco không đưa cô vào mà bảo cô hãy đợi ở ngưỡng cửa, chốc lát sau anh lập tức quay ra, tay cầm mũ quả dưa.

Chiều hôm ấy khô ráo và sáng sủa, anh đưa cô đi uống trà.

“Cái gì vậy?” Marco hỏi, liếc nhìn cổ tay Isobel khi họ bước đi.

“Không có gì,” cô nói, kẹp cổ tay áo che kín vòng đeo tay, một sợi dây bện rất cẩn thận bằng tóc của cô và của anh.

Anh không hỏi gì thêm.

Dù Isobel không tháo chiếc vòng ra, nó đã biến mất khi cô trở lại rạp xiếc buổi tối hôm ấy. Biến mất khỏi cổ tay cô như thể nó chưa từng ở đó.

NẼM TRÁI

LYON, THÁNG CHÍN 1889

Herr Friedrich Thiessen đi nghỉ ở Pháp. Ông thường sang Pháp nghỉ vào mùa thu, vì ông rất mê rượu. Ông chọn một vùng rồi cứ thế lãng du miền đồng nội trong một, có khi hai tuần, thăm các vườn nho, sưu tầm những chai rượu ưng ý để đóng thùng chở về Munich.

Herr Thiessen thân với mấy nhà làm rượu người Pháp và thường chế tạo đồng hồ cho nhiều người trong số họ. Lần này ông đi thăm một trong những người bạn ấy, để tỏ lòng kính trọng cũng như để nếm những chai rượu mới nhất. Bên một ly vang đỏ, người làm rượu bảo có lẽ Friedrich sẽ thích rạp xiếc mới đến thị trấn, đóng trên cánh đồng cách đây vài dặm. Một rạp xiếc khá kỳ lạ, chỉ mở cửa vào ban đêm.

Nhưng chính cái đồng hồ tuyệt đẹp màu đen và trắng ở ngay cổng rạp mới là thứ người làm rượu nghĩ Herr Thiessen sẽ đặc biệt quan tâm.

“Làm tôi nhớ đến tác phẩm của anh,” người làm rượu nói, nâng ly hướng về phía cái đồng hồ treo tường ở trên quầy rượu, hình dáng như một chùm nho rũ xuống chai rượu, và rượu đầy lên trong chai khi các kim trên nhãn (bản sao đúng nhãn hiệu của vườn nho này) nhúc nhích từng giây.

Herr Thiessen thấy hiếu kỳ nên sau bữa tối sớm, ông đội mũ và đeo găng tay, bắt đầu đi về hướng ông bạn làm rượu đã chỉ. Không khó tìm đường vì nhiều người dân thị trấn cũng đang đi theo hướng đó, và khi đã ra khỏi thị trấn, đến cánh đồng thì khó có thể không chú ý đến rạp xiếc.

Nó tỏa sáng. Đó là ấn tượng đầu tiên của Herr Friedrich Thiessen về Le Cirque des Rêves, nhìn từ cách đó nửa dặm, trước cả khi ông biết đến tên

nó. Ông tiến về phía rạp xiếc trong cái lạnh buổi đêm ở miền thôn quê nước Pháp, như con thiêu thân lao mình vào lửa.

Một đám đông lớn tụ tập bên ngoài khi Herr Thiessen cuối cùng cũng đến trước cánh cổng. Bất chấp đám đông, ông nhận ngay ra tác phẩm của mình, dù trước đây chưa từng biết nó được đặt ở đâu. Nó choán vị trí gần như đối diện với quầy vé, ngay sau cánh cổng sắt to. Nó sắp điếm bảy giờ tối, và ông lùi lại để quan sát, mặc dòng người mua vé tiến lên trước khi nghệ sĩ tung hứng trong trang phục quả trám sặc sỡ tung thêm trái bóng thứ bảy lên không trung, con rồng quẩy đuôi và đồng hồ trầm trầm ngân bảy hồi, hầu như không nghe rõ trong không gian ồn ã này.

Herr Thiessen thấy hài lòng. Cái đồng hồ làm việc trong trạng thái hoàn hảo và rõ là được chăm chút cẩn thận, dù bị để ngoài trời. Ông nghĩ có lẽ nó cần một lớp vec-ni bền màu hơn, giá mà khi thiết kế ông biết trước nó sẽ được đặt ở ngoài trời, dù hiện giờ trông nó cũng không bị cũ đi. Ông không rời mắt khỏi cái đồng hồ trong khi đứng xếp hàng, tự nhủ có lẽ ông nên liên lạc với ông Barris xem sao, không biết ông còn giữ địa chỉ của ông ấy trong đồng giấy tờ ở Munich không nhỉ. Đến lượt mình, ông chìa số tiền cần đưa cho người bán vé, một phụ nữ trẻ mặc váy đen và đeo găng tay trắng, trông có vẻ hợp với một buổi tối sang trọng ở nhà hát ô-pê-ra hơn chân bán vé rạp xiếc. Khi cô đưa vé, ông hỏi, ban đầu bằng tiếng Pháp rồi chuyển sang tiếng Anh khi cô gái có vẻ không hiểu, rằng cô có biết ông nên liên hệ với ai về chuyện cái đồng hồ không. Cô gái không trả lời nhưng ánh mắt cô sáng lên khi ông giới thiệu mình là người chịu trách nhiệm thiết kế, sản xuất ra nó. Cô trả lại tiền vé cho ông, nhét hẳn vào túi bất chấp ông phản đối, và sau khi lục tìm một cái hộp nhỏ, cô chìa ra một tấm danh thiếp và đưa nó cho ông.

Herr Thiessen cảm ơn cô, ra khỏi hàng và đứng sang bên cạnh, chăm chú đọc tấm danh thiếp. Đó là một danh thiếp trang trọng, giấy in đẹp, nền đen làm bật lên dòng chữ bạc dập nổi:

Le Cirque des Rêves

Chandresh Christophe Lefèvre

Chủ rạp xiếc

Đằng sau là một địa chỉ tại London. Herr Thiessen cho tắm danh thiếp vào túi áo khoác cùng với vé và mấy đồng tiền không phải tiêu, tiến những bước đầu tiên vào rạp xiếc.

Ông bắt đầu chỉ đơn giản là lang thang vô tư lự, thăm thú ngôi nhà kỳ lạ của đồng hồ *Wunschtraum* của mình. Có lẽ bởi ông đã bỏ nhiều tháng chuyên tâm vào chiếc đồng hồ, nên rạp xiếc mang lại một cảm giác thân thuộc và dễ chịu. Những gam đen, trắng, xám, những lối đi uốn lượn cuốn vào nhau vô tận như những bánh răng trong lõi đồng hồ. Herr Thiessen ngạc nhiên sao đồng hồ ăn khớp với rạp xiếc, và rạp xiếc ăn khớp với đồng hồ đến vậy.

Đêm đầu tiên ấy, ông chỉ vào vài căn lều, dừng lại xem những diễn viên nuốt lửa và múa kiếm, nhắm thử eiswein^[19] hảo hạng tại một căn lều có tấm bảng đề MIỀN ĐỒ UỐNG, KHÁN GIẢ TRẺ XIN MIỄN. Herr Thiessen hỏi về thứ rượu đó, người phục vụ tại quầy rượu (người duy nhất trong số những người của đoàn xiếc mà Friedrick đã gặp chịu trả lời, dù chỉ tối thiểu, khi ông bắt chuyện) cho hay đó là một loại rượu từ Canada, và nói năm sản xuất của nó cho ông biết.

Cho đến khi phải rời khỏi rạp xiếc chỉ vì đã mệt mỏi, Herr Thiessen hoàn toàn bị chinh phục. Ông còn đến rạp hai lần nữa trước khi về Munich, và cả hai lần sau đó ông đều tự trả tiền vé vào.

Về đến nhà ông viết thư cho Lefèvre, bày tỏ lòng cảm kích vì Lefèvre đã mang lại cho chiếc đồng hồ của ông một ngôi nhà tuyệt vời, và cảm ơn vì những trải nghiệm ông được nếm trải trong không gian rạp xiếc. Cuối cùng ông nhắc đến vai trò người chủ để kết thúc bức thư, bộc bạch rằng ông không can dự gì vào hành trình của rạp xiếc, nhưng hy vọng một ngày nào đó nó sẽ đến nước Đức.

Vài tuần sau, ông nhận được một bức thư từ trợ lý của ông Lefèvre, cho biết ông Lefèvre hết sức trân trọng những khen ngợi của Herr Thiessen, đặc biệt đó là lời khen của một nghệ sĩ tài hoa. Bức thư cũng đề cao cái đồng hồ,

và nói rằng nếu nó có bất cứ trục trặc nào thì Herr Thiessen sẽ lập tức được thông báo.

Bức thư không đảm bảo gì đến vị trí hiện tại của rạp xiếc hay khả năng nó sẽ đến Đức, Herr Thiessen khá lấy làm thất vọng.

Ông rất hay nghĩ đến rạp xiếc, thường trong khi làm việc, và chính rạp xiếc bắt đầu có sức ảnh hưởng đến những tác phẩm của ông. Rất nhiều đồng hồ mới của ông có màu đen và trắng, một số cái có sọc và mang vô khối hình ảnh của rạp xiếc: các nghệ sĩ nhào lộn tí hon, những con báo tuyết bé xíu xiu, một thầy bói tiên đoán tương lai qua những lá bài tarot rải theo các con số trên mặt đồng hồ.

Nhưng ông e rằng ông đã không công bằng với rạp xiếc khi tạo ra những tác phẩm hao hao ấy.

BẢO MẪU

CAIRO, THÁNG MƯỜI MỘT 1890

Dù cặp song sinh nhà Murray ít nhiều được phép chạy lảng xãng quanh những góc khuất ở khu vực thường được mọi người gọi là hậu trường – một căn nhà rộng nhưng rất bừa, rẽ thành các nhánh hành lang và phòng nhỏ, nơi ở của những người trong đoàn xiếc khi họ không biểu diễn – nếu hai đứa trẻ muốn ra ngoài và loãng quãng trong rạp vào giờ biểu diễn thì chúng phải có người trông nom. Bọn nhóc thường xuyên và lớn tiếng phản đối qui định này, nhưng bố hai đứa kiên quyết rằng nguyên tắc đó phải được duy trì cho đến khi chúng ít nhất lên tám.

Widget thường i ôi rằng tám tuổi tức là cộng tuổi của hai anh em vào cho đủ tám, nếu tính thế thì cũng đã đáp ứng được yêu cầu rồi.

Chúng liên tục được dặn rằng phải tuân thủ kỷ luật dành cho thời gian biểu buổi tối, bởi chúng là những đứa trẻ duy nhất trong cái hộ gia đình độc đáo này.

Thế là cặp song sinh có một đội ngũ các cô bảo mẫu luân phiên nhau, và tối nay ảo thuật gia thực hiện nghĩa vụ trông trẻ. Cô không thường đảm nhận vai trò này, dù hai đứa bé khá thích chơi với cô. Tối hôm nay cô có nhiều thời gian trống giữa các tiết mục nên có thể hộ tống chúng đi loanh quanh một lúc.

Không ai nhận ra Celia khi cô không mang mũ chóp cao và bộ váy đen trắng, kể cả những người đầu buổi tối vừa xem cô trình diễn. Nếu người ta có chú ý đến cô, đó chỉ vì họ tự hỏi sao lũ lú lú rú rú bám gót cô tóc đỏ rực thế mà tóc cô lại sẫm màu. Trừ điều đó ra, cô chỉ là một cô gái bình thường

trong chiếc áo khoác xanh lam, thả bộ trong rạp xiếc như bất cứ khán giả nào.

Ba chị em bắt đầu từ Vườn Bàng. Cặp song sinh tỏ ra sốt ruột vì những bước chân từ tốn của Celia quanh cây cối đã đóng băng. Chưa đi hết nửa khu vườn, chúng đã nài nỉ được ngồi Vòng Đu Quay.

Hai anh em tranh nhau cưỡi lên điều sư, nhưng Widget rút lui khi Celia kể câu chuyện về cừu vĩ hồ^[20] ở ngay phía sau, nghe hấp dẫn hơn điều sư nhiều. Vòng Đu Quay vừa dừng, chúng đã xin đi tiếp vòng nữa. Lượt thứ hai này chúng đi vào đường hầm, chu du qua những bánh răng bạc của đồng hồ, kết thúc hành trình trên lưng rắn và thỏ, không ho he phàn nàn nửa lời.

Ngồi đu quay xong Widget muốn có gì bỏ vào bụng, thế là cả ba hướng tới khuôn viên. Celia mua một túi giấy sọc trắng đen đầy ú bông ngô, nhưng Widget ì ề rằng nó muốn cả caramel nữa, và sẽ không ăn bông không.

Người bán hàng nhúng những trái táo đã xiên que vào caramel nâu thơm lừng, chiều theo ý Widget rưới cả caramel lên bông ngô. Mấy người xung quanh cũng muốn mua theo như thế.

Poppet nói nó không đói. Cô bé như đang mãi nghĩ gì đó, nên khi đi xuôi một đoạn đường yên tĩnh, xa khỏi khuôn viên, Celia hỏi Poppet có gì làm nó khó chịu không.

“Em không muốn cô xinh đẹp ấy chết,” Poppet nói, khẽ bám vào váy Celia.

Celia dừng lại, giơ một tay giữ Widget, lúc này đang đang chúi mũi vào bông ngô, để nó đứng trước mặt cô.

“Ý em là sao cơ?” cô hỏi Poppet.

“Người ta sẽ bỏ cô ấy vào trong đất,” Poppet giải thích. “Thế thì buồn lắm.”

“Cô xinh đẹp nào vậy em?” Celia hỏi.

Poppet nhăn nhó trong khi cố suy nghĩ.

“Em không biết,” nó nói. “Trông giống nhau hết à.”

“Poppet ơi, cưng ơi,” Celia gọi, kéo cặp sinh đôi vào một hốc, cúi xuống nhìn thẳng vào Poppet và hỏi. “Cô xinh đẹp bị bỏ vào đất ấy ở đâu? Em nhìn thấy cô ấy ở đâu?”

“Trên những ngôi sao ấy,” Poppet đáp, kiễng chân và giơ tay chỉ lên trời.

Celia ngược lên bầu trời đầy sao, nhìn mặt trăng khuất vào sau một đám mây, rồi quay lại tập trung vào Poppet.

“Em thường thấy gì trên những ngôi sao?” cô hỏi.

“Chỉ thỉnh thoảng thôi ạ,” Poppet đáp. “Widge thấy những thứ của người ta.”

Celia quay sang Widget, thằng bé vẫn đang ngon lành chén từng năm bóng ngô phủ caramel.

“Em thấy những thứ của người ta ư?” Celia hỏi nó.

“Xinh xoàng ạ,” nó lúng búng trả lời bằng cái miệng đầy bóng ngô.

“Những thứ như thế nào nào?” Celia hỏi.

Widget nhún vai.

“Người ta đã ở đâu,” nó nói. “Người ta đã làm gì.” Nó vốc một năm bóng nữa nhét vào miệng.

“Hay đấy,” Celia nói. Hai đứa trẻ từng kể cho cô nghe nhiều chuyện linh tinh lang tang, nhưng đây có lẽ không chỉ là những tưởng tượng ngây ngô. “Em có thấy được điều gì ở chị không?” cô hỏi Widget.

Widget vừa lé mắt nhìn Celia vừa nhai bóng. “Những căn phòng mùi phấn trang điểm và quần áo cũ,” nó nói. “Một cô khóc suốt ngày. Một ông ma áo lòe xòe theo chị khắp nơi, và...”

Widget đột ngột dừng, chân mày cau lại.

“Chị làm mất hết rồi,” nó nói. “Chẳng còn gì nữa. Sao chị làm được thế?”

“Có những thứ không phải để cho em thoải mái thấy được,” Celia nói.

Widget trề môi dưới ra bĩu một cái rõ dài, nhưng chỉ kéo dài trong khoảng thời gian đủ để nó vốc thêm một nắm bông nữa thả vào miệng.

Celia rời mắt khỏi bọn trẻ, ngoảnh lại khuôn viên, nơi ánh sáng từ vạc lửa bập bùng trên các mép lều, hắt những bóng người nhảy nhót lên những tấm bạt sọc.

Vạc lửa chưa bao giờ tắt. Ánh sáng chưa bao giờ nhạt đi.

Thậm chí khi rạp xiếc chuyển đi ngọn lửa ấy vẫn không tắt, vẫn y nguyên như vậy ở bất cứ nơi đâu. Luôn âm ỉ cháy suốt mỗi hành trình dài trên tàu, luôn được lưu giữ an toàn trong cái vạc sắt.

Nó vẫn bền bỉ cháy như vậy từ lễ thả lửa vào đêm mở màn.

Và cùng thời khắc đó, Celia vẫn chắc chắn, một cái gì đó cũng đã được khởi động, có sức ảnh hưởng đến toàn bộ rạp xiếc và từng người trong đó, thời khắc vạc lửa được thả lên.

Ảnh hưởng đến cả cặp song sinh chào đời khi ấy.

Widget ra đời ngay trước nửa đêm, những giây phút cuối của ngày cũ. Poppet theo sau chốc lát khi một ngày mới vừa bắt đầu.

“Poppet ơi,” Celia nói, quay lại với cô bé con đang đùa nghịch với tay áo khoác của mình, “nếu thấy những chuyện trên các ngôi sao mà em nghĩ là quan trọng, thì chị muốn em kể cho chị biết, em hiểu chứ?”

Poppet nghiêm trang gật đầu, đám mây tóc đỏ dập dờn như sóng. Cô bé rướn lên hỏi Celia một câu, ánh mắt vô cùng nghiêm trọng.

“Cho em ăn táo tẩm caramel có được không ạ?” cô bé hỏi.

“Em hết bông ngô rồi,” Widget lau bàu, tay khua cái túi rỗng.

Celia cầm lấy cái túi, gấp lại thành hình vuông nhỏ xíu, còn hai đứa trẻ đứng xem, cho đến khi cái túi hoàn toàn biến mất. Khi hai anh em thi nhau

vỗ tay, bàn tay Widget không còn bị dính caramel nữa, dù thằng bé chẳng nhận ra điều đó.

Celia ngẫm nghĩ về cặp sinh đôi, trong khi Widget cố giải thích tại sao túi bóng ngô biến mất, còn Poppet mơ màng hưởng ánh mắt lên trời.

Không phải một ý hay. Celia biết đó không phải là một ý hay, nhưng tốt hơn vẫn nên giữ hai đứa trẻ ở gần, trông chừng chúng cẩn thận hơn trong hoàn cảnh này, và với tài năng sớm bộc lộ của chúng.

“Hai em có muốn học cách làm những trò như vừa rồi không?” Celia hỏi chúng.

Widget gật đầu ngay, hăm hở đến mức mũi của nó sụp cả xuống mắt. Poppet lưỡng lự nhưng cũng gật đầu.

“Khi nào hai đứa lớn hơn chút xíu chị sẽ dạy cho, nhưng đó sẽ là bí mật của chúng ta nhé,” Celia nói. “Hai đứa có giữ được bí mật không?”

Cặp sinh đôi cùng gật đầu. Widget lại phải chỉnh lại mũi cho thẳng.

Hai đứa hớn hở bám theo Celia khi cô dẫn chúng trở lại khuôn viên.

MONG ƯỚC VÀ KHÁT VỌNG

PARIS, THÁNG NĂM 1891

Tấm rèm hạt cườm rẽ ra nghe lách tách như tiếng mưa, chính Marco bước vào phòng của người tiên đoán tương lai. Isobel lập tức lật mạng che mặt lên, miếng lụa đen mỏng manh phủ lên đầu cô như sương khói.

“Anh làm gì ở đây?” cô hỏi.

“Sao em không nói gì với anh về cái này?” Bỏ ngoài tai câu hỏi của cô, anh chìa cuốn sổ đang mở ra, trong ánh sáng mờ ảo, Isobel có thể nhận ra một cái cây màu đen trụi lá. Không giống những cây xuất hiện rất nhiều trong các sổ tay của Marco, trên cái cây này có vô vàn những ngọn nến trắng đang chảy sáp. Quanh hình ảnh chính có những hình vẽ chi tiết các cành nhánh xoắn cuộn vào nhau, nhìn từ nhiều góc khác nhau.

“Đó là Cây Ước,” Isobel nói. “Nó mới xuất hiện.”

“Anh biết nó mới xuất hiện,” Marco nói. “Sao em không nói gì với anh?”

“Em chưa có lúc nào viết cho anh,” Isobel nói. “Vả lại em cũng không dám chắc có phải chính anh đã tạo ra nó hay không. Trông cũng có vẻ giống những thứ anh đã tạo ra. Nó cũng hay hay, những mong ước được nối thêm vào khi thắp nến mới bằng chính những cây nến đã cháy, rồi đặt nến mới lên cành cây. Ước vọng mới khởi nguồn từ nguyện cầu cũ.”

“Cô ấy đã tạo ra nó,” Marco nói khô khốc, giăng cuốn sổ lại.

“Sao anh biết?” Isobel hỏi.

Marco yên lặng nhìn xuống bức vẽ, bức mình vì không thể diễn tả được chính xác vẻ đẹp của những nét vẽ phóng khoáng ấy.

“Anh có thể cảm nhận được,” Marco nói. “Giống như biết rằng cơn bão sắp đến, khí trời biến đổi. Vừa bước vào lều anh đã cảm thấy nó, càng đến gần cái cây thì cảm giác càng mãnh liệt. Anh không chắc liệu những người không quen thuộc với những cảm giác như vậy có thể cảm thấy gì khác biệt không.”

“Anh có nghĩ cô ấy cũng cảm thấy như vậy không?” Isobel hỏi.

Marco chưa từng nghĩ đến điều đó, dù có lẽ đúng là như thế. Anh thấy suy nghĩ này dễ chịu lạ lùng.

“Anh không biết” là tất cả những gì anh trả lời Isobel.

Tấm mạng che xòa xuống mặt, Isobel vén lại nó ra sau đầu.

“Vậy,” cô nói, “giờ đã biết về Cây Ước rồi, anh muốn làm gì với nó cũng được mà.”

“Không thể được,” Marco nói. “Bất cứ thứ gì cô ấy tạo ra, anh cũng không thể sử dụng vào mục đích cá nhân được. Hai bên phải độc lập với nhau. Nếu anh và cô ấy cùng chơi một ván cờ, anh không thể cứ thế mà lôi các quân của cô ấy ra khỏi bàn cờ được. Điều duy nhất anh có thể làm là phản đòn bằng quân của mình khi cô ấy di chuyển quân cờ của cô ấy.”

“Nhưng đây không phải là trò chơi có hồi kết thúc,” Isobel nói. “Sao anh có thể chiếu hết một rạp xiếc? Thật phi lý.”

“Không giống chơi cờ đâu,” Marco nói, chật vật giải thích điều rút cục anh bắt đầu hiểu ra dù vẫn không biết phải diễn đạt thế nào. Anh liếc nhìn mặt bàn có mấy lá bài đang được lật lên, một lá đặc biệt khiến anh chú ý. “Như thế này,” anh nói, chỉ vào người phụ nữ với cái cân và thanh gương, chữ *La Justice*^[21] in dưới chân cô. “Giống cán cân này: một bên của anh, bên kia của cô ấy.”

Một cái cân bằng bạc hiện lên trên mặt bàn giữa các lá bài, chông chênh giữ thăng bằng, mỗi đầu cân chất đầy những viên kim cương lấp lánh trong ánh nến.

“Vậy mục đích là khiến cán cân ngả theo hướng có lợi cho anh phải không?” Isobel hỏi.

Marco gật đầu, giở qua các trang trong cuốn sổ tay của anh. Anh lật đi lật lại trang vẽ hình cái cây.

“Nhưng nếu cả hai không ngừng thêm vào đầu cân của mình, sau mỗi lần mất thăng bằng lại tìm cách gia tăng sức nặng,” Isobel nói, nhìn cán cân đang khế đung đưa, “liệu đòn cân có gãy không?”

“Anh không cho rằng đó là một so sánh chính xác,” Marco nói, và cái cân biến mất.

Isobel nhíu mày nhìn khoảng không trống rỗng. “Chuyện này sẽ kéo dài đến bao giờ?” cô hỏi.

“Anh không biết,” Marco đáp. “Em có muốn thoát ra không?” anh hỏi thêm, ngược nhìn cô. Anh không rõ mình mong đợi câu trả lời nào của cô.

“Không,” Isobel đáp. “Em... em không muốn ra đi. Em thích ở đây, thật đấy. Nhưng em cũng muốn hiểu. Có khi hiểu rõ hơn thì em sẽ giúp anh được nhiều hơn.”

“Em đang giúp rồi,” Marco nói. “Có lẽ ưu thế duy nhất của anh chính là cô ấy không biết anh là ai. Cô ấy chỉ có thể phản ứng lại rạp xiếc, còn anh có em trông chừng cô ấy.”

“Nhưng em có thấy phản ứng nào đâu,” Isobel phản đối. “Cô ấy rất kín đáo, đọc nhiều hơn bất cứ ai em từng gặp. Hai đứa sinh đôi nhà Murray thích cô ấy lắm. Cô ấy cũng tử tế với em. Em chưa từng thấy cô ấy làm bất cứ điều gì bất thường, trừ những lúc biểu diễn. Anh bảo tất cả đều là động thái của cô ấy, nhưng em chẳng bao giờ thấy cô ấy làm gì cả. Sao anh biết được cái cây ấy không phải tác phẩm của Ethan Barris?”

“Ông Barris tạo ra những món máy rất ấn tượng, nhưng cái cây này không phải phong cách của ông ấy. Tuy nhiên cô ấy đã trang hoàng vòng xích đu cho ông ấy, anh chắc chắn. Kể cả khi Barris có là công trình sư đại tài, anh

không tin rằng ông ấy có thể khiến một con điều sư bằng gỗ trát sơn *hít thở* được. Cái cây đó bắt rễ vào lòng đất, dù không có lá nhưng nó vẫn là một thực vật sống.”

Marco lại tập trung vào cuốn sổ, lướt đầu ngón tay theo những đường nét của cây.

“Anh có ước không?” Isobel khẽ hỏi.

Marco gấp sổ lại mà không trả lời.

“Mười lăm phút nữa cô ấy biểu diễn phải không?” anh hỏi, rút đồng hồ trong túi ra.

“Vâng, nhưng... anh sẽ tới xem ư?” Isobel hỏi. “Lều của cô ấy chỉ có chỗ cho khoảng hai chục người, cô ấy sẽ nhận ra anh. Chẳng phải cô ấy sẽ lấy làm lạ nếu thấy anh ở đây sao?”

“Cô ấy không nhận nổi ra anh đâu,” Marco nói. Đồng hồ trên tay anh biến mất. “Bất cứ khi nào có lều mới xuất hiện, anh sẽ rất cảm kích nếu em báo cho anh biết.”

Anh quay người đi ra, bước nhanh đến mức ánh nến rung rung vì chuyển động của không khí.

“Em nhớ anh,” Isobel nói khi anh đi, nhưng trùi mền bị vỡ vụn trong tiếng lách tách của tấm rèm hạt cườm khép lại sau lưng anh.

Cô kéo tấm mạng đen như sương mù xuống che mặt.

• • •

SAU KHI VỊ KHÁCH CUỐI CÙNG rời căn lều của cô trong buổi sớm bình minh, Isobel lấy bộ bài Marseilles từ trong túi ra. Cô luôn mang nó theo bên mình, dù cô có một bộ khác được thiết kế riêng, chỉ mang màu đen, trắng và những gam xám, chuyên dùng để giải bài ở rạp xiếc. Cô rút một lá

trong bộ bài Marseilles. Chưa lật lá bài lên cô cũng đã biết nó là gì. Thiên sứ tỏa sáng ở phía trên lá bài chỉ là sự khẳng định những gì cô vẫn nghi ngờ.

Cô không trả lá bài đó về bộ bài.

BẦU KHÔNG KHÍ

LONDON, THÁNG CHÍN 1891

Rạp xiếc đến gần London, đoàn tàu lặng lẽ dừng bánh ngay sau khi trời đổ tối nên không gây ra bất kỳ sự chú ý nào. Những toa tàu co lại, cánh cửa và khoang sảnh trượt đi, không một tiếng động tạo thành những dãy phòng không cửa sổ. Những tấm bạt sọc tự động căng lên, những cuộn thừng duỗi ra và sân khấu tự ráp lại với nhau giữa những tấm màn kín đáo rủ xuống.

(Các thành viên đoàn xiếc ngỡ rằng có một đội chuyên đảm đương công việc này trong khi họ tháo dỡ hòm xiếc của mình, dù một số công đoạn trong quá trình dựng rạp rõ là được tự động hóa. Ngày xưa từng như vậy, nhưng bây giờ không có đội chuyên trách nào cả, không có bàn tay kín đáo nào bê từng đạo cụ đặt vào đúng chỗ. Không còn cần đến họ nữa.)

Các căn lều nằm yên lặng và tối tăm, vì phải tối ngày hôm sau rạp xiếc mới mở cửa cho công chúng.

Trong khi hầu hết các diễn viên sẽ dành cả đêm trong thành phố, thăm hỏi bạn bè cũ, đến những quán rượu yêu thích, Celia Bowen ngồi một mình trong trang phục ngày thường.

Các phòng của cô khá khiêm tốn so với những phòng khác ẩn mình sau các căn lều biểu diễn, nhưng chỗ nào cũng đầy nhóc sách và đồ đạc đã dùng lâu ngày. Những cây nến hình thù kỳ lạ cháy lung linh ở bất cứ nơi nào có thể đặt nến được, tỏa ánh sáng vui tươi lên lũ bồ câu ngái ngủ trong những cái lồng treo giữa những mảnh rèm thắm thêm đủ màu sắc sặc sỡ. Một nơi trú ẩn ấm áp, dễ chịu và yên tĩnh.

Tiếng gõ cửa bất ngờ vang lên.

“Cả đêm cô cứ ở đây thế này sao?” Tsukiko hỏi, liếc nhìn cuốn sách trong tay Celia.

“Như thế nghĩa là chị muốn gợi ý cho tôi điều gì khác phải không?” Celia hỏi. Nghệ sĩ uốn dẻo chẳng mấy khi đến thăm ai chỉ để hỏi thăm.

“Tôi sẽ đến một cuộc gặp xã giao, tôi chợt nghĩ biết đâu cô sẽ đi với tôi,” Tsukiko nói. “Cô ở một mình nhiều quá.”

Celia cố gắng phản đối, nhưng Tsukiko khẳng định, chọn luôn một trong những bộ váy đẹp nhất của Celia, một bộ hiem hoi có chút màu sắc, nhưng lam sẫm điểm ánh vàng.

“Chúng ta sẽ đi đâu?” Celia hỏi, nhưng Tsukiko không trả lời. Giờ này mà đi đến nhà hát hay xem vũ ba-lê thì đã quá muộn.

Celia cười phá lên khi họ đến *la maison* Lefèvre. “Lẽ ra chị nên cho tôi biết trước,” cô nói với Tsukiko.

“Thế thì còn gì là ngạc nhiên nữa,” Tsukiko đáp.

Celia chỉ mới dự một sự kiện ở *la maison* Lefèvre, đó là buổi chiều dài trước ngày rạp xiếc mở màn hơn là một Bữa Tối Lúc Nửa Đêm đúng nghĩa. Từ khi cô được nhận vào rạp xiếc cho đến ngày mở màn, dù chỉ đôi lần đến đây, nhưng Celia thấy như đã quen biết từng vị khách.

Celia đến cùng Tsukiko là một sự ngạc nhiên cho tất cả mọi người, nhưng Chandresh nồng nhiệt đón tiếp, kéo cô vào phòng khách, dúm vào tay cô một ly champagne trước khi cô có thể xin lỗi vì xuất hiện đường đột.

“Lo sắp xếp một chỗ nữa bên bàn tiệc,” Chandresh nói với Marco, trước khi vờn vĩa cuốn Celia đi một vòng quanh phòng để bảo đảm rằng cô đã gặp tất cả mọi người. Celia thấy hơi lạ rằng hình như ông ấy không nhớ.

Mme. Padva quý phái như mọi ngày, bộ váy màu đồng trầm ấm như lá mùa thu rực lên trong ánh nến. Chị em Burgess và ông Barris rõ ràng đang bào chữa cho việc cả ba đang mặc trang phục mang những sắc xanh khác

nhau, một chi tiết bất ngờ, và chiếc váy của Celia được dẫn ra làm minh chứng rằng tông xanh hần đang rất thời thượng.

Ai đó nói đến một vị khách nữa có thể tham dự mà cũng có thể không, nhưng Celia không nghe rõ tên ông ta.

Cô hơi cảm thấy lạc lõng trong cuộc gặp gỡ của những người đã quen biết nhau từ lâu. Nhưng Tsukiko luôn có cách dẫn dắt cô vào các câu chuyện, và ông Barris hết sức chú ý đến từng lời cô nói, đến mức bắt đầu bị Lainie trêu chọc.

Dù Celia biết ông Barris khá rõ, từng gặp ông vài bận và thư từ qua lại hàng chục lần, nhưng ông hết sức tài tình giả vờ như họ chỉ là người quen.

“Lẽ ra ông nên chọn nghề diễn viên,” Celia thì thầm với ông khi cô biết chắc chắn không có ai nghe lỏm được.

“Tôi biết chứ,” ông đáp, chùng như buồn thật lòng. “Thật đáng tiếc vì tôi đã không đi theo tiếng gọi đích thực.”

Celia chưa từng nói chuyện với chị em Burgess lâu đến thế – Lainie nói nhiều hơn Tara – và tối nay Celia mới biết được tường tận hơn những gì họ đã làm cho rạp xiếc. Trong khi trang phục của Mme. Padva và những công trình tài hoa của ông Barris đều rất dễ nhận ra, dấu ấn của chị em Burgess kín đáo hơn, dù đã chạm đến gần như tất cả mọi mặt của rạp xiếc.

Mùi hương, âm nhạc, chất lượng ánh sáng. Thậm chí cả khối lượng của tấm màn nhung ở lối vào. Họ đã lo liệu để từng chi tiết được suôn sẻ.

“Chúng tôi muốn chạm vào mọi giác quan,” Lainie nói.

“Có những giác quan được tác động nhiều hơn,” Tara thêm vào.

“Đúng vậy,” hai chị em đồng tình. “Mùi hương thường bị xem nhẹ nhưng thực ra nó lại là thứ gọi cảm nhất.”

“Hai chị em này biết làm phép với không khí,” Chandresh nhận xét như vậy với Celia khi ông tham gia câu chuyện, đôi ly champagne đã cạn lấy một ly mới rót. “Cả hai cô, cực kỳ xuất sắc.”

“Mẫu chốt là ở chỗ phải khiến tất cả giống như tình cờ,” Lainie thì thào. “Biến cái nhân tạo thành tự nhiên.”

“Để gắn kết các thành tố lại,” Tara kết thúc.

Celia có cảm giác đó cũng chính là công việc mà hai chị em đang làm trong bữa tiệc tối nay. Cô cho rằng sau khi rạp xiếc đã đi vào hoạt động, những cuộc gặp gỡ kiểu này khó có thể duy trì lâu được nếu thiếu tiếng cười rộn rã dễ lây của hai chị em Burgess. Họ đặt những câu hỏi hoàn hảo để mạch chuyện cứ thế trôi đi chẳng lúc nào ngừng.

Còn ông Barris là sự tương phản lý tưởng, nghiêm trang và chăm chú, điều tiết thăng bằng cho cả nhóm.

Một chuyển động trong đại sảnh lọt vào mắt Celia. Những người khác có thể cho rằng đó là do ánh nền phản chiếu trong gương, nhưng Celia lập tức biết nguyên do từ đâu.

Cô lảng lảng ra khỏi đại sảnh, tránh khỏi tầm quan sát của mọi người, nhanh nhẹn bước vào thư viện ở bên kia phòng khách. Nơi này chỉ được chiếu sáng bằng cụm đèn thủy tinh màu rủ xuống dọc một mảng tường, tỏa ánh sáng ấm áp lên những giá sách gần đó nhất, phần còn lại của căn phòng chìm trong bóng tối.

“Con không thể có một buổi tối yên ổn một mình không có bố theo sát ư?” Celia thì thầm vào bóng tối.

“Bố không nghĩ rằng giao tế hội họp kiểu này là cách sử dụng thời gian hợp lý,” bố cô đáp, ánh đèn trầm như mặt trời lặn hắt những dải đỏ gầy lên một phần khuôn mặt ông và vạt áo sơ-mi.

“Bố không thể áp đặt cách con sử dụng từng khắc thời gian của mình.”

“Con đang mất tập trung,” Hector đáp.

“Làm sao con mất tập trung được,” Celia nói. “Giữa những căn lều mới và các món đồ trang trí, con đã chủ động kiểm soát một phần quan trọng của rạp xiếc. Giờ này nó đang đóng cửa rồi, nếu bố không để ý. Càng hiểu rõ

những con người này, con càng dễ điều khiển những gì họ đã làm. Dù sao họ cũng đã tạo ra nó.”

“Bố nghĩ rằng điều đó không liên quan,” Hector nói. Celia ngờ rằng dù bố cô cáu kỉnh nhưng đã chịu thừa nhận, tuy nhiên tối quá nên cô chẳng thể chắc chắn được. “Nhưng con cần phải làm tốt để nhớ rằng con không có lý do gì để tin bất cứ ai trong căn phòng đó.”

“Để con yên đi ạ,” Celia thở dài.

“Cô Bowen phải không?” một giọng nói vang lên phía sau khiến Celia quay lại, ngạc nhiên thấy người phụ tá của Chandresh đứng ở ngưỡng cửa, đang nhìn cô. “Bữa tối sắp bắt đầu, mời cô dùng bữa cùng các vị khách khác trong phòng ăn.”

“Tôi xin lỗi,” Celia nói, mắt liếc nhanh về phía bóng tối, bố cô đã biến mất. “Thư viện lớn quá khiến tôi chú ý. Tôi cứ tưởng không ai nhận thấy tôi đã ra khỏi phòng.”

“Tôi dám chắc là có đấy,” Marco nói. “Thú thật cái thư viện này cũng đã nhiều lần làm tôi bị phân tâm.” Nụ cười quyến rũ đi kèm câu nói đó đã đánh trúng Celia, cô hầu như không cảm nhận được gì trừ những cung bậc khác nhau của sự quan tâm kín đáo hoặc thoáng nét căng thẳng trên gương mặt anh.

“Cảm ơn anh đã gọi tôi,” cô nói, hy vọng rằng các thực khách cứ nói chuyện với nhau trong khi một người nghiên ngẫm sách vở mà không có sự trợ giúp thích hợp của ánh sáng không phải là điều hiếm hoi ở *la maison Lefèvre*.

“Có khi họ tưởng cô đã biến mất vào không khí rồi,” Marco đáp khi họ đi qua đại sảnh. “Tôi nghĩ chắc không phải như thế chứ.”

Anh giữ cửa mở cho cô khi đưa cô vào phòng ăn. Celia ngồi giữa Chandresh và Tsukiko.

“Như thế này hay hơn là ở một mình cả buổi tối chứ?” Tsukiko hỏi và mỉm cười khi Celia công nhận là đúng. Các món ăn cứ thế được dọn ra. Khi không bị phân tâm bởi hương vị tuyệt hảo của đồ ăn, Celia tự bày cho mình trò chơi đọc vị mối quan hệ giữa các vị khách. Dựa vào cách họ giao tiếp với nhau, phán đoán cảm xúc thật đằng sau những tràng cười và các mẫu chuyện, xác định những nơi nhận được nhiều ánh mắt quan sát.

Chandresh càng uống nhiều rượu càng nhìn chàng phụ tá điển trai nhiều hơn, và Celia cho rằng Marco biết rõ điều đó, dù anh vẫn lặng lẽ hiện diện ở góc phòng.

Phải mất ba món ăn Celia mới xác định được ông Barris ưu ái ai trong hai chị em Burgess. Khi các đĩa bày biện đầy nghệ thuật một món trông như bô câu nguyên con tằm quế được dọn ra, Celia đã chắc chắn, dù cô không biết liệu chính Lainie có biết hay không.

Mme. Padva được tất cả gọi là “Tante,” nhưng bà như bà chúa hơn là bà cô. Khi Celia gọi bà là “quý bà,” ai cũng ngạc nhiên quay lại nhìn cô.

“Thật là chuẩn tắc đối với một cô gái rạp xiếc,” Mme. Padva nói với ánh đùa cợt trong mắt. “Chúng ta sẽ phải nói dây áo chèn ra nếu muốn giữ cô làm thành viên thân thiết trong bữa tối.”

“Tôi lại mong đợi màn tháo dây áo chèn sẽ diễn ra sau bữa tối,” Celia nhẹ nhàng nói và nhận được một tràng cười giòn giã.

“Chúng ta sẽ luôn coi cô Bowen là vị khách thân thiết bất kể tình trạng áo chèn của cô ấy như thế nào,” Chandresh nói. “Hãy ghi lại điều này,” ông nói thêm và vẫy tay về phía Marco.

“Áo chèn của cô Bowen đã được ghi lại đầy đủ, thưa ông,” Marco đáp và một tràng cười nữa lại rộ lên quanh bàn ăn.

Marco bắt gặp ánh mắt Celia thoáng nét cười cười trước khi anh rời đi, dễ dàng chìm vào phía sau cũng như bố cô đã chìm vào bóng tối.

Món ăn tiếp theo được dọn lên, Celia tiếp tục lắng nghe và quan sát trong khi cố gắng hình dung, không biết thứ thịt được bọc trong lớp bột nhào nhẹ như bông và nước sốt rượu vang thanh thanh có phải là thịt cừu không hay là loài mới lạ nào.

Cư xử của Tara có cái gì đó khiến Celia khó chịu. Một điều gì đó lúc ẩn lúc hiện, gần như ám vào cảm xúc Tara. Một tích tắc trước cô ấy còn hăm hở tham gia câu chuyện, cười giòn tan cùng Lainie, thì tích tắc sau cô ấy đã có vẻ xa cách, chỉ nhìn chăm chăm qua những ngọn nến đang cháy sáp.

Chỉ khi trong khoảnh khắc tiếng cười giòn ấy chợt nghe như nước nở, Celia mới nhận ra rằng Tara khiến cô nhớ đến mẹ của mình.

Món tráng miệng dừng cuộc chuyện trò lại ngay tắp lự. Những khối cầu bằng đường thối mỏng tang ngự trên mỗi đĩa và phải làm vỡ nó thì mới có thể tiếp cận đám mây kem ở bên trong.

Tiếng đường vỡ nghe giòn rụm. Các thực khách nhanh chóng phát hiện ra rằng tuy các quả cầu đường trông giống hệt nhau, nhưng mỗi viên mang một hương vị hoàn toàn độc đáo.

Những chiếc thìa được trao qua đổi lại. Có những vị rất dễ đoán như gừng với đào hoặc cà-ri dừa, những vị khác còn nguyên là những bí ẩn nhỏ nước miếng.

Viên của Celia rõ ràng là mật ong, nhưng nằm trong vị ngọt đó còn có sự hòa quyện của những hương liệu chẳng ai xác định được là gì.

Sau bữa tối, cuộc trò chuyện tiếp tục với cà phê và brandy trong phòng khách, cho tới một giờ mà hầu hết các vị khách đã thấy muộn lắm rồi, nhưng Tsukiko cho rằng đối với các cô gái rạp xiếc thì như thế còn sớm chán. Khi thực sự đến lúc nói lời tạm biệt, Celia không còn cảm thấy khác biệt với những người khác, cô nhận được vài lời mời tới dùng trà trong khi rạp xiếc còn nán lại London.

“Cảm ơn chị,” cô nói với Tsukiko khi họ ra về. “Tôi thấy thích hơn là mong đợi.”

“Phần hay nhất của những điều thú vị luôn là những bất ngờ mà,” Tsukiko đáp.

• • •

MARCO ĐỨNG NHÌN qua cửa sổ khi các vị khách ra về, dõi theo Celia đến phút cuối trước khi cô biến mất vào bóng đêm.

Anh nhìn quanh phòng khách và phòng ăn, rồi xuống cầu thang đi vào bếp để chắc chắn mọi chuyện đều vào đó. Những người làm bắt đầu ra về. Marco tắt những ngọn đèn cuối cùng trước khi lên lầu xem Chandresh ra sao.

“Bữa hôm nay thật tuyệt, anh có thấy thế không?” Chandresh hỏi khi Marco bước vào căn phòng lớn choán hết diện tích tầng thứ năm của tòa nhà, mỗi góc đều được chiếu sáng bằng nhiều chiếc đèn lồng Ma-rốc, đổ những cái bóng lạ mắt lên đồ đạc xa hoa.

“Vâng, thưa ông,” Marco đáp.

“Ngày mai không có lịch làm gì, nhỉ. Hay đúng hơn là hôm nay, giờ này là lúc nào rồi.”

“Có cuộc họp buổi chiều về chương trình múa ba-lê cho mùa sau ạ.”

“À, tôi quên mất đấy,” Chandresh nói. “Hủy đi, anh làm nhé.”

“Tất nhiên rồi, thưa ông,” Marco nói, rút sổ tay ra ghi lại yêu cầu của Chandresh.

“Ô, và đặt mua một tá thùng loại rượu brandy Ethan đã mang đến ấy. Thứ thượng hạng đấy, nhỉ.”

Marco gật đầu, thêm vào ghi chép.

“Bây giờ cậu về à?” Chandresh hỏi.

“Không, thưa ông,” Marco đáp. “Tôi nghĩ muộn quá rồi nên không về nhà nữa.”

“Nhà,” Chandresh nhắc lại, như thể cái từ ấy nghe xa lạ lắm. “Nơi này cũng là nhà cậu, giống như căn hộ cậu vẫn kiên trì giữ. Thậm chí còn hơn ấy.”

“Tôi sẽ cố gắng ghi nhớ điều đó, thưa ông,” Marco nói.

“Cô Bowen rất đáng mến, cậu có thấy thế không?”

Chandresh đột ngột hỏi, quay lại để bắt được phản ứng của Marco trước câu hỏi đó.

Bị bất ngờ, Marco chỉ có thể cố rặn ra mấy lời nghe như sự đồng tình đầy khách quan.

“Chúng ta phải mời cô ấy đến ăn tối bất cứ khi nào rạp xiếc đến London, như thế có thể sẽ hiểu hơn về cô ấy,” Chandresh nói đầy chủ đích, nhấn mạnh quan điểm của mình bằng một nụ cười hài lòng.

“Vâng, thưa ông,” Marco nói, chật vật không để lộ ra cảm xúc gì. “Tối nay như vậy là xong rồi chứ ạ?”

Chandresh bật cười vẫn tay bảo anh có thể đi.

Trước khi về phòng riêng, một nơi rộng gấp ba lần diện tích căn hộ của anh, Marco lặng lẽ ghé qua thư viện. Anh đứng một lúc ở nơi anh đã thấy Celia mấy giờ đồng hồ trước, chăm chăm nhìn các giá sách và bức tường kính màu.

Anh không thể đoán được lúc ấy Celia đã làm gì.

Và anh cũng không nhận ra cặp mắt từ trong góc tối đang dõi theo anh.

NHỮNG KẺ MỘNG MƠ^[22]

1891-1892

Herr Friedrich Thiessen nhận được tấm thiệp trong một phong bì hoàn toàn không đề gì, lẫn trong đám hóa đơn và thư từ công việc. Phong bì không chứa bức thư hay lời nhắn nào, chỉ vón vện tấm thiệp một mặt đen một mặt trắng. “Le Cirque des Rêves” được in ở mặt trước bằng mực màu bạc. Đằng sau là dòng chữ viết tay bằng mực đen trên nền trắng:

Hai mươi chín tháng Chín Ngay ngoại ô Dresden^[23], Saxony

Herr Thiessen không giấu nổi niềm vui sáng bừng trên mặt. Ông thu xếp với các khách hàng, hoàn thiện những cái đồng hồ đang làm dở trong thời gian kỷ lục, và đặt thuê ngăn ngày một căn hộ ở Dresden.

Ông đến Dresden ngày hai mươi tám tháng Chín, dành cả ngày thăm vùng ngoại ô thành phố, tự hỏi không biết rạp xiếc sẽ được dựng lên ở đâu. Không có dấu hiệu nào báo trước nó sắp tới, chỉ có chút chộn rộn trong không khí mà Herr Thiessen không chắc liệu có ai, trừ ông, có thể cảm nhận được. Ông thấy vinh dự vì được báo trước. Ngày hai mươi chín tháng Chín, ông dậy muộn, mong ngóng buổi tối sắp đến. Khi ông ra khỏi căn hộ vào đầu buổi chiều, tìm thứ gì đó để ăn, phố phường đã nhộn lên: chỉ qua một đêm một đoàn xiếc kỳ lạ đã xuất hiện, ngay phía tây thành phố. Một khu rạp khổng lồ với những căn lều sọc, họ kháo nhau thế khi ông đến quán rượu. Chưa từng thấy điều gì tương tự. Herr Thiessen giữ im lặng, thích thú quan sát sự phấn khích và hiếu kỳ của những người xung quanh.

Ngay trước hoàng hôn, Herr Thiessen đi về hướng tây, dễ dàng tìm ra rạp xiếc bởi đã có một đám đông lớn nô nức bên ngoài. Trong khi cùng đám đông chờ đợi, ông tự hỏi không biết làm cách nào rạp xiếc được dựng lên

nhanh vậy. Ông chắc chắn cánh đồng nơi rạp xiếc được dựng lên này mới ngày hôm qua thôi còn trống trơn, khi ông đi dạo quanh thành phố. Đơn giản là rạp xiếc đã hiện lên. Như có phép thuật vậy, ông nghe thấy ai đó nhận xét như thế, và Herr Thiessen cũng đồng ý.

Cuối cùng khi cửa được mở, Herr Friedrich Thiessen cảm thấy như mình được về nhà sau một thời gian dài vắng mặt.

Hầu như đêm nào ông cũng tới đây, còn ban ngày ông ở căn hộ thuê hoặc đến quán rượu, với ly rượu và tờ báo trên tay, và ông viết về nó. Hàng trang hàng trang những dòng quan sát, hồi tưởng về những trải nghiệm, hầu như ông sẽ không quên đâu, nhưng ông muốn lưu giữ chút gì đó của rạp xiếc lên giấy, một cái gì đó ông có thể nắm giữ được.

Thỉnh thoảng ông nói về rạp xiếc với những người trong quán rượu. Trong số họ có một người đàn ông là biên tập viên tờ báo thành phố. Sau những lời thuyết phục và vài ly rượu, anh ta đã được Friedrich cho xem nhật ký của ông. Sau một hoặc hai chầu rượu bourbon, Friedrich đã đồng ý cho anh ta xuất bản một số trích đoạn nhật ký của ông trên tờ báo thành phố.

Rạp xiếc rời Dresden vào cuối tháng Mười, nhưng vị biên tập viên nọ đã giữ lời hứa.

Loại bài được đón nhận nồng nhiệt, hết bài này đến bài khác.

Herr Thiessen tiếp tục viết, và những tháng sau đó một số bài còn được in lại trên các tờ báo khác ở Đức, rồi cuối cùng được dịch và xuất bản ở Thụy Điển, Đan Mạch và Pháp. Một bài đến với trang báo London, được in dưới tiêu đề “Những Đêm Ở Rạp Xiếc.”

Chính những bài báo này đã đưa Herr Friedrich Thiessen thành thủ lĩnh không chính thức, người đi đầu những tín đồ nhiệt thành nhất với rạp xiếc.

Qua những bài báo đó, một số người lần đầu biết đến cụm từ Le Cirque des Rêves, còn những người khác lập tức cảm thấy gắn kết với ông khi đọc những lời ông viết, cảm thấy gần gũi với người đàn ông cũng đã ném trái rạp xiếc như họ, điều kỳ diệu có một không hai.

Một số người cố công tìm đến ông, những cuộc gặp gỡ và chiêu đãi sau đó đã đưa tin về một kiểu câu lạc bộ, hội những người say mê rạp xiếc.

Cái tên *kẻ mộng mơ* ban đầu chỉ là bông đùa, nhưng rồi nó dính chặt lấy bởi quá phù hợp.

Herr Thiessen vô cùng thích thú khi quanh mình có những tâm hồn đồng điệu từ khắp châu Âu, đôi khi còn xa hơn, những người có thể cùng ông nói mãi không dứt về rạp xiếc. Câu chuyện của những *kẻ mộng mơ* khác thêm chất liệu cho trang viết của ông. Ông tặng họ những chiếc đồng hồ nhỏ làm kỷ niệm, những chiếc đồng hồ do chính ông làm, lấy cảm hứng từ những tiết mục yêu thích của họ. (Chẳng hạn tuyệt tác về một nghệ sĩ nhào lộn tí hon treo mình trên ruy-băng, làm tặng một phụ nữ trẻ phần lớn thời gian đến rạp chỉ ở trong căn lều mênh mông đó, chăm chú nhìn lên.)

Chính ông đã vô tình khởi xướng xu hướng thời trang trong những *kẻ mộng mơ*. Ông nói tại một bữa tối ở

Munich – rất nhiều bữa tối được tổ chức gần nhà ông, và cũng được tổ chức cả ở London, Paris và vô số thành phố khác – rằng mỗi khi đến rạp xiếc ông thường thích mặc áo khoác đen, để hòa mình hơn vào xung quanh và cảm thấy mình là một phần của rạp xiếc. Nhưng đồng thời, ông quàng khăn đỏ thắm, để làm mình nổi bật lên, để nói lên rằng từ trái tim mình ông là một khán giả, một người quan sát.

Lời nói lan đi rất nhanh trong nhóm công chúng đặc biệt ấy, và thế là những *kẻ mộng mơ* bắt đầu truyền thống đến Le Cirque des Rêves trong trang phục đen, trắng hoặc xám, với một thứ duy nhất màu đỏ: khăn quàng hoặc mũ, nếu trời ấm thì cài một bông hồng nhung trên ve áo hoặc sau vành tai. Đó cũng là cách hữu dụng để nhận ra các *kẻ mộng mơ* khác, một tín hiệu đơn giản cho những người đã ngầm biết.

Có những người có điều kiện, hoặc không có nhưng biết tháo vát xoay xở để đi theo rạp xiếc hết từ nơi này đến nơi khác. Không ai biết trước lộ trình. Vài tuần rạp xiếc lại xuất hiện ở địa điểm mới, đôi khi có những đợt nghỉ dài hơn, và chẳng ai biết rạp xiếc sẽ xuất hiện ở đâu cho tới khi những căn lều

được căng lên trên cánh đồng ở ngoại ô hay nông thôn, hoặc nơi nào đó ở giữa.

Nhưng một số ít người, những *kẻ mộng mơ* đặc biệt đã thân thuộc với rạp xiếc và hành trình của nó, những người đã lịch thiệp làm quen với những cá nhân thích hợp, họ được báo trước nơi đoàn xiếc sẽ tới, và đến lượt họ sẽ báo tiếp cho những người khác, ở nước khác, thành phố khác.

Cách thông dụng nhất là kín đáo, nhờ con người và bưu điện.

Họ gửi thiệp. Những tấm thiệp nhỏ hình chữ nhật, khá giống bưu thiếp, có thể đa dạng nhưng luôn là một mặt đen, một mặt trắng. Một số người dùng luôn bưu thiếp, một số tự làm thiệp riêng. Trên thiệp chỉ viết đơn giản rằng:

Rạp xiếc đang đến... và nêu tên một địa danh. Đôi khi có cả ngày tháng, nhưng không phải luôn luôn. Rạp xiếc hoạt động bằng sự tương đối hơn là chi tiết chính xác. Nhưng thường chỉ cần báo trước và biết địa điểm là đủ.

Hầu hết những *kẻ mộng mơ* đều coi một nơi là nhà và thường không muốn di chuyển quá xa. Những *kẻ mộng mơ* coi Canada là nhà thường ngại đi Nga nhưng sẵn sàng thăm Boston và Chicago lâu hơn, còn những người ở Ma-rốc có thể tới nhiều nơi ở châu Âu chứ khó có thể vượt chặng đường dài tới Trung Hoa hay Nhật Bản.

Nhưng cũng có những người theo rạp xiếc tới bất cứ nơi đâu, nhờ tiền, vận may hay ưu ái hào phóng của những *kẻ mộng mơ* khác. Song tất cả bọn họ đều *mộng mơ*, mỗi người theo cách riêng của mình, thậm chí cả những người chỉ có thể đến rạp khi rạp tìm đến họ, hơn là phải đi xa. Họ mỉm cười khi nhận ra nhau. Họ gặp nhau ở các quán rượu trong vùng, cùng uống và tán gẫu trong khi nhấp nhồm chờ mặt trời lặn.

Chính những người hâm mộ nhiệt thành này, những *kẻ mộng mơ* này, đã nhìn ra những chi tiết trong bức tranh lớn hơn của rạp xiếc. Họ thấy được sắc thái của phục trang, sự công phu của những bảng hiệu. Họ mua những bông hoa bằng đường, không ăn mà gói vào giấy, cẩn thận mang về nhà. Họ

niệt tình và đầy cống hiến. Những con nghiện. Điều gì đó của rạp xiếc đã khuấy động tâm hồn họ, và họ đau đớn khi không thấy nó.

Họ tìm đến nhau, những con người đồng thanh tương ứng. Người nọ kể cho người kia nghe mình đã thấy rạp xiếc như thế nào, những bước chân đầu tiên màu nhiệm ra sao. Giống như bước vào câu chuyện cổ tích dưới tấm màn tinh tú. Họ say sưa nói về bông ngô bông thơm xốp, sô-cô-la ngọt ngào. Họ dành hàng giờ bàn về chất lượng ánh sáng, sức nóng của vạc lửa. Họ ngồi bên ly rượu, mỉm cười như trẻ con, mừng rơn khi gặp những tâm hồn đồng điệu, dầu chỉ trong một buổi tối. Khi ra về, họ bắt tay nhau và ôm hôn như bằng hữu lâu ngày, dù thực ra chỉ mới quen biết, mỗi người đi một con đường riêng nhưng họ cảm thấy bớt đơn độc hơn.

Rạp xiếc biết về họ, và trân trọng họ. Thường khi ai đó đến quầy bán vé trong áo choàng đen và khăn quàng đỏ, họ sẽ được vẫy vào mà không cần trả lệ phí, hoặc được tặng cốc rượu táo hay túi bông ngô. Các diễn viên khi thấy họ trong khán phòng sẽ trình diễn những tiết mục đặc sắc nhất. Có những *kẻ mộng mơ* đi khắp rạp xiếc, lần lượt vào từng căn lều, theo dõi từng tiết mục. Những người khác có những nơi yêu thích mà họ hầu như không rời đi, có khi cả đêm chỉ ở giữa Dã Thú hay trong Nhà Gương. Họ là những người nán lại muộn nhất, tới tận những giờ cuối cùng, khi phần lớn các du khách đã yên vị trên giường ngủ.

Thường thường, ngay trước bình minh, Le Cirque des Rêves không mang trên mình màu sắc nào trừ những vệt nhỏ đỏ thắm.

• • •

HERR THIESSEN nhận được hàng tá thư tín từ các *kẻ mộng mơ* khác, và ông hồi đáp tất cả. Có những bức thư trả lời một lần rồi thôi, có những bức phát triển thành những trao đổi dài hơi. Những bộ sưu tập các cuộc bút đàm qua lại như vậy.

Hôm nay Herr Thiessen phúc đáp một bức thư ông đặc biệt tò mò. Người viết kể về rạp xiếc với những tiểu tiết cụ thể đến kinh ngạc. Đây cũng là bức thư mang tính cá nhân nhất, đề cập sâu đến cảm nghĩ về các bài viết đăng báo của ông, nêu nhận định về đồng hồ *Wunschtraum* của ông với những chi tiết tinh tế cần hàng giờ liên quan sát. Ông đọc bức thư ba lần trước khi ngồi xuống bàn viết trả lời.

Dấu bưu cục từ New York, nhưng ông không nhận ra đây là chữ ký của ai trong số những *kẻ mộng mơ* ông từng gặp khi đến đó hay ở một thành phố khác.

Cô Bowen thân mến, ông bắt đầu viết.

Ông hy vọng sẽ được nhận lại một bức thư nữa.

CỘNG TÁC

THÁNG CHÍN – THÁNG MƯỜI HAI 1893

Marco đến trước văn phòng của ông Barris tại London chỉ vài phút trước giờ hẹn, ngạc nhiên thấy không gian bình thường vốn ngăn nắp giờ cực kỳ lộn xộn, ngổn ngang hòm xiềng đóng dờ và hàng đóng hộp. Không nhìn thấy nổi cái bàn làm việc đã bị chôn vùi trong đống hỗn loạn đó.

“Đã muộn thế rồi sao?” Ông Barris hỏi Marco khi anh gõ lên cánh cửa đang mở, không tài nào vào được vì dưới sàn chẳng còn chỗ nào để đặt chân. “Lẽ ra tôi phải chừa cái đồng hồ, bây giờ nó đã ở trong thùng mất rồi.” Ông chỉ một dãy thùng gỗ dài xếp dọc tường, nếu có thùng nào đang tích tắc thì cũng khó có thể nghe thấy. “Và tôi cũng đã định chừa một khoảng lối đi rồi,” ông nói thêm, đẩy mấy cái hộp sang bên và bê những cuộn bản vẽ thiết kế lên.

“Xin lỗi phải làm phiền ông,” Marco nói. “Tôi đã muốn nói chuyện với ông từ trước khi ông rời thành phố. Lẽ ra tôi nên đợi để ông ổn định lại đã, nhưng tôi nghĩ tốt hơn ta nên thảo luận trực tiếp với nhau.”

“Tất nhiên rồi,” Barris nói. “Tôi muốn trao cho anh bản sao sơ đồ thiết kế rạp xiếc. Ở đâu đó quanh đây thôi.” Ông tìm trong đống bản vẽ, kiểm tra từng nhãn ghi ngày tháng.

Cửa văn phòng tự động yên lặng đóng lại.

“Ông Barris này, tôi hỏi ông một câu được chứ?” Marco hỏi.

“Tất nhiên rồi,” Barris đáp, vẫn đang tìm từng cuộn bản vẽ.

“Ông biết đến đâu?”

Ông Barris đặt bản vẽ trong tay xuống và ngẩng lên, đẩy cặp kính lên sống mũi để nhìn được chính xác hơn biểu cảm trên mặt Marco.

“Tôi biết bao nhiêu ư?” ông hỏi lại sau hồi lâu im lặng.

“Cô Bowen đã nói với ông những gì?” Marco hỏi ngược lại.

Ông Barris tò mò nhìn anh chốc lát rồi mới trả lời. “Anh là đối thủ của cô ấy,” ông nói, nụ cười kéo qua mặt ông khi Marco gật đầu. “Tôi chưa từng nghĩ chính là anh.”

“Cô ấy đã nói với ông về cuộc đấu,” Marco nói.

“Chỉ ở mức độ cơ bản nhất thôi,” Barris nói. “Mấy năm trước cô ấy đến gặp tôi và hỏi tôi nghĩ gì nếu cô ấy nói rằng mọi thứ cô ấy làm là thật. Tôi nói, hoặc là tôi phải tin cô, hoặc là tôi cho rằng cô nói dối, và tôi chẳng bao giờ mơ rằng một quý cô đáng yêu như vậy lại đi nói dối. Rồi cô ấy hỏi tôi sẽ thiết kế gì nếu không phải lo tính đến trọng lực nữa. Đó là khởi đầu của Vòng Đu Quay, tôi nghĩ chắc anh đã biết rồi.”

“Tôi cũng đã đoán vậy,” Marco nói. “Nhưng tôi không biết chắc chắn ông chú ý liên quan đến mức độ nào.”

“Tôi thấy mình ở vào vị trí khá hữu ích đấy. Tôi tin rằng các ảo thuật gia trên sân khấu đã thuê các kỹ sư giúp đỡ để những mẹo bịp của họ giống như thật. Trong trường hợp này, tôi cung cấp đến dịch vụ ngược, khiến phép thuật thực sự giống như những tính toán thông minh. Cô Bowen vẫn gọi cách làm đó là 'kéo về mặt đất,' biến cái không thể tin được thành cái có thể tin được.”

“Cô ấy có tác động gì đến Vọng Tinh Các không?”

Marco hỏi.

“Không, Vọng Tinh Các chỉ thuần túy là máy móc cơ học,” ông Barris nói. “Tôi có thể cho anh xem sơ đồ cấu trúc nếu tôi tìm thấy trong đồng lộn xộn này. Nó lấy ý tưởng từ chuyến đi đến triển lãm Columbia ở Chicago đầu

năm nay. Cô Bowen khẳng khái rằng không có cách nào cải tiến nó, nhưng tôi nghĩ có lẽ cô ấy có cách nào đó để nó tiếp tục hoạt động.”

“VẬY RA CHÍNH ÔNG CŨNG LÀ THẦY PHỤ THỦY ĐẤY NHI,” Marco nói.

“CÓ LẼ ĐƠN GIẢN LÀ CHÚNG TA CÙNG LÀM NHỮNG VIỆC GIỐNG NHAU NHƯNG THEO NHỮNG CÁCH KHÁC NHAU,” ông Barris nói. “KHI BIẾT CÔ BOWEN CÓ MỘT ĐỐI THỦ ẨN NẤP Đâu ĐÓ, TÔI ĐÃ NGHĨ DÙ ANH CÓ LÀ AI, ANH CŨNG KHÔNG CẦN THÊM BẤT CỨ TRỢ GIÚP NÀO. NHỮNG CON THÚ BẰNG GIẤY CHẴNG HẠN, THẬT ĐÁNG KINH NGẠC.”

“CẢM ƠN ÔNG,” Marco nói. “TÔI ĐÃ TÙY CƠ ỨNG BIẾN ĐỂ TẠO RA ĐƯỢC NHỮNG CẢN LỀU MÀ KHÔNG CẦN BẢN VẼ.”

“ĐÓ CÓ PHẢI LÀ LÝ DO ANH TỚI ĐÂY KHÔNG?” Ông Barris hỏi. “VÌ NHỮNG BẢN VẼ?”

“TRƯỚC HẾT TÔI MUỐN CHẮC CHẴN RẰNG ÔNG CÓ BIẾT VỀ TRẬN ĐẤU,” Marco nói. “ÔNG BIẾT ĐẤY, TÔI CÓ THỂ LÀM ÔNG QUÊN HẸN CUỘC NÓI CHUYỆN NÀY.”

“ỒI, KHÔNG CẦN THIẾT PHẢI QUÁ CẢN TRỌNG NHƯ VẬY,” Barris nói, lắc mạnh đầu phản đối. “TÔI ĐẢM BẢO VỚI ANH, TÔI CÓ THỂ ĐỨNG TRUNG LẬP. TÔI KHÔNG THÍCH NGẢ VỀ BÊN NÀO. TÔI SẼ HỖ TRỢ ANH HOẶC CÔ BOWEN NHIỀU ÍT TÙY THEO MỖI NGƯỜI MUỐN VÀ TÔI SẼ KHÔNG TIẾT LỘ GÌ VỚI HAI BÊN NHỮNG ĐIỀU MỖI BÊN NÓI RIÊNG VỚI TÔI. TÔI CŨNG SẼ KHÔNG NÓI NỬA LỜI VỚI NGƯỜI NGOÀI VỀ CHUYỆN NÀY. ANH CÓ THỂ TIN TÔI.”

Marco đỡ lại một chồng hộp chực đổ trong khi cân nhắc vấn đề.

“ĐƯỢC THÔI,” anh nói. “NHƯNG ÔNG BARRIS NÀY, PHẢI THỪA NHẬN TÔI NGẠC NHIÊN VÌ ÔNG CÓ THỂ DỄ DÀNG CHẤP NHẬN CHUYỆN NÀY.”

Barris cười khùng khục.

“TÔI CÔNG NHẬN RẰNG TRONG SỐ CHÚNG TA, TÔI LÀ NGƯỜI ÍT TIỀM NĂNG NHẤT,” ông nói. “THẾ GIỚI TRỞ THÀNH NƠI THÚ VỊ HƠN TÔI TỪNG TƯỞNG TƯỢNG RẤT NHIỀU KHI LẦN ĐẦU TIÊN TÔI TỚI BỮA TỐI LÚC NỬA ĐÊM. CÓ PHẢI BỞI CÔ BOWEN CÓ THỂ TRUYỀN SỰ SỐNG CHO MỘT TẠO VẬT BẰNG GỖ, HAY BỞI ANH CÓ THỂ ĐIỀU KHIỂN TRÍ NHỚ CỦA TÔI, HAY BỞI CHÍNH RẠP XIẾC ĐÃ XÔ ĐỔ GIỚI HẠN CỦA NHỮNG GÌ TÔI HẰNG

mơ ước là có thể, thậm chí từ trước khi tôi thích thú nghĩ rằng đó là phép thuật thật sự? Tôi không biết nữa. Nhưng tôi sẽ không đánh đổi nó lấy bất cứ thứ gì.”

“Và ông sẽ giữ bí mật nhân dạng của tôi với cô Bowen chứ?”

“Tôi sẽ không nói với cô ấy,” ông Barris nói. “Tôi bảo đảm với anh.”

“Trong trường hợp này,” Marco nói. “Tôi sẽ rất cảm kích nếu ông giúp đỡ.”

• • •

KHI BỨC THƯ ĐẾN, ông Barris thoáng sợ rằng cô Bowen sẽ không vui trước diễn biến của sự việc, hoặc muốn biết ai là đối thủ của cô, và cô ấy sẽ dễ dàng đoán ra rằng giờ ông đã biết.

Nhưng khi ông mở phong bì, trong thư chỉ vồn vện:

Tôi thêm vào có được không?

Ông viết lại cho cô, nói rằng nó được thiết kế đặc biệt để có thể điều khiển được ở cả hai bên, nên cô có thể thêm bất cứ thứ gì cô muốn.

• • •

CELIA ĐI QUA HÀNH LANG ĐẦY TUYẾT, những bông tuyết lóng lánh đậu lên tóc cô, bám trên mép áo dài. Cô đưa tay ra, mỉm cười nhìn những viên pha lê tan trên da cô. Những cánh cửa dọc hành lang, cô chọn một cánh ở cuối, để lại vệt tuyết tan sau lưng khi cô bước vào phòng, phải cúi đầu cho khỏi va vào dòng thác sách từ trần nhà đổ xuống nửa chừng ngưỡng lại, những trang sách mở ra lộn xộn như những làn sóng đông cứng.

Cô giơ một tay ra vuốt trang sách, cả căn phòng dường như đưa êm dịu như chuyển động từ trang này sang trang khác. Mất một lúc cô mới tìm được một cánh cửa khác, nằm trong một góc tối. Cô bật cười khi ủng của cô lún vào cát mịn dâng ngập căn phòng cô bắt đầu bước vào. Celia đứng trên một sa mạc cát trắng óng ánh, bầu trời đêm nhấp nhánh trùm xuống xung quanh. Cảm giác về không gian mênh mông tới mức cô phải giơ tay ra phía trước tìm bức tường bị giấu trong những vì sao, và thật ngạc nhiên khi ngón tay cô chạm vào bề mặt cứng.

Cô dò đường đi giữa những bức tường lấp lánh sao ấy, tìm mép tường để có đường ra.

“Phát tởm lên được,” tiếng nói của bố cô, dù cô không thể nhìn thấy ông trong ánh sáng yếu ớt. “Lẽ ra con phải làm việc độc lập, không phải ở trong cái... cái chỗ lèm nhèm sa ngã thế này. Ta đã cảnh cáo con về cái trò cộng tác này, đây không phải cách thích hợp để phô bày năng lực của con.”

Celia thở dài.

“Con nghĩ cái này cũng hay,” cô nói. “Có cách nào cạnh tranh thú vị hơn là ở trong cùng một căn lều? Và bố không thể gọi đây là cộng tác được. Sao con có thể cộng tác với người mà con còn không biết là ai?”

Cô chỉ có thể thoáng nhìn thấy mặt bố khi ông trừng mắt nhìn cô rồi quay đi, để cô lại tập trung vào bức tường. “Cái nào xuất sắc hơn ạ?” cô hỏi. “Một căn phòng cây cối rậm rạp hay một căn phòng đầy cát biển? Bố có biết phòng nào của con không? Chuyện này đang gây nên mệt mỏi, bố ạ. Đối thủ của con có những năng lực rất đáng nể. Sao bố có thể xác định được người chiến thắng chứ?”

“Chuyện đó con không phải lo,” bố cô xì một tiếng, sát gần tai Celia hơn là cô muốn. “Con thật đáng thất vọng, ta cứ ngỡ con phải làm được tốt hơn. Con còn phải làm nhiều hơn.”

“Làm nhiều hơn nữa thì kiệt sức mất,” Celia phản đối. “Con chỉ có thể kiểm soát nhiều hơn thôi.”

Cô gục xuống, vốc một nắm cát trắng màu ngọc trai, mặc nó chậm chậm chảy qua kẽ ngón tay.

• • •

CHỈ CÓ MỘT MÌNH TRONG CĂN HỘ, Marco tạo ra những căn phòng nhỏ từ giấy bỏ đi. Hành lang và cửa ra vào làm bằng những trang sách và bản vẽ, giấy dán tường và những mẫu thư.

Anh tạo ra những gian phòng thông với gian Celia đã tạo. Những cầu thang cuốn quanh đại sảnh của cô.

Để lại những không gian trống cho cô phản đòn.

TÍCH TẮC TÍCH TẮC

VIENNA, THÁNG GIÊNG 1894

Căn phòng rộng nhưng trông nhỏ hơn vì những gì có trong đó. Nhiều bức tường làm bằng kính mờ, nhưng tầm nhìn phần lớn bị chặn vì các giá và tủ. Bàn thiết kế bên cửa sổ ngập trong mớ hỗn độn có tổ chức các loại giấy tờ, biểu đồ và bản vẽ. Người đàn ông đeo kính ngồi sau bàn gần như vô hình, lẩn vào khung cảnh xung quanh. Tiếng bút chì vạch lên giấy đều đặn và chính xác như đồng hồ tích tắc trên tường.

Có tiếng gõ trên cánh cửa kính đóng băng, bút chì dừng lại, đồng hồ vẫn tích tắc tích tắc.

“Thưa ông, có cô Burgess tới,” người trợ lý nói qua ngưỡng cửa đã mở. “Cô ấy nói sẽ không làm phiền ông nếu ông đang bận ạ.”

“Không phiền gì đâu,” ông Barris nói, đặt bút xuống và ngồi thẳng dậy. “Mời cô ấy vào.”

Người trợ lý tránh khỏi ngưỡng cửa và một phụ nữ trẻ xuất hiện trong chiếc váy ren kiểu cách.

“Chào Ethan,” Tara Burgess nói. “Tôi xin lỗi vì đến mà không báo trước.”

“Không cần câu nệ thế, Tara thân mến của tôi. Trông cô lúc nào cũng kiêu diễm,” ông Barris nói, hôn lên hai má cô.

“Còn anh chẳng già đi ngày nào,” Tara nói đầy ẩn ý. Nụ cười của Barris kém tươi tắn và ông quay đi, tới gần cánh cửa sau lưng cô.

“Điều gì đã đưa cô tới Vienna vậy?” ông hỏi. “Lainie đâu? Có mấy khi thấy hai cô thiếu nhau đâu.”

“Lainie đang ở Dublin, cùng rạp xiếc,” Tara nói, chuyển sự chú ý sang các đồ đạc ở trong phòng. “Tôi... tôi chẳng có hứng thú làm gì nên nghĩ sẽ đi du lịch một mình. Thăm bạn bè ở xa có lẽ là một khởi đầu tốt. Lẽ ra tôi đã đánh điện tín báo trước nhưng chuyến đi cũng hơi ngẫu hứng. Mà tôi cũng không dám chắc mình có được chào đón hay không.”

“Cô luôn được chào đón, Tara ạ,” ông Barris nói. Ông mời ngồi nhưng cô không để ý, cứ đi ngang qua những mặt bàn chất đầy các mô hình tòa nhà cực kỳ chi tiết, thỉnh thoảng dừng lại xem kỹ một điểm nào đó: vòm cổng, cầu thang xoáy ốc.

“Tôi nghĩ thật khó có thể tìm ra sự khác biệt giữa bạn cũ và những đối tác làm ăn như trong trường hợp chúng ta,” Tara nói. “Liệu chúng ta là kiểu người chuyện trò lịch thiệp để che đậy những bí mật chung, hay còn là cái gì hơn thế? Cái này tuyệt đẹp,” cô nói thêm, dừng lại trước mô hình một cây cột ngoài trời rất kiểu cách với chiếc đồng hồ treo ở giữa.

“Cảm ơn,” ông Barris nói. “Vẫn còn lâu mới hoàn thiện được. Tôi cần phải gửi thiết kế hoàn chỉnh cho Friedrick để ông ấy có thể bắt tay làm cái đồng hồ này. Tôi nghĩ xây đúng kích thước thì còn ấn tượng hơn nhiều.”

“Anh có sơ đồ thiết kế rạp xiếc ở đây không?” Tara hỏi, nhìn biểu đồ gắn trên tường.

“Không, hoàn toàn không. Tôi đã để tất cả lại London cho Marco. Tôi có lưu bản sao nhưng chẳng nhớ đã để đâu nữa.”

“Anh có quên lưu bản sao thiết kế nào không?” Tara hỏi, ngón tay chạy theo cạnh tủ giáp với giá sách dài và hẹp, cái nào cũng đầy chật giấy tờ được sắp xếp ngay ngắn.

“Không,” ông Barris đáp.

“Anh... anh có thấy lạ không?” Tara hỏi.

“Không hẳn,” ông Barris đáp. “Cô có thấy lạ không?”

“Tôi thấy rất nhiều thứ lạ lùng gắn với rạp xiếc,” Tara nói, bồn chồn nghịch sợi dây ở cổ tay áo.

Ông Barris ngồi ở bàn làm việc, dựa vào lưng ghế. “Cô sẽ nói rõ chuyện quái gì đã đưa cô đến đây tìm tôi tâm sự thay vì đi đi lại lại như múa thế chứ?” ông hỏi. “Tôi chưa bao giờ là vũ công giỏi đâu.”

“Tôi có căn cứ để nói rằng điều đó không đúng,” Tara nói, ngồi xuống cái ghế đối diện, dù ánh mắt cô vẫn lang thang khắp căn phòng. “Nhưng nói thẳng để thay đổi thông lệ thì cũng không tệ, thỉnh thoảng tôi vẫn tự hỏi không biết còn ai trong chúng ta nhớ cách nói thẳng không. Tại sao anh rời London?”

“Có lẽ tôi rời London phần nhiều cũng vì những lý do khiến chị em cô thường xuyên đi du lịch,” ông Barris nói. “Một ít ánh mắt quá-tò-mò và khen ngợi xỏ xiên. Tôi ngờ rằng chẳng có ai nhận ra cái ngày tóc tôi không mỏng đi nữa chính là đêm mở màn rạp xiếc, nhưng một thời gian sau họ đã bắt đầu để ý. Trong khi Tante Padva có thể sẽ yên ổn về già, chuyện gì về Chandresh cũng có thể được coi là lạ lùng, thì chúng ta phải chịu kiểu dò xét khác bởi chúng ta chỉ gần như bình thường.”

“Với những người có thể đơn giản là biến mất vào rạp xiếc thì mọi sự đơn giản hơn nhiều,” Tara nói, dăm dăm nhìn ra cửa sổ. “Lainie từng nói rằng chúng tôi cứ nên đi theo rạp xiếc, nhưng tôi nghĩ đó chỉ là giải pháp tạm thời, chúng tôi quá bất định, như thế không tốt cho bản thân.”

“Cô có thể cứ kể nó,” ông Barris lặng lẽ nói. Tara lắc đầu.

“Bao nhiêu năm nữa mới thôi đi từ thành phố này sang thành phố khác? Giải pháp vượt ra ngoài hoàn cảnh ấy là gì? Thay tên đổi họ chẳng? Tôi... tôi chẳng thích thú gì bị lôi vào những trò lừa dối ấy.”

“Tôi không biết,” ông Barris nói.

“Có rất nhiều điều đang diễn ra nằm bên ngoài phạm vi chúng ta được biết, điểm này tôi chắc chắn,” Tara thở dài. “Tôi đã cố nói chuyện với Chandresh, nhưng cứ như chúng tôi nói hai thứ tiếng khác nhau. Tôi không

muốn chỉ ngồi ỳ ra đấy khi rõ ràng có chuyện không ổn. Tôi cảm thấy... không phải bị mắc bẫy, nhưng gần như thế, và tôi không biết phải làm gì.”

“Và cô đang đi tìm câu trả lời,” ông Barris nói.

“Tôi không biết mình đang tìm kiếm gì,” Tara đáp, trong chốc lát mặt cô cau rúm lại như chực khóc òa, nhưng rồi cô kìm nén được. “Ethan, có lúc nào anh cảm thấy như mình đang luôn nằm mơ không?”

“Không, tôi không thể nói rằng mình cảm thấy như vậy.”

“Tôi đang thấy khó nhận biết được thức và ngủ,” Tara nói, lại giật giật tay áo. “Tôi không thích bị bỏ lại trong bóng tối. Tôi thực sự không muốn tin vào những điều bất khả.”

Barris nhắc kính ra, lau tròng kính bằng khăn mùi- xoa trước khi trả lời. Ông giơ kính lên trước ánh sáng để kiểm tra xem có còn vết bẩn nào không.

“Tôi đã chứng kiến những điều lớn lao mà tôi từng cho là bất khả, hoặc không thể nào tin được. Tôi nhận ra rằng mình không còn vạch rõ phạm vi của những vấn đề ấy. Tôi chọn cách làm việc cật lực và tận sức, mặc người khác ra sao thì ra.”

Ông mở ngăn kéo bàn làm việc, sau một hồi tìm kiếm ông lấy ra tấm danh thiếp in cái tên duy nhất. Thậm chí cả khi nhìn ngược, Tara vẫn có thể dễ dàng nhận ra chữ A và chữ H. Ông Barris lấy bút chì viết một địa chỉ ở London bên dưới cái tên ấy.

“Tôi không nghĩ có ai trong chúng ta biết được đêm ấy chính xác chúng ta đã bị cuốn vào chuyện gì,” ông nói. “Nếu cô vẫn muốn tìm hiểu sâu hơn, tôi nghĩ chắc ông ấy là người duy nhất trong số chúng ta có thể giúp được, nhưng tôi không thể đảm bảo rằng ông ấy có thực sự thẳng thắn không.”

Ông đẩy tấm danh thiếp qua bàn cho Tara. Cô chăm chú nhìn nó rồi thả vào túi, như thể cô không hoàn toàn chắc chắn nó là thật.

“Cảm ơn anh, Ethan,” cô nói mà không nhìn ông. “Tôi rất cảm kích, thật sự.”

“Có gì đâu, cô bạn,” ông Barris nói. “Tôi... tôi hy vọng cô tìm thấy điều mình muốn.”

Tara lơ đãng gật đầu. Rồi họ nói với nhau linh tinh mấy chuyện phiếm trong khi đồng hồ tích tắc hết buổi chiều và ánh sáng bên ngoài những ô cửa kính mờ nhạt đi thấy rõ. Ông mời Tara ăn tối nhưng cô lịch sự khước từ và ra về một mình.

Barris quay trở lại bàn làm việc, sột soạt cào bút chì trên giấy, trong tiếng đồng hồ nhịp nhàng tích tắc.

CHIẾC Ô CỦA ẢO THUẬT GIA

PRAGUE, THÁNG BA 1894

Tấm bảng bên ngoài Le Cirque des Rêves tối nay khá lớn, được treo cùng những dải ruy-băng tết lại, buộc ra ngoài chắn song ngay trên ổ khóa. Những con chữ đủ lớn để đọc được từ xa, nhưng người ta vẫn lại gần và đọc.

Tạm nghỉ vì thời tiết xấu

Kiểu chữ bay bướm, xung quanh có thêm mấy đám mây xám được tinh nghịch sơn lên. Người ta đọc thông báo, có khi còn đọc hai lần liền, họ nhìn mặt trời đang xuống dần, vòm trời tím nhạt trong veo. Họ vò đầu bứt tai, cứ đứng đó, đợi xem bảng thông báo có được gỡ xuống để mở cửa rạp không, nhưng không thấy bóng dáng ai trong rạp. Cuối cùng đám đông con con ấy tản đi tìm những trò vui khác để tiêu khiển buổi tối.

Một tiếng đồng hồ sau cơ man nào là nước mưa trút xuống, gió thổi bập bùng trên thân những căn lều sọc.

Bảng thông báo trên cổng nhảy múa trong gió, láng nước mưa và ướt nhẹp.

• • •

Ở ĐẦU BÊN KIA RẠP XIẾC, phần hàng rào trông không giống cổng chút nào nhưng có thể mở ra được, Celia Bowen bước ra khỏi bóng tối của những căn lều không được chiếu sáng, đi vào màn mưa, loay hoay mở ô. Đó là một cái ô lớn, tay cầm cong và nặng, khi Celia mở ra được thì nó có thể

che chắn khá tốt khỏi cơn mưa. Tuy nhiên gấu váy màu rượu vang của cô vẫn nhanh chóng thấm nước, sẫm lại gần như đen.

Cô bước đi không chú ý mấy đến đường phố, nhưng mưa tầm tã như vậy thì cũng chẳng có gì để chú ý. Cô đi ngang qua mấy người bộ hành khác trên những con phố lát đá, ai cũng phần nào náu mình bên dưới một tán ô. Cuối cùng Celia dừng lại trước một quán cà phê sáng sủa, đông vui và nhộn nhịp bất chấp thời tiết. Cô thêm chiếc ô của mình vào bộ sưu tập ô treo cạnh cửa.

Còn vài bàn chưa có ai ngồi, nhưng chiếc ghế trống lọt vào mắt Celia chính ở ngay bên lò sưởi, đối diện chỗ Isobel, cô đang ngồi với một tách trà, cúi mũi đọc sách. Celia chưa bao giờ biết chắc điều gì làm nên một người tiên đoán tương lai. Nhưng cô vốn không tin tưởng những người kiếm sống bằng cách nói với người khác những gì họ muốn nghe. Và đôi khi ánh nhìn của Isobel giống hệt những cái liếc mắt mà Celia thường bắt gặp ở Tsukiko, rằng cô ấy biết nhiều hơn những gì thể hiện ra. Nhưng có lẽ điều đó chẳng có gì bất thường đối với một người làm nghề nói cho người khác biết trước tương lai của họ.

“Tôi ngồi cùng được không?” Celia hỏi.

Isobel nhìn lên, hết sức ngạc nhiên, nhưng vẻ ngạc nhiên lập tức được thế chỗ bằng một nụ cười rạng rỡ.

“Tất nhiên rồi,” Isobel nói, đánh dấu trang đọc dở rồi đặt cuốn sách sang một bên. “Không thể tin được thời tiết này mà cậu lại ra ngoài, tôi tránh được lúc bắt đầu mưa, đang định chờ khi nào tạnh thì về. Thực ra tôi có hẹn nhưng tôi không nghĩ họ sẽ đến, mưa thế này.”

“Chẳng trách họ được,” Celia nói, cời đôi găng ấm ra. Cô giữ khế và chúng lập tức khô lại. “Ngoài kia cứ như phải lội qua một con sông vậy.”

“Cậu đi tránh bữa tiệc thời-tiết-xấu phải không?”

“Tôi đến trình diện rồi trốn ra, tối nay tôi không có tâm trạng dự tiệc. Với lại, tôi không muốn bỏ lỡ dịp được ra khỏi rạp cho thay đổi không khí, dù có bị ướt sũng.”

“Thỉnh thoảng tôi cũng thích trốn đi,” Isobel nói. “Có phải cậu đã tạo ra mưa để được nghỉ không đấy?”

“Tất nhiên là không rồi,” Celia nói. “Nhưng nếu đúng thế thì chắc tôi tạo mưa thường xuyên mất.”

Trong khi Celia nói chuyện, bộ váy ngấm nước mưa của cô khô dần, phần đen nhất đã trở lại màu rượu vang, không rõ nhờ ngọn lửa vui tươi cháy gần đó hay nhờ phép biến hình cô kín đáo thực hiện.

Celia và Isobel nói chuyện huyên thiên về thời tiết, Prague và sách, không chủ ý loại bỏ chủ đề rạp xiếc, nhưng tránh nói nhiều đến nó. Giờ chỉ là hai phụ nữ ngồi cùng nhau hơn là người tiên đoán tương lai và ảo thuật gia, một cơ hội chẳng mấy khi họ có được.

Cửa quán cà phê bật mở, một luồng gió lạnh buốt như kim châm thốc vào, các vị khách trong quán đều rên lên khó chịu, đám ô treo gần cửa lách cách va vào nhau.

Cô phục vụ mặt mũi khó đăm đăm dừng lại bên bàn và Celia gọi một tách trà bạc hà. Khi cô ta đi khỏi, Celia nhìn quanh phòng, chăm chú quan sát khách khứa như thể cô đang tìm ai đó chứ không phải chỉ ngó nghiêng cho có.

“Có chuyện gì vậy?” Isobel hỏi.

“À, không có gì,” Celia đáp. “Chợt có cảm giác rằng ai đó đang nhìn chúng ta, nhưng chắc do tôi tưởng tượng ra thôi.”

“Chưa biết chừng có người nhận ra cậu đấy,” Isobel nói. “Chắc là không đâu,” Celia nói trong khi vẫn ngó quanh đám khách, cố tìm một con mắt đang nhìn về phía họ. “Con người nhìn thấy những gì họ muốn nhìn. Tôi chắc rằng nơi này không chỉ có những vị khách lạ lùng, giống như rạp xiếc trong thành phố. Như thế dễ cho chúng ta hòa mình vào hơn.”

“Tôi luôn lấy làm lạ rằng bình thường không ai nhận ra tôi,” Isobel nói. “Từ mấy đêm nay tôi đã giải bài cho vài vị đang có mặt trong chính căn

phòng này, và chẳng vị nào buồn liếc tôi lấy một cái. Có lẽ trông tôi không đến nỗi bí ẩn khi không có nển và nhung giăng mắc xung quanh. Hoặc có thể họ chú ý đến những lá bài hơn là đến tôi.”

“Cậu có mang bộ bài theo không?” Celia hỏi.

Isobel gật đầu.

“Cậu... cậu có muốn tôi xem cho không?” cô hỏi.

“Nếu cậu không phiền.”

“Cậu chưa từng đề nghị tôi giải bài cho cậu.”

“Tôi thường không muốn biết trước tương lai,” Celia nói. “Đêm nay tôi chợt thấy hơi hơi tò mò.”

Isobel lưỡng lự, liếc nhìn khách khứa trong quán, hầu hết là dân du mục đang uống rượu ngải đắng và tranh luận về nghệ thuật.

“Họ sẽ không để ý đâu,” Celia nói. “Tôi đảm bảo.”

Isobel quay lại với Celia, cô lấy bộ bài trong túi ra, không phải bộ đen-và-trắng vẫn dùng ở rạp xiếc mà là bộ bài Marseilles, đã cũ và bạc màu.

“Bộ bài đẹp quá,” Celia nói khi Isobel bắt đầu tráo những lá bài lên xuống thoăn thoắt.

“Cảm ơn cậu.”

“Nhưng chỉ có bảy mươi bảy lá.”

Bàn tay Isobel hơi khựng lại, một lá bài rơi xuống mặt bàn. Celia nhặt lá bài lên, liếc nhìn hai chiếc cốc trên mặt lá bài rồi đưa lại cho Isobel. Isobel nhập lá bài lại vào bộ và tiếp tục tráo, những quân bài rơi liên nhau như một khối thống nhất, đảo liên tục từ tay nọ sang tay kia.

“Một lá... ở đâu đó,” Isobel giải thích.

Celia không hỏi thêm.

Người phục vụ mang trà bạc hà đến cho Celia, không hề nhìn những lá bài trước khi rời đi.

“Cậu làm phải không?” Isobel hỏi.

“Tôi làm cô ấy bị phân tán, đúng vậy,” Celia nói sau khi khẽ thổi tách trà bốc khói. Đó không hẳn là điều cô muốn nói, nhưng thật khó giải thích tấm màn vô hình cô đã trùm lên bàn. Nhưng dù có tấm màn vô hình ấy, cảm giác rằng ai đó đang theo dõi mình vẫn chưa biến mất, nó khiến cô thấy khó chịu.

Isobel ngừng tráo, úp bộ bài xuống mặt bàn.

Celia chia bộ bài làm ba tụ mà không cần đợi Isobel hướng dẫn. Cô thận trọng giữ các mép bài khi xếp ba tụ thành một hàng trên mặt bàn.

“Cái nào nào?” Isobel hỏi.

Celia trầm tư nhìn ba tụ bài trong khi nhấp chén trà. lát sau cô chỉ tụ bài ở giữa. Isobel xếp lại bộ bài, đặt tụ Celia chọn lên trên cùng.

Những lá bài cô đặt lên bàn chưa nói lên điều gì ngay lập tức. Bảy chiếc cốc. Hai thanh kiếm. *La Papessa*, nữ tu sĩ bí ẩn.

Isobel hầu như không thể nén được, bất giác hít mạnh một hơi khi cô đặt lá bài *Le Bateleur* lên trên những lá bài đã xếp. Isobel ngụy tạo bằng một tiếng ho. Celia làm như không nhận ra có gì không ổn.

“Tôi xin lỗi,” Isobel nói sau hồi lâu im lặng nhìn những lá bài. “Đôi khi phải mất một lúc tôi mới giải được chính xác.”

“Không sao, cứ từ từ,” Celia nói.

Isobel xếp những lá bài quanh bàn, tập trung vào từng lá một.

“Cậu mang rất nhiều gánh nặng. Một trái tim bị đè nén. Những điều đã mất. Nhưng cậu tiến về phía đối thay và khám phá. Có những tác động từ bên ngoài lôi kéo cậu tiến lên.”

Nét mặt Celia không biểu lộ gì. Cô nhìn những lá bài, thỉnh thoảng ngược lên Isobel, chăm chú nhưng cảnh giác.

“Cậu... cậu không chiến đấu, từ này không hẳn chính xác, nhưng có xung đột với cái gì đó không thấy được, ẩn trong bóng tối và không cho cậu biết.”

Celia chỉ mỉm cười.

Isobel đặt một lá bài nữa lên bàn. “Nhưng sẽ sớm ra ánh sáng thôi,” cô nói.

Điều này khiến Celia chú ý. “Bao giờ?”

“Những lá bài không nói được chính xác thời điểm, nhưng rất gần rồi. Tôi nghĩ sẽ là gần như ngay lập tức.”

Isobel rút một lá bài nữa. Lại là hai chiếc cốc.

“Đó là cảm xúc,” cô nói. “Cảm xúc sâu sắc nhưng cậu chỉ đang ở bên bờ, dù rất gần bề mặt, còn nó đang đợi để kéo cậu xuống.”

“Thú vị đấy,” Celia nhận xét.

“Tôi không thể thấy rõ điều gì là tốt, điều gì là xấu, nhưng nó... căng thẳng.” Isobel hơi đẩy những lá bài xung quanh, *Le Bateleur* và *La Papessa* ở giữa những đũa phép ánh lửa và ly cốc sóng sánh. Lửa trong lò sưởi lách tách hòa vào tiếng mưa vỗ lên cửa sổ. “Nó gần như tự mâu thuẫn,” lát sau cô nói. “Như thể tình yêu và mất mát cùng tồn tại, hòa vào nhau trong nỗi đau trống lẹ.”

“Chà, xem vẻ có điều để mong đợi đây,” Celia nói khan, Isobel mỉm cười, rời mắt khỏi những lá bài nhìn lên, nhưng cô không đọc được nhiều biểu cảm trên gương mặt Celia.

“Xin lỗi tôi không thể nói rõ hơn,” Isobel nói. “Sau này nếu ngộ ra điều gì tôi sẽ nói với cậu, đôi khi tôi cần phải ngẫm nghĩ một thời gian thì mới thực sự cảm nhận được. Những lá bài này... không phải là không rõ ràng, thật đấy, nhưng chúng rất phức tạp, nhiều khả năng cần cân nhắc.”

“Có gì đâu mà xin lỗi. Tôi hiểu mà. Và cảm ơn cậu, tôi đánh giá cao nội tâm của cậu.”

Celia nói luôn sang chuyện khác, nhưng những lá bài vẫn ở trên bàn và Isobel không động tay cất đi. Họ nói những chuyện ít to tát hơn cho đến khi Celia một mực cho rằng cô cần trở về rạp xiếc.

“Ít nhất hãy đợi mưa tạnh hẳn đã,” Isobel phản đối.

“Tôi đã đọc chiếm quá nhiều thời gian của cậu rồi, và mưa chỉ là mưa thôi mà. Hy vọng người cậu đang đợi sẽ đến.”

“Tôi e khó lắm, nhưng cảm ơn cậu. Và cảm ơn đã bầu bạn cùng tôi.”

“Tôi sẵn lòng mà,” Celia nói, đứng dậy khỏi bàn trong khi xỏ găng tay. Cô nhẹ nhàng ra khỏi quán cà phê, lấy cái ô có tay cầm sẫm màu treo gần cửa, vẫy chào Isobel rồi ép mình đi bộ về rạp xiếc trong màn mưa tầm tã.

Isobel nhìn đồng bài lộn xộn trên mặt bàn.

Cô không nói dối về những lá bài, đúng vậy. Cô cảm thấy gần như không thể nói dối về những lá bài.

Nhưng cuộc đấu đã rõ ràng, quá rõ ràng đến mức mọi thứ khác đều bị cuốn theo nó, quá khứ và tương lai. Đồng thời, cô cảm thấy như thể vừa giải bài cho cả rạp xiếc hơn là cho mình Celia, cảm xúc dâng đầy choáng ngợp từng chi tiết. Isobel xếp các lá bài lại và tráo lên. *Le Bateleur* trượt lên đầu trong khi cô tráo bài, Isobel cau mày nhìn lá bài rồi liếc quanh quán cà phê. Có lác đác mấy chiếc mũ quả dưa trong đám khách, nhưng không thấy chiếc cô đang tìm kiếm.

Isobel tráo cho đến khi Áo Thuật Gia nằm sâu trong bộ bài, cô cất bộ bài đi và quay trở lại với cuốn sách, một mình đợi mưa tạnh.

• • •

BÊN NGOÀI, trời mưa nặng hạt, đường phố tối tăm và gần như không một bóng người, chỉ lác đác vài ô cửa sổ sáng đèn. Không lạnh như Celia

nghĩ, dù cơn gió tê buốt len lõi.

Bản thân Celia không giải được bài tarot, luôn có quá nhiều khả năng, quá nhiều lớp lang ý nghĩa. Nhưng một khi Isobel chỉ ra những yếu tố cụ thể, cô có thể thấy những cảm xúc phức tạp, sự sáng tỏ sắp được phơi bày. Cô không biết sẽ là những gì, nhưng bất chấp sự hoài nghi trong lòng, cô hy vọng điều đó có nghĩa là rút cục cô sẽ biết đối thủ của mình là ai.

Cô lơ đãng bước đi, nghĩ về những lá bài, dần nhận ra cô đang thấy ấm áp. Ít nhất cũng ấm bằng, thậm chí còn hơn lúc cô ngồi bên lò sưởi với Isobel. Hơn thế, trang phục của Celia vẫn khô. Áo khoác, găng tay, thậm chí cả gấu váy. Trên người cô không có một hạt nước nào dù mưa vẫn tầm tã, gió tạt nước mưa theo các hướng. Nước mưa bắn ngược từ những vũng đọng, tóe lên via hè nhưng Celia không cảm thấy gì. Thậm chí ửng dưới chân cô cũng không chút lấm bẩn.

Celia dừng lại khi đến một quảng trường rộng, cạnh tháp đồng hồ thiên văn, nơi các tông đồ mỗi giờ đều đặn xuất hiện bất chấp thời tiết.

Cô đứng yên trong màn mưa. Mưa giăng dày xung quanh, cô hầu như chỉ nhìn được vài bước trước mặt nhưng chính cô vẫn ấm áp và khô ráo. Cô vươn tay ra ngoài vòm ô, thận trọng quan sát thấy không một giọt mưa nào rơi trên tay mình. Những giọt rơi gần đến thì đột ngột đổi hướng trước khi chạm vào găng tay, bật ra như thể có thứ gì đó vô hình và không thấm nước đang bao bọc quanh cô.

Đến lúc này Celia gần như chắc chắn chiếc ô đang ở trên tay không phải của mình.

“Xin lỗi, cô Bowen,” một giọng nói gọi cô, xuyên qua mưa xối ào ào, vang xuôi theo con phố. Một giọng nói cô nhận ra trước khi quay lại và thấy Marco đứng sau, hoàn toàn ướt nhẹp trong mưa, những giọt nước thì nhau tuôn từ vành mũ quả dưa của anh. Tay anh đang cầm chiếc ô đen chưa mở, giống hệt chiếc ô cô đang cầm. “Tôi tin rằng cô đang cầm ô của tôi,” anh nói, gần như hết hơi nhưng nở một nụ cười lộ quá nhiều chất sỏi, khó có thể coi là cừ non chân chính.

Celia sững sờ nhìn anh. Thoạt đầu cô tự hỏi người phụ tá của Chandresh đang làm cái quái gì ở Prague, cô chưa bao giờ thấy anh rời London. Rồi tiếp theo là câu hỏi sao anh có thể sở hữu chiếc ô này?

Khi cô dăm dăm nhìn anh, ruột rối như tơ vò, những miếng ghép của câu đố bắt đầu khớp vào nhau. Cô nhớ lại mỗi lần chạm mặt người đàn ông đang đứng trước cô trong cơn mưa này, vẻ nhợt nhạt của anh sau màn ra mắt của cô, hàng năm trời những cái liếc mắt và những lời bình phẩm mà cô ngỡ là tình cảm thầm kín.

Và ấn tượng thường trực của cô là anh như không thực sự ở đó, hòa mình quá giỏi vào khung cảnh đến mức có khi cô quên mất hẳn còn có anh trong phòng.

Trước đây, Celia cho rằng đó là biểu hiện của một phụ tá giỏi, cô không mấy may nghĩ rằng vẻ ngoài ấy lại dễ khiến người ta lầm tưởng đến vậy.

Cô đột nhiên thấy thật ngớ ngẩn vì chưa từng nghĩ rằng anh có thể là đối thủ của cô.

Và Celia bật cười, tiếng cười khúc khích không nén nổi hòa cùng nhịp mưa. Nụ cười của Marco nhạt dần khi anh nhìn Celia, anh chớp mắt cho khỏi nhòe nước mưa. Celia kiềm chế lại bản thân, cúi chào anh bằng động tác hoàn hảo. Cô trả lại ô cho anh, run bắn vì mưa chạm vào mình ngay khi chiếc ô rời ngón tay cô. Anh trả lại cho cô chiếc ô giống hệt.

“Chân thành xin lỗi anh,” cô nói, nét lấy-làm-thứ-vị vẫn còn lấp lánh trong mắt.

“Tôi rất muốn nói chuyện với cô, nếu cô có thời gian uống cùng tôi một ly,” Marco nói. Mũ quả dưa của anh đã khô trong khi anh cố công vô ích che ô cho cả hai.

Gió đánh tung những lọn tóc sẫm màu của Celia thành từng dải ướt bám trên mặt cô trong khi cô quan sát Marco, nhìn vào mắt anh khi những hạt mưa biến mất khỏi bờ mi anh.

Bao năm bản khoản trăm trở, thời khắc đối mặt với đối thủ của mình không giống như cô vẫn hình dung.

Cô cứ ngỡ phải là ai đó cô quen biết. Ai đó ở trong rạp xiếc chứ không phải người ngoài, dù vẫn có liên quan.

Có quá nhiều câu hỏi, nhiều điều cô muốn trao đổi dù bố cô liên tục cảm ràm, không muốn cô bận tâm đến đối thủ của mình. Song đồng thời, cô chợt cảm thấy mình bị phơi bày, nhận ra rằng anh đã luôn biết vị trí của mỗi người. Anh đã biết mỗi lần mở cửa cho cô, hay ghi chép cho Chandresh. Mỗi lần anh đăm đăm nhìn cô như lúc này, bằng đôi mắt xanh khiến người ta bối rối.

Nhưng, lời mời thật đầy cảm dỗ.

Có lẽ nếu không ướt như chuột lột thì cô đã đồng ý. “Tất nhiên là anh muốn nói chuyện rồi,” Celia nói, đáp lại nụ cười của Marco bằng nụ cười rạng rỡ của cô.

“Có lẽ để khi khác.”

Cô mở ô của mình, có chút loay hoay như trước. Vòm lụa đen căng lên che trên đầu cô, Celia và chiếc ô biến mất, chỉ để lại những hạt nước rơi trên vỉa hè trống trải.

Còn lại một mình trong mưa, Marco nhìn một lúc khoảng không gian Celia vừa đứng, rồi anh bước đi vào đêm.

PHẢN CHIẾU VÀ BỀ CONG

Bảng hiệu đề Nhà Gương, nhưng khi đi vào trong bạn sẽ thấy còn hơn cả như vậy.

Bạn sẽ thấy không chỉ những tấm gương trơn phẳng chạm tới tận sàn nhà, như bạn vẫn hình dung, mà còn hàng trăm tấm gương khác đủ mọi kích cỡ và hình dáng, mỗi cái lồng trong khung riêng.

Khi bạn đi ngang một tấm phản chiếu đôi ủng của bạn, tấm gương bên cạnh chỉ phản chiếu khoảng không trống rỗng và những tấm gương đối diện. Khăn quàng của bạn biến mất ở tấm gương này và xuất hiện trở lại trên tấm gương kế tiếp.

Được phản chiếu sau lưng bạn là một người đàn ông đội mũ quả dưa, anh ta chỉ xuất hiện ở vài tấm và biến mất ở những tấm khác. Khi quay lại bạn không thể xác định được anh ta ở đâu, nhưng trong phòng có nhiều người đang đi như bạn hơn là những gì bạn thấy trong gương. Nhà Gương dẫn đến một căn phòng tròn, ánh đèn sáng lên khi bạn bước vào. Ánh sáng tỏa ra từ cột đèn cao ở giữa phòng, thân bằng sắt đen và bóng thủy tinh mờ, nó hợp với một góc phố hơn là trong một căn lều rạp xiếc.

Các bức vách đều kín gương, mỗi tấm gương dài được đặt khớp với phần trần sọc ở phía trên và sàn nhà sơn màu tương xứng.

Bạn đi vào sâu căn phòng, nó trở thành cánh đồng bất tận những cột đèn đường, những đường sọc lặp lại trong những chiết hình nhỏ hơn, liên tục không ngừng.

THẤU THỊ

CONCORD, MASSACHUSETTS, THÁNG MƯỜI 1902

Tiếp tục đi quanh rạp xiếc, con đường dẫn Bailey quay trở lại sân lớn. Cậu dừng lại chốc lát ngắm vạc lửa cháy rực rỡ, rồi mua một túi sô-cô-la bù vào bữa tối gần như không ăn gì. Những viên sô-cô-la hình con chuột, tai bằng hạnh nhân và đuôi bằng cam thảo. Cậu chén ngay hai con rồi bỏ bịch kẹo vào túi áo khoác, hy vọng không bị chảy mất.

Cậu theo một hướng khác rời khuôn viên, một đường cong xa khỏi vạc lửa.

Cậu đi ngang qua mấy căn lều có bảng hiệu rất thú vị, nhưng không có cái nào đủ lôi cuốn cậu. Màn trình diễn của ảo thuật gia vẫn còn sống động trong đầu Bailey. Tới một khúc quanh, cậu đứng trước căn lều với bảng đề những con chữ mềm mại:

Tiên đoán tương lai

Cậu dễ dàng đọc được chữ đó, nhưng phần còn lại là một dòng loằng ngoằng rối vào nhau, Bailey phải đến gần mới đọc được:

Nhìn thấu số phận và soi rọi những đam mê tâm tối nhất

Bailey nhìn quanh. Trong khoảnh khắc, bốn phía không còn ai, rạp xiếc khoác lên vẻ bí ẩn như ngày trước lúc Bailey lén vào đây giữa ban ngày, như thể nó hoàn toàn trống trải, chỉ còn cậu và những thứ (và những người) luôn ở đó.

Những tranh cãi của mọi người về tương lai của chính cậu vang lên trong tai Bailey khi cậu bước vào lều.

Bailey thấy mình ở trong một căn phòng khiến cậu nhớ đến phòng khách của bà ngoại, có điều mùi oải hương nhạt hơn. Có những chỗ ngồi, tất cả đều còn trống, đèn chùm lung linh khiến Bailey nhìn ngăm một lúc, rồi cậu chú ý đến tấm rèm.

Tấm rèm làm từ những dây hạt cườm óng ánh. Bailey chưa từng thấy thứ gì tương tự. Nó lấp lánh dưới ánh đèn, cậu không rõ nên đi thẳng qua hay đợi xem có dấu hiệu gì không. Cậu nhìn quanh nhưng không thấy bảng hướng dẫn nào. Cậu cứ đứng đó, bối rối, ở tiền sảnh không người, và rồi một giọng nói vọng ra từ sau rèm hạt cườm.

“Xin mời vào,” giọng nữ, nhẹ nhàng, nghe như thể cô đang đứng ngay cạnh, dù Bailey chắc chắn rằng giọng nói từ phòng bên kia. Cậu lưỡng lự đưa một tay chạm vào những hạt cườm, chúng trơn mượt và mát lạnh, cánh tay Bailey dễ dàng lách qua, tấm rèm rẽ ra như nước, như cỏ dài. Những dây hạt cườm va vào nhau lách tách, âm thanh vang lên trong không gian tối nghe như tiếng mưa. Căn phòng bên này không còn giống phòng khách của bà cậu nữa. Trong phòng đầy nệm, giữa phòng có cái bàn với chiếc ghế trống, bên kia là một cô mặc đồ đen, tấm mạng mỏng dài phủ xuống che mặt. Trên bàn có bộ bài và quả cầu thủy tinh lớn.

“Chàng trai trẻ, xin mời ngồi,” cô nói, Bailey tiến mấy bước lại chiếc ghế trống và ngồi xuống. Cái ghế thoải mái không ngờ, chẳng giống như ghế cứng queo ở nhà bà, dù trông giống hệt nhau. Lúc này Bailey sững sốt nhận ra, trừ cô bé tóc đỏ, cậu chưa từng nghe thấy người nào của rạp xiếc nói. Ảo thuật gia yên lặng trong suốt buổi biểu diễn, nhưng lúc đó Bailey chưa để ý.

“Tôi e rằng cậu phải trả giá trước khi chúng ta bắt đầu,” cô nói.

Bailey mừng là cậu có chút tiền tiêu vặt dành cho những khoản ngoài kế hoạch.

“Giá là bao nhiêu ạ?” cậu hỏi.

“Bất cứ giá nào cậu muốn trả cho một chút của tương lai,” người tiên đoán tương lai nói. Bailey cân nhắc chốc lát. Điều này thật lạ, nhưng hợp lý.

Cậu lấy ra một khoản hy vọng là thích hợp và đặt lên bàn. Người phụ nữ không cầm tiền mà úp bàn tay lên, và món tiền biến mất.

“Giờ cậu muốn biết điều gì?” cô hỏi.

“Tương lai của tôi,” Bailey đáp. “Bà ngoại muốn tôi đến Harvard học, còn bố muốn tôi tiếp quản trang trại.”

“Và cậu muốn gì?” người tiên đoán tương lai hỏi.

“Tôi không biết,” Bailey đáp.

Cô bật cười, nhưng tiếng cười nghe thân thiện, Bailey cảm thấy thoải mái hơn, như thể cậu đang nói chuyện với một người bình thường chứ không phải thần thánh bí hiểm gì.

“Tốt thôi,” cô nói. “Chúng ta sẽ xem những lá bài nói gì nhé.”

Người tiên đoán tương lai cầm bộ bài lên tráo, chuyển những lá bài qua lại giữa hai tay. Lá bài xô vào nhau như những con sóng. Rồi cô trải ra bàn, đổ xuống một vòng cung những lá bài mặt lưng mang họa tiết đen trắng giống hệt nhau. “Hãy chọn một lá đi,” cô nói. “Không cần vội. Đây là lá bài của cậu, lá bài biểu trưng cho cậu.” Bailey nhìn vòng cung những lá bài ấy, chân mày nhíu lại. Chúng đều như nhau. Những mảnh họa tiết, một vài cái lớn hơn, một vài cái không hoàn toàn thẳng đều như những cái khác. Cậu nhìn tới nhìn lui hết đầu này đến đầu kia, và rồi một lá đập vào mắt cậu. Nó hơi khuất hơn những lá bài khác, gần như bị lá ở trên che mất. Chỉ có phần góc lộ ra. Cậu đưa tay ra nhưng rồi chùng lại.

“Tôi chạm vào nó được không?” cậu hỏi, cảm thấy y chang như hồi cậu được lần đầu bày bàn ăn bằng bộ bát đĩa đẹp nhất, như thể cậu không được phép chạm vào những thứ mỏng manh ấy, sợ cuống lên sẽ làm vỡ cái gì đó.

Nhưng người tiên đoán tương lai gật đầu, Bailey đặt một ngón tay lên lá bài, kéo nó ra khỏi các quân khác, để nó đứng một mình trên bàn.

“Cậu có thể lật lên,” người tiên đoán tương lai nói, và Bailey lật lá bài lên.

Mặt bên kia không giống những lá bài cơ-rô-chuồn-bích mà cậu đã quen thuộc, mà là một bức tranh vẽ bằng bút mực, màu đen, trắng và những gam xám.

Hình ảnh một hiệp sĩ trên lưng ngựa, như trong truyện cổ tích. Con ngựa trắng và áo giáp hiệp sĩ màu xám, đằng sau là những đám mây sẫm màu. Con ngựa đang phi, hiệp sĩ ngả người về phía trước trên yên, thanh kiếm tuốt ra như thể chàng đang trên đường lao đến một trận đại chiến. Bailey tròn mắt nhìn lá bài, tự hỏi hiệp sĩ đang đi đâu và lá bài có ý nghĩa gì. *Cavalier d'Épées*^[24] là dòng chữ uốn lượn ở chân lá bài.

“Lá bài ám chỉ tôi phải không?” Bailey hỏi. Người phụ nữ mỉm cười, xô vòng cung những lá bài gọn lại thành tụ ngay ngắn.

“Nó được cho là biểu trưng của cậu, khi giải bài,” cô nói. “Nó hàm nghĩa chuyển động hoặc chu du. Không phải lúc nào các lá bài cũng mang cùng một ý nghĩa, mà thay đổi với mỗi người.”

“Thế thì rất khó giải,” Bailey nói. Người phụ nữ lại cười.

“Thi thoảng,” cô nói. “Dù sao chúng ta cũng nên thử chứ?” Bailey gật đầu và cô lại tráo các lá bài lên, chia thành ba tụ và đặt trước mặt cậu, phía trên lá bài hiệp sĩ. “Hãy chọn một tụ cậu cảm thấy bị thu hút nhất,” cô nói. Bailey nghiên cứu các tụ bài. Một tụ không ngay ngắn bằng, một tụ khác lớn hơn hai tụ còn lại. Ánh mắt cậu đi tiếp sang tụ bài bên phải.

“Tụ này,” cậu nói, và dù chỉ đoán đại, cậu cảm thấy đây là lựa chọn thích hợp. Người tiên đoán tương lai gật đầu, thu ba tụ bài lại thành bộ, đặt những lá bài Bailey đã chọn lên đầu. Cô lật lên, từng lá một, đặt ngựa chúng lên bàn theo một bố cục phức tạp, vài lá chồng lên những lá khác xếp thành hàng, cho đến khi khoảng mười hai lá được lật lên. Tất cả đều là những hình vẽ đen trắng, giống kiểu hình vẽ hiệp sĩ, có hình đơn giản, có hình cầu kỳ hơn. Nhiều bức thể hiện con người trong những hoàn cảnh khác nhau, vài bức có muông thú, vài bức có ly cốc, đồng xu hoặc những thanh kiếm. Những hình phản chiếu của chúng phình ra trên quả cầu thủy tinh đặt bên cạnh.

Người tiên đoán tương lai nhìn những lá bài hồi lâu. Bailey tự hỏi có phải cô ấy đang đợi nghe những lá bài nói. Và cậu nghĩ cô ấy đang mỉm cười nhưng lại hơi cố giấu đi.

“Thú vị thật,” người tiên đoán tương lai nói. Cô chạm vào một lá bài, một phụ nữ mặc váy suôn rộng cầm một cái cân, và một lá nữa Bailey nhìn không rõ nhưng trông như một lâu đài đổ nát.

“Có gì thú vị ạ?” Bailey hỏi, còn lùng bùng về những hình ảnh này. Cậu không quen biết người phụ nữ nào bị bịt mắt, chưa từng đến thăm lâu đài đổ nát nào. Cậu còn chẳng biết có lâu đài nào ở New England không.

“Cậu có một hành trình phía trước,” người tiên đoán tương lai nói. “Có rất nhiều chuyển động. Cực nhiều trách nhiệm.” Cô đẩy một lá bài, xoay một lá nữa, hơi nhíu mày lại, nhưng Bailey vẫn cho rằng cô đang cố nén mỉm cười. Bây giờ dễ theo dõi biểu cảm trên khuôn mặt cô qua lớp mạng che vì mắt Bailey đã quen với ánh nến. “Cậu là một phần của cả chuỗi sự kiện, dù hiện tại có lẽ cậu không thấy được hành động mình có tác động thế nào đến kết cục.”

“Tôi sẽ làm gì trọng đại ư, nhưng trước hết tôi phải đi đâu?” Bailey hỏi. Cậu không nghĩ rằng lời tiên đoán lại mơ hồ như vậy. Nhưng đoạn nói về hành trình có vẻ đúng ý bà cậu, mà Cambridge cũng không quá xa.

Người tiên đoán tương lai không trả lời ngay. Cô lật một lá bài khác. Lần này cô không che giấu nụ cười.

“Cậu đi tìm Poppet à?” cô nói.

“Poppet nào?” cậu hỏi. Người tiên đoán tương lai không trả lời mà hết nhìn những lá bài lại nhìn sang cậu, ngạc nhiên thú vị. Bailey có cảm giác cô đang nhìn tổng thể cậu, hoặc hơn thế, ánh mắt cô quét qua mặt cậu, kháng quàng và mũ. Bailey nhấp nhồm trên ghế.

“Cậu tên là Bailey phải không?” cô hỏi. Gò má Bailey nhợt đi. Tất cả những lo lắng căng thẳng cậu cảm thấy lúc trước lập tức lại cuộn lên. Cậu nuốt khan rồi mới trả lời được, gần như một lời thì thầm:

“Vâng?” cậu nói. Nghe như một câu hỏi, như thế cậu cũng không dám chắc đấy đúng là tên mình. Người tiên đoán tương lai mỉm cười với cậu, nụ cười rạng rỡ khiến cậu nhận ra cô không già như cậu tưởng. Có lẽ chỉ hơn cậu vài tuổi.

“Thú vị thật,” cô nói. Cậu ước chi cô hãy chọn một từ khác. “Chúng ta cùng quen một người đấy Bailey ạ.” Cô nhìn lại những lá bài trên bàn. “Hôm nay cậu đến đây tìm cô ấy, tôi dám chắc. Nhưng tôi cũng rất cảm kích vì cậu đã chọn vào lều của tôi.”

Bailey chớp mắt, cố gắng tống vào đầu những gì cô vừa nói. Cậu tự hỏi sao cô có thể biết được lý do sâu xa khiến cậu tới rạp xiếc trong khi cậu chưa từng nói với ai, thậm chí hầu như không thừa nhận với chính mình.

“Tôi biết cô ấy, và cậu anh trai, từ khi hai đứa lọt lòng,” cô nói. “Cô bé rất đặc biệt, mái tóc tuyệt đẹp.”

“Bạn... bạn ấy còn ở đây không?” Bailey hỏi. “Tôi mới gặp bạn ấy một lần, lần trước khi rạp xiếc đến đây.”

“Cô bé còn ở đây,” người tiên đoán tương lai nói. Cô đẩy những lá bài trên bàn thêm chút nữa, chạm vào lá này lá kia, nhưng Bailey chẳng còn chú ý phân biệt lá nào với lá nào nữa. “Cậu sẽ gặp lại cô ấy, Bailey ạ. Chắc chắn.”

Bailey nén cơn nóng lòng muốn hỏi khi nào, chờ xem người tiên đoán tương lai có nói gì thêm về các lá bài không. Cô di chuyển một vài lá bài, nhặt lá bài hiệp sĩ và đặt nó trên cùng xấp bài.

“Cậu có thích rạp xiếc không hả Bailey?” cô ngược nhìn cậu và hỏi.

“Tôi chưa từng đến nơi nào như thế này,” Bailey nói. “Không phải vì tôi chưa đi được nhiều nơi,” cậu lập tức nói rõ. “Nhưng tôi nghĩ rạp xiếc thật tuyệt vời. Tôi thích lắm.”

“Thế thì tốt,” người tiên đoán tương lai nói.

“Tốt cho cái gì?” Bailey hỏi, nhưng người tiên đoán tương lai không đáp. Thay vào đó, cô lật thêm một lá bài nữa, đặt nó lên trên lá bài hiệp sĩ. Đó là bức hình một phụ nữ đang đổ nước xuống hồ, một vì sao sáng rực phía trên đầu bà.

Khó có thể xác định nét mặt người tiên đoán tương lai qua tấm mạng che mặt, nhưng Bailey chắc rằng cô đang chau mày khi đặt lá bài lên bàn, dù chân mày đã giãn ra khi cô ngược nhìn Bailey.

“Cậu sẽ ổn thôi,” cô nói. “Có những quyết định cần đưa ra, và bất ngờ chờ sẵn. Đôi khi cuộc đời đưa chúng ta đến những nơi không ngờ. Tương lai không bao giờ ghi tạc sẵn trên đá, hãy nhớ như vậy.”

“Tôi sẽ nhớ,” Bailey nói. Cậu nghĩ người tiên đoán tương lai trông hơi buồn khi cô bắt đầu dọn các lá bài lại, xếp gọn thành bộ. Cô chừa lá bài hiệp sĩ lại cuối cùng, đặt nó lên đầu bộ bài.

“Cảm ơn cô,” Bailey nói. Cậu không có được câu trả lời rõ ràng như mong đợi, nhưng ở một mặt nào đó vấn đề không còn nặng nề như trước nữa. Cậu phân vân không biết đã đi được chưa, không biết phải cư xử thế nào cho phù hợp với phép tắc.

“Không có gì, Bailey ạ,” cô nói. “Rất vui được giải bài cho cậu.”

Bailey cho tay vào túi áo, lấy bịch kẹo sô-cô-la chuột ra và mời cô.

“Cô ném một con chuột chứ?” cậu hỏi. Trước khi cậu kịp tự sỉ vả bản thân vì hành động ngớ ngẩn ấy, người tiên đoán tương lai mỉm cười, dù thoáng có nét u uẩn trong nụ cười đó.

“Vâng, rất sẵn lòng,” cô nói, kéo cái đuôi cam thảo lồi một con chuột trong túi ra. Cô đặt nó lên trên quả cầu thủy tinh. “Một trong những món yêu thích của tôi đấy,” cô thú nhận. “Cảm ơn cậu, Bailey. Hãy tận hưởng thời gian còn lại của cậu tại rạp xiếc.”

“Nhất định rồi,” Bailey nói. Cậu đứng dậy và đi về phía tấm rèm hạt cườm. Sắp rẽ những dải hạt cườm ra, cậu chợt quay lại.

“Cô tên là gì?” cậu hỏi người tiên đoán tương lai.

“Cậu biết đấy, tôi không cho rằng có vị khách nào tới đây lại đặt câu hỏi cho tôi bao giờ,” cô nói. “Tôi là Isobel.”

“Hân hạnh được gặp chị, Isobel.”

“Cũng hân hạnh được gặp cậu, Bailey ạ,” Isobel nói. “Và có lẽ khi ra khỏi đây cậu sẽ muốn đi xuôi con đường ở bên phải cậu,” cô nói thêm. Bailey gật đầu và quay đi, qua tấm rèm hạt cườm trở ra tiền sảnh giờ vẫn vắng lặng. Lũ hạt cườm dần đứng yên, tiếng lách cách dịu đi, và khi chúng im lặng, tất cả đều thật êm ái và tịch mịch, như thể không có căn phòng ở phía sau, không có người tiên đoán tương lai ngồi bên bàn.

Bailey cảm thấy thư thái lạ lùng. Dù trở về với thực tế hơn, nhưng đồng thời cậu đã cao hơn. Những lo lắng về tương lai không còn đè nặng lên cậu khi cậu ra khỏi căn lều, rẽ phải theo con đường mềm mại uốn mình giữa những căn lều sọc.

PHÁP SƯ Ở TRONG CÂY

BARCELONA, THÁNG MƯỜI MỘT 1894

Những căn phòng khuất sau vô vàn những căn lều của Le Cirque des Rêves là mảng tương phản rõ nét với màu đen và trắng của rạp xiếc. Sống động với màu sắc. Ấm áp với những cây đèn màu hổ phách tỏa sáng.

Không gian của cặp song sinh nhà Murray đặc biệt sinh động. Một kính vạn hoa của màu sắc, chói lọi với sắc đỏ son, màu đỏ san hô và sắc vàng của lông chim hoàng yến, đến mức toàn bộ căn phòng thường trông như đang bốc cháy, điểm vào đó là những con mèo con lông mượt bông xốp đen như bồ hóng và sáng như những tia lửa.

Cũng đôi lần có lời đề xuất rằng cặp song sinh nên được gửi tới trường nội trú để được học hành tử tế, nhưng cha mẹ chúng khẳng khái rằng so với việc bị bó buộc trong những lớp học và sách vở thì chúng học được từ cuộc sống nhiều hơn khi ở với một cộng đồng đa dạng đến nhường ấy và đi du lịch vòng quanh thế giới.

Cặp song sinh hoàn toàn hài lòng với sự sắp xếp ấy, học những bài học bất bình thường về vô vàn những đề tài và đọc mọi cuốn sách mà chúng có thể chạm tay vào được, hàng chồng sách thường bị tống cả vào trong cái nôi bằng sắt uốn nghệ thuật mà chúng không chịu bỏ đi kể cả khi đã lớn quá khổ.

Chúng biết từng phen của rạp xiếc, chuyển từ rực rỡ sang đen-và-trắng dễ như trở bàn tay. Thoải mái như nhau ở cả hai nơi.

Đêm nay chúng ngồi trong căn lều kẻ sọc dưới tán một cái cây khá lớn, những cành cây màu đen và thưa thớt lá.

Vào giờ muộn hẳn này chẳng còn vị khách nào lưu lại căn lều này, và sẽ không có bất kì khán giả nào khác tìm tới nó trong những giờ phút còn lại trước rạng đông. Cặp song sinh nhà Murray tựa vào thân cây khổng lồ, nhắm nháp những cốc rượu táo được hâm nóng đang bốc hơi.

Chúng đã hoàn thành phần trình diễn của mình cho buổi tối nay, và những giờ còn lại trước rạng đông là của riêng chúng, được sử dụng theo ý chúng muốn.

“Đêm nay em có muốn đọc không?” Widget hỏi em gái. “Bọn mình có thể đi dạo, trời không lạnh lắm.” Cậu lôi chiếc đồng hồ bỏ túi từ áo khoác ra để xem giờ. “Cũng chưa muộn lắm,” cậu nói thêm, mặc dầu định nghĩa muộn của chúng theo nhiều người sẽ là khá sớm.

Poppet cắn môi suy nghĩ một lát trước khi trả lời.

“Không,” cô nói. “Lần trước tất cả đều đỏ lè và rối rắm. Em nghĩ có lẽ em nên đợi thêm trước khi thử lại lần nữa.”

“Đỏ lè và rối rắm?” Poppet gật đầu.

“Cả đồng thứ chồng lấp lên nhau,” cô giải thích. “Lửa và thứ gì đó màu đỏ, nhưng không phải cùng một lúc. Một người đàn ông không có bóng. Cảm giác như mọi thứ đang tách rời ra, hoặc bị rối lại, giống như lũ mèo con thắt len thành nút và anh không thể tìm được điểm khởi đầu hay kết thúc nữa ấy.”

“Em đã nói cho Celia chưa?” Widget hỏi.

“Vẫn chưa,” Poppet nói. “Em không thích nói với chị ấy những thứ chẳng có nghĩa gì. Hầu hết mọi lần các thứ rút cục đều có nghĩa.”

“Đúng là thế,” Widget nói.

“À, còn có chuyện khác nữa,” Poppet nói. “Bọn mình sẽ có bạn đồng hành. Chuyện này cũng ở đâu đó trong cái đồng ấy. Em không biết là nó xảy ra trước hay sau các chuyện khác, hay là đâu đó ở giữa.”

“Em có nhìn thấy là ai không?” Widget hỏi.

“Không,” Poppet khô khan đáp.

Widget không lấy làm ngạc nhiên.

“Thế cái thứ đỏ lè đó là gì?” cậu hỏi. “Em có đoán được không?”

Poppet nhắm mắt và nhớ lại.

“Trông giống như là sơn,” cô nói.

Widget quay sang nhìn cô.

“Sơn ấy hả?” cậu hỏi.

“Giống như sơn bị đổ ra, trên mặt đất,” Poppet trả lời. Cô nhắm mắt lại lần nữa, nhưng mở ra rất nhanh. “Màu đỏ thẫm. Nó lộn xộn lắm và em thực sự không thích cái màu đỏ đó, nhìn thấy nó là em đau đầu. Phần bạn đồng hành thì thích hơn.”

“Có bạn thì phải thích rồi,” Widget nói. “Em có biết khi nào không?”

Poppet lắc đầu.

“Vài phần sẽ chóng thôi. Phần còn lại thì thấy xa lắm.”

Chúng ngồi im lặng nhấm nháp rượu táo, dựa lưng vào thân cây.

“Anh kể chuyện cho em nghe đi,” sau một lát Poppet nói.

“Chuyện gì?” Widget hỏi. Cậu luôn hỏi, cho cô cơ hội được yêu cầu, kể cả khi cậu đã có sẵn một câu chuyện trong đầu. Chỉ có những khán giả đặc biệt hoặc được ưu tiên mới được biết dài như vậy.

“Chuyện về một cái cây đi,” Poppet nói, ngược mắt nhìn qua những cành cây màu đen vặn xoắn phía trên chúng.

Widget ngừng lại trước khi bắt đầu, để căn lều và cái cây chìm vào phần đề dẫn yên lặng trong khi Poppet kiên nhẫn chờ đợi.

“Những bí mật đều có sức mạnh,” Widget bắt đầu. “Và sức mạnh đó biến mất khi chúng bị chia sẻ, vì thế chúng được gìn giữ cẩn mật nhất và trong tình trạng thật an toàn. Chia sẻ những bí mật, bí mật thực sự, bí mật quan

trọng, dù chỉ với một người thôi, sẽ thay đổi những bí mật ấy. Viết chúng ra còn tệ hơn, bởi nào ai biết được bao nhiêu con mắt có thể nhìn thấy bí mật bị phơi bày trên giấy, bất kể mình có cẩn thận đến thế nào. Vì thế tốt nhất là khi có bí mật thì hãy giữ gìn cẩn thận, vì chính chúng cũng như vì mình.

“Đó phần nào là lý do vì sao bây giờ phép thuật lại ít đi trên thế gian này. Suy cho cùng, phép thuật là bí mật và bí mật là phép thuật, và năm nối năm việc truyền dạy và chia sẻ phép thuật và những điều còn tệ hơn thế cứ diễn ra như vậy. Viết nó thành những cuốn sách kì ảo bị phủ đầy bụi thời gian đã làm vợi đi, lấy đi mất sức mạnh của nó từng chút một. Có lẽ đó là điều chắc chắn xảy ra nhưng không phải là không thể tránh được. Mọi người, ai cũng phạm sai lầm.

“Vị pháp sư vĩ đại nhất trong lịch sử đã phạm một sai lầm là chia sẻ những bí mật của ông ấy. Và những bí mật của ông vừa nhiệm màu vừa trọng đại, vì thế đó là một sai lầm khá nghiêm trọng.

“Ông đã kể những bí mật của mình cho một cô gái.

Cô ấy trẻ trung, thông minh và xinh đẹp...”

Poppet khịt mũi vào trong cái cổc của mình. Widget dừng lại.

“Em xin lỗi,” cô nói. “Anh kể tiếp đi mà, Widge.”

“Cô ấy trẻ trung, thông minh và xinh đẹp,” Widget tiếp tục. “Bởi vì nếu cô gái ấy mà không xinh đẹp và thông minh thì sẽ dễ cự tuyệt cô ấy hơn, và rồi sẽ chẳng có câu chuyện nào cả.

“Vị pháp sư đã già, bản thân ông cũng khá thông thái, dĩ nhiên, và ông đã trải qua một quãng thời gian rất, rất dài không hề kể những bí mật của mình cho bất kì ai. Có lẽ trong suốt những năm tháng ấy ông đã quên mất tầm quan trọng phải giữ gìn chúng, hoặc có thể ông đã bị xao nhãng bởi sự trẻ trung hoặc sắc đẹp hoặc sự thông minh của cô gái. Có thể chỉ vì ông đã mệt, hoặc chỉ vì ông đã uống quá nhiều rượu và không nhận ra mình đang làm gì. Dù thế nào đi chăng nữa, ông đã kể ra bí mật sâu thẳm nhất của mình cho cô gái, những chìa khóa bí mật hóa giải phép thuật của ông.

“Và khi những bí mật ấy được truyền từ vị pháp sư kia sang cô gái, chúng đã mất đi phần nào sức mạnh, giống như lũ mèo bị rụng mất chút lông khi em vuốt ve chúng thăm thiết quá. Nhưng bí mật vẫn có uy lực, hiệu nghiệm và nhiệm màu, và cô gái đã sử dụng chúng để chống lại vị pháp sư già. Cô đã lừa ông để chiếm lấy những bí mật của ông và biến chúng thành của mình. Cô đã không thực sự coi trọng việc phải giữ gìn bí mật; có thể cô đã viết chúng ra ở đâu đó nữa.

“Bản thân vị pháp sư đã bị cô gái nhốt vào trong một cây sồi già khổng lồ. Một cái cây giống như cái cây này. Và pháp thuật mà cô dùng để làm vậy rất mạnh, bởi nó chính là pháp thuật của pháp sư đó, lâu đời và quyền năng, và ông đã không thể phá giải.

“Cô bỏ lại ông ở đó, pháp sư đã không được giải thoát vì không một ai khác biết rằng ông đang ở trong cái cây. Mặc dầu vậy, ông không chết. Nếu được, có lẽ cô gái đã giết chết ông, sau khi moi được những bí mật từ ông, nhưng cô đã không thể giết pháp sư bằng chính pháp thuật của ông. Mà dám chùng cô đã không hề muốn giết ông. Cô quan tâm tới pháp thuật hơn là tới ông, nhưng có lẽ cô cũng có quan tâm tới ông một chút, đủ để muốn ông được sống, theo một cách nào đó. Cô đã giam ông lại, và đối với cô như thế là đạt được mục đích rồi.

“Mặc dầu vậy thực sự cô cũng không thành công như cô muốn nghĩ. Cô đã bất cẩn trong việc giữ bí mật pháp thuật mới của mình. Cô lấy nó ra khoe, và nhìn chung là không giữ gìn cẩn thận. Quyền năng của nó phai nhạt đi và cô cũng thế.

“Vị pháp sư, mặt khác, đã trở thành một phần của cái cây. Và khi cái cây căng mình lớn lên, cành lá của nó vươn lên tận trời và rễ cắm sâu xuống đất. Ông là một phần của những chiếc lá, vỏ cây và nhựa cây, là một phần của những quả sồi được lũ sóc mang đi, để lại trở thành những cây sồi mới ở những nơi khác. Và khi những cây đó lớn lên, ông cũng ở trong những cành nhánh, những chiếc lá và những bộ rễ ấy.

“Vậy là vì mất đi những bí mật của mình, vị pháp sư đã đạt được sự bất tử. Cái cây của ông đã sống rất lâu sau khi cô gái trẻ thông minh kia già đi và không còn xinh đẹp nữa, và theo một cách nào đó, ông đã trở nên vĩ đại hơn và mạnh mẽ hơn ông đã từng trước đó. Nhưng nếu được trao một cơ hội khác để làm lại tất cả từ đầu thì ông sẽ cân trọng hơn với những bí mật của mình.” Khi Widget kết thúc, cả căn lều lại chìm vào im lặng, nhưng có cảm giác như cái cây sung sức hơn trước khi cậu bắt đầu.

“Cảm ơn anh,” Poppet nói. “Đúng là một câu chuyện hay. Dù hơi buồn, nhưng mà lại không buồn.”

“Có gì đâu,” Widget nói. Cậu nhấp một ngụm rượu táo, giờ chỉ còn âm ấm chứ không nóng nữa. Cậu cầm cốc đưa lên ngang tầm mắt, nhìn vào nó cho đến khi một làn khói mỏng bay lên từ bề mặt.

“Làm cho em nữa đi,” Poppet nói, chìa cốc của mình ra. “Em chưa bao giờ làm được đúng cả.”

“À, thì anh cũng đâu có bao giờ làm các thứ bay được đâu, vì thế tụi mình huề,” Widget nói, nhưng cậu vẫn cầm cốc của em gái mà không phân nản rời tập trung cho đến khi nó cũng bốc hơi và nóng trở lại.

Cậu định đưa lại cho cô thì cái cốc đã bỗng bành từ tay cậu sang tay cô, mặt rượu táo sóng sánh trong chuyển động đó nhưng di chuyển trơn tru như thể chiếc cốc đang trượt trên mặt bàn.

“Lại phô diễn rồi,” Widget nói.

Cả hai nhấm nhấp chỗ rượu táo vừa mới được hâm nóng, ngược lên nhìn những cành cây màu đen vặn xoắn vươn về phía đỉnh lều.

“Widget này?” Poppet hỏi sau một lúc im lặng dài.

“Ừ?”

“Như vậy có phải là bị nhốt ở một nơi nào đó cũng không tệ đến thế đúng không? Còn phụ thuộc xem nơi mình bị nhốt là ở đâu nhỉ?”

“Anh nghĩ tùy vào em thích nơi mình bị nhốt đến mức nào,” Widget nói.

“Và anh thích người bị nhốt cùng anh đến mức nào nữa,” Poppet nói, đá chiếc ủng trắng của mình vào chiếc ủng màu đen của cậu.

Anh trai cô bật cười và âm thanh ấy vang vọng khắp căn lều, lan tỏa khắp những cành cây phủ đầy những ngọn nến. Mỗi ngọn nến rung rinh và trắng sáng.

NHỮNG CHỖN TẠM THỜI

LONDON, THÁNG TƯ 1895

Chỉ sau khi trở lại London, Tara Burgess mới nhận ra địa chỉ trên tấm danh thiếp mà ông Barris đưa cho cô không phải tư gia mà là khách sạn Midland Grand.

Cô để tấm danh thiếp trên bàn trong phòng khách sạn, liếc nhìn nó bất cứ khi nào cô ở trong phòng. Quên bẵng một khoảng thời gian cho tới khi lại nhớ ra nó.

Lainie cố gắng thuyết phục Tara cùng mình đi nghỉ dài ngày ở Ý, nhưng Tara từ chối. Cô không nói gì mấy với Lainie về chuyến đi tới Vienna mà chỉ nói là Ethan mời cô tới.

Lainie đề xuất rằng họ có thể chuyển nhà, và có lẽ họ nên thảo luận thêm sau khi cô trở về.

Tara chỉ gật đầu, trù mẫm ôm lấy Lainie trước khi Lainie khởi hành.

Một mình trong ngôi nhà của hai chị em, Tara bước đi lơ đãng. Cô bỏ mặc những cuốn tiểu thuyết đọc dở trên ghế và bàn.

Những lời mời của Mme. Padva tới uống trà hoặc cùng đi xem ba-lê cũng được từ chối một cách lịch sự.

Cô xoay tất cả gương trong nhà quay vào tường. Những tấm không thể nào xoay được thì cô phủ vải lên, khiến chúng như những hồn ma trong những căn phòng trống trải.

Cô không ngủ được.

Một buổi chiều, khi tấm danh thiếp đã kiên nhẫn nằm phủ đầy bụi hàng tháng trời, Tara nhấc nó lên bỏ vào túi, rồi ra khỏi nhà, đi tới ga tàu trước khi cô có thể cân nhắc xem ý định đó hay hay dở.

Tara chưa bao giờ đến khách sạn có chiếc đồng hồ ở trên đỉnh gắn liền với nhà ga St. Pancras^[25] ấy, nhưng ngay lập tức cô cảm thấy đây là một chốn tạm thời. Bất chấp qui mô và sự vững chãi của tòa nhà, có cảm giác như nó vô thường, một nơi chảy tới không ngừng những vị khách trọ, những kẻ lữ hành trên đường đến và đi tới các nơi khác. Chỉ nán lại phút chốc trước khi tiếp tục tới những điểm đến khác.

Tara hỏi quầy lễ tân nhưng họ nói rằng khách sạn không có vị khách nào tên thế cả. Cô nhắc lại cái tên vài lần sau khi nhân viên lễ tân cứ nghe nhầm mãi. Cô thử hơn một lần, vì những chữ trên tấm danh thiếp ông Barris đưa đã bị nhòe, và cô không thể nhớ được cách phát âm đúng. Càng đứng đó, cô càng cảm thấy không chắc chắn rằng mình đã từng nghe cái tên bị nhòe trên tấm danh thiếp đó.

Nhân viên lịch sự hỏi liệu cô có muốn để lại lời nhắn không, có thể quý ông được hỏi chưa tới nhận phòng, nhưng Tara từ chối, cảm ơn nhân viên đó và cho tấm danh thiếp lại vào túi.

Cô lang thang trong sảnh khách sạn, tự hỏi liệu có phải địa chỉ bị sai, nhưng ông Barris vốn có bao giờ cung cấp thông tin không chính xác đâu.

“Chào cô Burgess,” một giọng nói cạnh cô vang lên. Cô đã không nhận ra ông tiến đến, nhưng người đàn ông mà cô vẫn không tài nào nhớ nổi cách gọi tên đang đứng ngay cạnh cô, trong bộ vét màu xám không lẫn với ai.

“Chào ông,” cô đáp.

“Có phải cô đang tìm tôi không?” ông hỏi.

“Quả đúng thế,” Tara nói. Cô bắt đầu giải thích rằng ông Barris đã gửi thư cho cô. Cô cho tay vào túi, nhưng lại không thấy tấm danh thiếp nào trong đó. Cô dừng lại, bối rối.

“Có chuyện gì sao?” người đàn ông mặc đồ xám hỏi.

“Không,” Tara nói, không chắc mình có mang theo tấm danh thiếp hay là nó vẫn đang nằm trên bàn trong phòng khách nhà cô. “Tôi muốn nói chuyện với ông về rạp xiếc.”

“Tốt thôi,” ông nói. Ông đợi cô bắt đầu, biểu cảm của ông thoáng vẻ hứng thú.

Tara cố hết sức giải thích mối lo ngại của mình. Rằng đang có nhiều chuyện xảy ra với rạp xiếc hơn hầu hết mọi người vẫn tưởng. Rằng có những yếu tố mà cô không tìm nổi cách giải thích hợp lý. Cô nhắc lại vài điều đã nói với ông Barris. Mối lo ngại khi không thể chắc chắn rằng liệu có bất cứ thứ gì là thật. Cảm giác bối rối khi nhìn vào gương và thấy vẫn gương mặt ấy, không hề thay đổi sau hàng năm trời.

Cô liên tục ấp úng, cảm thấy khó có thể diễn đạt chính xác những gì mình muốn nói. Biểu cảm hứng thú nhàn nhạt ấy không thay đổi.

“Cô muốn điều gì ở tôi vậy, cô Burgess?” ông hỏi khi cô ngừng lại.

“Tôi muốn một lời giải thích,” cô nói.

Ông nhìn cô một lúc vẫn với biểu cảm không hề thay đổi đó.

“Rạp xiếc đơn giản chỉ là một rạp xiếc,” ông nói. “Sự phô diễn ấn tượng, nhưng không gì hơn thế. Cô không đồng ý thế sao?”

Tara gật đầu trước khi kịp nghĩ ra câu trả lời.

“Chẳng phải cô còn phải đón tàu sao, cô Burgess?” ông hỏi.

“Vâng,” Tara trả lời. Cô đã quên băng chuyển tàu của mình. Cô bản khoản không biết bây giờ là mấy giờ, nhưng cô không thể tìm thấy cái đồng hồ nào để kiểm tra.

“Tôi cũng đang định ra ga bây giờ, nếu cô không ngại có người tháp tùng.”

Họ cùng nhau đi một đoạn ngắn từ khách sạn ra sân ga. Ông giữ cửa mở giúp cô. Ông buông mấy lời nhận xét nhạt nhẽo về thời tiết.

“Tôi nghĩ đối với cô, tốt hơn hết là tìm một thứ gì khác mà tiêu tốn thời gian,” ông nói khi họ bước tới những đoàn tàu. “Thứ gì đó khiến cô không còn nghĩ tới rạp xiếc nữa. Cô có đồng ý không?”

Tara lại gật đầu.

“Chúc cô một ngày tốt lành nhé, cô Burgess,” ông nói và chạm nhẹ vào mũ.

“Chúc ông một ngày tốt lành,” cô nhắc lại.

Ông để cô lại trên sân ga, và khi cô quay lại nhìn xem ông đi hướng nào, đã không còn thấy bóng áo vét xám ở đâu nữa trong đám đông.

Tara đứng gần mép sân ga, đợi chuyến tàu của mình. Cô không thể nào nhớ ra đã nói với ông A.H- chuyến tàu mà cô sẽ đi, nhưng ông đã đưa cô tới đúng ga tàu đó. Cô cảm thấy dường như có điều gì đó cô đã muốn hỏi, nhưng giờ không thể nhớ ra. Cô không thể nhớ được gì về cuộc nói chuyện, chỉ trừ ấn tượng rằng có điều gì đó khác mà cô nên dành thời gian cho nó, một nơi nào khác để đến, một vấn đề khác đáng được quan tâm hơn.

Cô đang băn khoăn xem điều đó có thể là gì thì một sắc xám ở phía bên kia sân ga vụt qua, lọt vào mắt cô.

Ông A.H- đứng trong một góc tối, thậm chí với khoảng cách và bóng tối ấy, Tara vẫn có thể chắc rằng ông đang tranh cãi với ai đó mà cô không thể nhìn thấy.

Những người khác đi ngang qua mà không thèm liếc về phía họ.

Khi ánh sáng từ vòm phía trên khung cửa sổ dịch chuyển, Tara có thể nhìn thấy người đang cãi nhau với ông A.H-.

Người đàn ông đó không cao lắm, chóp mũ của ông ta trông giống như chiếc mũ xám của ông A.H bị hạ xuống một bậc, giống đến mức lúc đầu Tara đã nghĩ rằng người đàn ông đó chỉ là một ảnh ảo phản chiếu và cảm

thấy thật lạ khi ông A.H- lại đi cãi nhau với chính hình phản chiếu của mình ngay giữa ga tàu.

Nhưng bộ vét kia rõ ràng là sẫm màu hơn. Mái tóc của hình phản chiếu kia dài hơn dù cũng cùng gam xám đỏ.

Qua làn hơi nước và đám đông, Tara có thể nhìn thấy rõ những điểm sáng màu của lớp ren trên cổ tay áo sơ-mi, đôi mắt tối màu bắt sáng nhất trên gương mặt người đàn ông kia. Những góc mặt đứng yên rồi lại biến mất vào bóng tối méo mó, chưa bao giờ ổn định được một lúc.

Ánh sáng lọt từ trên xuống lại chuyển động, và dáng hình ấy run rẩy như thể Tara đang nhìn qua làn hơi nhiệt, dù ông A.H- vẫn khá là sắc nét và rõ ràng.

Tara bước thêm một bước về phía trước, ánh mắt cô bị găm vào bóng ma trên sân ga đối diện.

Cô không nhìn thấy đoàn tàu.

CHUYỄN ĐỘNG ^[26]

MUNICH, THÁNG TƯ 1895

Herr Thiessen luôn luôn thấy dễ chịu khi rạp xiếc tới quê hương mình, nước Đức, lần này ông đặc biệt hạnh phúc vì nó tới gần Munich, vậy là ông không cần phải đặt phòng ở một thành phố khác.

Hơn nữa, cô Celia Bowen đã hứa tới thăm ông. Ông chưa bao giờ gặp cô, dù họ đã thư qua từ lại trong nhiều năm, và cô bày tỏ ý muốn được đến ngắm xưởng làm của ông nếu như ông không thấy phiền.

Friedrick đáp lại rằng dĩ nhiên ông không hề thấy phiền gì cả, và cô được hoan nghênh đến bất cứ lúc nào. Dù có biết bao thư tới, mỗi lá thư đều được cất cẩn thận trong văn phòng của ông, nhưng ông không chắc mình mong đợi điều gì khi cô đến.

Ông kinh ngạc khi thấy người phụ nữ ông vẫn biết là ảo thuật gia đang đứng ở thềm nhà.

Cô thật không thể lẫn đi đâu được, dù mặc chiếc váy màu hồng còn dính bụi đường chứ không phải trang phục đen-và-trắng mà ông vẫn quen nhìn. Màu da của cô trông ấm áp hơn, mái tóc quăn nhẹ, và chiếc mũ cô đội chẳng giống gì chiếc mũ chóp cao bằng lụa đặc biệt kia, nhưng ông vẫn sẽ nhận ra gương mặt cô dù ở bất cứ nơi đâu.

“Thật hân hạnh,” ông chào cô.

“Hầu hết mọi người đều không nhận ra tôi khi ở ngoài rạp xiếc,” Celia nói khi ông cầm tay cô.

“Thế thì hầu hết bọn họ là những kẻ ngốc,” ông nói, nâng tay cô và khẽ hôn lên mu bàn tay mang găng. “Dù ngay chính tôi cũng tự thấy mình ngốc

khi không biết cô là ai trong suốt thời gian qua.”

“Lẽ ra tôi nên nói với ông,” Celia nói. “Tôi thực xin lỗi.”

“Cô không phải xin lỗi đâu. Lẽ ra tôi phải đoán được qua cách viết về rạp xiếc, cô không thể chỉ đơn thuần là một kẻ mộng mơ. Cô biết từng góc ngách, rõ hơn hết thảy.”

“Tôi chỉ quen thuộc với nhiều góc ngách thôi. Không phải là tất cả đâu.”

“Hãng còn những điều bí ẩn trong rạp xiếc ngay cả với chính ảo thuật gia của nó ư? Thật là ấn tượng.”

Celia bật cười, và Friedrich đưa cô thăm quan xưởng của mình.

Khu xưởng được sắp xếp sao cho phía trước hầu hết là các bản vẽ thiết kế và phác thảo, trải dọc theo những bàn dài đầy những bộ phận khác nhau và mùn cưa, những ngăn kéo đầy ắp bánh răng và dụng cụ. Celia lắng nghe chăm chú khi ông miêu tả toàn bộ quy trình, cô hỏi tỉ mỉ những khía cạnh cả về kỹ thuật lẫn về sáng tạo.

Ông ngạc nhiên thấy cô nói trôi chảy tiếng Đức, dù cả hai chỉ viết thư cho nhau bằng tiếng Anh.

“Tôi nói các ngôn ngữ dễ hơn so với đọc hay viết chúng,” cô giải thích. “Có gì đó trong cảm nhận về các âm thanh. Tôi có thể bỏ công viết ra giấy nhưng chắc chắn kết quả không ra sao cả.”

Dù mái tóc đã điểm bạc, Friedrich trông trẻ hơn khi ông mỉm cười. Celia không thể rời mắt khỏi đôi bàn tay ông khi ông chỉ cho cô những cơ chế tinh vi của đồng hồ. Cô hình dung những ngón tay ấy đang viết từng lá thư cô đã nhận và đọc biết bao lần tới mức thuộc lòng, và thấy thật lạ khi cô cảm thấy ngưỡng ngùng với một người mà cô đã biết rất rõ.

Ông cũng nhìn cô chăm chú như thế khi họ bước tới những giá để đồng hồ ở những giai đoạn lắp ráp khác nhau. “Tôi có thể hỏi cô một điều được không?” ông nói khi cô nhìn bộ sưu tập những bức tượng chi tiết đang kiên

nhấn chờ đợi giữa những khối gỗ lượn cong sẽ được ráp lại thành những chiếc đồng hồ hoàn chỉnh.

“Dĩ nhiên rồi,” Celia nói, dù cô sợ rằng ông sẽ hỏi làm thế nào mà cô thực hiện được những phép màu của mình, và cô sẽ buộc lòng phải nói dối ông.

“Cô đã đến ở cùng thành phố với tôi biết bao dịp, vậy mà đây mới là lần đầu tiên cô đề nghị gặp mặt. Vì sao thế?”

Celia nhìn lại những bức tượng trên bàn một lần nữa trước khi đáp. Friedrich vươn người dựng lại một vũ công ba-lê bị đổ, xoay xoay chỉnh cho vũ công đứng thẳng bằng trên đôi giày múa.

“Trước đó, tôi đã không muốn ông biết tôi là ai,” Celia nói. “Tôi đã cho rằng ông có thể nghĩ về tôi khác đi. Nhưng sau một thời gian dài tôi cảm thấy mình đang không thành thực. Tôi đã muốn nói với ông sự thật vài lần rồi, và tôi không thể bỏ lỡ cơ hội được ngắm xương của ông. Tôi hi vọng ông có thể tha thứ cho tôi.”

“Cô đâu có lỗi gì để tha thứ đâu,” Friedrich nói. “Người phụ nữ mà tôi nghĩ là tôi biết khá rõ và người phụ nữ mà tôi đã luôn coi là điều bí ẩn hóa ra lại là một người. Thật đáng ngạc nhiên, nhưng một ngạc nhiên thú vị thì chẳng hề gì. Tuy nhiên tôi có tò mò vì sao cô lại viết lá thư đầu tiên cho tôi.”

“Tôi thích những bài viết của ông về rạp xiếc,” Celia nói. “Đó là một quan điểm mà tôi không sao có được để nhìn nhận về rạp xiếc một cách đầy đủ, bởi vì tôi... hiểu nó theo một cách khác. Tôi thích được nhìn rạp xiếc qua đôi mắt của ông.” Khi cô ngược lên nhìn ông, đôi mắt màu lam dịu dàng của ông sáng lên trong nắng chiều đang tỏa sáng qua những ô cửa sổ, soi rọi những bụi mùn cửa trong không khí.

“Cảm ơn cô, cô Bowen,” Friedrich nói.

“Celia ạ,” cô chữa lại.

Ông trầm tư gật đầu trước khi tiếp tục chuyển tham quan.

Những bức tường phía sau treo kín những chiếc đồng hồ đã hoàn thiện hoặc gần hoàn thiện. Những chiếc chỉ còn chờ lớp đánh bóng cuối cùng hoặc những tiểu tiết. Những chiếc gần sát cửa sổ đã chạy. Mỗi cái chuyển động theo cách riêng, nhưng đều hòa chung một tiết tấu, một bản hòa ca của những tiếng tích tắc được vận hành cẩn thận.

Chiếc đồng hồ thu hút sự chú ý của Celia nằm trên bàn chứ không phải treo tường hay để ở giá.

Đó là một tạo vật xinh đẹp, giống tác phẩm điêu khắc hơn là đồng hồ. Trong khi nhiều đồng hồ làm bằng gỗ, chiếc này được chế tác chủ yếu từ kim loại, không khí đã ăn mòn bề mặt nên màu ngả sẫm. Một lồng tròn đặt trên bệ gỗ khắc những lưỡi lửa trắng xoáy tít. Bên trong, những vòng kim loại chồng lên nhau, có đánh số, các biểu tượng lơ lửng từ trên đỉnh thả xuống, treo mình giữa những bánh răng nhìn thấy được, và một chùm sao rơi xuống từ phần nắp được chạm lộng.

Nhưng chiếc đồng hồ đứng im, không chuyển động. “Cái này khiến tôi nghĩ tới vạc lửa,” Celia nói. “Nó chưa xong ư?”

“Không, nó đã hoàn thiện rồi, nhưng bị hỏng,” Friedrich đáp lại. “Nó là một thử nghiệm, và các cấu phần khó giữ thẳng bằng một cách chuẩn xác.” Ông xoay nó lại để cô có thể nhìn thấy những chi tiết mở rộng khắp chiếc lồng, vươn ra đủ mọi hướng. “Những chuyển động cơ học rất phức tạp, vì còn qui chiếu theo những chuyển động thiên văn học nữa. Tôi sẽ gỡ để và tháo toàn bộ ra để đặt nó chạy lại. Tôi vẫn chưa biết là cần bao nhiêu thời gian nữa.”

“Cho phép tôi được không?” Celia hỏi, vươn tay ra để chạm vào nó. Khi ông gật đầu, cô tháo một chiếc găng tay ra và đặt bàn tay lên những thanh kim loại của chiếc lồng.

Cô chỉ trầm ngâm nhìn, không hề dịch chuyển nó. Với Friedrich, có vẻ như cô đang nhìn xuyên qua chiếc đồng hồ hơn là chỉ đơn giản nhìn nó.

Bên trong, cơ chế bắt đầu chạy, các vấu và bánh răng lướt cùng nhau khi các vòng quay có đánh số xoay tròn về vị trí. Các kim lướt đi để chỉ đúng giờ, những vòng quỹ đạo hành tinh đồng tâm đã về đúng trật tự.

Mọi thứ bên trong lồng chậm rãi quay, những ngôi sao bạc lấp lánh khi chúng bắt sáng.

Ngay khi tiếng tích tắc chậm rãi nhưng đều đặn khẽ vang lên, Celia bỏ tay ra.

Friedrick không hỏi làm thế nào cô có thể làm được. Thay vào đó, ông mời cô dùng bữa tối. Họ nói về rạp xiếc, nhưng dành phần lớn thời gian bữa ăn để thảo luận về sách vở và nghệ thuật, rượu và những thành phố yêu thích. Những khoảng lặng trong cuộc đối thoại không hề ngưng ngập, dù họ cố gắng tìm kiếm nhịp điệu chung khi nói về những điều vốn đã viết trong các bức thư trao đổi, thường đổi từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác.

“Tại sao ông không hỏi tôi làm thế nào thực hiện được các thủ thuật?” Celia hỏi, khi họ đã đạt tới ngưỡng mà cô chắc chắn rằng ông không chỉ đơn giản là giữ ý về chuyện đó.

Friedrick cân nhắc câu hỏi kĩ lưỡng trước khi đáp lại. “Bởi vì tôi không mong muốn biết,” ông nói. “Tôi muốn mình vẫn còn mù mờ, để có thể trân trọng bóng tối hơn.”

Lời nói ấy khiến Celia hạnh phúc, cô không thể đáp lại một cách tương xứng bằng bất kì ngôn ngữ chung nào giữa hai người, chỉ mỉm cười với ông qua ly rượu.

“Hơn nữa,” Friedrick nói tiếp, “chắc cô được hỏi về những thứ như thế suốt rồi. Tôi thấy mình hứng thú muốn biết về người phụ nữ kia hơn là về ảo thuật gia. Tôi hi vọng điều đó có thể chấp nhận được.”

“Hoàn hảo,” Celia nói.

Họ cùng nhau đi tới rạp xiếc sau đó, băng qua những tòa nhà mái đỏ bừng sáng trong ánh nắng nhạt dần, và chỉ tạm biệt khi tới sân.

Friedrick vẫn chưa hiểu tại sao không ai có vẻ như nhận ra cô khi cô đi lẫn trong đám đông.

Khi ông xem buổi biểu diễn, cô chỉ đón ánh mắt ông đúng một lần với nụ cười ý nhị, mà không có thêm bất cứ dấu hiệu nào cho thấy sự nhận ra.

Sau đó, rất lâu sau nửa đêm, Celia xuất hiện khi ông đang rảo bước, cô mặc áo khoác màu kem và quàng khăn xanh thẫm.

“Khăn của cô nên là màu đỏ chứ,” Friedrick nhận xét.

“Tôi đâu phải là một *kẻ mộng mơ* chân chính,” Celia nói. “Như thế sẽ không đúng lắm.” Nhưng khi cô nói, khăn của cô chuyển sang màu đỏ tía trầm ấm của rượu.

“Như thế này ổn hơn không?”

“Hoàn hảo,” Friedrick nói, dù ánh nhìn của ông vẫn lưu lại ở đôi mắt cô.

Cô khoác cánh tay ông chìa ra và họ cùng bước đi dọc theo những con đường xoắn cuộn vào nhau, qua đám đông những vị khách đang thưa thớt dần.

Họ lặp lại nhịp điệu này vào những buổi tối tiếp theo, dù rạp xiếc không lưu lại Munich lâu, ngay sau khi tin tức từ London tới.

YÊU THƯƠNG TƯỞNG NHỚ TARA BURGESS

GLASGOW, THÁNG TƯ 1895

Đám tang diễn ra khá yên lặng, dù người đến chia buồn khá đông. Không có tiếng thốn thức hay những chiếc khăn tay nấc lên. Chỉ lác đác màu sắc trong cả biển màu đen truyền thống. Thậm chí ngay cả cơn mưa lất phất cũng không thể trút xuống mạnh hơn vào hiện thực mất mát tuyệt vọng này. Nó ngừng lại trong không gian của trầm tư thâm lương.

Có lẽ đám tang như thế vì không hề giống như Tara Burgess đã hoàn toàn ra đi, khi người chị em ruột thịt của cô vẫn ngồi đó, còn sống và khỏe mạnh. Một nửa của cặp đôi vẫn còn thở và sống động.

Và cùng lúc một điều gì đó cực kì không ổn đối với tất cả những ai đưa mắt nhìn người còn sống kia. Điều gì đó họ không thể chạm vào. Điều gì đó mất cân bằng. Thi thoảng lại có giọt nước mắt lăn trên má Lainie Burgess nhưng cô mỉm cười chào tất cả những người đến chia buồn và cảm ơn họ đã đến. Cô nói đùa rằng

Tara có lẽ sẽ châm biếm nếu như cô ấy không phải đang nằm trong cỗ quan tài bằng gỗ bóng loáng kia. Không có thành viên nào khác trong gia đình có mặt, mặc dù một vài người quen nhưng kém thân thiết cho rằng người phụ nữ tóc bạc và người đàn ông đeo kính hiểm khi rời khỏi Lainie là mẹ và chồng của cô. Dù không phải nhưng cả Mme. Padva và Barris đều không buồn quan tâm tới sự nhảm lẫn ấy.

Có vô số hoa hồng. Hồng đỏ, hồng trắng, hồng phớt. Thậm chí còn có một bông hồng đen đơn nhất giữa những đóa hoa, dù không ai biết nguồn

gốc của nó. Chandresh chỉ mang hồng trắng tới, giữ lại một bông gài lên ve áo mà ông cứ lơ đãng nghịch trong suốt buổi lễ. Khi Lainie nói về người chị em của mình, những lời của cô đi cùng những thở dài, những tiếng cười lớn và cả những nụ cười buồn bã.

“Tôi không khóc thương sự ra đi của cô ấy vì cô ấy sẽ luôn luôn bên tôi, trong trái tim tôi,” cô nói. “Tuy nhiên, tôi khá là khó chịu khi Tara của tôi đã bỏ lại tôi một mình với quý vị. Không có cô ấy, tôi không còn nhìn được rõ ràng. Không có cô ấy, tôi không còn nghe được rõ ràng. Không có cô ấy, tôi không còn thấy ổn nữa. Tôi thà mất một cánh tay hay một bên chân còn hơn không có cô ấy ở bên. Và như thế thì chí ít cô ấy cũng sẽ ở đây, chí ít cô ấy cũng sẽ cười giấu vẻ ngoài của tôi và đổi lại, cô ấy sẽ là người xinh đẹp. Chúng ta đã mất đi Tara của chúng ta, còn tôi thì đã mất đi một phần con người mình.”

Trong nghĩa trang, có một nghệ sĩ trình diễn mà ngay cả vài người đến chia buồn không phải từ Le Cirque des Rêves cũng nhận ra, dù người phụ nữ từ đầu đến chân trắng như tuyết một màu kia đã thêm đôi cánh lông vũ vào trang phục của mình. Đôi cánh rủ xuống phía sau lưng cô, khẽ lay động trong gió trong khi cô vẫn đứng yên như tượng. Nhiều người tham dự có vẻ ngạc nhiên vì sự hiện diện của cô nhưng họ tự hiểu khi nhìn Lainie, thấy cô nhẹ nhõm trước cảnh một thiên thần sống đang đứng bên ngôi mộ của người chị em cô.

Suy cho cùng, chính chị em nhà Burgess là những người đã bắt đầu truyền thống về những pho tượng trong rạp xiếc. Những nghệ sĩ bất động trong trang phục cầu kỳ và làn da được sơn màu, đứng trên bục dựng tại những không gian tranh tối tranh sáng giữa các căn lều. Nếu ngắm hàng giờ thì sẽ thấy họ thi thoảng thay đổi toàn bộ tư thế, nhưng những cử động vô cùng chậm rãi, tới mức những người xem cứ khẳng khẳng rằng họ là những cỗ máy tự động được lắp đặt vô cùng thông minh chứ không phải là người thật.

Rạp xiếc có một vài nghệ sĩ trình diễn như vậy. Nữ Hoàng Của Màn Đêm lấp lánh sao. Cướp Biển Đen xì xẹt như than. Người giờ đang trông coi Tara

Burgess vẫn thường được biết tới với cái tên Nữ Chúa Tuyết.

Có tiếng thốn thức khẽ nhất khi quan tài được hạ xuống lòng đất, nhưng thật khó biết được nó phát ra từ đâu, hoặc giả nó chỉ là tổng hòa âm thanh của những thở dài lưu luyến cùng tiếng gió và bước chân loạt soạt. Cơn mưa nặng hạt dần và ô bung ra như nấm giữa những ngôi mộ. Nền đất ẩm nhanh chóng trở nên lầy lội và phần còn lại của lễ tang được đẩy nhanh thuận theo thời tiết.

Buổi lễ cứ thế tàn dần hơn là được kết thúc một cách qui chuẩn, những người đến chia buồn chuyển từ hàng ngay ngắn thành những đám đông lơ nhô từ lúc nào không hay. Nhiều người nán lại chia buồn thêm với Lainie, dù những người khác đã bước đi tìm chỗ trú mưa trước khi phần đất cuối cùng được san bằng.

Isobel và Tsukiko đứng cạnh nhau cách ngôi mộ của Tara một quãng, cùng đứng dưới một cái ô đen lớn mà Isobel cầm bằng một bên tay mang găng đen, giơ lên quá đầu họ. Tsukiko khẳng khẳng rằng mình không ngại mưa, nhưng dù thế Isobel vẫn che cho cô, cảm ơn vì cô đã đứng cùng.

“Cô ấy đã chết như thế nào?” Tsukiko hỏi. Đó là câu hỏi mà những người khác đã đặt ra trong những tiếng xì xào loạn xạ suốt buổi chiều và nhận được vô khối các câu trả lời, nhưng hiếm có câu nào thỏa mãn. Những người biết chi tiết thì lại không thẳng thắn.

“Người ta bảo tôi rằng đó là tai nạn,” Isobel khẽ nói. “Cô ấy bị một đoàn tàu đâm phải.”

Tsukiko gật đầu trầm tư, rút tẩu thuốc lá bằng bạc và bật lửa cùng bộ từ trong túi áo khoác ra.

“Cô ấy đã thực sự chết như thế nào?” cô hỏi.

“Ý chị là gì?” Isobel hỏi, nhìn quanh xem có bất kì ai đủ gần để nghe lỏm được cuộc nói chuyện của họ không, nhưng hầu hết những người đến chia buồn đã biến mất trong cơn mưa. Chỉ còn một ít ở lại, trong đó có Celia

Bowen và Poppet Murray đang bám lấy váy cô, cái nhúu mày trên gương mặt cô bé trông giống cơn tức giận nhiều hơn là buồn bã.

Lainie và ông Barris đứng bên mộ Tara, thiên thần tiến lại gần, vừa đủ để đặt bàn tay lên trên đầu họ.

“Cô đã nhìn thấy những thứ thử thách niềm tin đúng không?” Tsukiko hỏi.

Isobel gật đầu.

“Cô có nghĩ là có lẽ những việc kia sẽ khó được chấp nhận hơn nếu như bản thân cô không phải là một phần trong đó không? Có lẽ tới mức khiến một người phát điên? Trí óc con người là một thứ nhạy cảm.”

“Tôi không nghĩ cô ấy đã cố ý bước tới trước con tàu,” Isobel nói, cố gắng ghìm giọng xuống thấp hết mức có thể.

“Có lẽ không,” Tsukiko nói. “Ít nhất tôi cho đó là một khả năng.” Cô châm thuốc, ngọn lửa dễ dàng bắt vào bất chấp không khí ẩm ướt.

“Có thể đó là một tai nạn,” Isobel nói.

“Gần đây cô có gặp tai nạn nào không? Bất kì một cái xương gãy, vết bồng hay thương tích gì đó không?” Tsukiko hỏi.

“Không,” Isobel nói.

“Cô có bị ốm không? Dù chỉ là cái hắt hơi nhỏ nhất?”

“Không.” Isobel lục lại trí nhớ về lần cuối cùng cô cảm thấy khó chịu và chỉ có thể nhớ ra một lần nhức đầu cảm lạnh từ mười năm trước, mùa đông trước khi cô gặp Marco.

“Tôi không tin là bất kì ai trong chúng ta bị ốm kể từ khi rạp xiếc bắt đầu,” Tsukiko nói. “Và đến giờ cũng không một ai bị chết. Cũng không có đứa trẻ nào được sinh ra kể từ sau cặp song sinh nhà Murray. Mặc dù không phải là do không thử, cô cứ nhìn cách mấy tên nhào lộn làm mà xem.”

“Tôi...” Isobel lên tiếng nhưng không thể nói tiếp. Quá là quá sức để cô có thể hiểu thấu, và cô không chắc là mình muốn hiểu được điều đó.

“Chúng ta là cá nằm trong chậu, cô gái ạ,” Tsukiko nói với cô, chiếc tẩu đong đưa trên môi. “Những con cá được kiểm soát vô cùng cẩn thận. Được quan sát từ mọi góc độ. Nếu một ai trong chúng ta ngứa bụng lên thì đó không phải là tai nạn. Nếu là tai nạn thật thì tôi lo rằng những người giám hộ đã không cẩn thận như họ nên thế.”

Isobel yên lặng. Cô ước gì Marco đã đi cùng Chandresh dù cô không chắc anh sẽ trả lời bất kì câu hỏi nào, nếu như anh có đồng ý nói chuyện với cô. Mỗi lần cô kín đáo giải bài về vấn đề đó đều thật phức tạp, nhưng luôn hiện hữu cảm xúc mãnh liệt về phía anh. Cô biết anh quan tâm tới rạp xiếc, cô chưa bao giờ có bất kì lý do gì để nghi ngờ điều đó.

“Cô đã bao giờ giải bài cho một người không thể hiểu được mình sẽ phải đương đầu với cái gì, dù với cô chuyện đó đã rõ ràng chỉ sau một cuộc đối thoại ngắn và những bức tranh trên giấy chưa?” Tsukiko hỏi.

“Rồi chứ,” Isobel nói. Cô đã gặp họ hàng trăm lần, những người đến xem bói không thể nhìn thấy những điều hiển hiện. Mùi quáng với những kẻ bội phản, tan nát trái tim và luôn cứng đầu, dù cho cô đã cố gắng giải thích mềm mỏng đến mức nào.

“Thật khó nhìn thấy một tình huống như nó vốn thế khi cô đang ở giữa chừng,” Tsukiko nói. “Nó quá thân thuộc. Quá thoải mái.”

Tsukiko dừng lại. Những vòng khói thuốc trượt giữa những hạt mưa khi chúng cuộn quanh đầu cô và lượn lên trong bầu không khí ẩm ướt.

“Có lẽ cô Burgess đã khuất kia đã đứng ở ranh giới đủ gần để có thể nhìn thấy sự khác biệt,” cô nói.

Isobel nhú mày, ngoái về phía ngôi mộ của Tara. Lainie và ông Barris đã quay đi và chậm rãi rời khỏi, cánh tay ông choàng lên vai cô.

“Chị đã bao giờ phải lòng ai chưa hả Kiko?” Isobel hỏi.

Vai Tsukiko cứng lại khi cô thở ra từ từ. Trong khoảnh khắc, Isobel nghĩ rằng câu hỏi của mình sẽ không được trả lời, nhưng rồi Tsukiko đáp lại.

“Tôi đã có những mối tình kéo dài hàng thập kỉ và chỉ trong vài giờ. Tôi đã yêu những nàng công chúa và cả những kẻ què mùa. Và tôi nghĩ rằng họ đã yêu tôi, mỗi người theo cách riêng của họ.”

Câu trả lời đậm chất Tsukiko, một câu trả lời không thực sự giải đáp câu hỏi. Isobel không hỏi thêm.

“Rồi sẽ tan vỡ,” Tsukiko nói sau hồi lâu. Isobel không cần hỏi cô có ý gì. “Những vết rạn đang bắt đầu lộ ra. Chẳng sớm thì muộn cũng sẽ tan vỡ.” Cô dừng lại rít nốt điếu thuốc. “Cô đang luyện bùa à?”

“Vâng,” Isobel nói. “Nhưng tôi không nghĩ là sẽ hiệu nghiệm.”

“Thật khó biết rõ tác dụng của những điều này, cô biết đấy. Suy cho cùng, thế giới quan của cô là từ bên trong. Bùa chú đơn giản nhất có thể là thứ bùa chú mạnh nhất.”

“Nó dường như không mấy hiệu quả.”

“Có lẽ nó đang kiểm soát sự hỗn loạn nội tại nhiều hơn là sự hỗn loạn ngoại tại.”

Isobel không đáp lại. Tsukiko nhún vai và không nói gì thêm.

Lát sau, họ xoay người rời đi cùng nhau mà không nói câu gì.

Thiên thần tuyết ở lại một mình, nhìn xuống ngôi mộ mới đắp của Tara Burgess, tay cầm bông hồng đen. Cô không cử động, thậm chí không cả một lần chớp mi. Gương mặt đánh phấn của cô im lìm trong đau đớn.

Cơn mưa nặng hạt dần bắt những sợi lông vũ khỏi đôi cánh cô, găm chúng xuống lớp bùn phía dưới.

MÊ HỒN TRẦN

Bạn đi dọc theo một hành lang giấy được tạo bởi những lá bài, từng hàng từng hàng chuẩn và bích chồng lên nhau. Những lồng đèn kiểu những lá bài cổ treo ở phía trên, đung đưa nhẹ nhàng khi bạn đi qua.

Cánh cửa cuối hành lang dẫn tới một cầu thang sắt xoắn ốc.

Cầu thang đó vừa đi lên lại vừa đi xuống. Bạn chọn hướng đi lên, và tìm thấy một cửa lật trên trần.

Căn phòng mà nó dẫn tới đây những lông vũ phát phơ theo chiều hướng xuống dưới. Khi bạn đi ngang qua, chúng rơi xuống tựa như tuyết lên cánh cửa trên sàn, phủ lấp nó khỏi tầm mắt.

Có tới sáu cánh cửa giống hệt nhau. Bạn ngẫu nhiên chọn lấy một cái, mang theo vài chiếc lông vũ.

Mùi thông tràn ngập khi bạn bước vào căn phòng tiếp theo để thấy mình đang ở giữa một khu rừng toàn thông là thông. Duy chỉ một điều, những cây này không xanh mà trắng rạn rỡ, tỏa sáng trên nền bóng tối bao quanh chúng.

Thật khó xác định phương hướng. Ngay khi bạn bắt đầu bước đi, những bức vách chìm vào bóng cây và cành lá.

Nghe như có tiếng cười của một phụ nữ vang lên gần đó, hoặc có thể chỉ là tiếng xao xác của cây khi bạn tiến về phía trước, tìm kiếm cánh cửa tiếp theo, căn phòng tiếp theo.

Bạn cảm thấy có hơi thở ấm áp trên cổ, nhưng khi quay lại thì chẳng có ai cả.

THUẬT NHÌN MÈO ĐOÁN MỆNH

CONCORD, MASSACHUSETTS, THÁNG MƯỜI 1902

Rời khỏi căn lều của người tiên đoán tương lai và rẽ phải, như cô ấy gợi ý, Bailey gần như ngay lập tức nhìn thấy một đám đông nhỏ đang đứng xem biểu diễn. Đầu tiên cậu không thể nhìn ra cái gì, không hề có sàn diễn được nâng cao. Dòm qua khoảng trống giữa những người xem, cậu nhìn thấy một chiếc vòng, lớn hơn chiếc nghệ sĩ uốn dẻo dùng, được giữ trong không trung. Khi tiến lại gần hơn, cậu thoáng thấy con mèo con màu đen nhảy qua vòng, đáp xuống ở chỗ khuất tầm mắt. Người phụ nữ trước mặt cậu đội chiếc mũ to dùng xoay người, và rồi cậu lại nhìn thấy một chàng trai tầm tuổi mình, hơi thấp hơn, mặc bộ đồ màu đen từ đủ loại vải, và đội mũ đen cùng bộ. Trên vai cậu ta có hai con mèo trắng như đá. Khi cậu ta nhấc bàn tay mang găng đen lên, lòng bàn tay mở ra, một trong mấy con mèo nhảy lên đó và bật khỏi lòng bàn tay cậu, bay qua chiếc vòng, trình diễn một màn lộn cù mèo khá ấn tượng ở đỉnh điểm của cú nhảy. Nhiều người trong nhóm nhỏ khán giả ấy bật cười, và có những người, trong đó có Bailey, vỗ tay tán thưởng. Người phụ nữ với chiếc mũ to bước hẳn sang bên, làm thoáng tầm nhìn của Bailey. Bàn tay đang vỗ bỗng cứng đờ khi cậu nhìn thấy cô gái vừa mới đỡ lấy con mèo trắng và giờ đang nâng nó lên vai cho ngồi cùng với con mèo đen.

Cô ấy lớn hơn rồi, như cậu đã nghĩ, và mái tóc đỏ được giấu trong chiếc mũ màu trắng. Nhưng trang phục vẫn như cô đã mặc trong lần cuối cậu nhìn thấy: chiếc váy may từ tất cả loại vải có thể hình dung được, mỗi mảnh mang những sắc độ trắng tuyết khác nhau, áo khoác trắng với hàng khuy, và đôi găng tay trắng sáng.

Cô quay đầu, Bailey bắt được ánh mắt của cô, và cô mỉm cười với cậu. Không phải theo cách người ta mỉm cười với một khán giả bất kì khi đang giữa màn biểu diễn xiếc cùng những con mèo con tài năng bất thường, mà là theo cách một người mỉm cười khi nhận ra ai đó đã lâu không gặp. Bailey nhận ra được sự khác biệt ấy, và việc cô nhớ ra cậu là ai khiến cậu thỏa mãn đến cực độ mà không thể giải thích nổi. Cậu cảm thấy hai tai mình đang nóng lên bất chấp cái lạnh của bầu không khí vào buổi đêm.

Cậu xem nốt màn biểu diễn vô cùng chăm chú, để ý tới cô gái có phần nhiều hơn so với lũ mèo con, dù chúng quá ấn tượng để bị phớt lờ, và đôi lúc chúng đã thu hút được sự chú ý của cậu. Khi màn biểu diễn kết thúc, cô gái và chàng trai (và lũ mèo) cúi chào, đám đông vỗ tay và huýt sáo.

Bailey đang băn khoăn xem mình nên nói gì, nếu như cậu nên nói gì đó, khi đám đông bắt đầu giải tán. Một người đàn ông đùn đẩy phía trước cậu, một người phụ nữ lại chặn đường bên cạnh, và Bailey hoàn toàn mất dấu cô gái. Cậu đẩy mình qua đám đông, và khi cậu thoát được ra ngoài, cô gái và chàng trai cùng lũ mèo đã chẳng còn thấy đâu nữa.

Đám đông quanh cậu nhanh chóng giảm xuống còn vài người tha thân đi lại dọc lối đi. Không còn hướng khác để đi, theo như cậu thấy. Chỉ còn những bức vách kẻ sọc cao của những căn lều, và cậu chậm rãi quay xung quanh, tìm kiếm một nơi nào đó có thể là nơi họ đã biến mất vào trong, một góc khuất hay một cánh cửa. Cậu đang giận mình vì đã đến thật gần chỉ để thất bại thì có một cái vỗ lên vai.

“Chào cậu, Bailey,” cô gái nói. Cô đang đứng ngay sau cậu. Cô đã bỏ mũ ra, mái tóc đỏ rơi xuống thành từng lọn sóng quanh vai, và cô đã thay áo khoác trắng bằng một chiếc áo dày màu đen và khăn len tím nổi bật. Chỉ có chân váy cầu kỳ và đôi ủng trắng là dấu hiệu nhận ra cô chính là cô gái đã biểu diễn ở ngay tại đây cách đó không lâu. Nếu không, cô trông giống như bất kì người khách nào trong rạp xiếc.

“Chào,” Bailey nói. “Tôi không biết tên đằng ấy.”

“Ồ, xin lỗi nhé,” cô nói. “Tớ quên mất là chúng ta chưa bao giờ được giới thiệu một cách đầy đủ.” Cô chìa bàn tay mang găng trắng ra, và Bailey nhận ra nó lớn hơn chiếc găng cậu đã được tặng, như bằng chứng về một khoảng thời gian dài đã trôi qua. “Tớ là Penelope, nhưng chẳng ai gọi tớ như thế cả, cơ mà tớ cũng không thực sự thích cái tên đó lắm, vì thế trong bất cứ mục đích hay hoàn cảnh nào, tớ là Poppet.”

Bailey nắm lấy tay cô và lắc nhẹ. Ấm hơn cậu nghĩ, dù đã qua hai lớp găng tay.

“Poppet,” Bailey nhắc lại. “Người tiên đoán tương lai đã nói với tớ rồi, nhưng lúc ấy tớ không nhận ra đó là tên cậu.”

Cô mỉm cười với cậu.

“Cậu đã gặp Isobel à?” cô hỏi.

Bailey gật đầu.

“Chị ấy đáng yêu không?” Bailey tiếp tục gật đầu, dù cậu không chắc gật đầu có phải là lời đáp lại phù hợp không.

“Chị ấy có nói với cậu điều gì tốt về tương lai của cậu không?” Poppet hỏi, hạ thấp giọng xuống thành một lời thì thầm đầy kịch tính.

“Chị ấy nói với tớ nhiều thứ mà tớ không hiểu,” Bailey thú nhận.

Poppet gật đầu vẻ thấu hiểu.

“Chị ấy vẫn thế,” Poppet nói. “Nhưng chị ấy có ý tốt đấy.”

“Cậu có được phép ra ngoài như thế này không?” Bailey hỏi, chỉ vào dòng khách đang tiếp tục tha thân bước đi, hoàn toàn bỏ qua hai đứa.

“Ồ có chứ,” Poppet nói, “miễn bọn tớ không để lộ tung tích là được.” Cô chỉ vào chiếc áo khoác. “Chẳng ai thực sự liếc nhìn bọn tớ đến cái thứ hai ấy. Đúng không, anh Widget?” Cô quay sang chàng trai đứng gần đó, Bailey thậm chí còn không nhận ra được đó là bạn diễn của Poppet. Cậu ta đã thay

áo khoác đen sang một chiếc khác bằng vải tuyết nâu, và mái tóc cậu ta phía dưới chiếc mũ cùng màu cũng một màu đỏ rực như tóc Poppet.

“Người ta không chú tâm mấy tới thứ gì trừ phi cậu cho họ lý do,” cậu ta nói. “Mặc dù mái tóc này cũng có thể hữu ích vì nhìn như bọn tôi không thuộc về một rạp xiếc đen-và-trắng.”

“Bailey, đây là anh trai tớ, Winston,” Poppet nói.

“Widget chứ,” cậu ta sửa lại.

“Em biết rồi,” Poppet nói, giọng hơi gắt. “Và Widge, đây là Bailey.”

“Hân hạnh được gặp cậu,” Bailey nói, chìa tay ra bắt.

“Tôi cũng thế,” Widget đáp lại. “Bọn tôi định đi dạo, nếu cậu muốn đi cùng.”

“Đi cùng đi,” Poppet nói thêm. “Bọn tớ hiếm khi có bạn đi cùng lắm.”

“Chắc chắn rồi, tớ sẵn lòng,” Bailey nói. Cậu chẳng thể nghĩ ra dù chỉ một lý do để từ chối, và thấy dễ chịu vì cả hai đều có vẻ cực kì dễ nói chuyện. “Hai người có phải làm việc, ừm, nào khác trong rạp xiếc không?”

“Ít nhất trong vài tiếng nữa thì không,” Widget nói, khi mấy đứa bắt đầu đi theo một lối khác qua rạp xiếc. “Lũ mèo cần được nghỉ. Biểu diễn xong bọn nó buồn ngủ.”

“Chúng rất giỏi, làm thế nào mà hai cậu khiến chúng làm được những trò đó vậy? Tớ chưa bao giờ nhìn thấy mèo biết nhào lộn trên không cả,” Bailey nói. Cậu nhận ra cả ba đang đi cùng một tốc độ, thành nhóm một cách dễ dàng. Cậu vẫn quen đi sau vài bước.

“Hầu như con mèo nào cũng sẽ làm được bất cứ điều gì nếu cậu đề nghị chúng một cách nhã nhặn,” Poppet nói. “Nhưng huấn luyện chúng sớm thì sẽ tốt hơn.”

“Và thưởng thật nhiều cho chúng nữa,” Widget nói thêm. “Phần thưởng lúc nào cũng có ích.”

“Cậu đã nhìn thấy mèo lớn chưa?” Poppet hỏi.

Bailey lắc đầu.

“Ồ, thế thì cậu phải nhìn cơ. Bố mẹ bọn tớ trình diễn với lũ mèo lớn; căn lều ở phía kia kia.” Cô chỉ về một hướng nào đó bên tay phải.

“Giống như màn biểu diễn của tụi này thôi, chỉ là với những con mèo to hơn,” Widget giải thích.

“To hơn rất nhiều á,” Poppet phụ họa. “Báo đen và những con báo đốm tuyệt tuyệt đẹp. Chúng thực sự rất ngoan.”

“Và chúng có một căn lều nữa,” Widget nói thêm.

“Tại sao hai cậu lại không có lều?” Bailey hỏi.

“Thực ra thì bọn tớ cũng không cần,” Poppet nói. “Bọn tớ chỉ có thể biểu diễn vài lần trong một đêm, và tất cả những gì bọn tớ cần là lũ mèo con, vòng, dây và mấy thứ khác. Bất kì ai không nhất thiết phải có lều sẽ biểu diễn ở bất kì chỗ nào có thể.”

“Để tăng thêm không khí,” Widget nói. “Như vậy cậu có thể nhìn thấy phần này phần kia của rạp xiếc mà không cần phải chọn căn lều nào để vào, chỉ cần cứ lang thang chung quanh.”

“Như thế có lẽ sẽ rất tốt với những ai còn lưỡng lự,” Bailey nói, mím mím cười khi cả Poppet và Widget bật cười to. “Quả là khó khi phải chọn lều nào, hai cậu biết đấy, khi có bao nhiêu là lều.”

“Đúng thế thật,” Poppet nói. Cả bọn đã tới sân vạch lửa. Khuôn viên khá đông và Bailey vẫn ngạc nhiên khi không có ai để ý tới họ mà cứ mặc định coi họ chỉ như bất kì nhóm khách trẻ tuổi nào đó đang đi chơi tối.

“Anh đói quá,” Widget thốt lên.

“Anh thì lúc nào mà chẳng đói,” Poppet bắt bẻ. “Thế mình mua cái gì ăn nhé?”

“Ừ,” Widget nói. Poppet le lưỡi với anh.

“Em đang hỏi Bailey chứ,” cô nói. “Bọn mình mua cái gì ăn nhé, Bailey?”

“Được chứ,” Bailey đáp. Poppet và Widget có vẻ hợp với nhau hơn cậu và Caroline nhiều, và Bailey cho rằng đó là vì họ suýt soát tuổi nhau. Cậu không biết liệu có phải hai người là sinh đôi hay không; đương nhiên cả hai trông đủ giống nhau để làm một cặp song sinh, và cậu nghĩ nếu hỏi thì có thể khá là thô lỗ.

“Cậu đã thử mấy món quế chưa?” Poppet hỏi. “Khá mới đấy. Gọi là gì ấy nhỉ, Widge?”

“Quế ngon kì ảo ấy hả?” Widget nói và nhún vai. “Anh không nghĩ là tất cả mấy món mới đều đã có tên đâu.”

“Tớ chưa thử, nhưng nghe có vẻ ngon.”

“Ngon mà,” Widget nói. “Rất nhiều lớp bánh, quế và đường xoắn lại với nhau rồi phủ kem đường bên ngoài.”

“Chà chà,” Bailey xuýt xoa.

“Chính xác đấy,” Widget đáp lại. “Và bọn mình nên mua ít ca-cao và sô-cô-la chuột nữa.”

“Tớ có sô-cô-la chuột đây,” Bailey nói, lôi cái bịch từ trong túi áo ra. “Lúc này tớ đã mua rồi.”

“A, vậy là cậu đã tính trước rồi. Rất tốt khi biết phòng xa,” Widget nói. “Em nói đúng về cậu ta đó, Poppet.”

Bailey nhìn Poppet một cách khó hiểu, nhưng cô chỉ mỉm cười với cậu.

“Bailey và em đi mua ca-cao còn anh đi lấy mấy cái món quế gì gì đó nhé?” cô hỏi, và Widget gật đầu.

“Được rồi. Gặp lại ở vạc lửa nhé?” cậu anh hỏi. Poppet gật đầu, và Widget chạm nhẹ vào mũ để chào cả hai rồi bước vào đám đông.

Bailey và Poppet tiếp tục đi quanh sân vạc lửa. Sau hồi lâu im lặng dễ chịu, Bailey lên tinh thần để hỏi một câu, câu hỏi mà cậu không chắc là

mình sẽ thoải mái nêu lên một khi họ quay lại gặp Widget.

“Tớ hỏi cậu chuyện này được không?” Bailey ướm lời. “Đương nhiên rồi,” Poppet nói.

Có một hàng đang đợi mua ca-cao nhưng người bán hàng nhận ra Poppet đang giơ ba ngón tay với ông, và ông mỉm cười gật đầu.

“Khi mà... ừm, khi mà rạp xiếc ở đây lần trước ấy, và tớ, à...” Bailey chật vật tìm từ, cảm thấy khó chịu vì câu hỏi khi ở trong đầu cậu dường như đơn giản hơn rất nhiều.

“Ừ?” Poppet nói.

“Sao cậu biết được tên tớ?” Bailey hỏi. “Và làm sao mà cậu biết được tớ ở đó?”

“Hmmm...” Poppet nói, như thể cô đang khó tìm đúng từ để đáp lại. “Không dễ giải thích đâu,” cô bắt đầu. “Tớ nhìn được sự việc trước khi chúng xảy ra. Tớ đã nhìn thấy cậu đến, không lâu trước khi cậu đến đó. Và không phải lúc nào tớ cũng nhìn thấy rõ các chi tiết, nhưng khi nhìn thấy cậu tớ đã biết tên cậu là gì, cũng như biết khăn của cậu màu xanh lam ấy.”

Họ đứng ở đầu hàng và người bán hàng đã làm sẵn ba cốc ca-cao trong những chiếc cốc kẻ sọc cho họ, thêm cả kem béo xịt lên trên. Poppet đưa cho Bailey một cốc và tự mình cầm hai cốc còn lại. Bailey nhận thấy người bán hàng vẫy chào họ mà không cầm tiền. Cậu nghĩ ca-cao miễn phí là một quyền lợi khi là thành viên của rạp xiếc.

“Vậy là cậu nhìn thấy mọi thứ trước khi chúng xảy ra sao?” Bailey hỏi. Cậu không chắc câu trả lời của Poppet hoàn toàn là những gì cậu mong muốn, nếu như cậu có mong muốn bất cứ điều gì.

Poppet lắc đầu.

“Không, không phải mọi thứ. Thịnh thoảng chỉ là các phần của sự việc thôi, như những con chữ và bức tranh trong một quyển sách, nhưng quyển sách ấy lại có vô khối trang bị mất và nó đã bị đánh rơi xuống ao, vài phần

thì bị mờ đi, những phần khác thì không. Như thế có dễ hình dung không?” cô hỏi.

“Không hẳn,” Bailey trả lời.

Poppet bật cười. “Tớ biết là nghe rất lạ lùng mà,” cô nói.

“Không, không hề,” Bailey nói. Poppet quay sang nhìn cậu, vẻ nghi hoặc hiện rõ trên mặt cô. “À, ừ, có lạ. Nhưng chỉ là kì lạ thôi chứ không phải quái lạ.”

“Cảm ơn cậu, Bailey,” Poppet nói. Họ lượn quanh sân, quay lại vạc lửa. Widget đang đứng đợi, tay cầm túi giấy màu đen và đang ngắm nhìn những lưỡi lửa trắng sáng rực.

“Sao mà đi lâu thế?” Widget hỏi.

“Bọn em phải xếp hàng mà,” Poppet đáp, và đưa cho cậu cốc ca-cao. “Anh không phải à?”

“Không. Hình như người ta chưa phát hiện ra mấy món này ngon như thế nào,” Widget nói, lắc lắc cái túi. “VẬY ĐI CHỨ HẢ?”

“Em nghĩ thế,” Poppet tán thành.

“Bọn mình sẽ đi đâu?” Bailey hỏi.

Poppet và Widget liếc nhau trước khi Poppet trả lời. “Chúng ta sẽ đi loảng quảng,” cô nói. “Vòng quanh rạp xiếc. Để... để xem các thứ. Cậu muốn đi cùng bọn tớ mà, đúng không?”

“Dĩ nhiên rồi,” Bailey nói, cảm thấy nhẹ nhõm khi không phải gượng ép gì.

Họ đi lòng vòng quanh rạp xiếc, nhấm nháp ca-cao, nhai sô-cô-la chuột và món bánh quế đường ngon y như hứa hẹn. Poppet và Widget kể cho Bailey nghe những câu chuyện về rạp xiếc, chỉ trừ các căn lều mà họ đi qua, và Bailey trả lời những câu hỏi của hai anh em về thị trấn của cậu. Cậu thấy thật lạ lùng khi họ có vẻ hứng thú với những gì cậu coi là rất tạt nhạt. Cả ba

nói chuyện với nhau thoải mái như những người đã biết nhau hàng năm trời, cùng sự hứng thú của những người bạn mới và những câu chuyện mới.

Nếu Poppet và Widget đang để tâm tới bất kì thứ gì ngoài ca-cao và bản thân cậu, thì Bailey không thể đoán được đó có thể là gì.

“Vọng Tinh Các là gì?” cậu hỏi khi nhìn một tấm biển mà cậu chưa từng thấy trước đó, khi họ đi vút mấy cái cốc và túi đã trống trơn.

“Lên nhìn chứ, Poppet?” Widget hỏi em gái. Cô ngừng lại một lúc trước khi gật đầu. “Poppet đọc được những ngôi sao,” cậu giải thích cho Bailey. “Đây là nơi dễ nhất để nhìn tương lai.”

“Gần đây thì không dễ thế đâu,” Poppet khẽ nói. “Nhưng chúng ta có thể lên. Nơi này chỉ mở cửa vào những đêm quang mây thôi, vì thế ai mà biết được liệu chúng ta có cơ hội nào khác không khi ở đây.”

Họ bước vào trong, đi hàng một lên cầu thang cong cong quanh chu vi, một tấm rèm nặng màu đen ngăn vách cầu thang với phần nội thất của căn lều. Trên vách phủ kín các sơ đồ, điểm và đường kẻ trắng trên nền giấy đen, bản đồ các chòm sao được đóng khung.

“Cũng giống cách người tiên đoán tương lai đọc các lá bài có tranh phải không?” Bailey hỏi, vẫn đang cố gắng suy nghĩ về ý tưởng nhìn thấy tương lai.

“Kiểu như thế, nhưng khác,” Poppet nói. “Tớ không thể đọc được bài tarot nhưng Widget lại có thể.”

“Chúng là những câu chuyện trên giấy,” Widget nói, nhún vai. “Cậu nhìn thấy những câu chuyện trên từng lá bài kết hợp với nhau như thế nào; thực ra không khó đến thế đâu. Nhưng với những câu chuyện đó cậu có mọi khả năng và sự việc có thể xảy ra, những con đường khác nhau để đi. Còn Poppet nhìn thấy những điều sẽ thực sự xảy ra.”

“Nhưng chúng lại không rõ bằng,” Poppet giải thích. “Không có bối cảnh, và hầu như tớ không biết những điều đó có nghĩa gì cho đến mãi về sau.

Thình thoảng còn đến khi đã quá muộn nữa.”

“Cớ bao biện được chấp nhận, Poppet,” Widget nói, bóp vai em gái. “Nếu muốn, em chỉ cần nghĩ rằng tụi mình chơi một vòng cho vui thôi.”

Cầu thang dẫn ba người bạn tới một bục cao màu đen, nơi mọi thứ đều đen miên man, trừ một người của rạp xiếc trong bộ đồ trắng đang hướng dẫn những vị khách bên trong. Ông mỉm cười với Poppet và Widget, tò mò liếc Bailey, khi ông dẫn cả bọn đi qua bóng tối để vào một thứ giống như xe trượt hoặc toa tàu.

Họ lách người ngồi lên băng ghế đệm có lưng tựa và hai bên thành ghế cao, cánh cửa ở bên hông đóng lại khi Poppet yên vị giữa Bailey và Widget. Nó trượt đi từ từ nhưng Bailey chẳng thấy gì ngoài bóng tối.

Rồi có thứ gì đó quanh họ phát ra tiếng lách cách và toa xe hơi rơi xuống một chút, cùng lúc nó ngả ra sau để tất cả nhìn lên trên thay vì nhìn về trước.

Bailey nhận ra căn lều không có mái. Phần trên lộ thiên và cả bầu trời đêm hiện ra thật trọn vẹn.

Một cảm giác khác biệt so với ngắm sao khi nằm dài trên cánh đồng, một việc mà Bailey đã làm vô số lần. Không có tán cây bao quanh, và toa xe lắc lư nhẹ nhàng khiến cậu cảm thấy như phi trọng lượng.

Và im lặng đến kinh ngạc. Khi toa xe di chuyển, có vẻ như theo đường tròn, Bailey không thể nghe thấy gì ngoài tiếng cọt két khe khẽ và tiếng thở của Poppet bên cạnh cậu. Dường như cả rạp xiếc mờ đi trong bóng tối.

Cậu liếc sang nhìn Poppet, cô đang nhìn cậu thay vì nhìn trời. Poppet cười rạng rỡ với cậu và rồi quay đi.

Bailey băn khoăn liệu cậu có nên hỏi cô có nhìn thấy bất cứ điều gì trên những ngôi sao kia không.

“Em không phải làm nếu như em không muốn,” Widget nói, dự đoán được câu hỏi.

Poppet làm mặt xấu với anh trai nhưng rồi tập trung lên trên, nhìn sâu vào bầu trời đêm trong vắt. Bailey chăm chú quan sát cô. Trông cô như thể đang ngắm nhìn một bức tranh hay đọc một dấu hiệu từ đằng xa, mắt hơi nheo lại.

Cô đột ngột dừng lại, áp hai bàn tay lên mặt, ép những ngón tay mang găng trắng lên trên mắt. Widget đặt tay lên vai cô.

“Cậu ổn chứ?” Bailey hỏi.

Poppet hít sâu một hơi rồi mới gật đầu, vẫn để tay trên mặt.

“Tớ không sao,” cô nói, giọng run rẩy. “Nó rất... sáng. Nó khiến đầu tớ nhói đau.”

Cô bỏ tay ra khỏi mặt và lắc đầu; dù là điều gì khiến cô phiền muộn, giờ cũng đã hoàn toàn biến mất.

Trong suốt thời gian còn lại của chuyến đi, không một ai trong ba người ngẩng lên nhìn bầu trời sao lấp lánh nữa. “Tớ xin lỗi,” Bailey khẽ nói khi họ bước xuống một cầu thang cong cong khác để ra ngoài.

“Đó không phải là lỗi của cậu,” Poppet nói. “Lẽ ra tớ nên biết rõ hơn, những ngôi sao gần đây luôn thế, chẳng có nghĩa gì và làm tớ đau đầu. Có lẽ tớ nên thôi gắng sức một thời gian xem sao.”

“Em cần thứ gì đó vui vui,” Widget nói khi họ quay lại với âm thanh rộn rã của rạp xiếc. “Vân Mê Cung chẳng?”

Poppet gật đầu, đôi vai thả lỏng một chút.

“Vân Mê Cung là gì?” Bailey hỏi.

“Cậu chưa tìm thấy *bất kì* căn nào trong những căn lều hay ho nhất, phải không?” Widget nói, lắc đầu. “Cậu sẽ phải quay lại đây, chúng ta không thể đi hết tất cả trong một đêm. Có lẽ đó là lí do vì sao Poppet bị đau đầu, nó nhìn thấy cảnh chúng tôi phải lôi cậu đi qua từng căn lều một để thấy những gì cậu đã bỏ lỡ.”

“Widge có khả năng nhìn thấy quá khứ,” Poppet đột nhiên nói, chuyển hướng cuộc đối thoại. “Đó là một trong những lý do vì sao câu chuyện của anh ấy luôn rất hay.”

“Quá khứ dễ hơn mà,” Widget nói. “Nó luôn có sẵn.”

“Trong các ngôi sao ư?” Bailey hỏi.

“Không,” Widget nói. “Trong con người. Quá khứ ở lại trong cậu giống như đường bột dính trên những ngón tay. Một số người có thể phủ đi nhưng nó vẫn ở đó, những sự kiện và sự vật đã đẩy cậu tới nơi cậu đứng bây giờ. Tôi có thể... à, đọc không phải là từ đúng, mà nó cũng không phải là từ đúng với việc Poppet làm với những ngôi sao.”

“Vậy cậu có thể nhìn thấy quá khứ của tôi trong tôi sao?” Bailey hỏi.

“Tôi có thể,” Widget nói. “Tôi cố không làm thế khi không được phép nếu không có gì đột xuất xảy ra. Cậu có phiền không?”

Bailey lắc đầu. “Không hề.”

Widget nhìn chăm chăm vào cậu một lát, không đủ lâu để khiến Bailey không thoải mái dưới sức nặng của ánh nhìn, nhưng cũng gần như thế.

“Có một cái cây,” Widget nói. “Cái cây sồi già khổng lồ này đối với cậu giống nhà hơn ngôi nhà của cậu nhưng lại không nhiều bằng những điều này.” Cậu chỉ quanh những căn lều và những ánh đèn. “Cảm giác như cậu cô đơn kể cả khi ở cùng những người khác. Những quả táo. Và chị gái cậu có vẻ đúng là một nàng bảo ngọc,” Widget bồi thêm vẻ châm biếm.

“Chuẩn đấy,” Bailey bật cười.

“Những quả táo là sao?” Poppet hỏi.

“Trang trại nhà tớ có vườn quả,” Bailey giải thích.

“Ôi, nghe đáng yêu thế,” Poppet nói.

Bailey chưa bao giờ thấy những hàng cây lùn chùn và cong queo ấy có gì đáng yêu cả.

“Chúng ta đến nơi rồi,” Widget nói khi cả bọn đi tới một khúc quanh.

Bất chấp vốn trải nghiệm hạn hẹp của mình với rạp xiếc, Bailey vẫn ngỡ ngàng vì cậu chưa bao giờ nhìn thấy căn lều này. Nó cao, gần như cao bằng lều của nghệ sĩ nhào lộn nhưng hẹp hơn. Cậu dừng lại đọc tấm biển ngoài cửa.

Vân Mê Cung

Khám phá trong chiều kích

Leo qua bầu trời

Không có điểm bắt đầu

Hãy vào khi bạn muốn

Và rời đi theo ước nguyện

Đừng sợ bị rơi xuống

Bên trong, căn lều có vách tối màu và một cấu trúc khổng lồ trắng óng ánh ngũ sắc ở trung tâm. Bailey chẳng thể nghĩ ra tên gì khác để gọi nó. Khối khổng lồ ấy chiếm toàn bộ căn lều, chỉ trừ một lối đi được nâng cao bao theo chu vi, một vòng ngoằn ngoèo bắt đầu từ cửa lều và uốn vòng quanh. Sàn nhà phía trên lối đi phủ toàn những khối cầu trắng, hàng ngàn những khối cầu chất đống như bong bóng xà phòng.

Bản thân tòa tháp là một chuỗi những tấm sàn chúc xuống với những hình dáng kì quặc, mờ đục, khá giống những đám mây. Chúng được xếp thành các lớp như bánh. Từ những gì Bailey có thể nhìn, không gian giữa các lớp đa dạng từ những chỗ đủ lớn để đi thẳng vào cho tới đoạn chỉ vừa để bò qua. Đây đó những phần của tòa tháp đang bồng bênh trôi xa khỏi trung tâm, lững lờ trong không gian.

Và chỗ nào cũng thấy có người đang leo lên. Cheo leo trên những gờ tường, đi trên những lối mòn, trèo cao hơn hoặc thấp hơn. Có những mặt sàn chuyển động vì trọng lượng; số khác có vẻ chắc chắn và vững chãi. Toàn bộ tòa tháp di chuyển không ngừng, một chuyển động nhẹ như hơi thở.

“Vì sao lại gọi là mê cung vậy?” Bailey hỏi.

“Rồi cậu sẽ biết,” Widget nói.

Họ men theo lối đi và nó khẽ khàng đu đưa, như con tàu trên mặt nước. Bailey chật vật giữ thăng bằng khi ngược lên nhìn.

Có những tấm sàn được giữ lơ lửng bởi dây thừng hoặc xích ròng từ trên cao. Ở những tầng thấp hơn, có những cột lớn xuyên qua hàng lớp sàn, mặc dầu Bailey không thể nói chắc được liệu chúng có xuyên thẳng lên tới đỉnh hay không. Một số nơi khác có những thác vải màn buông xuống, chỗ khác dây thừng rơi rủ như những dải ruy-băng.

Họ dừng lại ở phía xa, nơi lối đi dừng đưa đủ gần để nhảy lên một trong mấy tấm sàn thấp hơn.

Bailey nhặt một khối cầu màu trắng lên. Nó nhẹ hơn vẻ ngoài, mềm mại như lông mèo con. Khắp lều, mọi người ném những khối cầu này vào nhau như những quả bóng tuyết, nhưng thay vì vỡ tan chúng bật khỏi mục tiêu, lững lờ trôi xuống. Bailey tung một quả trong tay và đi theo sau Poppet và Widget.

Ngay khi đi được vài bước vào bên trong kết cấu, Bailey có thể hiểu vì sao nó được gọi là mê cung. Cậu đã nghĩ tới các bức vách, góc quanh và ngõ cụt, nhưng cái này hoàn toàn khác. Những tấm sàn được treo ở mọi độ cao: có những cái thấp ngang đầu gối hoặc ngang hông cậu, có những cái vươn cao quá đầu, chồng lấp lên nhau không theo qui tắc nào. Nó là một mê cung mà từ dưới lên trên cũng hết như từ hai bên vào.

“Gặp lại sau nhé,” Widget nói, rồi nhảy phóc lên một tấm sàn gần đó và leo lên cái ở phía trên.

“Widget luôn đi thẳng một lều lên tới đỉnh,” Poppet nói. “Anh ấy biết được mọi lối đi nhanh nhất để tới đó.”

Bailey và Poppet chọn lối đi thông thả hơn, hai người chọn ngẫu nhiên những tấm sàn để leo lên, chui qua những thác vải màn trắng và cẩn trọng

rón rén qua những lối đi nhỏ hẹp. Bailey không thể nhìn ra đường mép ở đâu hay họ đã leo được bao xa, nhưng cậu thấy nhẹ nhõm khi thấy Poppet dường như đã không còn buồn như lúc ở Vọng Tinh Các, bởi cô đã cười và giúp cậu đi qua những khúc quanh khó hơn.

“Muốn xuống thì làm thế nào?” Bailey hỏi, thực sự băn khoăn sao có thể tìm thấy đường quay về.

“Cách dễ nhất là nhảy thôi,” Poppet nói. Cô kéo cậu qua một khúc quanh bị khuất để lộ ra mép của tấm sàn.

Họ ở cao hơn Bailey cảm thấy rất nhiều, dù vẫn chưa lên tới đỉnh.

“Không sao đâu,” Poppet nói. “An toàn mà.”

“Không thể nào,” Bailey nói, nhòm qua gờ.

“Chẳng có gì là không thể,” Poppet đáp lại. Cô mỉm cười với cậu và nhảy, mái tóc đỏ tung bay phía sau khi cô rơi xuống.

Cô biến mất trong biển khối cầu trắng ở phía dưới, hoàn toàn chìm xuống trước khi bật lên, mái tóc đỏ rực nổi bật trên nền trắng khi cô vẫy cậu.

Bailey chỉ chần chừ trong chốc lát, và rồi cậu cố ngăn mình nhắm mắt lại khi nhảy. Ngược lại, cậu cười vang khi rơi trong không trung.

Chạm vào bề khối cầu ở phía dưới y hệt như rơi vào một đám mây, mềm, nhẹ và dễ chịu.

Khi Bailey trèo ra ngoài, Poppet và Widget đều đang đợi ở lối đi gần đó, Poppet ngồi ở gờ tường dùng đũa đôi chân.

“Chúng ta nên về thôi,” Widget nói, lôi đồng hồ từ túi áo ra. “Bọn tôi còn phải chuẩn bị cho lũ mèo diễn suất tiếp theo và giờ cũng gần nửa đêm rồi.”

“Thật sao?” Bailey hỏi. “Tớ không biết là đã muộn thế, tầm giờ này lẽ ra tớ phải ở nhà rồi.”

“Để bọn tớ tiễn cậu ra cổng nhé, Bailey, nhé?” Poppet hỏi. “Có thứ này tớ muốn lấy cho cậu.”

Họ đi bộ cùng nhau dọc theo những lối đi ngoằn ngoèo, băng qua khuôn viên về phía cánh cổng. Poppet nắm tay Bailey kéo cậu qua đường ống phủ rèm, dễ dàng tìm được đường trong bóng tối. Cánh đồng hiện ra phía sau cánh cổng khi họ trở tới, không đông đúc vào tầm muộn như thế này, dù lúc đó vài người khác đến hoặc đi vẫn đứng ở đó.

“Đợi ở đây nhé,” Poppet nói. “Tớ sẽ quay lại ngay.” Cô chạy về phía quầy bán vé trong khi Bailey ngắm nhìn chiếc đồng hồ đang chạy dần đến số mười hai. Chỉ lát sau, Poppet quay lại, có thứ gì đó bằng bạc trong tay cô.

“Ồ, ý kiến hay đấy, Poppet,” Widget nói khi cậu nhìn thấy nó. Bailey nhìn qua lại hai anh em, bối rối. Đó là một mảnh giấy bạc, khoảng cỡ tấm vé của cậu. Poppet đưa nó cho cậu.

“Đây là giấy thông hành đặc biệt,” cô giải thích. “Dành cho những vị khách quan trọng, nên cậu sẽ không phải trả tiền mỗi khi đến rạp xiếc. Cậu chìa cái này ra ở quầy bán vé và họ sẽ cho cậu vào.”

Bailey nhìn nó chăm chăm, mắt mở to.

Tấm thẻ này trao cho người sở hữu nó quyền được vào không giới hạn được in trên một mặt bằng mực đen, và ở mặt kia có ghi:

Le Cirque des Rêves với dòng chữ nhỏ hơn ở bên dưới: Chandresh Christophe Lefèvre, Chủ rạp xiếc

Bailey ngơ ngẩn, cứ nhìn chăm chăm vào tấm thẻ màu bạc sáng óng ánh.

“Tớ nghĩ là chắc cậu sẽ thích,” Poppet nói, nghe có vẻ như không lo lắng khi cậu chờ ra, không phản ứng gì. “Hẳn là thế, nếu cậu muốn quay lại khi bọn tớ còn ở đây.”

“Thật tuyệt vời,” Bailey nói, ngược lên khỏi tấm thẻ.

“Cảm ơn cậu rất nhiều.”

“Có gì đâu,” Poppet nói và mỉm cười. “Và tớ đã dặn họ báo cho tớ và Widget nếu cậu tới, để bọn tớ biết khi nào cậu ở đây và có thể tới tìm cậu. Nếu cậu thấy như thế không vấn đề gì.”

“Tuyệt, tuyệt,” Bailey thốt lên. “Thật đấy, cảm ơn cậu.”

“VẬY là bọn tôi sẽ gặp lại cậu sớm thôi,” Widget nói, chìa tay ra.

“Chắc chắn rồi,” Bailey nói khi bắt tay cậu. “Tớ sẽ quay lại vào đêm mai.”

“Thế thì quá hoàn hảo,” Poppet nói. Khi Bailey buông tay Widget, cô nhào người về phía trước và hôn phớt lên má cậu, và Bailey cảm nhận được hai má mình ửng lên. “Một đêm tốt lành nhé,” cô nói thêm khi tách ra.

“C... cậu cũng thế,” Bailey nói. “Chúc ngủ ngon.” Cậu vẫy chào họ trước khi hai anh em chui vào sau tấm rèm nặng, và ngay khi họ biến mất, cậu xoay người đi về nhà. Tưởng như một đời người đã trôi qua khi cậu tới rạp xiếc, dù thực ra mới chỉ có vài giờ. Và hơn thế nữa, cảm tưởng như thằng Bailey bước vào rạp xiếc là một người hoàn toàn khác với kẻ đang rời đi bây giờ, cùng tấm thẻ bạc trong túi. Cậu tự hỏi đâu mới là Bailey thực sự, bởi chắc chắn thằng Bailey vẫn dành hàng giờ một mình trong những tán cây không phải là thằng Bailey được đặc cách vào một rạp xiếc hoành tráng, làm bạn với những con người thú vị mà thậm chí còn chẳng phải cố gắng gì. Đến khi về tới trang trại, cậu chắc chắn rằng thằng Bailey của hiện tại gần với thằng Bailey mà cậu muốn trở thành hơn là thằng Bailey của những ngày trước đó.

Có thể cậu không chắc chắn điều này có nghĩa gì, nhưng bây giờ cậu không nghĩ đó là vấn đề.

Trong giấc mơ, cậu là chàng hiệp sĩ trên lưng ngựa, mang thanh gươm bạc, và rút cục thì điều đó thực sự chẳng có gì là lạ cả.

TÊTE-À-TÊTE^[27]

LONDON, THÁNG TÁM 1896

Bữa Tối Lúc Nửa Đêm đêm nay khá trầm, bất chấp số lượng khách mời. Rạp xiếc đang chuẩn bị cho đợt biểu diễn gần London, mới đây đã rời Dublin, nên chỉ có một số nghệ sĩ có mặt. Ông Barris cũng từ Vienna đến thăm.

Celia Bowen dành phần lớn thời gian trong bữa ăn trò chuyện cùng Mme. Padva được sắp chỗ ngồi phía bên trái cô, bà khoác lên mình thứ lụa màu lam thẫm và óng ánh như đá lapis.

Chiếc váy Celia mặc là một thiết kế của Mme. Padva, được may làm trang phục biểu diễn nhưng hóa ra không mấy thích hợp, chất vải bạc bắt sáng ở từng nếp gấp và ôm dáng người theo một cách thật rất dễ khiến người ta xao nhãng. Nhưng có nhiều lời tán thưởng và ngợi ca đến mức Celia không đành lòng bỏ rơi nó, nên cô giữ chiếc váy lại làm trang phục bình thường.

“Cưng ơi, ai đó không thể nào rời mắt khỏi cưng kìa,” Mme. Padva ý tứ nghiêng chiếc ly về phía cửa ra vào, nơi Marco đang đứng lặng lẽ ở bên, hai bàn tay chấp lại sau lưng.

“Có lẽ anh ta chỉ đang chiêm ngưỡng tác phẩm của bà thôi,” Celia nói, không buồn quay đầu.

“Ta lại cho rằng anh chàng hứng thú với những thứ bên trong hơn bản thân chiếc váy nhiều.”

Celia chỉ cười, nhưng cô biết Mme. Padva nói đúng, vì cô cảm nhận được ánh nhìn của Marco thiêu đốt phía sau gáy mình suốt cả buổi tối, và cô đang càng lúc càng khó phớt lờ.

Sự chú ý của anh chỉ rời khỏi Celia đúng một lần, khi Chandresh xô đổ ly pha lê đầy rượu, suýt chút nữa là va vào một trong mấy cây đèn nền, làm rượu đỏ loang ra khắp tấm khăn trải bàn bằng gấm thêu kim tuyến ánh vàng.

Nhưng trước khi Marco kịp phản ứng, từ phía đầu bàn bên kia Celia nhóm phắt dậy, dựng lại cái ly mà không cần đụng vào nó, một chi tiết mà chỉ có Chandresh mới có được góc nhìn hoàn hảo để nhận ra. Khi cô thu tay, ly rượu lại đầy trở lại, và tấm khăn trải bàn sạch bong.

“Vụng về quá, vụng về quá,” Chandresh lúng búng, nhìn Celia cảnh giác trước khi quay đi tiếp tục nói chuyện với ông Barris.

“Lẽ ra cô nên làm vũ công ba-lê mới phải,” Mme. Padva khen Celia. “Dáng cô đứng dậy rất tuyệt đấy.”

“Không cần đứng dậy tôi cũng tuyệt nữa mà,” Celia nói, và ông Barris suýt chút nữa lại làm đổ ly rượu trong khi Mme. Padva cười khúc khích.

Suốt thời gian còn lại của bữa tối, Celia vẫn luôn để ý Chandresh. Ông chủ yếu thảo luận cùng ông Barris gì đó nghe như sửa sang lại ngôi nhà, thi thoảng cứ lặp lại những điều đã nói nhưng ông Barris vờ như không nhận ra. Chandresh không chạm lại vào ly rượu, nó vẫn đầy nguyên khi được dọn đi vào cuối bữa.

Sau bữa tối, Celia là người cuối cùng ra về. Trong lúc giã biệt, cô không nhớ đã để khăn quàng ở đâu, lại không muốn bất cứ ai phải đợi trong khi mình đi tìm, nên đã vẫy chào tạm biệt những người ra về trong bóng đêm.

Cố tìm kiếm một mảnh ren trắng ngà trong đống hỗn loạn của *la maison* Lefèvre là việc chẳng dễ dàng gì. Celia đã quay lại lối đi qua thư viện và phòng ăn nhưng vẫn không tìm thấy đâu.

Cuối cùng, Celia đành bỏ cuộc, quay lại sảnh nơi Marco đang đứng cạnh cửa, chiếc khăn của cô vắt trên cánh tay anh.

“Có phải cô đang tìm thứ này không, cô Bowen?” anh hỏi.

Anh choàng nó lên vai cô nhưng chiếc khăn tan biến qua các kẽ ngón tay anh, rơi xuống như bụi.

Khi anh ngẩng lên nhìn Celia lần nữa, cô đang quàng chiếc khăn, nút thắt hoàn hảo, như thể chưa từng bị tháo ra.

“Cảm ơn anh,” Celia nói. “Ngủ ngon nhé.” Cô lướt qua anh và ra khỏi cửa trước khi anh kịp phản ứng.

“Cô Bowen này?” Marco gọi, đuổi theo khi cô đang bước xuống cầu thang.

“Vâng?” Celia đáp, quay người lại khi đặt chân xuống vỉa hè.

“Tôi hi vọng mình có thể làm phiền cô vì món đồ uống chúng ta đã để lỡ ở Prague,” Marco nói. Anh nhìn chăm chú khi cô suy nghĩ.

Ánh mắt anh lúc này còn mãnh liệt hơn cả khi đặt lên sau cổ cô, và dù Celia có thể cảm nhận được vẻ uy hiếp trong đôi mắt ấy, một kỹ thuật bố cô luôn yêu thích, thì vẫn có điều gì đó chân thành, điều gì đó gần giống như một lời khẩn cầu tha thiết.

Chính là vì thế, cùng với lòng hiếu kì, Celia gật đầu đồng ý.

Anh mỉm cười và quay đi, bước vào trong nhà, để cửa ngỏ.

Sau một lát, cô đi theo. Cánh cửa đóng và khóa lại sau lưng cô.

Bên trong, phòng ăn đã được dọn sạch nhưng nến vẫn cháy trên giá.

Hai ly rượu đặt trên bàn.

“Chandresh đâu rồi?” Celia hỏi, nhắc một ly lên và đi về phía bên kia bàn, nơi Marco đứng.

“Ông ấy đang nghỉ ở tầng năm,” Marco nói, lấy ly còn lại cho mình. “Ông ấy đang cho sửa lại khu vực trước dành cho người phục vụ thành phòng riêng vì thích cảnh nhìn từ phòng đó. Ông ấy sẽ không xuống nhà cho tới sáng. Những người làm khác thì đã về, vì thế gần như cả tòa nhà này sẽ là của riêng chúng ta.”

“Anh có thường xuyên tiếp khách riêng khi khách của ông ấy đã về không?” Celia hỏi.

“Chưa bao giờ.”

Celia nhìn anh khi cô nhấp rượu. Có điều gì đó ở vẻ ngoài của anh khiến cô băn khoăn, nhưng cô vẫn chưa thể xác định chính xác đó là gì.

“Có đúng Chandresh thực sự khẳng định rằng tất cả lửa trong rạp xiếc phải là màu trắng để hợp với tông đen-trắng của khu rạp không?” một lát sau cô hỏi.

“Quả đúng vậy,” Marco nói. “Ông ấy đã nói với tôi là cần liên hệ với một nhà hóa học hay nhà gì đó đại loại thế. Tôi đã quyết định tự mình giải quyết.” Anh lướt ngón tay qua những cây nến trên bàn và ngọn lửa chuyển từ sắc vàng ấm áp thành màu trắng lạnh, lóe lên ánh xanh bạc ở chính giữa. Anh đưa ngón tay theo chiều ngược lại, và nó lại quay trở về bình thường.

“Cô gọi điều đó là gì?” Marco hỏi. Celia không cần hỏi ý anh là gì.

“Điều khiển. Hồi bé tôi đã cho rằng đó là phép thuật màu nhiệm. Phải mất một thời gian tôi mới có thể bỏ được thói quen đó, dù bố tôi chưa bao giờ quan tâm tới thuật ngữ ấy. Ông sẽ gọi nó là mê hoặc, hoặc thao túng vũ trụ bằng sức mạnh khi ông không có hứng ngấm ngội sự ngăn ngại của cuộc đời.”

“Mê hoặc ư?” Marco nhắc lại. “Tôi lại chưa từng nghĩ về nó như thế.”

“Vô lý,” Celia nói. “Đó chính xác là những gì anh vẫn làm. Anh mê hoặc người khác. Rõ ràng anh rất giỏi chuyện đó. Anh khiến cho biết bao người yêu anh. Isobel. Chandresh. Và chắc chắn còn có nhiều người khác nữa.”

“Làm sao cô biết về Isobel?” anh hỏi.

“Đoàn xiếc đúng là lớn thật nhưng mọi người đều nói chuyện về nhau,” Celia nói. “Cô ấy dường như cực kì tâm huyết với một ai đó mà không ai trong chúng tôi từng gặp mặt. Ngay lập tức tôi đã nhận ra rằng cô ấy đặc biệt quan tâm tới tôi, tôi thậm chí đã có lúc còn thắc mắc liệu cô ấy có phải là đối

thủ của mình hay không. Sau khi anh xuất hiện ở Prague trong khi cô ấy đang đợi *ai đó* thì phần còn lại khá dễ đoán. Tôi không tin còn có ai khác biết nữa. Cặp song sinh nhà Murray còn đặt giả thuyết là cô ấy đang yêu giấc mơ của một ai đó chứ không phải người thực.”

“Cặp song sinh nhà Murray khá thông minh đấy,” Marco nói. “Nếu tôi đang *mê hoặc* theo cách đó thì không phải lúc nào đó cũng là chủ ý của tôi. Nó khá hữu ích trong việc giữ được vị thế với Chandresh, bởi tôi chỉ có mỗi một người giới thiệu và chẳng có mấy kinh nghiệm. Nhưng có vẻ nó không mấy hiệu quả với cô.”

Celia đặt ly xuống, hoài nghi những gì tạo nên anh. Ánh nển bập bùng làm nổi rõ đặc tính gương mặt anh, vì thế cô quay đi trước khi đáp lại, hướng sự chú ý của mình sang những thứ trên mặt lò sưởi.

“Bố tôi đã làm điều tương tự,” cô nói. “Lôi kéo và ám bùa dụ dỗ. Nhiều năm đầu đời tôi đã chứng kiến mẹ tôi héo hon vì ông. Yêu thương và chờ đợi không ngừng trong khi từ rất lâu rồi ông đã mất đi sự hứng thú vốn đã ít ỏi dành cho bà. Cho đến một ngày khi tôi năm tuổi, bà đã tự sát. Khi đủ lớn để hiểu, tôi đã hứa với bản thân rằng tôi sẽ không chịu đựng như thế vì bất kì người nào. Anh sẽ phải mất nhiều hơn là chỉ nụ cười quyến rũ ấy để mị hoặc tôi.”

Nhưng khi cô quay lại, nụ cười quyến rũ ấy đã biến mất.

“Tôi rất tiếc khi cô đã mất mẹ như vậy,” Marco nói.

“Đã lâu lắm rồi,” Celia nói, ngạc nhiên vì niềm thông cảm chân thành đó. “Nhưng cảm ơn anh.”

“Cô có nhớ gì nhiều về bà không?” anh hỏi.

“Tôi nhớ những ấn tượng nhiều hơn là thực tế. Tôi nhớ bà khóc suốt. Tôi nhớ bà đã nhìn tôi như thể tôi là thứ gì đó đáng sợ.”

“Tôi không nhớ bố mẹ mình,” Marco nói. “Tôi không có kí ức gì trước khi vào trại tế bần mà sau đó tôi đã được mang đi khỏi vì tôi đáp ứng được

vài tiêu chí không rõ ràng. Tôi bị bắt phải đọc rất nhiều, tôi đã đi du lịch và học hành và nhìn chung là được chuẩn bị để tham gia một trận đấu bí mật nào đó. Tôi đã làm vậy, và công việc kế toán và giữ sổ sách cùng bất kể thứ gì Chandresh yêu cầu, trong gần hết cuộc đời mình.”

“Vì sao anh lại thành thực như thế với tôi?” Celia hỏi.

“Vì cảm giác thật mới mẻ khi thực sự thành thực với một ai đó,” Marco nói. “Và tôi ngờ rằng cô có thể phát hiện ngay lập tức nếu tôi nói dối cô. Tôi hi vọng là mình có thể nhận được điều tương tự từ cô.”

Celia suy nghĩ một lát trước khi gật đầu. “Anh khiến tôi nhớ tới bố mình,” cô nói.

“Như thế nào cơ?” Marco hỏi.

“Cách anh điều khiển tri giác. Bản thân tôi chưa bao giờ giỏi việc đó, tôi khá hơn với những sự vật cụ thể. Mà nhân tiện, anh không phải làm thế với tôi đâu,” cô nói, cuối cùng cũng nhận ra điều khiến cô không thoải mái với vẻ ngoài của anh.

“Làm gì cơ?” Marco hỏi.

“Làm anh trông như thế này. Rất đẹp, nhưng tôi có thể nói là không hoàn toàn chân thực. Chắc phải khó chịu kinh khủng khi cứ phải luôn giữ dáng vẻ ấy.”

Marco nhú mày, nhưng rồi, rất chậm rãi, gương mặt anh thay đổi. Hàm râu mờ đi và biến mất. Những nét sắc sảo trở nên mềm mại và trẻ trung hơn. Đôi mắt xanh ngắt của anh nhạt đi thành màu xám ánh lục.

Gương mặt giả vốn luôn điển trai, đúng vậy, nhưng đầy chủ ý. Như thế anh ý thức quá rõ về sự cuốn hút của chính mình, đó là điều khiến Celia cảm thấy đặc biệt không hấp dẫn.

Và rồi còn một thứ khác nữa, một lỗ hổng kiểu như hệ lụy từ ảo giác, một ấn tượng rằng anh không hoàn toàn hiện hữu trong căn phòng này.

Nhưng bây giờ, bây giờ có một con người khác đứng bên cô, hiện hữu rõ ràng hơn, như thể rào cản đã bị gỡ bỏ giữa hai người. Anh như ở gần hơn mặc dù khoảng cách giữa hai người không thay đổi, và gương mặt anh vẫn khá điển trai.

Sự mãnh liệt trong cái nhìn của anh tăng lên với đôi mắt này; cô có thể nhìn sâu vào mắt anh hơn mà không hề bị xao nhãng bởi màu mắt.

Celia cảm thấy sức nóng đang dâng lên cổ và cố gắng kiểm soát nó đủ để sắc ửng hồng không thể bị nhận ra trong ánh nến.

“Tôi đã từng nhìn thấy anh như thế này,” cô nói, đặt dáng vẻ thực của anh vào một nơi nào đó trong kí ức. “Anh đã xem màn trình diễn của tôi như thế.”

“Cô nhớ tất cả khán giả của mình sao?” Marco hỏi.

“Không phải tất cả,” Celia nói. “Nhưng tôi nhớ những ai nhìn tôi như anh đang nhìn.”

“Nhìn như thế nào chứ?”

“Như thế họ không thể quyết định được nên sợ tôi hay muốn hôn tôi.”

“Tôi không sợ cô,” Marco nói.

Họ nhìn nhau chăm chú trong yên lặng hồi lâu, ngọn nến chập chờn xung quanh.

“Dường như phải cố gắng lắm mới thể hiện khác đi một chút được,” Celia nói.

“Gì thì cũng có cái lợi của nó.”

“Tôi nghĩ trông anh đẹp hơn khi không có nó,” Celia nói. Marco ngỡ ngàng khi cô nói thêm, “tôi đã nói là mình sẽ thành thực mà, đúng không nhỉ?”

“Cô đang phỉnh tôi thôi, cô Bowen,” anh nói. “Đã bao nhiêu lần cô đến ngôi nhà này rồi?”

“Ít nhất là chục lần,” Celia nói.

“VẬY mà cô vẫn chưa bao giờ đi tham quan.”

“Tôi chưa bao giờ được mời.”

“Chandresh không tin họ. Ông ấy thích để ngôi nhà cứ mãi như một điều bí ẩn. Nếu những vị khách không biết giới hạn là gì, thì họ luôn có ấn tượng rằng ngôi nhà này là vô tận. Nó vốn là hai tòa nhà, để có thể bằng cách nào đó đánh lạc hướng.”

“Tôi không biết đấy,” Celia nói.

“Hai ngôi nhà tiếp giáp, đối xứng nhau. Ông ấy đã mua cả hai và cho sửa sang thành một tòa nhà, với một số gia cố. Tôi không tin là chúng ta có thời gian tham quan hết, nhưng tôi có thể chỉ cho cô một vài căn phòng bí ẩn hơn, nếu cô muốn.”

“Tôi muốn chứ,” Celia nói, đặt ly rượu cạnh lên mặt bàn cạnh ly của anh. “Anh có thường làm hướng dẫn viên bí mật như thế này ở nhà ông chủ không thế?”

“Chỉ có một lần thôi, và đó là vì ông Barris khá là dai dẳng.”

• • •

Từ phòng ăn, họ băng qua dưới bóng pho tượng đầu voi ở hành lang, đi vào thư viện và dừng lại trước tấm kính màu thể hiện cảnh hoàng hôn choán hết chiều dài một bức tường.

“Đây là phòng trò chơi,” Marco nói, đẩy tấm kính và để nó mở sang một phòng khác.

“Thật phù hợp.”

Trò chơi giống như chủ đề hơn là chức năng của căn phòng. Có vài bàn cờ thiếu quân, và những quân cờ nhưng không có bàn xếp thành hàng trên

bệ cửa sổ và giá sách. Những tấm bia phóng tiêu mà không có tiêu được treo cạnh các bàn cờ thỏ cáo đang chơi dở chừng.

Bàn bi-a ở chính giữa bục ni đồ như máu.

Một dàn vũ khí trên tường, được xếp theo đôi. Kiếm lưỡi cong, súng ngắn cùng liễu kiếm, cái này vắt chéo vào cái kia, như để chuẩn bị cho hàng tá những buổi so tài. “Chandresh đam mê vũ khí cổ,” Marco giải thích khi Celia ngắm nghía chúng. “Còn có ở các phòng khác nữa nhưng đây là phần lớn bộ sưu tập của ông ấy.”

Anh quan sát kĩ Celia khi cô đi quanh căn phòng. Trông cô có vẻ như đang cố gắng không mỉm cười khi nhìn những đồ liên quan tới tỉ thí được sắp xếp một cách đầy nghệ thuật quanh họ.

“Cô mỉm cười như là có gì bí mật vậy,” anh nói.

“Tôi có rất nhiều bí mật,” Celia nói, liếc nhìn anh qua vai trước khi quay lại phía bức tường. “Anh biết tôi là đối thủ từ khi nào?”

“Tôi không biết cho đến màn ra mắt của cô trong buổi thi tuyển ảo thuật gia. Cô đã là một bí ẩn trong nhiều năm. Và tôi chắc chắn là cô đã nhận ra cô khiến tôi sững sốt.” Anh dừng lại trước khi nói thêm, “tôi không thể nói đó thực sự là một lợi thế. Cô biết từ bao giờ?”

“Tôi đã biết trong cơn mưa ở Prague, và anh biết rất rõ đó là lúc tôi biết,” Celia nói. “Lẽ ra anh cứ để tôi đi với một cái ô để tôi mãi thắc mắc về đối thủ của mình, đằng này anh lại đuổi theo tôi. Vì sao vậy?”

“Tôi muốn lấy nó lại,” Marco nói. “Tôi khá thích cái ô đó. Và tôi đã lo lắng vì phải trốn cô.”

“Tôi đã từng nghi ngờ bất cứ ai và tất cả mọi người,” Celia nói. “Nhưng tôi nghĩ rằng đó có thể là một người trong rạp xiếc. Lẽ ra tôi nên biết đó là anh.”

“Vì sao lại thế?” Marco hỏi.

“Bởi vì anh đã tỏ ra kém cỏi hơn thực lực,” cô nói. “Thật rõ như ban ngày vậy. Tôi sẽ thừa nhận, tôi chưa bao giờ nghĩ là sẽ yểm bùa cái ô của tôi cả.”

“Phần lớn thời gian tôi sống ở London,” Marco nói. “Ngay khi tôi học được cách bỏ bùa sự vật, đó là một trong những thứ đầu tiên tôi nghĩ tới.”

Anh cởi áo khoác ra và ném lên một trong mấy chiếc ghế da trong góc. Anh lấy từ trên giá xuống một bộ bài, không chắc liệu cô có sẵn lòng chiêu theo ý anh không nhưng lại quá hiếu kì để không thử.

“Anh muốn chơi bài ư?” Celia hỏi.

“Không hẳn,” Marco trả lời khi anh tráo bài. Khi thấy hài lòng, anh đặt bộ bài lên bàn bi-a.

Anh lật một quân bài lên. K bích. Anh gõ lên bề mặt và con K bích trở thành con K cơ. Anh nhấc tay lên, thu về và xòe các ngón tay lên trên tấm bài, mời cô tiếp chiêu. Celia mỉm cười. Cô tháo khăn quàng khỏi vai, vắt lên trên áo khoác của anh. Rồi cô đứng thẳng, hai tay chắp sau lưng.

Con K cơ lật lên, đứng thẳng trên mép bài. Nó đứng đó một lúc trước khi từ từ và cẩn trọng tách ra làm hai. Hai nửa vẫn đứng yên, tách rời, và trước khi chúng rơi xuống, mặt sau quân bài ở phía trên.

Bắt chước động tác của Marco, Celia gõ lên quân bài và nó dính lại với nhau. Cô thu tay lại và quân bài tự lật mình. Q rô.

Rồi toàn bộ bộ bài bay lên không trung trong chốc lát trước khi đổ ụp xuống mặt bàn, các quân bài văng tán loạn trên khắp bề mặt vải nỉ đỏ.

“Cô đúng là giỏi hơn tôi về tài điều khiển vật chất,” Marco thừa nhận.

“Tôi có một lợi thế,” Celia nói. “Thứ mà bố tôi gọi là năng khiếu. Tôi thấy việc không gây ảnh hưởng tới đồ đạc xung quanh mình khó hơn, tôi thường xuyên làm vỡ đồ lúc còn nhỏ.”

“Cô có thể tác động lên những vật sống đến mức nào?” Marco hỏi.

“Còn tùy xem vật đó là gì,” Celia nói. “Những vật vô tri thì dễ hơn. Tôi đã mất hàng năm trời để làm chủ được bất cứ thứ gì chuyển động được. Và tôi làm việc với chim của mình tốt hơn với bất kì con bồ câu già nào ở trên phố.”

“Cô có thể làm gì với tôi?”

“Tôi có thể biến đổi tóc của anh, có thể cả giọng nói của anh nữa,” Celia nói. “Không thể làm hơn nếu không có sự đồng ý và nhận thức của anh, và sự đồng ý thực sự vẫn luôn khó đạt được hơn anh nghĩ. Tôi không thể chữa lành vết thương. Tôi hiếm khi gây ra được điều gì mạnh hơn ngoài ảnh hưởng tạm thời ở bề mặt. Sẽ dễ dàng hơn với những người tôi quen, dù chưa bao giờ việc đó đặc biệt dễ dàng cả.”

“Thế còn với chính cô thì sao?”

Đáp lại, Celia đi tới bức tường và nhắc một con dao găm Ottoman^[28] bản mỏng với chuôi bằng ngọc lục bảo ra khỏi nơi nó được treo cùng cặp. Tay phải cầm con dao, cô úp lòng bàn tay trái xuống bàn bi-a, phía trên các lá bài đang rải rác. Không ngần ngại, cô đâm thẳng lưỡi dao vào mu bàn tay mình, xuyên qua da, thịt, các lá bài và găm xuống lớp vải nỉ phía dưới.

Marco sững người, nhưng không nói gì.

Celia kéo con dao găm lên, bàn tay và quân hai bích vẫn bị lưỡi dao đâm xuyên qua, máu bắt đầu chảy xuống cổ tay. Cô đưa bàn tay ra và từ từ xoay lại, chìa ra như thể biểu diễn để Marco có thể nhìn thấy không dính dáng gì tới ảo giác.

Với bàn tay kia cô rút con dao ra, quân bài dính máu rơi xuống. Rồi những giọt máu bắt đầu chảy ngược lại, chui vào trong vết đâm trên lòng bàn tay cô, vết đâm sau đó liền lại và biến mất cho đến khi không còn gì ngoài một đường lằn đỏ sắc gọn trên da cô, và rồi chẳng còn gì. Cô vỗ lên quân bài và vết máu biến mất. Vết rách do lưỡi dao để lại cũng không còn. Quân bài giờ là con hai cơ.

Marco nhặt quân bài lên và chạy các ngón tay trên bề mặt đã liền lại. Rồi với chuyển động tinh tế của bàn tay anh, quân bài biến mất. Anh nhét nó thật yên ổn trong túi áo của mình.

“Tôi mừng là chúng ta không bị thách thức vào một cuộc đấu thể chất,” anh nói. “Tôi nghĩ nếu như vậy cô sẽ chiếm ưu thế.”

“Bố tôi từng cứa đứt từng đầu ngón tay tôi cho đến khi tôi biết tự chữa lành cả mười ngón cùng một lúc,” Celia vừa nói vừa treo lại con dao găm vào chỗ cũ trên tường. “Việc này đại để là cảm giác từ bên trong xem cách mọi vật hòa hợp với nhau như thế nào, tôi đã không thể nào làm được việc này với bất cứ người nào khác.”

“Tôi nghĩ những buổi học của cô kém trừu tượng hơn của tôi rất nhiều.”

“Tôi thích đọc sách hơn.”

“Tôi nghĩ thật lạ khi chúng ta được chuẩn bị theo những cách hoàn toàn khác nhau cho cùng một thử thách,” Marco nói. Anh lại nhìn bàn tay Celia dù bây giờ rõ ràng chẳng có gì, không một dấu hiệu cho thấy nó vừa mới bị đâm vài giây trước.

“Tôi ngờ rằng đó là một phần mấu chốt,” cô nói. “Hai trường phái tư tưởng đấu với nhau, cùng trong một môi trường.”

“Tôi thú nhận là,” Marco nói, “tôi không hoàn toàn hiểu được mấu chốt đó, kể cả sau từng ấy thời gian.”

“Tôi cũng thế thôi,” Celia thú nhận. “Tôi nghĩ gọi đây là thử thách hay trận đấu không hoàn toàn chính xác. Tôi đã nghĩ về nó giống như màn trình diễn kép. Tôi sẽ được nhìn thấy gì nữa trong chuyến tham quan của mình?”

“Cô có muốn xem một thứ đang làm dở không?” Marco hỏi. Biết rằng cô nghĩ về rạp xiếc như một màn trình diễn, với anh là một ngạc nhiên dễ chịu vì anh đã thôi không coi nó là cái gì đó xấu xa từ rất lâu rồi.

“Có chứ,” Celia nói. “Đặc biệt nếu đó là dự án mà ông Barris cứ nhắc mãi trong suốt bữa ăn.”

“Quả là nó.”

Marco hộ tống cô ra khỏi phòng trò chơi qua một cánh cửa khác, đi nhanh qua hành lang và bước vào phòng vũ hội mênh mông ở phía sau căn nhà, nơi ánh trăng lọc qua những cánh cửa thủy tinh dàn hàng trên bức tường phía sau.

• • •

Bên ngoài, trong không gian lúc trước là khu vườn ở bên kia sân hè, giờ đã bị đào xuống một mức thấp hơn, sâu xuống dưới đất. Lúc này, khung cảnh gần giống sự sắp đặt các đồng đất và sỏi chất thành những bức tường cao nhưng thô sơ.

Celia cẩn thận bước xuống những bậc thang đá và Marco đi phía sau cô. Khi vừa đến đáy, những bức tường tạo thành một mê cung, chỉ để lại một phần nhỏ của khu vườn hiện ra xen kẽ.

“Tôi nghĩ có thể sẽ hữu ích cho Chandresh khi có một dự án để ông ấy tập trung vào,” Marco giải thích. “Vì những ngày này ông ấy hiếm khi ra khỏi nhà, sửa sang lại khu vườn có vẻ là khởi đầu tốt. Cô có muốn xem nó sẽ như thế nào khi hoàn thành không?”

“Có chứ,” Celia nói. “Anh có bản thiết kế ở đây ư?”

Đáp lại, Marco giơ một bàn tay và vung lên xung quanh hai người.

Những gì khoáng khắc trước chỉ là những đồng đá thô kệch, giờ đã được sắp xếp và xây thành những cổng vòm trang trí và các lối đi, phủ kín bởi dây nho và lấp lánh những lồng đèn nhỏ xíu, sáng rực. Hoa hồng vươn ra từ những giàn mắt cáo uốn cong phía trên họ, bầu trời đêm hiện ra giữa những bông hoa.

Celia đặt tay lên môi để kìm lại tiếng thốt kinh ngạc. Toàn bộ cảnh vật, từ mùi hương hoa hồng tới tia ấm áp từ lồng đèn tỏa ra, đều ấn tượng đến khó

tin. Cô có thể nghe thấy tiếng vòi phun nước bắn bọt ở gần đó và men theo lối đi giờ đã phủ đầy cỏ để đi tìm.

Marco đi theo Celia khi cô khám phá, rẽ hết khúc quanh này tới khúc quanh khác xuyên qua những lối đi quanh co giao cắt nhau.

Đài phun ở chính giữa đưa nước xuống một bức tường đá được chạm khắc, chảy vào một ao tròn đầy cá koi^[29]. Những cái vẩy của chúng lấp lánh dưới ánh trăng, những mảng màu trắng và cam rực rỡ trong làn nước tối màu.

Celia đưa tay ra, để cho dòng nước từ đài phun chảy qua kẽ tay khi cô tì vào phiến đá lạnh ở bên dưới.

“Anh tạo ra điều này trong đầu tôi, đúng không?” cô hỏi khi nghe thấy Marco ở đằng sau.

“Cô cho phép tôi mà,” anh nói.

“Tôi có thể dừng nó lại, anh biết mà,” Celia nói, quay lại để đối diện anh. Anh tựa lên một trong mấy cổng vòm đá, nhìn cô.

“Tôi chắc chắn là cô làm được. Nếu bây giờ cô ngăn lại thì tôi cũng không thực hiện được, có thể còn bị gằn như hoàn toàn chặn lại nữa. Và dĩ nhiên, sự gằn gũ là chìa khóa của quá trình xâm nhập.”

“Anh không được làm điều này với rạp xiếc,” Celia nói.

Marco nhún vai.

“Thật không may là khoảng cách quá lớn,” anh nói. “Đây là một trong những năng lực của tôi, nhưng lại quá ít cơ hội để phát huy. Tôi không quen tạo ra những ảo giác như thế này để mỗi lần có nhiều hơn một người chiêm ngưỡng.”

“Thật kì diệu,” Celia nói khi quan sát cá koi bơi dưới chân cô. “Tôi chưa bao giờ kiểm soát nổi thứ gì quá phức tạp, dù người ta gọi tôi là ảo thuật gia. Anh xứng với danh hiệu đó hơn tôi.”

“Tôi cho là danh hiệu *Mĩ nhân có thể không chế cả thế giới bằng ý nghĩ* quá ư công kênh nhỉ.”

“Tôi không nghĩ là nó vừa với cái biển treo ngoài lều của tôi.”

Tiếng cười của anh trầm và ấm áp, và Celia quay mặt đi để giấu nụ cười, giữ vững sự chú ý của mình vào dòng nước xoáy.

“Một trong mấy năng lực của tôi cũng chẳng có ích gì,” cô nói. “Tôi rất thạo điều khiển vải vóc, nhưng có vẻ như chẳng cần thiết khi xem những gì Mme. Padva có thể làm.” Cô huơ chiếc váy, ánh bạc bắt sáng khiến cô tỏa sáng như những chiếc lồng đèn.

“Tôi nghĩ bà ấy là phù thủy,” Marco nói. “Và tôi nói thế với nghĩa tán dương nhất đấy.”

“Tôi nghĩ là bà ấy sẽ coi đó như một lời khen, thực sự.” Celia nói. “Anh cũng đang thấy tất cả những điều này, giống y như tôi thấy sao?”

“Ít nhiều là thế,” Marco nói. “Sắc thái sẽ càng rõ ràng hơn khi tôi càng đứng gần người xem.”

Celia xoay tròn lướt sang phía bên kia bờ ao, gần nơi anh đứng hơn. Cô xem xét những vết khắc trên phiến đá và những dây nho quấn quýt xung quanh, nhưng ánh nhìn của cô cứ quay trở về phía Marco. Ý tứ che giấu thế nào cũng không được vì anh cứ liên tục bắt được ánh nhìn của cô. Cứ mỗi lúc như thế, quay đi lại càng khó khăn.

“Anh thật thông minh khi dùng vạc lửa làm kích tố,” cô nói, cố gắng giữ sự chú ý của mình vào một lồng đèn tí xíu đang tỏa sáng.

“Tôi không ngạc nhiên khi cô phát hiện ra,” Marco nói. “Tôi đã nghĩ ra một cách để giữ kết nối bởi tôi không thể đi cùng rạp xiếc. Buổi lễ thả lửa đường như là cơ hội hoàn hảo để thiết lập một mỏ neo lâu dài. Suy cho cùng, tôi đã không muốn cô kiểm soát được quá nhiều.”

“Nó gây ra hậu quả đấy,” Celia nói. “Ý cô là gì?”

“Chỉ là còn có nhiều thứ đáng nói về cặp song sinh nhà Murray hơn là mái tóc của chúng.”

“Và cô sẽ không định nói với tôi điều đó là gì, đúng không?” Marco hỏi.

“Một quý cô không thể bật mí mọi bí mật của mình được,” Celia nói. Cô kéo một bông hồng từ trên cành leo xuống, khép mắt hít mùi hương, những cánh hoa mềm như nhung chạm lên da cô. Những chi tiết thuộc về giác quan của ảo giác này sống động đến mức gần như khiến người ta say trong nó. “Ai đã nghĩ ra việc hạ thấp khu vườn vậy?” cô hỏi.

“Chandresh. Lấy cảm hứng từ một căn phòng khác trong nhà. Tôi có thể chỉ cho cô phòng đó nếu cô muốn.” Celia gật đầu và họ bước trở lại xuyên qua khu vườn.

Cô đứng gần anh hơn khi họ bước đi, đủ gần để chạm vào dù anh vẫn chấp hai tay sau lưng. Khi họ lên tới sân hè, Celia liếc lại về phía khu vườn, nơi những bông hồng và đèn lồng đã quay trở lại là đất và đá.

• • •

Bên trong, Marco dẫn Celia đi qua phòng vũ hội. Anh dừng lại ở bức tường phía cuối phòng và trượt mở một trong những tấm ván gỗ thẫm màu, để lộ ra một cầu thang xoắn ốc hướng xuống dưới.

“Có phải là một nhà tù không thế?” Celia hỏi khi họ bước xuống.

“Không hẳn,” Marco nói. Khi họ bước tới cánh cửa thép vàng ở cuối cầu thang, anh mở cửa giúp cô. “Cẩn thận nhé.”

Căn phòng nhỏ nhưng trần khá cao, chùm đèn vàng phủ toàn pha lê được treo ở chính giữa. Những bức tường lượn tròn và trần phòng được sơn một màu lam thẫm thẫm điểm xuyết các vì sao.

Một lối đi bao quanh mép tường giống như một vách gờ, dù phần lớn sàn nhà lún xuống và chật kín những gối đệm to tướng được bọc lụa nhiều màu.

“Chandresh nói là phòng theo căn phòng của một tình nhân ở Bombay,” Marco nói. “Tôi thấy nơi này để đọc sách thì tuyệt.”

Celia cười vang và một lọn tóc rơi trên má cô.

Marco có ý gạt nó ra khỏi mặt Celia, nhưng trước khi ngón tay anh kịp chạm tới, cô đã thả mình khỏi gờ tường, chiếc váy bạc bông lên như mây khi cô rơi lên đồng đệm có màu ngọc.

Anh ngấm cô một lát trước khi cũng bắt chước thả mình chìm vào giữa căn phòng cùng cô.

Họ nằm xuống và ngẩng lên nhìn chùm đèn, ánh sáng hắt lên những viên pha lê, biến chùm đèn thành một bầu trời đêm mà chẳng cần tới bất cứ ảo giác nào.

“Bao lâu thì anh có thể tới thăm rạp xiếc?” Celia hỏi.

“Cũng không thường xuyên như tôi muốn. Đương nhiên mỗi khi nó ở gần London. Tôi cố tới thăm nó ở những nơi khác trong châu Âu nếu tôi có thể trốn được Chandresh đủ lâu. Đôi lúc tôi cảm thấy như mình là kẻ đạp cả hai thuyền. Tôi trở nên gắn bó với quá nhiều thứ trong đó, vậy mà nó vẫn luôn đầy bất ngờ.”

“Anh thích căn lều nào?”

“Thật lòng ư? Căn lều của cô.”

“Vì sao chứ?” cô hỏi, quay sang nhìn anh.

“Tôi nghĩ vì nó hợp với gu của mình. Cô có thể công khai làm những điều tôi đã được dạy trong bí mật. Có lẽ tôi trân trọng nó ở một mức độ hơn hẳn những căn lều khác. Tôi cũng rất thích Mê Hồn Trộn. Tôi đã không chắc liệu cô có sẵn lòng hợp tác cùng kiến tạo nó hay không.”

“Tôi đã bị nghe thuyết giảng một bài về màn cộng tác đấy,” Celia nói. “Bố tôi gọi nó là trò giao phối vô liêm sỉ, ông chắc hẳn phải rất nhọc công mới nghĩ ra được lời sỉ nhục đáng giá như thế. Ông thấy có gì đó lờ lợt, phô trương khi kết hợp các kỹ năng lại như vậy, và tôi thì chưa bao giờ hiểu vì sao. Tôi ngưỡng mộ Mê Hồn Trận, tôi đã rất vui khi tạo thêm các căn phòng. Tôi đặc biệt yêu hành lang mà anh làm cho có tuyết rơi ấy, để anh có thể nhìn thấy dấu chân những người khác để lại khi đi tìm lối ra.”

“Tôi chưa từng nghĩ tới nó theo cách khiêu khích đến thế,” Marco nói. “Tôi hi vọng sẽ thăm lại Mê Hồn Trận với suy nghĩ đó trong đầu. Nhưng tôi tưởng bố cô sẽ không thể đưa ra nhận xét về những vấn đề như thế nữa cơ mà.”

“Ông ấy không chết,” Celia nói, lại ngẩng lên nhìn trần phòng. “Chuyện này cũng khó giải thích.”

Marco quyết định không yêu cầu cô cố giải thích mà thay vào đó, anh quay lại chủ đề rạp xiếc.

“Cô thích nhất căn lều nào?” anh hỏi.

“Vườn Băng,” Celia trả lời mà không cần dừng lại nghĩ ngợi.

“Vì sao?” Marco hỏi.

“Bởi *cảm giác* mà nó mang lại,” cô nói. “Giống như bước vào một giấc mơ. Như thế một nơi nào đó khác biệt hoàn toàn và không chỉ đơn thuần là một căn lều. Có lẽ chỉ vì tôi thích tuyết. Làm thế nào mà anh lại nảy ra ý tưởng đó thế?”

Marco hồi tưởng về quá trình, vì trước đây anh chưa bao giờ được yêu cầu giải thích nguồn gốc ý tưởng của mình. “Tôi đã nghĩ có thể sẽ thú vị khi có một nhà kính, nhưng dĩ nhiên không được có nhiều màu,” anh nói. “Tôi đã nảy ra rất nhiều phương án trước khi quyết định sẽ tạo mọi thứ từ băng. Tôi thấy vui vì cô thấy nó giống như một giấc mơ, bởi đó là nơi cốt lõi của ý tưởng này xuất phát.”

“Đó cũng là lý do tôi tạo ra Cây Ước,” Celia nói. “Tôi đã nghĩ rằng một cái cây bao phủ bởi lửa sẽ là sự bổ trợ tuyệt vời cho những gì được tạo nên từ băng.”

Marco nhớ lại lần đầu tiên anh nhìn thấy Cây Ước. Khi hồi tưởng, sự pha trộn giữa khó chịu, kì thú và nuối tiếc dường như thật khác. Anh không chắc rằng liệu anh có thể thắp cây nến của chính mình, nguyện ước của chính mình, anh tự hỏi liệu có khi nào việc ấy sẽ trái với những luật chơi.

“Vậy mọi điều ước đó đều thành hiện thực ư?” anh hỏi.

“Tôi không chắc nữa,” Celia nói. “Tôi đã không còn dõi theo được từng người gửi ước nguyện lên nó. Anh thì sao?”

“Có lẽ.”

“Thế điều ước của anh đã thành hiện thực chưa?”

“Tôi vẫn còn chưa hoàn toàn chắc chắn.”

“Anh sẽ phải nói cho tôi đấy,” Celia nói. “Tôi hi vọng nó sẽ trở thành hiện thực. Tôi nghĩ theo một cách nào đó, tôi đã tạo ra Cây Ước này cho anh.”

“Lúc đó cô đâu có biết tôi,” Marco nói, quay sang nhìn cô. Cô vẫn đang chăm chú nhìn chòm đèn nhưng nụ cười giữ-bí-mật đầy mê hoặc ấy đã quay trở lại.

“Tôi không biết nhân dạng của anh, nhưng tôi đã có mừng tượng về người sẽ là đối thủ của mình khi được bao quanh bởi những thứ anh làm. Tôi đã nghĩ là anh có thể sẽ thích nó.”

“Tôi có thích mà,” Marco nói.

Sự im lặng giữa hai người là im lặng dễ chịu. Anh những mong được vươn người qua và chạm vào cô, nhưng rồi ngăn mình lại, sợ rằng sẽ phá hủy mất sự thân thiết mà cả anh và cô cùng đang xây dựng. Thay vào đó, anh thi thoảng trộm nhìn, ngắm ánh sáng rơi trên da cô. Có vài lần anh bắt gặp cô cũng nhìn anh như thế, và những khoảnh khắc khi cô nhìn vào mắt anh thật diệu kì.

“Làm thế nào anh lại giữ được cho mọi người không bị già đi?” một lát sau Celia hỏi.

“Một cách thận trọng,” Marco trả lời. “Và thực ra họ đều đang già đi, chỉ là vô cùng chậm thôi. Thế cô làm thế nào để di chuyển rạp xiếc?”

“Trên một con tàu.”

“Tàu ư?” Marco hỏi, ngạc nhiên. “Toàn bộ rạp xiếc di chuyển trên một đoàn tàu sao?”

“Đó là một đoàn tàu lớn,” Celia giải thích. “Và có phép thuật nữa đấy,” cô bổ sung khiến Marco bật cười. “Tôi thú nhận, thưa cô Bowen, cô không hề giống những gì tôi đã tưởng tượng.”

“Tôi có thể đảm bảo với anh cảm giác ở phía tôi cũng là như vậy.”

Marco đứng dậy, bước lùi về phía cạnh cửa.

Celia chìa tay và anh nắm lấy để giúp cô đứng lên. Đó là lần đầu tiên anh chạm vào làn da cô.

Bầu không khí tức thời phản ứng. Một xung lực đột ngột tạo sóng khắp căn phòng, rõ ràng và mạnh mẽ. Chùm đèn bắt đầu rung rung.

Cảm giác bao phủ khắp làn da Marco rạo rức và mãnh liệt, bắt đầu ở nơi lòng bàn tay anh chạm vào lòng bàn tay cô nhưng lan tỏa ra xa hơn và sâu hơn.

Celia rút tay lại sau khi lấy được thăng bằng, cô lùi lại và dựa vào tường. Cảm giác ấy bắt đầu trầm ổn xuống ngay khi cô buông tay anh ra.

“Tôi xin lỗi,” cô khẽ nói, rõ ràng bị hụt hơi. “Anh làm tôi giật mình.”

“Thứ lỗi cho tôi,” Marco nói, trong tai anh vang lên nhịp tim mình đập to đến nỗi anh không thể nghe thấy tiếng cô. “Nhưng tôi không thể nói là mình hoàn toàn chắc chắn về chuyện đã xảy ra.”

“Tôi có xu hướng đặc biệt nhạy cảm với năng lượng,” Celia nói. “Những người làm những thứ giống như anh và tôi thường mang trong mình một loại

năng lượng có thể cảm nhận được rất rõ ràng, và tôi... tôi lại chưa quen lắm với năng lượng của anh.”

“Tôi chỉ hi vọng đó là cảm giác dễ chịu đối với cô giống như nó đối với tôi vậy.”

Celia không đáp lại. Để ngăn mình không chạm vào tay cô một lần nữa, Marco mở cửa, dẫn cô quay trở lên chiếc cầu thang xoắn ốc.

• • •

Họ bước trong phòng vũ hội ngập tràn ánh trắng, tiếng bước chân của cả hai cùng vang lên.

“Chandresh giờ thế nào rồi?” Celia hỏi, cố tìm một chủ đề để phá vỡ sự im lặng, bất cứ thứ gì có thể giúp cô phân tán khỏi đôi bàn tay hăng còn run rẩy, và chợt nhớ tới chiếc ly bị đổ trong bữa tối.

“Ông ấy chao đảo,” Marco nói kèm một tiếng thở dài. “Kể từ khi rạp xiếc mở màn, ông ấy càng ngày càng mất tập trung. Tôi... tôi đang làm những gì có thể để giữ ông ấy ổn định, nhưng tôi sợ rằng nó sẽ phản tác dụng lên trí nhớ của ông ấy. Tôi không cố ý nhưng sau những gì xảy ra với cô Burgess đã khuất, tôi đã nghĩ đó là hành động khôn ngoan nhất.”

“Cô ấy đã ở vào một vị thế đặc biệt khi bị kéo vào tất cả chuyện này mà lại không ở trong chính rạp xiếc,” Celia nói. “Tôi chắc chắn rằng đó không phải là góc độ dễ dàng nhất để kiểm soát. Ít nhất thì anh có thể quan sát được Chandresh.”

“Quả là thế,” Marco nói. “Tôi đã ước gì có cách nào đó bảo vệ được những người ngoài rạp xiếc giống như vạc lửa đã bảo vệ những người trong rạp xiếc.”

“Vạc lửa ư?” Celia hỏi.

“Nó thực hiện một số mục đích. Trước tiên, nó là mối liên hệ của tôi với rạp xiếc, nhưng nó cũng hoạt động tựa như một lá chắn. Tôi đã bỏ qua sự thật là nó không bảo vệ được những người ở bên ngoài hàng rào.”

“Tôi thậm chí còn chẳng cân nhắc tới những lá chắn,” Celia nói. “Tôi không nghĩ rằng lúc đầu mình hiểu được có bao nhiêu người sẽ bị lôi kéo vào thách thức của chúng ta.” Cô không bước tiếp mà đứng ở giữa phòng vũ hội.

Marco cũng dừng lại nhưng không nói gì cả, đợi cô lên tiếng.

“Đó không phải là lỗi của anh,” cô khẽ nói. “Những gì xảy ra với Tara. Những tình huống khác đã có thể diễn ra y hệt bất kể anh hay tôi có làm gì. Anh không thể lấy đi ý chí độc lập của bất kì ai, đó là một trong những bài học đầu tiên của tôi.”

Marco gật đầu, và rồi anh tiến một bước lại gần cô hơn. Anh vươn người ra nắm lấy tay cô, từ từ đan các ngón tay mình vào các ngón tay cô.

Cảm giác mãnh liệt y như lần trước khi anh chạm vào cô, nhưng có điều gì đó khác biệt. Không khí thay đổi, nhưng chùm đèn đung đưa trên đầu họ vẫn chắc chắn và im lìm.

“Anh đang làm gì thế?” cô hỏi.

“Cô đã nói gì đó về năng lượng,” Marco nói. “Tôi đang tập trung năng lượng của cô bằng năng lượng của tôi, như thế cô sẽ không làm vỡ chùm đèn.”

“Nếu làm vỡ bất cứ thứ gì thì tôi có thể sửa lại được,” Celia nói, nhưng cô không buông tay ra.

Không lo lắng gì về hiệu ứng mà cô sẽ có đối với những thứ xung quanh, Celia có thể thả lỏng mình để cảm nhận thay vì từ chối. Cảm giác ấy thật sâu sắc và tinh tế. Đó là điều cô đã cảm nhận được trong biết bao căn lều của anh, một cảm giác nghẹt thở khi được vây quanh bởi thứ gì đó tuyệt diệu và kì ảo, chỉ bung mình tập trung trực diện vào mình cô. Cảm giác da anh chạm

lên da cô truyền rung động đi khắp cơ thể Celia, dù tay anh vẫn lỏng trong tay cô. Cô ngược lên nhìn anh, lại một lần nữa bị mắc vào sắc xám ánh xanh ám ảnh của đôi mắt ấy, và cô không quay đi.

Họ đứng đó nhìn sâu vào mắt nhau trong im lặng, khoảnh khắc tưởng chừng kéo dài hàng giờ.

Chiếc đồng hồ ở hành lang điểm chuông và Celia giật thót mình. Ngay khi buông tay Marco, cô lập tức muốn nắm lại lấy nó, nhưng cả buổi tối vốn đã quá sức chịu đựng.

“Anh che giấu quá giỏi,” cô nói. “Tôi có thể cảm nhận được năng lượng tương tự tỏa ra như sức nóng trong mỗi căn lều của anh, nhưng khi ở trong anh, nó hoàn toàn bị phong bế.”

“Làm lạc lối là một trong những năng lực của tôi mà,” Marco nói.

“Giờ sẽ không còn dễ nữa đâu vì anh đã được tôi chú ý rồi.”

“Tôi thích được cô chú ý,” anh nói. “Cảm ơn cô vì điều này. Vì đã ở lại.”

“Tôi tha thứ cho anh vì đã lấy khăn của tôi.”

Cô mỉm cười khi anh bật cười.

Và rồi cô biến mất. Một mảnh khước đơn giản làm phân tán sự chú ý của anh đủ lâu để lên ra ngoài qua ngã hành lang, bất chấp ham muốn được ở lại cứ nấn ná kéo dài.

• • •

MARCO TÌM THẤY khăn của Celia bị bỏ lại trong phòng trò chơi, vẫn phủ lên trên áo khoác của anh.

Phần III

GIAO CẮT

Tôi vô cùng mong mỏi được đọc những phản hồi, những quan sát của mỗi người bước qua cánh cổng Le Cirque des Rêves, để biết họ đã nhìn, đã nghe và đã cảm thấy những gì. Để xem những trải nghiệm của họ giống và khác những trải nghiệm của tôi như thế nào. Tôi đã thật may mắn khi nhận được những lá thư với những thông tin như thế, khi có những “kẻ mộng mơ” chia sẻ với mình bài viết trong tạp chí hay dòng suy nghĩ nguệch ngoạc trên mẫu giấy.

Chúng tôi thêm vào những câu chuyện của chính mình, mỗi vị khách, mỗi chuyến viếng thăm, mỗi đêm trải qua ở rạp xiếc. Tôi đồ rằng sẽ chẳng bao giờ hết thứ để nói, hay cạn kiệt những câu chuyện được kể và được sẻ chia.

• **FRIEDRICK THIESSEN, 1895**

ĐÔI TÌNH NHÂN

Đứng trên bục diễn ngay chính giữa đám đông, đủ cao để có thể được chiêm ngưỡng một cách rõ ràng từ mọi góc độ là hai dáng hình, bất động như những pho tượng. Người con gái mặc chiếc váy gần giống váy cô dâu được may cho vũ công ba-lê, trắng, bông bênh và điểm xuyết những dải ruy-băng màu đen phơ phất trong tiết trời đêm. Cô mang tất kẻ sọc, đi ủng cao cổ, cài khuy màu đen. Mái tóc sẫm màu được búi lên thành từng sóng tóc phía trên đầu, loáng thoáng gài mấy chiếc lông vũ trắng làm duyên.

Sóng đôi cùng cô là một chàng anh tuấn, dong dỏng cao hơn cô, vận bộ vét sọc nhỏ màu đen cắt may hoàn hảo. Áo sơ-mi trắng tinh khôi, cà-vạt đen thắt thanh lịch. Trên đầu anh là chiếc mũ quả dưa màu đen.

Họ quăn quýt nhưng không chạm vào nhau, hai gương mặt sát lại. Đôi môi đóng băng ngay khoảnh khắc trước (hoặc sau) nụ hôn.

Dù bạn nhìn họ hồi lâu nhưng họ không hề cử động. Không một rung động từ đầu ngón tay hay bờ mi. Không cả một dấu hiệu cho thấy họ đang thở.

“Họ không thể là thật,” ai đó đứng bên cạnh nhận xét. Nhiều khách chỉ liếc qua rồi đi tiếp, nhưng càng nhìn, bạn càng có thể cảm nhận được những chuyển động khẽ khàng nhất. Sự thay đổi ở đường cong của bàn tay khi hướng đến gần một cánh tay. Sự đổi góc của một bên chân giữ thăng bằng hoàn hảo. Họ không ngừng bị hút về nhau.

Nhưng họ vẫn không chạm vào nhau.

MƯỜI BA

LONDON, THỨ SÁU, 13 THÁNG MƯỜI, 1899

Tại lễ mừng Le Cirque des Rêves không phải được tổ chức sau mười năm hoạt động, một việc có lẽ đã được mong mỏi và cũng có phần giống thông lệ, mà phải đợi tới khi rạp xiếc đã mở màn và lưu diễn được những mười ba năm trời. Có người nói đại lễ được tổ chức lần này là vì lễ kỉ niệm mười năm đã đến rồi trôi qua, và chẳng ai nghĩ đến chuyện có một bữa tiệc dành cho nó cho tới mãi sau đó.

Buổi tiệc diễn ra ở tư gia của Chandresh Christophe Lefèvre vào thứ Sáu, ngày Mười ba tháng Mười, 1899. Danh sách khách mời cũng giới hạn; chỉ có những thành viên của rạp xiếc và một vài vị khách mời đặc biệt có chọn lựa tham gia. Buổi tiệc không được công bố rộng rãi, dĩ nhiên, và dù có thể có người đoán già đoán non được rằng sự kiện này có gì đó liên quan tới rạp xiếc thì cũng chẳng có cách nào chắc chắn được. Và lại, không ai thực sự ngờ được cái rạp xiếc đen-và-trắng trứ danh ấy lại dính dáng đến một sự kiện quá ư sắc sỡ.

Tất cả cực kì sắc sỡ, cả ngôi nhà và những người dự tiệc xuất hiện trong những sắc màu cầu vồng. Đèn ở mỗi phòng đều được xử lý đặc biệt, màu xanh lục đi cùng với xanh lam, đỏ và cam thành một cặp. Những chiếc bàn rải rác trong phòng ăn được trải khăn in hoa văn sống động. Điểm nhấn là những lăng hoa cầu kỳ với những loài hoa bung nở rực rỡ nhất. Các nhạc công bận vét kẻ nhung đỏ trong phòng vũ hội chơi những giai điệu tuy có phần kì quặc nhưng du dương, khiến người ta có thể đứng đưa khiêu vũ theo. Ngay cả những ly cao đế uống champagne cũng là thủy tinh xanh cô-ban sắc nét thay vì loại thủy tinh trong, và người phục vụ thì mặc màu xanh lục thay vì màu đen. Bản thân Chandresh mặc bộ vét màu tím sáng, áo

khoác họa tiết cánh hoa ánh vàng, và trong suốt cả buổi tối, ông hút xì-gà đặc chế, nhả ra những vòng khói tím tiệp màu với áo.

Một dải hoa hồng chuyển màu từ tự nhiên tới những màu không tưởng đặt trong lòng pho tượng đầu voi vàng kim ở sảnh, những cánh hoa bay xuống mỗi khi có ai đi qua.

Cốc-tai được rót ra tại quầy trong những cái ly đủ mọi hình dáng và màu sắc kì lạ. Rượu vang màu đỏ ruby và rượu ngải đắng xanh như mây khói. Những tấm thảm lụa óng ả rủ xuống trên tường và phủ lên tất cả những thứ sẽ đứng yên. Nến cháy trong những đế thủy tinh màu, tỏa thứ ánh sáng nhảy múa lên khắp bữa tiệc và những người tham dự.

Poppet và Widget là những vị khách trẻ nhất, bằng tuổi với rạp xiếc. Mái tóc đỏ của hai anh em rục lên rạng rỡ, hai đứa mặc trang phục đôi, có màu xanh lam ấm áp của bầu trời chạng vạng, viền sắc hồng và ánh vàng tươi. Chandresh đã tặng hai đứa hai con mèo con sọc cam có đôi mắt màu lam, cổ thắt nơ kẻ sọc như món quà mừng sinh nhật. Poppet và Widget mê mẩn lũ mèo và ngay lập tức đặt tên chúng là Bootes và Pavo, dù sau này cả hai chẳng bao giờ nhớ nổi trong cặp mèo song sinh kia con nào là con nào và thường gọi cả hai mỗi khi có thể. Những người “chủ mưu” ban đầu đều có mặt, trừ Tara Burgess đã không còn nữa. Lainie Burgess mặc váy dài tha thướt màu vàng hoàng yến, sóng đôi cùng Ethan Barris trong bộ vét xanh dương; ông này đã cố gắng màu mè nhất có thể tuy nhiên cà-vạt của ông lại có tông màu sáng hơn một chút, và ông gài một bông hồng vàng lên ve áo.

Ông A.H- đến dự trong gam xám quen thuộc. Mme. Padva có tham dự, sau khi bị Chandresh thúc giục hồi lâu, rục rở trong trang phục lụa ánh vàng thêu họa tiết đỏ, lông vũ đỏ sậm gài trên mái tóc bạc. Hầu hết buổi tối bà ngồi trên ghế cạnh lò sưởi, quan sát các sự kiện diễn ra quanh mình chứ không trực tiếp tham gia. Herr Friedrich Thiessen tham dự vì có giấy mời đặc biệt, với điều kiện ông sẽ không viết bất kì lời nào công khai về buổi tiệc hay nhắc tới nó với bất kì ai. Ông đã hứa một cách vui vẻ, và tham dự

trong bộ đồ đỏ có điểm chút màu đen, một sự đảo lộn trang phục thường ngày của ông.

Phần lớn thời gian ông hộ tống Celia Bowen, chiếc váy diêm dúa của cô đôi màu theo sắc cầu vồng để bổ khuyết bất cứ ai cô đứng gần.

Không có diễn viên nào khác trừ ban nhạc, vì thật khó có thể thuê nghệ sĩ giải trí để tạo ấn tượng cho một bữa tiệc vốn chủ yếu là thành viên đoàn xiếc. Hầu hết cả buổi tối chỉ là đối thoại và giao tế.

Bữa tối bắt đầu lúc nửa đêm, mỗi món ăn đưa ra được tạo dáng bằng màu đen và trắng, nhưng luôn bung nở màu sắc mỗi khi đĩa hay thìa chạm vào, để lộ ra muôn tầng hương vị chồng lên nhau. Có vài món được đặt trên những chiếc gương nhỏ thay vì đĩa bình thường.

Poppet và Widget tuân những mẫu thức ăn phù hợp cho lũ mèo sọc cam ở dưới chân trong khi chăm chú lắng nghe những câu chuyện về ba-lê của Mme. Padva. Mẹ hai đứa đã cảnh báo trước rằng nội dung những câu chuyện ấy có thể không hoàn toàn phù hợp với hai nhóc mới vừa tròn mười ba, nhưng Mme. Padva vẫn tuân ra không nao núng, chỉ giấu nhẹm đi những phần xấu xa nhất của các chi tiết mà Widget vẫn có thể đọc được qua ánh lấp lánh trong mắt bà kể cả khi bà không nói ra. Món tráng miệng chủ đạo là một cái bánh kem nhiều tầng khổng lồ có hình những căn lều của rạp xiếc được phủ kem sọc, nhân bên trong là kem mâm xôi ngon bất ngờ. Có cả những con báo đốm bằng sô-cô-la nhỏ xíu, và những trái dâu tây nhúng ngập sô-cô-la đen và trắng.

Sau khi món tráng miệng được thưởng thức gọn ghẽ, Chandresh đọc một bài diễn văn lê thê cảm ơn tất cả các vị khách vì mười ba năm hoành tráng kia, vì sự kì diệu của rạp xiếc sẽ chẳng là gì ngoài một ý tưởng từ hơn một thập kỉ trước. Bài diễn văn có đoạn nói về những giấc mơ, gia đình, về nỗ lực đạt được sự độc đáo trong một thế giới thuần nhất. Có phần thật khẩu khí nhưng cũng có đoạn rối rắm và chẳng ra đâu vào đâu, nhưng bài diễn văn vẫn được hầu hết những người đến dự tiệc coi là một cử chỉ ngọt ngào. Nhiều người nhân cơ hội sau đó đã đích thân cảm ơn ông, vì bữa tiệc và vì

rạp xiếc. Một vài người còn đưa ra lời nhận xét về những tình cảm và câu từ của ông.

Chỉ trừ, dĩ nhiên, nhận xét của ông về chuyện không ai có vẻ già đi ngoại trừ cặp song sinh Murray, hành động này đã kéo theo hồi im lặng lạ lùng chỉ bị phá vỡ bởi tiếng ho của ông Barris. Không một ai dám đề cập tới chuyện đó, và nhiều người như có chút thở phào khi chính Chandresh một giờ sau đó không nhớ gì phần lớn những phát ngôn của mình.

Có một màn khiêu vũ sau bữa tối trong phòng vũ hội, nơi hàng dải lụa dài nhiều màu sắc điểm ánh vàng rủ xuống các bức tường và cửa sổ, óng ánh dưới ánh nến.

Ông A.H- đi dọc mép phòng, hầu như không bị ai nhìn thấy và chỉ nói chuyện với một số ít những vị khách khác, trong đó có ông Barris, ông này giới thiệu ông với Herr Thiessen. Ba người nói dăm câu ngắn gọn nhưng khá sôi nổi về những chiếc đồng hồ và bản chất của thời gian trước khi ông A.H- lịch sự cáo lui và biến mất vào khung cảnh một lần nữa.

Ông hoàn toàn tránh khỏi phòng vũ hội, chỉ trừ một điệu van-xơ khi Tsukiko cứ ép ông lên sàn nhảy. Cô mặc váy cách điệu từ bộ kimono màu hồng nhạt, tóc thắt cầu kỳ và đôi mắt kẻ viền một màu đỏ ấn tượng.

Sự duyên dáng của cả hai đã khiến cho mọi cặp đôi khác phải xấu hổ.

Isobel, trong sắc thiên thanh trong trẻo, gắng công vô ích gây chú ý với Marco. Anh tránh mặt cô ở mọi khúc quanh, và thật khó có thể nhận ra anh trong đám đông vì anh mặc giống hệt những người làm còn lại. Thực ra thì, với sự hỗ trợ của vài ly champagne, Tsukiko đã thuyết phục được Isobel bỏ cuộc, kéo cô ra khu vườn lòng chảo cho khuây khỏa.

Sự chú ý của Marco, khi anh không bị Chandresh sai mòng mòng hoặc phải quanh quẩn bên Mme. Padva, bà đã phang anh bằng cây ba-toong của mình khi anh hỏi đi hỏi lại rằng bà có cần bất kì sự trợ giúp nào không, sự chú ý ấy chỉ dành cho mình Celia.

“Không được mời em nhảy thì chẳng khác nào giết anh đi,” Marco thì thầm khi cô đi ngang qua anh trong phòng vũ hội, màu xanh thẫm trên bộ vét của anh lan lên chiếc váy của cô như rêu.

“Vậy thì anh quả là dễ bị giết đấy,” Celia lẩm bẩm, nháy mắt với anh khi Chandresh lướt qua và chìa tay cho cô. Màu rêu vừa mới lan rộng liền bị tiếm chỗ bởi sắc mặt và ánh vàng lấp lánh khi ông kéo cô đi.

Chandresh giới thiệu Celia với ông A.H-, mà không thể nhớ ra là liệu hai người bọn họ đã gặp nhau chưa. Celia nói rằng họ chưa từng, dù cô nhớ quý ngài đang lịch sự cầm tay cô, vì ông trông vẫn hệt như ngày cô sáu tuổi. Duy chỉ có bộ vét của ông là thay đổi, phù hợp với phong cách đương thời.

Một vài người năn nì Celia biểu diễn. Mặc dù lúc đầu cô từ chối nhưng vào cuối buổi tối cô đầu hàng, kéo Tsukiko đang ngơ ngác ra giữa sàn nhảy và làm cô ấy biến mất chỉ trong nháy mắt bất chấp đám đông xung quanh họ. Khoảnh khắc trước còn thấy hai người phụ nữ trong tà váy màu hồng cánh hoa và khoảnh khắc sau chỉ còn Celia đứng đó.

Mấy giây sau, có tiếng hét vọng ra từ thư viện vì Tsukiko xuất hiện trở lại trong cổ quan tài bằng đá đĩnh đầy đèn lồng dựng trong góc. Tsukiko nhắc ly rượu champagne từ một người bồi bàn hăng còn kính ngạc, tặng cho anh ta một nụ cười mỉ hoặc trước khi quay trở lại phòng vũ hội.

Cô đi ngang qua Poppet và Widget, Poppet đang dạy lũ mèo con sọc cam leo lên vai mình còn Widget đang lôi hết cuốn sách này tới cuốn sách khác từ những giá đầy ắp trong thư viện. Poppet đã phải hết sức lôi kéo cậu ra khỏi đó để ngăn cậu không tiêu tốn toàn bộ thời gian bữa tiệc vào chuyện đọc sách.

Khách khứa di chuyển thành những mảng màu từ phòng vũ hội qua các hành lang và thư viện, một cầu vồng di động không ngừng nhấn nhá bởi tiếng cười và tiếng trò chuyện. Bầu không khí duy trì sự sôi động và tươi tắn như thế kể cả khi đã bước sang buổi sáng.

Khi Celia đi một mình qua sảnh trước, Marco tóm lấy tay cô, kéo cô vào góc khuất phía sau pho tượng vàng. Những cánh hồng cuồng nhiệt rơi xuống vì sự thay đổi đột ngột của không khí.

“Em không hề quen như thế đâu, anh biết rồi đấy,” Celia nói. Cô rút tay ra khỏi tay anh nhưng không rời đi, dù không có nhiều không gian giữa bức tường và pho tượng. Chiếc váy của cô ngả tuyền một màu lục, sâu thẳm.

“Trông em hết như lần đầu mình gặp nhau,” Marco nói.

“Em hiểu là anh đã cố tình chọn màu đó phải không?” Celia hỏi.

“Thuần túy chỉ là trùng hợp ngẫu nhiên thôi. Chandresh khẳng khẳng rằng toàn bộ người làm phải mặc màu xanh lục. Và anh đã không dự đoán được sự độc đáo của bộ trang phục mà em chọn.”

Celia nhún vai. “Em không thể quyết định nên mặc gì.”

“Em đẹp lắm,” Marco nói.

“Cảm ơn anh,” Celia đáp lại, lảng tránh ánh mắt anh. “Anh thì quá ư điển trai. Em thích gương mặt thật của anh hơn.”

Gương mặt anh thay đổi, quay lại gương mặt mà cô vẫn nhớ đến từng chi tiết từ buổi tối họ trải qua cùng phòng ba năm về trước trong những hoàn cảnh còn gần gũi hơn nhiều lần. Có rất ít cơ hội kể từ ngày đó ngoại trừ những khoảnh khắc lén lút quá đỗi ngắn ngủi.

“Chẳng phải hơi mạo hiểm khi mang gương mặt này sao?” Celia hỏi.

“Anh làm thế này chỉ vì em,” Marco nói. “Những người còn lại sẽ chỉ thấy anh như họ vẫn thấy.”

Họ đứng nhìn nhau trong yên lặng trong khi một nhóm cười nói đi qua hành lang ở phía bên kia pho tượng. Âm thanh vang vọng khắp không gian dù họ ở đủ xa để Celia và Marco trốn đi mà không ai biết, và chiếc váy của Celia vẫn giữ nguyên màu xanh rêu ấy.

Marco đưa tay lên gạt một lọn tóc quăn rơi xuống mặt Celia, vén ra sau tai cô và lướt những đầu ngón tay qua má cô. Mí mắt cô xao động và những cánh hồng quanh chân họ bắt đầu chuyển động.

“Anh nhớ em,” anh thì thầm dịu dàng.

Không khí giữa họ như có điện khi anh ghé sát lại, nhẹ nhàng miết đôi môi mình lên cổ cô.

Ở phòng bên cạnh, khách khứa phàn nàn rằng nhiệt độ tăng đột ngột. Quạt được rút ra từ những chiếc túi sắc sỡ, phe phẩy như những chú chim nhiệt đới.

Khuất dưới bóng pho tượng đầu voi, Celia đột nhiên né mình ra. Lý do rất rõ ràng khi những đám mây xám bắt đầu xoáy lượn xuyên qua sắc xanh lục trên váy cô.

“Chào ông, Alexander,” cô nói, cúi đầu chào người đàn ông đã xuất hiện phía sau họ không một tiếng động, thậm chí còn không lay động tới cả những cánh hồng rải đầy trên sàn.

Người đàn ông mặc bộ đồ xám gạt đầu lịch thiệp chào cô. “Cô Bowen, tôi muốn nói chuyện riêng với anh bạn của cô một lát, nếu như cô không phiền.”

“Phiền gì đâu ạ,” Celia nói. Cô rời đi, thậm chí không hề liếc nhìn Marco, chiếc váy của cô chuyển màu từ sắc rạng đông xám xám sang hoàng hôn tím phớt khi cô đi dọc hành lang nơi cặp song sinh Murray đang dụ dỗ lũ mèo con sọc cam bằng mấy cái thìa bạc sáng bóng.

“Ta không thể nói cách cư xử này là phù hợp,” người đàn ông mặc bộ đồ xám nói với Marco.

“Thầy biết cô ấy,” Marco khẽ nói, đôi mắt vẫn dõi theo Celia khi cô dừng ở lối vào phòng vũ hội, chiếc váy của cô nhuộm sắc đỏ thắm khi Herr Thiessen mời cô một ly champagne.

“Ta đã *gặp* cô ấy. Ta không có tư cách gì để nói là ta biết cô ấy trên bất kì phương diện nào.”

“Thầy đã biết chính xác cô ấy là ai trước khi chuyện này bắt đầu và thầy chưa bao giờ nghĩ là sẽ nói với con ư?”

“Ta đã không cho là cần thiết.”

Một nhóm khách lững thững từ phòng ăn vào phòng vũ hội, một lần nữa khiến những cánh hoa hồng dạt đi. Marco đi cùng người đàn ông mặc bộ đồ xám qua thư viện, trượt mở tấm thủy tinh màu để bước vào một gian phòng giải trí vắng vẻ và tiếp tục cuộc đối thoại.

“Mười ba năm và không một lời nào, vậy mà giờ thầy lại muốn nói chuyện với con ư?” Marco hỏi.

“Ta không có điều gì cụ thể để nói với cậu cả. Ta chỉ đơn giản muốn ngăn cuộc đối thoại của cậu... và cô Bowen.”

“Cô ấy biết tên thầy.”

“Rõ ràng là cô ấy có trí nhớ rất tốt. Cậu muốn thảo luận gì nào?”

“Con muốn biết liệu có phải con đang làm tốt hay không,” Marco nói, giọng trầm và lạnh lẽo.

“Những bước tiến của cậu đáng kinh ngạc,” người thầy nói. “Công việc của cậu ở đây ổn định, cậu có một vị thế thích hợp để từ đó tiếp tục.”

“Vậy mà con không thể là chính mình. Thầy dạy con tất cả và rồi thầy để con ở đây, vờ vĩnh làm một thứ vốn không phải là con, trong khi cô ấy lại ở sân khấu trung tâm, làm chính xác những điều cô ấy vẫn làm.”

“Nhưng không một ai trong căn phòng đó tin như thế. Họ nghĩ cô ấy chỉ đang đánh lừa họ. Những gì họ thấy được ở cô ấy cũng chẳng nhiều hơn những gì họ thấy ở cậu, cô ấy chỉ đơn giản là dễ nhận ra hơn mà thôi. Cậu cũng có thể làm chẳng kém gì cô ấy mà không cần phải biến nó thành màn trình diễn khoa trương và màu mè. Cậu có thể duy trì được sự ân danh tương

đối của mình mà vẫn đạt được những thành tựu như cô ấy. Ta nghĩ cậu nên giữ khoảng cách với cô ấy và tập trung vào công việc của chính mình.”

“Con yêu cô ấy.”

Chưa bao giờ bất cứ điều gì Marco nói hay làm có thể gây ra một phản ứng rõ ràng từ người đàn ông mặc đồ xám, kể cả khi có lần anh sơ ý làm cháy một cái bàn trong những buổi học, thế nhưng biểu cảm vụt qua gương mặt của ông bây giờ rõ là sự buồn bã không thể nhầm lẫn.

“Ta rất tiếc khi nghe thấy thế,” ông nói. “Điều đó sẽ khiến thử thách này khó khăn hơn gấp bội với cậu.”

“Bọn con đã chơi trò này hơn một thập kỉ rồi, đến bao giờ mới kết thúc đây?”

“Nó sẽ kết thúc khi có một người chiến thắng.”

“Vậy cần bao lâu nữa ạ?” Marco hỏi.

“Khó nói lắm. Thách thức gần đây nhất kéo dài ba mươi bảy năm.”

“Bọn con không thể giữ cho rạp xiếc hoạt động trong ba mươi bảy năm được.”

“Vậy thì cậu sẽ không có nhiều thời gian để chờ đợi nữa. Cậu là một học trò giỏi, cậu là một đối thủ mạnh.”

“Làm thế nào thầy có thể biết được chứ?” Marco cao giọng hỏi. “Thầy thậm chí còn không thèm ở đó nói chuyện với con trong bao nhiêu năm qua. Con đã không làm gì vì thầy cả. Mọi thứ con làm, mọi thay đổi con thực hiện cho rạp xiếc, mỗi hành động tưởng chừng như không thể ấy, mỗi cảnh quan ẩn tượng đến khó tin ấy, con đều làm vì cô ấy.”

“Mục đích của cậu không ảnh hưởng gì tới trận đấu.”

“Con chấm dứt, không tham gia trận đấu của thầy nữa,” Marco nói. “Con sẽ từ bỏ.”

“Cậu không từ bỏ được,” thầy anh đáp lại. “Cậu gắn kết với nó. Với cô ấy. Thử thách này sẽ tiếp tục. Một trong hai người sẽ thua. Cậu không có lựa chọn nào trong chuyện này.”

Marco nhặt một quả bóng từ bàn bi-a lên và quăng nó về phía người đàn ông mặc đồ xám. Ông dễ dàng né được, quả bóng lao thẳng vào mảng màu ráng chiều trên tấm kính màu.

Không một lời nào, Marco quay lưng về phía thầy của mình. Anh đi ra cửa ở phía cuối phòng, thậm chí còn chẳng nhận ra Isobel khi anh đi qua cô trong hành lang, nơi cô ngồi đủ gần để nghe thấy trận cãi vã.

Anh đi thẳng vào phòng vũ hội, bước tới chính giữa sàn nhảy. Anh kéo tay Celia, xoay người cô khỏi Herr Thiessen. Marco kéo cô về phía anh trong vòng ôm màu lục bảo, sát đến mức không còn khoảng cách giữa bộ vét của anh và chiếc váy dài của cô.

Với Celia, đột nhiên chẳng còn ai trong căn phòng này khi anh ôm cô trong vòng tay.

Nhưng cô chưa kịp thốt lên lời nào vì sững sốt thì môi anh đã khép kín môi cô, Celia lạc trong niềm hạnh phúc không lời.

Marco hôn Celia như thể họ là hai người duy nhất trên thế gian này.

Không khí cuộn lại như cơn bão quanh họ, làm bung mở những cánh cửa kính hướng ra vườn, tung bay những tấm rèm.

Mọi ánh mắt trong căn phòng đều hướng về phía họ. Rồi anh buông cô ra và rời đi.

Ngay khi Marco rời khỏi căn phòng, hầu như tất cả mọi người đều quên bẵng đi sự kiện vừa rồi. Chỉ còn lại cảm giác bối rối trong giây lát được đổ tại cơn nóng hoặc do đã uống quá nhiều champagne.

Herr Thiessen không thể nhớ nổi tại sao Celia lại đột nhiên ngừng khiêu vũ, hay từ khi nào mà chiếc váy của cô đã đổi sang màu xanh sẫm như hiện giờ.

“Có chuyện gì sao?” ông hỏi, khi ông nhận ra cô đang run rẩy.

• • •

ÔNG A.H- LAO QUA SẢNH TRƯỚC, không biết bằng cách nào đã tránh không để vấp vào Poppet và Widget đang nằm rạp ra sàn dạy Bootes và Pavo xoay tròn trên hai chân sau.

Widget bế Bootes (hoặc Pavo) đưa cho Poppet và đi theo người đàn ông mặc đồ xám. Cậu nhìn theo khi ông đi vào sảnh, lấy lại chiếc mũ chóp cao màu xám và cây gậy bạc từ người quản gia, rồi rời đi qua cửa chính. Sau khi ông đi ra, Widget gí mũi vào ô cửa sổ gần nhất, dõi theo ông khi ông bước dưới những ngọn đèn đường trước khi biến mất hẳn vào bóng tối.

Poppet bắt kịp cậu sau đó, lũ mèo con bám trên vai cô bé gù gù sung sướng. Chandresh đi ngay sau cô, xuyên qua đám đông ở hành lang.

“Sao thế anh?” Poppet hỏi. “Có chuyện gì à?”

Widget quay mặt lại.

“Người đàn ông đó không có bóng,” cậu nói, khi Chandresh nhòai người qua đầu cặp song sinh để nhìn ra ngoài khung cửa sổ về phía con phố vắng ngắt.

“Cháu nói gì cơ?” Chandresh hỏi, nhưng Poppet và Widget cùng lũ mèo con màu cam đã chạy về phía cuối hành lang, mất hút trong đám đông đầy sắc màu.

CHUYỆN KỂ TRƯỚC GIỜ ĐI NGỦ

CONCORD, MASSACHUSETTS, THÁNG MƯỜI 1902

Bailey dành nhiều thời gian đầu buổi tối với Poppet và Widget khám phá Mê Hồn Trận.

Một mạng lưới chóng mặt những căn phòng, đan xen lối đi có những cánh cửa không tương ứng. Có phòng xoay vòng, có phòng lát sàn hình bàn cờ tỏa sáng. Một phòng to chất đầy va-li. Trong phòng khác tuyết đang rơi. “Sao có thể?” Bailey hỏi, những bông tuyết tan chảy dính lên áo cậu.

Đáp lại, Poppet ném một quả bóng tuyết về phía cậu, và Widget chỉ cười.

Trong khi đi ngang qua Mê Hồn Trận, Widget kể về câu chuyện về Minotaur^[30], chi tiết đến độ Bailey cứ phấp phỏng được chạm mặt con quái vật ở mỗi một khúc quanh.

Cả bọn tới một căn phòng trông không khác gì một lồng chim bằng kim loại khổng lồ, chỉ có mỗi bóng tối hiện diện qua các song sắt. Cánh cửa trên sàn mà họ bước qua chốt ngay lại khi nó bị rơi xuống và sập vào, và không tài nào mở nó ra được nữa. Không có lối nào khác để đi ra cả.

Widget dừng câu chuyện lại khi chúng tìm hiểu từng chấn song bạc, không tìm thấy một lối ra bí mật hay những bản lề được che giấu một cách tài tình nào. Poppet bắt đầu chán nản thấy rõ.

Sau kha khá thời gian bị nhốt trong phòng, Bailey đã tìm thấy chìa khóa giấu dưới chỗ ngồi của cái xích đu ngay giữa lồng. Khi cậu xoay nó, cái đu tự nâng lên và đỉnh lồng mở ra, giúp cả bọn trèo ra ngoài, trốn vào ngôi đền âm u do tượng nhân sư Sphinx canh gác.

Mặc dù ngôi đèn có ít nhất cả tá cửa trên tường, Poppet ngay lập tức tìm được cái có thể dẫn cả bọn quay trở lại rạp xiếc.

Cô bé vẫn có vẻ chán nản, nhưng trước khi Bailey kịp hỏi cô liệu có chuyện gì không thì Widget kiểm tra thần Poseidon liền trừng phạt Minos bằng cách hóa phép cho hoàng hậu của Minos là nàng Pasiphae ăn nằm với một con bò mộng và sinh ra đứa con đầu bò mình người tên gọi là Minotaur. Khi lớn lên, Minotaur phá phách và ăn thịt người vô tội vạ. Minos cho xây một mê cung trong lòng đất để nhốt đứa con quái vật. Đặc điểm của kiến trúc này là có đường vào nhưng không có đường ra. đồng hồ và phát hiện ra họ đã bị muợn giờ biểu diễn. Cả ba đồng ý gặp lại nhau sau và cặp song sinh biến mất vào đám đông.

Trong mấy đêm qua, Bailey đã nhìn thấy những con mèo con này nhiều lần đến mức cậu tự động nhớ được màn trình diễn của hai người bạn, vì thế, cậu quyết định khám phá một mình trong khi đợi bạn được tự do.

Lối đi mà cậu chọn để lang thang không có cánh cửa nào rõ ràng, nó chỉ là một lối đi giữa các căn lều, những đường kẻ sọc vô tận được chiếu sáng bởi những chiếc đèn nhấp nháy.

Cậu nhận ra một điểm không đều giữa những sọc đen và trắng nối tiếp nhau.

Bailey tìm thấy một khe trống bên hông một căn lều. Một kẻ hở ở mảnh vải, ở hai rìa có điểm những lỗ bạc, và một dải ruy-băng màu đen vắt ngay trên đầu cậu, như thể lỗ hồng này được cố ý buộc lại bằng dây, giữ cho căn lều được đóng kín. Cậu băn khoăn không biết có phải ai đó trong đoàn xiếc đã quên buộc dây lại.

Rồi cậu nhìn thấy tờ giấy cỡ như một tấm bưu thiếp, được dính vào dải ruy-băng đen như ai đó dính thiếp lên món quà. Tờ giấy được treo hững hờ cách mặt đất vài chục phân. Bailey lật nó lên. Một mặt có hình vẽ đen- và- trắng một đứa bé nằm trên giường, chung quanh toàn những gối nhồi và một tấm chăn chiên kẻ sọc, không phải trong nhà trẻ mà là dưới một bầu trời sao lấp lánh.

Mặt kia màu trắng với dòng chữ duyên dáng bằng mực đen viết:

Chuyện kể trước giờ đi ngủ

Khúc về lúc xế chiều

Hợp tuyển của kí ức

Xin mời bước vào một cách cẩn trọng

Và cứ tự mở những gì đang đóng

Bailey không biết liệu có phải tờ giấy dính này nói tới khe hở trên vách lều hay là nó đã bị đặt nhầm từ một căn lều khác. Hầu hết các lều đều có những bảng hiệu được đặt trang trọng trên các tấm gỗ sơn màu, và các lối vào đều được chỉ dẫn hoặc đánh dấu rõ ràng. Căn lều này như thể không muốn bị tìm thấy. Những vị khách khác đi qua từ nơi này tới nơi khác trong rạp xiếc, quá chú tâm trò chuyện nên không nhận ra Bailey đang lặng ngấm một tờ giấy dính cỡ tấm bưu thiếp bên cạnh một căn lều.

Cẩn trọng, Bailey tách kê hở ra, vừa đủ để nhòm vào bên trong, cố gắng nhìn xem liệu đây có phải thực sự là một kì quan rạp xiếc riêng biệt mà không phải là phía sau căn lều của nghệ sĩ nhào lộn hay một khu nhà kho nào đó. Cậu chỉ có thể nhìn rõ vài đốm sáng lấp lánh và những hình thù có lẽ là đồ đạc. Vẫn chưa chắc chắn, cậu tách kê hở rộng hơn để đi vào, đặt chân một cách thận trọng vào bên trong theo những chỉ dẫn ghi trên tấm thiếp, một việc cực kì thông thái vì cậu đụng ngay vào một cái bàn toàn chai, lọ và các bát đậy nắp va đập vào nhau. Cậu dừng lại, hi vọng là không đá đổ thứ gì. Đó là một căn phòng dài, kích cỡ bằng một phòng ăn trang trọng, hoặc có lẽ nó chỉ giống giống phòng ăn vì có chiếc bàn, kéo suốt cả chiều dài căn lều, ấy mà lại có đủ chỗ để chạy quanh nó cẩn thận. Mọi chai lọ ở đây đều khác nhau. Một vài bình là bình thủy tinh đơn giản, số khác là bình gốm tráng men hoặc thủy tinh mờ có trang trí. Chai thì có rượu vang, whiskey hoặc nước hoa. Có những bát đường nắp bạc và những hộp đựng trông khá giống cái lư. Chúng không theo một mẫu hay trật tự cụ thể nào; chỉ đơn giản

được để la liệt khắp bàn. Có thêm bình và chai quanh căn phòng, một số ở trên đất, một số trên hộp và các giá sách bằng gỗ cao.

Thứ duy nhất liên kết căn phòng với bức tranh trong tờ giấy dính là trần phòng. Trần màu đen mắc đầy đèn nhỏ xíu lấp lánh. Hiệu ứng gần như cảm giác ngược lên nhìn bầu trời đêm bên ngoài.

Bailey tự hỏi tất cả những thứ này có liên hệ gì tới một đứa trẻ con trên giường, hay với những câu chuyện trước giờ đi ngủ, khi cậu đi quanh cái bàn.

Cậu nhớ lại những gì tờ giấy nói về việc mở các thứ, không biết phía bên trong tất cả những cái bình kia có thể có gì. Hầu hết những bình thủy tinh trong trống rỗng. Khi đi sang phía bên kia của bàn, cậu nhặt bất kỳ một cái bình gốm tròn nhỏ, tráng men đen bóng loáng và có nắp ở phía trên cùng một tay cầm uốn cong. Cậu nhấc nắp lên và nhìn vào trong. Một làn khói bay ra, nhưng ngoài điều đó ra thì nó trống trơn. Khi ghé mắt vào, cậu người thấy mùi khói của đám lửa hừng hực, mùi của tuyết và hạt dẻ nướng. Tò mò, cậu hít sâu. Có mùi thơm của rượu được hâm nóng và kẹo bọc đường, bạc hà và khói tẩu. Mùi ngai ngái của cây phi. Mùi sáp nến đang chảy. Cậu gần như có thể cảm nhận được tuyết, sự háo hức, và nỗi chờ mong, vị ngọt ngào của cây kẹo sọc. Thật choáng váng, tuyệt diệu và đáng sợ. Sau một lúc, cậu đập lại nắp và cẩn thận đặt cái bình lại trên bàn. Cậu nhìn quanh về phía các bình và chai, thắc mắc nhưng lại ngần ngại mở cái khác. Cậu nhấc một chiếc bình thủy tinh mờ lên và vặn cái nắp kim loại ra. Chiếc bình này không trống trơn mà chứa một ít cát trắng dưới đáy. Mùi hương tỏa ra là mùi không thể lẫn đi đâu được của đại dương, của một ngày hè rực rỡ trên bãi biển. Cậu có thể nghe thấy tiếng sóng liếm lên cát, tiếng kêu của chim hải âu. Cũng có điều gì đó bí ẩn, điều gì đó ảo diệu. Lá cờ của một con tàu cướp biển ở phía chân trời đằng xa, đuôi của một mỹ nhân ngư hiện ra sau một con sóng. Mùi hương và cảm giác thật phiêu lưu và phấn khích, cùng vị mặn râm ran của gió biển.

Bailey đóng nắp lại và mùi hương cùng cảm giác phai đi, bị nhốt lại trong bình thủy tinh cùng sỏi cát ấy.

Tiếp theo cậu chọn một cái chai trên giá treo ở tường, bản khoản không biết có gì khác nhau giữa bình và chai trên bàn cùng bình và chai ở xung quanh bàn, liệu có một hệ thống lưu giữ không thể nhận ra nào đối với những vật đựng kì thú này không.

Cái chai này cao và mảnh, với nút bấc được buộc dính với sợi dây bạc. Cậu gặp chút khó khăn khi tháo nó ra, và nó phát ra tiếng “bụp” khi bật mở. Có thứ gì đó dưới đáy chai, nhưng cậu không thể biết đó là cái gì. Mùi hương tỏa ra từ cổ chai hẹp thật trong trẻo và mộc mạc. Một bụi hồng đầy những nụ hoa đằm sương, mùi rêu ẩm của đất vườn. Cậu cảm thấy như thể mình đang đi trong một khu vườn. Có tiếng rì rì của ong và tiếng hót của chim họa mi trong các tán cây. Cậu hít sâu hơn, và ngoài hoa hồng còn có những loài hoa khác: hoa ly, diên vĩ và nghệ tây. Lá trên cây xào xạc trong làn gió nhẹ ấm áp, và tiếng bước chân của ai đó không xa lắm. Cảm giác một con mèo băng qua căng chân thật đến mức cậu nhìn xuống và nghĩ là sẽ nhìn thấy nó, nhưng chẳng có gì trên sàn ngoài bình và chai. Bailey đóng nút bấc lại và trả cái chai về giá. Rồi cậu lại chọn một chai khác.

Bị nhét ở đằng sau một trong những cái giá là một chai nhỏ, tròn xoe với cái cổ ngắn và được đóng bằng nút thủy tinh cùng bộ. Cậu cẩn thận nhấc nó lên. Nó nặng hơn cậu nghĩ. Mở nút ra, cậu bối rối, bởi đầu tiên mùi hương và cảm giác không thay đổi. Và rồi mùi thơm của caramel tỏa ra trong gió thu khô giòn. Mùi len và mồ hôi khiến cậu cảm thấy như mình đang mặc một chiếc áo khoác dày, cùng sự ấm áp của chiếc khăn quanh cổ. Ấn tượng về những người mang mặt nạ. Mùi của vạc lửa quện lẫn mùi caramel. Và rồi có sự chuyển động trước mặt cậu. Thứ gì đó màu xám. Một nỗi đau sắc nhọn trong ngực. Cảm giác đổ gục. Một âm thanh giống như tiếng gió rít, hoặc một cô gái đang hét.

Bailey đóng nắp lại, cảm thấy ghê sợ. Không muốn kết thúc bằng một trải nghiệm như thế, cậu đặt lại cái lọ nhỏ kì lạ ấy lên giá và quyết định chọn

thêm một cái nữa trước khi rời đi để gặp lại Poppet và Widget.

Lần này cậu nhặt một trong mấy chiếc hộp trên bàn, một hộp gỗ được đánh bóng, trên nắp khắc hoa văn dây xoắn. Bên trong hộp trái lựu trắng. Mùi hương giống như mùi trầm, nồng nàn và kích thích, và cậu có thể cảm nhận được khói cuộn lên quanh đầu. Đó là một không khí sa mạc khô và nóng với ánh mặt trời thiêu đốt và lớp cát mịn như bột. Hai má cậu ửng đỏ vì sức nóng và vì một điều gì khác nữa. Cảm giác có chút gì kêu gọi như khi lựu lướt qua người cậu theo từng đợt sóng. Có tiếng nhạc mà cậu không nhận ra. Tiếng tiêu hoặc sáo. Và tiếng cười, tiếng cười ở tông cao thật hài hòa quyện vào tiếng nhạc. Mùi vị của thứ gì đó ngọt ngào nhưng kích thích trên lưỡi cậu. Cảm giác thật xa hoa và vui vẻ, nhưng cũng thật bí mật và đầy khoái cảm. Cậu cảm thấy có bàn tay trên vai và nhảy dựng lên vì ngạc nhiên, buông nắp hộp xuống.

Cảm giác ấy bị ngắt một cách đột ngột. Bailey đứng đó một mình trong căn lều, dưới những vì sao lấp lánh. Thế là đủ, cậu nghĩ. Cậu quay lại khe hở trên vách lều, cẩn thận không đụng vào bất cứ bình hay chai gần đó.

Cậu dừng lại để chỉnh tờ giấy dính trên dải ruy-băng nơi khe hở, để nó dễ nhìn thấy hơn, mặc dù cậu không chắc vì sao. Hình minh họa đứa trẻ ngủ trên giường dưới những vì sao được quay ra ngoài, nhưng thật khó để nói được những giấc mơ của đứa trẻ ấy thanh bình hay mỗi mết.

Cậu quay lại tìm Poppet và Widget, tự hỏi liệu họ có muốn đi ra sân kiểm gì đó bỏ bụng không.

Rồi mùi caramel sục lên khi cậu bước đi, và Bailey nhận ra mình không thực sự đói.

Bailey tha thẩn quanh những lối đi uốn lượn, tâm trí vẫn còn tràn ngập những chiếc chai chứa đầy bí ẩn kia. Khi rẽ vào một khúc quanh, cậu gặp một bụi cao với một người đứng im như tượng, nhưng người này khác với người phụ nữ bị phủ tuyết cậu từng nhìn thấy trước đó. Làn da người phụ nữ này tỏa sáng mờ mờ và nhợt nhạt, mái tóc đen dài được cột lại với hàng tá những sợi dây bạc buông rơi trên vai cô. Chiếc váy dài của cô màu trắng,

được phủ bởi một thứ mà Bailey trông giống như hình thêu lớn màu đen, nhưng khi bước lại gần hơn, cậu nhận ra những dấu màu đen ấy thực ra là những con chữ được viết lên vải. Khi tiến lại đủ gần để đọc được phần nào chiếc váy, cậu nhận ra đó là những lá thư tình, được viết bằng tay. Những lời lẽ của sự khao khát và mong nhớ bao quanh eo cô, chảy tràn xuống nếp váy buông rủ.

Bản thân pho tượng đứng bất động, nhưng một tay cô đưa ra, và chỉ tới lúc đó Bailey mới nhận ra một cô gái quàng khăn len đỏ đứng ở trước mặt pho tượng, trao cho pho tượng phủ đầy thư tình kia một bông hồng đỏ thắm.

Chuyển động khẽ đến mức gần như không thể nhận ra, nhưng một cách chậm rãi, rất, rất chậm rãi, pho tượng vươn tay ra để nhận lấy bông hoa. Những ngón tay cô mở ra, và cô gái cầm bông hồng kia kiên nhẫn đợi khi pho tượng từ từ nắm tay lại quanh cuống hoa, và chỉ buông ra khi bông hoa đã được cầm chắc.

Và rồi cô gái cúi chào pho tượng và hòa vào đám đông. Pho tượng vẫn cầm bông hồng. Sắc đỏ dường như sống động hơn trên nền trắng và đen của chiếc váy cô mặc. Bailey vẫn đứng ngăm nhìn pho tượng cho đến khi

Poppet vỗ vai cậu.

“Cô ấy là nghệ sĩ yêu thích của tớ đấy,” Poppet nói, cùng cậu ngược lên nhìn pho tượng.

“Cô ấy là ai thế?” Bailey hỏi.

“Cô ấy có rất nhiều tên,” Poppet nói, “nhưng hầu hết mọi người đều gọi cô ấy là Người Tình. Tớ mừng là có ai đó tặng cô ấy hoa trong tối nay. Thi thoảng tớ cũng làm thế, nếu như cô ấy không có bông nào. Tớ nghĩ cô ấy trông không trọn vẹn nếu thiếu hoa.”

Pho tượng nâng bông hoa, một cách từ từ, đưa lại gần mặt. Mí mắt cô chậm rãi khép lại.

“Vừa rồi cậu đã làm những gì thế?” Poppet hỏi khi cả hai rời Người Tình đi về phía sân.

“Tớ tìm thấy một căn lều toàn chai và các thứ mà tớ không chắc là tớ được đi vào,” Bailey nói. “Nó... lạ lắm.”

Trước sự ngạc nhiên của cậu, Poppet phá lên cười. “Đó là lều của Widget đấy,” cô giải thích. “Celia đã làm nó cho Widge, như một nơi để luyện tập cho ra những câu chuyện của anh ấy. Anh ấy nói như thế sẽ dễ hơn là viết mọi thứ ra. Nhân tiện, Widge đã nói là muốn luyện tập để đọc được mọi người nên bọn mình có thể gặp anh ấy sau. Widge thỉnh thoảng vẫn làm vậy, nhật nhạn các mẫu chuyện. Anh ấy có lẽ sẽ ở Nhà Gương hoặc Phòng Vẽ.”

“Phòng Vẽ là gì?” Bailey hỏi, sự hiếu kì về một căn lều mà cậu chưa từng nghe tên đã đè bẹp suy nghĩ vừa lướt qua rằng không biết Celia là ai, vì cậu không nhớ là Poppet đã nhắc tới cái tên này trước đó.

“Đó là căn lều được làm từ những bức vách màu đen trống trơn với những xô đầy phấn để cậu có thể vẽ ở khắp mọi nơi. Một vài người chỉ kí tên của họ thôi nhưng số khác thì vẽ tranh. Đôi lúc Widge viết ra những câu chuyện nhỏ ở đây, nhưng anh ấy cũng vẽ nữa, anh ấy vẽ khá đẹp.”

Khi họ đi tới sân, Poppet nài nỉ cậu thử một cốc ca-cao ướp hương liệu vừa ấm áp tuyệt vời lại hơi hơi kì quặc. Cậu cảm thấy đói trở lại, thế nên hai người chia nhau một bát sủi cảo và một gói những mẫu giấy ăn được, phía trên có những hình minh họa chi tiết trùng với các hương vị.

Cả hai lang thang qua một căn lều đầy sương muối, nhìn thấy những sinh vật được làm từ giấy. Những con rắn trắng uốn mình với cái lưỡi đen thò ra thụt vào, những con chim đôi cánh màu than đá vỗ cánh xuyên qua lớp sương mù dày.

Bóng tối của một sinh vật không thể xác định lướt qua đôi ủng của Poppet và biến mất.

Cô nói là có một con rồng thở ra lửa ở đâu đó trong lều, và mặc dù Bailey tin cô nhưng cậu khó mà dung hòa được trong đầu ý tưởng giấy lại thở ra

được lửa.

“Muộn rồi,” Poppet kêu lên khi họ đi từ căn lều này sang căn lều khác. “Cậu có phải về nhà không?”

“Tớ có thể ở thêm một lúc,” Bailey nói. Cậu đã trở thành chuyên gia trong việc len vào nhà mà không đánh thức ai dậy, vì thế mỗi đêm cậu đã ở trong rạp xiếc muộn thêm một chút.

Vào giờ này, khách lượn quanh rạp xiếc đã thưa hơn, và khi họ đi qua, Bailey nhận ra nhiều người đang quàng khăn đỏ. Khác kiểu, từ khăn len dày tới lụa mềm, nhưng đều là một màu đỏ thắm trông thậm chí còn rực hơn trên nền đen và trắng.

Cậu hỏi Poppet về điều này, khi có quá nhiều sắc đỏ lướt qua đến mức cậu chắc chắn rằng đó không phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên, và nhớ lại cô gái cầm bông hồng cũng có một chiếc khăn quàng màu đỏ.

“Đó giống như là đồng phục ấy,” cô nói. “Họ là những *kẻ mộng mơ*. Một vài người trong số họ đi theo rạp xiếc. Họ luôn ở lại muộn hơn những người khác. Màu đỏ là cách để họ nhận ra nhau.”

Bailey cố hỏi nhiều hơn về những *kẻ mộng mơ* và những chiếc khăn của họ, nhưng trước khi cậu kịp hỏi thì Poppet đã lôi cậu vào một căn lều khác và ngay lập tức cậu không thốt nên lời bởi quang cảnh đập vào mắt cậu ở bên trong.

Cảm giác gợi cho cậu về đợt tuyết rơi đầu tiên của mùa đông, trong những giờ đầu tiên ấy, khi mọi vật đều được rắc một màu trắng, mềm mại và yên ắng.

Mọi thứ trong căn lều này trắng tuyền. Chẳng có thứ gì màu đen, kể cả những đường kẻ trên bức vách. Một màu trắng gần như lóa mắt, lung linh. Có cây, hoa và cỏ quanh những lối đi rải sỏi uốn lượn, mỗi chiếc lá và cánh hoa đều là màu trắng không tì vết.

“Đây là đâu vậy?” Bailey hỏi. Cậu đã không kịp đọc tấm biển ghi ở ngoài cửa.

“Đây là Vườn Băng,” Poppet nói, kéo cậu chạy trên lối đi dẫn vào một không gian mở có vòi phun nước ở chính giữa, những bọt nước trắng bắn lên trên lớp đá được chạm khắc. Những hàng cây nhợt nhạt đứng quanh mép lều, từng trận hoa tuyết trút xuống từ những cành cây. Không có ai khác trong lều, không có thứ gì khuấy động cảnh vật xung quanh. Bailey ghé mắt nhìn bông hồng gần đó, dù nó lạnh, đông cứng và trắng toát, nhưng vẫn phảng phất mùi thơm khi cậu ghé lại gần. Hương hoa hồng, băng và đường. Nó khiến cậu nhớ lại những bông hoa kéo từ đường nấu chảy bán rong trong sân. “Bọn mình chơi trốn tìm đi,” Poppet gợi ý và Bailey đồng ý trước khi cô cởi áo khoác và bỏ nó lại trên băng ghế bị đóng băng, trang phục màu trắng khiến cô trở nên vô hình.

“Thế là chơi không đẹp!” cậu gọi với theo khi cô biến mất phía sau màn liều rủ. Cậu đuổi theo cô quanh các cây và luống được cắt tía, xuyên qua những giàn nho và bụi hồng, cố gắng nắm bắt sắc đỏ trên tóc cô lúc ẩn lúc hiện.

TÀNG THU

LONDON, THÁNG BA 1900

Chandresh Christophe Lefèvre ngồi tại một cái bàn gỗ gụ hoành tráng trong phòng làm việc, một chai brandy gần cạn ở trước mặt. Một lúc nào đó vào buổi tối, ông có sẵn một cái ly để uống nhưng rồi lại đặt ở chỗ nào không rõ. Lang thang từ phòng này sang phòng khác đã trở thành thói quen hàng đêm được nuôi dưỡng bằng chứng mất ngủ và nỗi chán chường. Ông cũng không nhớ ra áo khoác của mình, bị bỏ quên trong một căn phòng vừa mới lang thang qua. Nó sẽ được một người dọn phòng khéo léo lặng lẽ tìm lại vào buổi sáng.

Trong phòng làm việc, giữa những lần nốc brandy, ông cố gắng làm việc. Việc này chủ yếu là nguệch ngoạc bút mực lên vô khối những mẫu giấy. Ông đã thực sự không làm việc trong nhiều năm. Không ý tưởng mới, không sản phẩm mới. Chu kỳ lên ý tưởng rồi thực hiện và chuyển sang một dự án mới đã bị phanh lại và ông không thể nói được lý do.

Nó không có nghĩa với ông. Không phải đêm nay hay một đêm nào khác, không phải ở mức rượu vơi hay đầy. Đây không phải là cách lý ra phải diễn ra. Một dự án được bắt đầu, nó được phát triển và hoàn thiện rồi bước ra thế giới, và thường là nó sẽ tự vận hành được. Và rồi ông sẽ không còn được cần tới. Đó không phải lúc nào cũng là một vị trí dễ chịu để đứng vào, nhưng lại là cách mà những việc như thế diễn ra, và Chandresh biết rõ chu trình ấy. Anh tự hào, anh nhận hóa đơn của người khác, và rồi thậm chí nếu anh có chút gì âu sầu thì anh vẫn tiếp tục tiến bước.

Rạp xiếc đã để ông lại phía sau, căng buồm tiến về phía trước và giờ ông vẫn chưa thể rời khỏi bờ. Ông có dư thời gian để khóc thương cho quá trình

sáng tạo ấy và rồi lại nhóm nó lên, nhưng không có chút lóe sáng của điều gì mới mẻ. Không hành trình mới, không có gì lớn hơn hay tốt hơn trong gần mười bốn năm.

Có lẽ, ông nghĩ, ông đã rút kiệt sức lực bản thân mình. Nhưng đó không phải là một suy nghĩ dễ chịu, và thế là ông nhấn chìm nó trong brandy và cố lờ nó đi.

Rạp xiếc làm ông khó chịu.

Nó khiến ông khó chịu nhất vào những lúc như thế này, ở tận cùng đáy chai rượu brandy và trong tận cùng của sự tịch mịch về đêm. Giờ này không quá muộn, đêm hằng còn khá sớm với rạp xiếc, nhưng sự im ắng thì đã thật nặng nề.

Và giờ, khi rượu đã cạn, mực đã khô, ông chỉ ngồi đó, thất thần đưa bàn tay qua tóc, chăm chăm nhìn vô định về phía cuối phòng. Những lưỡi lửa cháy dịu trong lò sưởi mạ vàng, những giá sách cao chất đầy đồ cổ, đồ quý sừng sững trong bóng tối.

Ánh mắt thơ thần của ông dạt về phía cửa ra vào đang mở và dừng lại trên cánh cửa phía kia hành lang. Cánh cửa văn phòng của Marco, núp kín giữa hai cây cột Ba Tư. Một phần các căn phòng ở đây là của Marco, để giữ anh luôn luôn sẵn sàng khi được gọi, dù anh thường ra ngoài vào buổi tối.

Chandresh tự hỏi qua màn sương mù đầy hơi cồn, liệu có thể nào Marco giữ tài liệu về rạp xiếc trong văn phòng. Và những tài liệu ấy có thể chứa những điều gì. Ông mới chỉ thấy công việc giấy tờ liên quan tới rạp xiếc nhưng chưa bao giờ thêm để ý tới chi tiết trong từng ấy năm. Và giờ thì ông thấy hiểu kì.

Chai brandy cạn vẫn ở trong tay, ông nhắc mình lên và loạng choạng đi ra ngoài hành lang. Cửa sẽ bị khóa, ông nghĩ thế, khi bước tới cánh cửa gỗ thẫm màu được đánh bóng, nhưng tay nắm cửa bằng bạc chuyển động dễ dàng khi ông xoay nó. Cánh cửa mở ra.

Chandresh do dự ở lối vào. Văn phòng bé xíu tối om như để dành khoảng sáng từ hành lang tràn vào và ánh đèn đường mờ mờ hắt qua ô cửa sổ duy nhất.

Trong một khoảnh khắc, Chandresh suy nghĩ lại. Nếu còn chút brandy trong chai thì ông sẽ đóng cửa lại và bước đi. Nhưng cái chai trống trơn, và dù gì thì đây cũng là nhà của ông. Ông rờ rẫm tìm công tắc trên chân đèn gắn tường gần cửa và tách một cái, nó soi sáng cả căn phòng trước mắt ông.

Văn phòng chật cứng với quá nhiều đồ đạc. Tủ và hòm dọc các bức tường, những hộp tài liệu chất đống thành những hàng gọn ghẽ. Chiếc bàn ở giữa chiếm gần nửa không gian là kiểu nhỏ hơn, khiêm tốn hơn của chiếc bàn trong phòng làm việc, mặc dù trên mặt bàn đầy những lọ mực và bút cùng một chồng sổ sách, tất cả đều trật tự và không bị lạc giữa một đám những bức tượng nhỏ, những viên đá quý và vũ khí cổ.

Chandresh đặt chai brandy cạn xuống mặt bàn, bắt đầu lục tìm các ngăn tủ và hồ sơ, mở ngăn kéo và lật qua các trang giấy mà không có bất kì ý niệm gì về thứ mà ông đang tìm kiếm. Có vẻ như không có một phần đặc biệt dành cho rạp xiếc; việc này việc kia về nó lộn xộn trong các cuốn sách gồm các hóa đơn của rạp hát và danh sách doanh thu phòng vé.

Ông hơi ngạc nhiên khi không có một hệ thống lưu giữ hồ sơ rõ ràng. Không có nhãn tên trên các hộp. Bên trong văn phòng quả là ngăn nắp nhưng không rõ là có tổ chức.

Trong một ngăn tủ, Chandresh tìm thấy hàng chồng bản thiết kế và phác thảo. Nhiều thứ trong đó có con dấu và chữ viết tắt của ông Barris, nhưng còn có những sơ đồ khác viết tay bởi nhiều người mà Chandresh không nhận ra. Trong vài trường hợp, thậm chí ông còn không thể nhận ra ngôn ngữ mà chúng được viết, mặc dù mỗi sơ đồ đều có dòng “Le Cirque des Rêves” được viết cẩn thận dọc mép giấy.

Đưa chúng ra gần hơn với ánh sáng, trải chúng ra trên diện tích còn trống khiêm tốn của mặt sàn mà ông có thể tìm thấy, ông quan sát chúng chăm

chú, hết tờ này tới tờ khác, để mặc chúng cuộn lại và rơi thành đống khi ông chuyển sang tờ tiếp theo.

Kể cả những bản in rõ ràng là tác phẩm của ông Barris cũng bị viết đè lên. Những chỗ thêm thắt được viết bởi nhiều nét chữ, lớp này tới lớp khác chồng lên thiết kế gốc. Bỏ lại chỗ giấy trên sàn, Chandresh quay lại bàn, tới chồng sổ ngăn nắp cạnh chai rượu brandy bị bỏ quên. Chúng hóa ra là các sổ cái ngân hàng, từng hàng những con số và tính toán cùng chú thích, tổng số và ngày tháng.

Chandresh quảng chúng sang bên.

Ông chuyển sự chú ý sang chính cái bàn. Ông bắt đầu kéo các ngăn kéo gỗ nặng nề ra. Mấy ngăn trống không. Một ngăn chứa hàng tá các sổ màu đen và những lọ mực chưa mở. Một ngăn khác đầy những cuốn sách cũ, những buổi hẹn có ghi ngày được viết tắt bằng nét chữ thanh lịch và chìn chu của Marco.

Ngăn kéo cuối cùng bị khóa.

Chandresh quay sang một hộp hồ sơ khác gần đó, nhưng có thứ gì đó kéo ông lại ngăn kéo bị khóa kia.

Không có chìa khóa trên bàn. Không có ổ khóa trên các ngăn kéo khác.

Ông không thể nào nhớ ra liệu có ổ khóa nào trên bàn không khi nó được đặt ở đây, nhiều năm về trước, khi văn phòng mới chỉ có cái bàn này cùng một tủ sách, và gần như trống trơn.

Sau vài phút đi tìm chìa khóa, ông bắt đầu mất kiên nhẫn và quay lại phòng làm việc lấy con dao bực vắn cắm vào bia trên tường.

Nằm trên sàn phía sau cái bàn, ông như muốn phá banh cái khóa ra, cố mở bằng được cái ngăn kéo, và rồi ông đã được thưởng công khi tiếng lách cách của cái nạy vang lên đầu hàng lưỡi dao.

Vứt con dao trên sàn, ông kéo ngăn kéo ra và tìm thấy chỉ một cuốn sách trong đó.

Nó là một tập sách lớn bằng da. Chandresh lôi nó ra khỏi ngăn kéo, giật mình vì sức nặng của nó, và thả nó thịch một cái lên bàn.

Cuốn sách đã cũ và bụi bặm. Lớp da đã sờn và mỗi đóng cũng đã bị xước ra ở bên mép.

Chỉ chần chừ trong giây lát, Chandresh mở bìa sách. Những trang trắng đầu cuốn sách được bao phủ bởi bức vẽ cực kì chi tiết một cái cây phủ kín những dấu hiệu và ký tự. Nó được viết dày đặc, chẳng có mấy khoảng trống. Chandresh không thể giải mã bất kì điều gì, thậm chí còn không thể biết được liệu những dấu hiệu kia đang được diễn ra thành các con chữ hay chỉ đơn thuần là những chuỗi biểu tượng. Đây đó ông có thể nhìn ra một dấu hiệu quen thuộc. Một vài trong số đó hầu hết là chữ số. Còn có ký tự giống chữ tượng hình Ai Cập. Nó làm ông nhớ tới vết xăm của nghệ sĩ uốn dẻo.

Những trang sách phủ kín những kí hiệu tương tự, dù chủ yếu chúng chứa đựng những điều khác nhau. Đoạn này đoạn kia trong trang giấy được trích ra từ các tài liệu khác.

Chandresh phải xem vài trang mới nhận ra mỗi trang đều có một chữ kí.

Phải mất một lúc nữa ông mới nhận ra rằng ông biết những cái tên đó.

Chỉ khi tìm thấy trang có những nét nguệch ngoạc trẻ con xuất hiện tên của cặp song sinh nhà Murray, ông mới chắc chắn rằng cuốn sách này chứa tên của từng người liên quan tới rạp xiếc.

Và chỉ khi quan sát kĩ hơn ông mới phát hiện ra những cái tên đó có kèm theo những lộn tóc.

Những trang sau có tên của những người sáng lập rạp xiếc, mặc dù một cái tên rõ ràng bị thiếu, và một cái tên khác bị gỡ đi.

Trang cuối có chữ kí của chính ông, một chữ C hoa mỹ đến mức không thể đọc được, cẩn thận cắt ra từ một mẫu giấy có thể là một hóa đơn hay một bức thư. Phía dưới là lộn tóc đen bóng được dính trên giấy và bao quanh bởi

các biểu tượng và chữ cái. Tay Chandresh giơ lên, chạm vào những đuôi tóc uốn quanh cổ áo mình.

Một bóng đen lướt qua bàn và Chandresh nhảy lùi về sau vì bất ngờ. Cuốn sách rơi xuống và đóng lại.

Marco đứng ở cửa, nhìn Chandresh với vẻ mặt tò mò. “Tôi... tôi nghĩ là anh đã rời đi lúc tối,” Chandresh nói. Ông nhìn xuống cuốn sách rồi lại nhìn Marco.

“Tôi đã rời đi, thưa ông, nhưng tôi quên mấy thứ,” mắt Marco quét qua đồng giấy tờ và thiết kế vương vãi trên sàn. “Tôi có thể hỏi là ông đang làm gì thế không, thưa ông?”

“Tôi cũng có thể hỏi anh câu hỏi tương tự,” Chandresh nói. “Tất cả những thứ này là gì?” Ông lật mở cuốn sách, những trang giấy phất phơ rồi hạ xuống.

“Đó là những bản lưu giữ cho rạp xiếc,” Marco nói, không buồn nhìn vào cuốn sách.

“Lưu giữ kiểu gì?” Chandresh hỏi gặng.

“Đó là một hệ thống tôi đã hình thành nên,” Marco nói. “Cũng có khá nhiều thứ phải giữ trật tự trong rạp xiếc, như ông đã biết.”

“Anh đã làm việc này từ bao giờ?”

“Làm gì, thưa ông?”

“Giữ lại tất cả những thứ... những thứ vô nghĩa này này.” Ông lật giở các trang sách, dù ông nhận thấy là bây giờ mình không muốn chạm vào nó.

“Tôi chỉ đang làm việc của mình thôi, thưa ông,” Marco nói. Có nét đánh trong giọng nói của anh. “Và, nếu được phép thì tôi không đánh giá cao việc ông xem sách vở của tôi khi không nói gì với tôi.”

Chandresh đi quanh bàn để đối mặt với anh, bước qua những bản thiết kế, bị vấp tuy nhiên giọng ông vẫn ổn định.

“Anh là nhân viên của tôi, tôi có đủ mọi quyền để xem những thứ gì trong chính ngôi nhà của tôi, những thứ được tiến hành với chính những dự án của tôi. Anh đang làm việc với ông ta, đúng không? Anh đã bưng bít chuyện này với tôi trong suốt thời gian qua, anh không có quyền lén lút sau lưng tôi...”

“Sau lưng ông ư?” Marco chen ngang. “Ông thậm chí còn không hiểu được những thứ đang xảy ra sau lưng ông. Những thứ đã luôn xảy ra sau lưng ông từ trước khi chuyện này bắt đầu nữa kia.”

“Đó không phải là những gì tôi muốn từ sự sắp xếp này,” Chandresh nói.

“Ông chưa bao giờ có lựa chọn về sự sắp xếp này,” Marco nói. “Ông không có khả năng kiểm soát và ông chưa bao giờ có cả. Và ông thậm chí còn chưa bao giờ muốn biết mọi việc được thực hiện như thế nào. Ông kí hóa đơn mà không buồn liếc mắt. Tiền không phải là vấn đề, ông đã nói thế. Cũng như bất kì chi tiết nào, những thứ đó luôn là phần tôi.”

Giấy trên bàn rung lên khi Marco cao giọng và anh ngừng lại, bước một bước khỏi chiếc bàn. Giấy tờ ổn định lại thành chồng ngăn nắp.

“Anh đã ngầm phá hoại nỗ lực này,” Chandresh nói. “Dối trá tôi. Giấu giếm mọi việc trong các cuốn sách này...”

“Sách nào thưa ông?” Marco hỏi. Chandresh quay lại nhìn mặt bàn. Không giấy tờ, không một chồng sổ cái. Có một nghiên mực cạnh chiếc đèn, bức tượng đồng của một vị thần Ai Cập, chiếc đồng hồ, và một chai rượu brandy trống không. Chẳng có gì khác trên mặt bàn gỗ được đánh bóng.

Chandresh loạng choạng, hết nhìn bàn rồi lại nhìn Marco rồi ngược lại, không thể nào tập trung.

“Tôi sẽ không để anh làm chuyện này với tôi,” Chandresh nói, cầm chai brandy lên và khua nó trước mặt anh. “Anh bị sa thải. Anh rời khỏi đây ngay lập tức.”

Chai rượu biến mất. Chandresh dừng lại, há hốc miệng kinh ngạc nhìn khoảng không trống rỗng.

“Tôi không đi được,” Marco nói, giọng trầm đăm và bình tĩnh. Anh nhả từng lời chậm rãi, như thể đang giải thích điều gì đó cho một đứa trẻ. “Tôi không được phép. Tôi phải ở đây, và tôi phải tiếp tục cái thứ *vô nghĩa* này, như ông đã gọi thật chuẩn xác. Ông sẽ quay lại với nhậ nhệ và tiệc tùng của ông và ông thậm chí sẽ không còn nhớ rằng chúng ta có cuộc nói chuyện này. Mọi thứ sẽ tiếp tục như chúng vẫn luôn thế. Đó là những điều sẽ xảy ra.”

Chandresh mở miệng để phản đối nhưng rồi ngậm lại, bối rối. Ông liếc nhìn Marco, rồi lại nhìn sang mặt bàn trống trơn. Ông nhìn vào tay mình, cup xòe những ngón tay, cố gắng nắm lấy một vật đã không còn ở đó, dù ông không thể nhớ ra nó là cái gì.

“Tôi xin lỗi,” ông nói, quay lại với Marco. “Tôi... tôi tự nhiên không nhớ gì cả. Chúng ta đang thảo luận cái gì ấy nhỉ?”

“Chẳng có gì quan trọng đâu, thưa ông,” Marco nói. “Chỉ là vài tiểu tiết về rạp xiếc.”

“Dĩ nhiên,” Chandresh nói. “Giờ thì rạp xiếc ở đâu nhỉ?”

“Sydney, Úc, thưa ông.” Giọng anh run run nhưng anh che giấu bằng một tiếng ho ngắn trước khi quay đi.

Chandresh chỉ gật đầu lơ đãng.

“Tôi có thể cầm thứ đó giúp ông được không, thưa ông?” Marco nói, chỉ về chai rượu cạn lại một lần nữa ở trên mặt bàn.

“Ồ,” Chandresh nói. “Được, được chứ, đương nhiên.” Ông đưa chai rượu cho Marco mà không buồn nhìn nó hay nhìn anh, chỉ mơ hồ thực hiện hành động.

“Tôi lấy cho ông chai khác nhé, thưa ông?”

“Được, cảm ơn anh,” Chandresh nói, lững thững đi ra khỏi văn phòng của Marco và quay lại phòng làm việc của mình. Ông ngồi xuống chiếc ghế bành bằng da cạnh cửa sổ.

Trong văn phòng, Marco gom lại những cuốn sổ và giấy tờ bằng đôi bàn tay run rẩy. Anh cuộn lại những bản thiết kế, xếp giấy và sách lên.

Anh nhặt con dao bạc bị vứt trên sàn và cắm lại nó lên tấm bia trong phòng làm việc, ngay đúng hồng tâm. Rồi anh dọn sạch tất cả ngăn kéo trong văn phòng, chuyển tất cả các hồ sơ và tài liệu đi. Khi mọi thứ được thu xếp ổn thỏa, anh cất một loạt va-li vào các phòng bên cạnh và nhồi chúng đến mức tưởng như sắp nổ tung, cuốn sách lớn bằng da được xếp xen giữa hàng chõng giấy.

Anh rà soát lại những căn phòng của mình, chuyển mọi vật dụng cá nhân ra khỏi văn phòng.

Anh tắt đèn và khóa cửa lại.

Trước khi rời đi trong đêm, cánh tay trĩu nặng va-li và các cuộn phác thảo, Marco đặt một chai brandy đầy cùng một cái ly lên bàn cạnh ghế của Chandresh. Chandresh thậm chí còn chẳng nhận ra sự có mặt của anh. Ông nhìn trân trân ra ngoài cửa sổ, đắm đắm dõng vào bóng đêm và cơn mưa. Ông không nghe thấy cửa ra vào cạch một tiếng khi Marco rời đi.

“Ông ta không có bóng,” Chandresh nói một mình trước khi rót một ly brandy.

• • •

Rất muộn trong đêm đó, Chandresh có một cuộc đối thoại khá dài với hồn ma một cố nhân mà ông chỉ biết là Prospero Người Mê Hoặc. Những suy nghĩ lý ra đã trôi đi theo những sóng rượu brandy, ngược lại cứ ăn sâu vào đầu ông, được gia cố và ghim chặt bởi một ảo thuật gia trong suốt.

BA TÁCH TRÀ VỚI LAINIE BURGESS

LONDON, BASEL, VÀ CONSTANTINOPLE, 1900

Xưởng thiết kế của Mme. Ana Padva là một không gian đặc biệt nằm ngay gần Nghĩa trang Highgate, với những ô cửa sổ kéo dài từ sàn lên tới trần cho phép nhìn ngắm được quang cảnh London tầm rộng. Những dáng váy cầu kỳ đứng thành từng nhóm và cặp, tạo ấn tượng về một bữa tiệc với vô số những vị khách không đầu.

Lainie Burgess thơ thẩn giữa những bộ váy dài đen-và-trắng trong lúc đợi Mme. Padva, cô ngừng lại trầm trồ một chiếc băng xa-tanh màu ngà có đường trang trí uốn lượn cầu kì bằng nhung đen phủ lên, giống như sắt rèn uốn thành những bèo cuộn và vòng cong dài.

“Ta có thể làm kiểu đó màu khác nếu cô thích,” Mme. Padva nói khi bước vào phòng, cây ba-toong đỡ bà phát ra tiếng gõ chắc chắn trên mặt sàn lát gạch.

“Quá lộng lẫy với tôi, Tante Padva à,” Lainie nói.

“Thật khó có thể cân bằng được chúng khi không có màu sắc,” Mme. Padva nói, xoay mẫu váy và nheo một mắt lại ngắm nghía phần đuôi. “Quá nhiều màu trắng thì mọi người sẽ cho rằng đó là váy cưới, quá nhiều màu đen thì lại trở nên nặng nề và tăm tối. Chiếc này có lẽ cần thêm màu đen, ta nghĩ thế. Ta muốn cho thêm tay áo nhưng Celia không thể đợi được.”

Mme. Padva chỉ cho Lainie xem phần còn lại của tác phẩm mới nhất của mình, gồm cả một bức tường đầy những phác thảo gần đây, trước khi hai người ngồi xuống uống trà ở một chiếc bàn cạnh cửa sổ.

“Mỗi lần tôi đến thăm lại thấy bà có một trợ lý mới,” Lainie nhận xét, sau khi người trợ lý mới nhất bê khay trà ra và lại nhanh chóng biến mất.

“Chúng chán việc phải đợi ta chết nên bỏ đi làm việc cho người khác, ngay khi chúng quyết định rằng đá ta ra khỏi cửa sổ và hi vọng ta có thể lặn từ trên đồi xuống và vào thẳng lăng mộ là quá nhiều khê. Ta là một bà già với cả đồng tiền và không kẻ thừa tự; chúng là những con kền kền bóng mướt. Đứa này rồi cũng không quá được một tháng đâu.”

“Tôi vẫn tưởng bà sẽ để lại mọi thứ cho Chandresh,” Lainie nói.

“Chandresh đâu có cần gì tiền bạc, và ta không nghĩ là hẳn có thể quản lý việc kinh doanh theo đúng ý ta. Hẳn không để tâm vào việc đó. Chưa nói là gần đây hẳn chẳng quan tâm tới bất kì việc gì.”

“Ông ấy không khỏe tới mức đó sao?” Lainie vừa hỏi vừa quậy trà.

“Hẳn như bị mất hồn,” Mme. Padva nói. “Ta đã thấy hẳn bị mê muội bởi các dự án rồi nhưng chưa bao giờ tới mức độ này. Nó đã biến hẳn thành một hồn ma, mặc dù trong trường hợp của Chandresh, hồn ma của con người hẳn trước đây còn sống động hơn hầu hết mọi người khác. Ta đã làm những gì có thể. Ta tìm những đoàn ba-lê sáng tạo để thuê rạp hát của hẳn. Ta đã dựng hẳn dậy trong nhà hát opera khi lẽ ra hẳn nên làm thế với ta.” Bà nhấp một ngụm trà trước khi nói tiếp, “Và không muốn nói tới đề tài tế nhị này đâu, cô gái, nhưng ta giữ hẳn tránh xa khỏi những con tàu.”

“Thế là thông minh đấy,” Lainie nói.

“Ta đã biết hẳn từ khi hẳn chỉ là đứa trẻ, chí ít ta có thể làm được như thế.”

Lainie gật đầu. Cô có những câu hỏi khác nhưng cô quyết định tốt nhất là nên để dành chúng cho người khác mà cô đã có chủ ý tới thăm. Trong suốt buổi chiều, họ chẳng nói gì ngoài chuyện thời trang và những trào lưu nghệ thuật. Mme. Padva cứ khăng khăng may cho cô kiểu ít cầu kì hơn của chiếc váy màu ngà và đen ấy với màu hồng đào và kem, bà đã hoàn tất phác thảo chỉ trong vài phút.

“Khi nào ta nghỉ hưu thì tất cả những thứ này sẽ là của cô, cô gái,” Mme. Padva nói trước khi Lainie rời đi. “Ta chẳng còn tin được ai khác.”

• • •

VĂN PHÒNG TUY LỚN nhưng trông nhỏ hơn vì khối lượng những đồ chất trong đó. Mặc dù phần lớn các bức tường đều là kính mờ nhưng hầu hết văn phòng bị chiếm dụng bởi tủ và giá. Chiếc bàn vẽ đặt cạnh cửa sổ bị che lấp trong đống hỗn độn những giấy tờ, sơ đồ và thiết kế. Người đàn ông đeo kính ngời sau nó gần như vô hình, biến mất trong khung cảnh xung quanh. Tiếng bút chì của ông sột soạt trên giấy nghe thật chính xác và khoa học như tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ trong góc.

Giống hệt một căn phòng khác ở một nơi tương tự tại London, và một căn khác ở Vienna, trước khi được chuyển tới đây, Basel.

Ông Barris đặt bút chì xuống và rót cho mình một tách trà. Ông suýt chút nữa đánh rơi tách khi ngẩng lên và thấy Lainie Burgess đứng ở cửa ra vào.

“Trợ lý của anh hóa ra lại đi đâu đó,” cô nói. “Tôi không cố ý làm anh giật mình đâu.”

“Cũng không sao,” ông Barris nói, đặt tách trà xuống bàn trước khi đứng dậy khỏi ghế. “Tôi chưa từng hi vọng em sẽ đến cho tới tối qua.”

“Tôi đã bắt chuyến tàu sớm hơn,” Lainie nói. “Và tôi đã muốn gặp anh.”

“Được ở bên em nhiều hơn luôn là một vinh hạnh,” ông Barris nói. “Em dùng trà chứ?”

Lainie gật đầu khi đi trong văn phòng chật chội tới một chiếc ghế ở phía bên kia bàn.

“Anh đã nói những gì khi Tara tới Vienna thăm anh?” cô hỏi khi còn chưa ngồi xuống ghế.

“Tôi nghĩ là em biết rồi,” ông nói mà không nhìn cô, vẫn chú tâm vào tách trà ông đang rót.

“Chúng tôi là hai người khác nhau mà Ethan. Chỉ bởi vì anh chưa bao giờ quyết định được anh yêu người nào trong hai chúng tôi, như thế đâu có thể khiến chúng tôi hoán đổi cho nhau được.”

Ông đặt ấm xuống và pha trà cho cô, biết rằng cô sẽ muốn thêm những gì vào trà mà không phải hỏi.

“Tôi đã hỏi cưới em và em chưa bao giờ cho tôi một câu trả lời,” ông nói khi khuấy trà.

“Anh đã hỏi tôi sau khi cô ấy chết,” Lainie nói. “Làm sao tôi có thể chắc chắn rằng đó là sự lựa chọn của anh hay là điều mà anh buộc phải chọn.”

Ông đưa tách trà cho Lainie, chạm vào tay cô khi cô nhận lấy tách trà.

“Tôi yêu em,” ông nói. “Tôi cũng yêu cô ấy nhưng không hề giống nhau. Em thân thuộc giống như gia đình với tôi, mọi điều về em. Thân thuộc hơn thế nữa, trong một số trường hợp.”

Ông quay lại ghế của mình, nhắc kính ra để lau bằng khăn tay.

“Tôi không biết vì sao mình lại đeo nó,” ông nói, nhìn xuống cái kính. “Tôi đã không cần tới nó hàng năm trời.”

“Anh đeo vì nó hợp với anh,” Lainie nói.

“Cảm ơn em,” ông nói khi mang lại kính, nhìn cô nhấp trà. “Lời đề nghị đó vẫn còn hiệu lực.”

“Tôi biết,” Lainie nói. “Tôi đang cân nhắc.”

“Cứ từ từ,” ông Barris nói. “Chúng ta hóa ra lại có rất nhiều thời gian.”

Lainie gật đầu, đặt tách trà lên bàn.

“Tara đã luôn là người lý trí và chu đáo,” cô nói. “Chúng tôi bổ sung cho nhau, đó là một trong những lý do chúng tôi xuất sắc ở bất cứ việc gì chúng tôi làm. Cô ấy làm nền tảng cho những ý tưởng bay bổng của tôi. Tôi nhìn

vào chi tiết còn cô ấy nhìn vào tổng thể. Vì không nhìn thấy tổng thể nên tôi ở đây còn cô ấy thì không. Tôi đã nhìn từng thành tố một cách riêng lẻ và không bao giờ thấy chúng không hề khớp với nhau.”

Chiếc đồng hồ tích tắc nặng nề qua khoảng lặng tiếp theo.

“Tôi không muốn có cuộc đối thoại này,” ông Barris nói khi tiếng tích tắc trở nên không thể chịu nổi. “Tôi đã không muốn có cuộc đối thoại ngày đó với cô ấy và giờ tôi cũng không muốn với em.”

“Anh biết chuyện gì đang diễn ra ở đây phải không?” Lainie hỏi.

Ông Barris chỉnh thẳng chồng giấy trên bàn khi suy nghĩ câu trả lời.

“Đúng,” sau một lát ông đáp. “Tôi biết.”

“Anh đã nói với Tara?”

“Không.”

“Vậy thì nói cho tôi đi,” Lainie nói.

“Tôi không thể. Lời giải thích sẽ phá vỡ niềm tin và tôi không sẵn lòng làm chuyện đó, kể cả với em.”

“Đã bao nhiêu lần anh nói dối tôi?” Lainie hỏi, đứng dậy khỏi ghế.

“Tôi *chưa bao giờ* nói dối,” ông Barris phản bác và cũng đứng dậy. “Tôi không chia sẻ những gì tôi không được phép nói ra. Tôi đã hứa và tôi sẽ giữ lời nhưng tôi chưa bao giờ nói dối em. Em thậm chí còn chưa bao giờ hỏi tôi, em đã cho rằng tôi chẳng biết gì.”

“Tara đã hỏi anh,” Lainie nói.

“Một cách gián tiếp,” ông Barris nói. “Tôi không nghĩ là cô ấy biết thứ cần phải hỏi và tôi cũng sẽ không trả lời kể cả nếu cô ấy có biết đi chẳng nữa. Tôi đã lo lắng cho cô ấy và tôi đã gợi ý rằng cô ấy nên nói chuyện với Alexander nếu cô ấy muốn có câu trả lời. Tôi cho rằng đó là lý do vì sao cô ấy ở ga. Tôi không biết là cô ấy đã nói chuyện với ông ấy chưa. Tôi đã không hỏi.”

“Alexander cũng biết ư?” Lainie hỏi.

“Tôi nghĩ ông ấy chỉ lờ mờ biết một chút thôi, mà có khi là mù tịt cũng không biết chừng.”

Lainie thờ dài và ngồi lại xuống ghế. Cô nhắc tách trà lên và rồi lại đặt nó xuống mà không uống.

Barris vươn qua bàn nắm lấy tay cô, làm cô nhìn vào mắt ông khi ông nói.

“Tôi sẽ nói với em nếu có thể,” ông nói.

“Tôi biết, Ethan,” cô nói. “Tôi biết.” Cô siết nhẹ tay ông để trấn an.

“Tôi không ngại chuyện này, Lainie,” ông Barris nói. “Cứ vài năm tôi lại chuyển văn phòng, tôi thuê một đội ngũ mới. Tôi tiếp tục các dự án thông qua thư tín, không phải là việc khó quản lý nếu cần nhắc những gì tôi nhận lại được.”

“Tôi hiểu,” cô nói. “Giờ rạp xiếc ở đâu?”

“Tôi không chắc. Tôi tin là gần đây nó đã rời Budapest, mặc dù tôi không biết nó đang trên đường tới đâu. Tôi có thể tìm hiểu; Friedrich sẽ biết và tôi nợ ông ấy một bức điện.”

“Và làm thế nào mà Herr Thiessen lại biết được rạp xiếc sẽ tới đâu?”

“Bởi Celia Bowen nói với ông ấy.” Lainie không hỏi thêm ông câu nào.

Ông Barris thấy nhẹ nhõm khi cô nhận lời mời tới dùng bữa tối với ông, và thậm chí còn hơn thế khi cô đồng ý kéo dài thời gian ở lại Thụy Sĩ trước khi đuổi theo rạp xiếc.

• • •

LAINIE MỜI CELIA tới gặp mình tại khách sạn Cung điện Pera ở Constantinople ngay khi cô tới thành phố. Cô đợi trong phòng trà, trước mặt

là hai cốc thủy tinh hình hoa tu-lip óng ánh cùng đĩa lót đồng bộ nằm ở trên chiếc bàn lát đá.

Khi Celia tới, họ chào nhau một cách nồng ấm. Celia hỏi han về hành trình của Lainie trước khi họ thảo luận về thành phố và khách sạn, bao gồm cả chiều cao đáng kinh ngạc của căn phòng nơi họ ngồi.

“Giống như ngòi trong căn lều của nghệ sĩ nhào lộn vậy,” Lainie nhận xét, ngược lên nhìn các mái vòm tạo thành trần nhà, mỗi mái vòm được điểm những vòng thủy tinh màu ngọc lam nhiều lớp.

“Đã lâu lắm cô không đến rạp xiếc rồi đấy,” Celia nói. “Chúng tôi vẫn mang trang phục của cô nếu cô muốn tham gia cùng những pho tượng tối nay.”

“Cảm ơn nhưng thôi,” Lainie nói. “Tôi không có tâm trạng để đứng im như thế.”

“Cô luôn được chào đón mà,” Celia nói.

“Tôi biết,” Lainie nói. “Mặc dầu thành thực mà nói, tôi ở đây không phải vì rạp xiếc. Tôi ở đây để nói chuyện với cô.”

“Cô muốn nói chuyện gì?” Celia hỏi, trên gương mặt hiện lên cái nhìn lo lắng.

“Tara đã qua đời tại ga St. Pancras, sau khi tới Khách sạn Midland Grand,” Lainie nói. “Cô có biết vì sao cô ấy đến đó không?”

Celia siết chặt cốc trà.

“Tôi biết cô ấy đến đó để gặp ai,” cô nói, thận trọng chọn từ.

“Tôi đoán là Ethan đã nói với cô,” Lainie nói.

Celia gật đầu.

“Cô có biết vì sao cô ấy lại muốn gặp ông ta không?” Lainie hỏi.

“Không, tôi không biết.”

“Vì cô ấy cảm thấy không ổn,” Lainie nói. “Tận xương tủy cô ấy biết được thế giới của cô ấy đã đổi thay và cô ấy không nhận được lời giải thích nào, không có gì để bám vào, để hiểu được. Tôi tin là chúng ta đều cảm thấy như thế và chúng ta đều đương đầu với chuyện đó theo những cách khác nhau. Ethan và Tante Padva đều có công việc để giết thời gian, để giữ cho đầu óc họ bận rộn. Tôi đã buông xuôi bản thân trong một khoảng thời gian. Tôi yêu Tara vô cùng và tôi sẽ luôn như thế, nhưng tôi nghĩ rằng cô ấy đã phạm một sai lầm.”

“Tôi nghĩ nó là một tai nạn,” Celia khẽ nói, cúi xuống nhìn hoa văn trên mặt bàn.

“Không, trước đó. Sai lầm của cô ấy là hỏi không đúng câu hỏi và không đúng người. Tôi không có ý định mắc lại sai lầm ấy.”

“Đó là lý do cô ở đây.”

“Đó là lý do tôi ở đây,” Lainie nói. “Chúng ta đã biết nhau bao lâu rồi Celia?”

“Hơn mười năm.”

“Chắc chắn là tới giờ cô có thể tin tôi đủ để kể cho tôi chuyện gì đang thực sự diễn ra ở đây. Tôi ngờ rằng thế nào cô cũng nói với tôi là không có gì, hoặc khuyên tôi đừng tự mua dây buộc mình.”

Celia đặt cốc lên đĩa. Cô giải thích cặn kẽ nhất có thể. Cô giữ những chi tiết một cách mập mờ, chỉ đủ bao quát ý niệm cơ bản nhất về thách thức, và việc rạp xiếc hoạt động như một đấu trường. Việc có những người biết nhiều hơn người khác ở mọi cấp độ, mặc dầu cô không nêu tên từng cá nhân và nói rõ rằng đến cô cũng không có hết các câu trả lời.

Lainie không nói gì, cô lắng nghe chăm chú và thi thoảng nhấp trà.

“Ethan biết từ bao giờ?” cô hỏi khi Celia dừng lại.

“Từ rất lâu rồi,” Celia trả lời.

Lainie gật đầu và đưa cốc lên môi nhưng thay vì uống trà, cô lơì các ngón tay.

Chiếc cốc rơi xuống chiếc đĩa ở phía dưới.

Những mảnh thủy tinh bắn ra, âm thanh vang khắp căn phòng. Trà bắn lên các viên gạch.

Trước khi mọi người kịp phản ứng với tiếng ồn đó, chiếc cốc đã kịp quay về chỗ cũ. Những mảnh vỡ bao quanh chất lỏng và dính vào nhau, bề mặt chiếc bàn khô ráo.

Những ai từ bàn mình liếc về phía có tiếng ồn đều cho rằng đó là do họ tưởng tượng, rồi quay lại với tách trà của mình.

“Tại sao cô không dừng nó lại trước khi nó vỡ?” Lainie hỏi.

“Tôi không biết,” Celia đáp.

“Nếu cô cần bất cứ thứ gì từ tôi thì tôi muốn cô hãy nói ra,” Lainie nói khi cô đứng dậy để rời đi. “Tôi mệt mỗi khi mọi người cứ giữ bí mật quá giỏi đến mức họ khiến người khác phải chết. Chúng tôi tất cả đều liên quan tới trận đấu của cô, và dường như chúng tôi không dễ chữa như những tách trà kia.”

Celia ngồi lại một mình một lát sau khi Lainie rời đi, cả hai tách trà trở nên nguội ngắt.

BIÊN DẬY SÓNG

DUBLIN, THÁNG SÁU 1901

Sau khi ảo thuật gia cúi chào và biến mất trước những cặp mắt ngỡ ngàng của khán giả, họ vỗ tay tán thưởng không gian trống rỗng. Họ đứng dậy khỏi ghế ngồi và một vài người bàn luận với bạn bè mình, trầm trồ về thủ thuật này, thủ thuật kia trong lúc đổ dồn ra cánh cửa đã xuất hiện trở lại phía bên hông căn lều kẻ sọc.

Một người đàn ông, ở vòng ghế phía ngoài, vẫn ngồi yên trên ghế khi mọi người rời đi. Đôi mắt anh ta, gần như bị che khuất trong mảnh bóng hắt xuống của vành mũ quả dưa trên đầu, chăm chăm nhìn vào không gian trung tâm vòng tròn nơi ảo thuật gia mới khoảnh khắc trước còn chiếm lĩnh.

Phần còn lại của khán phòng rời đi. Người đàn ông đó vẫn ngồi.

Sau vài phút, cánh cửa mờ dần, tan vào vách lều, một lần nữa trở nên vô hình.

Ánh nhìn của người đàn ông không hề động đậy. Anh ta cũng không liếc nhìn cánh cửa đã biến mất.

Một lát sau, Celia ngồi trước mặt anh, quay sang bên và tựa cánh tay lên lưng ghế. Cô hăng còn bận bộ đồ như lúc biểu diễn, chiếc váy dài màu trắng, hoa văn là những mảnh câu đố chưa được giải đáp, rơi dần vào mảng tối dọc gấu váy.

“Anh đến thăm em,” cô nói, không giấu nổi sự hài lòng trong giọng nói.

“Anh có vài ngày thôi,” Marco nói. “Và em dạo này lại không ở gần London.”

“Bọn em sẽ ở London khi sang thu,” Celia nói. “Đã thành thông lệ rồi.”

“Anh không thể đợi lâu như thế để được gặp em.”

“Thật tốt khi được thấy anh,” Celia khẽ nói. Cô vươn người và vuốt thẳng mép mũ cho anh.

“Em có thích Vân Mê Cung không?” anh hỏi. Anh nắm lấy tay cô khi cô hạ tay xuống.

“Có,” cô nói, hơi thở gấp gáp khi những ngón tay anh bao quanh tay cô. “Anh đã thuyết phục ông Barris của chúng ta giúp à?”

“Quả là thế,” Marco nói, lướt ngón tay cái lên cườm tay cô. “Anh nghĩ mình có thể sử dụng một ít trợ giúp để có được sự cân bằng tương xứng. Hơn nữa, em có Vòng Đu Quay của em còn chúng ta chia sẻ Mê Hồn Trận, anh nghĩ là sẽ công bằng nếu anh có một nguyên tác Barris của riêng mình.”

Ánh mắt da diết và sự đụng chạm của anh tràn lên Celia như cơn sóng, cô rút tay khỏi tay anh trước khi bị cơn sóng ấy nhấn chìm.

“Anh đến chỉ để cho em thấy những chiến tích phép thuật lẫy lừng của mình đấy à?” cô hỏi.

“Cũng không phải trong lịch trình của anh cho tối nay nhưng nếu em muốn...”

“Anh đã xem em, như thế là công bằng rồi còn gì.”

“Anh có thể ngắm em cả đêm,” anh nói.

“Anh đã ngắm rồi,” Celia nói. “Đêm nay anh đã ngồi lẫn vào đám đông khán giả, em đã nhận ra rồi.”

Cô đứng lên và bước về phía trung tâm vòng tròn, quay người khiến tà váy xoay tròn quanh cô.

“Em có thể nhìn thấy từng ghế,” cô nói. “Anh không trốn được em khi anh ngồi ở hàng ghế sau đâu.”

“Anh nghĩ có lẽ mình sẽ không kìm nén được mà chạm vào em nếu anh ngồi ở hàng trước,” Marco nói, di chuyển khỏi ghế của mình rồi đứng ngay mép sàn diễn hình tròn, ngay trong hàng ghế đầu tiên.

“Em có đủ gần với ảo ảnh của anh không?” cô hỏi.

“Nếu anh nói là không thì liệu em có tới gần hơn không?” anh đáp lời, không buồn giấu đi nụ cười rạng rỡ. Đáp lại, Celia tiến thêm một bước nữa về phía anh, gấu váy quét qua giày anh. Đủ gần để anh nâng tay lên và nhẹ nhàng đặt bàn tay lên eo cô.

“Lần trước anh không cần phải chạm vào em cơ mà,” cô nhận xét, nhưng cũng không phản đối.

“Anh nghĩ là mình nên thử điều gì đó đặc biệt,” Marco nói.

“Em có nên nhắm mắt lại không?” Celia nghịch ngợm hỏi, nhưng thay vì trả lời, anh xoay người cô lại để cô quay lưng về phía anh, vẫn giữ bàn tay trên eo cô.

“Hãy xem nhé,” anh thì thầm vào tai cô.

Những bức vách bằng vải bạt kẻ sọc của căn lều cứng lại, bề mặt mềm mại răn lại khi lớp vải trở thành giấy. Những con chữ xuất hiện khắp các bức tường giấy đó, những chữ đánh máy chồng lên dòng viết tay. Celia có thể đoán ra những đoạn thơ xô-nết của Shakespeare và những trích đoạn chiến ca dành cho những nữ thần Hy Lạp khi bài thơ phủ kín căn lều. Nó bao phủ khắp các vách và trần lều rồi lan cả xuống mặt đất.

Và rồi căn lều bắt đầu mở ra, lớp giấy gập lại và tách ra. Những sọc đen vươn dài vào trong không trung trong khi những sọc trắng rực sáng, hướng lên trên và chẽ thành các nhánh.

“Em có thích không?” Marco hỏi, khi chuyển động dừng lại và họ đứng trong một khu rừng khuất bóng bởi những tán cây phủ đầy thơ tỏa ánh sáng dịu nhẹ.

Celia chỉ có thể gật đầu.

Anh miễn cưỡng buông cô ra, bước theo khi cô dạo qua rừng cây, đọc những dòng thơ trên cành và thân cây.

“Làm thế nào mà anh nghĩ ra được những hình ảnh như vậy?” cô hỏi, áp bàn tay lên lớp vỏ bằng giấy của một trong những cái cây. Nó ấm áp và rắn chắc dưới những ngón tay cô, tỏa sáng từ bên trong giống như đèn lồng.

“Anh nhìn sự vật trong tâm trí mình,” Marco nói. “Trong những giấc mơ, anh hình dung ra em.”

“Em không nghĩ là anh đã tưởng tượng làm thế nào để làm vừa lòng đối thủ,” Celia nói.

“Anh chưa bao giờ thực sự nắm được luật chơi, vì thế anh đã đi theo bản năng của mình,” Marco bộc bạch.

“Bố em vẫn cố tình mập mờ về luật chơi,” Celia nói khi họ đi xuyên qua rừng cây. “Nhất là khi em hỏi khi nào hay bằng cách nào lời phán quyết sẽ được đưa ra.”

“Alexander cũng từ chối đưa ra thông tin đó.”

“Em hi vọng là ông ấy không làm phiền anh như bố đối với em,” Celia nói. “Mặc dù đương nhiên là bố em cũng chẳng biết làm gì hơn.”

“Anh đã không gặp Alexander hàng năm trời,” Marco nói. “Ông luôn... xa cách và không dễ tiếp cận, nhưng ông là điều gần với gia đình nhất mà anh có. Vậy mà ông vẫn không nói gì với anh.”

“Em khá là ghen tị đấy,” Celia nói. “Bố em luôn nói với em rằng em là nỗi thất vọng.”

“Anh không tin là em có thể làm bất kì ai thất vọng,” Marco nói.

“Ấy là anh chưa có hân hạnh được gặp bố em thôi.”

“Em nói với anh chuyện gì xảy ra với ông được không?” Marco hỏi. “Anh thấy tò mò đấy.”

Celia thở dài trước khi cô bắt đầu, cô dừng lại cạnh một cái cây có khắc những câu chữ của tình yêu và mong nhớ. Cô chưa bao giờ kể với ai câu chuyện này, chưa bao giờ được trao cơ hội để đề cập nó với bất cứ ai hiểu được.

“Bố em đã luôn có phần tham vọng quá mức,” cô bắt đầu. “Những việc muốn làm, ông đã không hoàn thành được, không như ông mong muốn. Ông muốn đưa bản thân mình ra khỏi thế giới vật chất.”

“Có thể nào?” Marco hỏi. Celia cảm kích vì anh đã không ngay lập tức bác bỏ ý tưởng đó. Cô có thể thấy anh đang cố suy nghĩ trong đầu và cô cố tìm cách giải thích tốt nhất.

“Hình dung là em có một ly rượu đi,” cô nói. Một ly rượu đỏ xuất hiện trong tay cô. “Cảm ơn anh. Nếu em lấy chỗ rượu này đổ vào một bể nước, hoặc một cái hồ hay thậm chí là một đại dương, liệu chỗ rượu ấy có bị mất đi không?”

“Không, nó sẽ chỉ loãng ra,” Marco nói.

“Chính xác,” Celia đáp. “Bố em đã tìm được cách để bỏ đi cái ly của ông.” Khi cô nói, chiếc ly trong tay cô mờ đi, nhưng chỗ rượu thì vẫn còn, lơ lửng trong không trung. “Nhưng ông đã đi thẳng ra đại dương chứ không phải ở một bể nước hay thậm chí là một cái ly lớn hơn. Ông gặp vấn đề khi gắn kết bản thân lại. Ông có thể làm được, dĩ nhiên, nhưng khó. Nếu ông thỏa mãn với việc chiếm hữu một nơi thôi thì có lẽ ông sẽ thoải mái hơn. Nhưng ngược lại, quá trình ấy lại khiến ông bị trôi dạt. Ông phải bám vào sự vật. Ông bám vào ngôi nhà của mình ở New York. Những nhà hát mà ông đã biểu diễn thường xuyên. Ông bám vào em khi nào có thể, mặc dù em đã học được cách né tránh ông khi em muốn. Ông ghét điều đó, nhất là khi em đang ra sức thực hiện một trong những thủ thuật phòng vệ của ông.”

“Liệu có thể được không?” Marco hỏi. “Những gì ông muốn thực hiện ấy? Ý anh là theo một cách đúng đắn.”

Celia nhìn vào chỗ rượu đang lơ lửng mà không có ly. Cô nhấc tay lên chạm vào và nó tan ra thành những giọt rượu rồi lại tụ lại với nhau.

“Em tin là có thể được,” cô nói, “trong những điều kiện đúng. Nó sẽ cần một vật chuẩn. Một địa điểm, một cái cây, một nguyên tố vật chất để bám vào. Một thứ gì đó để không bị trôi đi. Em ngờ là bố em đơn thuần chỉ muốn cả thế giới này thành vật chuẩn của mình, nhưng em tin rằng sẽ cần phải cụ thể hơn. Để hoạt động như một cái ly nhưng linh hoạt hơn để chuyển động bên trong.” Cô chạm lại vào chỗ rượu lơ lửng, đẩy nó về phía cái cây cô đứng cạnh. Chất lỏng thấm vào giấy, từ từ lan ra cho tới khi toàn bộ cái cây tỏa ra sắc đỏ sậm trong khu rừng toàn màu trắng.

“Em đang thao túng ảo giác của anh,” Marco nói, anh nhìn một cách hiểu kì vào cái cây thấm rượu.

“Anh đã để em làm thế,” Celia nói. “Em đã không chắc là mình làm được.”

“Liệu em có làm được không?” Marco hỏi. “Điều mà bố em muốn làm ấy.”

Celia trầm tư nhìn cái cây hồi lâu trước khi trả lời. “Nếu em có lý do phải làm, em nghĩ là em làm được,” cô nói. “Nhưng em thích thế giới vật chất hơn. Em nghĩ bố em đã cảm nhận được tuổi tác, vốn rất nhiều so với vẻ ngoài, và ông không chấp nhận được ý nghĩ bị mục rữa trong đất. Ông có lẽ cũng đã ước rằng sẽ kiểm soát được số phận của chính mình, nhưng em không dám chắc, vì ông đã không hề nói với em trước khi ông muốn làm điều đó. Bỏ lại em với vô vàn câu hỏi phải trả lời và một đám tang giả. Điều này dễ dàng hơn điều anh có thể hình dung.”

“Nhưng ông nói chuyện với em sao?” Marco hỏi.

“Có, dù không thường xuyên như trước. Ông trông vẫn thế; em nghĩ đó là một tiếng vọng, ý thức của ông được giữ lại trong vẻ bề ngoài của một dạng vật chất. Nhưng ông không có kết cấu bền vững và nó làm ông vô cùng khó chịu. Bản thể của ông có thể đã chắc chắn hơn nếu ông thực hiện khác đi.

Nhưng em không chắc là bản thân em muốn vĩnh viễn bị giam lại trong một cái cây, anh có thể không?”

“Anh nghĩ là còn tùy vào cái cây,” Marco nói.

Anh quay sang cái cây màu đỏ và nó tỏa sáng hơn, màu đỏ của than hồng đổi dần sang sắc sáng ấm áp của ngọn lửa.

Những cái cây xung quanh cũng thay đổi.

Khi ánh sáng từ các cây tăng lên, nó trở nên sáng đến mức Celia phải nhắm mắt lại.

Mặt đất dưới chân cô dịch chuyển, đột nhiên không còn vững chãi, nhưng Marco đặt bàn tay lên eo cô để giữ cô đứng vững.

Khi cô mở mắt ra, họ đang đứng trên boong một con tàu giữa đại dương.

Chỉ có điều con tàu này được làm từ những cuốn sách, cánh buồm của nó là hàng ngàn trang sách chồng lên nhau, và biển cả nơi nó đang lướt trên là mực một màu đen thẫm.

Những đốm sáng nhỏ xíu xuất hiện dọc bầu trời, như những ngôi sao bị cột lại tỏa sáng như mặt trời.

“Anh đã nghĩ một nơi nào đó mệnh mông sẽ thật tuyệt sau khi nói về những không gian bó hẹp,” Marco nói.

Celia bước tới mép boong tàu, chạy bàn tay dọc theo gáy những cuốn sách tạo thành lan can. Một làn gió nhẹ đùa nghịch tóc cô, mang theo mùi hương tê tê của những cuốn sách bụi bặm và mực đậm màu.

Marco bước tới và đứng cạnh cô khi cô nhìn vào mặt biển lúc nửa đêm đang kéo dài tới tận chân trời rõ nét mà không thấy bờ.

“Đẹp quá,” cô nói.

Cô liếc xuống nhìn bàn tay phải của anh đang đặt trên lan can, cau mày lại khi ngắm những ngón tay trần không dấu vết của anh.

“Có phải em đang tìm cái này?” anh hỏi, vung bàn tay đầy kiểu cách. Lốp da dịch chuyển, để lộ vết sẹo bao quanh ngón nhẫn của anh. “Vết sẹo từ một cái nhẫn năm anh mười bốn tuổi. Cái nhẫn có chữ gì đó bằng tiếng Latin nhưng anh không biết đó là gì.”

“*Esse quam videri*,” Celia nói. “Bản chất, hơn là biểu hiện. Đó là gia pháp nhà Bowen. Bố em rất thích khắc nó lên các thứ. Em không hoàn toàn chắc là ông coi trọng sự mỉa mai ấy. Cái nhẫn đó giống như chiếc này.” Cô đặt bàn tay phải của mình cạnh tay anh, dọc theo những cuốn sách tiếp nối nhau. Chiếc nhẫn trên tay cô được khắc những gì mà Marco đã từng nghĩ là vết khắc phức tạp, nhưng đó là cùng một dòng chữ uốn lượn.

Celia xoay chiếc nhẫn, trượt nó xuống ngón tay để anh có thể thấy vết sẹo.

“Đó là vết thương duy nhất em đã không bao giờ có thể làm lành lại hoàn toàn,” cô nói.

“Của anh cũng thế,” Marco nói, anh nhìn vào chiếc nhẫn mặc dầu đôi mắt vẫn cứ hướng tới vết sẹo. “Chỉ khác nó là vàng. Của em được làm bởi một thứ gì đó của Alexander phải không?”

Celia gật đầu.

“Khi đó em mấy tuổi?” anh hỏi.

“Khi đó em sáu tuổi. Chiếc nhẫn đó trơn và bằng bạc. Đó là lần đầu tiên em gặp một người có thể làm được những điều giống bố em, mặc dầu ông ấy có vẻ như rất khác bố. Ông ấy nói với em rằng em là một thiên sứ. Đó là điều đáng yêu nhất mà một người có thể nói với em.”

“Nói vậy là giảm nhẹ đi rồi,” Marco nói, đặt tay anh lên tay cô.

Một cơn gió đột nhiên thổi căng những cánh buồm giấy. Những trang sách phần phật khi bề mặt biển mực gợn sóng.

“Em đã làm thế,” Marco nói.

“Em đâu có cố ý,” Celia nói, nhưng cô không rút tay về.

“Anh không ngại đâu,” Marco nói, lồng tay mình vào tay cô. “Tự anh cũng có thể làm được, em biết mà.” Gió mạnh dần lên, tạo thành những đợt sóng mịt mù tối màu va vào con tàu. Những trang sách rớt xuống từ cánh buồm, xoay quanh họ như lá cây. Con tàu bắt đầu nghiêng đi và Celia suýt chút nữa thì sẩy chân, nhưng Marco vòng tay ôm lấy eo cô giữ thăng bằng trong khi cô bật cười.

“Quả là ấn tượng đấy, quý ngài Áo Thuật Gia,” cô nói.

“Hãy gọi anh bằng tên của anh,” anh nói. Anh chưa bao giờ nghe thấy cô nói tên anh và được ôm cô trong vòng tay khiến anh đột nhiên khát khao được nghe âm thanh đó. “Gọi đi em,” anh nói thêm khi cô ngần ngại.

“Marco,” cô nói, nhẹ và mềm. Tên anh trên đầu lưỡi cô nghe thậm chí còn mê hoặc hơn những gì anh đã tưởng tượng, và anh nhào người về phía đó để nắm.

Ngay trước khi môi anh chạm tới môi cô, Celia quay đi. “Celia,” Marco thở dài vào tai cô, chất đầy tên cô với tất cả nỗi khát khao và thất vọng mà cô cảm thấy về bản thân, hơi thở anh nóng bỏng trên cổ cô.

“Em xin lỗi,” cô nói. “Em... em không muốn làm chuyện này rồi ren hơn nó vốn thế.”

Anh không nói gì, vẫn giữ nguyên vòng tay quanh cô, nhưng gió bắt đầu lặng, những cơn sóng vỗ vào con tàu bắt đầu bình ổn.

“Em đã dành phần lớn cuộc đời vật lộn để giữ bản thân mình trong tầm kiểm soát,” Celia nói, tựa đầu lên vai anh. “Để biết bản thân mình bên trong và bên ngoài, mọi thứ được giữ trong một trật tự hoàn hảo. Em đã mất điều đó khi em ở bên anh. Nó làm em sợ, và...”

“Anh không muốn em sợ,” Marco cắt ngang.

“Nó khiến em sợ khi em thấy thích nó,” Celia nói nốt, xoay mặt về phía anh. “Được đánh mất mình trong anh tuyệt vời đến nhường nào. Được

buông mình. Được anh ngăn cho không làm vỡ chùm đèn hơn là phải một mình không ngừng lo lắng về nó.”

“Anh có thể.”

“Em biết.”

Họ đứng bên nhau lặng lẽ khi con tàu trôi dần về phía chân trời vô định.

“Đi với anh,” Marco nói. “Tới bất cứ đâu. Đi khỏi rạp xiếc, đi khỏi Alexander và bố em.”

“Không được đâu anh,” Celia nói.

“Dĩ nhiên là được mà,” Marco nài nỉ. “Em và anh bên nhau, chúng ta có thể làm bất cứ điều gì.”

“Không,” Celia nói. “Chúng ta chỉ có thể làm bất cứ điều gì ở đây thôi.”

“Anh không hiểu.”

“Anh đã từng nghĩ về nó, về chuyện cứ thế ra đi chưa? Thực sự nghĩ về nó với chủ đích sẽ theo đến cùng mà không phải như một giấc mộng hay một ảo vọng thoáng qua?” Khi anh chưa trả lời, cô nói tiếp. “Nghĩ về nó đi, ngay bây giờ. Hãy hình dung chúng ta rời bỏ nơi này và trận đấu này và bắt đầu lại từ đầu ở một nơi nào khác, và thực sự mong mỏi nó.”

Marco nhắm mắt lại và hình dung trong tâm trí, tập trung không phải vào giấc mơ mà vào thực tế. Lập kế hoạch từ những chi tiết nhỏ nhất, từ chuyện thu xếp sổ sách của Chandresh cho nhân viên kế toán mới tới chuyện đóng đồ trong căn hộ, kể cả chuyện những chiếc nhẫn cưới trên tay họ.

Và rồi bàn tay phải của anh bắt đầu bóng rát, cơn đau sắc nhọn và cào xé, bắt đầu từ vết sẹo trên ngón tay chạy lan lên cánh tay, xóa sạch mọi suy nghĩ trong đầu anh. Giống cơn đau khi vết sẹo được tạo ra nhân lên ngàn lần. Chuyển động của con tàu dừng lại ngay tắp lự. Trang giấy mủn ra và biển mực nhạt đi, để lại một vòng những chiếc ghế bên trong căn lều kẻ sọc khi Marco đổ sụp xuống đất.

Cơn đau dịu đi chút ít khi Celia quỳ xuống cạnh anh và cầm lấy tay anh.

“Cái đêm diễn ra bữa tiệc kỉ niệm,” cô nói. “Cái đêm anh hôn em. Em đã nghĩ về điều này vào đêm đó. Em không muốn đấu tiếp, em chỉ muốn ở bên anh. Em nghĩ là mình sẽ đề nghị anh chạy trốn cùng em và em thực sự muốn vậy. Ngay khoảnh khắc em thuyết phục mình rằng chúng ta có thể làm được, em đã đau đớn đến mức không chịu nổi. Friedrich đã không hiểu chuyện gì xảy ra, ông ấy đã ngồi cạnh em trong một góc khuất yên lặng, nắm lấy tay em và đã không hỏi han gì khi em không thể giải thích nổi bởi ông ấy là một người tốt như vậy đấy.”

Cô cúi xuống nhìn vết sẹo trên tay Marco khi anh đang cố lấy lại nhịp thở.

“Em đã nghĩ có thể đó là vì anh,” cô nói. “Và thế là em đã thử một lần không lên tàu khi nó rời đi và nó cũng đau đớn hết vậy. Chúng ta thực sự ràng buộc với nhau.”

“Em đã muốn chạy trốn cùng anh,” Marco nói, anh mỉm cười dù cơn đau vẫn còn. “Anh không biết nụ hôn đó đã hiệu quả đến vậy.”

“Lẽ ra anh đã có thể làm cho em quên đi, lấy nó ra khỏi kí ức em dễ dàng như anh đã làm với tất cả mọi người trong bữa tiệc.”

“Không dễ đâu,” Marco nói. “Và anh đã không muốn em quên.”

“Em không thể quên được,” Celia nói. “Giờ anh cảm thấy thế nào?”

“Thê thảm. Nhưng cơn đau đang nguôi dần. Anh đã nói với Alexander là anh muốn từ bỏ vào đêm đó. Anh đã không hẳn muốn thế. Anh chỉ muốn một phản ứng từ ông ấy thôi.”

“Có vẻ như nó khiến chúng ta nghĩ rằng chúng ta không bị giam cầm,” Celia nói. “Chúng ta không thể cảm thấy những song sắt trừ phi chúng ta bị đẩy vào chúng. Bố em nói rằng sẽ dễ dàng hơn nếu anh và em không quá quan tâm tới nhau. Có lẽ ông nói đúng.”

“Anh đã cố,” Marco nói, hai bàn tay ôm lấy khuôn mặt cô. “Anh đã cố để em ra đi và anh không thể. Anh không thể ngừng nghĩ tới em. Anh không

thể ngừng mơ về em. Lẽ nào em không cảm thấy như thế với anh?”

“Có chứ,” Celia nói. “Em có anh ở đây, tất cả xung quanh em. Em ngồi trong Vườn Bàng để nhận ra điều này, cách mà anh khiến em cảm nhận. Em đã cảm thấy nó ngay cả trước khi em biết anh là ai, và mỗi khi em nghĩ nó không thể nào mãnh liệt hơn được thì nó lại càng mạnh mẽ hơn nữa.”

“Vậy thì cái gì đang ngăn cản chúng ta ở bên nhau?” anh hỏi, trượt hai bàn tay xuống khỏi mặt Celia, vượt theo đường cổ áo cô.

“Em muốn thế,” Celia nói, thở hỗn hển khi bàn tay anh dịch xuống thấp hơn. “Hãy tin em, em muốn thế. Đây không chỉ là về anh và em. Còn có rất nhiều người khác bị vướng vào trận đấu này. Tình thế ngày càng khó khăn để giữ mọi thứ trong trật tự. Và việc này” - cô đặt tay mình lên tay anh - “việc này cực kì khiến em phân tâm. Em lo những gì có thể xảy ra khi em không còn tập trung được nữa.”

“Em không có nguồn năng lượng,” anh nói.

Cô nhìn anh, tỏ ra không hiểu.

“Nguồn năng lượng nào?” cô nhắc lại.

“Cách anh sử dụng vạc lửa, giống như một đường dẫn. Mượn năng lượng từ ngọn lửa. Em không có bất kì thứ gì giống thế, em chỉ tự mình làm phải không?”

“Em không biết cách nào khác,” Celia nói.

“Em vẫn luôn điều khiển rạp xiếc phải không?” Marco hỏi.

Celia gật đầu. “Em đã quen với việc đó. Đa phần thời gian là kiểm soát được.”

“Anh không thể hình dung nổi việc đó gây kiệt sức tới mức nào.”

Anh khẽ hôn lên trán Celia trước khi buông cô ra, vẫn ở thật gần bên cô hết mức có thể mà không chạm vào.

Và rồi anh kể cho cô nghe những câu chuyện. Những thần thoại anh học được từ thầy. Những câu chuyện kì ảo anh tự sáng tạo, được truyền cảm hứng từ chỗ này hay chỗ kia trong những câu chuyện khác mà anh đọc được trong những cuốn sách cổ xưa gáy đã rạn nứt. Những ý niệm rập xiếc không chỉ gói gọn trong những căn lều.

Cô đáp lại bằng những câu chuyện cổ thời thơ ấu của cô trong những căn phòng phía sau những rạp hát. Những chuyến phiêu lưu tại những thành phố xa xôi mà rạp xiếc đã từng tới. Cô thuật lại chi tiết từng sự kiện trong những chuỗi ngày kiếm sống bằng thuật gọi hồn, thấy thật vui khi anh cũng cho rằng hành trình đó đáng chán y như cô cảm nhận lúc đó.

Họ ngồi và thủ thỉ cho đến gần rạng đông, và anh chỉ rời đi khi rạp xiếc sắp đóng cửa.

Marco ôm Celia vào lòng một lát trước khi anh đứng dậy, nhắc cô lên cùng mình.

Anh lấy từ trong túi áo ra tấm danh thiếp chỉ có một chữ cái *M* và một địa chỉ.

“Anh hiện dành ít thời gian ở nhà Chandresh hơn,” anh nói khi đưa cho cô tấm danh thiếp. “Khi anh không ở đó thì đây là nơi em sẽ tìm thấy anh. Em được chào đón bất cứ lúc nào, dù là ngày hay đêm. Bất cứ khi nào em có hứng xao nhãng.”

“Cảm ơn anh,” Celia nói. Cô đảo tấm thiếp qua các ngón tay và nó biến mất.

“Khi tất cả chuyện này kết thúc, dù ai trong hai ta thắng, anh sẽ không để em đi dễ dàng đâu. Đồng ý nhé?”

“Đồng ý.”

Marco cầm tay cô và nâng nó lên môi anh, hôn lên chiếc nhẫn bạc che đi vết sẹo của cô.

Celia vuốt ve cạnh hàm anh. Rồi cô quay đi, biến mất trước khi anh kịp vươn tay ra níu cô lại.

LỜI THỈNH CẦU

CONCORD, MASSACHUSETTS, 30 THÁNG MƯỜI, 1902

Lũ cừu hôm nay cứ ngúng nguẩy khó bảo khi Bailey cố gắng lùa chúng từ cánh đồng này sang cánh đồng khác. Chúng trì lại, giơ sừng, rống lên, xô đẩy, khăng khăng rằng cỏ ở cánh đồng hiện tại ngon hơn nhiều cỏ ở phía bên kia cánh cổng được bao quanh bởi bờ tường đá thấp tè cho dù Bailey cố gắng tới mức nào để chứng minh điều ngược lại.

Rồi có giọng nói vang lên phía sau lưng cậu. “Chào Bailey.”

Poppet nhìn có vẻ gì đó không ổn, cô đứng đó phía bên kia bờ tường. Ánh sáng ban ngày quá chói, vùng xung quanh quá mờ nhạt và xanh ngắt. Trang phục của cô, mặc dù để ẩn thân và không phải trang phục rạp xiếc, lại quá ư lộ liễu. Tà váy quá điệu dàng so với trang phục thường ngày; đôi ủng của cô, dù có dính bụi, quá kiểu cách và không hợp với việc đi lại trong nông trang. Cô không đội mũ, mái tóc màu đỏ của cô buông lơi, tung bay trong gió.

“Chào Poppet,” cậu nói sau khi choàng tỉnh khỏi cơn ngờ ngàng. “Cậu làm gì ở đây thế?”

“Tớ cần nói với cậu chuyện này,” cô nói. “Thực ra là, nhờ cậu chuyện này.”

“Không thể đợi đến tối nay sao?” Bailey hỏi. Gặp gỡ Poppet và Widget ngay sau khi rạp xiếc mở màn mỗi tối đã trở thành đều đặn hàng đêm.

Poppet lắc đầu.

“Tớ nghĩ là sẽ tốt hơn nếu cho cậu thời gian để suy nghĩ,” cô nói.

“Suy nghĩ về cái gì?”

“Suy nghĩ về việc đi cùng với bọn tớ.”

Bailey chớp mắt nhìn cô. “Cái gì?” cậu mãi mới thốt lên được.

“Đêm nay là đêm cuối của bọn tớ ở đây,” cô nói. “Và tớ muốn cậu đi cùng bọn tớ khi bọn tớ rời đi.”

“Cậu đang đùa,” Bailey nói.

Poppet lắc đầu.

“Tớ không hề, tớ thề là tớ không hề. Tớ đã muốn đợi cho đến khi tớ chắc rằng đó là điều đúng đắn để hỏi, điều đúng đắn để làm, và giờ thì tớ đã chắc chắn. Nó quan trọng lắm.”

“Ý cậu là gì? Quan trọng kiểu gì?” Bailey hỏi.

Poppet thở dài. Cô ngược mắt lên, nhìn chăm chú như thể đang tìm kiếm những ngôi sao bị giấu ở phía sau màn trời xanh lam điểm xuyết những đám mây trắng bông.

“Tớ biết là cậu sẽ đi với bọn tớ,” cô nói. “Phần đó tớ biết chắc.”

“Nhưng tại sao? Tại sao lại là tớ? Tớ sẽ làm gì, chỉ là bám đuôi thôi à? Tớ không giống cậu và Widget, tớ chẳng thể làm gì đặc biệt cả. Tớ không thuộc về rạp xiếc.”

“Cậu có! Tớ chắc chắn là cậu có. Tớ chưa biết tại sao, nhưng chắc chắn là cậu thuộc về bên tớ. Bên bọn tớ, ý tớ là thế.” Một sắc hồng ửng dần trên hai má cô.

“Tớ muốn thế. Tớ chỉ...” Bailey nhìn quanh về phía lũ cừu, về phía ngôi nhà và đụn rơm trên đồi với những rặng táo. Như thế hoặc sẽ giải quyết tranh cãi giữa Harvard và nông trang hoặc sẽ còn khiến nó tồi tệ hơn. “Tớ không thể cứ thế bỏ đi,” cậu nói, mặc dù đó không phải, cậu nghĩ, chính xác điều cậu muốn nói.

“Tớ biết,” Poppet nói. “Tớ xin lỗi. Tớ không nên yêu cầu cậu. Nhưng tớ nghĩ... Không, tớ không nghĩ, tớ biết. Tớ biết là nếu cậu không đi cùng bọn tớ, bọn tớ sẽ không quay trở lại.”

“Không quay trở lại đây? Vì sao?”

“Không quay trở lại bất kì đâu,” Poppet nói. Cô nhướng mắt lên bầu trời một lần nữa, cau có trước khi quay lại nhìn Bailey. “Nếu cậu không đi với bọn tớ thì sẽ chẳng còn rạp xiếc nữa. Và đừng có hỏi tớ vì sao, chúng không có nói cho tớ vì sao.” Cô chỉ lên bầu trời, về phía những ngôi sao ở đằng sau những đám mây. “Chúng chỉ nói là để có một rạp xiếc trong tương lai, cậu cần ở đó. Cậu, Bailey. Cậu và tớ và Widge. Tớ không biết vì sao lại quan trọng việc phải có cả ba chúng ta ở đó, nhưng là thế đấy. Nếu không thì nó sẽ sụp đổ. Chuyện đó đã bắt đầu rồi.”

“Cậu nói thế là sao? Rạp xiếc đang ổn mà.”

“Tớ không chắc là nhìn bên ngoài có thể nhận ra bất kì điều gì không. Chỉ là... Nếu một trong mấy con cừu của cậu bị ốm thì tớ có biết được không?”

“Có lẽ là không,” Bailey nói.

“Nhưng cậu thì có?” Poppet hỏi.

Bailey gật đầu.

“Cũng giống như với rạp xiếc ấy. Tớ biết cảm giác như thế nào, hiện giờ thì cảm giác không như thế và đã lâu rồi không như thế nữa. Tớ đoán được có chuyện gì đó không đúng và tớ cảm thấy nó đang vụn ra như chiếc bánh nướng không có đủ kem để kết dính, nhưng tớ không biết đích xác là điều gì. Cậu có hiểu được chút nào không?”

Bailey chỉ nhìn chăm chăm cô, và cô thờ dài trước khi nói tiếp.

“Có nhớ cái đêm bọn mình ở trong Mê Hồn Trộn không? Khi bọn mình bị mắc kẹt trong cái phòng lồng chim ấy?”

Bailey gật đầu.

“Tớ chưa bao giờ bị mắc kẹt ở bất cứ chỗ nào trong Mê Hồn Trận cả. Chưa bao giờ. Nếu bọn mình không tìm được đường ra khỏi một căn phòng hay một sảnh nào đó thì tớ có thể tập trung và cảm nhận được các cánh cửa ở đâu. Tớ có thể biết được thứ gì ở sau chúng. Tớ đã cố không làm thế vì như thế chẳng có gì là vui cả, nhưng đêm đó tớ đã làm vậy khi bọn mình không thể tìm được đường ra và nó không có tác dụng. Đó là lúc tớ bắt đầu cảm thấy xa lạ và tớ không biết phải làm gì nữa.”

“Nhưng tớ thì giúp được cái gì?” Bailey hỏi.

“Cậu là người duy nhất sau đó tìm được chìa khóa, nhớ không?” Poppet hỏi. “Tớ cứ đi tìm lời giải đáp, về điều đúng đắn cần làm, và chẳng có gì rõ ràng trừ cậu ra. Tớ biết là quá đáng khi yêu cầu cậu rời bỏ gia đình, nhưng rap xiếc là gia đình của tớ và tớ không thể mất họ. Nhất là khi tớ có thể làm được gì để ngăn cản việc đó. Tớ xin lỗi.”

Cô ngồi xuống bức tường đá, quay mặt đi. Bailey ngồi xuống cạnh cô, vẫn nhìn về phía cánh đồng và lũ cừu hư hỏng. Họ ngồi như thế trong im lặng hồi lâu. Lũ cừu quanh quẩn một cách lười nhác, nhấm nháp cỏ.

“Cậu có thích ở đây không, Bailey?” Poppet hỏi, nhìn về phía nông trang.

“Không hẳn,” Bailey nói.

“Cậu đã bao giờ ước có ai đó đến và đưa cậu đi không?”

“Widge kể cho cậu à?” Bailey hỏi, bản khoản liệu suy nghĩ đó có mạnh mẽ đến mức nó hiển hiện ra trên mặt cậu, rõ ràng không thể chối cãi.

“Không,” Poppet nói. “Chỉ là đoán mò thôi. Nhưng Widge có nói tớ đưa cho cậu cái này.” Cô lôi từ trong túi ra một chai thủy tinh bé xíu và đưa nó cho cậu.

Bailey biết rằng mặc dù cái chai trông thì trống rỗng nhưng không phải thế, và cậu quá đổi hiếu kì không thể không mở nó ra ngay lập tức. Cậu rút cái nút chai bé xíu ra, thở phào vì nó vẫn dính vào cái chai nhờ một vòng dây thép.

Cảm giác bên trong thật thân quen, thật dễ chịu, nhận biết được và thật đến mức Bailey có thể cảm thấy sự sần sùi của lớp vỏ cây, mùi hương của những quả sồi, thậm chí cả tiếng rí rách của những con sóc.

“Anh ấy muốn cậu giữ được cái cây của cậu bên mình,” Poppet nói. “Nếu cậu quyết định đi cùng với bọn tớ.”

Bailey đập nút lại. Cả hai đều không nói gì hồi lâu.

Cơn gió lùa qua mái tóc của Poppet.

“Tớ có bao nhiêu thời gian để suy nghĩ về việc này?” Bailey khẽ hỏi.

“Bọn tớ sẽ rời đi khi rạp xiếc hạ màn vào đêm nay,” Poppet nói. “Đoàn tàu sẽ khởi hành trước rạng đông, mặc dù sẽ tốt hơn nếu cậu đến được sớm hơn. Ra đi có thể trở nên hơi... phức tạp.”

“Tớ sẽ suy nghĩ,” Bailey nói. “Nhưng tớ không dám hứa hẹn gì.”

“Cảm ơn cậu, Bailey,” Poppet nói. “Nhưng cậu có thể giúp tớ một việc được không? Nếu cậu không đi cùng bọn tớ thì cậu cứ thế không đến rạp xiếc vào đêm nay được không? Và coi như lần gặp mặt này là lời tạm biệt? Tớ nghĩ như thế sẽ dễ dàng hơn.”

Bailey ngậy ra nhìn cô trong một lúc, lời nói của cô dường như vẫn chưa tới với cậu. Như thế thậm chí còn kinh khủng hơn cả việc lựa chọn ra đi. Nhưng cậu gật đầu vì như thế có vẻ là hành động đúng đắn.

“Được thôi,” cậu nói. “Tớ sẽ không tới trừ phi tớ đi cùng các cậu. Tớ hứa.”

“Cảm ơn cậu, Bailey,” Poppet nói. Cô mỉm cười, dù cậu không thể nhận ra đó là nụ cười vui vẻ hay buồn bã. Và trước khi cậu kịp nói với cô là hãy tạm biệt Widget hộ cậu nếu cần, Poppet đã nhào người về phía trước và hôn cậu, không phải lên má, giống như cô đã làm biết bao lần trước đó, mà là lên môi, và Bailey biết vào khoảnh khắc đó cậu sẽ theo cô tới bất cứ đâu.

Poppet quay lại không nói một lời nào và bước đi. Bailey dõi theo cho đến khi cậu không còn nhìn thấy mái tóc cô đối lập với nền trời nữa, và rồi

lại tiếp tục nhìn theo cô, cái chai tí xíu được nắm chặt trong tay cậu. Cậu vẫn chưa chắc chắn về cảm giác của mình hay những việc cần làm trong khi chỉ còn vài giờ nữa để quyết định. Sau lưng cậu, lũ cừu, được thả tự do, đã quyết định băng qua cánh cổng mở dẫn vào cánh đồng phía bên kia.

LỜI MỜI

LONDON, 30 THÁNG MƯỜI, 1901

Khi rạp xiếc tới London, dù Celia Bowen muốn ngay lập tức lao tới căn hộ của Marco mà địa chỉ được in trên tấm thiệp cô đã luôn giữ bên người, nhưng cô lại tới khách sạn Midland.

Cô không hỏi gì ở bàn tiếp tân. Cô không nói chuyện với bất kì ai.

Cô đứng ở giữa sảnh, không bị nhân viên và các vị khách nhận ra khi họ đi qua cô tới những địa điểm khác, những cuộc hẹn hò khác, và những nơi chốn tạm thời khác.

Sau khi cô đứng được hơn một giờ, bất động như một trong những pho tượng của rạp xiếc, người đàn ông mặc vét xám tiến tới chỗ cô.

Ông lắng nghe cô nói, không một chút phản ứng, và khi cô ngừng lời, ông chỉ gật đầu.

Cô khẽ nhún gối cúi chào, rồi xoay người rời đi.

Người đàn ông mặc vét xám đứng ở sảnh một lát, đơn độc, không ai nhận ra.

GIAO CẮT I: THẢ RƠI CHIẾC MŨ

LONDON, 31 THÁNG MƯỜI - 1 THÁNG MƯỜI MỘT, 1901

Rạp xiếc luôn đặc biệt rộn rã vào Đêm Thánh. Những chiếc lồng đèn tròn úm treo trong sân, những cái bóng nhảy nhót trên bề mặt màu trắng phau của chúng như những gương mặt rên rỉ. Mặt nạ da màu trắng, đen và bạc cùng ruy-băng buộc đặt trong các giỏ cạnh cổng và quanh rạp xiếc để khách mang nếu muốn. Đôi lúc thật khó để nhận ra ai là nghệ sĩ biểu diễn, ai là khách.

Đó là một trải nghiệm hoàn toàn khác khi lang thang quanh rạp xiếc mà không ai biết mình là ai. Khi hòa vào không gian, trở thành một phần trong đó. Nhiều vị khách vô cùng thích thú tận hưởng trải nghiệm này, trong khi số khác lại thấy khó chịu và vẫn thích chứng mặt thật của mình hơn.

Giờ thì đám đông đã vãn đi đáng kể trong những thời khắc sau nửa đêm khi chiếc đồng hồ tích tắc tới thời điểm Đêm Thánh.

Những vị khách mang mặt nạ còn lại lang thang như những hồn ma.

Dãy người xếp hàng đợi người tiên đoán tương lai vơi dần trong những giờ này. Hầu hết mọi người đều xem tương lai từ lúc sấm tối. Đêm muộn thích hợp với những trò ít dụng não hơn. Lúc sớm hơn, người muốn biết về tương lai tới không ngừng nghỉ, nhưng giờ khi tháng Mười đang trượt dần sang tháng Mười một, chẳng có ai đợi ở ngoài, không một ai đứng phía sau tấm rèm hạt cườm để lắng nghe các bí mật những lá bài phải nói.

Và rồi tấm rèm hạt cườm rã ra, mặc dù cô không nghe thấy ai bước tới.

Điều Marco tới để nói với cô lẽ ra không có gì ngạc nhiên. Những lá bài đã nói với cô từ nhiều năm nay nhưng cô từ chối lắng nghe chúng, cô chọn

cách chỉ nhìn vào những khả năng khác, những lối đi khác.

Nghe từ chính đôi môi anh lại là một chuyện hoàn toàn khác. Ngay khi anh nói ra những từ ấy, một kí ức bị lãng quên tự tìm đường quay trở lại tâm trí cô. Hai dáng hình màu xanh lục ở giữa một phòng vũ hội sống động, đắm chìm trong ái tình tới mức toàn bộ căn phòng rục lên vì sức nóng.

Cô nói anh hãy rút một lá bài. Việc anh đồng ý khiến cô ngỡ ngàng.

Nhưng lá bài anh rút là *La Papessa* thì không.

Khi anh rời đi, Isobel gỡ tấm biển cho buổi tối xuống. Thi thoảng cô gỡ biển sớm, hoặc vì những lúc cô thấy chán phải giải bài cho mọi người hoặc vì cần nghỉ ngơi. Thường thì cô dành thời gian này với Tsukiko, nhưng thay vì ra ngoài tìm người nghệ sĩ uốn dẻo kia, đêm nay cô ngồi một mình ở bàn, tráo bộ bài tarot của mình một cách điên cuồng.

Cô lật ngửa một lá bài lên, rồi một lá khác và một lá khác.

Chỉ có toàn những lưỡi gươm. Hàng dãy những lưỡi gươm chìa lên. Bốn. Chín. Mười. Một quân át đơn độc.

Cô gom chúng lại thành tụ.

Cô bỏ mặc những lá bài ấy và xoay sang một thứ khác. Cô giữ chiếc hộp để mũ này ở dưới bàn. Đó là nơi an toàn nhất mà cô có thể nghĩ ra, nơi dễ nhất để cô có thể lấy được. Thường thì cô cũng quên rằng nó ở đó, bị giấu kín dưới tấm vải trùm bằng nhung. Luôn luôn bị ngăn lại giữa cô và những vị khách tới xem bói. Một sự hiện diện không được thừa nhận.

Giờ thì cô cho tay xuống dưới bàn và kéo nó ra khỏi bóng tối của tấm vải trùm và đưa nó ra trước ánh nến chập chờn.

Chiếc hộp đựng mũ giản dị có hình tròn, phủ lụa đen. Nó không có chốt hay khóa, nắp được buộc bằng hai sợi ruy-băng, một đen và một trắng, thắt lại bằng những nút thắt cẩn trọng.

Isobel đặt chiếc hộp lên trên bàn và phúi lớp bụi dày trên mặt hộp, mặc dù phần lớn bụi vẫn bám vào những sợi ruy-băng. Cô chần chừ, nghĩ một lát

rằng có lẽ sẽ tốt hơn nếu cứ để nó như vậy, đặt trở lại nơi của nó. Nhưng dường như việc đó chẳng còn ý nghĩa gì nữa.

Cô chậm rãi tháo sợi ruy-băng, dùng móng tay gỡ những nút thắt. Khi chúng lỏng ra vừa đủ để cô nhắc nắp hộp lên, cô giật mạnh nó xuống, như thể cô sợ thứ mình có thể tìm thấy bên trong.

Bên trong hộp là một chiếc mũ.

Vẫn như khi cô đặt nó vào. Một chiếc mũ quả dưa màu đen đã cũ, quanh vành đã có chỗ sờn. Nó được thắt với nhiều sợi ruy-băng đen và trắng hơn, bọc lại như một món quà với những chiếc nơ sáng tối. Dưới những nút thắt ruy-băng là một lá bài tarot lẻ loi. Giữa chiếc mũ và lá bài là một chiếc khăn tay bằng ren trắng được gấp lại, mép khăn thêu những cành lá nho màu đen.

Chúng chỉ là những thứ thật đơn giản. Những nút thắt và ý định.

Cô đã bật cười trong suốt những bài học của mình, cô thích những lá bài của mình hơn nhiều. Nếu so sánh, chúng có vẻ như thẳng thắn hơn, bất chấp những tầng lớp ý nghĩa phức tạp.

Đây chỉ là một sự phòng xa. Sự phòng xa luôn thật thông thái trong những tình huống không thể lường trước được như thế này. Chẳng có gì lạ hơn việc mang theo ô khi đi dạo vào một ngày có cảm giác sẽ mưa, mặc dầu mặt trời thì đang tỏa nắng rực rỡ.

Nhưng thực sự cô không thể biết chắc việc này có khác gì việc gom cát bụi. Cô không có cách nào để chắc chắn, không có thước đo nào để xác định những thứ không thật. Làm gì có nhiệt kế nào đo sự hỗn loạn đâu. Vào thời điểm này, có cảm giác như cô đang chống lại một lực đẩy vô hình.

Isobel nhắc chiếc mũ ra khỏi hộp một cách cẩn thận, những đầu dải ruy-băng dài chảy xuống như thác nước quanh chiếc mũ. Nó đẹp một cách kì lạ, một chiếc mũ cũ, một chiếc khăn tay và một lá bài được cột lại bằng những dải ruy-băng. Như dành cho hội hè.

“Bùa phép đơn giản nhất có thể là bùa phép mạnh nhất,” Isobel nói, ngỡ ngàng khi giọng cô run rẩy bởi nước mắt.

Chiếc mũ không đáp lại.

“Ta không nghĩ là người sẽ có bất cứ tác dụng nào nữa,” Isobel nói.

Một lần nữa, chiếc mũ không đáp lại.

Cô đã chỉ muốn giữ cho rạp xiếc được cân bằng. Để ngăn hai phe mâu thuẫn khỏi gây tổn thương tới nhau hay những điều xung quanh.

Để giữ cán cân khỏi gãy vỡ.

Cứ liên tục trong tâm trí, cô nhìn thấy họ bên nhau trong phòng vũ hội.

Cô nhớ lại những đoạn tình cờ nghe được của một cuộc tranh cãi. Marco nói rằng anh đã làm mọi điều vì cô ấy, một lời nói mà cô không sao hiểu lúc đó và quên ngay sau đó.

Nhưng giờ thì đã thật rõ ràng.

Mọi cảm xúc trong những lá bài khi cô cố gắng đọc về anh, tất cả đều dành cho Celia.

Bản thân rạp xiếc này, tất cả đều vì cô ấy. Với mỗi căn lều tuyệt đẹp anh tạo ra, cô ấy đáp lại bằng một căn lều khác.

Và ngay chính Isobel cũng đã giúp nó giữ cân bằng.

Giúp anh. Giúp cả hai bọn họ.

Cô nhìn xuống chiếc mũ trong tay.

Lớp ren trắng ôm ấp lớp dạ đen, những dải ruy-băng bện vào nhau. Không thể chia lìa.

Isobel dùng tay xé dải ruy-băng, tháo tung những cái nơ trong cơn tức giận đột ngột.

Chiếc khăn tay bông bênh chao xuống như bóng ma, những chữ cái C.N.B nổi bật giữa những lá nho thêu.

Lá bài tarot rơi xuống mặt đất, ngửa mặt lên. Hình ảnh một thiên sứ hiện lên rõ nét, phía dưới có từ *Tempérance*^[31]. Isobel dừng lại, ngừng thở. Đợi chờ một phản lực nào đó, một kết quả nào đó từ hành động vừa rồi. Nhưng mọi thứ im ắng. Những ngọn nến run rẩy quanh cô. Tấm rèm hạt cườm vẫn im lìm và tĩnh tại. Cô đột nhiên cảm thấy mình thật ngốc nghếch, ngu xuẩn, một mình trong lều với cả đồng ruy-băng rối nùi và một chiếc mũ cũ. Cô nghĩ mình đúng là con ngốc khi đã tin rằng mình có thể có chút ảnh hưởng gì tới những vật này. Rằng bất cứ thứ gì cô đã từng làm đều có chút ý nghĩa.

Cô cúi xuống để nhặt lá bài bị rơi, nhưng bàn tay cô khựng lại ngay phía trên nó khi cô nghe thấy âm thanh gì đó. Chỉ trong tích tắc nó nghe như tiếng rít phanh của một đoàn tàu.

Phải mất một lúc Isobel mới nhận ra âm thanh ở ngoài lều thực chất là tiếng hét của Poppet Murray.

THỜI KHẮC TẮM TỐI NHẤT TRƯỚC HÙNG ĐÔNG

CONCORD, MASSACHUSETTS, 31 THÁNG MƯỜI, 1902

Poppet và Widget đứng bên cánh cổng rạp xiếc, ngay phía cửa quầy bán vé, mặc dù hàng người mua vé đã vãn dần khi về khuya. Đường hầm đầy sao đã được dời đi, thay vào đó là tấm rèm kẻ sọc. Chiếc đồng hồ *Wunschtraum* điểm ba tiếng phía sau hai đứa. Widget trệu trạo nhai túi bông ngô phủ sô-cô-la.

“Pphem phói phới phậu phẩy?” cậu hỏi, mồm đầy nhóc bông.

“Em đã cố gắng giải thích hết mức có thể,” Poppet nói. “Em nghĩ là mình đã ví von với cái bánh nướng.”

“À, thế thì chắc là được,” Widget nói. “Ai mà lại không thích một màn ví von với cái bánh nướng chứ?”

“Em không chắc là cậu ấy có hiểu không nữa. Em nghĩ cậu ấy buồn nhất khi em nói là cậu ấy đừng có đến vào đêm nay nếu không đi cùng bọn mình. Em không biết nói gì khác, em chỉ cố gắng làm cho cậu ấy hiểu rằng việc đó quan trọng.” Poppet thở dài, dựa vào hàng rào sắt. “Và em đã hôn cậu ấy,” cô nói thêm.

“Anh biết,” Widget nói.

Poppet liếc nhìn cậu, gương mặt cô đỏ ửng lên như mái tóc của cô.

“Anh không cố ý,” Widget nói kèm một cái nhún vai. “Em chẳng giấu chặt gì cả. Em nên luyện tập nhiều hơn nếu không muốn anh nhìn thấy mọi chuyện. Chẳng phải Celia đã dạy cho em rồi sao?”

“Tại sao nhãn lực của anh càng ngày càng tốt còn của em thì lại càng ngày càng tệ?” Poppet hỏi. “Ăn may chăng?” Poppet trợn mắt. “Anh đã nói chuyện với Celia à?” cô hỏi.

“Rồi. Anh đã nói với chị ấy là em rủ Bailey đi cùng với chúng ta. Chị ấy chỉ nói là chị ấy sẽ không làm bất cứ chuyện gì để ngăn cản cả.”

“À, thế là có chuyện rồi.”

“Chị ấy đang bị phân tâm,” Widget nói, lắc lắc túi bóng ngô. “Chị ấy sẽ không nói với anh bất cứ thứ gì, và chị ấy còn chẳng nghe anh nói khi anh cố giải thích điều chúng ta đang nhờ chị. Lẽ ra anh đã có thể nói với chị ấy là chúng ta muốn mang theo con hà mã biết bay làm thú cưng và chị ấy lý ra sẽ nói là chuyện đó thì có gì. Nhưng Bailey không phải chỉ đến để cho vui đúng không?”

“Em không biết,” Poppet nói. “Thế em biết cái gì?”

Poppet ngược nhìn bầu trời đêm. Những đám mây đen che phủ gần hết những ngôi sao nhưng từng cụm một vẫn lướt vào tầm mắt, lấp lánh yếu ớt.

“Có nhớ khi chúng ta ở trên Vọng Tinh Các và em đã nhìn thấy một thứ gì đó sáng chói nhưng em không thể nói được nó là gì không?”

Widget gật đầu.

“Đó là cái sân. Toàn bộ cái sân chứ không phải mỗi vạc lửa. Sáng chói, cháy rực và nóng rẫy. Rồi... em không hiểu chuyện gì đã xảy ra nhưng Bailey đã ở đó. Em chỉ chắc được có thế.”

“Và chuyện đó sắp xảy ra?” Widget hỏi.

“Rất nhanh thôi, em nghĩ thế.”

“Chúng ta có nên bắt cóc cậu ấy không?”

“Đừng có đùa, Widge.”

“Không, thật đấy. Anh em mình làm được mà. Chúng ta cứ lên vào nhà cậu ấy và dùng cái gì đó nặng nặng đánh cậu ấy rồi bí mật lôi cậu ấy quay

lại đây. Chúng ta cứ việc dựng cậu ấy lên và mọi người sẽ nghĩ cậu ấy là một gã say rượu trong thị trấn. Cậu ấy sẽ ở trên tàu trước khi tỉnh lại, và thế là sẽ không còn sự lựa chọn nào khác. Gọn lẹ và không đau đớn. À thì, không đau đớn với chúng ta. Trừ việc phải vác nặng thôi.”

“Em không cho đấy là ý tưởng tốt nhất đâu, Widge,” Poppet nói.

“Ồ, thôi nào, sẽ vui lắm,” Widget nói.

“Em không nghĩ thế. Em nghĩ chúng ta đã làm tất cả những gì chúng ta phải làm, và giờ thì chúng ta phải đợi.”

“Em có chắc về chuyện đó không?” Widget hỏi.

“Không,” Poppet khẽ nói.

Sau một lát, Widget bỏ đi tìm thứ gì đó để ăn và Poppet đợi ở cổng một mình, thi thoảng ngoái lại để xem giờ trên chiếc đồng hồ phía sau lưng.

GIAO CẮT II: CƠN CUỒNG NỘ ĐỒ THẨM VÀ SỐ PHẬN MÀU LỬA

LONDON, 31 THÁNG MƯỜI - 1 THÁNG MƯỜI MỘT, 1901

“Dù bất cứ đêm nào ở rạp xiếc cũng có thể xem như là đêm pháp thuật,” Herr Friedrich Thiessen đã có lần viết, “nhưng Đêm Thánh là điều gì đó đặc biệt. Ngay bản thân bầu không khí cũng rí rách với sự bí ẩn.”

Đêm Thánh này lạnh và khô. Đám đông rộn rã quần mình trong áo khoác dày dặn cùng khăn ấm áp. Nhiều người mang mặt nạ, những gương mặt bị chìm trong những mảng màu đen, bạc và trắng.

Ánh sáng trong rạp xiếc mờ ảo hơn bình thường. Bóng tối dường như túa ra từ mọi góc ngách.

Chandresh Christophe Lefèvre bước vào rạp xiếc mà không báo trước. Ông nhặt một chiếc mặt nạ bạc từ cái giỏ đặt gần cổng và đeo nó lên mặt. Người phụ nữ ở quầy bán vé không nhận ra ông khi ông trả toàn bộ tiền vé vào cửa.

Ông lơ đãng trong rạp xiếc như một người phiêu du trong cõi mộng.

Người đàn ông mặc bộ đồ xám không mang mặt nạ. Ông ta bước đi thư thả, với dáng vẻ bình tĩnh, nếu không muốn nói là biếng lười. Ông ta chẳng hề có một đích đến cụ thể nào trong đầu, cứ đi từ căn lều này tới căn lều kia. Có căn lều ông bước vào, có căn lều ông bỏ qua. Ông ta mua một tách trà và đứng ở sân, ngắm nhìn vạc lửa hồi lâu trước khi lại lững thững trên những lối đi giữa những căn lều.

Ông ta chưa bao giờ tới rạp xiếc, và giờ rõ ràng là ông ta đang tận hưởng.

Chandresh đi theo ông, mỗi bước đi, mỗi điểm dừng. Bám theo ông qua những căn lều và nhìn ông trả tiền mua trà ở sân. Chandresh nhìn chăm chăm mặt đất gần bàn chân người đàn ông mặc đồ xám, tìm kiếm cái bóng của ông ta mặc dù bị thứ ánh sáng luôn thay đổi ngăn cản.

Ngoài Chandresh, không một ai chú ý tới ông ta. Người qua kẻ lại không hề nhìn ông ta, thậm chí cả một cái liếc mắt cũng không bắt chập chiều cao của người đàn ông cùng bộ vét xám và chiếc mũ chóp cao thanh lịch. Ngay cả cô gái bán trà cho ông cũng chẳng quan tâm lắm, nhanh chóng chuyển sang người khách tiếp theo. Ông ta lướt qua rạp xiếc như một cái bóng. Ông mang theo cây ba-toong có đầu bịt bạc nhưng không dùng tới.

Hơn một lần Chandresh mất dấu ông trong đám đông, sắc xám chìm trong khoảng mờ trắng và đen được điểm xuyết màu sắc từ những người khách. Chưa bao giờ ông phải mất nhiều thời gian để nhìn thấy chiếc mũ chóp cao màu xám, nhưng giữa những lần tìm kiếm ông trở nên lo lắng tới độ run rẩy, bồn chồn kéo áo khoác cùng những thứ trong túi.

Theo sau Chandresh là một chàng trai trẻ mà ông sẽ không nhận ra kể cả khi có thể nhìn thẳng vào mắt anh ta, dù vậy thì anh ta vẫn giữ khoảng cách. Sự chú ý của Chandresh hiện giờ chỉ đổ dồn vào người đàn ông mặc đồ xám, và chưa một lúc nào hướng sang chàng trai có gương mặt hao hao người phụ tá của ông.

Marco găm ánh mắt xanh lục pha xám kiên định dõi theo Chandresh, anh không mang chiếc mặt nạ nào trên gương mặt mà chỉ Celia mới nhận ra, và ảo thuật gia lúc này lại đang bận việc.

Việc này tiếp diễn hồi lâu. Ông A.H- tham quan rạp xiếc một cách thông thả. Ông đến xem người tiên đoán tương lai, người này không biết ông nhưng trải tương lai của ông ra trên những hàng lá bài lịch thiệp, dù cô thú nhận rằng có những phần bị chồng lấp và rối rắm. Ông tới xem ảo thuật gia trình diễn. Cô thừa nhận sự có mặt của ông bằng một cái cúi đầu nhẹ nhàng. Ông tham quan Nhà Gương, vô số dáng hình trong bộ vét xám và mũ chóp

cao đồng màu bước theo ông. Ông đi Vòng Đu Quay. Ông đặc biệt thích khu Vườn Băng.

Chandresh theo sau ông từ lều này qua lều khác, đợi ở bên ngoài những căn lều ông không vào, co người lại trong nỗi lo lắng càng lúc càng gia tăng.

Marco bị mất dấu cả hai trong chốc lát, khi anh dành chút thời gian xử lý một vấn đề khác.

Chiếc đồng hồ cạnh cổng chạy tới những phút sau nữa, sau nữa, những vật trang trí trên nó xoay nhanh và thay đổi.

Tháng Mười trượt sang tháng Mười một, một sự thay đổi chẳng mấy người nhận ra ngoài những kẻ đứng gần với chiếc đồng hồ nhất.

Đám đông thưa dần. Mặt nạ được trả lại vào giỏ trong sân và cạnh cổng, chất cao những đôi mắt trống rỗng cùng ruy-băng. Lũ trẻ con bị kéo đi với lời hứa chúng sẽ được quay lại vào tối hôm sau, mặc dù rạp xiếc sẽ chẳng ở đó vào tối hôm sau, và khi đó lũ trẻ kia sẽ cảm thấy bị coi thường và bị phản bội.

Trên lối đi giáp phía sau rạp xiếc, có phần rộng và chỉ có một nhóm khách, ông A.H- dừng lại. Cách đó không xa, Chandresh nhìn theo ông, nhưng không tài nào thấy rõ vì sao ông dừng lại, mặc dù trông có vẻ như đang nói chuyện với ai đó. Qua tấm mặt nạ, Chandresh chỉ nhìn thấy bộ vét xám im lìm, chiếc mũ chóp cao. Ông nhìn thấy một mục tiêu mở không hề có gì ngăn cách ở giữa.

Ông nghe thấy tiếng vọng một giọng nói khẳng định với ông rằng người đàn ông đó không có thật. Một sản phẩm từ trí tưởng tượng của ông. Chẳng là gì ngoài một giấc mộng.

Rồi có một khoảnh khắc ngưng lại. Chỉ trong giây lát, thời gian chậm lại giống như thứ gì đó đang rơi tự do. Cơn gió lạnh vòng quanh những lối đi ngoài trời của rạp xiếc dừng lại. Vào thời khắc đó không thứ gì lay động, dù là vải vóc của những căn lều hay sợi ruy-băng cột trên hàng tá những chiếc mặt nạ.

Trong căn lều cao nhất, một nghệ sĩ nhào lộn bị mất thăng bằng, rơi xuống một đoạn trước khi một trong mấy bạn diễn của cô bắt được, kịp tránh một màn va đập xuống nền đất trong gang tấc.

Trong sân, vạc lửa tí tách và lóe sáng bất thành linh trong đám khói đen, làm cho những vị khách đứng gần nó nhảy bật ra sau, ho sặc sụa.

Con mèo vút qua không trung từ tay Poppet sang tay anh trai cô đột nhiên vượn mình trên không, tiếp đất bằng lưng thay vì chân và lăn về phía Widget trong tiếng gào phẫn nộ.

Ảo thuật gia khựng lại, màn trình diễn trơn tru của cô ngưng ngang chừng vì cô đứng như tượng, gương mặt đột nhiên xám ngoét. Cô lão đảo như thể sắp xỉu, và một vài khán giả chăm chú bước tới để đỡ cô nhưng cô không ngã.

Marco rúm người lại như thể bị một đầu thủ vô hình thoi thẳng vào bụng. Một vị khách đi ngang qua tóm lấy cánh tay anh đỡ lấy.

Và Chandresh Christophe Lefèvre rút con dao bạc nặng từ trong túi áo khoác ra, phi nó đi không hề do dự. Con dao bay khỏi tay Chandresh, lưỡi cán tráo phương, xoay tít những vòng hoàn hảo trong không trung.

Đích nhắm chính xác và chắc chắn. Đúng như không còn có thể đúng hơn.

Rồi mục tiêu của nó cử động.

Mảng dạ xám được cắt may bao quanh lưng của ông A.H- di chuyển. Ông bước sang bên rất nhẹ nhàng. Đó là một bước đi duyên dáng. Một cử chỉ vô tình. Một chuyển động có trọng lượng trong không gian.

Và thế là con dao sượt qua tay áo ông, găm thẳng vào ngực người đàn ông ông đang nói chuyện. Lưỡi dao dễ dàng xuyên qua tấm áo khoác màu đen không cài khuy của người ấy, đâm thẳng vào tim như thể đó mới thực là mục tiêu của nó, chuôi dao bạc thò ra ngay dưới chiếc khăn quàng cổ màu đỏ thẫm của người ấy.

Ông A.H- đỡ lấy Herr Friedrich Thiessen khi ông ta đổ về phía trước.

Chandresh nhìn chăm chăm vào bàn tay trống trơn của mình như thể ông không tài nào nhớ được mình đã cầm thứ gì trước đó. Ông lão đảo bỏ đi, lững thững quay lại hướng sân có vạc lửa. Ông quên không gỡ mặt nạ khi rời đi, và khi phát hiện ra nó bị vứt trong ngôi nhà phố của mình vào ngày hôm sau, ông không thể nhớ được nó từ đâu ra.

Ông A.H- ngả người Herr Thiessen xuống nền đất, nói với ông liên tục bằng giọng điệu trầm thấp mà không một ai nghe thấy. Những vị khách tán mát quanh họ ban đầu chẳng nhận ra điều gì, mặc dù một vài người bị xao nhãng bởi hai nghệ sĩ trẻ tuổi cách đây vài chục mét đột nhiên dừng biểu diễn, cậu bé trong bộ quần áo sẫm màu lập tức tập hợp những con mèo rõ ràng đang bị kích động. Sau một hồi lâu, ông A.H- dừng nói và đưa bàn tay đeo găng xám lên trên mặt Herr Friedrich Thiessen, nhẹ nhàng vuốt đôi mắt hẫng còn bàng hoàng của ông.

Sự im lặng sau đó bị phá tan bởi tiếng hét của Poppet Murray khi vũng máu trên mặt đất lan tới đôi ủng trắng của cô.

Trước khi cơn choáng váng biến thành làn sóng hỗn loạn, ông A.H- nhẹ nhàng rút con dao chuôi bạc ra khỏi ngực của Herr Thiessen rồi đứng lên và đi mất.

Khi bước qua Marco hẫng còn đang lấy bối và hỗn hển, ông đưa cho anh con dao dính máu mà không nói một lời hay liếc mắt trước khi biến mất hẳn vào đám đông.

Một nhóm khách chứng kiến sự kiện nhanh chóng được đưa đi. Về sau họ cho rằng đó là một màn biểu diễn mạo hiểm thông minh. Một chút kịch tính cho một đêm hội vốn dĩ đã rộn ràng.

HỒ NƯỚC MẮT

Tấm biển treo ngoài căn lều này được đính kèm một chiếc hộp nhỏ đầy ắp những viên đá đen trơn láng. Dòng chữ ghi chú hướng dẫn bạn hãy nhặt một viên mình thích khi bước vào.

Bên trong, căn lều tối om, trần treo kín những chiếc ô đen được bung mở, những tay cầm uốn cong lơ lửng tựa như những thỏi băng.

Ở giữa phòng là một hồ nước. Bao quanh hồ là bức tường đá đen có rải sỏi trắng xung quanh.

Bầu không khí phảng phất vị muối của biển cả.

Bạn đi tới bên hồ để nhìn vào trong. Sỏi nghe lạo xạo theo mỗi bước chân bạn.

Hồ không sâu, nhưng làn nước tỏa ra hào quang. Một thứ ánh sáng óng ánh, chuyển mình bao phủ khắp mặt hồ. Những tia sáng nhẹ nhàng đủ để soi sáng lòng hồ và những viên đá nằm dưới đáy. Hàng trăm viên, giống hệt viên mà bạn đang cầm trong tay. Ánh sáng bên dưới lọt qua các khe hở giữa những viên đá.

Những phản chiếu rung động khắp căn phòng, cả căn lều như đang ở dưới thủy cung.

Bạn ngồi trên bờ tường, ngón tay cứ nghịch mãi viên đá đen.

Sự tĩnh lặng của căn lều trở nên thật thê lương.

Những kí ức bắt đầu len lỏi từ những góc tối bị chôn vùi trong tâm trí bạn, chảy tuôn ra ngoài. Những nỗi thất vọng đã qua. Những cơ hội bị bỏ lỡ

và những nguyên do không được biết tới. Những lần con tim tan nát, những vết thương và nỗi cô đơn khổ não khủng khiếp.

Những phiền muộn mà bạn tưởng rằng mình đã lãng quên từ rất lâu giờ lại râm ran cùng những vết thương chưa khép miệng.

Viên đá như nặng hơn trong tay bạn.

Khi thả nó xuống hồ cùng với những viên khác, bạn cảm thấy nhẹ nhõm hơn. Như thế bạn vừa buông một điều gì đó chứ không chỉ là một viên đá được mài bóng.

TẠM BIỆT

CONCORD, MASSACHUSETTS, 30 & 31 THÁNG MƯỜI, 1902

Bailey leo lên cây sồi để lấy lại chiếc hộp bí mật của mình trước hoàng hôn, cậu nhìn chăm chăm về phía rạp xiếc đang tắm trong thứ ánh sáng màu cam rực rỡ, đổ những vạt bóng dài nhọn trên cánh đồng. Nhưng khi mở hộp ra, cậu lại chẳng tìm thấy bất cứ thứ gì cậu thực sự muốn mang theo mình.

Cậu chỉ lấy mỗi chiếc găng tay màu trắng của Poppet, cho nó vào túi áo khoác, rồi đặt chiếc hộp vào lại chỗ cũ. Ở nhà, cậu đếm cẩn thận số tiền tiết kiệm của mình, hóa ra nhiều hơn cậu đã nghĩ, rồi gói một ít quần áo và thêm một cái áo chui đầu. Cậu cân nhắc xem có nên đóng gói thêm một đôi giày nhưng rồi lại quyết định mình có thể mượn Widget nếu cần. Cậu nhét hết mọi thứ vào một cái túi xách da đã cũ và đợi cho bố mẹ và Caroline đi ngủ.

Trong lúc chờ đợi, cậu hết mở túi ra rồi lại đóng túi lại, đắn đo về sự lựa chọn của mình đối với những thứ mang theo và những gì bỏ lại.

Cậu đợi một giờ đồng hồ sau khi chắc chắn mọi người đã ngủ, và rồi thêm một giờ nữa để cho chắc. Dù cậu đã khá thạo việc lên đi vào những giờ bất thường, nhưng trốn nhà đi lại là chuyện khác.

Khi cuối cùng cũng rón rén bước ra hành lang, cậu ngạc nhiên vì trời đã muộn đến thế. Bàn tay đặt trên cửa, sẵn sàng để ra đi, nhưng rồi cậu quay lại, đặt túi xuống và khẽ khàng tìm một mảnh giấy.

Khi vừa tìm được một mảnh, cậu ngồi xuống bàn trong bếp để viết lời nhắn cho bố mẹ. Cậu cố hết sức giải thích lý do mà mình ra đi và hi vọng rằng bố mẹ sẽ hiểu. Cậu không đã động gì đến Harvard hay bất cứ điều gì về tương lai của nông trại.

Cậu nhớ lại ngày còn rất nhỏ, mẹ đã một lần nói rằng bà cầu ước cho cậu có được hạnh phúc và phiêu lưu. Nếu việc này không được tính là phiêu lưu thì cậu chẳng biết việc gì có thể coi là thế nữa.

“Em đang làm gì vậy?” một giọng nói phía sau lưng cậu cất lên.

Bailey quay lại, nhìn thấy Caroline đang đứng ở cửa, trong chiếc váy ngủ, tóc trên đầu bù xù với cả đồng hồ cuốn dây ra chia chia và trên vai choàng một chiếc khăn len. “Không có chuyện gì chị cần dính vào đâu,” cậu nói và quay lại với việc viết lách. Cậu kí tên vào lá thư rồi gấp lại, dựng nó ở ngay chính giữa bàn, cạnh cái bát gỗ đầy ắp táo. “Phải đảm bảo là bố mẹ sẽ đọc nó.”

“Em tính bỏ trốn sao?” Caroline hỏi, liếc nhìn túi của cậu.

“Đại loại thế.”

“Em không thể nào nghiêm túc được sao?” cô vừa nói vừa ngáp.

“Em không chắc lúc nào sẽ quay lại. Em sẽ viết thư khi nào có thể. Nói với bố mẹ là không phải lo gì cho em.”

“Bailey, quay lại giường ngủ đi.”

“Sao chị không về giường mà ngủ đi, Caroline? Trông chị cần thêm nhiều giờ ngủ trị liệu nhan sắc lắm.”

Đáp lại, Caroline chỉ cau mặt khó chịu.

“Vớ lại,” Bailey nói tiếp, “đã bao giờ chị từng quan tâm tới việc em làm chưa?”

“Suốt tuần nay em cư xử như trẻ con vậy,” Caroline nói, cao giọng lên nhưng vẫn ghìm lại trong tiếng thì thào rì rì. “Quanh quẩn quanh cái rạp xiếc ngu ngốc ấy, thức cả đêm ở ngoài. Làm người lớn đi, *Bailey*.”

“Đó chính xác là những gì em đang làm,” Bailey nói. “Em không quan tâm liệu chị có hiểu được không. Ở lại đây sẽ không khiến em thấy hạnh phúc. Nó sẽ làm chị hạnh phúc vì chị chán ngắt và tẻ nhạt, và một cuộc đời

chán ngắt và tẻ nhạt là đủ với chị. Nó không đủ với em. Nó sẽ chẳng bao giờ đủ với em. Vì thế em sẽ ra đi. Hãy giúp em và cưới ai đó có thể chăm sóc lũ cừu thật tốt.” Cậu lấy một quả táo trong bát và tung lên không, bắt lấy nó rồi nhét vào túi xách trước khi chào tạm biệt Caroline bằng một cái vẫy tay vui vẻ và không gì thêm nữa.

Cậu bỏ lại cô vẫn đứng cạnh bàn, mồm hết há ra lại ngậm vào trong sự bàng hoàng lặng lẽ khi cậu đóng cửa lại thật khẽ phía sau lưng mình.

Bailey lao ra khỏi nhà với nhiệt huyết âm ỉ bên trong. Cậu suyt chút nữa mong Caroline sẽ đuổi theo, hoặc ngay lập tức đánh thức bố mẹ và báo động cho họ biết về việc cậu ra đi. Nhưng với mỗi bước chân cậu đặt xuống, mọi sự trở nên rõ ràng hơn rằng cậu thực sự đang ra đi, và chẳng có gì ở lại cản được bước chân cậu.

Chặng đường cảm giác như dài hơn trong sự tĩnh lặng của màn đêm, không đám đông nào hướng về rạp xiếc dọc đường cậu đi như bao đêm khác, khi cậu rảo bước để đến trước khi cánh cổng mở ra.

Những ngôi sao vẫn còn sáng lúc Bailey tới cây sồi của cậu, chiếc túi của cậu được quăng trên vai. Cậu bị muộn hơn so với dự định, mặc dù bình minh vẫn chưa ló rạng. Nhưng dưới bầu trời lấp lánh sao, cánh đồng trải dài dưới tán cây của cậu trống trơn, như thể ngoài cỏ, lá và sương chưa có bất cứ thứ gì đã từng chiếm đóng không gian ở đó.

HỒI TƯỞNG

LONDON, 1 THÁNG MƯỜI MỘT, 1901

Người đàn ông mặc bộ vét xám dễ dàng lách người qua đám đông những người đến xem xiếc. Họ tách ra khỏi lối ông đi mà chẳng hề bận tâm chuyển động, cứ như nước rẽ sang hai bên khi ông hướng tới cánh cổng.

Bóng người chặn lối ông gần mép sân trong suốt, xuất hiện như ảo ảnh trong hào quang của vạc lửa và những lồng đèn bằng giấy nhẹ nhàng đung đưa. Người đàn ông mặc vét xám dừng lại, dù ông có thể dễ dàng bước xuyên qua người đồng nghiệp mà không chút ngáng trở.

“Một đêm thú vị phải không?” Hector hỏi ông, bắt đầu khiến những người xung quanh tò mò.

Người đàn ông mặc đồ xám kín đáo cử động những ngón tay phía bên bàn tay đeo găng, như thể đang lật trang sách, và các ánh nhìn chăm chăm tan biến, những đôi mắt hiếu kì trở nên mông lung, sự chú ý của họ đã bị hướng sang những nơi khác.

Đám đông vẫn tiếp tục đi qua, tới và lui nơi cánh cổng mà không hề nhận ra hai quý ông.

“Chẳng đáng để quan tâm,” Hector chế nhạo. “Một nửa số người ở đây háo hức xem hồn ma ở mỗi góc quanh.”

“Việc này đã vượt ngoài tầm tay,” người đàn ông mặc đồ xám nói. “Nơi này vốn dĩ đã quá lộ liễu.”

“Đó mới chính là điều khiến nó thú vị,” Hector nói, vẫy cánh tay về phía đám đông. Bàn tay ông xuyên qua vai một người phụ nữ và cô ta quay lại, kinh ngạc nhưng rồi lại tiếp tục bước đi khi không nhìn thấy gì. “Chẳng lẽ

ông đã không dùng đủ những thủ thuật phong ấn của mình, ngay cả sau khi đã bỏ đờ tên Chandresh để kiểm soát địa điểm sao?”

“Tôi chẳng kiểm soát gì cả,” người đàn ông mặc đồ xám nói. “Tôi đã lập nên một giao thức bí mật ngụ ý tạo là không gian huyền bí. Đó là lý do vì sao địa điểm chuyển từ nơi này sang nơi khác mà không được thông báo. Như thế có lợi cho cả hai đấu thủ.”

“Như thế là tách bọn chúng ra. Nếu ông đặt bọn chúng ở bên nhau tử tế ngay từ lúc đầu thì con bé đã nghiền nát cậu ta từ lâu rồi.”

“Có phải tình trạng hiện giờ đã khiến ông mờ mắt rồi không? Ông đúng là dở hơi mới tự đưa bản thân vào tròng thế này, và ông đúng là dở hơi mới không nhận ra bọn chúng hấp dẫn nhau. Nếu chúng mà không bị tách ra thì việc đó rõ ràng là còn xảy đến sớm hơn nữa.”

“Còn ông là lão mai chết bầm chết vằm,” Hector nói, đôi mắt nheo lại ẩn hiện trong ánh sáng run rẩy. “Tôi đã dạy dỗ đấu thủ của tôi tốt hơn thế nhiều.”

“VẬY mà cô ấy lại đến gặp tôi. Cô ấy đã đích thân mời tôi đến, giống như ông...” Ông dừng lại, một dáng hình trong đám đông lọt vào mắt ông.

“Tôi nghĩ là mình đã nói ông hãy chọn đấu thủ nào mà ông có thể chấp nhận cảnh bại trận,” Hector nói, theo ánh nhìn của đối phương quan sát một thanh niên đội mũ quả dưa vẻ mặt lo lắng, vừa đi qua mà không hề nhìn thấy họ, anh ta đang xuyên qua đám người xem và bám theo Chandresh. “Ông luôn quá quan tâm tới đám học trò của mình. Thật không may là chẳng có mấy người nhận ra được điều đó.”

“VẬY có bao nhiêu học trò của ông đã chọn cách tự mình chấm dứt cuộc chơi rồi?” người đàn ông mặc đồ xám hỏi, quay mặt lại. “Bảy nhì? Liệu con gái ông có trở thành người thứ tám không?”

“Chuyện đó sẽ không tái diễn đâu,” Hector đáp lại, từng từ rõ ràng và nặng nề bất chấp trạng thái vô hình của ông.

“Nếu thắng thì cô ấy sẽ hận ông vì điều đó, nếu như giờ cô ấy vẫn chưa thấy căm hận.”

“Nó sẽ thắng. Đừng cố lảng tránh sự thật rằng con bé là đấu thủ mạnh hơn đấu thủ của ông và luôn là thế.”

Người đàn ông mặc đồ xám nhắc tay về phía vạc lửa, khuếch đại âm thanh đang vọng lên từ phía sân khu rạp để Hector nghe được tiếng con gái mình, nhắc đi nhắc lại tên Friedrich trong cơn hoảng loạn càng lúc càng nghiêm trọng.

“Với ông như thế có phải là mạnh mẽ không?” ông hỏi, buông tay xuống và để giọng Celia hòa lẫn với tiếng ồn ào của đám đông.

Hector chỉ cau mày, ánh sáng từ những lưỡi lửa càng làm méo mó biểu cảm của ông.

“Một người đàn ông vô tội đã chết ở đây đêm nay,” người đàn ông mặc đồ xám tiếp tục. “Một người mà đấu thủ của ông khá là yêu mến. Giả dụ như cô ấy chưa bắt đầu suy sụp thì chuyện này sẽ là giọt nước tràn ly. Liệu điều đó có phải là thứ mà ông muốn đạt được ở đây không? Lẽ nào ông đã không học được gì sau bao nhiêu lần giao đấu? Chẳng bao giờ có cách nào dự đoán được những gì sẽ xảy ra đâu. Không có bất cứ bảo đảm nào cho cả hai bên.”

“Vẫn chưa kết thúc đâu,” Hector nói, rồi biến mất trong khoảng mờ giữa ánh sáng và bóng tối.

Người đàn ông mặc đồ xám bước tiếp như thể ông chưa hề dừng lại, rẽ lối qua những tấm rèm nhung ngăn cách sân khu rạp và thế giới bên ngoài.

Ông nhìn chiếc đồng hồ cạnh cổng một lát trước khi rời rạp xiếc.

NỖI ĐAU TRÁNG LỆ

LONDON, 1 THÁNG MƯỜI MỘT, 1901

Căn hộ của Marco vốn tẻ nhạt và trống trơn nhưng giờ chật cứng với bộ sưu tập đồ nội thất chẳng ra đâu vào đâu. Những thứ đồ mà Chandresh thấy chán ngấy vào lúc này hay lúc khác được gom cả về nơi khốn khổ này thay vì bị vứt bỏ hoàn toàn.

Có quá nhiều sách và không còn đủ giá để xếp chúng, vì thế chúng ngự ở đó thành từng chồng trên những chiếc ghế Trung Hoa cổ và các tấm đệm bọc xa-ri.

Chiếc đồng hồ trên mặt lò sưởi là một kiệt tác của Herr Thiessen, được tô điểm bằng những cuốn sách nhỏ xíu tự lật giờ những trang sách mỗi giây, cho tới ba giờ sáng. Những cuốn sách lớn hơn trên mặt bàn đang chuyển động với một tốc độ trễ nải hơn khi Marco lật tới lật lui những tập sách viết tay, nguệch ngoạc những ghi chú và tính toán trên những trang giấy rời. Anh liên tục gạch bỏ những kí hiệu và con số, chọn cuốn này bỏ cuốn kia, và rồi lại quay lại những cuốn đã bị bỏ.

Cánh cửa căn hộ tự mở, ổ khóa rớt ra và bản lề xoay cọt kẹt. Marco nhảy ra khỏi bàn, làm đổ lọ mực lên khắp các trang giấy.

Celia đứng ở cửa, vài lọn tóc quăn rơi khỏi mái tóc được bới cao. Chiếc áo khoác màu kem của cô không cài cúc, quá mỏng đối với kiểu thời tiết này.

Chỉ khi cô bước vào căn phòng, cửa ra vào tự động đóng lại và khóa lách cách hàng tràng phía sau lưng cô, Marco mới nhận ra phía dưới áo khoác, chiếc váy dài của cô dính máu.

“Chuyện gì đã xảy ra thế?” anh hỏi, bàn tay đang chuyển động để dựng lọ mực lên ngừng lại lưng chừng.

“Anh biết rõ chuyện gì đã xảy ra mà,” Celia nói. Giọng cô bình tĩnh nhưng những gợn sóng đã bắt đầu hình thành trên bề mặt sẫm màu của vũng mực trên bàn.

“Em ổn cả chứ?” Marco nói, cố gắng tiến lại gần cô.

“Em suýt chút nữa thì không hề ổn,” Celia nói, và lọ mực vỡ tan, tóe tung mực lên khắp những trang giấy và bắn cả lên ống tay áo sơ-mi trắng của Marco, lặn xuống như vô hình trên áo vét đen của anh. Hai bàn tay dính đầy mực nhưng anh vẫn bị phân tâm bởi vết máu trên váy cô, sắc đỏ tươi loang khắp bề mặt xa-tanh trắng ngà và biến mất phía sau hoa văn trang trí chữ triện bằng nhung đen bao quanh vết máu như một cái lồng.

“Celia, em đã làm gì thế?” anh hỏi.

“Em đã cố,” Celia nói. Giọng cô vỡ vụn và cô phải nhắc lại. “Em đã cố. Em đã nghĩ là mình có thể cứu vãn được. Em đã biết ông ấy từ lâu. Rằng giống như chỉ cần dựng cái đồng hồ lên rồi làm nó chạy lại. Em biết đích xác vấn đề ở đâu nhưng em đã không thể nào cứu vãn được. Ông ấy quá đổi thân thuộc nhưng không... không thể cứu vãn được rồi.”

Tiếng thốn thức tích tụ trong lồng ngực cô bật ra. Những giọt nước mắt cô đã kìm nén trong hàng giờ rơi xuống.

Marco vội vàng chạy tới phía cô, kéo cô lại và ôm ghì khi cô òa khóc.

“Anh rất tiếc,” anh nói, lặp lại như lời kinh nguyện giữa những tiếng thốn thức của cô cho đến khi cô bình tĩnh lại, bờ vai hết căng thẳng và cô thả mình trong vòng tay anh.

“Ông ấy là bạn em,” cô khẽ nói.

“Anh biết,” Marco nói, anh lau đi những giọt nước mắt của cô và để lại những vết lem mực trên hai má cô. “Anh thực sự rất tiếc. Anh không biết

chuyện gì đã xảy ra. Có điều gì đó phá tan thế cân bằng và anh không thể tìm ra đó là gì.”

“Là Isobel,” Celia nói.

“Cái gì?”

“Lời chú mà Isobel ám lên rạp xiếc, lên anh và em. Em đã biết về nó, em cảm nhận được nó. Em đã không nghĩ rằng nó nguy hại gì nhưng rõ ràng là có. Em không biết vì sao cô ấy lại chọn đêm nay để dừng lại.”

Marco thờ dài.

“Cô ấy chọn đêm nay vì anh cuối cùng cũng đã nói với cô ấy là anh yêu em,” anh nói. “Lẽ ra anh nên làm điều đó từ lâu rồi, nhưng anh lại nói với cô ấy vào đêm nay. Anh đã nghĩ là cô ấy rộng lòng chấp nhận nhưng rõ ràng anh đã sai. Anh không hề biết, dù chỉ là ý niệm nhỏ nhất, sao Alexander lại xuất hiện ở đó.”

“Ông ấy ở đó vì em đã mời ông ấy,” Celia nói.

“Vì sao em lại làm thế?” Marco hỏi.

“Em muốn một phán quyết,” cô nói, nước mắt lại dâng đầy. “Em muốn chuyện này kết thúc để em được ở bên anh. Em đã nghĩ rằng nếu ông ấy tới thăm rạp xiếc thì người thắng cuộc sẽ được xác định. Em không biết họ còn muốn kết thúc nó như thế nào khác. Làm sao Chandresh lại biết là ông ấy sẽ ở đó chứ?”

“Anh không biết. Anh thậm chí còn không biết điều gì khiến Chandresh tới đó, và ông ấy cứ khẳng khẳng không cho anh đi cùng nên anh đã đi theo ông ấy, để để mắt tới ông ấy. Anh chỉ mất dấu ông ấy vài phút khi anh đi nói chuyện với Isobel và tới lúc anh bắt kịp ông ấy thì...”

“Anh có cảm thấy như đất dưới chân anh dịch chuyển không?” Celia hỏi.

Marco gật đầu.

“Anh đã cố bảo vệ Chandresh không làm tổn hại bản thân,” anh nói. “Thậm chí anh không mảy may nghĩ rằng ông ấy có thể gây nguy hại tới bất kì ai khác.”

“Tất cả những thứ này là sao?” Celia hỏi, hướng sự chú ý tới những cuốn sách trên mặt bàn. Chúng chứa vô số những trang đầy kí tự và biểu tượng, bao quanh những đoạn văn bản trích từ các nguồn khác, tiếp nối liên tục và được tô đi tô lại. Ở chính giữa bàn có một tập sách bọc da lớn, Celia gần như không hiểu được thứ ắt là một tập cắt dán báo chí. Từ duy nhất cô có thể đọc ra là *siêu phàm*.

“Đây là cách anh làm việc,” Marco nói. “Tập này là thứ gắn kết mọi người trong rạp xiếc. Nó là lá chắn, chẳng có từ ngữ nào diễn đạt được chính xác. Anh đã đặt một bản sao của nó trong vạc lửa trước lần thả sáng, nhưng anh đã có sửa đổi bản này một chút.”

Celia lật giở những trang giấy có ghi tên. Cô dừng lại ở một trang ghim mẫu giấy có chữ kí rất to của Lainie Burgess, cạnh một khoảng trống nơi một mẫu giấy cùng cỡ đã được gỡ ra, để lại một chỗ khuyết sáng màu.

“Lẽ ra anh nên cho tên Herr Thiessen vào đó,” Marco nói. “Thậm chí anh còn chưa bao giờ nghĩ tới việc đó.”

“Nếu không phải là ông ấy thì cũng sẽ là một người khác. Không có cách nào bảo vệ được tất cả mọi người. Đó là điều không thể.”

“Anh rất tiếc,” anh lại nói. “Anh đã không biết Herr Thiessen nhiều như em, nhưng anh quả thực ngưỡng mộ ông và công việc của ông.”

“Ông ấy đã cho em thấy rạp xiếc theo cách mà em đã không thể nhìn thấy trước đây,” Celia nói. “Trông nó ra sao khi nhìn từ ngoài vào. Em và ông ấy đã viết thư cho nhau hàng năm trời.”

“Anh, chính anh cũng sẽ viết cho em, nếu như anh có thể viết ra mọi điều anh muốn nói với em. Một biển mực thế nào cũng sẽ không đủ.”

“Nhưng anh đã xây cho em những giấc mơ,” Celia nói, ngược lên nhìn anh. “Và em đã xây cho anh những căn lều mà anh chưa từng nhìn thấy. Em đã luôn có anh thật nhiều ở bên mình, vậy mà em đã không trao lại được cho anh bất cứ thứ gì để anh có thể cất giữ.”

“Anh vẫn còn tấm khăn choàng của em,” Marco nói. Cô khẽ cười khi đóng cuốn sách lại. Cạnh nó, chỗ mực bị đổ đang bắn trở lại lọ, những mảnh vỡ tự hàn gắn lại quanh nó.

“Em nghĩ đây là điều mà bố em gọi là làm việc từ ngoài vào trong thay vì từ trong ra ngoài,” cô nói. “Ông lúc nào cũng phản đối việc này.”

“Vậy thì ông ấy sẽ khinh thường cái phòng kia mất,” Marco nói.

“Phòng nào cơ?” Celia hỏi. Lọ mực trở lại nguyên dạng như thể nó chưa từng bị vỡ.

Marco hướng cô về phía trước, dẫn cô tới căn phòng tiếp giáp. Anh mở cánh cửa nhưng không bước qua, và khi Celia theo sau anh, cô có thể hiểu vì sao.

Có lẽ nó đã từng là phòng làm việc hoặc phòng khách, không lớn lắm, nhưng có lẽ được coi là ấm cúng nếu không có lớp lớp giấy tờ và dây dợ đung đưa ở khắp mọi nơi còn trống.

Những sợi dây rủ xuống từ chùm đèn và vòng qua đỉnh những giá sách. Chúng được buộc lại với nhau như một tấm mạng thả xuống từ trần nhà.

Trên khắp các bề mặt, bàn uống trà, bàn làm việc và ghế bành, có vô vàn mô hình lều được dựng vô cùng tỉ mỉ. Một số được làm từ giấy in báo, một số được làm từ vải. Những bản thiết kế, tiểu thuyết và văn phòng phẩm, được gập lại, cắt và tạo dáng thành hàng loạt những căn lều kẻ sọc, tất cả được buộc vào nhau bằng dây đen, trắng và đỏ. Chúng được gắn với những cấu trúc đồng hồ, các mẫu gương, và những mẫu nệm đang rỏ sập.

Ở chính giữa căn phòng, trên chiếc bàn gỗ hình tròn sơn đen, khám những đường sọc xà cừ sáng màu, có một vạc sắt nhỏ. Trong nó, một đám lửa đang

cháy rộn rã, những lưới lửa rực rỡ và trắng sáng, hắt những vạt bóng dài vào không gian.

Celia bước một bước vào căn phòng, cúi xuống tránh những sợi dây rủ xuống từ trần nhà. Cảm giác y hệt như bước vào rạp xiếc, thậm chí cả mùi hương caramel vương vít trong không khí, nhưng có điều gì đó sâu xa hơn bên dưới nó, điều gì đó nặng nề và cổ xưa phía dưới những tờ giấy và sợi dây.

Marco đứng ở cửa khi Celia thận trọng đi quanh phòng, hết sức chú ý tới tà váy khi cô nhòm vào những căn lều bé xíu và chạy mấy ngón tay lên từng sợi dây và bộ phận đồng hồ.

“Đây là một pháp thuật rất cổ xưa phải không?” cô hỏi.

“Là thứ duy nhất anh biết,” Marco đáp lại. Anh giật một sợi dây ở gần cửa và chuyển động đó rung động khắp căn phòng, toàn bộ mô hình rạp xiếc lấp lánh khi những phần kim loại bắt lửa. “Mặc dù anh không chắc nó có được dùng với mục đích này không nữa.”

Celia ngừng lại tại một căn lều có một nhánh cây được phủ sáp nến. Từ chỗ này cô nhìn thấy một căn lều khác, cô nhẹ nhàng đẩy cánh cửa giấy để rồi phát hiện ra một vòng những chiếc ghế nhỏ xíu, tượng trưng cho không gian biểu diễn của riêng cô.

Những tờ giấy tạo nên nó có in những khúc xô-nết của Shakespeare.

Celia để cánh cửa giấy đóng lại.

Cô kết thúc chuyến tham quan vòng quanh căn phòng và gặp lại Marco ở cửa, khẽ khàng đóng cánh cửa lại phía sau.

“Cảm ơn anh đã cho em thấy,” cô nói.

“Anh hiểu là bố em sẽ không đồng ý?” Marco hỏi.

“Em thực sự không còn quan tâm tới chuyện bố em đồng ý hay không nữa.”

Celia bước qua chiếc bàn và dừng lại trước lò sưởi, ngắm nhìn những trang giấy nhỏ tí lặt giở qua từng thời khắc trên chiếc đồng hồ nằm ở mặt lò sưởi.

Cạnh chiếc đồng hồ có một quân bài đơn độc. Một lá bài hai cơ. Nó chẳng hề có vẻ gì là đã từng bị con dao găm Ottoman đâm thủng. Không một bằng chứng nào cho thấy máu của Celia đã từng nhuộm kín bề mặt của nó, nhưng cô biết chính là lá bài ấy.

“Anh có thể nói chuyện với Alexander,” Marco đề xuất. “Có thể ông ấy đã chứng kiến đủ để đưa ra phán quyết, hoặc chuyện này sẽ dẫn tới việc không đạt yêu cầu gì đó. Anh chắc chắn là tới lúc này ông ấy sẽ coi anh là nổi thất vọng, ông ấy có thể tuyên bố em là người th...”

“Thôi,” Celia nói nhưng không quay đầu lại. “Xin anh, đừng nói gì cả. Em không muốn nói về trận đấu chết tiệt ấy.”

Marco định phản đối nhưng giọng nói của anh bị mắc lại nơi cổ họng. Anh cố kháng cự nhưng nhận ra mình không có cách nào cất được lời.

Đôi vai anh chùng xuống trong tiếng thở dài khe khẽ. “Em mệt mỏi vì cứ phải ràng buộc những thứ không thể nào ràng buộc lại với nhau,” Celia nói khi anh tiến lại bên cô. “Cố gắng kiểm soát những thứ không thể kiểm soát nổi. Em mệt mỏi vì phải kiềm chế những điều em muốn bởi sợ sẽ phá hỏng những thứ em không thể sửa chữa được. Dù chúng ta có làm gì thì chúng cũng tan vỡ thôi.” Cô tựa vào ngực anh và anh vòng tay ôm lấy cô, nhẹ nhàng vuốt ve gáy cô bằng bàn tay lem mực. Họ cứ như thế hồi lâu, cùng tiếng tí tách của ngọn lửa và tiếng tích tắc của đồng hồ.

Khi cô ngẩng đầu lên, anh nhìn chăm chú vào mắt cô cùng lúc gỡ chiếc áo khoác khỏi vai cô, đặt cả hai tay lên đôi cánh tay trần của cô.

Cảm giác mê đắm thân thuộc vốn luôn đi cùng với sự đụng chạm của da thịt anh lên da thịt cô bao trùm lấy Celia và cô không thể cưỡng lại nữa, không hề muốn cưỡng lại nữa.

“Marco,” cô nói, những ngón tay run rẩy trên những khuy áo của anh.
“Marco, em...”

Đôi môi anh áp lên môi cô, nóng bỏng và khao khát, trước khi cô kịp nói hết lời.

Khi cô cởi từng khuy áo, anh tháo khóa và những lớp dây nơ, môi vẫn không rời cô.

Chiếc váy dài cắt may tinh tế rớt bồng xuống quanh chân cô.

Quần sợi dây buộc nới chiếc áo chèn của cô quanh cổ tay, Marco kéo cô xuống sàn cùng mình.

Họ tiếp tục trút bỏ từng lớp, từng lớp cho tới khi chẳng còn gì ngăn cách hai người.

Chìm trong im lặng, Marco nói lời xin lỗi và yêu thương lên cơ thể Celia bằng lưỡi và môi anh. Câm lặng nói lên mọi điều mà anh không thể nào thốt ra thành lời. Anh tìm thấy những cách khác để nói với cô, ngón tay anh để lại những vết mực mờ mờ. Anh nhắm nháp từng âm thanh anh khiến cô bật ra.

Cả căn phòng run rẩy khi họ hòa vào nhau.

Và dù vô số những thứ mong manh hiện hữu trong căn phòng, nhưng chẳng có gì tan vỡ.

Phía trên họ, chiếc đồng hồ tiếp tục lật giở những trang sách, đẩy nhanh những câu chuyện quá đỗi nhỏ bé đến mức không thể đọc được.

• • •

Marco không hề nhớ là mình đã ngủ thiếp đi. Khoảnh khắc trước Celia hẫng còn cuộn tròn trong vòng tay anh, đầu cô tựa lên ngực anh như cô đang lắng nghe trái tim anh đập, và khoảnh khắc sau đó, anh chỉ có một mình.

Ngọn lửa đã tàn thành tro âm ỉ. Bình minh xám xịt lên vào qua các ô cửa sổ, hắt những vệt bóng mờ mờ.

Trên lá bài hai cơ ở mặt lò sưởi, có một chiếc nhẫn bạc khắc chữ Latin. Marco mỉm cười, luồn chiếc nhẫn của Celia vào ngón út, cạnh vết sẹo trên ngón nhẫn.

Anh không hề nhận ra cho đến mãi về sau rằng tập sách bọc da có nhiệm vụ bảo vệ vốn trên bàn anh đã biến mất.

Phần IV

BÉN LỬA

Có những căn lều mà tôi chắc chắn mình không hề phát hiện ra trong bao lần đến thăm rạp xiếc. Mặc dù tôi đã từng nhìn thấy xiết bao cảnh vật, đặt chân lên vô vàn con đường, nhưng luôn luôn có những góc khuất không hề được biết tới, những cánh cửa không hề được mở ra.

• **FRIEDRICK THIESSEN, 1896**

NHỮNG LỖ HỔNG

LONDON, 1 THÁNG MƯỜI MỘT, 1901

Celia ước gì mình có thể đóng băng được thời gian mỗi khi cô lắng nghe nhịp tim Marco đập bình ổn cùng tiếng tích tắc của đồng hồ. Để mãi mãi ở trong khoảng khắc này, cuộn tròn trong vòng tay anh, và bàn tay anh nhẹ vuốt lưng cô. Để không phải ra đi.

Cô chỉ có thể khiến nhịp tim của Marco chậm lại vừa đủ để anh chìm vào giấc ngủ sâu.

Cô đã có thể đánh thức anh, nhưng bầu trời ngoài kia đang dần sáng, và cô sợ hãi khi nghĩ phải nói lời tạm biệt.

Thay vào đó, cô hôn thật nhẹ lên đôi môi anh và lặng lẽ mặc đồ khi anh vẫn đang ngủ. Cô tháo chiếc nhẫn ra khỏi ngón tay và đặt nó trên mặt lò sưởi, giữa hai trái tim sắc nét trên quần bài.

Cô chững lại khi mặc áo khoác, ánh mắt hướng vào những cuốn sách rải rác trên mặt bàn.

Có lẽ nếu hiểu được rõ hơn các hệ thống của anh thì cô đã có thể sử dụng chúng để giúp rập xiếc độc lập hơn.

Để trút bỏ khỏi bản thân phần nào gánh nặng. Để họ có thể ở bên nhau thêm vài giờ đồng hồ vụng trộm, mà chẳng cần phá bỏ luật chơi.

Đó là món quà tốt nhất cô nghĩ mình có thể tặng anh, nếu như họ không buộc được thầy của một trong hai bên đưa ra phán quyết cuối cùng.

Cô nhặt tập sách kín đặc những cái tên. Có vẻ sẽ là khởi đầu tốt khi cô hiểu được nền tảng của những gì phải hoàn thành.

Cô cầm theo nó khi rời đi.

Celia đóng cửa căn hộ của Marco khẽ khàng hết mức có thể sau khi lách mình vào bóng tối ngoài sảnh với cuốn sách bìa da kẹp dưới cánh tay. Khóa trượt vào ổ phía sau cô phát ra những tiếng lạch cạch nghèn nghẹt.

Cô không nhận ra dáng hình ẩn trong bóng tối gần đó cho đến khi ông lên tiếng.

“Con điếm phản trắc,” ông thốt lên.

Celia nhắm mắt, cố gắng tập trung, nhưng chẳng dễ gì gạt ông đi một khi ông tóm được cô, mà cô thì chẳng thể nào kiểm soát nổi chuyện này.

“Ngạc nhiên thật, bố đợi ở sảnh chỉ để gọi con như thế,” cô nói.

“Nơi này được phong ấn cẩn mật đến phát bực,” Hector nói, vẫy tay về phía cánh cửa. “Chẳng gì có thể chui vào nếu thằng nhãi kia không thực sự muốn thế.”

“Thế thì tốt,” Celia nói. “Bố có thể tránh xa anh ấy, và bố có thể tránh xa con.”

“Con định làm gì với cái của ấy?” ông hỏi, hướng về phía cuốn sách dưới cánh tay cô.

“Không can dự tới bố,” Celia nói.

“Con không được can thiệp vào công việc của cậu ta,” Hector nói.

“Con biết, hình như can thiệp là một trong số rất ít những điều bị qui là phạm luật. Con không có ý định can thiệp, con muốn biết về hệ thống của anh ấy để mình không cần phải liên tục chi phối rập xiếc quá nhiều.”

“Hệ thống của cậu ta. Hệ thống của *Alexander* là thứ con không nên dính vào. Con không biết là mình đang làm cái gì đâu. Ta đã đánh giá quá cao năng lực đương đầu với thách thức lần này của con rồi.”

“Chẳng phải đây là một trận đấu sao?” Celia hỏi. “Đó là việc làm thế nào giải quyết được những hậu họa của pháp thuật khi bị đặt tại một chốn công

khai, trong một thế giới không hề tin những điều như thế. Đó là bài kiểm tra sức chịu đựng và khả năng kiểm soát chứ đâu phải kỹ năng.”

“Nó là bài kiểm tra sức mạnh,” Hector nói. “Và con là kẻ yếu. Yếu hơn ta đã nghĩ.”

“Vậy hãy để con thua đi,” cô nói. “Con kiệt sức rồi bố ạ. Con không thể làm việc này nữa. Không giống như bố có thể hể hả nốc cạn một chai whiskey một khi kẻ thắng cuộc được vinh danh.”

“Kẻ thắng cuộc mà được *vinh danh* cái gì,” bố cô nói. “Trận đấu sẽ tiếp tục cho đến khi kết thúc chứ không có dừng lại giữa chừng đâu. Lẽ ra đến giờ con phải hiểu được điều đó mới phải. Con đã từng khá là thông minh cơ mà.”

Celia liếc nhìn bố, nhưng đồng thời cô cũng bắt đầu ngấm ngội những lời nói của ông, nhạt nhẽo lại những gợi giải về luật chơi đầy mù mịt mà ông đã cho cô hay trong suốt những năm qua. Đột nhiên những yếu tố ông đã luôn né tránh trở nên nổi bật, ẩn số mấu chốt trở nên rõ ràng.

“Kẻ thắng cuộc là người còn lại sau khi đối thủ không còn có thể chịu đựng được nữa,” Celia nói, từng lời rút cục cũng tạo thành ý nghĩa thật thâm khốc. “Nói gộp như vậy thật thô thiển nhưng ta cho là đã bao hàm được tất cả.”

Celia quay lại căn hộ của Marco, áp bàn tay lên cánh cửa. “Đừng có xử sự như thế con yêu nó như thế,” Hector nói. “Con trên tầm những thứ vớ vẩn ấy.”

“Bố sẵn lòng hi sinh con vì điều này,” cô khẽ nói. “Bỏ mặc con tự hủy hoại mình chỉ để chứng minh quan điểm. Bố cột chặt con vào trận đấu dù biết chắc là đang đánh cược những gì, và bố cứ để con nghĩ rằng đó chẳng qua chỉ là một thử thách đơn giản về kỹ năng.”

“Đừng có nhìn ta cái kiểu đó,” ông nói, “làm như con cho rằng bố mình là kẻ không có tính người không bằng.”

“Con nhìn thấu được bố,” Celia sảng giọng. “Cũng chẳng cần dụng đến trí tưởng tượng của con đâu.”

“Cũng sẽ chẳng có gì khác biệt nếu ta vẫn là chính ta khi trận đấu này bắt đầu.”

“Và chuyện gì sẽ xảy ra với rạp xiếc sau khi trận đấu kết thúc?” Celia hỏi.

“Rạp xiếc đơn thuần chỉ là địa điểm,” ông nói. “Một sân vận động. Một đấu trường rục rờ. Con cứ việc tiếp tục với nó sau khi thắng cuộc, dù sao thì không có trận đấu rạp xiếc cũng chẳng để làm gì.”

“Con cho là những người khác có liên quan thực ra cũng chẳng để làm gì, đúng không ạ?” Celia hỏi. “Số phận của họ chẳng qua chỉ là hệ lụy mà thôi?”

“Mọi hành động đều có hệ quả,” Hector nói. “Đó là một phần của thử thách.”

“Tại sao bây giờ bố lại nói cho con tất cả trong khi trước đây chưa bao giờ đề cập tới?”

“Lúc trước, ta chưa bao giờ nghĩ rằng con sẽ ở vị trí của kẻ thua cuộc.”

“Ý bố là kẻ bỏ mạng,” Celia nói.

“Một mật ngữ,” bố cô nói. “Trận đấu chỉ kết thúc khi chỉ còn lại duy nhất một đấu thủ. Chẳng có cách nào khác để kết thúc cả. Sau khi mọi chuyện an bài, con có thể từ bỏ mọi giấc mơ lạc lối tiếp tục bày trò đàn điếm với cái thẳng *vô danh tiểu tốt* mà Alexander nhặt được từ ống cống London.”

“Vậy ai sẽ là kẻ còn lại ạ?” Celia hỏi, phớt lờ nhận xét của bố. “Bố đã nói là học trò của Alexander đã thắng trận đấu cuối cùng, chuyện gì đã xảy ra với anh ta?”

Một tràng cười nhạo báng bật ra giữa bóng tối trước khi Hector trả lời.

“Cô ta đang thắt mình thành nút trong cái rạp xiếc quý báu của con đấy.”

ĐÙA VỚI LỬA

Ánh sáng duy nhất trong căn lều này đến từ đám lửa. Những ngọn lửa có màu trắng rực rỡ ấm áp thoát ẩn thoát hiện, giống như vạc lửa ngoài sân.

Bạn đi qua một người nuốt lửa được bện trên bực diễn kẻ sọc. Anh ta giữ những mẩu lửa nhỏ nhảy nhót trên đỉnh những cây gậy dài trong khi chuẩn bị nuốt trọn tất cả.

Trên một bực diễn khác, một người phụ nữ giữ hai sợi xích dài, mỗi đầu là một quả cầu lửa. Chị ta quay chúng thành những vòng móc và đường tròn, tạo thành những vệt cháy rực ánh sáng trắng trên đường đi, nhanh đến mức trông như những dải lửa chứ không phải những đốm lửa rời rạc tách biệt trên sợi xích.

Nghệ sĩ trên rất nhiều bực biểu diễn, tung hứng những ngọn đuốc, quay tít thật cao trong không trung. Thi thoảng, họ tung những ngọn đuốc bốc cháy vào nhau trong cơn mưa rực rỡ ánh lửa.

Đâu đó, có những vòng lửa cao thấp khác nhau mà các nghệ sĩ lao qua dễ như trở bàn tay, như thế đó chỉ là những vòng kim loại không có lửa bập bùng bao quanh. Người nghệ sĩ trên bực diễn này cầm những đốm lửa trên đôi bàn tay trần, rồi cô biến chúng thành rắn, thành hoa và muôn hình vạn trạng. Tia lửa lóe lên từ những ngôi sao chổi, chim rực cháy rồi biến mất như những con phượng hoàng nhỏ xíu trong lòng bàn tay cô.

Cô ấy mỉm cười với bạn khi bạn ngắm nhìn những ngọn lửa trắng trên tay cô vụt biến đổi, chỉ bằng cử động ngón tay điêu luyện, thành hình một con thuyền. Một cuốn sách. Một trái tim lửa.

月子^[32]

HÀNH TRÌNH TỪ LONDON TỚI MUNICH, 1 THÁNG MƯỜI MỘT, 1901

Con tàu chẳng có gì đáng chú ý khi nó xịch bánh qua vùng nông thôn, xịt từng đám mây khói xám vào không trung. Động cơ đen xì xịt. Những toa tàu đơn sắc như nhau. Những toa có cửa sổ nom sáng màu hơn và âm u; những toa không cửa sổ thì đen kịt như than. Con tàu im lặng suốt chặng đường, không hụ hay rít còi hiệu. Bánh tàu không mài lên đường ray rìn rít mà lướt đi trơn tru và tĩnh lặng. Đoàn tàu lao đi mà gần như không hề bị nhận ra trong suốt hành trình, chẳng hề dừng lại.

Từ ngoài nhìn vào, con tàu trông giống như tàu chở than, hoặc thứ gì đó tựa tựa thế. Quả tình chẳng có gì đáng nói.

Nhưng nội thất thì hoàn toàn khác.

Phía bên trong, con tàu thật xa hoa, hào nhoáng và ấm áp. Hầu hết các toa khách được trải thảm hoa văn dày dặn, phủ nhung đỏ tía, tím phớt và màu kem, như thể được nhúng trong ánh chiều tà, tráng qua ánh trắng non và cứ lưu giữ những sắc màu ấy trước khi nhạt nhòa dần vào màn đêm và dưới ánh sao.

Đèn treo tường soi sáng dọc hành lang, những tấm màn rủ bằng pha lê buông lơ lửng từ chân đèn xuống, xoay vòng cùng chuyển động của con tàu. Mượt mà và an nhiên.

Ngay sau khi tàu khởi hành, Celia cẩn thận cất cuốn sách bì da đi, ngụy trang cho nó một dáng vẻ bình thường giữa những cuốn sách khác của cô.

Cô đã thay chiếc váy dài dính máu và mặc một chiếc khác màu xám ánh trắng tha thướt, dính dây nơ màu đen, trắng và chì than, nó đã từng là một trong những chiếc váy Friedrich đặc biệt yêu thích.

Những dải nơ bập bênh phía sau Celia khi cô đi dọc con tàu.

Cô dừng lại ở cánh cửa duy nhất có hai chữ thư pháp cùng cái tên viết tay trên tấm biển cạnh đó.

Tiếng gõ cửa lịch sự của Celia được đáp lại ngay lập tức, mời cô vào bên trong.

Dù hầu hết các toa tàu đều rực rỡ đủ sắc màu, toa riêng của Tsukiko gần như hoàn toàn trung tính. Một không gian trống trải bao quanh bằng bình phong giấy và rèm lụa thô, sức nước hương gừng và kem.

Tsukiko ngồi trên sàn giữa phòng, mặc kimono đỏ. Một trái tim đỏ thắm đập trong căn buồng nhợt nhạt.

Và cô ấy không ở một mình. Isobel nằm trên sàn, đầu đặt trong lòng Tsukiko, khẽ khàng thốn thức.

“Tôi không cố ý chen ngang đâu,” Celia nói. Cô ngần ngại ở lối ra vào, sẵn sàng trượt cửa đóng lại.

“Cô không chen ngang mà,” Tsukiko nói, ra hiệu cho Celia đi vào. “Có lẽ cô sẽ giúp được tôi thuyết phục Isobel rằng cô ấy cần nghỉ ngơi chút đỉnh.”

Celia không nói gì, nhưng Isobel quệt mắt, gật đầu khi ngồi dậy.

“Cảm ơn chị, Kiko,” cô vừa nói vừa vuốt phẳng những nếp nhăn trên váy.

Tsukiko vẫn ngồi yên, sự chú ý của cô dồn cả vào Celia.

Isobel dừng lại bên Celia khi đi ra phía cửa. “Tôi rất tiếc về Herr Thiessen,” cô nói.

“Tôi cũng vậy.”

Trong khoảnh khắc, Celia nghĩ rằng Isobel định ôm cô, nhưng rồi cô ấy chỉ gật đầu trước khi rời đi, trượt cánh cửa đóng lại sau lưng.

“Những giờ phút cuối cùng thật dài với tất cả chúng ta,” Tsukio nói sau khi Isobel rời đi. “Cô cần trà,” cô ấy nói thêm trước khi Celia kịp giải thích vì sao mình ở đây. Tsukiko mời Celia ngồi xuống một cái đệm và lướt đi nhẹ nhàng tới cuối khoang tàu, lấy đồ pha trà từ một trong mấy tấm bình phong cao.

Không hẳn là một buổi trà đạo đúng nghĩa mà Tsukiko đã trình diễn vài lần trong mấy năm qua, nhưng khi cô chậm rãi pha hai bát trà bột, tất cả vẫn thật đẹp và tĩnh tại.

“Tại sao chị chưa bao giờ nói với tôi?” Celia hỏi khi Tsukiko yên vị trước mặt mình.

“Nói với cô điều gì?” Tsukiko hỏi, mỉm cười nhấp trà.

Celia thờ dãi. Cô băn khoăn không biết có phải Lainie Burgess cũng đã chán nản tương tự sau hai tuần trà ở Constantinople. Celia nửa muốn đập vỡ bát trà của Tsukiko, chỉ để xem cô ấy sẽ làm gì.

“Cô đã tự làm mình bị thương sao?” Tsukiko hỏi, hất đầu về vết sẹo trên ngón tay Celia.

“Gần ba mươi năm trước tôi đã bị cuốn vào một cuộc đấu,” Celia nói. Cô nhấp trà trước khi tiếp, “Giờ chị đã nhìn thấy vết sẹo của tôi, chị có định cho tôi xem vết sẹo của chị không?”

Tsukiko mỉm cười đặt bát trà xuống sàn trước mặt mình. Rồi cô xoay người và hạ thấp cổ áo kimono xuống. Ở gáy cô, giữa muôn vàn những biểu tượng xăm, nấp trong đường cong của vầng trăng khuyết là một vết sẹo mờ mờ có kích cỡ và hình dáng của một chiếc nhẫn.

“Cô thấy đấy, những vết sẹo dai dẳng hơn trận đấu,” Tsukiko nói, dựng thẳng áo kimono quanh vai.

“Đó là do một trong mấy chiếc nhẫn của bố tôi,” Celia nói, nhưng Tsukio không khẳng định cũng chẳng phủ nhận lời nói ấy.

“Trà của cô uống có được không?” cô ấy hỏi.

“Tại sao chị lại ở đây?” Celia bật lại.

“Tôi được thuê làm nghệ sĩ uốn dẻo.”

Celia đặt bát trà xuống.

“Tôi không có tâm trạng để nghe chuyện này, Tsukiko,” cô nói.

“Nếu chọn lựa câu hỏi cần trọng hơn thì có thể cô sẽ nhận được câu trả lời đáng hài lòng hơn đấy.”

“Tại sao chị chưa bao giờ nói với tôi rằng chị biết về thử thách đó?” Celia hỏi. “Rằng chính chị cũng đã tham gia?”

“Tôi đã có một thỏa thuận rằng sẽ không bao giờ tiết lộ bản thân trừ phi được hỏi trực diện,” Tsukiko trả lời. “Nói lời thì giữ lấy lời.”

“Tại sao từ đầu chị lại đến đây?”

“Tôi tò mò. Đã chẳng có cuộc đấu nào kể từ lần tôi tham gia. Tôi vốn không định ở lại.”

“Tại sao chị lại ở lại?”

“Tôi thích Monsieur Lefèvre. Đấu trường của tôi là một nơi yên ả hơn, còn lần này có vẻ như địa điểm thi đấu là độc nhất vô nhị. Chẳng mấy khi khám phá ra được những nơi thực sự độc đáo. Tôi đã ở lại để quan sát.”

“Chị đã theo dõi chúng tôi,” Celia nói.

Tsukiko gật đầu.

“Kể cho tôi nghe về trận đấu đi,” Celia nài nỉ, hi vọng nhận được lời hồi đáp cho câu hỏi gợi mở vì Tsukiko đã thẳng thắn hơn.

“Có nhiều điều hơn cô nghĩ,” Tsukiko nói. “Bản thân tôi đã chẳng hiểu gì về luật chơi khi đó. Không chỉ về những gì cô gọi là pháp thuật. Cô tin rằng thêm một căn lều mới cho rạp xiếc là một bước đi ư? Còn hơn thế nữa. Mỗi việc cô làm, mỗi thời khắc của ngày và đêm là một bước động thủ. Cô mang bàn cờ theo mình, nó không chỉ bó hẹp giữa những tấm bạt và những dải

sọc. Dù cô và đối thủ không ném trái sọc xa hoa được đứng trên những ô vuông thanh lịch.”

Celia ngẫm ngợi về điều này trong lúc nhấp trà. Cố gắng chấp nhận sự thật rằng mọi chuyện đã xảy ra với rạp xiếc, với Marco, là một phần của trận đấu.

“Cô có yêu anh ta không?” Tsukiko hỏi, quan sát cô với ánh mắt quan tâm và nét cười có lẽ là cảm thông, nhưng Celia luôn thấy khó giải mã những biểu cảm của Tsukiko.

Celia thở dài. Chẳng có lý gì để chối bỏ điều này. “Có,” cô đáp.

“Cô có tin là anh ta cũng yêu cô không?”

Celia không trả lời. Cách đặt câu hỏi khiến cô khó chịu. Chỉ mới vài giờ trước, cô thật sự chắc chắn. Giờ đây, ngồi trong khoang tàu phủ lụa thoảng hương này, cảm giác như những gì tưởng chừng bền chặt và không thể bòn cãi bỗng trở nên mong manh như làn khói tỏa ra trên bát trà của cô. Mong manh như một ảo giác.

“Ái tình là bất định và phù du,” Tsukiko tiếp tục. “Nó hiếm khi là nền tảng vững chãi để từ đó đưa ra các quyết định, trong bất kỳ cuộc chơi nào.”

Celia nhắm mắt lại để ngăn đôi tay mình khỏi run rẩy.

Cô mất nhiều thời gian hơn mình tưởng để lấy lại kiểm soát.

“Isobel cũng đã có lúc nghĩ rằng anh ta yêu cô ấy,” Tsukiko nói tiếp. “Cô ấy đã chắc chắn về điều đó. Đó là lý do cô ấy đến đây, để trợ giúp anh ta.”

“Anh ấy có yêu tôi,” Celia nói, dù những lời lẽ ấy khi được thốt ra từ đôi môi cô nghe chẳng còn mạnh mẽ như lúc chúng vang lên trong đầu.

“Có thể,” Tsukiko đáp lại. “Anh ta khá có tài thao túng người khác. Chẳng lẽ cô chưa từng một lần nói dối mọi người, chỉ nói cho họ nghe những điều họ muốn được nghe ư?”

Celia không dám chắc điều gì tệ hơn. Biết rằng để kết thúc trận đấu, một trong hai kẻ bọn cô sẽ phải chết, hay khả năng rằng cô chẳng là gì với anh. Rằng cô chỉ là một quân cờ trên bàn cờ. Chờ đợi để bị đốn ngã và chiếu tướng.

“Đây là vấn đề về góc nhìn, sự khác biệt giữa đối thủ và tri kỉ,” Tsukiko nói. “Cô bước sang bên và vẫn con người đó có thể là một trong hai, hoặc cả hai hoặc một thứ gì khác hoàn toàn. Thật khó biết được bộ mặt nào là thật. Và cô có cả đồng yếu tố phải đương đầu chứ không chỉ là đối thủ của mình.”

“Chị thì không ư?” Celia hỏi.

“Đấu trường của tôi không ngợp thế này. Nó hệ lụy tới ít người hơn, ít chuyển động hơn. Nếu không có thử thách thì chẳng có gì ở đó để cứu rỗi cả. Tôi nghĩ bây giờ chỗ đó là một vườn trà. Tôi đã không quay lại chốn đó kể từ khi cuộc đấu chấm dứt.”

“Rap xiếc có thể tiếp tục, sau khi trận đấu này... chấm dứt,” Celia nói.

“Thế thì hay,” Tsukiko nói. “Một cách tương nhớ đầy ý nghĩa dành cho Herr Thiessen của cô. Nhưng để rap xiếc hoàn toàn độc lập khỏi cô và đối thủ là một việc rất phức tạp. Cô đã lãnh cả đồng trọng trách vì tất cả việc này. Cô là yếu tố sống còn với quá trình hoạt động của nó. Giả dụ như tôi mà đâm dao vào tim cô ngay bây giờ thì con tàu này sẽ đi tong.”

Celia đặt bát trà xuống, quan sát chuyển động êm ái của con tàu làm gợn lên những nếp mềm mại trên bề mặt chất lỏng. Cô căng óc tính toán phải mất bao lâu để dừng con tàu lại, và cô có thể giữ cho trái tim mình còn đập trong bao lâu. Cô quyết định rằng rất có thể sẽ phụ thuộc vào con dao.

“Có thể,” cô nói.

“Nếu tôi đập tắt vạc lửa, hoặc kẻ trông coi nó, thì việc đó cũng gây họa, phải không?”

Celia gật đầu.

“Nếu muốn duy trì rạp xiếc này thì cô còn nhiều việc phải làm,” Tsukiko nói.

“Chị đang đề nghị giúp đỡ phải không?” Celia hỏi, hi vọng rằng Tsukiko sẽ trợ giúp giải mã các hệ thống của Marco vì họ là bạn đồng môn.

“Không,” Tsukiko đáp lại với cái lắc đầu lịch sự, nụ cười của cô làm dịu bớt sự khắc nghiệt của lời lẽ. “Nếu cô không thể tự mình xoay sở, tôi sẽ can dự vào. Chuyện này đã kéo dài quá lâu rồi, nhưng tôi sẽ cho cô chút thời gian.”

“Chút là bao lâu vậy?” Celia hỏi.

Tsukiko nhấp trà.

“Thời gian là thứ tôi không thể kiểm soát,” cô nói.

“Cứ để xem.”

Họ ngồi tĩnh lặng trong dòng thời gian không thể kiểm soát ấy, chuyển động của con tàu khẽ khàng lay động những tấm rèm lụa, mùi hương gừng và kem bao bọc lấy chúng.

“Chuyện gì đã xảy ra với đối thủ của chị?” Celia hỏi.

Tsukiko không nhìn Celia mà cúi xuống bát trà khi đáp.

“Đối thủ của tôi hiện giờ là cột trụ tàn trên một cánh đồng ở Kyoto,” cô nói. “Trừ phi gió và thời gian đã thổi bay cô ấy.”

TRỐN CHẠY

CONCORD VÀ BOSTON, 31 THÁNG MƯỜI, 1902

Bailey đi vòng vòng quanh cánh đồng trống trải một lúc trước khi cậu thuyết phục được bản thân rằng rạp xiếc đã thực sự biến mất không còn một dấu vết. Chẳng còn gì cả, kể cả dấu cỏ rạp xuống, để gợi lên bất cứ thứ gì từng chiếm đóng không gian nơi đây hàng giờ trước đó.

Cậu ngồi xuống đất, hai tay ôm đầu, cảm thấy mất mát tột cùng dù cậu đã nô đùa ở cánh đồng này kể từ ngày nhỏ dại.

Cậu nhớ là Poppet có nói đến một con tàu.

Con tàu sẽ phải đi Boston để kịp tới bất cứ điểm đến xa xôi nào.

Trong khoảnh khắc ý nghĩ đó xẹt qua tâm trí, Bailey đứng bật dậy, chạy nhanh hết mức có thể về phía ga tàu.

Chẳng có con tàu nào ở đó khi cậu tới nơi, hụt hơi và đau nhói nơi chiếc túi đập vào lưng. Cậu đã hi vọng rằng một cách nào đó con tàu rạp xiếc mà cậu thậm chí vẫn chưa hoàn toàn chắc chắn có tồn tại sẽ vẫn ở đó, chờ đợi.

Trái lại, nhà ga hoàn toàn trống trải; chỉ có hai dáng người ngồi trên một trong những băng ghế ở sân ga, một người đàn ông và một phụ nữ khoác áo đen.

Mất một lúc Bailey mới nhận ra cả hai người đều đang quàng khăn màu đỏ.

“Cậu ổn cả chứ?” người phụ nữ hỏi khi cậu chạy đến thềm ga.

Bailey không thể nhận ra giọng của cô là người vùng nào.

“Chị đến đây vì rạp xiếc phải không ạ?” Bailey nói, hỗn hển thở.

“Quả là thế thật,” người đàn ông trả lời bằng giọng nói trầm bổng tương tự. “Nhưng nó khởi hành rồi, chắc chắn cậu cũng đã nhận ra.”

“Cũng đóng cửa sớm nữa, nhưng thế cũng chẳng bất thường,” người phụ nữ nói thêm.

“Anh chị có biết Poppet và Widget không ạ?” Bailey hỏi.

“Ai cơ?” người đàn ông hỏi. Người phụ nữ nghiêng đầu như thể cô không hiểu câu hỏi.

“Họ là cặp song sinh biểu diễn với mèo con,” Bailey giải thích. “Họ là bạn tôi.”

“Cặp song sinh!” người phụ nữ reo lên. “Và những chú mèo tuyệt diệu của họ! Làm thế nào mà cậu lại thành bạn của họ vậy?”

“Chuyện dài lắm ạ,” Bailey nói.

“Thế thì cậu nên kể cho chúng tôi trong lúc đợi,” cô nói và mỉm cười. “Cậu cũng đi Boston đúng không?”

“Tôi không biết nữa,” Bailey đáp. “Tôi đang cố gắng theo chân rạp xiếc.”

“Chúng tôi cũng vậy đây,” người đàn ông nói. “Nhưng không thể theo nổi Le Cirque cho đến khi chúng ta biết điểm đến của họ. Sẽ mất chừng một ngày.”

“Chỉ hy vọng sẽ là một nơi nào đó có thể trong tầm xoay xỏa được,” người phụ nữ tiếp lời.

“Làm sao anh chị biết được nó ở đâu ạ?” Bailey thắc mắc, tỏ vẻ không tin tưởng.

“Những *kẻ mộng mơ* có cách riêng của mình chứ,” người phụ nữ nói rồi mỉm cười. “Chúng tôi mới đợi thôi, như thế chúng ta có dư thời gian để chuyện trò.”

Người đàn ông tên là Victor, chị gái anh ta là Lorena. Họ đang trong thời gian mà họ gọi là kỳ nghỉ dài ngày cùng rạp xiếc, theo chân Le Cirque des

Rêves tới những nơi mà họ có thể lo liệu được. Bình thường họ chỉ làm thế trong lãnh thổ châu Âu, nhưng với kì nghỉ đặc biệt này hai chị em đã quyết định đi theo tới bờ bên kia của Đại Tây Dương. Trước đó họ đã tới Canada.

Bailey kể vắn tắt cho họ nghe chuyện làm thế nào mà cậu trở thành bạn với Poppet và Widget, lược bỏ những chi tiết kì thú hơn.

Khi dần dần tới bình minh, lại có thêm một *kẻ mộng mơ* nữa tới nhập bọn với họ, một phụ nữ tên là Elizabeth, cô đã trọ ở một nhà khách trong thành phố và cũng tới Boston vì giờ rạp xiếc đã rời đi. Cô được chào đón nồng nhiệt, và hóa ra họ là bạn cũ của nhau dù Lorena nói họ chỉ mới gặp cô ấy ít ngày trước đó. Trong lúc mọi người đợi tàu, Elizabeth mang kim đan và một cuộn len đỏ sậm ra.

Lorena giới thiệu với cô rằng Bailey là một *kẻ mộng mơ* trẻ tuổi không quàng khăn.

“Thực ra tôi không phải là *kẻ mộng mơ*,” Bailey nhẹ nhàng chỉnh lại. Cậu vẫn chưa hoàn toàn chắc là mình hiểu rõ cụm từ này.

Elizabeth nhìn cậu qua tấm len đan, đánh giá cậu bằng cặp mắt nheo lại khiến cậu nhớ tới những giáo viên nghiêm khắc nhất của mình, dù cậu đứng cao hơn cô rất nhiều. Cô nhào người về phía trước, dáng vẻ thần bí.

“Cậu có ngưỡng mộ Le Cirque des Rêves không?” cô hỏi cậu.

“Có chứ ạ,” cậu đáp không chút chần chừ.

“Hơn bất cứ thứ gì trên thế giới này chứ?” cô hỏi thêm.

“Vâng,” Bailey đáp. Cậu không thể ngăn mình mỉm cười dù cho giọng điệu của cô thật nghiêm túc và cảm giác căng thẳng vẫn đang ngăn trái tim cậu đập những nhịp bình ổn.

“Thế thì cậu chính là một *kẻ mộng mơ*,” Elizabeth tuyên bố. “Bất kể cậu mặc cái gì.”

Họ kể cho cậu nghe những câu chuyện về rạp xiếc và về những *kẻ mộng mơ* khác. Làm thế nào lại có cả một xã hội nho nhỏ luôn dõi theo từng động

thái của rạp xiếc, thông báo cho những *kẻ mộng mơ* khác để họ du hành từ điểm này tới điểm kia. Victor và Lorena thường xuyên theo chân rạp xiếc trong khả năng cho phép của họ suốt hàng năm trời, trong khi Elizabeth chỉ chuyên tới những nơi gần New York hơn và đi lần này là một chuyến kéo dài đối với cô, dù có một câu lạc bộ phi chính thức của những *kẻ mộng mơ* đặt tại thành phố này, chuyên tổ chức các buổi tụ họp hết lần này tới lần khác, nhằm giữ liên lạc khi rạp xiếc rời đi.

Con tàu vào ga ngay khi mặt trời hoàn toàn ló rạng, và trên đường tới Boston, những câu chuyện lại tiếp tục, trong lúc Elizabeth đan len và Lorena tựa đầu lên cánh tay vẻ buồn ngủ.

“Cậu định ở đâu trong thị trấn?” Elizabeth hỏi.

Bailey chưa hề cân nhắc chuyện này, bởi cậu đang từng bước một bước vào cuộc hành trình này, cố gắng không lo lắng về những gì có thể đến một khi họ đặt chân tới Boston.

“Tôi cũng chưa chắc chắn,” cậu đáp. “Có lẽ tôi sẽ ở ga cho đến khi biết được mình sẽ đi đâu tiếp theo.”

“Vớ vẩn nào,” Victor nói. “Cậu sẽ ở cùng chúng tôi. Chúng tôi có gần như cả một tầng ở Nhà Parker. Cậu có thể dùng phòng của August, anh ấy quay lại New York hôm qua mà tôi thì chưa bao giờ thêm báo với ban quản lý là chúng tôi còn dư một phòng cả.”

Bailey định tranh luận nhưng Lorena ngăn cậu lại. “Em tôi cực kì cứng đầu,” cô thì thào. “Cậu ấy sẽ không chấp nhận lời từ chối một khi cậu ấy đã quyết làm cái gì.”

Và quả thực, Bailey bị xua vào xe của họ gần như ngay khi họ vừa rời khỏi tàu. Túi của cậu được đưa tới cùng hành lý của Elizabeth khi họ tới khách sạn.

“Có chuyện gì sao?” Lorena hỏi khi cậu tròn mắt nhìn quanh sảnh khách sạn lộng lẫy.

“Tôi có cảm giác mình giống một trong mấy cô nàng trong truyện cổ tích, những người thậm chí còn chẳng có lấy một đôi giày, rồi tự dưng được tham dự dạ hội ở lâu đài,” Bailey thì thầm, và Lorena bật cười to đến mức vài người quay lại và nhìn cô chăm chăm.

Bailey được hộ tống tới một căn phòng to bằng nửa ngôi nhà của cậu nhưng cậu phát hiện ra mình không tài nào ngủ được, dù những tấm rèm nặng nề đã chặn hết cả ánh mặt trời. Cậu đi dạo quanh phòng cho tới khi bắt đầu lo lắng rằng mình sẽ làm hỏng mất tấm thảm, rồi cậu ngồi xuống bên cửa sổ, ngắm nhìn dòng người phía dưới.

Bailey thấy nhẹ nhõm khi có tiếng gõ cửa lúc giữa buổi chiều.

“Anh đã biết rạp xiếc ở đâu chưa?” cậu hỏi, trước khi Victor kịp nói câu nào.

“Vẫn chưa đâu, chàng trai ạ,” anh ta nói. “Chúng tôi đôi lúc được thông báo trước nơi rạp xiếc tới nhưng thường không muộn. Tôi đồ chừng chúng ta sẽ biết được vào cuối ngày hôm nay, và nếu gặp may thì chúng ta sẽ khởi hành chuyến sớm nhất vào buổi sáng. Cậu có bộ vét nào không?”

“Tôi không mang theo,” Bailey nói, nhớ ra bộ vét tổng trong rương ở nhà vốn cũng chỉ được lôi ra trong những dịp đặc biệt. Cậu đoán là mình cũng đã quá khổ so với nó, chẳng tài nào nhớ chính xác dịp đáng để mặc vét cuối cùng là lúc nào.

“Thế thì chúng tôi sẽ sắm cho cậu một bộ,” Victor đề nghị, như thể việc này đơn giản như nhặt tờ báo lên vậy.

Họ gặp Lorena ở sảnh và hai người bọn họ lôi Bailey đi quanh thị trấn vì mấy việc linh tinh, trong đó có lần dừng lại tiệm may để may vét cho cậu.

“Không, không,” Lorena nói khi họ ngắm nhìn các mẫu áo. “Mấy bộ này hoàn toàn lệch lạc với màu sắc của cậu ấy. Cậu ấy cần màu xám. Một màu xám thẩm nhã nhặn.”

Sau vô khối ghim lược và đo đạc, Bailey cuối cùng cũng có một bộ vét đẹp hơn tất cả những bộ vét mà cậu đã từng có trong đời, thậm chí còn đẹp hơn cả bộ vét đẹp nhất của cha cậu, một bộ màu xám đá. Bất chấp sự phản đối của Bailey, Victor còn mua cho cậu đôi giày bóng nhoáng và chiếc mũ mới.

Hình ảnh phản chiếu trong gương trông thật khác so với những gì cậu đã quen nhìn, đến mức Bailey thấy thật khó mà tin rằng đó chính là cậu.

Họ quay trở lại Nhà Parker với linh kính những gói hàng chất có ngon, chỉ kịp dừng lại ở phòng mình và ngồi một lát trước khi Elizabeth tới đưa họ xuống ăn tối. Trước sự kinh ngạc của Bailey, có gần cả tá những *kẻ mộng mơ* đang đợi trong nhà hàng dưới tầng, vài người sẽ theo đuôi rạp xiếc còn số khác sẽ ở lại Boston. Nỗi lo lắng của cậu trước sự tráng lệ của nhà hàng được xua đi bởi cử chỉ thân mật và nồng ấm của nhóm người. Đúng như đáng vẻ, họ được bao phủ gần như hoàn toàn trong sắc đen, trắng, xám và điểm chút tươi sáng của sắc đỏ trên cà-vạt hay khăn tay.

Khi Lorena phát hiện ra Bailey không có màu đỏ, cô len lén rút một bông hồng từ lồng hoa gần đó rồi gài vào ve áo cậu.

Có vô khối những câu chuyện không hồi kết về rạp xiếc trong mỗi bữa ăn, những bình luận về căn lều Bailey chưa từng nhìn thấy và những đất nước cậu thậm chí còn chưa từng nghe tên. Bailey chủ yếu lắng nghe, hăng còn bàng hoàng khi mình đã tình cờ nhập hội với một nhóm người yêu rạp xiếc nhiều như cậu vẫn yêu.

“Mọi người có... mọi người có nghĩ là có chuyện gì xảy ra với rạp xiếc không?” Bailey khẽ hỏi, khi bàn ăn chia thành những cuộc đối thoại riêng lẻ. “Gần đây ấy?”

Victor và Lorena liếc nhìn nhau như thể xem ai nên đáp lời, nhưng chính Elizabeth là người trả lời đầu tiên. “Rạp xiếc đã không còn như xưa kể từ khi Herr Thiessen qua đời,” cô nói. Victor đột nhiên nhú mày trong khi Lorena gật đầu đồng tình.

“Herr Thiessen là ai vậy?” Bailey hỏi.

Cả ba người bọn họ trông có vẻ kinh ngạc trước sự ngờ nghệch của cậu. “Friedrick Thiessen là *kẻ mộng mơ* đầu tiên,” Elizabeth nói. “Ngài ấy là nhà tạo tác đồng hồ. Ngài ấy đã làm chiếc đồng hồ bên trong cổng đấy.”

“Chiếc đồng hồ đó được một người ngoài rạp xiếc chế tác ư? Thật sao?” Bailey hỏi. Đây không phải là điều cậu đã từng nghĩ tới để hỏi Poppet và Widget. Cậu đã từng mặc định rằng nó là thứ được tạo từ rạp xiếc.

Elizabeth gật đầu.

“Ngài ấy cũng là tác gia nữa,” Victor tiếp lời. “Chúng tôi đã gặp ngài ấy như thế, rất rất nhiều năm trước đây. Đọc một bài báo ngài ấy viết về rạp xiếc và gửi cho ngài ấy một lá thư, rồi ngài ấy viết lại và cứ thế. Đó là chuyện trước khi chúng tôi được gọi là những *kẻ mộng mơ*.”

“Ngài ấy đã làm cho tôi một chiếc đồng hồ giống như Vòng Đu Quay,” Lorena nói, vẻ mặt băng khuâng. “Với những sinh vật xuyên qua đám mây và những bánh răng bằng bạc. Đó là một thứ tuyệt diệu, tôi ước gì mình có thể mang nó theo mình. Thật là tốt khi có thể giữ trong nhà thứ gì gọi nhớ đến rạp xiếc.”

“Tôi nghe nói là ngài ấy có mối tình bí mật với một ảo thuật gia,” Elizabeth nói, mỉm cười qua ly rượu.

“Tào lao vớ vẩn,” Victor giễu cợt.

“Ngài ấy quả là luôn tỏ ra yêu mến ảo thuật gia trong những bài viết của mình,” Lorena nói giống như cô đang cân nhắc khả năng.

“Sao lại có ai không yêu mến cô ấy cho được?” Victor hỏi. Lorena quay sang nhìn anh vẻ hiếu kì. “Cô ấy cực kì xuất chúng,” anh lấp bắp, và Bailey bắt gặp Elizabeth đang cố gắng không bật cười.

“Vậy rạp xiếc đã không còn như xưa vì thiếu vị Herr Thiessen này phải không ạ?” Bailey hỏi, bản khoản liệu chuyện này có gì liên quan tới những điều Poppet đã từng kể cho cậu hay không.

“Dĩ nhiên, rạp xiếc đã khác đi khi không có ngài ấy, với chúng tôi là thế,” Lorena đáp. Cô ngừng lại thận trọng trước khi nói tiếp. “Bản thân rạp xiếc cũng có vẻ gì đó khang khác. Chẳng có gì đặc biệt, chỉ là có điều gì đó...”

“Điều gì đó nằm ngoài trật tự,” Victor chen vào. “Như đồng hồ không đúng đưa đúng cách.”

“Ngài ấy qua đời khi nào vậy?” Bailey hỏi. Cậu không dám hỏi là đã qua đời như thế nào.

“Chính là đêm này một năm về trước,” Victor đáp.

“Ồ, tôi đã không nhận ra đấy,” Lorena nói.

“Nâng cốc vì Herr Thiessen,” Victor đề nghị, đủ lớn tiếng để cả bàn nghe thấy, và anh nâng ly mình lên. Ly được nâng lên quanh bàn, và Bailey cũng nâng ly.

Những câu chuyện về Herr Thiessen vẫn tiếp tục trong bữa tráng miệng, chỉ bị chen ngang bởi một cuộc thảo luận về chuyện vì sao cái bánh bông lan lại được gọi là bánh nướng trong khi rõ ràng nó là bánh bông lan. Victor cáo lỗi rời đi sau khi uống xong cà phê, từ chối tham gia vào cuộc tranh luận bánh trái.

Khi anh quay lại bàn ăn, trên tay anh có một bức điện tín.

“Các bằng hữu ơi, chúng ta sẽ tới New York.”

MẮC KỆT

MONTREAL, THÁNG TÁM 1902

Sau khi ảo thuật gia cúi chào và biến mất trước những cặp mắt ngỡ ngàng của khán giả, họ vỗ tay tán thưởng không gian trống rỗng. Họ đứng dậy khỏi ghế ngồi và một vài người bàn luận với bạn bè mình, trầm trồ về thủ thuật này, thủ thuật kia trong lúc đổ dồn ra cánh cửa đã xuất hiện trở lại phía bên hông căn lều kẻ sọc.

Một người đàn ông, ngồi ở vòng ghế trong, vẫn ngồi yên trên ghế khi mọi người rời đi. Đôi mắt anh ta, gần như bị che khuất trong bóng hắt xuống của vành mũ quả dưa trên đầu, chăm chăm vào không gian trung tâm vòng tròn nơi ảo thuật gia mới khoảnh khắc trước còn chiếm lĩnh.

Phần còn lại của khán giả rời đi. Người đàn ông đó vẫn ngồi.

Vài phút sau, cánh cửa mờ dần vào vách lều, một lần nữa trở nên vô hình.

Ánh nhìn của người đàn ông không hề động đậy. Anh ta cũng không liếc nhìn cánh cửa đã biến mất.

Một lát sau, Celia ngồi ở chiếc ghế phía bên kia vòng tròn, cô hăng còn bận bộ đồ như lúc biểu diễn, chiếc váy dài màu đen có lớp ren trắng trang nhã phủ bên ngoài.

“Anh lúc nào cũng ngồi ở phía sau,” cô lên tiếng.

“Anh muốn có tầm nhìn tốt hơn mà,” Marco đáp.

“Anh đến chỉ mất công thôi.”

“Anh phải đi nghỉ.”

Celia nhìn xuống tay mình.

“Em đã không hi vọng là anh đến tận đây phải không?” Marco hỏi.

“Phải.”

“Thật khó có thể trốn tránh khi em di chuyển với cả một rạp xiếc, em biết rồi đấy.”

“Em không trốn tránh mà,” Celia nói.

“Có đấy,” Marco vạch lại. “Anh đã cố nói chuyện với em ở đám tang Herr Thiessen, nhưng em đã bỏ đi trước khi anh tìm thấy được em, và rồi em đem cả rạp xiếc băng qua đại dương. Em đang lảng tránh anh.”

“Cũng không phải hoàn toàn là cố ý,” Celia giải thích. “Em cần chút thời gian suy nghĩ. Cảm ơn anh vì Hồ Nước Mắt,” cô nói thêm.

“Anh đã muốn em có một nơi khiến em cảm thấy đủ an toàn để khóc nếu như anh không thể ở bên em.”

Cô nhắm mắt không đáp.

“Em đã lấy cuốn sách của anh đấy,” lát sau Marco nói.

“Em xin lỗi,” cô đáp.

“Miễn là nó ở chỗ nào đó an toàn, thì anh hay em giữ cũng chẳng sao. Nhưng lẽ ra em nên nói một tiếng. Lẽ ra em nên nói lời tạm biệt.”

Celia gật đầu. “Em biết,” cô đáp.

Chẳng ai trong hai người nói gì hồi lâu.

“Em đang cố làm cho rạp xiếc độc lập hơn,” Celia cất lời. “Để giải thoát nó khỏi trận đấu, khỏi chúng ta. Khỏi em. Em cần học về hệ thống của anh để giúp nó hoạt động đúng cách. Em không thể để một nơi quá ư quan trọng với biết bao con người biến mất. Một nơi là kỳ quan, là chốn thanh bình và là sự bí ẩn, tất cả những điều mà họ chẳng thể có ở một nơi nào khác. Nếu anh có một nơi như thế, liệu anh có không muốn giữ lại không?”

“Anh có một nơi như thế mỗi khi ở bên em,” Marco đáp. “Hãy để anh giúp em.”

“Em không cần anh giúp đâu.”

“Em không thể làm việc này một mình được.”

“Em có Ethan Barris và Lainie Burgess,” Celia nói. “Họ đã đồng ý tiếp quản việc quản lý vận hành cơ bản. Chỉ cần dạy dỗ thêm chút nữa, Poppet và Widget sẽ có thể xử lý những khía cạnh điều khiển khác mà Ethan và Lainie không thể quản lý được. Em... em không cần anh thật.”

Cô không thể nhìn vào mắt anh.

“Em không tin anh,” anh thốt lên.

“Isobel đã tin anh,” Celia nói, nhìn xuống đất. “Cả Chandresh nữa. Làm sao em có thể tin rằng anh thành thật với em mà không phải với bọn họ, trong khi em mới chính là kẻ anh có đủ lý do để lừa dối?”

“Anh chưa một lần nói với Isobel rằng anh yêu cô ấy,” Marco nói. “Khi đó anh còn trẻ và cô đơn đến tuyệt vọng, lẽ ra anh không nên để cô ấy nghĩ rằng anh cảm thấy nhiều hơn những gì anh thể hiện, nhưng những gì anh cảm nhận về cô ấy chẳng là gì so với những gì anh cảm nhận về em. Đây không phải là tiểu xảo để lừa gạt em; em nghĩ rằng anh tàn nhẫn đến mức đó sao?”

Celia đứng lên khỏi ghế.

“Tạm biệt, ông Alisdair,” cô nói.

“Celia, đợi đã,” Marco nói, anh đã đứng lên nhưng không tiến lại gần cô. “Em đang làm tan nát trái tim anh. Đã có lần em nói với anh rằng anh khiến em nhớ tới bố em. Rằng em không bao giờ muốn chịu đựng những gì ông đã làm với mẹ em, nhưng giờ thì em đang làm chính xác những điều như thế với anh. Em luôn rời bỏ anh. Em bỏ mặc anh mòn mỏi đợi chờ em hết lần này tới lần khác trong khi anh sẵn lòng hi sinh bất kể thứ gì để em ở lại, và việc này đang giết chết anh.”

“Nó phải giết một trong hai chúng ta,” Celia khẽ nói.

“Sao cơ?” Marco bật thốt.

“Kẻ sống sót là người chiến thắng,” cô đáp. “Người chiến thắng sẽ sống, kẻ thua cuộc sẽ chết. Trận đấu sẽ kết thúc như vậy.”

“Việc này...” Marco dừng lời, lắc đầu. “Đó không thể là mục đích của cuộc đấu này.”

“Là thế đấy,” Celia nói. “Đó là bài kiểm tra sức chịu đựng chứ không phải là kỹ năng. Em đang cố gắng giúp rạp xiếc trở nên độc lập được trước khi...”

Cô không tài nào thốt nên lời, cũng không tài nào nhìn anh.

“Em sẽ làm những gì mà cha em đã làm,” Marco chỉ ra. “Em sẽ tự nhắc mình ra khỏi ván cờ.”

“Cũng không hẳn,” cô nói. “Em nghĩ là em vốn vẫn giống con gái của mẹ hơn.”

“Không,” Marco nói. “Em không hề có ý đó.”

“Đó là cách duy nhất để chấm dứt trận đấu.”

“Thế thì chúng ta sẽ tiếp tục chơi.”

“Em không thể,” cô nói. “Em không thể tiếp tục thêm được nữa. Qua mỗi đêm nó lại càng khó khăn hơn. Và em... em phải để anh thắng.”

“Anh không muốn *thắng*,” Marco nói. “Anh muốn *em*. Thực đấy, Celia, em không hiểu điều đó ư?”

Celia không nói gì nhưng nước mắt bắt đầu lăn dài trên má. Cô không lau những giọt lệ ấy đi.

“Sao em lại có thể nghĩ rằng anh không yêu em cơ chứ?” Marco nói. “Celia, em là tất cả với anh. Anh không biết kẻ nào đang cố gắng thuyết phục em nghĩ khác, nhưng xin em, em phải tin anh.”

Cô chỉ ngược nhìn anh với đôi mắt đăm lẹ, lần đầu tiên cô giữ ánh nhìn của anh thật lâu.

“Đây là lúc anh nhận ra mình đã yêu em,” anh nói.

Họ đứng ở hai phía đối diện trong một căn phòng tròn nhỏ sơn màu xanh lam mênh mang có điểm xuyết những ngôi sao, trên vách bao quanh một biển gổi đệm có màu ngọc. Phía trên họ, chùm đèn tỏa ánh sáng mờ ảo run rẩy.

“Anh đã bị mê hoặc ngay từ khoảnh khắc đầu tiên nhìn thấy em,” Marco nói, “nhưng đây là lúc anh nhận ra.”

Căn phòng quanh họ lại biến đổi, mở rộng ra thành một phòng vũ hội. Ánh trăng xuyên qua những ô cửa sổ. “Đây là lúc em nhận ra,” Celia đáp lại, giọng cô như lời thì thầm vang vọng nhẹ khắp căn phòng.

Marco tiến tới thu lại khoảng cách giữa hai người, hôn lên những giọt nước mắt của cô trước khi dùng môi mình đón lấy cánh môi cô.

Khi anh hôn cô, vạc lửa cháy rực rỡ hơn. Những nghệ sĩ nhào lộn đón lấy ánh sáng một cách hoàn hảo khi họ xoay tít. Toàn bộ rạp xiếc lấp lánh, làm say lòng mỗi khán giả.

Và rồi tổng thể hoàn hảo không khiếm khuyết ấy kết thúc khi Celia miễn cưỡng tách ra.

“Em xin lỗi,” cô nói.

“Xin em,” Marco nói, không chịu để cô đi, những ngón tay anh nắm thật chặt lớp ren trên váy cô. “Xin em đừng rời bỏ anh.”

“Đã quá muộn rồi,” cô nói. “Đã quá muộn từ khi em tới London biến cuốn sổ tay của anh thành bồ câu; đã có quá nhiều người liên quan. Bất kể điều gì một trong hai chúng ta làm đều có ảnh hưởng tới mọi người ở đây, tới mỗi vị khách bước qua những cánh cổng kia. Hàng trăm, hoặc cũng có thể là hàng ngàn người. Tất cả đều bị mắc vào tấm mạng nhện đã được giăng ra từ khi em lên sáu và giờ em không thể động đậy vì sợ rằng sẽ mất thêm ai đó.”

Cô ngược nhìn anh, đưa tay lên vuốt má anh. “Anh sẽ làm một việc vì em chứ?” cô hỏi.

“Bất cứ việc gì,” Marco đáp.

“Đừng quay trở lại,” cô nói, từng lời rạn vỡ.

Celia biến mất trước khi Marco kịp phản đối, cứ giản đơn và duyên dáng như cuối mỗi màn trình diễn của mình, chiếc váy của cô nhạt nhòa dần dưới bàn tay anh. Chỉ còn mùi hương phảng phất nơi cô đứng trước đó.

Marco đứng một mình trong căn lều trống trải chẳng có gì ngoài hai vòng ghế và một cánh cửa mở, chờ anh rời đi.

Trước khi cất bước, anh rút từ trong túi ra một quân bài và đặt nó lên ghế của cô.

NHỮNG CHUYẾN VIẾNG THĂM

THÁNG CHÍN, 1902

Celia Bowen ngồi bên bàn, từng chồng từng chồng sách bao quanh. Đã có lúc cô không còn chỗ trong thư viện, nhưng thay vì nói rộng phòng ra, cô đã biến chính những cuốn sách thành căn phòng. Hàng chồng sách được dùng làm bàn, số khác lơ lửng trên trần, cùng những gian lồng vàng cỡ lớn bên trong có vài chú bồ câu trắng.

Một cái lồng tròn khác, đặt trên bàn chứ không treo lên, để một chiếc đồng hồ tuyệt đẹp. Nó chỉ cả thời gian và chuyển động thiên văn theo mỗi tiếng tích tắc đều đặn trong buổi chiều.

Một con quạ đen to tướng không bị nhốt lồng, gà gât bên những tác phẩm của Shakespeare.

Những cây nến cọc cạch trong các giá nến bằng bạc, cháy sáng theo từng bộ ba, vây quanh chiếc bàn ở giữa phòng. Trên bàn có một tách trà đang dần nguội, chiếc khăn đã bị tháo len một phần thành cuộn len đỏ thẫm, khung ảnh người làm đồng hồ đã khuất, một lá bài cô độc đã bị tách khỏi bộ bài từ rất lâu, và một cuốn sách đang mở, chi chít những kí hiệu và biểu tượng cùng những chữ kí gom lại từ các mẫu giấy khác.

Celia ngồi với sổ và bút, nỗ lực giải mã hệ thống dùng để viết cuốn sách này.

Cô cố gắng suy nghĩ theo cách mà cô hình dung rằng Marco có thể đã tư duy khi anh viết, hình dung anh đang viết lên từng trang giấy, tạo ra những nhánh cây bằng mực mềm mại lan cành khắp cuốn sách.

Cô đọc đi đọc lại từng dấu hiệu, kiểm tra xem từng lọn tóc được đính vào chắc chắn đến cỡ nào, trấn trở từng biểu tượng.

Celia đã dành biết bao thời gian lặp đi lặp quá trình này đến mức cô có thể viết lại cuốn sách này từ trí nhớ, nhưng cô vẫn chưa hoàn toàn hiểu hệ thống này hoạt động như thế nào.

Con quạ xua xua cánh và “quạ quạ” với thứ gì đó trong bóng tối.

“Bố đang quấy rầy Huginn đấy,” Celia cất tiếng, không buồn ngẩng đầu lên.

Ánh nến chỉ bắt được viền ngoài dáng hình bố cô khi ông bước tới. Soi rọi những nếp nhăn trên áo khoác và cổ áo sơ-mi. Phản chiếu đôi mắt tối màu trũng sâu của ông.

“Con thực sự nên nuôi một con khác,” ông bảo, nhìn sẫm soi con quạ bị chọc giận. “Một con Muninn sẽ hoàn hảo đấy.”

“Con thích suy nghĩ hơn hồi ức^[33], bố à,” Celia nói.

“Hừm” là lời đáp lại duy nhất.

Celia phớt lờ khi ông nhào người qua vai cô, nhìn cô lật giở các trang chữ.

“Đúng là một mớ hỗn độn kinh khủng đáng tởm,” ông thốt lên.

“Thứ ngôn ngữ bố không thể nói được không nhất thiết phải là một mớ hỗn độn kinh khủng đáng tởm,” Celia đáp lời, chép lại một dòng các kí hiệu vào sổ tay.

“Một công trình lộn xộn, rất những chấp vá và bùa chú,” Hector nói, lướt qua phía bên kia bàn để nhìn rõ hơn. “Đúng là phong cách Alexander, rắc rối và quanh co quá thể.”

“Nhưng nếu nghiên cứu đủ sâu thì ai cũng có thể làm theo được. Khác hẳn với tất cả những bài thuyết giáo của bố về chuyện con đặc biệt đến nhường nào.”

“Con đặc biệt. Con trên tầm cái thứ này” - ông vẫy vẫy bàn tay trong suốt của mình qua chồng sách - “cái thứ chỉ biết sử dụng công cụ và bày đặt vẽ vời. Thứ mà con có thể hoàn thành bằng tài năng của mình lớn lao hơn nhiều. Có rất nhiều thứ để khám phá.”

“Còn biết bao điều trong trời đất, Horatio, mà triết học của chàng không thể với tới^[34],” Celia châm biếm trích dẫn.

“Thôi đi, đừng có lôi Shakepeare ra.”

“Bóng ma của bố ám ảnh con, con nghĩ như thế đủ để con được trích dẫn *Hamlet* bao nhiêu tùy thích chứ. Chính bố cũng từng rất thích Shakespeare mà, Prospero.”

“Con thông minh như vậy mà lại cư xử cái lối này.

Thế mà ta lại kì vọng nhiều hơn ở con kia đấy.”

“Con xin lỗi vì đã không thể sống theo những kì vọng quái đản của bố. Chẳng lẽ bố không còn biết gây phiền phức cho ai khác sao?”

“Trong tình trạng này thì ta còn có thể đối thoại được với ai nữa đây. Alexander lúc nào cũng chán bỏ xừ. Chandresh thì thú vị đấy nhưng thằng nhãi ấy đã thay đổi kí ức của hắn nhiều lần đến độ giờ ta thà tự mình độc thoại còn hơn. Mà biết đâu đối cảnh thì hay ấy nhỉ.”

“Bố nói chuyện với Chandresh sao?” Celia hỏi.

“Thì thoải mái,” Hector đáp, ngắm nghía cái đồng hồ khi nó chạy trong lồng.

“Bố đã nói với Chandresh rằng Alexander sẽ đến rạp xiếc đêm hôm đó. Bố đã cử ông ta tới đó.”

“Ta đã đưa ra đề nghị với một thằng say. Những thằng say rất dễ chấp nhận đề nghị. Và vui vẻ chấp nhận đối thoại với những người chết.”

“Chắc chắn bố phải biết là ông ấy không thể làm gì Alexander,” Celia nói. Lý do đó chẳng hề hợp lý, không hề giống cách giải thích của bố cô.

“Ta đã nghĩ là lão già chơi võ này để chuyển cảnh. Tên học trò của lão rõ ràng to mồm đòi tự làm, nhiều đến độ ý tưởng về chuyện đó đã ghim vào đầu Chandresh, tất cả cơn tức giận ấy đã lên vào tiềm thức của ông ta. Tất cả những gì ta phải làm là cho ông ta một cú hích đúng hướng.”

“Bố đã nói là có qui tắc về sự can thiệp kia mà,” Celia thốt lên, đặt bút xuống.

“Ấy là can thiệp với con hoặc đối thủ của con,” bố cô giải thích. “Ta có thể can thiệp với bất cứ ai khác theo ý muốn của ta.”

“Vì bố *can thiệp* mà Friedrich bị chết!”

“Thế gian còn có những thợ làm đồng hồ khác,” Hector vặc lại. “Con có thể tìm một người khác nếu cần thêm những mẫu thời gian.”

Bàn tay Celia run lên khi cô vớ lấy một cuốn sách trong chồng Shakespeare và ném thẳng về phía ông. Cuốn *Xin tùy ý thích*^[35] xuyên qua lồng ngực Hector không hề dừng lại, va vào vách lều phía trên và rơi xuống đất. Con quạ rít lên, xù lông dựng đứng.

Mấy cái lồng quanh lũ bồ câu và chiếc đồng hồ bắt đầu rung lên. Tấm kính trên khung ảnh nứt ra.

“Bố đi đi,” Celia rít qua hàm răng cắn chặt, cố gắng ghìm nén bản thân.

“Con không thể cứ xua đuổi ta mãi được,” ông nói.

Celia chuyển sự chú ý của mình sang mấy ngọn nến trên bàn, tập trung vào duy nhất một ngọn lửa đang nháy múa.

“Con nghĩ mình đang tạo ra những mối liên hệ cá nhân với những người này ư?” Hector tiếp tục. “Con nghĩ mình có ý nghĩa gì đó với bọn họ sao? Thực ra rồi tất cả bọn họ cũng sẽ chết thôi. Con đang để cho cảm xúc phủ khuất quyền năng của mình.”

“Bố là đồ hèn,” Celia thốt lên. “Cả hai người đều là đồ hèn. Các người đánh nhau bằng người đại diện bởi cả hai quá ư là hèn, không dám đấu với

nhau trực diện. Sợ rằng mình sẽ thất bại và chẳng có ai để đổ lỗi ngoài chính bản thân mình.”

“Không đúng,” Hector phản đối.

“Con hận bố,” Celia nói, vẫn trừng trừng nhìn ngọn nến. Bóng cha cô run rẩy và biến mất.

• • •

Không có sương đọng trên các ô cửa sổ căn hộ của Marco, nên anh viết các chuỗi biểu tượng thành hình một chữ A bằng mực, ấn những ngón tay bị lem lên các ô cửa. Mực chảy trên thủy tinh như mưa.

Anh ngồi nhìn về phía cửa ra vào, xoay chiếc nhẫn bạc quanh ngón tay trong nỗi lo lắng cho đến khi tiếng gõ cửa vang lên vào sớm ngày hôm sau.

Người đàn ông mặc đồ xám không hề khiển trách anh vì đã gọi. Ông đứng ở sảnh phía ngoài cửa ra vào, tay đặt trên ba-toong và đợi Marco lên tiếng.

“Cô ấy nghĩ là một trong hai bọn con sẽ phải chết để kết thúc trận đấu,” Marco nói.

“Cô ấy nghĩ đúng đấy.”

Có được lời xác nhận còn tồi tệ hơn những gì Marco đã hi vọng. Chút hi vọng mong manh anh đã giữ rằng có thể Celia đã nhầm lẫn giờ bị nghiền nát bởi năm từ đơn giản ấy.

“Thằng cuộc còn thảm hơn cả bại trận,” anh nói. “Ta đã cảnh báo cậu rằng tình cảm cậu dành cho cô Bowen sẽ khiến trận đấu này khó khăn hơn với cậu rồi mà,” thầy anh đáp lại.

“Tại sao thầy lại làm thế với con?” Marco hỏi. “Tại sao thầy lại tốn từng ấy thời gian dạy dỗ con chỉ vì điều này?”

Khoảng lặng trước lời hồi đáp thật nặng nề.

“Ta đã nghĩ như thế vẫn còn hơn cuộc sống mà có thể cậu sẽ trải qua, bất kể hậu quả có như thế nào.”

Marco đóng cửa và khóa lại.

Người đàn ông mặc đồ xám nhắc tay lên định gõ cửa, nhưng rồi lại hạ tay xuống và bỏ đi.

DUYÊN DÁNG NHƯNG CHẾT NGƯỜI

Bạn đi theo tiếng sáo tới một góc khuất, một giai điệu mê hoặc vẫy gọi bạn tới gần hơn.

Ngồi trên nền đất, trong một hốc nhỏ trên hai chiếc gối lụa kẻ sọc là hai người phụ nữ. Một người đang chơi ống sáo mà bạn nghe thấy. Một vòng hương đang cháy đặt ở giữa hai người, cùng với cái giỏ lớn đầy nắp màu đen.

Một nhóm nhỏ khán giả đang tụ lại. Người phụ nữ còn lại cẩn thận nhắc nắp giỏ lên trước khi rút ra cây sáo của mình và hòa một giai điệu đối lập với giai điệu đầu tiên.

Hai con rắn hổ mang uốn éo quanh nhau khi chúng nhô lên từ cái giỏ bên, khớp hoàn hảo với tiếng nhạc. Trong khoảnh khắc dường như chúng chỉ là một chứ không phải hai con rắn, và rồi chúng lại tách ra, trườn xuống theo cạnh giỏ, lướt trên mặt đất khá gần với bàn chân bạn.

Hai con rắn di chuyển trước sau cùng nhau theo những động tác tựa như một điệu nhảy vô cùng sang trọng. Trang nhã và duyên dáng.

Tiếng nhạc tăng dần nhịp độ, và giờ thì cách hai con rắn chuyển động như có phần dữ dội hơn. Điệu van-xơ lột xác thành cuộc tỉ thí. Chúng vòng quanh nhau, và bạn quan sát con này hoặc con kia tấn công.

Một trong hai con rít lên, khẽ khàng, và con kia cũng đáp lại giống như thế. Chúng tiếp tục vòng quanh khi tiếng nhạc và vòng hương cuộn lên bầu trời đầy sao phía trên.

Bạn không tài nào nhìn ra con rắn nào tấn công trước. Dù gì thì chúng cũng giống nhau y hệt. Khi chúng chồm lên, rít và nhảy vào nhau, bạn bị phân tán bởi cả hai không còn trắng toát nữa mà đã chuyển thành màu đen như gỗ mun.

TIÊN TRI

HÀNH TRÌNH TỪ BOSTON TỚI NEW YORK, 31 THÁNG MƯỜI, 1902

Hầu hết hành khách trên tàu đều đã ổn định trong các toa và buồng của mình để đọc hoặc ngủ hoặc làm gì đó cho hết thời gian của hành trình. Những hành lang đông nghẹt trước phút khởi hành giờ gần như không một bóng người, khi Poppet và Widget băng từ toa này sang toa khác, lặng lẽ như những chú mèo.

Trên mỗi cánh cửa buồng có treo một tấm bảng nhỏ với những con chữ viết tay ghi tên người. Hai anh em dừng lại trước buồng ghi “C. Bowen”, Widget nhắc tay gõ nhẹ lên tấm kính mờ sương.

“Mời vào,” một giọng nói từ trong vọng ra, Poppet trượt cửa mở.

“Bọn em có làm gián đoạn chuyện gì không ạ?” Poppet hỏi.

“Không,” Celia đáp. “Em vào đi.” Cô gập cuốn sách đầy những kí hiệu đang đọc lại và đặt nó lên bàn. Toàn bộ căn buồng trông nhang nhác khung cảnh vừa có một vụ nổ xảy ra trong thư viện, chông chông đống đống sách và giấy ngập lên giữa những băng ghế bọc nhung và bàn gỗ được đánh bóng. Ánh sáng từ chùm đèn pha lê nhảy nhót tỏa ra khắp phòng, lung linh theo chuyển động của đoàn tàu.

Widget kéo tấm cửa phía sau lưng và chốt lại. “Hai đứa uống trà nhé?” Celia hỏi.

“Thôi ạ, cảm ơn chị,” Poppet nói. Cô bồn chồn nhìn Widget, cậu chỉ gật đầu.

Celia nhìn cả hai, Poppet cắn cắn môi và tránh ánh mắt Celia trong khi Widget dựa người lên cánh cửa.

“Có gì thì cứ nói đi,” Celia gợi chuyện.

“Bọn em...” Poppet mở lời. “Có chút rắc rối ạ.”

“Rắc rối gì?” Celia hỏi, dịch chuyển vài chồng sách để có chỗ ngồi trên mấy băng ghế tím, nhưng cặp song sinh vẫn đứng nguyên một chỗ.

“Em nghĩ một việc đáng lẽ phải xảy ra nhưng đã không xảy ra,” Poppet nói.

“Có thể là việc gì vậy?” Celia hỏi.

“Bạn của bọn em, Bailey, lẽ ra đã đi cùng chúng ta.”

“À, phải rồi, Widget từng nhắc đến chuyện đó,” Celia nói. “Vậy là cậu Bailey ấy không đi phải không?”

“Vâng ạ,” Poppet nói. “Bọn em đã đợi nhưng cậu ấy không tới, nhưng em không chắc vì cậu ấy không muốn đến hay vì chúng ta đã rời đi sớm.”

“Chị hiểu,” Celia nói. “Nếu phải lựa chọn có nên bỏ nhà theo đoàn xiếc hay không, đối với chị đó sẽ là một quyết định trọng đại. Có lẽ cậu ấy đã không có đủ thời gian cân nhắc thấu đáo.”

“Nhưng lý ra cậu ấy sẽ đến,” Poppet nói. “Em biết là cậu ấy sẽ đến.”

“Em đã nhìn thấy điều gì ư?” Celia hỏi.

“Đại loại vậy ạ.”

“Sao có thể chỉ là đại loại thấy thôi?”

“Vì thực ra không rõ ràng như trước,” Poppet nói. “Em không thể nhìn bất cứ điều gì rõ ràng như trước. Chỉ toàn những vụn vặt vô nghĩa. Tới cả năm nay rồi, em chỉ thấy những hình ảnh rời rạc, chẳng nói lên được gì, chị cũng biết rồi mà.”

“Có lẽ em căng thẳng hơi quá, nhưng chị hiểu được vì sao tình cảnh lại như vậy,” Celia nói.

“Em không hề phóng đại đâu,” Poppet nói, sắc giọng chột cao lên.

Chùm đèn bắt đầu run rẩy và Celia nhắm nghiền mắt, hít thật sâu, đợi chúng đung đưa nhẹ nhàng trở lại trước khi cất lời.

“Poppet, không một ai ở đây buồn về những gì đã xảy ra trong năm qua bằng chị. Và chị đã nói với em rồi, đây không phải là lỗi của em, và ta chẳng thể làm được gì để ngăn chặn sự việc. Em không thể, chị không thể, chẳng ai có thể cả. Em có hiểu không?”

“Vâng,” Poppet đáp. “Nhưng thấy tương lai để làm gì nếu em chỉ có thể khoanh tay đứng nhìn?”

“Em không thể ngăn cản sự việc,” Celia nói. “Em chỉ có thể sẵn sàng chờ chúng xảy ra.”

“Chị có thể ngăn được mà,” Poppet lăm bắm, đưa mắt nhìn quanh vô số các cuốn sách. Celia nâng cằm Poppet lên và quay đầu cô lại để hai người nhìn vào mắt nhau.

“Chỉ một số ít người trên con tàu này hình dung được chị bị ràng buộc mật thiết đến mức nào với những hoạt động và thay đổi của đoàn xiếc,” Celia nói. “Dù hai đứa nằm trong số ít đó, và cả hai cực kì thông minh, nhưng hai đứa không hiểu được phạm vi những gì đang diễn ra ở đây; mà nếu hiểu được, ắt hai đứa cũng sẽ không lấy gì làm thích thú đâu. Nào, hãy nói cho chị biết em đã *đại loại* nhìn thấy gì đi.”

Poppet nhắm mắt, cố gắng tập trung. “Em không biết nữa,” cô nói. “Chỉ thấy sáng bừng, mọi thứ chìm trong lửa, và Bailey ở đó.”

“Em sẽ phải làm được tốt hơn thế nữa,” Celia nói.

“Em không thể,” Poppet nói. “Em chẳng thấy được điều gì rõ ràng kể từ khi...”

“Có thể vì từ khi đó, em cũng không muốn thấy được điều gì rõ ràng nữa, chị không vì thế mà trách em đâu. Nhưng nếu em muốn chị làm gì đó để ngăn cản bất kể chuyện quái gì đang diễn ra, thì chị cần được biết nhiều hơn.”

Celia tháo sợi dây chuyền bạc quanh cổ, kiểm tra thời gian ở mặt đồng hồ nhỏ lồng vào sợi dây, rồi giơ lên trước mặt Poppet.

“Cố lên nào, Poppet,” Celia nói. “Em không cần phải nhìn lên sao trời. Chỉ thật tập trung. Kể cả dù em không muốn.”

Poppet nhíu mày, rồi chú mục vào chiếc đồng hồ bạc đang đung đưa trong ánh sáng ấm áp.

Đôi mắt cô nheo lại, tập trung vào phản chiếu trên đường cong của chiếc đồng hồ, và rồi tất cả nhòe đi, cô nhìn vào thứ gì đó ngoài chiếc đồng hồ, ngoài con tàu. Poppet bắt đầu lắc lư khi đôi mắt run rẩy nhắm lại, và rồi cô ngã người về phía sau. Widget nhào ra đỡ cho em gái khỏi ngã xuống sàn.

Celia giúp cậu đưa Poppet tới một trong những băng ghế tím cạnh bàn, trong khi trên giá gần đó một chén trà đang tự rót, bốc hơi và tỏa hương ngay tắp lự trong tách sứ hoa.

Poppet chớp mắt, ngược lên chùm đèn như thể mới thấy lần đầu, rồi quay lại phía Celia đón tách trà.

“Em thấy đau lắm,” Poppet nói.

“Em gái ơi, chị xin lỗi nhé,” Celia nói. “Có lẽ nhãn lực của em đang mạnh dần lên, cho nên nếu cứ kìm giữ nó thì em sẽ thấy rất khó chịu.”

Poppet gật đầu, day day thái dương.

“Kể cho chị nghe tất cả những gì em đã thấy đi,” Celia nói. “Tất cả. Chị không quan tâm liệu chúng có nghĩa gì không. Em cứ cố gắng miêu tả nhé.”

Poppet cúi nhìn tách trà rồi cất tiếng.

“Có một đám cháy,” cô nói. “Bắt đầu từ vạc lửa nhưng... lớn hơn và lưỡi lửa liếm khắp nơi. Như thể toàn bộ khuôn viên bốc cháy, một tiếng động lớn rền vang, cái nóng phình lên và...” Poppet ngừng lại, nhắm mắt như đang cố gắng tập trung vào hình ảnh trong đầu. Cô mở mắt rồi quay lại nhìn Celia. “Chị ở đó. Chị cùng một người nữa và em nghĩ trời đang mưa, rồi chị lại không ở đó nữa nhưng lại vẫn ở đó, em không thể giải thích được. Và Bailey ở đó, không phải trong trận cháy mà sau đó, em nghĩ thế.”

“Người kia trông như thế nào?” Celia hỏi.

“Một người đàn ông. Cao, mặc vét và đội mũ quả dưa, em nghĩ thế. Cũng khó để nói cho chắc chắn.”

Celia úp mặt vào hai bàn tay một lát rồi nói:

“Nếu đúng là người mà chị nghĩ thì chắc chắn lúc này anh ấy đang ở London, cho nên chuyện này có lẽ chưa thể xảy ra ngay như em nghĩ đâu.”

“Nhưng đúng là thế mà, em chắc chắn,” Poppet bác lại. “Xác định thời điểm chưa bao giờ là sở trường của em. Chính em đã nói rằng cậu bạn em cũng xuất hiện trong cơ sự này, và lời phàn nàn đầu tiên của em là hiện giờ cậu ấy không ở đây. Biến cố có thể sẽ không xảy ra trong hàng tuần, hàng tháng hoặc hàng năm nữa, Poppet à.”

“Nhưng chúng ta phải *làm* gì đó,” Poppet cương quyết, dẫn tách trà xuống mặt bàn. Trà ngừng lại trước khi bị bắn lên một cuốn sách đang mở, như thể một bức tường vô hình đã bao lấy nó. “Để chuẩn bị sẵn sàng, như chị đã nói đấy.”

“Chị sẽ làm những gì có thể để ngăn rạp xiếc bị thiêu cháy. Chị sẽ chặn lửa cho nó hết mức có thể. Lúc này như thế đã đủ chưa?”

Sau một lát, Poppet gật đầu.

“Tốt rồi,” Celia nói. “Còn vài tiếng nữa tàu sẽ dừng, khi ấy chúng ta có thể thảo luận chuyện này kĩ hơn nhé.”

“Khoan đã,” Widget nói. Cậu đã ngồi ở phía sau một trong mấy băng ghế tím, tách khỏi cuộc đối thoại. Bây giờ cậu quay sang Celia. “Tôi muốn hỏi một câu trước khi chị xua bọn tôi đi.”

“Gì vậy?” cô hỏi.

“Chị đã nói rằng chúng tôi không hiểu được phạm vi những gì đang xảy ra ở đây,” cậu nói.

“Thực ra nói như vậy cũng không hoàn toàn chính xác.”

“Đây là một trận đấu, đúng không?” Widget hỏi.

Celia nhìn cậu, môi chậm rãi buông nụ cười buồn bã. “Mất mười sáu năm cậu mới phát hiện ra điều này,” cô nói. “Tôi đã kỳ vọng nhiều hơn ở cậu đấy, Widget ạ.”

“Tôi đã đoán già đoán non từ lâu rồi,” cậu nói. “Cũng chẳng dễ gì để nhìn thấy những thứ chị không muốn cho tôi biết, nhưng gần đây tôi đã nhận hạnh các chi tiết. Chị đã không cảnh giác như mọi khi.”

“Một trận đấu sao?” Poppet hỏi, cứ nhìn qua nhìn lại giữa anh trai và Celia.

“Giống như một ván cờ ấy,” Widget nói. “Rạp xiếc là bàn cờ.”

“Không hẳn,” Celia nói. “Thực ra không được thẳng thắn như đánh cờ.”

“Tất cả chúng ta đang tham gia trận đấu này ư?” Poppet hỏi.

“Không phải chúng ta,” Widget nói. “Là trận đấu của chị ấy và một người khác. Tất cả chúng tôi chỉ là, gì nhỉ, những quân dư thừa phải không?”

“Không đâu,” Celia nói.

“Thế thì là gì?” Widget hỏi.

Để đáp lại, Celia chỉ nhìn cậu, chăm chú trực diện nhìn vào mắt cậu mà không hề xao động.

Trong khoảnh khắc Widget cũng lặng lẽ đáp trả lại ánh nhìn ấy, còn Poppet tò mò nhìn bọn họ. Rút cục Widget chớp mắt, nét mặt không che giấu cơn sửng sốt sửng sờ. Rồi ánh mắt cậu hạ xuống nhìn đôi giày của mình.

Celia thở dài, và khi lên tiếng cô nói với cả cặp song sinh. “Nếu tôi không hoàn toàn thành thực với hai em thì cũng chỉ vì tôi biết rất nhiều điều mà hai em không muốn biết. Tôi mong hai em tin tưởng tôi khi tôi nói rằng tôi đang cố gắng cải thiện tình hình. Đó là một thế cân bằng rất đổi mong manh và có vô vàn yếu tố chi phối. Hiện giờ khả dĩ nhất là đón nhận bất cứ điều gì khi nó xảy ra, và đừng tự dẫn vật về những điều đã qua hoặc chưa đến. Đồng ý không nào?”

Widget gật đầu và Poppy miễn cưỡng làm theo.

“Cảm ơn em,” Celia nói. “Giờ hai đứa về phòng cố nghỉ một lát đi.”

Poppet ôm Celia trước khi đẩy cửa bước ra ngoài hành lang.

Widget chần chừ thêm một chút. “Xin lỗi chị,” cậu nói.

“Cậu có gì phải xin lỗi đâu,” Celia nói với cậu.

“Dù sao thì tôi vẫn xin lỗi.”

Cậu hôn lên má cô trước khi rời đi, không đợi cô đáp lại.

“Chuyện lúc nãy là sao anh?” Poppet hỏi khi Widget bắt kịp cô ở lối đi.

“Celia để cho anh đọc chị ấy,” Widget đáp. “Tất cả về chị ấy, không hề che giấu điều gì. Celia chưa từng làm thế bao giờ.” Cậu không nói gì thêm khi hai người lặng lẽ bước về cuối con tàu.

“Theo anh tội mình nên làm gì bây giờ?” Poppet hỏi khi hai anh em vào khoang của mình, một con mèo sọc cam leo vào lòng cô.

“Anh cho là chúng ta nên đợi,” Widget nói. “Có lẽ đó là tất cả những gì chúng ta có thể làm lúc này.”

• • •

Một mình trong căn phòng đầy ngút sách, Celia bắt đầu xé chiếc khăn tay của mình thành từng dải nhỏ. Cô thả từng dải lụa và ren vào tách trà trống trơn, và mỗi lần như vậy lửa lại bùng lên thiêu rụi. Cô lặp đi lặp lại nghi thức đó, miệt mài cho đến khi miếng vải cháy tan không để lại chút tro tàn, chỉ còn ánh sáng và sắc trắng trong ngọn lửa.

THEO ĐUỔI

HÀNH TRÌNH TỪ BOSTON TỚI NEW YORK, 1 THÁNG MƯỜI MỘT, 1902

Một buổi sáng lạnh giá, nếp áo khoác xám đã cũ của Bailey trông không thực sự lịch lãm khi phủ lên bộ vét mới màu đen ánh như than củi. Thực ra cậu không dám chắc hai gam màu ấy đi với nhau có vừa mắt hay không, nhưng phở xá và ga tàu quá nhộn nhịp, khiến cậu chẳng còn tâm trí nào mà lo lắng về ngoại hình của mình nữa.

Có những *kẻ mộng mơ* khác đổ tới New York, nhưng rút cục họ lại lấy vé lên chuyến tàu sau, vì thế có một màn bịn rịn chia tay và rối loạn phân loại hàng tá túi xách trước khi tàu rời ga.

Chuyến đi chậm rãi, Bailey ngồi chăm chăm nhìn ra cửa sổ, hướng về những cảnh sắc liên tục thay đổi. Cậu lơ đãng gặm móng tay.

Victor tới ngồi cạnh cậu, tay cầm một cuốn sách bìa da màu đỏ.

“Tôi chợt nghĩ biết đâu cậu thích đọc thứ gì đó cho khuây khỏa,” anh ta nói khi đưa Bailey cuốn sách.

Bailey mở trang bìa và lướt qua cuốn sách, cậu kinh ngạc nhận ra đây là một cuốn sổ cắt dán được sắp xếp hết sức tỉ mỉ. Hầu hết các trang giấy màu đen được phủ kín những bài viết cắt từ các trang báo, nhưng cũng có cả những lá thư viết tay, ngày tháng chạy từ vài năm tới hơn một thập kỉ trước.

“Không phải tất cả đều bằng tiếng Anh,” Victor giải thích, “nhưng kể ra cậu cũng có thể đọc được gần hết.”

“Cảm ơn anh,” Bailey nói.

Victor gật đầu và trở về chỗ ngồi ở phía kia toa tàu. Khi con tàu vẫn đều đều xình xịch, Bailey đã quên băng cảnh vật. Cậu đọc rồi đọc lại những con chữ của Herr Friedrich Thiessen, thấy chúng vừa thân quen vừa đầy mê hoặc.

“Chưa bao giờ thấy em đột nhiên hứng thú với một *kẻ mộng mơ* mới như thế,” Bailey nghe được Lorena nói chuyện với em trai. “Nhất là đến độ còn chia sẻ cả sách của mình.”

“Cậu ấy làm em nhớ tới Friedrich”, Victor chỉ duy nhất đáp vậy.

Gần đến New York, Elizabeth ngồi xuống chỗ trống trước mặt Bailey. Cậu đánh dấu phần mình đọc dở giữa chừng một bài báo so sánh tác động tương hỗ của ánh sáng và bóng tối trong một căn lều ở nhà hát múa rối Indonesia, rồi đặt cuốn sách xuống.

“Chúng tôi sống cuộc đời kì quặc, theo đuổi những giấc mơ của mình từ nơi này sang nơi khác,” Elizabeth khẽ nói, nhìn ra cửa sổ. “Tôi chưa bao giờ gặp *kẻ mộng mơ* nào trẻ trung như cậu, cậu rõ ràng có một tình cảm mãnh liệt với rạp xiếc như chúng tôi, những kẻ vốn đã theo đuổi nó hàng năm trời rồi. Tôi muốn cậu giữ cái này.”

Cô đưa cho cậu một chiếc khăn len màu đỏ, chính chiếc khăn thành thạo cô đã tranh thủ đan. Nó dài hơn Bailey hình dung khi nhìn cô đan, với hai đầu khăn là những nút len thắt lại đầy tinh tế.

“Tôi không dám nhận đâu,” cậu nói, một phần cảm thấy vinh hạnh sâu sắc nhưng phần khác thầm ước mọi người đừng tặng đồ cho mình nữa.

“Vớ vẩn nào,” Elizabeth nói. “Tôi đan suốt ấy mà, tôi thạo trò đan lát này lắm. Khi bắt tay đan chiếc khăn này, tôi không nhắm tặng nó cho một *kẻ mộng mơ* nào cụ thể cả, thế nên nó ắt là dành cho cậu.”

“Cảm ơn chị,” Bailey nói, quàng chiếc khăn quanh cổ dù trong tàu rất ấm áp.

“Không có gì mà,” Elizabeth đáp. “Chúng ta sẽ chóng đến nơi thôi, rồi chỉ việc đợi mặt trời lặn.”

Cô rời đi để cậu lại một mình ở ghế bên cửa sổ. Bailey nhìn bầu trời xám xịt, lòng hỗn độn những cảm giác thoải mái, phấn khích và lo lắng mà cậu không tài nào bắt chúng lắng xuống được.

Khi họ tới New York, Bailey ngay lập tức choáng ngợp trước những điều lạ lẫm. Dù nơi này không quá khác Boston, nhưng dù gì Boston cũng còn phảng phất chút thân quen. Giờ, không còn chặng nghỉ dễ chịu của đoàn tàu, Bailey sững sờ nhận ra mình đã ở rất xa quê nhà.

Victor và Lorena có vẻ bối rối không kém nhưng Elizabeth lại ở nơi quen thuộc. Cô dẫn cả nhóm qua các ngã rẽ và lừa họ lên ô tô cho tới khi Bailey bắt đầu cảm thấy bản thân giống một trong mấy con cừu của mình. Nhưng họ cũng không tốn nhiều thời gian để đến được nơi cần đến, một điểm ngoài thành phố nơi họ sẽ gặp một *kẻ mộng mơ* khác tên là August, chính là chủ nhân căn phòng Bailey đã được hưởng nhờ ở Boston. August hào phóng mời tất cả ở lại nhà mình cho đến khi nào họ tìm được phòng ở chỗ khác.

August hóa ra là một chiến hữu đậm người dễ chịu. Ấn tượng đầu tiên của Bailey về anh ta là chủ nào thì nhà nấy: một tòa nhà to bè với hàng hiên bao quanh mặt tiền, ấm cúng và hiếu khách. Anh ta nhắc bóng Elizabeth lên khỏi mặt đất khi chào hỏi và bắt tay nhiệt liệt khi được giới thiệu với Bailey, đến mức ngón tay Bailey phát đau trước sự nhiệt thành đó.

“Tôi có cả tin tốt và tin xấu,” August nói khi giúp họ mang túi xách vào hiên nhà. “Nên thông báo tin nào trước đây?”

“Tin tốt đi,” Elizabeth trả lời trước khi Bailey kịp cân nhắc xem cái nào thì hơn. “Chúng tôi đi một chuyến dài thế này không phải để chờ tin xấu giáng xuống đâu.”

“Tin tốt là,” August nói, “quả thực tôi đã dự đoán đúng vị trí và Le Cirque dựng rạp cách đây non một dặm. Đứng ở cuối hiên nhà, nếu chịu khó rướn

cao cao lên là thấy những chớp lều ngay.” Anh chỉ ra phía trái hiên nhà từ nơi đang đứng trên bậc tam cấp.

Bailey chạy vội đến cuối hiên, Lorena bám sát gót. Đỉnh những căn lều kẻ sọc hiện ra rõ ràng qua các tán cây phía xa, một khoảng trắng sáng bừng tương phản với bầu trời xám và những thân cây nâu.

“Tuyệt vời,” Elizabeth reo lên, bật cười nhìn Lorena và Bailey khi họ nhào người qua hàng rào. “Thế còn tin xấu là gì?”

“Thực ra cũng không chắc có phải tin xấu hay không,” August nói, như thể anh không biết phải giải thích thế nào. “Có lẽ là tin đáng thất vọng thì đúng hơn. Về rạp xiếc.”

Bailey bước xuống từ hàng rào và quay lại cuộc nói chuyện, mọi cảm giác hưng phấn cậu có khoảnh khắc trước bất chợt trôi sạch.

“Thất vọng ư?” Victor hỏi.

“À, thời tiết hiện nay không lý tưởng, chắc là mọi người cũng đã nhận ra,” August nói, ra hiệu lên vòm mây xám xịt nặng nề. “Đêm qua bão về. Rạp xiếc đã đóng cửa, đương nhiên, một việc kì lạ chưa từng có tiền lệ, bao năm qua tôi chưa bao giờ thấy rạp dựng lên chỉ để rồi đóng cửa ngay đêm đầu do thời tiết không thuận. Cơ mà tầm nửa đêm, có..., tôi cũng chẳng biết phải gọi là gì, nghe như tiếng động gì lớn lắm. Một tiếng rền vang thực sự làm rung cả ngôi nhà này. Tôi đoán có lẽ thứ gì đó bị trúng sét. Khói mù mịt khắp khu rạp xiếc, và một trong mấy người hàng xóm thề rằng ông ta đã thấy ánh chớp sáng rực như ban ngày. Sáng nay tôi đi bộ đến khu rạp thì có vẻ chẳng có chuyện gì cả, dù biển đóng cửa vẫn treo ngoài cổng.”

“Lạ thật,” Lorena nhận xét.

Không nói một lời, Bailey nhảy qua hàng rào hiên nhà và chạy hết tốc lực băng qua rặng cây. Nhanh hết mức có thể, cậu lao về những căn lều kẻ sọc, dải khăn quàng đỏ thắm tung bay phía sau lưng.

NHỮNG BÓNG MA XƯA

LONDON, 31 THÁNG MƯỜI, 1902

Đã muộn, vừa hè tối tăm dù đèn đường nối nhau men theo những tòa nhà bằng đá xám. Isobel đứng gần thềm tam cấp tranh tối tranh sáng của nơi cô từng coi là nhà suốt gần một năm trời, giờ như đã là chuyện xa xăm của kiếp trước. Cô đứng đợi Marco về nhà, tấm khăn san màu thiên thanh phủ quanh vai cô như một vạt trời trong trẻo giữa màn đêm.

Hàng giờ trôi qua mới thấy Marco xuất hiện nơi góc phố. Anh xách va-li, nắm tay siết chặt lại khi nhìn thấy cô.

“Sao em lại ở đây?” anh hỏi. “Lẽ ra em phải ở Mỹ cơ mà.”

“Em bỏ đoàn xiếc rồi,” Isobel đáp. “Em đã ra đi. Celia nói là em có thể đi được.”

Isobel lấy từ túi áo ra một mẫu giấy bạc đã nhàu, có ghi tên cô, tên thực của cô, cái tên mà nhiều năm trước đây anh đã ngọt ngào gọi, và yêu cầu cô viết vào một trong mấy cuốn sổ của anh.

“Đương nhiên là cô ấy nói thế rồi,” Marco nói.

“Em lên gác được không anh?” cô hỏi, bồn chồn níu mép khăn san.

“Không được,” Marco nói, liếc mắt lên nhìn các ô cửa sổ. Ánh sáng mờ nhạt, run rẩy hắt lên tấm kính. “Muốn nói gì thì em cứ nói hết ở đây đi.”

Isobel nhúu mày. Cô nhìn quanh quất con phố, bốn bề tối tăm và trống trải, chỉ có cơn gió khô khốc lùa qua, khẽ xào xạc những đám lá khô trong rãnh thoát nước.

“Em muốn nói là em xin lỗi,” cô khẽ nói. “Vì đã không nói với anh rằng khi ấy em đã tức giận. Em biết chuyện xảy ra năm ngoái một phần là lỗi của em.”

“Em nên xin lỗi Celia chứ không phải tôi.”

“Em đã xin lỗi cô ấy rồi,” Isobel nói. “Em vẫn biết trong lòng cô ấy có ai đó, nhưng em cứ nghĩ hẳn phải là Herr Thiessen. Em không hề nhận ra cho đến tận đêm ấy, rằng người đó là anh. Nhưng cô ấy cũng yêu anh, rồi cô ấy mất anh, và em là nguyên nhân.”

“Không phải là lỗi của em đâu,” Marco nói. “Có rất nhiều yếu tố khác chi phối.”

“Luôn có nhiều yếu tố khác chi phối,” Isobel nói. “Em không chủ ý vướng vào chuyện này. Em chỉ muốn giúp. Em muốn vượt qua... việc này và quay lại như trước đây.”

“Chúng ta không thể đảo ngược thời gian,” Marco nói. “Rất nhiều điều không còn như trước đây nữa.”

“Em biết,” Isobel nói. “Em không thể căm ghét cô ấy. Em đã cố mà không được. Thậm chí em không thể không quý mến cô ấy. Cô ấy để em tiếp tục trong hàng năm trời, ngờ vực cô ấy một cách lộ liễu, mà cô ấy lại luôn đối tốt với em. Và em yêu rạp xiếc. Em cảm thấy như cuối cùng em cũng đã có một gia đình, một nơi để em gắn bó. Sau một thời gian, em không còn cảm thấy mình cần phải bảo vệ anh khỏi cô ấy, mà cảm thấy mình nên bảo vệ tất cả những người khác khỏi hai người, và anh và cô ấy khỏi nhau. Em bắt đầu sau khi anh tìm đến em ở Paris, khi anh quá buồn bã về Cây Ước, nhưng em biết mình phải tiếp tục sau khi em đọc những lá bài của Celia.”

“Khi nào cơ?” Marco hỏi.

“Cái đêm ở Prague khi lý ra anh đến gặp em,” Isobel nói. “Anh chưa bao giờ để em giải bài cho anh, dù chỉ là một lá, mãi cho đến năm ngoái. Em đã không hề nhận ra điều đó. Em tự hỏi nếu có cơ hội, không biết em có cứ để sự việc kéo dài hay không. Phải mất biết bao thời gian em mới có thể thực

sự hiểu được những lá bài của cô ấy nói lên điều gì. Em đã không thể nhìn thấy những gì ngay trước mắt mình. Em đã hoài phí quá nhiều thời gian. Toàn bộ câu chuyện luôn chỉ xoay quanh hai người, thậm chí trước cả khi hai người gặp nhau. Em chỉ là sự chệch hướng.”

“Em không phải là sự chệch hướng,” Marco nói.

“Có lúc nào anh từng yêu em không?” Isobel hỏi.

“Không,” Marco thú nhận. “Tôi đã nghĩ là mình có thể, nhưng...”

Isobel gật đầu.

“Em đã ngỡ là anh có yêu em,” cô nói. “Em đã quá chắc chắn rằng anh có yêu em, dù anh chưa bao giờ nói ra điều đó. Em đã không thể phân biệt được điều gì là thực và điều gì em mong muốn là thực. Em đã nghĩ chuyện này sẽ chỉ là tạm thời, kể cả khi nó cứ mòn mỏi kéo dài. Nhưng không phải. Chưa bao giờ như vậy. Em mới là kẻ tạm thời. Em từng nghĩ nếu cô ấy không còn nữa thì anh sẽ quay về với em.”

“Nếu cô ấy không còn nữa, tôi sẽ chẳng là gì cả,” Marco nói. “Em nên quý trọng bản thân nhiều hơn, đừng suy nghĩ nặng nề như vậy.”

Họ đứng lặng im trên con phố vắng, cái lạnh từ trời đêm rót xuống giữa hai người.

“Chúc ngủ ngon, cô Martin,” Marco nói, dậm bước lên thềm.

“Thứ khó đọc nhất chính là thời gian,” Isobel nói, Marco dừng bước, xoay lại nhìn cô. “Có lẽ vì thời gian làm thay đổi quá nhiều thứ. Em đã giải bài cho vô số người về muôn vàn chủ đề. Điều khó hiểu được nhất trong các lá bài luôn là thời điểm. Em đã biết điều đó, vậy mà vẫn không khỏi kinh ngạc. Không biết suốt bao lâu em đã sẵn lòng chờ đợi điều chỉ có thể là một khả năng mơ hồ. Em luôn ngỡ rằng đó chỉ là vấn đề thời gian, nhưng em đã sai rồi.”

“Tôi không ngờ chuyện lại kéo dài như...” Marco toan nói nhưng Isobel ngắt lời anh.

“Tất cả là ở thời điểm,” cô nói. “Chuyến tàu của em đã trễ vào ngày đó. Cái ngày em nhìn thấy anh đánh rơi cuốn sổ. Giả như tàu đến đúng giờ thì chúng ta đã chẳng bao giờ gặp nhau. Có lẽ chúng ta chưa bao giờ được tiên định sẽ gặp nhau. Đó là một khả năng, một trong ngàn vạn, và không phải không thể tránh được, giống như vài điều khác.”

“Isobel, tôi xin lỗi,” Marco nói. “Tôi xin lỗi đã kéo em vào tất cả chuyện này. Tôi xin lỗi đã không nói với em sớm hơn về tình cảm tôi dành cho Celia. Tôi không biết em còn muốn gì ở tôi để tôi có thể dành cho em.”

Isobel gật đầu, kéo vạt khăn san quanh vai lại chặt hơn. “Tuần trước em đã giải bài cho một người,” cô nói. “Cậu ấy trẻ, trẻ hơn cả em khi em gặp anh. Cao lớn, như thể chính cậu ấy chưa quen là mình cao đến thế. Cậu ấy thành thực và ngọt ngào, thậm chí còn hỏi tên em. Và tất cả nằm trong những lá bài của cậu ấy. Tất cả. Giống như giải bài cho cả rạp xiếc, và điều đó chỉ xảy đến với em duy nhất một lần trước đó, khi em giải bài cho Celia.”

“Tại sao em lại nói với tôi chuyện này?” Marco hỏi.

“Vì em nghĩ cậu ấy có thể đã cứu được anh. Em không biết phải cảm nhận như thế nào về điều đó; đến giờ em vẫn không biết rõ. Nó xuất hiện trong các lá bài của cậu ấy cùng với tất cả những thứ khác, trần trụi và đơn giản như bất cứ điều gì em từng thấy. Khi đó em nghĩ rồi chuyện này sẽ đi đến một kết cục khác. Em đã sai. Có vẻ như em sai khá thường xuyên. Có lẽ đã đến lúc em phải chuyển nghề mất rồi.”

Marco dừng lại, gương mặt anh nhợt nhạt dưới ánh đèn đường.

“Em đang nói gì vậy?” anh hỏi.

“Em đang nói là anh đã có cơ hội,” Isobel nói. “Cơ hội ở bên cô ấy. Cơ hội để tất cả tự an bài một cách thỏa đáng. Em đã gần như mong mọi điều đó cho anh, thực lòng, bất kể mọi sự. Em vẫn muốn anh được hạnh phúc. Và khả năng ấy đã đến.” Cô trao cho anh một nụ cười dè dặt và buồn bã khi luồn tay vào túi áo. “Nhưng thời điểm lại không thích hợp.”

Cô rút tay ra khỏi túi và xòe các ngón tay ra. Trong lòng bàn tay cô là một nắm những tinh thể đen lấp lánh, mịn màng như tro.

“Cái gì thế?” Marco hỏi khi cô nâng lòng bàn tay lên ngang môi.

Đáp lại, Isobel thổi nhẹ, và nhúm bụi bay về phía Marco thành một đám mây đen nhưc nhối.

Khi bụi tan đi, chiếc va-li của Marco nằm đó đơn côi trên vỉa hè cạnh chân cô. Isobel mang nó theo khi cô rời đi.

HỆ LỤY

NEW YORK, 1 THÁNG MƯỜI MỘT, 1902

Dù quang cảnh xung quanh đã thay đổi nhưng rạp xiếc trông vẫn y nguyên như ngày còn ở trên cánh đồng của cậu, Bailey nghĩ khi rút cục cũng chạy tới hàng rào, mạng sườn đau nhói và thở hồng hộc, nơi cậu vừa băng qua giống một vạt rừng hơn là những cánh đồng.

Nhưng hơn thế, có điều gì đó khang khác. Cậu mất một lúc đứng bên cánh cổng, cố điều hòa nhịp thở và chăm chăm nhìn tấm biển ghi: *Tạm nghỉ vì thời tiết xấu* treo đề lên trên tấm bảng bình thường vẫn thông báo giờ biểu diễn.

Chính cái mùi này, cậu nhận ra. Không phải caramel quện hoàn hảo cùng khói thơm mùi gỗ tỏa ra từ đám lửa ấm áp. Trái lại, một mùi nặng nề của thứ gì đó bị đốt và ẩm ướt, lớn vồn vị lờ lợ đầy khó chịu.

Thứ mùi khiến cậu buồn nôn.

Không có âm thanh gì phía trong hàng rào sắt uốn lượn nhô cao. Các căn lều đứng im lìm. Duy chỉ có chiếc đồng hồ phía trên cánh cổng còn chuyển động, chậm rãi tích tắc chỉ giờ chiều.

Bailey nhanh chóng phát hiện ra rằng mình không thể dễ dàng lách người qua những chấn song hàng rào như hồi mười tuổi. Khe quá hẹp, dù cậu cố so vai lại thế nào đi chăng nữa. Cậu nửa mong Poppet ở đó đợi mình, nhưng chẳng có bóng hình nào trong tầm mắt.

Hàng rào quá cao, không thể trèo qua được, Bailey đang nghĩ hay là cứ ngồi trước cổng đến khi mặt trời lặn, thì cậu thấy một cành cây cong chưa hẳn vươn tới hàng rào nhưng cũng khá gần, la đà phía trên mũi sắt uốn cong.

Từ chỗ đó cậu có thể nhảy xuống. Nếu căn được góc chuẩn cậu sẽ tiếp đất ở lối đi giữa các căn lều. Nếu căn góc sai, có khả năng cậu sẽ bị gãy chân, nhưng đó sẽ chỉ là trục trặc vớ vẩn duy nhất mà hậu quả có thể khắc phục được, như thế chí ít cậu sẽ vào được bên trong rạp xiếc. Cái cây khá dễ trèo lên, và cành cây gần phía rạp xiếc nhất lại đủ rộng để bám vào cho đến khi cậu tới được gần hàng rào hơn. Nhưng khó có thể giữ thăng bằng cho tốt; và khi Bailey lấy sức bình sinh chuẩn bị lộn một cú duyên dáng, hóa ra kết thúc lại thành một pha từa tựa như ngã có chủ đích. Cậu tiếp đất nặng nề trên lối đi, lăn vào bên sườn một căn lều, mình mẩy dính đầy phấn trắng từ mặt đất.

Đôi chân đau nhói nhưng có vẻ vẫn đi lại được, dù vai cậu cảm thấy bầm đau kinh khủng và lòng bàn tay lem nhem toàn vết xước, đất và bột phấn. Không khó phủi bột phấn trên tay, nhưng thứ bột ấy bám dính như sơn lên áo khoác và hai ống quần bộ vét mới của cậu. Và giờ thì cậu lại đứng một mình trong rạp xiếc.

“Nói thật hay làm liều,” cậu lầm rầm với chính mình. Những chiếc lá khô giòn bị gió hút qua hàng rào, mong manh nhảy múa quanh bàn chân cậu. Những đốm màu của mùa thu khiêm tốn len vào giữa sắc đen và trắng. Bailey không biết phải đi đâu. Cậu lang thang qua các lối đi, hi vọng thấy Poppet ở mỗi góc quanh, nhưng cậu chỉ bắt gặp những sọc kẻ và sự trống trải. Cuối cùng, cậu tiến về phía sân, hướng đến vạc lửa.

Và khi rẽ qua một góc dẫn tới không gian rộng mở của khuôn viên chính có đặt vạc lửa, Bailey sững sờ nhận ra ngọn lửa không cháy trong vạc hơn là ngạc nhiên thấy có người đang đợi cậu.

Nhưng vóc dáng đứng bên chiếc vạc bằng sắt uốn không phải là Poppet. Người phụ nữ này khá thấp, mái tóc thẫm màu. Khi quay lại, cô ấy đang ngậm trên môi một cần hút thuốc lá dài bằng bạc, làn khói cuộn lại quanh đầu cô nom như những con rắn.

Mất một lúc Bailey mới nhận ra nghệ sĩ uốn dẻo, cậu vốn chỉ thấy cô trên sàn diễn uốn mình thành những hình thù bất khả.

“Cậu là Bailey phải không?” cô hỏi.

“Đúng ạ,” Bailey trả lời, tự hỏi liệu có phải tất cả mọi người trong rạp xiếc đều biết cậu là ai không.

“Cậu đến muộn rồi,” nghệ sĩ uốn dẻo nói.

“Muộn cái gì cơ?” Bailey bối rối hỏi lại.

“Tôi ngờ rằng cô ấy còn có thể trụ được lâu hơn.”

“Ai cơ ạ?” Bailey hỏi, dù trong đầu cậu lóe lên ý nghĩ rằng có lẽ nghệ sĩ uốn dẻo đang ám chỉ chính rạp xiếc.

“Và dĩ nhiên,” cô tiếp tục, “giả dụ cậu đến sớm hơn, có thể cơ sự đã chuyển biến theo chiều hướng khác. Thời điểm là thứ nhạy cảm mà.”

“Poppet đâu ạ?” Bailey hỏi.

“Cô Penelope lúc này không được khỏe.”

“Sao cậu ấy lại không biết tôi đang ở đây?” cậu hỏi. “Có thể cô bé biết rất rõ cậu đang ở đây, nhưng như thế chẳng thay đổi được sự thật rằng cô bé, như tôi đã nói, lúc này đang không được khỏe.”

“Chị là ai?” Bailey hỏi. Bờ vai giờ nhói lên và cậu không thể xác định nổi từ khi nào mọi việc bắt đầu trở nên hỗn độn.

“Cậu có thể gọi tôi là Tsukiko,” nghệ sĩ uốn dẻo đáp, rít một hơi thuốc.

Phía sau cô, cái vạc kỳ dị bằng sắt rèn uốn cong trống rỗng và im lìm. Mặt đất quanh nó, thường được vẽ hoa văn xoắn ốc màu đen và trắng, giờ chỉ còn những khoảng đen ngòm, như thể không gian trống trải đã nuốt chửng lấy nó.

“Tôi cứ ngỡ ngọn lửa chẳng bao giờ tắt,” Bailey nói, bước lại gần.

“Trước đây nó chưa bao giờ tắt,” Tsukiko đáp.

Tiến lại gần mép sắt cong hẫng còn nóng, Bailey nhón chân nhìn vào bên trong. Nước mưa dâng gần đầy cái vạc, mặt nước tối đen run run trong gió. Đất dưới chân cậu đen quánh và lầy lội; khi lùi lại, cậu vô tình đá phải một chiếc mũ quả dưa màu đen.

“Chuyện gì đã xảy ra vậy?” Bailey hỏi.

“Có phần khó giải thích đây,” Tsukiko trả lời. “Một câu chuyện dài và phức tạp.”

“Và chị sẽ không kể cho tôi biết, phải không?”

Cô hơi nghiêng đầu, Bailey nhận thấy thoáng có nét cười trên đôi môi cô.

“Phải, tôi sẽ không kể đâu,” cô nói.

“Tuyệt,” Bailey lầm bầm.

“Tôi thấy cậu đã nhập hội rồi,” Tsukiko nói, trỏ điếu thuốc về chiếc khăn màu đỏ của cậu. Bailey không biết nên đáp lại như thế nào, nhưng Tsukiko vẫn tiếp tục nói mà không đợi câu trả lời. “Tôi nghĩ cậu có thể gọi đó là một vụ nổ.”

“Vạc lửa phát nổ sao? Như thế nào?”

“Nhớ lúc này tôi đã nói là chuyện này khó giải thích chứ? Lời nói đó vẫn có hiệu lực đấy.”

“Tại sao các căn lều không cháy?” Bailey hỏi, nhìn quanh những dải sọc đen trắng tường như không bao giờ kết thúc. Vài căn lều gần hơn bị vấy bùn, nhưng không cái nào bị cháy, dù nền đất xung quanh đen lại như than.

“Do cô Bowen làm,” Tsukiko nói. “Tôi ngờ rằng nếu không có lời cảnh báo, chắc thiệt hại còn lớn hơn.”

“Cô Bowen là ai?” Bailey hỏi.

“Cậu hỏi nhiều thế,” Tsukiko đáp.

“Chị đâu có trả lời được nhiều đâu,” Bailey bật lại.

Nụ cười nở bừng, khóe môi Tsukiko cong lên theo cách khiến Bailey nhận ra một nét thân tình đáng ngại. “Tôi chỉ là sứ giả,” Tsukiko đáp. “Tôi ở đây với tư cách là người hộ vệ, tháp tùng cậu tới một cuộc gặp, để thảo luận những vấn đề như thế, tôi cho là vậy, vì vào lúc này tôi là người duy nhất

còn sống và biết được chuyện gì đã xảy ra, và tại sao cậu lại ở đây. Những câu hỏi của cậu, hãy để dành chúng cho người khác thì tốt hơn.”

“Vậy có thể là ai chứ?” Bailey hỏi.

“Rồi cậu sẽ biết,” Tsukiko nói. “Đi lối này.”

Cô dẫn Bailey đi về phía trước, đưa cậu vòng qua vạc lửa tới phía bên kia khuôn viên. Họ đi một đoạn ngắn tới một hành lang giao nhau, lớp lớp bùn bám trên đôi giày vốn sáng bóng của Bailey.

“Chúng ta đến nơi rồi,” Tsukiko dừng lại ở lối vào một căn lều, Bailey bước lại gần để nhìn bảng hiệu, và biết đó là căn lều nào ngay khi nhắc thấy dòng chữ:

Quái thú và kỳ sinh vật Kì quan trong giấy và sương

“Chị có vào cùng tôi không?” Bailey hỏi.

“Không,” Tsukiko nói. “Chỉ là sứ giả thôi, nhớ chứ? Nếu cậu cần thì tìm tôi ở ngoài sân.”

Nói rồi cô trang nhã gật đầu với cậu và quay lại con đường mà họ đã đi tới. Dõi theo Tsukiko, Bailey nhận ra bùn không hề dính lên đôi ủng cô đang đi.

Khi cô đã biến mất sau góc quanh, Bailey bước vào căn lều.

BÉN LỬA

NEW YORK, 31 THÁNG MƯỜI, 1902

Lưng Marco nện mạnh xuống mặt đất như thể anh vừa bị xô đẩy thô bạo. Anh ho liên hồi vì cú va chạm và vì đám mây bụi đen còn vẫn quanh người. Trời đang mưa nhẹ khi anh gượng dậy. Khi không khí xung quanh sáng rõ, anh thấy một hàng cây bé xíu và những ngôi sao, bao quanh là những bánh răng bằng bạc cùng những quân cờ đen, trắng.

Mất một lúc, anh nhận ra mình đang đứng cạnh đồng hồ *Wunschtraum*.

Đồng hồ tích tắc dần tới nửa đêm, nghệ sĩ tung hứng trên đỉnh đang giữ thăng bằng mười một quả bóng giữa chòm sao lấp lánh và những vật thể chuyển động.

Tấm bảng thông báo rạp xiếc đóng cửa vì thời tiết xấu lạch cạch trong gió. Dù vào lúc này, cơn mưa cũng không nặng hạt hơn một trận sương dày là bao.

Marco chùi lớp bụi lấp lánh trên mặt, khuôn mặt thật của anh, bởi anh đang rối bời, chẳng có tâm trí nào biến đổi gương mặt mình nữa. Anh cố kiểm tra xem có còn bụi đen trên bộ vét đang mặc không, nhưng bụi đã bay cả đi rồi.

Tấm rèm kê sọc phía trên quầy bán vé được vén lên, và qua màn sương, Marco thấy một dáng người đang đứng trong bóng tối, được chiếu sáng bằng chùm sáng sắc gọn lóe ra từ bật lửa.

“*Bonsoir*,” Tsukiko vui vẻ lên tiếng khi Marco tiến lại gần, cô nhét bật lửa vào túi khi giữ điều thuốc trong cần hút thuốc dài bằng bạc. Một trận gió quét qua không gian, những cánh cổng rạp rung lên nghe ken két.

“Sao mà... sao cô ấy làm được việc này?” Marco hỏi.

“Isobel ấy hả?” Tsukiko hỏi lại. “Tôi đã dạy cô ấy trò đó. Tôi không nghĩ cô ấy hiểu hết được sự tinh diệu, nhưng có vẻ cô ấy vẫn thực hành rất tốt. Anh có cảm thấy chút gì chông chênh không?”

“Tôi ổn,” Marco nói, dù lưng anh còn đau rần vì cú ngã và mắt vẫn nhói. Anh quan sát Tsukiko đầy tò mò. Anh chưa bao giờ nói chuyện lâu với nghệ sĩ uốn dẻo, và sự hiện diện của cô cũng khó hiểu hết như khoảnh khắc trước đây anh đã ở một nơi hoàn toàn khác.

“Lại đây, ít nhất tránh gió đã.” Tsukiko ra hiệu bằng bàn tay không cầm điều thuốc, bảo anh đi vào đường hầm có rèm che. “Bàn mặt này đẹp hơn đây,” cô nói khi kỹ lưỡng quan sát ngoại hình của anh qua màn sương và khói. “Hợp với anh hơn.” Cô thả cho rèm buông xuống khi anh đã đi vào, bóng tối lập tức vây quanh, chỉ thấy lấm tấm những đốm sáng mờ ảo, đầu thuốc cháy của Tsukiko là chấm màu duy nhất giữa những điểm trắng.

“Mọi người đâu cả rồi?” Marco hỏi, rũ nước mưa khỏi chiếc mũ quả dưa.

“Bữa tiệc thời-tiết-xấu,” Tsukiko giải thích. “Luôn được tổ chức trong lều của nghệ sĩ nhào lộn, vì đó là căn lều lớn nhất. Nhưng anh không biết thông lệ đó, vì anh không thực sự là thành viên của đoàn xiếc, đúng chứ?”

Marco không thấy rõ biểu cảm trên mặt Tsukiko, nhưng dám chắc rằng cô đang đặc ý mỉm cười.

“Đúng, tôi ắt không phải là thành viên rồi,” anh nói. Anh đi theo khi Tsukiko bước đi trong đường hầm có cấu trúc như một mê lộ, tiến sâu hơn vào rạp xiếc. “Tại sao tôi lại ở đây?” anh hỏi.

“Chúng ta sẽ đến đó đúng giờ,” cô nói. “Isobel đã cho anh biết những gì?”

Cuộc đối thoại với Isobel ngoài nhà anh gần như đã biến mất khỏi trí nhớ của Marco, dù mới chỉ diễn ra trong khoảnh khắc trước. Anh rập lại những mảnh vụn tản mát. Chẳng có gì đủ mạch lạc để nói ra cho gãy gọn. “Không hề gì,” Tsukiko nói khi Marco còn chần chừ chưa đáp. “Đôi lúc cũng khó

qui hồi các giác quan sau một chuyến đi như thế. Cô ấy có nói với anh là chúng ta có điểm chung không?”

Marco nhớ lại Isobel có nhắc tới Celia và một người nữa, nhưng không cụ thể là ai.

“Không,” anh nói.

“Chúng ta đều là học trò cũ của cùng một người thầy,” Tsukiko đáp. Đầu điều thuốc cháy rực lên khi cô rút bóng tối vào mình. “Vỏ bọc tạm thời thôi, tôi e là thế,” cô nói thêm khi họ tiến tới một tấm rèm khác. Cô kéo rèm và không gian ngập tràn ánh sáng rực rỡ tỏa ra từ khuôn viên. Cô ra hiệu cho Marco bước ra ngoài, vào cơn mưa và rút một hơi thuốc khi anh ngoan ngoãn bước qua tấm rèm đã mở, cố hiểu câu nói cuối của cô.

Đèn trang hoàng những căn lều đều tắt, nhưng ở chính giữa sân, vạc lửa đang cháy sáng, sinh động và trắng loáng. Cơn mưa lất phất lấp lánh rơi quanh nó.

“Đẹp thật,” Tsukiko nói, bước vào trong sân cùng anh. “Vì nó, tôi thừa nhận tài năng của anh.”

“Cô là học trò cũ của Alexander sao?” Marco hỏi, không chắc là mình đã hiểu.

Tsukiko gật đầu.

“Tôi chán ngán phải viết các thứ vào sách, nên bắt đầu xăm chúng lên cơ thể mình. Tôi không thích để tay dính bẩn,” cô nói, ý chỉ những ngón tay bị giầy mực của anh. “Tôi ngạc nhiên là ở thử thách này ông ấy đã đồng ý chọn một đấu trường mở như vậy. Ông ấy vốn ưa thích ẩn dật. Có lẽ ông ấy không hài lòng với cách trận đấu tiến triển.”

Vừa nghe cô, Marco vừa nhận ra người nghệ sĩ uốn dẻo hoàn toàn khờ ráo. Mỗi giọt mưa rơi xuống Tsukiko đều lập tức xèo xèo thành hơi bốc lên ngay khi vừa chạm tới cô.

“Cô đã thắng trận đấu cuối,” anh nói.

“Tôi đã sống sót trong trận đấu cuối,” Tsukiko chỉnh lại.

“Khi nào thế?” Marco hỏi khi họ bước về phía vạc lửa.

“Chuyện đã kết thúc cách đây tám mươi ba năm, sáu tháng, và hai mươi một ngày. Hôm ấy hoa anh đào nở rộ.”

Tsukiko rít một hơi thuốc dài trước khi tiếp tục. “Những ông thầy của chúng ta chẳng thể hiểu được,” cô nói. “Bị ràng buộc với một ai đó theo cách ấy. Họ quá già cỗi, quá xa lạ với cảm xúc của chính mình. Họ không còn nhớ được cảm giác sống và thở giữa cuộc đời này. Họ nghĩ thật đơn giản khi đẩy hai người bất kì đến chỗ đối chọi nhau. Không bao giờ là đơn giản cả. Đối thủ trở thành cách anh định nghĩa cuộc đời mình, cách anh định nghĩa bản thân. Anh và đối thủ cần nhau như hơi thở. Rồi họ hy vọng người chiến thắng có thể tiếp tục mà không cần tới điều đó. Cũng giống như chia cắt cặp song sinh Murray rồi trông đợi rằng chúng không mảy may thay đổi gì. Chúng có thể bình an vô sự nhưng không toàn vẹn. Anh yêu cô ấy, đúng không?”

“Hơn bất cứ điều gì trên đời này,” Marco nói.

Tsukiko gật đầu tư lự.

“Đối thủ của tôi tên là Hinata. Da cô ấy thơm mùi gừng và kem. Tôi cũng đã yêu cô ấy hơn bất cứ điều gì trên đời. Vào cái ngày hoa anh đào nở rộ đó, cô ấy đã tự thiêu. Đốt một cột lửa và bước vào nó như thể đó là nước vậy.”

“Tôi rất tiếc,” Marco nói.

“Cảm ơn anh,” Tsukiko đáp, nụ cười bình thường vốn rạng rỡ giờ chỉ nhợt nhạt thoáng trên môi. “Đó là điều cô Bowen đang định làm cho anh. Để anh thắng cuộc.”

“Tôi biết.”

“Tôi không mong nỗi đau ấy xảy đến với bất kì ai. Trở thành kẻ thắng cuộc. Hinata có lẽ đã ao ước điều này,” Tsukiko nói khi họ tiến tới vạc lửa,

nhìn ngắm ngọn lửa nhảy múa trong cơn mưa nặng hạt dần. “Cô ấy từng khá thích lửa. Nước luôn là nguyên tố của tôi. Trước kia.”

Cô giơ tay ra và nhìn những giọt mưa né tránh chạm tới da cô.

“Anh có biết câu chuyện của vị pháp sư ở trong cây không?” cô hỏi.

“Câu chuyện về Merlin ư?” Marco hỏi. “Tôi có biết vài dị bản.”

“Có nhiều lắm,” Tsukiko gật đầu nói. “Các câu chuyện cổ thường được kể đi kể lại và biến đổi đi. Mỗi người kể lại đều thêm dấu ấn của mình vào. Dù gì sự thật ban đầu của câu chuyện cũng bị chôn vùi trong thiên lệch và những tình tiết hư cấu thêm. Những lý do không quan trọng bằng bản thân câu chuyện.”

Cơn mưa mỗi lúc một mau hơn, tuôn xuống nặng hạt khi cô nói tiếp.

“Có lúc là cái hang, nhưng tôi thích dị bản cái cây hơn. Có lẽ cây thì lãng mạn hơn chẳng.”

Cô rút điều thuốc lá còn cháy ra khỏi cần hút thuốc, nhẹ nhàng kẹp giữa hai ngón tay thon thon và nói:

“Có thể trưng dụng nhiều cây ở đây vào mục đích này, nhưng tôi nghĩ cái này có lẽ thích hợp hơn.”

Marco hướng sự chú ý của mình vào vạc lửa. Nó tỏa sáng trong làn mưa, những giọt nước rơi xuống lấp lánh tựa bông tuyết.

Mọi dị bản câu chuyện về Merlin mà Marco biết đều có một pháp sư bị cầm tù. Trong một cái cây, một hang động hoặc một tảng đá.

Luôn là sự trừng phạt, hậu quả của một mối tình ngây dại.

Anh quay lại nhìn Tsukiko.

“Anh hiểu ra rồi đấy,” cô nói trước khi anh có thể lên tiếng.

Marco gật đầu.

“Tôi đã biết là anh sẽ hiểu,” cô nói. Ánh sáng từ ngọn lửa trắng làm rạng rỡ nụ cười của cô trong làn mưa.

“Chị đang làm gì thế, Tsukiko?” một giọng nói vang lên sau lưng cô. Khi Tsukiko quay lại, Marco thấy Celia đang đứng bên mép sân. Chiếc váy dài màu ánh trắng của cô sũng nước, ngả sang sắc xám buồn bã, những dải ruy-băng đan nhau sau lưng cô thành những vệt màu đen, trắng và chì than, lẫn cùng tóc cô trong gió.

“Quay trở lại với bữa tiệc đi, cô bé,” Tsukiko nói, nhét cần hút thuốc bằng bạc vào túi. “Cô sẽ không muốn ở đây chứng kiến chuyện này đâu.”

“Chuyện gì cơ?” Celia nói, nhìn chăm chăm vào Marco.

Tsukiko nói với cả Marco và Celia:

“Suốt những năm qua tôi bị bủa vây giữa đủ kiểu thư tình hai người làm ra cho nhau, kín đáo giấu trong những căn lều. Tất cả làm tôi nhớ lại những ngày còn ở bên cô ấy. Tuyệt diệu và kinh khủng. Tôi vẫn chưa sẵn sàng từ bỏ, vậy mà hai người lại để nó phai nhạt đi.”

“Chị đã nói với tôi rằng ái tình là bất định và phù du,” Celia nói, vẻ bối rối.

“Tôi nói dối đấy,” Tsukiko nói, đảo điếu thuốc giữa những ngón tay. “Tôi đã nghĩ có lẽ sẽ dễ dàng hơn nếu cô nghi ngờ anh ta. Và tôi đã cho cô một năm để tìm cách sao cho rạp xiếc vẫn có thể vận hành mà không cần có cô. Cô không tìm được cách nào. Nên tôi sẽ can thiệp vào.”

“Tôi đang cố...” Celia lên tiếng nhưng Tsukiko ngắt lời. “Cô tiếp tục bỏ qua một thực tế đơn giản. Cô mang theo rạp xiếc này ngay trong chính con người cô. Anh ta dùng vạc lửa như một công cụ. Cô là người bị mất mát nhiều hơn, nhưng cô quá ích kỉ không chịu thừa nhận. Cô tin rằng mình không thể sống cùng nỗi đau. Người ta không sống cùng nỗi đau như thế. Mà chỉ có thể chịu đựng nó. Tôi rất tiếc.”

“Kiko, xin chị,” Celia nói. “Tôi cần thêm thời gian.”

Tsukiko lắc đầu.

“Tôi đã nói với cô rồi, thời gian không phải là thứ tôi có thể kiểm soát được.”

Marco không hề rời mắt khỏi Celia từ lúc cô xuất hiện trong sân, nhưng giờ thì anh quay đi.

“Hãy làm đi,” anh nói với Tsukiko, hét lên trong tiếng mưa càng lúc càng xối xả. “Làm đi! Tôi thà bị đốt cháy bên cạnh Celia còn hơn là sống mà không có cô ấy.”

Thanh âm bình thường của từ “Không” bị gió xé nát thành thứ gì đó tột cùng khốc liệt khi Celia hét lên. Sự đau đớn trong tiếng hét găm vào Marco như tất cả những lưỡi dao trong bộ sưu tập của Chandresh gộp lại, nhưng anh vẫn tập trung hướng đến nghệ sĩ uốn dẻo.

“Như vậy sẽ kết thúc trận đấu, đúng chứ?” anh hỏi. “Sẽ kết thúc trận đấu kể cả khi tôi bị nhốt trong ngọn lửa này và không chết.”

“Anh sẽ không thể đấu tiếp,” Tsukiko nói. “Mọi mẫu chốt nằm ở đó.”

“Vậy hãy làm đi,” Marco nói.

Tsukiko mỉm cười với anh. Cô áp hai lòng bàn tay vào nhau, những cuộn khói từ điều thuốc lá bay lên qua những ngón tay cô.

Cô cúi chào anh, thấp và đầy trân trọng.

Không một ai trong hai người nhận thấy Celia đang chạy đến trong màn mưa mịt mù.

Tsukiko búng điều thuốc đang cháy dở về phía ngọn lửa.

Điều thuốc vẫn còn lơ lửng trong không trung khi Marco hét lên bảo Celia hãy dừng lại.

Điều thuốc khẽ chạm những lưỡi lửa trắng bập bùng khi cô lao vào vòng tay anh.

Marco biết anh không có thời gian để đẩy cô ra, vì thế anh kéo cô sát lại, vùi mặt mình vào mái tóc cô, chiếc mũ quả dưa của anh bị gió cuốn đi.

Và rồi đau đớn lan nhanh. Cơ đau sắc lẹm như thể anh đang bị xé tan ra.

“Hãy tin em,” Celia thì thầm vào tai anh, và anh ngừng vật lộn với nó, quên hết tất cả mọi thứ, trừ cô. Một khắc trước vụ nổ, trước khi ánh sáng trắng bùng lên chói lóa, không thể nhận thức được chính xác chuyện gì đang xảy ra, họ tan biến vào không khí. Khoảnh khắc trước họ còn ở đó, tà váy của Celia phấp phới trong gió và mưa, bàn tay Marco ghì chặt lưng cô; khoảnh khắc ngay sau đó họ chỉ là hình bóng nhòe mờ của ánh sáng và bóng tối.

Rồi cả hai người biến mất và rạp xiếc bốc cháy, lửa liếm lên những căn lều, quần quai trong cơn mưa.

Còn lại một mình trong sân, Tsukiko thở dài. Lửa tạt qua cô mà không hề chạm vào, cuộn tròn xung quanh như cơn lốc. Soi rọi cô bằng thứ ánh sáng phi thường.

Rồi, cũng chóng vánh như khi bùng lên, lửa tắt lịm. Vạc lửa trống rỗng, thậm chí một chút tro tàn lẫn than hồng cũng chẳng còn. Cơn mưa rơi xuống lòng vạc, vang vọng đập vào kim loại, có những hạt nước bốc hơi luôn ở nơi sắt vẫn còn nóng.

Tsukiko rút một liều thuốc khác từ trong túi áo khoác ra, bật châm thuốc bằng động tác trở nải điệu nghệ.

Lửa dễ dàng bén lên, bất kể mưa rơi.

Cô ngắm nhìn cái vạc đầy nước mưa trong khi chờ đợi.

BIẾN ĐỔI

NEW YORK, 1 THÁNG MƯỜI MỘT, 1902

Nếu Celia mở miệng được, hẳn cô đã hét lên. Nhưng có quá nhiều thứ phải kiểm soát giữa sức nóng và cơn mưa, và Marco trong vòng tay cô.

Cô chỉ tập trung vào mình anh, neo giữ tất cả những gì là Marco-của-những-lúc-ở-bên-Celia khi cô tự khiến mình tan ra. Níu lấy kí ức về từng âu yếm của da anh lên da cô, từng khoảnh khắc cô bên anh. Mang anh theo cô.

Đột nhiên, chẳng có gì. Không mưa. Không lửa. Một thình không trắng xóa tĩnh tại.

Nơi nào đó trong thình không ấy, một chiếc đồng hồ bắt đầu điểm nửa đêm.

Dừng lại, cô nghĩ.

Đồng hồ vẫn tiếp tục điểm, nhưng cô cảm thấy sự tĩnh lặng bắt đầu tan biến.

Phá vỡ là phần dễ dàng, Celia nhận ra. Hàn gắn lại mới là khó.

Giống như làm liền những đầu ngón tay bị cửa hồi bé, bị đẩy đến cùng cực.

Phải cân bằng quá nhiều thứ, cố gắng tìm lại những giới hạn.

Buông tay thực đơn giản.

Buông tay thực sự đơn giản hơn rất nhiều. Thực sự ít đau đớn hơn rất nhiều.

Cô chống trả lại cảm dỗ, chống trả lại nỗi đau và sự hỗn độn. Vật lộn giành lấy sự kiểm soát với bản thân và những gì xung quanh cô.

Cô chọn một nơi để trụ lại, nơi quen thuộc nhất mà cô có thể nghĩ tới.

Và chậm rãi, chậm rãi đầy đau đớn, cô hàn gắn mình một cách an toàn.

Cho đến khi cô có thể đứng trong căn lều của chính mình, ngay chính giữa vòng ghế trống.

Cô thấy nhẹ nhõm hơn. Yếu ớt như loãng ra. Chấn động vương vất.

Nhưng cô không phải là tiếng vọng của bản thể cô trước đây. Cô lại là một tổng thể toàn vẹn, đang hít thở. Cô có thể cảm thấy trái tim mình đang đập, nhanh nhưng đều đặn. Thậm chí cảm thấy chiếc váy dài vẫn như xưa, rủ xuống quanh cô và không còn ướt nước mưa.

Celia xoay tròn và tà váy xòe rộng quanh cô.

Cơn choáng váng dần biến mất khi cô gom nhặt lại bản thân, vẫn còn bàng hoàng về thành quả.

Rồi cô nhận ra mọi thứ trong căn lều quanh cô đều trong suốt. Những chiếc ghế, những ngọn đèn treo trên đầu cô, thậm chí cả những sọc kẻ trên các bức vách dường như không có thực.

Và cô chỉ có một mình.

• • •

VỚI MARCO, khoảnh khắc vụ nổ xảy ra kéo dài hơn nhiều.

Sức nóng và ánh sáng giãn căng ra vô tận khi anh níu chặt Celia trong cơn đau.

Và rồi cô biến mất.

Chẳng còn lại gì. Không lửa. Không mưa. Không mặt đất dưới chân anh.

Tầm nhìn của anh bắt đầu thay đổi liên tục từ bóng tối sang ánh sáng, sự tối tăm được thay thế bằng sắc trắng miên man, để rồi lại bị bóng tối nuốt chửng. Không bao giờ bình ổn.

• • •

RẠP XIẾC BIẾN ĐỔI QUANH CELIA, cũng êm ái như một trong những ảo giác của Marco.

Cô hình dung nơi mình muốn đến, và cô ở đó. Thậm chí cô không dám chắc mình đang tự di chuyển hay đang điều khiển rạp xiếc ở quanh mình.

Vườn Băng im lìm và tĩnh lặng, chẳng có gì ngoài bốn bề trắng xóa khô ráo và mát lạnh.

Chỉ một phần Nhà Gương phản chiếu sắc mặt của chính cô, vài tấm gương chỉ hiện lên mờ mờ lấp loáng chiếc váy dài màu xám nhạt nhạt, hoặc chuyển động của những dải ruy-băng gợn sóng khi chúng bông bênh sau cô.

Cô nghĩ đã thoáng thấy Marco trong gương, đường viền áo khoác hoặc lấp ló cổ áo của anh, nhưng cô không dám chắc.

Nhiều tấm gương sụt xuống và chỉ còn trơ khung trang trí.

Màn sương ở lầu Quái Thú dần tan đi khi cô tìm đến, nhưng bên trong chẳng giấu gì ngoài giấy.

Hồ Nước Mắt không gợn dù chỉ một lăn tăn sóng, mặt nước hiền hòa phẳng lặng, và cô không thể nhặt một viên đá thả xuống hồ. Cô không thể thả một ngọn nến trên Cây Ước, dù những điều ước trên các cành cây vẫn tiếp tục cháy.

Cô đi qua hết phòng này đến phòng kia trong Mê Hồn Trận. Những căn phòng cô tạo ra dẫn tới những căn phòng anh dựng nên và lại quay trở lại.

Cô có thể cảm thấy anh. Gần đến mức hi vọng gặp anh ở mỗi góc quanh, sau mỗi cánh cửa.

Nhưng chỉ có những chiếc lông vũ bông bành lơ trôi và những lá bài dập dờn. Những pho tượng bạc với những cặp mắt vô định. Những sàn nhà sơn màu bàn cờ cùng những ô vuông trống rỗng.

Dấu vết của anh ở khắp mọi nơi, nhưng chẳng có gì để cô tập trung vào. Chẳng có gì để bám víu.

Đọc theo hành lang chính là những cánh cửa lộn xộn, tuyết phủ kín lối đi. Những dấu hình trên tuyết trông như vết chân, hoặc có thể chỉ là bóng hình đổ xuống.

Và Celia không thể đoán được chúng dẫn tới đâu.

• • •

MARCO HỒN HẸN khi không khí tràn vào hai lá phổi, như thể anh vừa bị chìm dưới nước mà không hề hay biết.

Suy nghĩ rành mạch đầu tiên là anh không ngờ bị mất kẹt trong ngọn lửa lại có thể lạnh đến thế.

Không khí lạnh như cắt và buốt nhói, anh chỉ có thể thấy tuyết một màu trắng ở khắp xung quanh.

Khi mắt đã quen, anh nhận ra bóng một cái cây. Những cành liễu trắng màu băng giá buông rủ xuống quanh anh.

Anh bước một bước về phía trước, mặt đất mềm một cách bất thường dưới chân.

Anh đang đứng giữa Vườn Băng.

Đài phun nước ở trung tâm đã ngừng tuôn, mặt nước lăn tăn bong bóng giờ im lìm và tĩnh lặng.

Giữa bốn bề trắng xóa ấy, thật khó nhận ra, nhưng toàn bộ khu vườn đã hóa trong suốt.

Anh cúi nhìn đôi bàn tay mình. Hai tay khẽ run nhưng rắn chắc. Bộ vét của anh vẫn sẫm màu và không trong suốt.

Marco đưa tay về phía bông hồng gần đó, ngón tay anh xuyên qua những cánh hoa chỉ gặp chút lực cản, như thể đóa hoa là nước chứ không phải băng.

Anh vẫn đang nhìn bông hồng ấy thì nghe thấy tiếng hỗn hển phía sau.

• • •

CELIA ĐẶT TAY LÊN MÔI, như không tin vào mắt mình. Trước đây, những lúc một mình giữa ngút ngàn hoa băng, cô đã bao lần hình dung cảnh tượng Marco đứng trong Vườn Băng này, giờ cảnh tượng ấy dường như không thực dù bộ vét sẫm màu anh đang mặc tương phản với vòm hồng leo nhợt nhạt.

Rồi anh quay lại và nhìn cô. Ngay khi bắt gặp ánh mắt anh, mọi nghi ngại trong cô tan biến hết.

Trong khoảnh khắc, anh trông trẻ đến mức cô có thể thấy cậu bé năm xưa trong anh, nhiều năm trước khi cô gặp anh, khi họ đã gắn kết nhưng còn ở rất xa nhau. Có quá nhiều điều cô muốn nói, những điều cô sợ rằng sẽ chẳng bao giờ có cơ hội để nói lại với anh. Duy chỉ có một điều thực sự quan trọng. “Em yêu anh,” cô nói.

Từng từ vang vọng khắp căn lều, dịu dàng rung động những lá băng.

• • •

MARCO TRẦN TRẦN nhìn Celia khi cô bước tới, anh ngỡ rằng cô chỉ là một giấc mơ.

“Em tưởng đã mất anh,” cô nói khi bước tới bên anh, lời thì thầm run rẩy.

Có vẻ cô cũng hiện hữu như anh, không trong suốt như khu vườn. Trông cô rục rờ và sống động trên nền trắng, một sắc hồng ửng trên gò má, đôi mắt thăm màu ngân ngấn lệ. Anh chạm vào gương mặt cô, sợ đến đờ đẫn rằng những ngón tay anh cũng sẽ xuyên qua cô dễ dàng như vừa xuyên qua đóa hồng.

Bao nhiêu êm dịu vỡ òa trong anh khi anh cảm nhận được cô đang hiện hữu, ấm áp và sống động.

Anh kéo cô vào lòng, nước mắt anh rơi trên làn tóc cô. “Anh yêu em,” anh nói khi có thể thốt nên lời.

• • •

HỌ ĐỨNG ĐÓ, đăm đõi bên nhau, chẳng ai chịu buông người kia ra.

“Em không thể để anh làm vậy,” Celia nói. “Em không thể để anh đi.”

“Em đã làm gì thế?” Marco hỏi. Anh vẫn chưa hoàn toàn chắc chắn mình hiểu hết những gì vừa xảy ra.

“Em đã dùng rap xiếc làm vật chuẩn,” Celia nói. “Em không biết liệu có được không nhưng em không thể để anh ra đi, em phải thử. Em đã cố đưa anh theo em và rồi em đã không thể tìm thấy anh; em nghĩ rằng mình đã mất anh.”

“Anh đây,” Marco nói, vuốt tóc cô. “Anh ở đây rồi.” Đây không phải là những gì anh trông đợi, được giải thoát khỏi thế giới và khôi phục nguyên trạng ở một nơi bị hạn định. Anh không cảm thấy bị hạn định, chỉ thấy cách

biệt, như thể anh và Celia đang chông lấp lên rạp xiếc chứ không phải ở bên trong nó.

Anh nhìn quanh những hàng cây, những nhánh liễu đóng băng dài rủ xuống, những cây cảnh được cắt tỉa dọc lối đi gần đó trông như những bóng ma.

Chỉ đến lúc đó anh mới nhận ra khu vườn đang tan chảy. “Vạc lửa đã tắt,” Marco nói. Giờ anh đã có thể cảm thấy nó, sự trống rỗng. Anh có thể cảm thấy rạp xiếc ở khắp quanh mình, bao lấy anh như màn sương, dường như anh có thể vươn tay và chạm vào hàng rào sắt bất kể khoảng cách. Tìm thấy hàng rào, đoán định được vị trí từ mọi hướng, nơi những căn lều được dựng, thậm chí cả khoảng sân tối nơi Tsukiko đang đứng, gần như chẳng tốn chút sức lực nào. Anh có thể dễ dàng cảm nhận được tổng thể trọn vẹn của rạp xiếc, tựa như cảm nhận lớp áo sơ-mi cọ trên da mình.

Và thứ duy nhất chói sáng bên trong nó chính là Celia. Nhưng đó là thứ ánh sáng chập chờn khi mờ khi tỏ.

Mong manh như ánh nến.

“Em đang cố kết rạp xiếc,” anh nói.

Celia gật đầu. Nó mới chỉ bắt đầu dồn lên cô, nhưng không có vạc lửa thì sẽ khó kiểm soát hơn rất nhiều. Cô không thể tập trung đủ sức lực gắn kết các chi tiết lại. Những nguyên tố đang trôi đi, rớt xuống như những cánh hoa quanh họ.

Và cô biết rằng nếu nó tan vỡ, cô sẽ không thể nào hàn gắn lại được.

Celia run lên. Cô dựa lại khi Marco ôm chặt hơn, nhưng trong vòng tay anh cô vẫn còn run rẩy.

“Hãy buông bỏ đi, Celia.”

“Em không thể,” cô nói. “Nếu em buông bỏ tất cả sẽ sụp đổ.”

“Chuyện gì sẽ xảy ra với chúng ta nếu tất cả sụp đổ?” Marco hỏi.

“Em không biết,” Celia nói. “Em đã tạm ngưng tất cả lại. Rạp xiếc không thể vận hành nếu thiếu chúng ta. Nó cần một người chăm sóc.”

TẠM NGỪNG

NEW YORK, 1 THÁNG MƯỜI MỘT, 1902

Lần cuối Bailey bước vào căn lều này, Poppet đi cùng cậu, và xung quanh mịt mù sương mù dày đặc.

Rồi, Bailey thấy thật khó mà tin được mới chỉ vài ngày trước thôi, căn lều có vẻ như vô tận. Nhưng giờ, khi không có màn sương mù bao phủ, Bailey có thể thấy những bức vách màu trắng của căn lều và mọi sinh vật trong đó, nhưng chẳng có con vật nào cử động.

Chim, dơi và bướm treo mình trong không gian như thể bị giữ bằng dây, hoàn toàn bất động. Không có tiếng đập từ những đôi cánh giấy. Không một chút cử động.

Những sinh vật khác trên mặt đất gần chân Bailey, mèo đen cuộn mình gần cáo trắng đầu bạc. Có cả những con vật lớn hơn. Ngựa vằn với những sọc màu tương phản hoàn hảo. Sư tử duỗi mình nghỉ ngơi với cái bờm tuyết. Con hươu đực với những nhánh gạc cao vút.

Đứng bên cạnh con hươu đực là một người đàn ông trong bộ vét sẫm màu.

Anh ta gần như trong suốt, như một hồn ma, hoặc hình phản chiếu trên thủy tinh. Nhiều chỗ trên bộ vét của anh ta chẳng khác nào những vết bóng tối. Bailey có thể thấy rõ con hươu đực khi nhìn xuyên qua ống tay áo khoác của anh ta.

Bailey đang tự hỏi liệu đó có phải là ảo giác từ tưởng tượng của mình hay không thì người đàn ông đó nhìn cậu, mắt anh ta sáng bừng một cách lạ kì, dù Bailey không tài nào nhìn rõ được đôi mắt ấy màu gì.

“Tôi đã dặn cô ấy là đừng đưa cậu đến bằng cách này,” anh ta nói. “Dù đó là cách trực tiếp nhất.”

“Anh là ai?” Bailey hỏi.

“Tôi tên là Marco,” người đàn ông nói. “Cậu hẳn là Bailey rồi.”

Bailey gật đầu.

“Giá cậu đừng trẻ quá,” Marco nói. Chút gì đó trong giọng nói của anh nghe thật buồn, nhưng Bailey vẫn đang bị phân tâm bởi vẻ ngoài như hồn ma ấy.

“Anh chết rồi phải không?” cậu hỏi, bước lại gần hơn. Ở một góc khác, trong khoảnh khắc Marco trông gần như thực thể hiện hữu, và rồi lại hóa trong suốt ở khoảnh khắc tiếp theo.

“Không hẳn,” Marco đáp.

“Tsukiko đã nói cô ấy là người còn sống duy nhất ở đây biết chuyện gì đã xảy ra.”

“Tôi ngờ rằng cô Tsukiko không phải lúc nào cũng hoàn toàn thành thực.”

“Trông anh giống hồn ma,” Bailey nói. Cậu chẳng thể nghĩ ra cách mô tả nào đúng hơn.

“Với tôi trông cậu cũng thế, vậy ai trong chúng ta mới là thực?”

Bailey không biết phải trả lời ra sao, vì thế cậu hỏi câu hỏi đầu tiên hiện ra trong đầu.

“Chiếc mũ quả dưa rơi trên sân có phải của anh không?”

Trước sự kinh ngạc của cậu, Marco mỉm cười. “Quả đúng là thế,” anh nói. “Tôi đánh mất nó trước khi mọi chuyện xảy ra, vì thế nó bị rớt lại.”

“Chuyện gì đã xảy ra vậy?” Bailey hỏi.

Marco ngừng lại trước khi trả lời. “Đó là một câu chuyện dài.”

“Tsukiko cũng nói y hệt,” Bailey nói. Cậu tự hỏi không biết có thể gặp Widget để được nghe kể chuyện cho ra đầu ra cuối hay không.

“Vậy thì cô ấy đã thành thực ở điểm này,” Marco nói. “Tsukiko định nhốt tôi trong vạc lửa, nguyên do cho việc đó là một câu chuyện còn dài hơn thời gian chúng ta có thể dành cho nó; nhưng một chút thay đổi trong kế hoạch dẫn đến hoàn cảnh hiện tại. Tôi đã bị tách rời rồi lại được hồi lại trong một trạng thái kém tập trung hơn.”

Marco chìa tay ra và Bailey tiến lại gần để chạm vào nó. Những ngón tay cậu xuyên qua không dừng lại, nhưng có một lực cản nhẹ, một cảm giác rằng có thứ gì đó đang chiếm lĩnh không gian, mặc dù không hoàn toàn rắn chắc.

“Đây không phải ảo giác hay chiêu trò pháp thuật,” Marco nói.

Bailey nhú mày suy nghĩ, nhưng sau một lát cậu gật đầu. Poppet đã nói chẳng có gì là không thể, và cậu phát hiện ra mình đang bắt đầu tin như thế.

“Tôi không tương tác với môi trường xung quanh trực tiếp như cậu,” Marco nói tiếp. “Cậu và mọi thứ ở đây trông đều không thực từ góc nhìn của tôi. Có lẽ dịp nào đó chúng ta sẽ nói kĩ hơn về điều này. Hãy đi theo tôi.” Anh ta xoay người và bắt đầu bước về phía sau căn lều. Bailey đi theo, bước vòng qua những con thú. Thật khó tìm chỗ đặt chân, nhưng Marco ở phía trước cậu lướt đi không chút vấp vả.

Bailey mất thăng bằng khi vòng qua một con gấu Bắc cực nằm sấp. Vai cậu va vào một con quạ lơ lửng trong không trung. Con quạ rơi xuống đất, đôi cánh gãy gập lại. Trước khi Bailey có thể nói được gì, Marco tiến tới nhặt con quạ lên, xoay nó trong hai bàn tay. Anh ta điều chỉnh đôi cánh gãy và đưa tay vào bên trong, vắn cái gì đó nghe lách cách. Con quạ xoay đầu và bật ra tiếng “quạ quạ” sắc lạnh như kim loại.

“Sao anh chạm được vào chúng?” Bailey hỏi.

“Tôi vẫn đang tìm hiểu nguyên lý để tương tác với các vật thể,” Marco nói, duỗi thẳng đôi cánh quạ, để nó loạng choạng bước trên cánh tay mình.

Nó vỗ vỗ đôi cánh giấy nhưng không bay được. “Có lẽ có liên quan tới việc tôi đã tạo ra chúng. Những nguyên tố của rạp xiếc mà tôi đã tham gia vào quá trình kiến tạo có vẻ hữu hình hơn.”

Con quạ nhảy xuống bên một đồng vảy bằng giấy có cái đuôi uốn cong trông như từng là một con rồng.

“Thật kỳ diệu,” Bailey thốt lên.

“Tất cả là giấy và bánh răng, được phủ lên những bùa chú khá đơn giản. Học qua chút ít cậu cũng có thể làm được.”

Chưa bao giờ trong đầu Bailey xuất hiện ý nghĩ rằng cậu có thể tự mình làm ra những thứ như thế, nhưng khi được nghe một cách giản đơn và thẳng thắn đến vậy, có vẻ như điều đó dễ ngoài sức tưởng tượng.

“Chúng ta đang đi đâu thế?” Bailey hỏi khi họ tiến tới phía xa của căn lều.

“Có người muốn nói chuyện với cậu,” Marco nói. “Cô ấy đang đợi ở Cây Ước; có vẻ đó là nơi ổn định nhất.”

“Tôi không nhớ đã từng thấy Cây Ước,” Bailey nói, cẩn trọng với từng bước đi khi hai người tiến về phía bên kia căn lều.

“Không phải tự dưng mà thấy được,” Marco nói. “Trái lại, nó chỉ xuất hiện khi được cần tới. Một trong những căn lều tôi rất thích. Cậu có thể lấy một cây nến trong hộp ở lối vào và châm lửa từ một cây nến khác đang cháy dở trên cây. Ước nguyện của cậu được nhóm lên từ điều ước của một ai đó.” Họ đã tới được bức vách của căn lều, và Marco chỉ vào kẽ hở trên tấm vải, một hàng ruy-băng thắt nơ mơ hồ làm Bailey nhớ lại lối vào căn lều của Widget với đầy những chai lọ lạ lùng. “Nếu bước ra từ đây, cậu sẽ thấy lối vào căn lều nghệ sĩ nhào lộn phía bên kia đường. Tôi ở ngay phía sau cậu, dù có thể cậu sẽ không nhìn thấy tôi cho tới khi chúng ta lại vào bên trong. Hãy... hãy bảo trọng nhé.”

Bailey tháo những chiếc nơ ra và trượt ra ngoài căn lều một cách dễ dàng, nhận ra mình đang đứng trên con đường ngoằn ngoèo giữa các căn lều. Bầu

trời trên cao xam xám nhưng sáng sủa, dù cho trời bắt đầu mưa lất phất.

Căn lều nghệ sĩ nhào lộn hiện ra cao hơn hẳn những căn lều xung quanh và tấm biển ghi dòng chữ THÁCH THỨC TRONG LỰC đung đưa ngoài lối vào chỉ cách vài bước chân.

Bailey đã ở trong căn lều này vài lần, cậu biết sàn diễn mở với những nghệ sĩ treo mình trên cao.

Nhưng khi bước qua cánh cửa cậu không bắt gặp không gian rộng mở mà mình vốn hình dung.

Cậu đang bước vào một bữa tiệc. Một lễ kỉ niệm đã bị đóng băng tại chỗ, tạm ngưng giống hệt những cánh chim giấy lơ lửng trong không trung.

Có cả chục nghệ sĩ biểu diễn trong khắp căn lều, tản trong ánh sáng tỏa ra từ những bóng đèn tròn rực rỡ được mắc phía trên đám dây thừng, ghế và những cái lồng tròn. Một số đứng thành nhóm hay cặp, số khác lại ngồi trên gối, các khối hộp và những chiếc ghế, điểm thêm sắc màu cho đám đông có tông đen trắng chủ đạo. Và mỗi dáng hình đều tuyệt đối im lìm. Bất động đến mức dường như họ thậm chí còn không thở. Giống hệt các pho tượng.

Một người gần Bailey có cây sáo trên môi, nhạc cụ lặng ngắt trên ngón tay anh ta.

Người khác đang rót rượu, chất lỏng lơ lửng phía trên miệng ly.

“Lẽ ra chúng ta nên đi vòng,” Marco nói, anh xuất hiện như cái bóng bên cạnh Bailey. “Tôi đã để mắt đến họ hàng giờ đồng hồ và họ chẳng bớt phiền toái đi chút nào.”

“Họ bị sao thế?” Bailey hỏi.

“Không sao cả, theo những gì tôi biết được,” Marco trả lời. “Toàn bộ rạp xiếc đã được tạm ngưng để chúng ta thêm thời gian, vì thế...” Anh nâng một bàn tay lên và vẫy về phía đám tiệc.

“Tsukiko là một phần của rạp xiếc và cô ấy đâu có thể này,” Bailey nói, vẻ băn khoăn.

“Tôi tin rằng cô ấy có luật chơi riêng,” Marco nói. “Đi lối này,” anh nói thêm, tiến vào đám đông.

Định vị đường đi qua bữa tiệc hóa ra còn khó hơn cả đi vòng quanh những con thú giấy, Bailey bước từng bước cực kì cẩn trọng, sợ rằng chuyện gì đó có thể xảy ra nếu cậu vô tình va vào ai đó giống như cậu đã làm rơi con quạ. “Gần tới nơi rồi,” Marco nói khi họ len lỏi quanh một nhóm người tụ lại thành một đường tròn khuyết.

Nhưng Bailey dừng lại, nhìn chăm chăm vào dáng hình mà nhóm người đó đang quay mặt vào.

Widget mặc trang phục biểu diễn nhưng chiếc áo khoác chấp vá của cậu đã được cởi bỏ, áo vét khoác hờ ngoài sơ-mi màu đen. Hai bàn tay cậu đang giơ lên không trung, cử chỉ quá đỗi thân quen đến mức Bailey có thể nhận ngay ra cậu ấy đã bị ngưng lại ngay giữa tiết mục. Poppet đứng cạnh anh trai. Cô quay đầu về phía sân, như thể thứ gì đó lôi kéo sự chú ý của cô khỏi anh trai mình vào đúng khoảnh khắc cả bữa tiệc trở nên bất động.

Mái tóc cô bung ra phía sau, sóng tóc đỏ bồng bênh trong không trung giống như cô đã bị ngưng lại dưới nước.

Bailey bước vòng qua để đối diện với Poppet, rụt rè vươn tay ra chạm vào tóc cô. Nếp tóc lay động dưới những ngón tay cậu, khẽ bồng bênh trước khi trở lại trạng thái bất động.

“Cô ấy có nhìn thấy tôi không?” Bailey hỏi. Đôi mắt Poppet vẫn trong veo. Cậu hi vọng cô sẽ chớp mắt lấy một lần nhưng không hề.

“Tôi không biết,” Marco nói. “Có lẽ, nhưng...”

Trước khi anh kịp nói hết suy nghĩ, một trong những chiếc ghế đang lơ lửng phía trên họ rơi xuống, những thanh gỗ gãy rời. Suýt chút nữa nó trúng vào Widget khi nện xuống mặt đất, bắn ra thành những mảnh nhỏ. “Chết tiệt,” Marco nói khi Bailey nhảy về phía sau, suýt chút nữa va vào Poppet và khiến tóc cô một lần nữa gợn sóng chuyển động. “Qua đây kia,” Marco nói, chỉ về phía hông lều cách đó một quãng. Rồi anh biến mất.

Bailey quay lại nhìn Poppet và Widget. Tóc Poppet đã ở vị trí cứng đờ như cũ. Vụn từ chiếc ghế rơi vương trên đôi ủng của Widget.

Xoay người, Bailey cẩn trọng di chuyển quanh những dáng hình như tượng để tới phía mép căn lều. Cậu lo âu liếc mắt nhìn lên những chiếc ghế khác và những lồng sắt tròn chỉ được treo bằng dải ruy-băng đã xổ ra như sắp đứt.

Ngón tay Bailey run rẩy khi cậu tháo những nút thắt trên bức vách.

Ngay khi bước qua, cậu cảm thấy như mình vừa đi vào một giấc mơ.

Phía trong căn lều nối tiếp có một cái cây cao vút. Hùng vĩ hết như cây sồi già của cậu, vươn thẳng từ đất lên. Những cành đen trụi được phủ kín bởi những cây nến trắng đang chảy sáp, hàng lớp sáp trong suốt đóng trên vỏ cây.

Chỉ một phần các ngọn đèn đang cháy, nhưng khung cảnh không hề kém phần tráng lệ khi ánh sáng chiếu rọi những cành đen vặn xoắn, dập dờn hắt bóng lên những bức vách kẻ sọc.

Phía dưới tán cây, Marco đứng đó, vòng tay anh bao quanh một phụ nữ mà Bailey lập tức nhận ra là ảo thuật gia.

Cô ấy cũng trong suốt như Marco. Chiếc váy dài của cô trông hết như sương dưới ánh nến.

“Chào Bailey,” cô nói khi cậu tiến tới. Giọng cô vang vọng quanh cậu, nhẹ nhàng, gần gũi như thể cô đang đứng ngay cạnh, thì thầm vào tai cậu. “Tôi thích khăn của cậu,” cô nói thêm khi cậu chưa đáp lại ngay. Những từ ngữ trong tai cậu ấm áp và dễ chịu lạ kì. “Tôi là Celia. Tôi không nghĩ là chúng ta đã được chính thức giới thiệu với nhau.”

“Hân hạnh được gặp chị,” Bailey nói.

Celia mỉm cười, và Bailey sửng sốt bởi cô dường như thật khác với lúc cậu xem cô biểu diễn, điều đó thậm chí đáng sửng sốt hơn cả việc cậu có thể nhìn xuyên qua cô thấy những cành cây thẫm màu ở phía sau.

“Sao chị biết tôi sẽ đến đây?” cậu hỏi.

“Poppet từng nói rằng cậu là một phần trong chuỗi sự kiện đã xảy ra, vì thế tôi đã mong cậu thực sự sẽ tới.”

Khi tên Poppet được nhắc tới, Bailey liếc qua vai nhìn về phía bức vách căn lều. Bữa tiệc bị ngưng lại kia dường như xa xôi hơn, không giống như chỉ ở phía bên kia tấm vải bạt.

“Chúng tôi cần cậu giúp một việc,” Celia nói tiếp khi cậu quay lại. “Chúng tôi cần cậu tiếp quản rạp xiếc.”

“Gì cơ?” Bailey hỏi. Cậu không biết mình trông đợi gì, nhưng không phải là việc này.

“Ngay bây giờ rạp xiếc cần một người chăm sóc mới,” Marco nói. “Nó đang trôi đi, giống như con tàu không mỏ neo. Cần có ai đó neo nó lại.”

“Và ai đó là tôi ư?” Bailey hỏi.

“Chúng tôi mong là vậy,” Celia nói. “Nếu cậu sẵn lòng cam kết. Chúng tôi sẽ trợ giúp cậu, Poppet, Widget cũng sẽ giúp đỡ, nhưng trách nhiệm thực sự sẽ là của cậu.”

“Nhưng tôi không... đặc biệt,” Bailey nói. “Không giống như họ. Tôi có phải là kẻ quan trọng gì đâu.”

“Tôi biết,” Celia nói. “Đây không phải là định mệnh của cậu. Giá mà tôi có thể nói với cậu rằng cậu là người được chọn, nếu như điều đó khiến mọi việc trở nên dễ dàng hơn, nhưng không phải vậy. Cậu đã ở đúng nơi vào đúng thời điểm, và cậu có bầu nhiệt huyết để làm những việc cần làm. Đôi khi như thế là đủ.”

Khi quan sát trong ánh sáng chập chờn, đột nhiên Bailey sửng sốt nhận ra Celia già hơn rất nhiều so với vẻ bề ngoài, và Marco dường như cũng vậy. Giống như nhận ra ai đó trong một bức ảnh vào lúc người ta không còn ở cái tuổi khi bức ảnh ấy được chụp, và vì thế họ dường như trở nên xa xôi hơn.

Có cảm giác bản thân rập xiếc cũng thật xa xôi, dù cậu đang đứng trong nó. Như thể nó đang rời xa khỏi cậu.

“Được thôi,” Bailey nói, nhưng Celia giơ bàn tay trong suốt của mình lên ngăn cậu lại trước khi cậu đồng ý.

“Hượm đã,” Celia nói. “Việc này quan trọng. Tôi muốn cậu có được điều mà không ai trong hai chúng tôi thực sự có. Tôi muốn cậu được quyền lựa chọn. Cậu có thể đồng ý với tất cả hoặc có thể ra đi. Cậu không có nghĩa vụ phải giúp, và tôi không muốn cậu cảm thấy như thế.”

“Chuyện gì sẽ xảy ra nếu tôi ra đi?” Bailey hỏi.

Celia ngược nhìn Marco trước khi cô trả lời. Họ chỉ nhìn nhau không nói lời nào, đăm đũa đến mức Bailey phải đưa mắt đi chỗ khác, ngược lên những cành cây vượn xoắn.

“Rập xiếc sẽ không còn nữa,” lát sau Celia nói. Cô không giải thích gì thêm, quay lại với Bailey, nói tiếp. “Tôi biết thế này là đòi hỏi rất nhiều từ cậu, nhưng tôi không còn biết hỏi ai nữa.”

Đột nhiên những ngọn nến trên cây bắt đầu run rẩy. Vài thân nến tối dần, những vòng khói thế chỗ ngọn lửa sáng trong chốc lát trước khi biến mất dạng.

Celia lão đảo. Trong khoảnh khắc Bailey nghĩ cô sẽ ngất xỉu mất, nhưng Marco giữ cho Celia đứng vững.

“Celia, em yêu,” Marco nói, lừa bàn tay qua tóc cô. “Em là người mạnh mẽ nhất mà anh đã từng biết. Em có thể gắng thêm chút nữa, anh biết là em có thể mà.”

“Thật xin lỗi,” Celia nói.

Bailey không biết cô đang nói với ai.

“Em không có lỗi gì cả,” Marco nói.

Celia nắm chặt tay anh.

“Chuyện gì sẽ xảy ra với hai người, nếu như rạp xiếc... ngừng hoạt động?” Bailey hỏi.

“Thành thực mà nói, tôi hoàn toàn không biết nữa,” Celia đáp.

“Không có gì tốt cả,” Marco lầm bầm.

“Hai người cần tôi làm gì nào?” Bailey hỏi.

“Tôi cần cậu kết thúc một việc tôi đã bắt đầu,” Celia nói. “Tôi... tôi đã hành động rất bột phát và tùy tiện chơi những quân bài của mình. Và giờ còn cả vấn đề về vạc lửa nữa.”

“Vạc lửa làm sao ư?” Bailey hỏi.

“Hãy coi rạp xiếc như một cỗ máy,” Marco nói. “Vạc lửa là một trong những thứ truyền năng lượng cho nó.”

“Có hai điều cần xảy ra,” Celia nói. “Thứ nhất, vạc lửa cần phải được thắp sáng. Việc đó sẽ... truyền năng lượng cho một nửa rạp xiếc.”

“Thế còn nửa kia?” Bailey hỏi.

“Nửa đó phức tạp hơn,” Celia nói. “Tôi mang nó bên mình. Và tôi sẽ phải trao lại cho cậu.”

“Ồ...”

“Sau đó cậu sẽ mang nửa còn lại ấy bên mình,” Celia nói. “Mãi mãi. Cậu sẽ bị cột chặt với chính rạp xiếc. Cậu có thể rời đi, nhưng không được lâu. Tôi không biết liệu cậu có thể trao nó cho người nào khác không. Nó sẽ là của cậu. Mãi mãi.”

Chỉ đến lúc đó Bailey mới nhận ra tầm vóc lời cam kết mà cậu đang được đề nghị.

Không phải là vài năm gấn bó với Harvard. Cậu nghĩ thậm chí còn hệ trọng hơn cả gánh vác trách nhiệm đối với nông trại gia đình.

Cậu hết nhìn Marco rồi lại nhìn sang Celia, và từ ánh nhìn trong mắt cô, cậu hiểu cô sẽ để cậu đi nếu cậu muốn ra đi, bất kể điều đó có nghĩa thế nào

với họ hay với rạp xiếc.

Cậu nghĩ tới vô vàn câu hỏi nhưng chẳng có câu nào thực sự quan trọng.

Cậu đã biết câu trả lời của mình.

Cậu đã lựa chọn khi còn là thằng nhóc mười tuổi, dưới một tán cây khác, gắn bó với những trái sồi, những lời thách thức và một chiếc găng tay màu trắng.

Cậu sẽ luôn lựa chọn rạp xiếc.

“Tôi đồng ý,” cậu nói. “Tôi sẽ ở lại. Tôi sẽ làm bất cứ việc gì chị cần tôi thực hiện.”

“Cảm ơn cậu, Bailey,” Celia khẽ nói. Những từ ngữ đọng lại trong tai xoa dịu chút căng thẳng sót lại trong cậu.

“Thêm nữa,” Marco nói. “Tôi nghĩ chúng ta nên chính thức hóa việc này.”

“Anh nghĩ thực sự cần như vậy ư?” Celia nói.

“Tại thời điểm này anh sẽ không yên tâm với một cam kết miệng,” Marco nói.

Celia cau mày trong chốc lát nhưng rồi gật đầu đồng ý, và Marco cẩn thận buông bàn tay cô ra. Cô đứng vững vàng, không còn vẻ run rẩy nữa.

“Anh muốn tôi kí cái gì ư?” Bailey hỏi.

“Không hẳn,” Marco nói. Anh lấy ra một chiếc nhẫn bạc từ bàn tay phải, nó được khắc cái gì đó mà Bailey không thể nhìn rõ trong ánh sáng này. Marco với lên một nhánh cây phía trên đầu và hơ chiếc nhẫn qua một trong những ngọn nến đang cháy cho đến khi nó sáng lên, trắng và nóng.

Bailey tự hỏi ngọn nến ấy có thể là điều ước của ai.

“Tôi đã ước một điều trên cây này nhiều năm về trước,” Marco nói, như thể anh biết Bailey đang nghĩ gì.

“Anh đã ước gì?” Bailey hỏi, hi vọng đó không phải là câu hỏi quá thẳng thừng, nhưng Marco không trả lời.

Thay vào đó, anh nắm chiếc nhẫn đang tỏa sáng trong lòng bàn tay, rồi chìa tay ra với Bailey.

Bailey ngần ngại đưa tay ra, nghĩ rằng những ngón tay mình sẽ xuyên qua bàn tay Marco dễ dàng như trước đó. Nhưng không, chúng ngừng lại, và tay Marco trong tay cậu gần như rắn chắc. Marco nhào người về phía trước và thì thầm vào tai Bailey.

“Tôi đã ước có được cô ấy,” anh nói.

Rồi bàn tay Bailey bắt đầu thấy đau. Cơn đau rõ ràng và rát bỏng khi chiếc nhẫn nóng rực lặn vào da cậu.

“Anh đang làm gì thế?” cậu cố gắng hỏi khi có thể hít thở được. Cơn đau sắc gọn và nhức nhối, rần rật qua toàn bộ cơ thể, và cậu không tài nào ngăn nổi đầu gối mình sụp xuống.

“Gắn kết,” Marco nói. “Đó là một trong những năng lực của tôi.”

Anh buông tay Bailey ra. Cơn đau lập tức chấm dứt nhưng hai chân Bailey vẫn còn bủn rủn.

“Cậu ổn chứ?” Celia hỏi.

Bailey gật đầu, cúi nhìn lòng bàn tay. Chiếc nhẫn đã biến mất, nhưng có một vòng tròn đỏ sáng chói trên da cậu. Không cần hỏi, Bailey biết chắc chắn đó sẽ là vết sẹo cậu sẽ luôn mang theo. Cậu nắm tay lại và nhìn về phía Marco và Celia.

“Hãy cho tôi biết bây giờ tôi cần làm gì,” Bailey nói.

LẦN THỨ HAI VẠC LỬA BỪNG CHÁY

NEW YORK, 1 THÁNG MƯỜI MỘT, 1902

Không mấy khó khăn, Bailey tìm thấy căn phòng nhỏ chật cứng sách vở. Con quạ đen to tướng đậu trong góc chớp mắt nhìn cậu vẻ tò mò khi cậu xếp dọn các thứ trên mặt bàn.

Bailey bồn chồn lật giở cuốn sách bằng da thuộc cỡ lớn cho đến khi tìm thấy trang có chữ kí của Poppet và Widget. Cậu thận trọng xé rời cả trang đó ra khỏi gáy sách.

Cậu tìm thấy một cái bút trong ngăn kéo và viết tên mình dọc trang giấy như đã được hướng dẫn. Trong lúc đợi mực khô cậu gom nốt những thứ cần thiết, rà đi rà lại danh sách trong đầu để khỏi quên bất cứ thứ gì.

Len không khó kiếm, một cuộn lăn gần chõng sách.

Hai lá bài, một lá là quân bài trong bộ năm mươi hai lá quen thuộc, còn lá kia là bài tarot có hình một thiên thần, nằm lẩn trong đồng giấy tờ trên bàn. Cậu kẹp cả vào bìa cuốn sách.

Mấy con bồ câu trong lồng phía trên cậu khẽ khuấy động bằng tiếng vỗ cánh nhè nhẹ.

Mặt đồng hồ bỏ túi trên sợi dây chuyền bạc là khó tìm nhất. Cậu tìm thấy nó trên sàn cạnh bàn, và khi thổi bụi cậu có thể thấy hai chữ viết tắt H.B. khắc phía sau. Chiếc đồng hồ này đã không còn chạy.

Bailey đặt trang giấy bị xé lên trên cuốn sách và kẹp dưới cánh tay. Đồng hồ và cuộn len thì cậu để trong túi áo cùng với cây nến cậu đã lấy từ Cây

Ước.

Con quạ gật gật đầu với Bailey khi cậu rời đi. Lũ bồ câu vẫn say ngủ.

Bailey băng qua căn lều tiếp giáp, đi vòng qua dãy ghế xếp như thể chạy thẳng qua không được lịch sự cho lắm.

Bên ngoài vẫn lất phất mưa.

Cậu hồi hải quay lại khuôn viên và thấy Tsukiko đang đợi mình.

“Celia nói rằng tôi cần mượn cái bật lửa của chị,” cậu nói.

Tsukiko nghiêng đầu về tò mò, nom kì cục như một nàng chim có nụ cười nhe răng của mèo.

“Tôi nghĩ là có thể được đấy,” lát sau cô nói, lôi cái bật lửa bằng bạc từ túi áo khoác ra và tung cho cậu.

Nó nặng hơn cậu tưởng, một cơ chế bánh răng phức tạp gắn trong lớp vỏ bạc đã cũ và xỉn màu, trên vỏ khắc những biểu tượng Bailey không thể nào hiểu được.

“Cẩn thận đấy nhé,” Tsukiko nói.

“Nó có phép thuật ư?” Bailey hỏi, xoay bật lửa trong tay.

“Không, nhưng nó cũ rồi, và được làm bởi một người rất thân thiết với tôi. Tôi hiểu là cậu định nhóm lại đúng không?” Cô ra hiệu về phía cái vạc sắt uốn sừng sừng vốn lưu giữ ngọn lửa.

Bailey gật đầu.

“Cậu có cần giúp không?”

“Chị đang đề nghị sao?”

Tsukiko nhún vai.

“Tôi không quá kì vọng vào kết quả,” cô nói, nhưng có điều gì đó trong cách cô nhìn quanh những căn lều và đám bùn khiến Bailey nghi ngờ lời nói của cô.

“Tôi không tin chị,” cậu nói. “Nhưng tôi thì có kì vọng, và tôi nghĩ tôi nên tự làm việc này.”

Tsukiko mỉm cười với cậu, nụ cười đầu tiên của cô mà cậu thấy có vẻ thành thực.

“Vậy tôi sẽ để cậu lại một mình,” cô nói, lướt bàn tay dọc theo cái vạc sắt, nước mưa bên trong bốc hơi gần hết, cuốn lên thành một đám mây mềm mại và tan biến đi trong màn sương mù.

Không đưa ra thêm lời khuyên hay hướng dẫn gì, Tsukiko bước đi trên con đường kẻ sọc đen trắng, một cuộn khói mỏng bảng lảng phía sau cô, để lại Bailey một mình trên sân.

Bailey nhớ Widget đã kể cho cậu nghe câu chuyện về nghi lễ thả vạc lửa, lần thả đầu tiên. Nhưng bây giờ cậu mới nhận ra đó cũng chính là đêm Widget chào đời. Cậu ấy đã kể chi tiết đến mức Bailey cứ ngỡ Widget đã chứng kiến tận mắt. Những cung thủ, những sắc màu, màn trình diễn.

Và giờ Bailey đang đứng đây, cố gắng hoàn thành công việc tương tự với chỉ một cuốn sách, nhúm len và cái bật lửa đi mượn. Một mình. Trong mưa.

Cậu lăm bằm với bản thân những gì cậu có thể nhớ từ lời hướng dẫn của Celia, những thứ còn phức tạp hơn cả việc đi tìm sách và thắt dây. Những thứ cậu không thực sự hiểu hết, về sự tập trung và xác định rõ mục đích. Bailey bọc cuốn sách bằng một đoạn len mịn nhuộm đỏ thẫm, có chỗ sẫm hơn bởi thứ gì đó đã khô và màu nâu.

Cậu thắt nút ba lần, đóng cuốn sách lại với trang giấy được xé rời trên bìa, những lá bài kẹp chặt bên trong.

Bailey lồng chiếc đồng hồ bỏ túi ra ngoài cuốn sách, thắt vòng sợi dây chuyền cho chặt hết mức có thể.

Cậu ném tất cả vào cái vạc trống không, một tiếng “bịch” ướt át buồn bã vang lên, chiếc đồng hồ va vào kim loại.

Chiếc mũ quả dưa của Marco nằm trên bùn cạnh chân Bailey. Cậu cũng ném vào vạc.

Cậu ngoái lại hướng căn lều nghệ sĩ nhào lộn, từ sân có thể thấy đỉnh lều, cao hơn tất cả những căn xung quanh. Và rồi, bột phát một cách bản năng, cậu lôi những thứ còn trong túi áo ra, thả hết vào vạc. Tấm vé bạc của cậu.

Bông hồng khô cậu đã cài trên ve áo vào bữa tối cùng những *kẻ mộng mơ*. Chiếc găng tay màu trắng của Poppet. Bailey chần chừ, xoay trong tay chai thủy tinh bé xíu đựng phiên bản cây sồi của cậu mà Widget đã tạo ra, nhưng rồi cậu cũng thả nó vào vạc, hơi giật mình khi nó va vào sắt vỡ tan.

Một tay Bailey cầm cây nến trắng, tay kia cầm cái bật lửa của Tsukiko.

Cậu loay hoay với cái bật lửa một lát trước khi lửa tóe ra.

Rồi cậu châm nến bằng ngọn lửa màu cam rực rỡ. Cậu ném cây nến cháy vào vạc.

Chẳng có gì xảy ra.

Tôi lựa chọn điều này, Bailey nghĩ. Tôi muốn điều này. Tôi cần điều này. Tôi cầu mong. Xin hãy để điều này xảy ra.

Cậu ước, thành tâm hơn tất cả những gì cậu từng ước dưới ánh nến sinh nhật hay với những vì sao băng. Ước cho bản thân mình. Cho những *kẻ mộng mơ* choàng khăn đỏ. Cho nghệ nhân chế tác đồng hồ cậu chưa từng gặp mặt. Cho Celia và Marco, Poppet và Widget và thậm chí cho cả Tsukiko, dù cô đã nói rằng cô không quan tâm.

Bailey nhắm mắt.

Trong khoảnh khắc, mọi vật đều bất động. Kể cả cơn mưa lất phất cũng đột nhiên dừng lại.

Cậu cảm thấy có đôi bàn tay đặt lên vai mình.

Cảm giác trĩu nặng đè trong lồng ngực.

Có thứ gì đó trong chiếc vạc bằng sắt uốn kia bắt đầu lóe sáng.

Khi ngọn lửa bùng lên chúng sáng rực và đỏ thẫm.

Khi chuyển sắc sang trắng, ngọn lửa bùng bùng chói lóa, những tia lửa rơi xuống như sao sa.

Sức nóng đẩy Bailey bước giật lùi, tràn qua cậu như cơn sóng, không khí nóng ran sộc vào buồng phổi cậu. Bailey ngã ra mặt đất giờ không còn tro bụi và bùn lầy mà rắn chắc và khô ráo với những họa tiết xoắn ốc màu đen và trắng.

Tất cả xung quanh cậu, đèn bắt đầu nhá sáng dọc theo các căn lều, lung linh như một đàn đom đóm.

• • •

MARCO ĐỨNG DƯỚI VÒM CÂY ƯỚC, nhìn những ngọn nến sáng bùng dọc các cành cây.

Lát sau, Celia xuất hiện lại bên anh.

“Có thành công không?” anh hỏi. “Hãy nói với anh là đã thành công đi.”

Đáp lại, cô hôn anh như anh đã từng hôn cô giữa căn phòng vũ hội đông đúc ngày ấy.

Như thế họ là hai người duy nhất trên thế gian này.

Phần V

TIÊN ĐOÁN

Tôi thấy mình không phải nhà văn mà là người mở ra cánh cổng, con đường tiếp tuyến cho độc giả đến với rạp xiếc. Để ghé thăm rạp xiếc một lần nữa, dù chỉ trong tâm tưởng, khi không thể tự mình tới rạp. Tôi truyền thông điệp ấy đi qua những câu chữ in trên giấy báo nhàu nát, những câu chữ được người ta đọc hoài đọc mãi, để hễ muốn là lại có thể trở về với rạp xiếc, bất cứ khi nào, bất kể thời khắc nào trong ngày hay nơi chốn nào trên thế gian. Mang đi tức khắc.

Nói như vậy, nghe cũng màu nhiệm như phép thuật, phải không?

• **FRIEDRICK THIESSEN, 1898**

Những ngày tháng tiệc đã tan.

Những vai diễn chỉ là bóng ma, ta tiên lượng Tan vào không gian, tan vào tịch mịch: Như ảo ảnh mong manh trước mắt

Đình tháp mù sương, thành quách tráng lệ Đền đài tôn nghiêm, và bản thể vũ trụ Phải, những gì lưu truyền rồi sẽ hóa hư vô Và như đám rước lộng lẫy mờ xa

Chẳng còn lưu dấu vết. Ta chỉ là Nơi trú ngụ của những cơn mơ, Mảnh đời ta tròn trong giấc mộng.

• **PROSPERO, CƠN BÃO, HỒI IV, CẢNH I**

NHÌN THẤU SỐ PHẬN

Đã muộn, vì thế chẳng còn ai xếp hàng gặp người tiên đoán tương lai.

Dù bên ngoài không khí đêm mát lạnh thơm mùi caramel và khói, trong lều ấm áp sức nức hương trầm, hoa hồng và sáp ong.

Bạn không phải đợi lâu trong phòng chờ trước khi bước qua tấm rèm hạt cườm.

Những dải hạt cườm va vào nhau nghe như mưa. Nến thắp thành hàng trong căn phòng sau tấm rèm.

Bạn ngồi xuống bàn ở chính giữa căn phòng. Ghế bạn ngồi thoải mái một cách ngạc nhiên.

Tấm mạng đen mượt che đi gương mặt người tiên đoán tương lai, nhưng ánh sáng bắt được ánh mắt khi cô mỉm cười.

Cô không có quả cầu pha lê. Không một bộ bài.

Chỉ có năm sao bạc lấp lánh cô rải ra trên mặt bàn nhưng rồi đọc chúng như đọc cổ ngữ.

Cô nói ra những điều mà bạn không hiểu sao cô có thể biết tường tận một cách kỳ lạ.

Cô nói với bạn những điều bạn đã biết. Những điều bạn có thể đã từng đoán. Những khả năng bạn không thể thấu hiểu một cách tường minh.

Những ngôi sao trên bàn dường như đang di chuyển trong ánh nến bập bùng. Dịch chuyển và thay đổi trước mắt bạn.

Trước khi bạn rời đi, người tiên đoán tương lai nhắc bạn rằng tương lai chẳng bao giờ là bất biến.

NHỮNG BẢN THIẾT KẾ

LONDON, THÁNG MƯỜI HAI 1902

Poppet Murray đứng ở bậc tam cấp trước *la maison* Lefèvre, tay xách vali da, một chiếc túi đặt cạnh chân. Cô rung chuông cả chục lần, rồi đập cửa liên hồi dù có nghe thấy tiếng chuông vang vọng trong ngôi nhà.

Cuối cùng cánh cửa cũng mở ra, đích thân Chandresh đứng phía sau, áo sơ-mi màu tím phớt không nhét trong quần và ông đang cầm một mảnh giấy nhàu nhĩ trong tay.

“Lần cuối cùng ta gặp nhau trông cháu nhỏ hơn,” ông nói, ngắm Poppet một lượt từ đôi ủng đến mái tóc đỏ xù lên. “Và có hai đứa cháu.”

“Anh trai cháu đang ở Pháp ạ,” Poppet nói, xách túi lên và theo Chandresh vào trong.

Pho tượng đầu voi vàng kim trong sảnh cần được đánh bóng. Ngôi nhà trong trạng thái lộn xộn, hoặc có thể nói lộn xộn hết mức, từ sàn đến trần nhét đầy đồ cổ, sách vở và những tác phẩm nghệ thuật, có thể lộn xộn một cách âm áp và phong phú như nó vốn thế. Nhưng trong nhà không có thứ ánh sáng rực rỡ như khi Poppet từng cùng Widget chạy từ sảnh này sang sảnh khác, như chỉ mấy năm trước, len lỏi qua buổi dạ tiệc sặc sỡ như cầu vồng mà đuổi theo hai con mèo sọc cam.

“Người làm của ông đâu cả rồi ạ?” Poppet hỏi khi họ bước lên cầu thang.

“Ta đã sa thải cả đồng bọn chúng rồi,” Chandresh nói. “Một lũ vô dụng, chẳng thể giữ nổi thứ gì đúng chỗ. Ta chỉ giữ lại mỗi đám đầu bếp. Cũng đã lâu không có bữa tiệc tối nào, nhưng ít nhất bọn họ còn biết mình đang làm gì.”

Poppet theo sau ông đi dọc sảnh có hàng cột để tới phòng làm việc của ông. Trước đây cô chưa từng vào căn phòng này, nhưng cô ngờ rằng nó luôn chật kín các bản thiết kế, phác thảo và những chai brandy trống rỗng.

Chandresh băng qua phòng, nhét mảnh giấy nhàu nát trong tay vào một chõng trên ghế, uể oải nhìn mấy bản vẽ thiết kế treo trên các cửa sổ.

Poppet dọn một khoảng trống trên bàn để đặt va-li xuống, dẹp bớt sách vở, gạt hươu và mấy con rùa được chạm bằng ngọc bích sang một bên. Cô đặt túi xách xuống sàn cạnh đó.

“Sao cháu đến đây?” Chandresh hỏi, quay lại và nhìn Poppet như thể ông mới vừa nhận ra sự hiện diện của cô.

Poppet nhanh chóng mở va-li trên bàn, lôi ra một đống dày những giấy tờ.

“Cháu cần ông giúp, ông Chandresh ạ,” cô nói.

“Có thể là chuyện gì nào?”

“Cháu muốn ông kí nhượng quyền sở hữu rạp xiếc.” Poppet thấy một cái bút mực nằm lẫn trong đám lộn xộn trên bàn và thử nguệch vài nét trên một mẫu giấy xem bút còn mực không.

“Trước tiên, rạp xiếc chưa bao giờ là của ta,” Chandresh lẩm bẩm.

“Dĩ nhiên nó là của ông,” Poppet nói, viết một chữ *P* uốn lượn. “Rạp xiếc là ý tưởng của ông. Nhưng cháu biết ông không có thời gian cho nó, và cháu nghĩ có lẽ tốt nhất nếu ông nhượng lại vị trí chủ sở hữu của mình.”

Chandresh suy nghĩ một lát, nhưng rồi ông gật đầu và bước về phía bàn để đọc qua bản hợp đồng.

“Cháu có tên của Ethan và Lainie ở đây, nhưng không có Tante Padva,” ông nói khi đọc kĩ bản hợp đồng.

“Cháu đã nói chuyện với tất cả bọn họ rồi,” Poppet nói. “Madame Padva không muốn tham gia gì nữa, nhưng cũng yên tâm là cô Burgess có thể gánh vác trách nhiệm của bà ấy.”

“Ông Clarke trong này là ai vậy?” Chandresh hỏi.

“Anh ấy là bạn rất thân của cháu,” Poppet nói, hai má thoáng ửng hồng. “Và anh ấy sẽ chăm lo chu đáo cho rạp xiếc.”

Khi Chandresh đọc tới cuối văn bản, cô đưa cho ông cây bút.

Ông kí tên mình bằng động tác hoa mỹ hững hờ, thả bút rơi xuống mặt bàn.

“Cháu rất cảm kích vì những gì ông đã làm.” Poppet thổi mực cho khô rồi cất hộp đồng vào va-li. Chandresh lười biếng xua tay khi nghe những lời ấy, ông quay lại cửa sổ và nhìn chăm chăm vào mấy bức thiết kế trải rộng treo trên đó.

“Mấy bản thiết kế này để làm gì ạ?” Poppet hỏi sau khi đóng va-li lại.

“Ta đã có tất cả những... *những sơ đồ thiết kế* này từ Ethan và ta không biết phải làm gì với chúng,” Chandresh nói, vung cánh tay về phía mớ giấy tờ.

Poppet cởi áo khoác, vắt nó lên lưng ghế, nhìn kĩ hơn những bản thiết kế và phác thảo treo trên giá và dính trên các tấm gương, những bức tranh và các ô cửa sổ. Một vài là bản vẽ những căn phòng hoàn chỉnh, số khác là phần kiến trúc ngoại thất hoặc những vòm cung hoặc sảnh phức tạp.

Cô dừng lại trước tấm bia đỡ phi tiêu, một con dao bạc găm trên mặt bia bằng bắc, lưỡi dao dính mấy vết thẫm màu. Con dao biến mất khi Poppet đi qua, nhưng Chandresh không hề nhận ra.

“Lẽ ra những thiết kế này là để cải tạo ngôi nhà,” ông nói khi cô đi quanh phòng, “nhưng tất cả lại không hòa hợp với nhau.”

“Đó là một bảo tàng,” Poppet nói, hình dung lại những hình vẽ trong đầu và nhận ra nhiều điểm giống với tòa nhà cô đã nhìn thấy giữa những vì sao. Những hình ảnh lộn xộn, nhưng không thể nhầm được. Cô kéo mấy bản thiết kế xuống và đối chiếu chúng với nhau, sắp xếp lại từng phần một. “Không phải là tòa nhà này,” Poppet giải thích khi Chandresh nhìn cô tò mò.

“Mà là một tòa nhà mới.” Cô lấy một chuỗi cánh cửa, những phiên bản khác nhau của cùng một lối vào, và đặt tất cả cạnh nhau trên sàn, để từng cánh cửa dẫn tới một căn phòng khác nhau.

Chandresh nhìn cô sắp xếp các bản thiết kế, một nụ cười nở trên gương mặt bởi ông bắt đầu hiểu những gì cô đang làm.

Ông tự điều chỉnh mớ giấy màu xanh Phổ, ứng với những sắp xếp của Poppet, đặt những cột giá sách uốn lượn bao quanh mô hình những ngôi đền Ai Cập cổ đại. Họ ngồi cùng nhau trên sàn nhà, kết nối các căn phòng, sảnh và cầu thang.

Chandresh toan gọi Marco, nhưng kịp ngăn mình lại. “Ta cứ quên mất là cậu ta đã đi rồi,” ông nói với Poppet. “Bỏn một ngày ra đi và không quay lại. Cũng chẳng thèm nhắn lại một lời. Một người luôn ghi chép thường sẽ để lại lời nhắn, phải không cháu?”

“Cháu tin rằng anh ấy không hề định trước sẽ ra đi,” Poppet nói. “Và cháu biết anh ấy rất tiếc khi không thể thu xếp ổn thỏa trách nhiệm của mình ở đây.”

“Cháu có biết sao cậu ta ra đi không?” Chandresh hỏi, ngược lên nhìn cô.

“Anh ấy ra đi để ở bên Celia Bowen đấy,” Poppet nói, không ngăn nổi nụ cười.

“Ha!” Chandresh reo lên. “Không hề nghĩ cậu ta lại là người như thế. Tốt cho cả hai. Hãy cùng nâng ly nào.”

“Nâng ly ấy ạ?”

“Ừ nhỉ, không có champagne,” Chandresh nói, gạt sang bên đống chai brandy trống không khi ông bày ra thêm một dây phác thảo xuống sàn nhà. “Chúng ta sẽ dành tặng họ một căn phòng, cháu nghĩ họ sẽ thích phòng nào?”

Poppet nhìn khắp các bản thiết kế và phác thảo. Một vài cái cô nghĩ một trong hai hoặc cả hai người bọn họ sẽ thích. Cô dừng lại trước bức vẽ một

căn phòng hình tròn, không có cửa sổ, chỉ được chiếu sáng bởi ánh sáng lọc qua bể cá koi trong lớp thủy tinh phía trên cao. Yên bình và quyến rũ.

“Cái này ạ,” cô nói.

Chandresh lấy bút chì và viết “Dành tặng M. Alisdair và C. Bowen” dọc mép tờ giấy.

“Cháu sẽ tìm giúp ông một phụ tá mới,” Poppet đề nghị. “Cháu sẽ ở lại London một thời gian.”

“Ta rất cảm kích, cháu thân mến.”

Chiếc túi xách lớn mà Poppet đặt trên sàn bỗng đổ nghiêng đánh “thịch”.

“Cái gì trong túi đó thế?” Chandresh hỏi, nhìn với vẻ lo lắng ra mặt.

“Quà cháu mang đến tặng ông ạ,” Poppet vui vẻ nói. Cô dựng lại chiếc túi, cẩn thận mở và bế ra một con mèo con lông đen với những đốm trắng dọc các chân và đuôi. Trông như vừa được nhúng vào kem vậy.

“Tên nó là Ara,” Poppet nói với Chandresh. “Khi nào ông gọi thì nó sẽ đến, nó cũng có mấy trò nghịch ngợm vặt, nhưng nhìn chung nó thích được chú ý và ngồi ở cửa sổ. Cháu nghĩ ông có thể thích bầu bạn.”

“Xin chào, Ara,” ông nói.

“Cháu sẽ không trao trả lại kí ỨC cho ông,” Poppet nói và nhìn Chandresh khi con mèo con đang cố leo lên lòng ông. “Cháu cũng chẳng biết nếu muốn thì cháu có thể trả lại cho ông được hay không, hình như anh Widge làm được. Tại thời điểm này, cháu không nghĩ là ông cần gánh nặng kí ỨC đó. Cháu nghĩ nhìn về phía trước sẽ tốt hơn là nhìn lại.”

“Cháu đang nói gì thế?” Chandresh hỏi, nhắc con mèo lên và gãi phía sau tai nó khi nó rên khừ khừ.

“Không có gì ạ,” Poppet nói. “Cảm ơn ông, Chandresh.” Cô nhào người và hôn lên má ông.

Ngay khi môi cô chạm vào da ông, Chandresh cảm thấy tốt hơn nhiều so với hàng năm nay, như thể cuối cùng thì lớp sương mù cũng đã tan biến. Tâm trí ông sáng rõ, những thiết kế cho bảo tàng trở nên thật thống nhất, những ý tưởng về các dự án tương lai hiện ra theo cách có vẻ như vô cùng khả thi.

Chandresh và Poppet dành hàng giờ sắp xếp và bổ sung vào các bản thiết kế, sáng tạo một không gian mới để chất đầy những đồ cổ, nghệ thuật và mục tiêu cho tương lai.

Trong khi họ làm việc, con mèo con lông đen trắng nghịch ngợm cào vào những mép giấy cuộn cong lên.

NHỮNG CÂU CHUYỆN

PARIS, THÁNG MỘT 1903

Những câu chuyện đã thay đổi, chàng trai thân mến của tôi,” người đàn ông mặc bộ đồ xám nói, giọng phảng phất buồn. “Chẳng còn trận chiến nào giữa thiện và ác, chẳng còn quái vật nào phải tiêu diệt, chẳng còn quý cô nào cần giải cứu. Theo kinh nghiệm của ta, hầu hết các quý cô đều hoàn toàn có thể tự cứu mình, chỉ ít là những cô có chút phẩm chất. Chẳng còn những câu chuyện đơn thuần với những cuộc chinh phục, dã thú và kết thúc có hậu. Những cuộc chinh phục thiếu mất mục tiêu hoặc hành trình kiên định. Dã thú biến hóa muôn hình vạn trạng và thật khó nhận ra chúng là giống gì. Và chẳng bao giờ thực sự có hồi kết, dù có hậu hay không. Sự vật cứ tiếp diễn, phủ lấp lên nhau và nhòe đi, câu chuyện của cậu là một phần câu chuyện của em gái cậu, mà câu chuyện đó vốn lại là một phần của muôn vàn câu chuyện khác, và chẳng thể đoán được rồi chúng sẽ dẫn tới đâu. Thiện và ác bội phần phức tạp hơn nàng công chúa và con rồng, hoặc con sói và cô bé quàng khăn đỏ. Và chẳng phải con rồng là nhân vật chính trong câu chuyện của chính nó hay sao? Chẳng phải con sói cũng đơn thuần hành động như một con sói vốn thể hay sao? Dù có thể đó là con sói hiếm hoi tiến xa được nhường ấy, mặc đồ đóng giả bà ngoại để đùa giỡn con mèo.”

Widget nhấp ly rượu, cân nhắc từ ngữ trước khi đáp lại. “Nhưng như thế không có nghĩa là không bao giờ có những câu chuyện giản đơn bình thường, phải không?” cậu hỏi.

Người đàn ông mặc đồ xám nhún vai, nhắc chai rượu lên khỏi mặt bàn và rót đầy ly của mình.

“Đó là một vấn đề phức tạp. Cốt lõi của câu chuyện và những ý tưởng đằng sau nó là đơn giản. Thời gian làm biến đổi và cô đọng những sắc thái tinh túy nhất, khiến tất cả còn hơn cả một câu chuyện, vượt khỏi phép cộng gộp những tình tiết khác nhau. Nhưng điều đó cần có thời gian. Những câu chuyện chân thực nhất cần thời gian và sự quen thuộc để định hình.”

Người phục vụ dừng lại bên bàn và nói mấy câu với Widget, chẳng hề để ý tới người đàn ông mặc đồ xám.

“Cậu nói được bao nhiêu thứ tiếng?” ông ta hỏi khi người phục vụ rời đi.

“Tôi chưa bao giờ dừng lại để đếm,” Widget nói. “Tôi có thể nói bất cứ tiếng gì một khi tôi đã nghe đủ để nắm được cơ bản.”

“Ấn tượng đấy.”

“Tôi nhận nhanh được những điều vụn vặt một cách tự nhiên, và Celia đã dạy tôi cách nhận ra cấu trúc, sắp đặt các âm lại với nhau thành những chỉnh thể.”

“Ta hi vọng cô ấy là người thầy giỏi hơn cha cô ấy.”

“Từ những gì tôi biết về cha cô ấy thì họ khá khác nhau. Chẳng hạn như cô ấy chưa bao giờ ép Poppet hay tôi tham gia vào những trò chơi phức tạp.”

“Cậu có biết cuộc đấu mà cậu đang ám chỉ thực sự là gì không?” người đàn ông mặc đồ xám hỏi.

“Ông có biết không?” Widget hỏi. “Hình như tôi vẫn chưa hoàn toàn hiểu được khúc chiết.”

“Trên đời này có mấy thứ được khúc chiết đâu. Rất lâu về trước - ta nghĩ cậu có thể nói *Ngày xưa ngày xưa* nếu muốn nghe cho giống một câu chuyện trọng đại hơn bản chất của nó - một trong những người học trò đầu tiên của ta và ta bất đồng về những quy luật của thế giới, về sự vĩnh cửu, sức chịu đựng và thời gian. Hẳn nghĩ rằng các hệ thống của ta đã lỗi thời. Hẳn xây dựng những phương pháp riêng, những phương pháp hẳn cho rằng ưu việt hơn. Ta giữ quan điểm rằng chẳng có phương pháp luận nào đáng giá

trừ phi nó có thể truyền dạy được, và thế là hẳn bắt đầu dạy. Cuộc so tài giữa học trò của chúng ta ban đầu chỉ là những bài kiểm tra đơn giản, dù theo thời gian đề bài trở nên phức tạp hơn. Về bản chất, tất cả luôn là những thách thức về sự rối loạn và kiểm soát để xem thủ thuật nào mạnh nhất. Một mặt nó chỉ đặt riêng hai đối thủ lên sàn đấu và đợi xem ai là kẻ bị đo ván. Mặt khác là để xem đấu thủ xử trí thế nào khi có những yếu tố khác chi phối sàn đấu. Mỗi đòn tung ra là có một phản đòn. Trận đấu cuối cùng này đặc biệt thú vị. Ta thừa nhận rằng cô Bowen đã tìm được một lối thoát rất thông minh. Nhưng ta thực sự tiếc đã mất đi một học trò.” Ông nhấp một ngụm rượu. “Cậu ấy có lẽ là học trò xuất sắc nhất của ta.”

“Ông tin rằng anh ta đã chết ư?” Widget hỏi. Người đàn ông đặt ly rượu xuống.

“Cậu tin rằng cậu ta chưa chết sao?” ông hỏi ngược lại sau hồi lâu im lặng.

“Tôi biết anh ta chưa chết. Cũng như tôi biết rằng, cha của Celia cũng chưa chết, thực sự, và đang đứng cạnh cửa sổ kia.” Widget nâng ly lên nghiêng về phía khung cửa sổ khuất bóng cạnh cửa ra vào.

Hình ảnh trên ly rượu có thể là một người đàn ông tóc hoa râm trong tấm áo kiểu cách, hoặc cũng có thể là tổng hòa những hình phản chiếu của khách hàng, bồi bàn cùng thứ ánh sáng bị bẻ cong và vỡ vụn từ ngoài phố, kẽ lay động trước khi trở nên hoàn toàn không thể phân biệt nổi.

“Không ai trong hai người đó đã chết,” Widget tiếp tục. “Nhưng họ cũng chẳng phải là chưa chết.” Cậu gật đầu về phía cửa sổ. “Họ ở bên trong rạp xiếc. Họ là rạp xiếc. Ông có thể nghe thấy tiếng bước chân của anh ấy trong Mê Hồn Trận. Ông có thể ngửi thấy hương thơm của cô ấy trong Vân Mê Cung. Thật tuyệt diệu.”

“Cậu nghĩ bị giam cầm là tuyệt diệu ư?”

“Chỉ là cách nghĩ thôi,” Widget nói. “Họ có nhau. Họ ở trong một không gian khác thường, một không gian có thể, và sẽ, lớn lên và thay đổi quanh

họ. Ở một phương diện nào đó, họ có thể giới, chỉ bị giới hạn bởi trí tưởng tượng của anh ấy. Marco đã dạy ảo giác thuật của anh ấy cho tôi, nhưng tôi vẫn chưa lĩnh ngộ được hết. Vì thế, đúng vậy, tôi nghĩ tất cả thật tuyệt diệu. Anh ấy đã coi ông như cha mình, ông biết chứ.”

“Cậu ta đã nói với cậu như thế sao?” người đàn ông mặc đồ xám hỏi.

“Không phải bằng lời,” Widget nói. “Marco để cho tôi đọc anh ấy. Tôi nhìn được quá khứ của người khác, có lúc rất chi tiết nếu như người đó tin tưởng tôi. Anh ấy tin tôi vì Celia tin tôi. Tôi nghĩ anh ấy không còn oán trách ông nữa. Nhờ ông, Marco mới có được cô ấy.”

“Ta đã chọn cậu ta để đối nghịch với cô ấy, và để bổ trợ. Có lẽ ta đã chọn quá đúng rồi.” Người đàn ông mặc đồ xám ngả người sát lại, như để có thể kín đáo thì thầm, nhưng tông giọng vẫn không thay đổi. “Đó là một sai lầm, cậu biết đấy. Họ quá ư hòa hợp. Quá bị đối phương hấp dẫn để có thể ganh đấu với nhau. Và giờ thì họ không thể bị tách rời. Đáng tiếc.”

“Có lẽ ông chẳng phải là một kẻ lãng mạn,” Widget nói, nhắc chai lên rót cho mình.

“Ta cũng có thời tuổi trẻ. Cách đây rất, rất lâu rồi.”

“Tôi có thể nhận ra,” Widget nói khi cậu đặt lại chai lên bàn. Quá khứ của người đàn ông mặc đồ xám trải dài ngược về rất lâu, lâu lắm rồi. Lâu hơn bất kì ai mà Widget từng gặp. Cậu chỉ có thể đọc được phần nào, rất nhiều phần đã bợt đi và phai mờ. Phần liên quan tới rạp xiếc là rõ nhất, dễ nắm bắt nhất. “Trông ta già đến thế sao?”

“Ông không có bóng.”

Người đàn ông mặc đồ xám nở một nụ cười, sự thay đổi duy nhất có thể nhận ra trên gương mặt ông trong suốt buổi tối.

“Cậu khá miễn cảm đấy,” ông nói. “Chưa từng có ai trong một trăm, thậm chí có lẽ một nghìn người có thể nhận ra nhiều đến vậy. Đúng thế, tuổi ta quả có lớn thật. Ta đã chứng kiến vô khối điều trong cuộc đời mình. Có

những điều ta muốn quên đi. Suy cho cùng những điều đó đè nặng lên một con người. Mọi thứ đều như vậy, theo cách riêng của chúng. Cũng như mọi thứ đều phai nhạt dần theo thời gian. Ta không nằm ngoài qui luật đó.”

“Cuối cùng ông sẽ giống như ông ấy ư?” Widget hát đầu về phía cửa sổ.

“Chắc chắn ta hi vọng là không. Ta sẵn lòng chấp nhận những điều không thể tránh, kể cả nếu ta có cách để thoát khỏi chúng. Ông ấy tìm kiếm sự bất tử, vốn là một điều kinh khủng để theo đuổi. Vấn đề không ở chỗ theo đuổi bất cứ điều gì, mà ở chỗ trốn tránh điều không thể tránh khỏi. Rồi dần dần ông ấy sẽ khinh miệt trạng thái đó, nếu đến giờ vẫn chưa cảm thấy như vậy. Ta hi vọng học trò của ta và thầy của cậu sẽ may mắn hơn.”

“Ý ông là... ông hi vọng họ có thể chết được ư?” Widget hỏi.

“Chỉ là ta hi vọng dù họ tìm thấy bóng tối hay thiên đàng thì vẫn không e sợ nó, nếu như họ có thể.” Ông ngừng lại trước khi nói thêm, “Ta cũng mong như vậy cho cậu và băng hữu của cậu.”

“Cảm ơn ông,” Widget nói, dù không dám chắc mình hiểu hết câu nói đó.

“Ta đã gửi chiếc nôl vào ngày cậu chào đời, để đón mừng cậu và em gái cậu tới với thế giới. Vậy chỉ ít điều ta có thể làm là chúc cậu sẽ rời khỏi nó một cách thanh thản, bởi ta thực không dám chắc mình có thể ở đó tiễn biệt cậu. Thật ra ta hi vọng ta sẽ không phải là người tiễn biệt.”

“Chẳng lẽ pháp thuật không đủ là mục đích sống sao?” Widget hỏi.

“Pháp thuật,” người đàn ông mặc đồ xám nhắc lại, biến từ đó thành tiếng cười. “Đây không phải là pháp thuật. Đây là cách mà thế giới này vốn thế, chỉ rất ít người dành thời gian dừng lại và nhận ra điều đó. Hãy nhìn quanh cậu mà xem,” ông nói, vẫy tay về phía các bàn xung quanh. “Không ai trong số họ có dù chỉ chút ý niệm mơ hồ về những điều có thể xảy ra trong thế giới này, và tệ hơn, không ai sẽ lắng nghe nếu cậu cố gắng khai sáng cho họ. Họ muốn tin rằng pháp thuật chẳng là gì ngoài trò lừa đảo ranh mãnh, bởi nếu nghĩ rằng pháp thuật có thật, họ sẽ mất ngủ cả đêm, lo sợ cho sự sinh tồn của chính mình.”

“Nhưng một số người ta có thể khai sáng được,” Widget nói.

“Quả đúng thế, những điều như vậy có thể truyền dạy được. Sẽ dễ dàng hơn với những trí óc trẻ trung hơn. Đương nhiên, có những kĩ xảo. Hoàn toàn không phải những trò vớ vẩn như thỏ-trong-mũ, mà là những cách thức khiến vũ trụ này trở nên dễ tiếp cận hơn. Ngày nay, rất, rất ít người dành thời gian học chúng, thật không may là thế, thậm chí còn càng ít người có thể tự nhiên tiếp cận. Cậu và em gái cậu thì có, như một hệ quả bất tiền định trong đêm *mở màn* rạp xiếc của cậu. Cậu làm gì với tài năng đó? Nó phục vụ mục đích gì?”

Widget cân nhắc trước khi trả lời. Vượt ra ngoài ranh giới của rạp xiếc, dường như có quá ít nơi dành cho những điều như vậy, dù có lẽ đó chính là một phần quan điểm của ông. “Tôi kể chuyện,” cậu nói. Đó là câu trả lời chân thực nhất mà cậu có.

“Cậu kể chuyện ư?” người đàn ông hỏi, gần như có thể cảm nhận được sự hứng thú trong giọng nói.

“Những câu chuyện, giai thoại, sử thi,” Widget nói. “Ông có thể gọi chúng là gì cũng được. Những gì chúng ta thảo luận lúc trước thực ra còn phức tạp hơn xưa nhiều. Tôi nhặt những mảnh quá khứ tôi đã thấy và gắn chúng lại thành những câu chuyện. Thực ra không có gì to tát hệ trọng, và đó cũng không phải lý do tôi ở đây...”

“Hệ trọng chứ,” người đàn ông mặc đồ xám cắt ngang. “Một người nào đó cần kể lại những câu chuyện ấy. Khi những trận quyết đấu xảy ra với người chiến thắng và kẻ bại trận, khi những tên cướp biển tìm thấy kho báu, và khi những con rồng nhấm nháp kẻ thù vào bữa sáng với một tách trà Chánh san tiểu chủng khéo pha, ai đó cần kể lại phần của họ trong chuỗi chuyện đan cài vào nhau ấy. Có pháp thuật ở trong đó. Pháp thuật ở trong người nghe, và đối với mỗi người pháp thuật hiện hữu theo một cách riêng, tác động tới họ theo những cách mà họ chẳng bao giờ có thể đoán trước được. Từ những thứ quá đỗi nhỏ nhặt tới những điều thật sự lớn lao. Cậu có thể kể một câu chuyện mà câu chuyện ấy sẽ làm tổ trong tâm hồn ai đó, trở

thành máu thịt, thành bản ngã và thành mục đích của họ. Câu chuyện ấy sẽ thôi thúc họ, và ai mà biết được họ có thể làm nên những gì từ đó, từ những câu chữ của cậu. Đó là vai trò, là tài năng của cậu. Em gái cậu có thể nhìn thấy tương lai, nhưng cậu, chính cậu có thể định hình tương lai, chàng trai ạ. Đừng quên điều đó.” Ông nhấp thêm ngụm rượu nữa. “Suy cho cùng, có nhiều loại pháp thuật mà.”

Widget ngừng lại, ngẫm ngợi sự thay đổi trong cách người đàn ông mặc đồ xám nhìn cậu. Cậu tự hỏi không biết những lời to tát vừa dứt về những câu chuyện không còn như xưa, tất cả những lời ấy có phải chỉ cốt để phô diễn điều gì đó chính ông cũng không thực sự tin.

Nếu lúc trước sự quan tâm chỉ ở mức lãnh đạm nhàn nhạt, thì lúc này người đàn ông nhìn Widget như một đứa trẻ nhìn món đồ chơi mới, hoặc như cách con sói ngắm nghía một miếng mồi đặc biệt thú vị, dù có quàng khăn đỏ hay không.

“Ông đang cố làm tôi phân tâm,” Widget nói.

Người đàn ông mặc đồ xám chỉ nhấp rượu, quan sát Widget qua miệng ly.

“Vậy trận đấu đã kết thúc rồi chứ?” Widget hỏi. “Đúng và sai.” Ông đặt ly xuống trước khi nói tiếp.

“Về mặt lý thuyết, nó đã rơi vào một lỗ hổng không được tính trước. Trận đấu không kết thúc một cách đúng nghĩa.”

“Vậy còn rạp xiếc?”

“Ta đồn rằng đây là lý do vì sao cậu muốn nói chuyện với ta?”

Widget gật đầu. “Bailey đã nhận vị trí của cậu ấy từ những đấu thủ của ông. Em gái tôi đã thu xếp xong công chuyện với Chandresh. Trên giấy tờ và theo nguyên tắc, chúng tôi sở hữu và vận hành rạp xiếc. Tôi tự nguyện đảm trách phần còn lại của quá trình chuyển giao.”

“Ta không thích những cái kết nửa vời, nhưng ta e là chuyện không đơn giản như thế đâu.”

“Tôi cũng không có ý nói nó đơn giản,” Widget nói. Trong khoảng lặng sau đó, có tiếng cười phá lên cách đó vài bàn, khuấy động bầu không khí trước khi lắng lại, và biến mất trong âm thanh trầm đều của những cuộc đối thoại và tiếng ly chạm vào nhau.

“Cậu không biết mình đang dẫn thân vào cái gì đâu, chàng trai,” người đàn ông mặc đồ xám khẽ nói. “Một kế hoạch mong manh nhường nào. Kết quả bất định biết bao. Bailey của các cậu sẽ là gì nếu cậu ta không quá ư mê mẩn cái rạp xiếc ấy? Chẳng là gì ngoài một *kẻ mộng mơ*, mong chờ một thứ mà cậu ta thậm chí còn chẳng hiểu gì.”

“Tôi không nghĩ là một *kẻ mộng mơ* thì có gì sai.”

“Không có gì sai. Nhưng những giấc mơ có thể trở thành ác mộng. Ta ngờ rằng Monsieur Lefèvre biết gì đó về việc này. Tốt hơn hết cậu nên buông bỏ để toàn bộ những phiêu lưu này nhạt dần vào huyền thoại và quên lãng. Mọi đế chế đều sụp đổ. Qui luật của vạn vật là như vậy. Có lẽ đã đến lúc buông bỏ.”

“Có lẽ tôi không sẵn lòng làm chuyện đó đâu,” Widget nói.

“Cậu còn trẻ lắm.”

“Dù thực tế Bailey, em gái tôi và chính tôi đều khá là, như ông nói, trẻ, nhưng tôi dám đánh cược rằng nếu cộng tuổi tất cả những người đứng về phía tôi trong định đề này, thì tổng số có thể vượt quá tuổi của ông đấy.”

“Có thể.”

“Không biết chính xác luật chơi của ông là gì, nhưng tôi ngờ rằng ông nợ chúng tôi một món tương ứng, nếu tất cả chúng tôi gặp nguy hiểm bởi sự đánh cược của ông.”

Người đàn ông mặc đồ xám thở dài. Ông liếc rất nhanh về phía cửa sổ nhưng chẳng thấy bóng dáng Hector Bowen ở đâu.

Nếu Prospero Người Mê Hoặc có ý kiến gì về vấn đề này, thì ông ấy đã lựa chọn không lên tiếng.

“Ta nghĩ đó là một lập luận có giá trị,” người đàn ông mặc đồ xám nói sau một hồi cân nhắc. “Nhưng ta chẳng nợ cậu gì cả, chàng trai.”

“Vậy sao ông lại ở đây?” Widget hỏi.

Người đàn ông mỉm cười nhưng không nói gì. Widget tiếp tục:

“Tôi đang đàm phán về một thứ, rất thiết yếu, là một đấu trường đã qua sử dụng. Không còn ích gì với ông nhưng lại vô cùng quan trọng với tôi. Tôi sẽ không lùi bước đâu. Ông ra giá đi.”

Nụ cười của người đàn ông mặc đồ xám bùng lên trông thấy.

“Ta muốn một câu chuyện,” ông nói. “Một câu chuyện ư?”

“Ta muốn câu chuyện này. Câu chuyện của cậu. Câu chuyện đã đưa chúng ta tới nơi này, ngồi trên những chiếc ghế này, cùng uống chai rượu này. Ta không muốn một câu chuyện cậu sáng tạo từ đây” - ông dùng ngón tay gõ vào thái dương - “ta muốn một câu chuyện ở đây.” Ông đặt tay lên trái tim mình một lát trước khi ngồi lại xuống ghế.

Widget cân nhắc lời đề nghị.

“Và nếu tôi kể cho ông nghe câu chuyện này, ông sẽ cho tôi rạp xiếc chứ?” cậu hỏi.

“Ta sẽ trao lại cho cậu chút ít còn lại mà ta có để cho đi. Khi chúng ta rời chiếc bàn này ta sẽ không có quyền gì đối với rạp xiếc của cậu, không còn bất cứ quan hệ gì với nó nữa. Khi chai rượu kia cạn, một cuộc đấu được khơi mào từ trước cả khi cậu ra đời sẽ chấm dứt, được chính thức tuyên bố kết thúc không có người thắng kẻ thua. Thế là đủ. Chúng ta thỏa thuận như vậy chứ, cậu Murray?”

“Chúng ta thỏa thuận thế,” Widget nói.

Người đàn ông mặc đồ xám rót nốt chỗ rượu. Ánh nến bắt vào và khúc xạ trong chai rượu cạn khi ông đặt nó lên trên bàn.

Widget lắc cho rượu trong ly xoay tròn. *Rượu là chất thơ đóng ở trong chai*, cậu nghĩ. Đó là nhận định mà cậu lần đầu nghe thấy từ Herr Thiessen, nhưng cậu biết chính ra là lời của một tác gia khác, dù lúc này cậu không thể nhớ chính xác là ai.

Có quá nhiều nơi để bắt đầu. Quá nhiều yếu tố để cân nhắc.

Cậu tự hỏi liệu chất thơ của rạp xiếc có thể nào đóng lại thành chai được hay không.

Widget nhấp một ngụm rượu và đặt ly xuống bàn. Cậu ngồi tựa vào ghế và từ từ đáp lại ánh nhìn đang chĩa vào mình. Tận hưởng thời gian như thể cậu có tất cả thời gian của thế giới này, vũ trụ này, từ thừa những câu chuyện mang nhiều ý vị hơn chúng của ngày hôm nay, nhưng có lẽ sẽ ít hơn chúng của một ngày nào đó. Cậu hít một hơi khiến những nút thắt từ ngữ rời nùi trong lòng chợt lỏng ra, và thật tự nhiên, từng từ lần lượt tuôn ra từ môi cậu.

“Đoàn xiếc xuất hiện chẳng hề báo trước.”

NHỮNG GIẤC MƠ ĐẸP

Rất ít người lang thang trong Le Cirque des Rêves cùng bạn trong những thời khắc trước bình minh này. Vài người quàng những chiếc khăn màu đỏ đặc biệt sống động trên nền đen và trắng.

Bạn không có nhiều thời gian trước khi mặt trời dứt khoát sẽ nhô lên. Bạn đứng trước những lựa chọn khó khăn, làm thế nào lấp đầy những phút còn lại của một đêm. Có nên đi thăm thêm một căn lều nữa trước khi ra về? Căn lều mà bạn đã vào và đặc biệt thích thú, hay một căn lều chưa được khám phá và vẫn còn là điều bí ẩn? Hay nên cố tìm lấy một quả táo phủ caramel trước bữa sáng? Buổi đêm tưởng như kéo dài vô tận giờ đang trượt dần khỏi tay bạn, tích tắc trôi qua khi nó lùi vào quá khứ và đẩy bạn về phía tương lai.

Bạn dành những khoảnh khắc cuối cùng của mình ở rạp theo đúng cách bạn muốn, bởi đây là thời gian của bạn và chỉ của bạn mà thôi. Nhưng chẳng nấn ná lâu được, đã đến lúc Le Cirque des Rêves hạ màn, ít nhất là cho lúc này.

Đường ống dây sao đã được dời đi, giờ chỉ còn tấm rèm ngăn cách khuôn viên với lối vào.

Bạn ngần ngại trước khi bước ra, ngừng lại ngắm nốt chiếc đồng hồ lộng lẫy nhảy múa khi nó tích tắc từng giây, những bộ phận chuyển động êm ru. Bạn có thể nhìn chiếc đồng hồ gần hơn lúc bạn bước vào, vì chẳng còn đám đông nào che khuất nữa cả.

Phía dưới đồng hồ, có một tấm biển bằng bạc khiêm nhường. Bạn phải cúi xuống để nhìn cho rõ dòng chữ khắc trên miếng kim loại sáng bóng:

TƯỞNG NHỚ

Chạy dọc phía trên, cùng với những cái tên và ngày tháng phía dưới với cỡ chữ nhỏ hơn.

FRIEDRICK STEFAN THIESSEN

Mùng Chín tháng Chín, 1846 - Mùng Một tháng Mười một, 1901

Và CHANDRESH CHRISTOPHE LEFÈVRE

Mùng Ba tháng Tám, 1847 - Mười lăm tháng Hai, 1932

Có ai đó đang nhìn khi bạn đọc tấm bảng tưởng niệm. Bạn cảm nhận được ánh mắt của họ trên người mình trước khi nhận ra cái nhìn ấy từ đâu mà đến. Quầy bán vé vẫn còn người. Người phụ nữ ngồi bên trong đang nhìn ra, và mỉm cười với bạn. Bạn không thực sự biết chắc phải làm gì. Cô ấy vẫy bạn, một cái vẫy khê thôi nhưng thân thiện như thể trấn an bạn rằng mọi việc đều ổn. Rằng khán giả thường dừng lại trước khi rời Les Cirque des Rêves, chăm chú ngắm chiếc đồng hồ kì quan đứng gần cổng. Rằng một vài người thậm chí đã đọc dòng tưởng niệm dành cho hai người đàn ông qua đời từ nhiều năm về trước. Rằng bạn đang đứng ở vị trí mà nhiều người trước đó từng đứng, dưới những vì sao đang nhạt dần và ánh đèn lấp lánh.

Người phụ nữ vẫy bạn tới quầy bán vé. Trong lúc bạn bước lại, cô đảo qua đồng giấy tờ và vé vào cửa. Dăm chiếc lông vũ màu bạc và đen điểm trên mái tóc, phát phơ quanh đầu mỗi khi cô cử động. Cô tìm thấy thứ đang tìm, đưa nó cho bạn, và bạn nhận lấy tấm danh thiếp từ bàn tay cô đang đeo găng đen. Danh thiếp một mặt màu đen, một mặt màu trắng.

Le Cirque des Rêves được in bằng chữ màu bạc óng ánh trên mặt màu đen. Ở mặt kia, mực đen nền trắng, có dòng chữ:

Ô. Bailey Alden Clarke, Chủ rạp xiếc bailey@rapxiectdem.com

Bạn xoay tấm danh thiếp trong tay, tự hỏi mình có thể viết gì cho ông Clarke. Có lẽ bạn sẽ cảm ơn ông ấy vì rạp xiếc rất đổi đặc biệt này, và có lẽ thế là đủ.

Bạn cảm ơn người phụ nữ vì tấm danh thiếp, cô ấy chỉ mỉm cười đáp lại.

Bạn bước về phía những cánh cổng, đọc lại tấm danh thiếp trong tay. Trước khi bước qua cổng lớn mở ra cánh đồng phía trước, bạn quay lại nhìn quây bán vé, nhưng quây trống không, một tấm lưới đen phủ trùm xuống nó.

Bạn cẩn thận cất tấm danh thiếp vào túi.

Bước chân qua cánh cổng đưa bạn từ mặt đất sơn vẽ sang bãi cỏ trơn, bước chân ấy sao mà nặng nề.

Bạn nghĩ, khi bước ra khỏi Le Cirque des Rêves và đi vào ánh bình minh đang dần ló rạng, rằng bạn đã cảm thấy tỉnh táo hơn khi ở bên trong rạp xiếc.

Bạn không còn dám chắc phía bên nào của hàng rào mới là giấc mơ.

• Chú thích •

^[1] Tiếng Pháp theo nguyên bản, nghĩa là “Rạp xiếc của những giấc mơ.” (Tất cả chú thích trong sách là của người dịch.)

^[2] Prospero là tên nhân vật chính trong vở kịch *The Tempest (Cơn bão)* của thi hào Anh William Shakespeare (1564 - 1616). Tác phẩm được viết khoảng năm 1611, được cho là vở cuối cùng của Shakespeare. Bối cảnh vở kịch là một hòn đảo, nơi Prospero sống cùng với cô con gái Miranda. Vốn là Công tước Milan, nhưng bị em trai Antonio chiếm mất tước vị đó, Prospero dùng năng lực phép thuật của mình tạo ra một cơn bão đánh đắm tàu của Antonio, khiến Antonio và những người khác trôi dạt lên đảo. Sau đó với sự giúp đỡ của Ariel, một sinh vật huyền bí có phép thuật, Prospero đã giành lại được địa vị công tước.

^[3] Tiếng Pháp theo nguyên bản, nghĩa là “tiệm bánh.”

^[4] Tiếng Pháp theo nguyên bản, nghĩa là “ảo thuật gia.”

^[5] Bộ bài tarot thường gồm bảy mươi tám lá, mỗi lá mang một tên gọi, hình vẽ và ý nghĩa riêng. Nhiều ý kiến cho rằng bài tarot bắt nguồn từ châu Âu vào giữa thế kỷ XV, sau đó thường được những người nghiên cứu huyền học sử dụng để tiên đoán tương lai.

^[6] Tiếng Pháp theo nguyên bản, nghĩa là “ông,” “ngài.”

^[7] Tên một trò chơi của thiếu nhi phương Tây, thường có ít nhất ba người tham gia. Người bắt đầu trò chơi sẽ hô “Nói thật hay làm liều?” những người chơi khác từ đó lựa chọn “nói thật,” tức là sẽ trả lời thành thật một câu hỏi (thường rất cắc cớ), hoặc “làm liều,” tức là hoàn thành một yêu cầu khó.

^[8] Tiếng Pháp theo nguyên bản, nghĩa là “thời thượng,” “hợp thời trang.”

^[9] Tiếng Pháp theo nguyên bản, nghĩa là “ngôi nhà.”

^[10] Tiếng Pháp theo nguyên bản, viết tắt của từ “madame,” nghĩa là “quý bà.”

^[11] Tiếng Pháp theo nguyên bản, nghĩa là “cô,” “bác gái.”

^[12] Tiếng Đức theo nguyên bản, nghĩa là “ông,” “ngài.”

^[13] Tiếng Đức theo nguyên bản, nghĩa là “kiệt tác.”

^[14] Tiếng Đức theo nguyên bản, nghĩa là “giấc mơ.”

^[15] Tiếng Pháp theo nguyên bản, nghĩa là “ngôi nhà của Chúa.”

^[16] Thành phố Cambridge thuộc bang Massachusetts, Mỹ.

^[17] Radcliffe và Harvard là hai trong số những trường đại học hàng đầu tại Mỹ.

^[18] Nguyên văn tiếng Anh: “The Hanged Man,” nghĩa là “người bị treo,” cũng là tên một lá trong bộ bài tarot.

^[19] Tiếng Đức theo nguyên bản, nghĩa là “rượu nho đá,” một loại rượu rất đậm đà, cất từ những chùm nho mọng đóng băng trong sương giá khi còn ở trên giàn vào mùa đông.

^[20] Điều sư (sinh vật đầu đại bàng, mình sư tử) và cừu vĩ hồ (cáo chín đuôi) là các con vật trong thần thoại, ở đây xuất hiện trên Vòng Đu Quay cho người ngồi lên.

^[21] Tiếng Pháp theo nguyên bản, nghĩa là “công lý,” đây là một lá trong bộ bài tarot.

^[22] Nguyên bản dùng tiếng Pháp là “rêveurs.”

^[23] Một thành phố ở Đức, nằm bên bờ sông Elbe, có lịch sử và truyền thống lâu đời, được mệnh danh là “chiếc hộp đá quý” bởi có những công trình kiến trúc tuyệt đẹp ở trung tâm thành phố.

^[24] Tiếng Pháp theo nguyên bản, nghĩa là “kiếm sĩ phi ngựa.”

^[25] Ga tàu trung tâm của London, hoạt động từ năm 1868, nổi tiếng với kiến trúc thời Nữ hoàng Victoria. Khách sạn Midland Grand được nhắc tới này còn có tên là khách sạn St. Pancras Midland Grand, một trong những khách sạn đẹp và cổ nhất thế giới.

^[26] Nguyên bản tiếng Anh là “movement,” nghĩa là chuyển động, cũng có nghĩa là phần lõi máy của đồng hồ.

^[27] Tiếng Pháp theo nguyên bản, có nghĩa là “đầu kê đầu,” ý chỉ cuộc nói chuyện riêng giữa hai người.

^[28] Đế chế Ottoman (1299-1923), còn được gọi là Đế chế Thổ, từng là một đế chế xuyên lục địa hùng mạnh được dựng nên bởi các bộ tộc người Thổ.

^[29] Koi là loại cá chép Nhật nuôi để làm cảnh. Ao cá koi ngoài để nuôi cá, còn có tác dụng trang trí cảnh quan và tốt cho sức khỏe.

^[30] Quái thú nửa người nửa bò trong thần thoại Hy Lạp. Câu chuyện bắt đầu khi Minos (con trai của thần Zeus và nàng Europa) muốn làm vua xứ Crete nên đã cầu xin thần biển Poseidon ban cho mình địa vị. Poseidon đồng ý với điều kiện Minos phải dâng một con bò trắng đẹp tuyệt trần để chứng tỏ lòng thành của mình. Nhưng sau khi nhìn thấy con bò, Minos đã mê mẩn trước vẻ đẹp của nó. Để giữ lại sinh vật quý hiếm này, Minos đem một con bò giả để thay thế. Tức giận,

^[31] Một lá bài trong bộ bài Tarot, có nghĩa là “cân trọng,” “tiết chế,” mang hình ảnh của một thiên thần với đôi cánh trên lưng. Thiên thần này là một vị thần lưỡng tính (con của Thần Hermes và Thần Aphrodite), tượng trưng cho sự cân bằng giữa các giới tính.

^[32] Nguyên bản dùng tiếng Hán, phiên âm Hán Việt là “nguyệt tử,” nghĩa là “con của mặt trăng,” cũng chính là “Tsukiko” trong tiếng Nhật.

^[33] Ở đây, Celia chơi chữ với tên của hai con quạ: “Huginn” và “Muninn” trong tiếng Na Uy cổ lần lượt có nghĩa là “Suy nghĩ” và “Hồi ức.” Trong thần thoại Na Uy, Huginn và Muninn là hai con quạ bay khắp xứ Midgard

(thế giới của các vị thần) để đem tin tức về cho Thần Odin (vị thần tối cao trong thần thoại Bắc Âu).

^[34] Một đoạn thoại trích dẫn từ tác phẩm *Hamlet* của đại thi hào Shakespeare. Horatio trong tác phẩm được nhắc đến là bạn của nhân vật chính, hoàng tử Hamlet.

^[35] Nguyên văn tiếng Anh là “As You Like It”, một vở kịch của Shakespeare.

Table of Contents

DỰ CẢM

Phần I: KHỞI NGUYÊN

LÁ THỦ KHÔNG ĐỢI MÀ ĐẾN

QUÝ ÔNG ĐÁNH CƯỢC

NHỮNG GAM XÁM

BÀI HỌC PHÉP THUẬT

LE BATELEUR[4]

NGÓN LỬA

NHẮM TRÚNG MỤC TIÊU

BÓNG TỐI VÀ NHỮNG VÌ SAO

NÓI THẬT HAY LÀM LIỀU?[7]

TRỢ THỦ VÀ CHỦ MƯU

LỜI CHIA BUỒN

HÌNH XĂM CỦA NGHỆ SĨ UỐN DẪO

THUẬT TẠO TÁC ĐỒNG HỒ

MÀN RA MẮT

MƯU TOAN

LỬA VÀ ÁNH SÁNG

CẮT GIẤU

Phần II: ÁNH SÁNG

ĐÊM MỞ MÀN I: THẬP LỬA

ĐÊM MỞ MÀN II: BÙNG CHÁY

ĐÊM MỞ MÀN III: KHÓI VÀ GƯƠNG

NGƯỜI TREO NGƯỢC[18]

GIẢI MỘNG

LUẬT CHƠI

NÉM TRÁI

BẢO MẪU

MONG ƯỚC VÀ KHÁT VỌNG

BẦU KHÔNG KHÍ
NHỮNG KẼ MỘNG MƠ[22]
CỘNG TÁC
TÍCH TẮC TÍCH TẮC
CHIẾC Ô CỦA ẢO THUẬT GIA
PHẢN CHIẾU VÀ BỀ CONG
THẤU THỊ
PHÁP SƯ Ở TRONG CÂY
NHỮNG CHỖN TẠM THỜI
CHUYỂN ĐỘNG[26]
YÊU THƯƠNG TƯỢNG NHỚ TARA BURGESS
MÊ HỒN TRẬN
THUẬT NHÌN MÈO ĐOÁN MỆNH
TÊTE-À-TÊTE[27]

Phần III: GIAO CẮT

ĐÔI TÌNH NHÂN
MƯỜI BA
CHUYỆN KỂ TRƯỚC GIỜ ĐI NGỦ
TÀNG THƯ
BA TÁCH TRÀ VỚI LAINIE BURGESS
BIỂN DẬY SÓNG
LỜI THỈNH CẦU
LỜI MỜI
GIAO CẮT I: THẢ RƠI CHIẾC MŨ
THỜI KHẮC TẮM TỐI NHẤT TRƯỚC HỪNG ĐÔNG
GIAO CẮT II: CƠN CUỒNG NỘ ĐỎ THẮM VÀ SỐ PHẬN MÀU
LỬA
HỒ NƯỚC MẮT
TẠM BIỆT
HỒI TƯỢNG
NỖI ĐAU TRÁNG LỆ

Phần IV: BÉN LỬA

NHỮNG LỖ HỔNG

ĐÙA VỚI LỬA

目子[32]

TRỐN CHẠY

MẮC KẸT

NHỮNG CHUYẾN VIẾNG THĂM

DUYÊN DÁNG NHƯNG CHẾT NGƯỜI

TIÊN TRI

THEO ĐUỔI

NHỮNG BÓNG MA XƯA

HỆ LỤY

BÉN LỬA

BIẾN ĐỔI

TẠM NGỪNG

LẦN THỨ HAI VẠC LỬA BỪNG CHÁY

Phần V: TIÊN ĐOÁN

NHÌN THẤU SỐ PHẬN

NHỮNG BẢN THIẾT KẾ

NHỮNG CÂU CHUYỆN

NHỮNG GIẤC MƠ ĐẸP